



# Máy in CS963

---

## Hướng dẫn sử dụng

June 2024

[www.lexmark.com](http://www.lexmark.com)

---

Loại máy:

5066

Model:

680

# Nội dung

<b>Thông tin an toàn.....</b>	<b>5</b>
Quy ước.....	5
Tuyên bố về sản phẩm.....	5
<b>Tìm hiểu về máy in.....</b>	<b>8</b>
Tìm thông tin về máy in.....	8
Tìm số sê-ri của máy in.....	9
Cấu hình máy in.....	9
Sử dụng bảng điều khiển.....	12
Biểu tượng trên màn hình chính.....	12
Màu đèn báo.....	13
Định vị khe bảo mật.....	13
Chọn giấy.....	14
Các tính năng và hỗ trợ máy in bổ sung.....	55
<b>Thiết lập, cài đặt, và thiết lập cấu hình.....</b>	<b>57</b>
Chọn vị trí cho máy in.....	57
Các cổng máy in.....	58
Thiết lập cấu hình ứng dụng và giải pháp.....	59
Thiết lập và sử dụng các tính năng trợ năng.....	61
Nạp giấy và giấy chuyên dụng.....	67
Cài đặt và cập nhật phần mềm, trình điều khiển và phần mềm cơ sở.....	81
Cài đặt tùy chọn phần cứng.....	85
Kết nối mạng.....	229
<b>Bảo vệ máy in.....</b>	<b>233</b>
Xóa bộ nhớ máy in.....	233
Xóa ổ lưu trữ máy in.....	233
Khôi phục cài đặt mặc định gốc.....	233
Báo cáo biến động.....	233
<b>In.....</b>	<b>235</b>
In từ máy tính.....	235
In từ thiết bị di động.....	235
In từ ổ flash.....	236

Đặt cấu hình lệnh in bảo mật.....	237
In các lệnh bí mật và lệnh tạm dừng khác.....	238
In danh sách mẫu phong chữ.....	239
In danh sách thư mục.....	239
Đặt trang phân cách trong lệnh in.....	239
Hủy lệnh in.....	239
Điều chỉnh độ tối của mực.....	239
<b>Menu máy in.....</b>	<b>240</b>
Sơ đồ menu.....	240
Thiết bị.....	241
In.....	253
Giấy.....	262
Ổ USB.....	264
Mạng/cổng.....	266
Bảo mật.....	279
Dịch vụ đám mây.....	285
Báo cáo.....	285
Khắc phục sự cố.....	286
Hợp nhất biểu mẫu.....	286
In Trang cài đặt menu.....	287
<b>Tùy chọn bộ hoàn thiện máy in.....</b>	<b>288</b>
Sử dụng bộ hoàn thiện dập ghim.....	288
Sử dụng bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ.....	288
Sử dụng ngăn xếp offset.....	289
Sử dụng bộ hoàn thiện tập sách.....	290
Sử dụng tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy.....	291
<b>Bảo trì máy in.....</b>	<b>292</b>
Kiểm tra trạng thái của các bộ phận và vật tư.....	292
Đặt cấu hình thông báo vật tư.....	292
Thiết lập cảnh báo email.....	292
Tạo báo cáo và nhật ký.....	293
Đặt mua các bộ phận và vật tư.....	293
Thay thế các bộ phận và vật tư.....	296
Vệ sinh các bộ phận của máy in.....	341

---

Tiết kiệm năng lượng và giấy.....	346
Di chuyển máy in đến vị trí khác.....	347
<b>Khắc phục sự cố.....</b>	<b>348</b>
Sự cố chất lượng in.....	348
Mã lỗi máy in.....	349
Sự cố in.....	360
Máy in không phản hồi.....	374
Không thể đọc ổ flash.....	375
Bật cổng USB.....	375
Xử lý kẹt giấy.....	375
Sự cố kết nối mạng.....	422
Sự cố tùy chọn phần cứng.....	423
Vấn đề về vật tư.....	424
Sự cố nạp giấy.....	426
Sự cố chất lượng màu.....	427
Liên hệ bộ phận hỗ trợ khách hàng.....	429
<b>Tái chế và thải bỏ.....</b>	<b>430</b>
Tái chế sản phẩm Lexmark.....	430
Tái chế bao bì của Lexmark.....	430
<b>Thông báo.....</b>	<b>431</b>
<b>Ký hiệu.....</b>	<b>438</b>

# Thông tin an toàn

## Quy ước






**Lưu ý:** *Lưu ý* xác định các thông tin hữu ích dành bạn.

**Cảnh báo:** *Cảnh báo* xác định tác nhân có thể làm hỏng phần cứng hoặc phần mềm của sản phẩm.







**CẢNH BÁO (viết hoa toàn bộ):** *CẢNH BÁO* chỉ báo nguy cơ tử vong hoặc thương tích nghiêm trọng nếu không phòng tránh.










**CHÚ Ý:** *Chú ý* chỉ báo một tình huống nguy hiểm tiềm ẩn có thể gây thương tích cho bạn.




Các loại thông báo chú ý khác nhau bao gồm:

-  **CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG:** Cho biết rủi ro bị thương.
-  **CHÚ Ý—NGUY CƠ GIẬT ĐIỆN:** Cho biết rủi ro điện giật.
-  **CHÚ Ý—BỀ MẶT NÓNG:** Cho biết rủi ro bị bỏng nếu chạm vào.
-  **CHÚ Ý—NGUY CƠ LẬT ĐỔ:** Chỉ báo nguy cơ bị nghiền.
-  **CHÚ Ý—NGUY CƠ Kẹt:** Cho biết rủi ro bị kẹt giữa các bộ phận chuyển động.

## Tuyên bố về sản phẩm

-  **CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG:** Để tránh rủi ro hỏa hoạn hoặc điện giật, hãy nối dây nguồn với ổ cắm điện có công suất định mức phù hợp, được nối đất đúng cách, gần với sản phẩm và dễ tiếp cận.
-  **CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG:** Để tránh rủi ro hỏa hoạn hoặc điện giật, chỉ sử dụng dây điện được cung cấp cùng với sản phẩm này hoặc phụ kiện thay thế được ủy quyền của nhà sản xuất.
-  **CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG:** Không sử dụng sản phẩm này với dây nối dài, ổ cắm điện nhiều lỗ, bộ mở rộng nhiều ổ cắm, hoặc thiết bị UPS. Công suất nguồn của các loại phụ kiện này có thể dễ dàng bị máy in laser làm quá tải và có thể dẫn đến rủi ro hỏa hoạn, thiệt hại tài sản, hoặc hiệu suất máy in kém.
-  **CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG:** Chỉ có thể sử dụng Bộ chống sốc điện nội tuyến của Lexmark được kết nối chuẩn xác giữa máy in và dây nguồn được cung cấp kèm theo máy in với sản phẩm này. Sử dụng thiết bị chống sốc điện không phải của Lexmark có thể dẫn đến rủi ro hỏa hoạn, hư hỏng tài sản, hoặc hiệu suất máy in kém.
-  **CHÚ Ý—NGUY CƠ GIẬT ĐIỆN:** Để tránh rủi ro điện giật, không đặt hoặc sử dụng sản phẩm này gần nước hoặc vị trí ẩm ướt.
-  **CHÚ Ý—NGUY CƠ GIẬT ĐIỆN:** Để tránh rủi ro điện giật, không thiết lập sản phẩm này hoặc nối điện hay cáp, chẳng hạn như dây nguồn, tính năng fax hoặc điện thoại, trong khi có bão sét.

-  **CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG:** Không cắt, cuộn, buộc, nhét hoặc đặt các vật nặng lên dây nguồn. Không để dây nguồn bị mòn hoặc kéo căng. Không kẹp chặt dây nguồn giữa các đồ vật như bàn ghế và tường. Nếu bất kỳ điều nào trong số này xảy ra, sẽ có rủi ro hỏa hoạn hoặc điện giật. Kiểm tra dây nguồn thường xuyên xem có dấu hiệu sự cố như vậy không. Rút dây nguồn ra khỏi ổ cắm điện trước khi kiểm tra.
-  **CHÚ Ý—NGUY CƠ GIẬT ĐIỆN:** Để tránh rủi ro điện giật, hãy đảm bảo tất cả kết nối bên ngoài (chẳng hạn như hệ thống Ethernet và điện thoại) được lắp đặt đúng cách vào cổng cắm đã đánh dấu.
-  **CHÚ Ý—NGUY CƠ GIẬT ĐIỆN:** Để tránh rủi ro điện giật, nếu bạn tiếp cận bảng mạch điều khiển hoặc lắp đặt phần cứng hoặc thiết bị bộ nhớ tùy chọn sau khi cài đặt máy in, thì hãy tắt máy in, và rút dây nguồn khỏi ổ cắm điện trước khi tiếp tục. Nếu có thiết bị khác gắn liền với máy in thì hãy tắt chúng, và rút mọi dây cáp kết nối với máy in.
-  **CHÚ Ý—NGUY CƠ GIẬT ĐIỆN:** Để tránh rủi ro điện giật khi vệ sinh bên ngoài máy in, hãy rút dây nguồn khỏi ổ cắm điện và rút toàn bộ cáp khỏi máy in trước khi tiến hành.
-  **CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG:** Nếu máy in nặng hơn 20 kg (44 lb), có thể sẽ cần có 2 người trở lên để nâng máy in lên một cách an toàn.
-  **CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG:** Khi di chuyển máy in, hãy làm theo các hướng dẫn sau đây để tránh thương tích cá nhân hoặc hư hỏng máy in:
- Đảm bảo tất cả các cửa và khay đã được đóng.
  - Tắt máy in, và sau đó rút dây nguồn khỏi ổ cắm điện.
  - Ngắt kết nối tất cả dây điện và cáp ra khỏi máy in.
  - Nếu máy in có các khay tùy chọn đặt sàn riêng biệt hoặc tùy chọn đầu ra kèm theo máy, hãy tháo chúng ra trước khi di chuyển máy in.
  - Nếu máy in có đế bánh xe, hãy cẩn thận di chuyển máy đến vị trí mới. Hãy cẩn trọng khi di chuyển qua các bậc cửa và các khe nứt trên nền nhà.
  - Nếu máy in không có đế bánh xe nhưng được thiết đặt bằng các khay tùy chọn hoặc tùy chọn đầu ra, hãy tháo các tùy chọn đầu ra và nhấc máy in ra khỏi khay. Không cố gắng nâng máy in và các tùy chọn bất kỳ cùng lúc.
  - Luôn sử dụng tay cầm trên máy in để nâng máy in lên.
  - Xe đẩy dùng để di chuyển máy in phải có bề mặt đỡ được toàn bộ khung máy in.
  - Các xe đẩy dùng để di chuyển các tùy chọn phần cứng đều phải có bề mặt có thể hỗ trợ kích thước của các tùy chọn.
  - Giữ máy in ở vị trí thẳng đứng.
  - Tránh va chạm mạnh.
  - Đảm bảo không để tay bên dưới máy in khi đặt máy xuống.
  - Đảm bảo có đủ khoảng trống xung quanh máy in.
-  **CHÚ Ý—NGUY CƠ LẬT ĐỔ:** Lắp đặt một hoặc nhiều tùy chọn trên máy in hoặc MFP có thể cần có đế bánh xe, đồ đạc hoặc tính năng khác để tránh tình trạng mất ổn định gây ra thương tích. Để biết thêm thông tin về cấu hình được hỗ trợ, vui lòng xem [www.lexmark.com/multifunctionprinters](http://www.lexmark.com/multifunctionprinters).
-  **CHÚ Ý—NGUY CƠ LẬT ĐỔ:** Để giảm nguy cơ mất ổn định của thiết bị, hãy nạp riêng từng khay. Đóng tất cả các khay khác cho đến khi cần.
-  **CHÚ Ý—BỀ MẶT NÓNG:** Bên trong máy in có thể nóng. Để giảm rủi ro chấn thương do bộ phận máy bị nóng, hãy để cho bề mặt nguội xuống trước khi chạm vào.

-  **CHÚ Ý—NGUY CƠ KẸP:** Để tránh rủi ro chấn thương do bị kẹp, hãy thận trọng ở những khu vực được đánh dấu bằng nhãn này. Chấn thương do bị kẹp có thể xảy ra xung quanh các bộ phận chuyển động như bánh răng, cửa, khay và nắp.
-  **CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG:** Sản phẩm này sử dụng laze. Việc sử dụng các nút điều khiển hoặc điều chỉnh hoặc thực hiện quy trình khác với quy định trong *Hướng dẫn sử dụng* có thể dẫn đến phơi nhiễm bức xạ nguy hiểm.
-  **CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG:** Không được thay thế pin lithium trong sản phẩm này. Có nguy cơ phát nổ nếu thay pin lithium không đúng cách. Không được sạc lại, tháo rời hoặc đốt pin lithium. Thải bỏ pin lithium đã qua sử dụng theo hướng dẫn của nhà sản xuất và quy định địa phương.

 **WARNING**

- **NGUY CƠ NUỐT PHẢI:** Sản phẩm này có chứa pin nút hoặc pin đồng xu.
- Việc nuốt phải pin có thể gây ra **TỬ VONG** hoặc thương tích nghiêm trọng.
- Việc nuốt phải pin nút hoặc pin đồng xu có thể gây **Bỏng hóa chất bên trong** chỉ trong vòng **2 giờ**.
- **HÃY ĐỂ** pin mới và pin đã qua sử dụng **XA TẦM VỚI CỦA TRẺ**.
- **Hãy liên hệ ngay với cơ quan y tế** nếu bạn nghi trẻ nuốt phải hoặc nhét pin vào trong bất kỳ bộ phận cơ thể nào.



Tháo và tái chế ngay hoặc vứt bỏ pin đã qua sử dụng phù hợp với quy định tại địa phương, đồng thời để pin xa tầm với của trẻ. Không vứt pin vào thùng rác thải sinh hoạt hoặc đốt pin. Pin đã qua sử dụng cũng có thể gây ra thương tích nghiêm trọng hoặc tử vong. Hãy gọi cho trung tâm kiểm soát chất độc tại địa phương để biết thông tin điều trị.

Loại pin: CR6821

Điện áp danh định của pin: 3V

Không cưỡng chế xả, nạp lại, tháo rời, làm nóng trên 60°C (140°F) hoặc đốt pin. Nếu không, bạn có thể bị thương tích do pin xì hơi, rò rỉ hoặc nổ dẫn đến bỏng hóa chất.


Sản phẩm này được thiết kế, kiểm nghiệm và phê duyệt để đáp ứng các tiêu chuẩn an toàn nghiêm ngặt trên toàn cầu với việc sử dụng các bộ phận của nhà sản xuất cụ thể. Các tính năng an toàn của một số bộ phận có thể không phải lúc nào cũng rõ ràng. Nhà sản xuất không chịu trách nhiệm về việc sử dụng các bộ phận thay thế khác.

Hãy đề cập về dịch vụ hoặc sửa chữa, ngoài những điều được mô tả trong tài liệu người dùng, với người đại diện dịch vụ.

**LƯU NHỮNG HƯỚNG DẪN NÀY.**

# Tìm hiểu về máy in

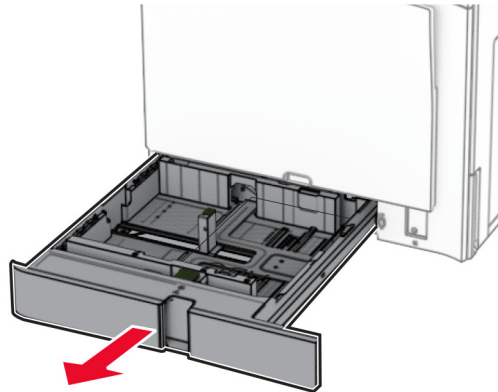
## Tìm thông tin về máy in

Bạn đang tìm thông tin gì?	Hãy tìm ở đây
Hướng dẫn thiết lập ban đầu	Hãy xem tài liệu thiết lập đi kèm với máy in.
<ul style="list-style-type: none"> <li>Phần mềm máy in</li> <li>Trình điều khiển in hoặc fax</li> <li>Phần mềm cơ sở của máy in</li> <li>Tiền ích</li> </ul>	Truy cập <a href="http://www.lexmark.com/downloads">www.lexmark.com/downloads</a> .
Hướng dẫn sử dụng tương tác	Truy cập <a href="https://support.lexmark.com">https://support.lexmark.com</a> .
Video hướng dẫn	Truy cập <a href="https://infoserve.lexmark.com/idv/">https://infoserve.lexmark.com/idv/</a> .
Thông tin trợ giúp về cách sử dụng phần mềm máy in.	<p>Trợ giúp cho hệ điều hành Microsoft Windows hoặc Macintosh – Mở chương trình hoặc ứng dụng phần mềm máy in, sau đó nhấp vào <b>Trợ giúp</b>.</p> <p>Nhấp  để xem thông tin theo ngữ cảnh.</p> <p><b>Lưu ý:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Trợ giúp được tự động cài đặt cùng với phần mềm máy in.</li> <li>Tùy thuộc vào hệ điều hành, phần mềm máy in sẽ nằm trong thư mục chương trình máy in hoặc trên màn hình nền.</li> </ul>
<ul style="list-style-type: none"> <li>Tài liệu</li> <li>Hỗ trợ trò chuyện trực tiếp</li> <li>Hỗ trợ qua email</li> <li>Hỗ trợ bằng giọng nói</li> </ul>	<p>Truy cập <a href="https://support.lexmark.com">https://support.lexmark.com</a>.</p> <p><b>Lưu ý:</b> Chọn quốc gia hoặc khu vực của bạn, sau đó chọn sản phẩm của bạn để xem trang hỗ trợ thích hợp.</p> <p>Thông tin liên hệ hỗ trợ dành cho quốc gia hoặc khu vực của bạn có thể được tìm thấy trên trang web hoặc trên giấy bảo hành đã in đi kèm với máy in.</p> <p>Chuẩn bị sẵn các thông tin sau đây khi bạn liên hệ với bộ phận hỗ trợ khách hàng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Địa điểm và ngày mua hàng</li> <li>Loại máy và số sê-ri</li> </ul> <p>Để biết thêm thông tin, vui lòng xem <a href="#">“Tìm số sê-ri của máy in” trên trang 9</a>.</p>
<ul style="list-style-type: none"> <li>Thông tin an toàn</li> <li>Thông tin về quy định</li> <li>Thông tin bảo hành</li> <li>Thông tin môi trường</li> </ul>	<p>Thông tin bảo hành khác nhau tùy theo quốc gia hoặc khu vực:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li><b>Tại Hoa Kỳ</b> – Vui lòng xem Tuyên bố bảo hành có giới hạn đi kèm với máy in hoặc truy cập <a href="https://support.lexmark.com">https://support.lexmark.com</a>.</li> <li><b>Ở các quốc gia và khu vực khác</b>—Xem bảo hành được in đi kèm với máy in.</li> </ul> <p><i>Hướng dẫn về thông tin sản phẩm</i> – Vui lòng xem tài liệu đi kèm với máy in hoặc truy cập <a href="https://support.lexmark.com">https://support.lexmark.com</a>.</p>
Thông tin về hệ chiếu kỹ thuật số của Lexmark	Truy cập <a href="https://csr.lexmark.com/digital-passport.php">https://csr.lexmark.com/digital-passport.php</a> .

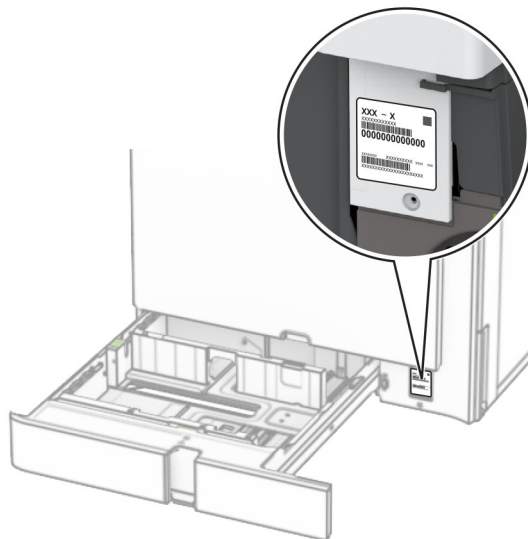


## Tìm số sê-ri của máy in

1 Mở khay.



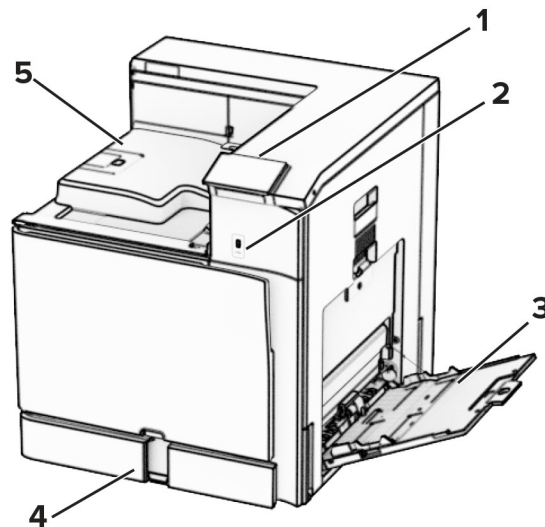
2 Tìm số sê-ri ở bên phải của máy in.



## Cấu hình máy in

Lưu ý: Đảm bảo đặt máy in trên bề mặt phẳng, chắc chắn và ổn định khi đặt cấu hình.

## Model cơ bản

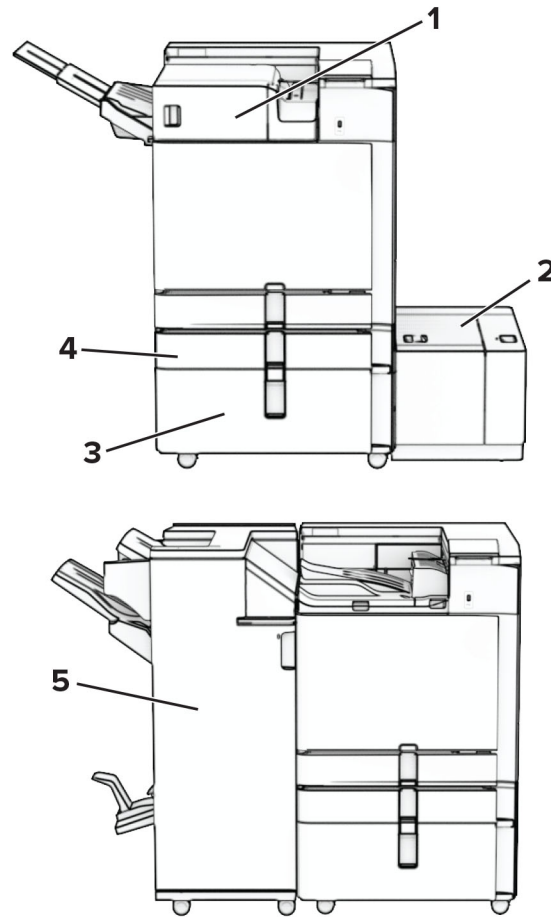


1	Bảng điều khiển
2	cổng USB
3	Khay nạp giấy đa năng
4	Khay 550 tờ tiêu chuẩn
5	Ngăn giấy chuẩn

## Model đã đặt cấu hình

**⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ LẬT ĐỔ:** Lắp đặt một hoặc nhiều tùy chọn trên máy in hoặc MFP có thể cần có đế bánh xe, đồ đạc hoặc tính năng khác để tránh tình trạng mất ổn định gây ra thương tích. Để biết thêm thông tin về cấu hình được hỗ trợ, vui lòng xem [www.lexmark.com/multifunctionprinters](http://www.lexmark.com/multifunctionprinters).

**⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ LẬT ĐỔ:** Để giảm rủi ro mất ổn định thiết bị, hãy nạp riêng từng khay. Đóng tất cả các khay khác cho đến khi cần dùng.



#	Tùy chọn phần cứng	Tùy chọn phần cứng thay thế
1	Bộ hoàn thiện dập ghim <sup>1</sup>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Ngăn xếp offset<sup>1</sup></li> <li>Vận chuyển giấy</li> <li>Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy</li> </ul>
2	Khay 1500 tờ <sup>2</sup>	Không có
3	Khay song song 2000 tờ <sup>3</sup>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Khay 2 x 550 tờ<sup>3</sup></li> <li>Tủ<sup>3</sup></li> </ul>
4	Khay 550 tờ tùy chọn	Không có
5	Bộ hoàn thiện tập sách <sup>4</sup>	Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ <sup>4</sup>

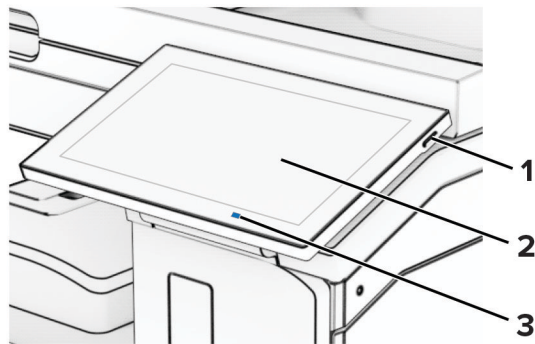
<sup>1</sup> Không thể lắp cùng với bộ hoàn thiện tập sách hoặc bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ

<sup>2</sup> Phải luôn lắp cùng với khay 550 tờ tùy chọn và một trong các loại khay sau: khay 2 x 550 tờ hoặc khay song song 2000 tờ.

<sup>3</sup> Phải luôn lắp cùng với khay 550 tờ tùy chọn.

<sup>4</sup> Phải luôn lắp cùng với khay 550 tờ tùy chọn và một trong các loại khay sau: khay 2 x 550 tờ, khay song song 2000 tờ hoặc tủ.

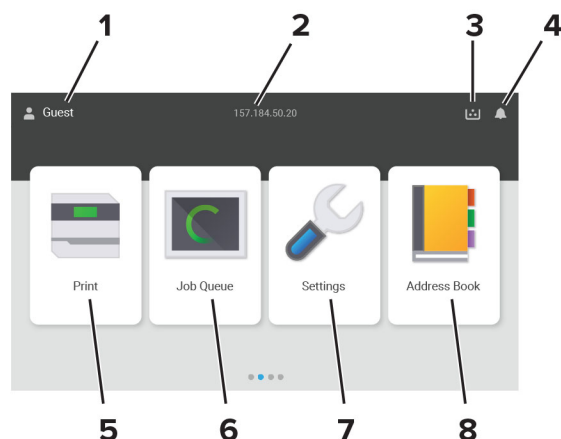
## Sử dụng bảng điều khiển



#	Bộ phận của bảng điều khiển	Chức năng
1	Nút nguồn	<ul style="list-style-type: none"> <li>Bật hoặc tắt máy in.</li> <li><b>Lưu ý:</b> Để tắt máy in, hãy nhấn và giữ nút nguồn trong năm giây.</li> <li>Đặt máy in ở chế độ Ngủ.</li> <li>Bật máy in từ chế độ Ngủ hoặc Ngủ đông.</li> </ul>
2	Màn hình	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xem các thông báo của máy in và trạng thái vật tư.</li> <li>Thiết lập và vận hành máy in.</li> </ul>
3	Đèn chỉ báo	Kiểm tra trạng thái của máy in.

## Biểu tượng trên màn hình chính

**Lưu ý:** Màn hình chính có thể khác nhau tùy thuộc vào cài đặt tùy chỉnh màn hình chính, thiết lập quản trị, và các giải pháp nhúng đang hoạt động.



#	Tên biểu tượng	Chức năng
1	Người dùng	Cho biết người dùng đã đăng nhập vào máy in hay chưa.
2	Thông tin được hiển thị	Hiển thị thông tin máy in tùy chỉnh như địa chỉ IP của máy in hoặc ngày và giờ.
3	Vật tư	Hiển thị trạng thái của vật tư.

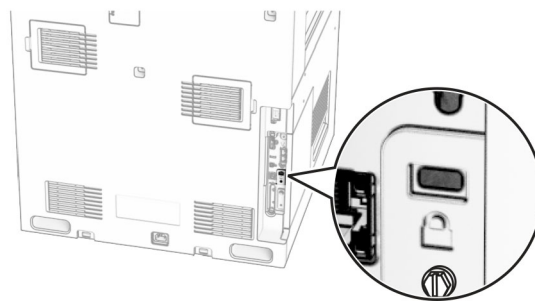
#	Tên biểu tượng	Chức năng
4	Thông báo	<ul style="list-style-type: none"> <li>Hiển thị cảnh báo máy in hoặc thông báo lỗi bất cứ khi nào máy in cần can thiệp để tiếp tục xử lý.</li> <li>Xem thêm thông tin về cảnh báo hoặc thông báo của máy in, và cách xóa chúng.</li> </ul>
5	In	In ảnh và tài liệu.
6	Hàng đợi lệnh	Hiển thị tất cả lệnh in hiện tại.
7	Cài đặt	Truy cập menu máy in.
8	Số địa chỉ	Truy cập, tạo và sắp xếp địa chỉ liên hệ.

## Màu đèn báo

Màu đèn báo	Trạng thái máy in
Tắt	Máy in tắt.
Màu xanh trơn	Máy in sẵn sàng.
Nhấp nháy màu xanh dương	Máy in đang in hoặc đang xử lý dữ liệu.
Nhấp nháy màu đỏ	Máy in yêu cầu người dùng can thiệp.
Màu hổ phách trơn	Máy in đang ở chế độ Ngủ.
Màu hổ phách nhấp nháy	Máy in đang ở chế độ Ngủ sâu hoặc Ngủ đông.

## Định vị khe bảo mật

Máy in được trang bị tính năng khóa bảo mật. Gắn khóa bảo mật tương thích với hầu hết máy tính xách tay tại vị trí được hiển thị để bảo vệ máy in tại chỗ.



# Chọn giấy

## Hướng dẫn về giấy

Sử dụng giấy thích hợp để tránh kẹt giấy và giúp đảm bảo in không gặp sự cố.

- Luôn sử dụng giấy mới, không bị hư hỏng.
- Trước khi nạp giấy, hãy tìm hiểu mặt có thể in của giấy được khuyến nghị. Thông tin này thường được hiển thị trên bao bì giấy.
- Không dùng giấy đã bị cắt hoặc tĩa bằng tay.
- Không trộn lẫn nhiều khổ, loại hoặc trọng lượng giấy trong cùng một khay; trộn lẫn như vậy sẽ gây ra kẹt giấy.
- Không sử dụng giấy tráng trừ khi chúng được thiết kế đặc biệt để in ảnh điện.

Để biết thêm thông tin, vui lòng xem *Hướng dẫn về giấy và giấy chuyên dụng*.

## Đặc điểm giấy

Các đặc điểm giấy sau đây ảnh hưởng đến chất lượng bản in và độ tin cậy. Hãy xem xét các yếu tố này trước khi in.

### Trọng lượng

Các khay có thể nạp giấy có trọng lượng khác nhau. Giấy nhẹ hơn 60 g/m<sup>2</sup> (16 lb) có thể không đủ cứng để nạp đúng cách, và có thể gây kẹt giấy. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem chủ đề “Trọng lượng giấy được hỗ trợ”.

### Quăn

Quăn là xu hướng giấy bị quăn ở các cạnh. Quăn nhiều có thể gây ra sự cố nạp giấy. Tình trạng quăn có thể xảy ra sau khi giấy đi qua máy in, tại đó giấy tiếp xúc với nhiệt độ cao. Bảo quản giấy chưa được gói trong điều kiện nóng, ẩm, lạnh hoặc khô có thể góp phần làm quăn giấy trước khi in và có thể gây ra sự cố nạp giấy.

### Độ mịn

Độ mịn của giấy ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng bản in. Nếu giấy quá thô, mực không thể chảy ra phù hợp. Nếu giấy quá mịn thì có thể gây ra vấn đề nạp giấy hoặc chất lượng bản in. Chúng tôi khuyến nghị sử dụng giấy có 50 điểm Sheffield.

### Độ ẩm

Lượng hơi ẩm trong giấy ảnh hưởng đến cả chất lượng bản in và khả năng máy in nạp giấy chính xác. Để giấy trong bao bì ban đầu cho đến khi sẵn sàng sử dụng. Giấy bị thay đổi độ ẩm có thể làm giảm hiệu suất của giấy.

Trước khi in, hãy bảo quản giấy trong bao bì ban đầu từ 24 đến 48 giờ. Môi trường bảo quản giấy phải giống với môi trường của máy in. Kéo dài thời gian vài ngày nếu môi trường bảo quản hoặc vận chuyển khác với môi trường máy in. Giấy dày cũng có thể cần thời gian điều hòa dài hơn.

## Hướng thớ giấy

Thớ giấy chỉ các hàng thẳng của các sợi giấy trong một tờ giấy. Thớ giấy có thể là *thớ dài* chạy theo chiều dài của giấy, hoặc *thớ ngắn* chạy theo chiều rộng của giấy. Để biết hướng thớ giấy được đề xuất, vui lòng xem chủ đề “Trọng lượng giấy được hỗ trợ”.

## Hàm lượng sợi

Hầu hết giấy in mực tĩnh điện chất lượng cao được làm từ 100% bột gỗ đã qua xử lý hóa học. Hàm lượng này giúp cho giấy có độ ổn định cao, ít phát sinh sự cố nạp giấy hơn và chất lượng bản in tốt hơn. Giấy có chứa sợi như bông có thể ảnh hưởng không tốt đến việc xử lý giấy.

## Giấy không được hỗ trợ

Không nên sử dụng các loại giấy sau đây với máy in:

- Giấy được xử lý bằng hóa chất dùng để tạo bản sao mà không có giấy than. Loại giấy này còn được gọi là giấy không carbon, giấy in không carbon (CCP) hoặc giấy không cần carbon (NCR).
- Giấy in sẵn có hóa chất có thể làm bẩn máy in.
- Giấy in sẵn có thể bị ảnh hưởng bởi nhiệt độ trong bộ sấy máy in.
- Giấy in sẵn yêu cầu vùng đăng ký (vị trí in chính xác trên trang) lớn hơn  $\pm 2,3$  mm ( $\pm 0,09$  in.). Ví dụ: các biểu mẫu nhận dạng ký tự quang học (OCR).

Đôi khi, có thể điều chỉnh vùng đăng ký bằng ứng dụng phần mềm để in thành công trên các biểu mẫu này.

- Giấy tráng (giấy thô có thể xóa), giấy tổng hợp hoặc giấy in nhiệt
- Giấy không xén cạnh, bề mặt thô hoặc ráp, hoặc giấy bị quăn
- Giấy không đáp ứng tiêu chuẩn EN12281:2002 (Châu Âu)
- Giấy nặng dưới 60 g/m<sup>2</sup> (16 lb).
- Biểu mẫu hoặc tài liệu nhiều phần.

## Sử dụng giấy tái chế

Lexmark nỗ lực giảm bớt tác động của giấy đến môi trường bằng cách cung cấp cho khách hàng những lựa chọn in ấn. Để đạt được mục tiêu này, chúng tôi đang thử nghiệm các sản phẩm để đảm bảo có thể sử dụng giấy tái chế - cụ thể là loại giấy được sản xuất với tỷ lệ hàm lượng được tái chế sau tiêu thụ là 30%, 50% và 100%. Chúng tôi kỳ vọng rằng giấy tái chế sẽ mang lại hiệu suất tương đương với giấy nguyên chất trong máy in của chúng tôi. Mặc dù không có tiêu chuẩn chính thức nào về sử dụng giấy cho thiết bị văn phòng, Lexmark sử dụng Tiêu chuẩn Châu Âu EN 12281 làm tiêu chuẩn tối thiểu cho đặc tính sản phẩm. Để đảm bảo phạm vi thử nghiệm rộng rãi, giấy thử nghiệm bao gồm 100% giấy tái chế từ Bắc Mỹ, Châu Âu và Châu Á, đồng thời các thử nghiệm được thực hiện ở độ ẩm tương đối từ 8 - 80%. Thử nghiệm bao gồm in hai mặt. Các loại giấy văn phòng sử dụng thành phần có thể tái tạo, tái chế hoặc không chứa clo đều có thể được sử dụng.

## Bảo quản giấy

Áp dụng các hướng dẫn bảo quản giấy này để tránh bị kẹt giấy và chất lượng in không đồng đều:

- Bảo quản giấy trong bao bì ban đầu với cùng môi trường như máy in trong thời gian từ 24 đến 48 giờ trước khi in.
- Kéo dài thời gian vài ngày nếu môi trường bảo quản hoặc vận chuyển khác với môi trường máy in. Giấy dày cũng có thể cần thời gian điều hòa dài hơn.
- Để có kết quả tốt nhất, hãy bảo quản giấy ở nơi có nhiệt độ là 21°C (70°F) và độ ẩm tương đối là 40 phần trăm.
- Hầu hết các nhà sản xuất nhãn đều khuyến nghị nên in ở phạm vi nhiệt độ 18–24°C (65–75°F) với độ ẩm tương đối từ 40 đến 60 phần trăm.
- Bảo quản giấy trong thùng các tông, trên pa-lét hoặc kệ, thay vì trên sàn.
- Để các bao giấy riêng lẻ trên bề mặt phẳng.
- Không được để bất kỳ vật gì lên trên các bao giấy riêng lẻ.
- Chỉ lấy giấy ra khỏi thùng các tông hoặc bao bì khi chuẩn bị nạp giấy vào máy in. Thùng các tông và bao bì giúp giữ cho giấy sạch sẽ, khô ráo và không bị nhăn.

## Chọn mẫu in sẵn và giấy tiêu đề

- Sử dụng giấy thô dài.
- Chỉ sử dụng các mẫu và giấy tiêu đề được in bằng quy trình in thạch bản offset hoặc in khắc.
- Tránh dùng giấy có bề mặt thô hoặc ráp.
- Sử dụng loại mực không bị ảnh hưởng bởi nhựa trong bột mực. Các loại mực có tính ôxi hóa hoặc gốc dầu thường đáp ứng những yêu cầu này; mực cao su không thể đáp ứng được.
- In mẫu trên các mẫu in sẵn và giấy tiêu đề được cân nhắc sử dụng trước khi mua số lượng lớn. Thao tác này xác định xem mực in trong mẫu in sẵn hoặc giấy tiêu đề có ảnh hưởng đến chất lượng in hay không.
- Khi không chắc chắn, hãy liên hệ với nhà cung cấp giấy.
- Khi in trên giấy tiêu đề, hãy nạp giấy theo hướng chính xác đối với máy in. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem *Hướng dẫn về giấy và giấy chuyên dụng*.

## Khổ giấy được hỗ trợ

### Khổ giấy được cấu hình cơ bản hỗ trợ

Khổ giấy	Hướng	Khay 550 tờ tiêu chuẩn	Khay nạp giấy đa năng	In hai mặt
Thẻ 4x6	Nạp cạnh ngắn	X	✓	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X

<sup>1</sup> Chỉ được hỗ trợ khi được đặt cấu hình từ menu Thiết lập chung.

<sup>2</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 95 x 139,7 mm (3,74 x 5,5 inch) đến 297 x 355,6 mm (11,69 x 14 inch).

<sup>3</sup> Trong trường hợp giấy biểu ngữ, độ dài tối đa của khổ giấy thông dụng là 1320,8 x 52 inch Chỉ nạp một tờ giấy biểu ngữ mỗi lần.

<sup>4</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 95 x 139,7 mm (3,74 x 5,5 inch) đến 320 x 457,2 mm (12,6 x 18 inch).

<sup>5</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 105 x 139,7 mm (4,13 x 5,5 inch) đến 320 x 457,2 mm (12,59 x 18 inch).



Khổ giấy	Hướng	Khay 550 tờ tiêu chuẩn	Khay nạp giấy đa năng	In hai mặt
<b>A6</b> 105 x 148 mm (4,13 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓
	Nạp cạnh dài	X	X	X
<b>1/3 A4</b>	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X
<b>A5</b> 148 x 210 mm (5,83 x 8,27 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	X	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓
<b>A4</b> 210 x 297 mm (8,27 x 11,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	X	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓
<b>A3</b> 297 x 420 mm (11,69 x 16,54 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	✓	✓
<b>JIS B5</b> 182 x 257 mm (7,17 x 10,1 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	X	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓
<b>JIS B4</b> 257 x 364 mm (10,12 x 14,33 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	✓	✓
<b>Báo cáo</b> 139,7 x 215,9 mm (5,5 x 8,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	X	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓
<b>Executive</b> 184,2 x 266,7 mm (7,25 x 10,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	X	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓
<b>Thư</b> 215,9 x 279,4 mm (8,5 x 11 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	X	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓
<b>Folio</b> 215,9 x 330,2 mm (8,5 x 13 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓

<sup>1</sup> Chỉ được hỗ trợ khi được đặt cấu hình từ menu Thiết lập chung.

<sup>2</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 95 x 139,7 mm (3,74 x 5,5 inch) đến 297 x 355,6 mm (11,69 x 14 inch).

<sup>3</sup> Trong trường hợp giấy biểu ngữ, độ dài tối đa của khổ giấy thông dụng là 1320,8 x 52 inch Chỉ nạp một tờ giấy biểu ngữ mỗi lần.

<sup>4</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 95 x 139,7 mm (3,74 x 5,5 inch) đến 320 x 457,2 mm (12,6 x 18 inch).

<sup>5</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 105 x 139,7 mm (4,13 x 5,5 inch) đến 320 x 457,2 mm (12,59 x 18 inch).

Khổ giấy	Hướng	Khay 550 tờ tiêu chuẩn	Khay nạp giấy đa năng	In hai mặt
<b>Oficio (Mexico)</b> 215,9 x 340,4 mm (8,5 x 13,4 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓
<b>Legal</b> 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓
<b>Ledger</b> 279,4 x 431,8 mm (11 x 17 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	✓	✓
<b>12x18</b> 304,8 x 457,2 mm (12,0 x 18,0 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	✓	✓
<b>SRA3</b> 320,04 x 449,58 mm (12,6 x 17,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	✓	✓
<b>Phong bì (Choukei #3)</b> 120 x 235 mm (4,75 x 9,25 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X
<b>Hagaki</b> 100 x 148 mm (3,94 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X
<b>Phong bì B5</b> 176 x 250 mm (6,93 x 9,84 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X
<b>Phong bì (Commercial #9)</b> 98,4 x 225,4 mm (3,875 x 8,9 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X
<b>Phong bì (Commercial #10)</b> 104,8 x 241,3 mm (4,12 x 9,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X
<b>Phong bì (Monarch 7-3/4)</b> 98,4 x 190,5 mm (3,875 x 7,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X

<sup>1</sup> Chỉ được hỗ trợ khi được đặt cấu hình từ menu Thiết lập chung.

<sup>2</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 95 x 139,7 mm (3,74 x 5,5 inch) đến 297 x 355,6 mm (11,69 x 14 inch).

<sup>3</sup> Trong trường hợp giấy biểu ngữ, độ dài tối đa của khổ giấy thông dụng là 1320,8 x 52 inch Chỉ nạp một tờ giấy biểu ngữ mỗi lần.

<sup>4</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 95 x 139,7 mm (3,74 x 5,5 inch) đến 320 x 457,2 mm (12,6 x 18 inch).

<sup>5</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 105 x 139,7 mm (4,13 x 5,5 inch) đến 320 x 457,2 mm (12,59 x 18 inch).

Khổ giấy	Hướng	Khay 550 tờ tiêu chuẩn	Khay nạp giấy đa năng	In hai mặt
<b>Phong bì (DL)</b> 110 x 220 mm (4,33 x 8,66 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X
<b>Phong bì (ISO C4)</b> 229 x 324 mm (9 x 12,8 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	✓ <sup>1</sup>	X
<b>Phong bì (ISO C5)</b> 162 x 229 mm (6,38 x 9 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X
<b>Thông dụng</b>	Không áp dụng	✓ <sup>2</sup>	✓ <sup>3, 4</sup>	✓ <sup>5</sup>

<sup>1</sup> Chỉ được hỗ trợ khi được đặt cấu hình từ menu Thiết lập chung.  
<sup>2</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 95 x 139,7 mm (3,74 x 5,5 inch) đến 297 x 355,6 mm (11,69 x 14 inch).  
<sup>3</sup> Trong trường hợp giấy biểu ngữ, độ dài tối đa của khổ giấy thông dụng là 1320,8 x 52 inch Chỉ nạp một tờ giấy biểu ngữ mỗi lần.  
<sup>4</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 95 x 139,7 mm (3,74 x 5,5 inch) đến 320 x 457,2 mm (12,6 x 18 inch).  
<sup>5</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 105 x 139,7 mm (4,13 x 5,5 inch) đến 320 x 457,2 mm (12,59 x 18 inch).

### Khổ giấy được khay tùy chọn hỗ trợ

Khổ giấy	Hướng	Khay 550 tờ tùy chọn	Khay 2 x 550 tờ	khay song song 2000 tờ	Khay 1500 tờ
<b>Thẻ 4x6</b>	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>A6</b> 105 x 148 mm (4,13 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>1/3 A4</b>	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>A5</b> 148 x 210 mm (5,83 x 8,27 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
	Nạp cạnh dài	✓	✓	X	X
<b>A4</b> 210 x 297 mm (8,27 x 11,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓
<b>A3</b> 297 x 420 mm (11,69 x 16,54 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X

<sup>1</sup> Chỉ được hỗ trợ khi được đặt cấu hình từ menu Thiết lập chung.  
<sup>2</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 139,7 x 215,9 mm (5,5 x 8,5 inch) đến 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch).

Khổ giấy	Hướng	Khay 550 tờ tùy chọn	Khay 2 x 550 tờ	khay song song 2000 tờ	Khay 1500 tờ
<b>JIS B5</b> 182 x 257 mm (7,17 x 10,1 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
	Nạp cạnh dài	✓	✓	X	✓
<b>JIS B4</b> 257 x 364 mm (10,12 x 14,33 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
<b>Báo cáo</b> 139,7 x 215,9 mm (5,5 x 8,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>Executive</b> 184,2 x 266,7 mm (7,25 x 10,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
	Nạp cạnh dài	✓	✓	X	X
<b>Thư</b> 215,9 x 279,4 mm (8,5 x 11 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓
<b>Folio</b> 215,9 x 330,2 mm (8,5 x 13 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
<b>Oficio (Mexico)</b> 215,9 x 340,4 mm (8,5 x 13,4 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
<b>Legal</b> 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
<b>Ledger</b> 279,4 x 431,8 mm (11 x 17 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
<b>12x18</b> 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
<b>SRA3</b> 320,04 x 449,58 mm (12,6 x 17,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
<b>Phong bì (Choukei #3)</b> 120 x 235 mm (4,75 x 9,25 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X

<sup>1</sup> Chỉ được hỗ trợ khi được đặt cấu hình từ menu Thiết lập chung.

<sup>2</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 139,7 x 215,9 mm (5,5 x 8,5 inch) đến 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch).

Khổ giấy	Hướng	Khay 550 tờ tùy chọn	Khay 2 x 550 tờ	khay song song 2000 tờ	Khay 1500 tờ
<b>Hagaki</b> 100 x 148 mm (3,94 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓ <sup>1</sup>	✓ <sup>1</sup>	X	X
<b>Phong bì B5</b> 176 x 250 mm (6,93 x 9,84 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
<b>Phong bì (Commercial #9)</b> 98,4 x 225,4 mm (3,875 x 8,9 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓ <sup>1</sup>	✓ <sup>1</sup>	X	X
<b>Phong bì (Commercial #10)</b> 104,8 x 241,3 mm (4,12 x 9,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
<b>Phong bì (Monarch 7-3/4)</b> 98,4 x 190,5 mm (3,875 x 7,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
<b>Phong bì (DL)</b> 110 x 220 mm (4,33 x 8,66 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
<b>Phong bì (ISO C4)</b> 229 x 324 mm (9 x 12,8 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
<b>Phong bì (ISO C5)</b> 162 x 229 mm (6,38 x 9 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
<b>Thông dụng</b>	Không áp dụng	✓ <sup>2</sup>	✓ <sup>2</sup>	✓	✓

<sup>1</sup> Chỉ được hỗ trợ khi được đặt cấu hình từ menu Thiết lập chung.  
<sup>2</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 139,7 x 215,9 mm (5,5 x 8,5 inch) đến 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch).

### Khổ giấy được ngăn giấy đầu ra hỗ trợ

**Lưu ý:** Bộ phận vận chuyển giấy và bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ hoặc bộ hoàn thiện tập sách đã được lắp vào máy in.

Khổ giấy	Hướng	Bộ phận vận chuyển giấy + Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ			Bộ phận vận chuyển giấy + Bộ hoàn thiện tập sách			
		Ngăn giấy chuẩn (Ngăn giấy trên cùng của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 1 (Ngăn giấy offset, dập ghim/dập lỗ của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 2 (Ngăn giấy của bộ phận vận chuyển giấy)	Ngăn giấy chuẩn (Ngăn giấy trên cùng của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 1 (Ngăn giấy offset, dập ghim/dập lỗ của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 2 (Ngăn giấy của bộ hoàn thiện tập sách)	Ngăn giấy 3 (Ngăn giấy của bộ phận vận chuyển giấy)
<b>Thẻ 4x6</b>	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	✓
<b>A6</b> 105 x 148 mm (4,13 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X
<b>1/3 A4</b>	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	✓
<b>A5</b> 148 x 210 mm (5,83 x 8,27 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓
<b>A4</b> 210 x 297 mm (8,27 x 11,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>A3</b> 297 x 420 mm (11,69 x 16,54 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>JIS B5</b> 182 x 257 mm (7,17 x 10,1 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓
<b>JIS B4</b> 257 x 364 mm (10,12 x 14,33 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓

<sup>1</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 90 x 148 mm (3,55 x 5,83 inch) đến 320 x 600 mm (12,59 x 23,62 inch).

<sup>2</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 90 x 148 mm (3,55 x 5,83 inch) đến 320 x 1260 mm (12,59 x 49,6 inch).

<sup>3</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 182 x 257 mm (7,17 x 10,12 inch) đến 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch).

Khổ giấy	Hướng	Bộ phận vận chuyển giấy + Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ			Bộ phận vận chuyển giấy + Bộ hoàn thiện tập sách			
		Ngăn giấy chuẩn (Ngăn giấy trên cùng của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 1 (Ngăn giấy offset, dập ghim/dập lỗ của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 2 (Ngăn giấy của bộ phận vận chuyển giấy)	Ngăn giấy chuẩn (Ngăn giấy trên cùng của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 1 (Ngăn giấy offset, dập ghim/dập lỗ của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 2 (Ngăn giấy của bộ hoàn thiện tập sách)	Ngăn giấy 3 (Ngăn giấy của bộ phận vận chuyển giấy)
<b>Báo cáo</b> 139,7 x 215,9 mm (5,5 x 8,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓
<b>Executive</b> 184,2 x 266,7 mm (7,25 x 10,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓
<b>Thư</b> 215,9 x 279,4 mm (8,5 x 11 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓
<b>Folio</b> 215,9 x 330,2 mm (8,5 x 13 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Oficio (Mexico)</b> 215,9 x 340,4 mm (8,5 x 13,4 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Legal</b> 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Ledger</b> 279,4 x 431,8 mm (11 x 17 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>12x18</b> 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>SRA3</b> 320,04 x 449,58 mm (12,6 x 17,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	✓	✓	X	✓

<sup>1</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 90 x 148 mm (3,55 x 5,83 inch) đến 320 x 600 mm (12,59 x 23,62 inch).

<sup>2</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 90 x 148 mm (3,55 x 5,83 inch) đến 320 x 1260 mm (12,59 x 49,6 inch).

<sup>3</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 182 x 257 mm (7,17 x 10,12 inch) đến 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch).

Khổ giấy	Hướng	Bộ phận vận chuyển giấy + Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ			Bộ phận vận chuyển giấy + Bộ hoàn thiện tập sách			
		Ngăn giấy chuẩn (Ngăn giấy trên cùng của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 1 (Ngăn giấy offset, dập ghim/dập lỗ của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 2 (Ngăn giấy của bộ phận vận chuyển giấy)	Ngăn giấy chuẩn (Ngăn giấy trên cùng của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 1 (Ngăn giấy offset, dập ghim/dập lỗ của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 2 (Ngăn giấy của bộ hoàn thiện tập sách)	Ngăn giấy 3 (Ngăn giấy của bộ phận vận chuyển giấy)
<b>Phong bì (Choukei #3)</b> 120 x 235 mm (4,75 x 9,25 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	X	X	X	✓
<b>Hagaki</b> 100 x 148 mm (3,94 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	X	X	X	✓
<b>Phong bì B5</b> 176 x 250 mm (6,93 x 9,84 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	X	X	X	✓
<b>Phong bì (Commercial #9)</b> 98,4 x 225,4 mm (3,875 x 8,9 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	X	X	X	✓
<b>Phong bì (Commercial #10)</b> 104,8 x 241,3 mm (4,12 x 9,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	X	X	X	✓
<b>Phong bì (Monarch 7-3/4)</b> 98,4 x 190,5 mm (3,875 x 7,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	X	X	X	✓
<b>Phong bì (DL)</b> 110 x 220 mm (4,33 x 8,66 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	X	X	X	✓
<b>Phong bì (ISO C4)</b> 229 x 324 mm (9 x 12,8 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	X	X	X	✓
<b>Phong bì (ISO C5)</b> 162 x 229 mm (6,38 x 9 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	X	X	X	✓

<sup>1</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 90 x 148 mm (3,55 x 5,83 inch) đến 320 x 600 mm (12,59 x 23,62 inch).

<sup>2</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 90 x 148 mm (3,55 x 5,83 inch) đến 320 x 1260 mm (12,59 x 49,6 inch).

<sup>3</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 182 x 257 mm (7,17 x 10,12 inch) đến 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch).



Khổ giấy	Hướng	Bộ phận vận chuyển giấy + Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ			Bộ phận vận chuyển giấy + Bộ hoàn thiện tập sách			
		Ngăn giấy chuẩn (Ngăn giấy trên cùng của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 1 (Ngăn giấy offset, dập ghim/dập lỗ của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 2 (Ngăn giấy của bộ phận vận chuyển giấy)	Ngăn giấy chuẩn (Ngăn giấy trên cùng của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 1 (Ngăn giấy offset, dập ghim/dập lỗ của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 2 (Ngăn giấy của bộ hoàn thiện tập sách)	Ngăn giấy 3 (Ngăn giấy của bộ phận vận chuyển giấy)
<b>Thông dụng</b>	Không áp dụng	✓ <sup>1</sup>	✓ <sup>1</sup>	✓ <sup>2</sup>	✓ <sup>1</sup>	✓ <sup>1</sup>	✓ <sup>3</sup>	✓ <sup>2</sup>
<sup>1</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 90 x 148 mm (3,55 x 5,83 inch) đến 320 x 600 mm (12,59 x 23,62 inch). <sup>2</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 90 x 148 mm (3,55 x 5,83 inch) đến 320 x 1260 mm (12,59 x 49,6 inch). <sup>3</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 182 x 257 mm (7,17 x 10,12 inch) đến 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch).								

**Lưu ý:** Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy và bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ hoặc bộ hoàn thiện tập sách đã được lắp vào máy in.

Khổ giấy	Hướng	Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ			Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện tập sách			
		Ngăn giấy chuẩn (Ngăn giấy trên cùng của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 1 (Ngăn giấy offset, dập ghim/dập lỗ của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 2 (Ngăn giấy của bộ phận vận chuyển giấy)	Ngăn giấy chuẩn (Ngăn giấy trên cùng của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 1 (Ngăn giấy offset, dập ghim/dập lỗ của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 2 (Ngăn giấy của bộ hoàn thiện tập sách)	Ngăn giấy 3 (Ngăn giấy của bộ phận vận chuyển giấy)
<b>Thẻ 4x6</b>	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X
<b>A6</b> 105 x 148 mm (4,13 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X
<b>1/3 A4</b>	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X
<sup>1</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 90 x 148 mm (3,55 x 5,83 inch) đến 320 x 600 mm (12,59 x 23,62 inch). <sup>2</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 90 x 148 mm (3,55 x 5,83 inch) đến 297 x 1260 mm (11,69 x 49,6 inch). <sup>3</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 182 x 257 mm (7,17 x 10,12 inch) đến 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch).								

Khổ giấy	Hướng	Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ			Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện tập sách			
		Ngăn giấy chuẩn (Ngăn giấy trên cùng của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 1 (Ngăn giấy offset, dập ghim/dập lỗ của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 2 (Ngăn giấy của bộ phận vận chuyển giấy)	Ngăn giấy chuẩn (Ngăn giấy trên cùng của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 1 (Ngăn giấy offset, dập ghim/dập lỗ của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 2 (Ngăn giấy của bộ hoàn thiện tập sách)	Ngăn giấy 3 (Ngăn giấy của bộ phận vận chuyển giấy)
<b>A5</b> 148 x 210 mm (5,83 x 8,27 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓
<b>A4</b> 210 x 297 mm (8,27 x 11,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓
<b>A3</b> 297 x 420 mm (11,69 x 16,54 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>JIS B5</b> 182 x 257 mm (7,17 x 10,1 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓
<b>JIS B4</b> 257 x 364 mm (10,12 x 14,33 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Báo cáo</b> 139,7 x 215,9 mm (5,5 x 8,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓
<b>Executive</b> 184,2 x 266,7 mm (7,25 x 10,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓
<b>Thư</b> 215,9 x 279,4 mm (8,5 x 11 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓

<sup>1</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 90 x 148 mm (3,55 x 5,83 inch) đến 320 x 600 mm (12,59 x 23,62 inch).

<sup>2</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 90 x 148 mm (3,55 x 5,83 inch) đến 297 x 1260 mm (11,69 x 49,6 inch).

<sup>3</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 182 x 257 mm (7,17 x 10,12 inch) đến 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch).

Khổ giấy	Hướng	Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ			Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện tập sách			
		Ngăn giấy chuẩn (Ngăn giấy trên cùng của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 1 (Ngăn giấy offset, dập ghim/dập lỗ của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 2 (Ngăn giấy của bộ phận vận chuyển giấy)	Ngăn giấy chuẩn (Ngăn giấy trên cùng của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 1 (Ngăn giấy offset, dập ghim/dập lỗ của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 2 (Ngăn giấy của bộ hoàn thiện tập sách)	Ngăn giấy 3 (Ngăn giấy của bộ phận vận chuyển giấy)
<b>Folio</b> 215,9 x 330,2 mm (8,5 x 13 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Oficio (Mexico)</b> 215,9 x 340,4 mm (8,5 x 13,4 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Legal</b> 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Ledger</b> 279,4 x 431,8 mm (11 x 17 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>12x18</b> 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	✓	✓	✓	X
<b>SRA3</b> 320,04 x 449,58 mm (12,6 x 17,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	✓	✓	X	X
<b>Phong bì (Choukei #3)</b> 120 x 235 mm (4,75 x 9,25 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	X	X	X	✓
<b>Hagaki</b> 100 x 148 mm (3,94 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	X	X	X	✓
<b>Phong bì B5</b> 176 x 250 mm (6,93 x 9,84 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	X	X	X	✓

<sup>1</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 90 x 148 mm (3,55 x 5,83 inch) đến 320 x 600 mm (12,59 x 23,62 inch).  
<sup>2</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 90 x 148 mm (3,55 x 5,83 inch) đến 297 x 1260 mm (11,69 x 49,6 inch).  
<sup>3</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 182 x 257 mm (7,17 x 10,12 inch) đến 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch).

Khổ giấy	Hướng	Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ			Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện tập sách			
		Ngăn giấy chuẩn (Ngăn giấy trên cùng của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 1 (Ngăn giấy offset, dập ghim/dập lỗ của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 2 (Ngăn giấy của bộ phận vận chuyển giấy)	Ngăn giấy chuẩn (Ngăn giấy trên cùng của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 1 (Ngăn giấy offset, dập ghim/dập lỗ của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 2 (Ngăn giấy của bộ hoàn thiện tập sách)	Ngăn giấy 3 (Ngăn giấy của bộ phận vận chuyển giấy)
<b>Phong bì (Commercial #9)</b> 98,4 x 225,4 mm (3,875 x 8,9 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	X	X	X	✓
<b>Phong bì (Commercial #10)</b> 104,8 x 241,3 mm (4,12 x 9,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	X	X	X	✓
<b>Phong bì (Monarch 7-3/4)</b> 98,4 x 190,5 mm (3,875 x 7,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	X	X	X	✓
<b>Phong bì (DL)</b> 110 x 220 mm (4,33 x 8,66 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	X	X	X	✓
<b>Phong bì (ISO C4)</b> 229 x 324 mm (9 x 12,8 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	X	X	X	✓
<b>Phong bì (ISO C5)</b> 162 x 229 mm (6,38 x 9 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	X	X	X	✓
<b>Thông dụng</b>	Không áp dụng	✓ <sup>1</sup>	✓ <sup>1</sup>	✓ <sup>2</sup>	✓ <sup>1</sup>	✓ <sup>1</sup>	✓ <sup>3</sup>	✓ <sup>2</sup>

<sup>1</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 90 x 148 mm (3,55 x 5,83 inch) đến 320 x 600 mm (12,59 x 23,62 inch).  
<sup>2</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 90 x 148 mm (3,55 x 5,83 inch) đến 297 x 1260 mm (11,69 x 49,6 inch).  
<sup>3</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 182 x 257 mm (7,17 x 10,12 inch) đến 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch).

## Khổ giấy được hỗ trợ cho lệnh dập ghim và dập lỗ

### Khổ giấy được bộ hoàn thiện dập ghim hỗ trợ

Khổ giấy	Hướng	Ghim		
		Đơn	Hai lần	Hai lần, bên trái
<b>Thẻ 4x6</b>	Nạp cạnh ngắn	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X
<b>A6</b> 105 x 148 mm (4,13 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X
<b>1/3 A4</b>	Nạp cạnh ngắn	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X
<b>A5</b> 148 x 210 mm (5,83 x 8,27 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X
<b>A4</b> 210 x 297 mm (8,27 x 11,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓
<b>A3</b> 297 x 420 mm (11,69 x 16,54 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓
<b>JIS B5</b> 182 x 257 mm (7,17 x 10,1 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓
<b>JIS B4</b> 257 x 364 mm (10,12 x 14,33 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓
<b>Báo cáo</b> 139,7 x 215,9 mm (5,5 x 8,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X
<b>Executive</b> 184,2 x 266,7 mm (7,25 x 10,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	X	X
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓
<b>Thư</b> 215,9 x 279,4 mm (8,5 x 11 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X
	Nạp cạnh dài	✓	✓	X
<b>Folio</b> 215,9 x 330,2 mm (8,5 x 13 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X
<b>Oficio (Mexico)</b> 215,9 x 340,4 mm (8,5 x 13,4 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X

Khổ giấy	Hướng	Ghim		
		Đơn	Hai lần	Hai lần, bên trái
<b>Legal</b> 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓
<b>Ledger</b> 279,4 x 431,8 mm (11 x 17 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓
<b>12x18</b> 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X
<b>SRA3</b> 320,04 x 449,58 mm (12,6 x 17,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X
<b>Phong bì (Choukei #3)</b> 120 x 235 mm (4,75 x 9,25 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X
<b>Hagaki</b> 100 x 148 mm (3,94 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X
<b>Phong bì B5</b> 176 x 250 mm (6,93 x 9,84 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X
<b>Phong bì (Commercial #9)</b> 98,4 x 225,4 mm (3,875 x 8,9 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X
<b>Phong bì (Commercial #10)</b> 104,8 x 241,3 mm (4,12 x 9,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X
<b>Phong bì (Monarch 7-3/4)</b> 98,4 x 190,5 mm (3,875 x 7,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X
<b>Phong bì (DL)</b> 110 x 220 mm (4,33 x 8,66 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X
<b>Phong bì (ISO C4)</b> 229 x 324 mm (9 x 12,8 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X
<b>Phong bì (ISO C5)</b> 162 x 229 mm (6,38 x 9 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X

**Khổ giấy được bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ hỗ trợ**

Khổ giấy	Hướng	Ghim			Dập lỗ		
		Đơn	Hai lần	Hai lần, bên trái	Hai lỗ	Ba lỗ	Bốn lỗ
<b>Thẻ 4x6</b>	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X
<b>A6</b> 105 x 148 mm (4,13 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X
<b>1/3 A4</b>	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X
<b>A5</b> 148 x 210 mm (5,83 x 8,27 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	✓	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	✓	X	X
<b>A4</b> 210 x 297 mm (8,27 x 11,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	X	X
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>A3</b> 297 x 420 mm (11,69 x 16,54 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>JIS B5</b> 182 x 257 mm (7,17 x 10,1 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	X	X
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>JIS B4</b> 257 x 364 mm (10,12 x 14,33 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	✓	✓	✓
<b>Báo cáo</b> 139,7 x 215,9 mm (5,5 x 8,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	✓	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	✓	X	X
<b>Executive</b> 184,2 x 266,7 mm (7,25 x 10,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	X	X
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Thư</b> 215,9 x 279,4 mm (8,5 x 11 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	X	X
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Folio</b> 215,9 x 330,2 mm (8,5 x 13 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	X	X
<b>Oficio (Mexico)</b> 215,9 x 340,4 mm (8,5 x 13,4 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	X	X

Khổ giấy	Hướng	Ghim			Dập lỗ		
		Đơn	Hai lần	Hai lần, bên trái	Hai lỗ	Ba lỗ	Bốn lỗ
<b>Legal</b> 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	X	X
<b>Ledger</b> 279,4 x 431,8 mm (11 x 17 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>12x18</b> 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X
<b>SRA3</b> 320,04 x 449,58 mm (12,6 x 17,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X
<b>Phong bì (Choukei #3)</b> 120 x 235 mm (4,75 x 9,25 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X
<b>Hagaki</b> 100 x 148 mm (3,94 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X
<b>Phong bì B5</b> 176 x 250 mm (6,93 x 9,84 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X
<b>Phong bì (Commercial #9)</b> 98,4 x 225,4 mm (3,875 x 8,9 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X
<b>Phong bì (Commercial #10)</b> 104,8 x 241,3 mm (4,12 x 9,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X
<b>Phong bì (Monarch 7-3/4)</b> 98,4 x 190,5 mm (3,875 x 7,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X
<b>Phong bì (DL)</b> 110 x 220 mm (4,33 x 8,66 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X
<b>Phong bì (ISO C4)</b> 229 x 324 mm (9 x 12,8 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X
<b>Phong bì (ISO C5)</b> 162 x 229 mm (6,38 x 9 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X



**Khổ giấy được bộ hoàn thiện tập sách hỗ trợ**

Khổ giấy	Hướng	Ghim			Dập lỗ		
		Đơn	Hai lần	Hai lần, bên trái	Hai lỗ	Ba lỗ	Bốn lỗ
<b>Thẻ 4x6</b>	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X
<b>A6</b> 105 x 148 mm (4,13 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X
<b>1/3 A4</b>	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X
<b>A5</b> 148 x 210 mm (5,83 x 8,27 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	✓	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	✓	X	X
<b>A4</b> 210 x 297 mm (8,27 x 11,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	X	X
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>A3</b> 297 x 420 mm (11,69 x 16,54 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>JIS B5</b> 182 x 257 mm (7,17 x 10,1 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	X	X	X
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓	X	X
<b>JIS B4</b> 257 x 364 mm (10,12 x 14,33 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	✓	✓	✓
<b>Báo cáo</b> 139,7 x 215,9 mm (5,5 x 8,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	✓	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	✓	X	X
<b>Executive</b> 184,2 x 266,7 mm (7,25 x 10,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	X	X
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Thư</b> 215,9 x 279,4 mm (8,5 x 11 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	X	X
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Folio</b> 215,9 x 330,2 mm (8,5 x 13 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	X	X
<b>Oficio (Mexico)</b> 215,9 x 340,4 mm (8,5 x 13,4 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	X	X

Khổ giấy	Hướng	Ghim			Dập lỗ		
		Đơn	Hai lần	Hai lần, bên trái	Hai lỗ	Ba lỗ	Bốn lỗ
<b>Legal</b> 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	X	X
<b>Ledger</b> 279,4 x 431,8 mm (11 x 17 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>12x18</b> 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X
<b>SRA3</b> 320,04 x 449,58 mm (12,6 x 17,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X
<b>Phong bì (Choukei #3)</b> 120 x 235 mm (4,75 x 9,25 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X
<b>Hagaki</b> 100 x 148 mm (3,94 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X
<b>Phong bì B5</b> 176 x 250 mm (6,93 x 9,84 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X
<b>Phong bì (Commercial #9)</b> 98,4 x 225,4 mm (3,875 x 8,9 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X
<b>Phong bì (Commercial #10)</b> 104,8 x 241,3 mm (4,12 x 9,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X
<b>Phong bì (Monarch 7-3/4)</b> 98,4 x 190,5 mm (3,875 x 7,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X
<b>Phong bì (DL)</b> 110 x 220 mm (4,33 x 8,66 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X
<b>Phong bì (ISO C4)</b> 229 x 324 mm (9 x 12,8 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X
<b>Phong bì (ISO C5)</b> 162 x 229 mm (6,38 x 9 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X

## Khổ giấy được hỗ trợ cho lệnh gấp

### Khổ giấy tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy hỗ trợ

Khổ giấy	Hướng	Chỉ tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy			
		gấp chữ C	gấp chữ Z	nửa tờ giấy gấp chữ Z	gấp chữ V
		Ngăn giấy chuẩn	Ngăn giấy chuẩn	Ngăn giấy chuẩn	Ngăn giấy chuẩn
<b>Thẻ 4x6</b>	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>A6</b> 105 x 148 mm (4,13 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>1/3 A4</b>	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>A5</b> 148 x 210 mm (5,83 x 8,27 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>A4</b> 210 x 297 mm (8,27 x 11,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>A3</b> 297 x 420 mm (11,69 x 16,54 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓
<b>JIS B5</b> 182 x 257 mm (7,17 x 10,1 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>JIS B4</b> 257 x 364 mm (10,12 x 14,33 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	✓
<b>Báo cáo</b> 139,7 x 215,9 mm (5,5 x 8,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>Executive</b> 184,2 x 266,7 mm (7,25 x 10,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>Thư</b> 215,9 x 279,4 mm (8,5 x 11 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>Folio</b> 215,9 x 330,2 mm (8,5 x 13 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X

Khổ giấy	Hướng	Chỉ tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy			
		gấp chữ C	gấp chữ Z	nửa tờ giấy gấp chữ Z	gấp chữ V
		Ngăn giấy chuẩn	Ngăn giấy chuẩn	Ngăn giấy chuẩn	Ngăn giấy chuẩn
<b>Oficio (Mexico)</b> 215,9 x 340,4 mm (8,5 x 13,4 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓
<b>Legal</b> 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓
<b>Ledger</b> 279,4 x 431,8 mm (11 x 17 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓
<b>12x18</b> 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
<b>SRA3</b> 320,04 x 449,58 mm (12,6 x 17,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
<b>Phong bì (Choukei #3)</b> 120 x 235 mm (4,75 x 9,25 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
<b>Hagaki</b> 100 x 148 mm (3,94 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
<b>Phong bì B5</b> 176 x 250 mm (6,93 x 9,84 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
<b>Phong bì (Commercial #9)</b> 98,4 x 225,4 mm (3,875 x 8,9 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
<b>Phong bì (Commercial #10)</b> 104,8 x 241,3 mm (4,12 x 9,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
<b>Phong bì (Monarch 7-3/4)</b> 98,4 x 190,5 mm (3,875 x 7,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
<b>Phong bì (DL)</b> 110 x 220 mm (4,33 x 8,66 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X

Khổ giấy	Hướng	Chỉ tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy			
		gấp chữ C	gấp chữ Z	nửa tờ giấy gấp chữ Z	gấp chữ V
		Ngăn giấy chuẩn	Ngăn giấy chuẩn	Ngăn giấy chuẩn	Ngăn giấy chuẩn
<b>Phong bì (ISO C4)</b> 229 x 324 mm (9 x 12,8 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
<b>Phong bì (ISO C5)</b> 162 x 229 mm (6,38 x 9 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X

**Khổ giấy được bộ phận vận chuyển giấy và bộ hoàn thiện tập sách hỗ trợ**

Khổ giấy	Hướng	Bộ phận vận chuyển giấy + Bộ hoàn thiện tập sách	
		gấp chữ V nhiều lần	gấp chữ V
		Ngăn giấy 2	Ngăn giấy chuẩn, ngăn 1, ngăn 2
<b>Thẻ 4x6</b>	Nạp cạnh ngắn	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X
<b>A6</b> 105 x 148 mm (4,13 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X
<b>1/3 A4</b>	Nạp cạnh ngắn	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X
<b>A5</b> 148 x 210 mm (5,83 x 8,27 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X
<b>A4</b> 210 x 297 mm (8,27 x 11,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
	Nạp cạnh dài	X	X
<b>A3</b> 297 x 420 mm (11,69 x 16,54 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
<b>JIS B5</b> 182 x 257 mm (7,17 x 10,1 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
	Nạp cạnh dài	X	X
<b>JIS B4</b> 257 x 364 mm (10,12 x 14,33 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
<b>Báo cáo</b> 139,7 x 215,9 mm (5,5 x 8,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X

Khổ giấy	Hướng	Bộ phận vận chuyển giấy + Bộ hoàn thiện tập sách	
		gấp chữ V nhiều lần	gấp chữ V
		Ngăn giấy 2	Ngăn giấy chuẩn, ngăn 1, ngăn 2
<b>Executive</b> 184,2 x 266,7 mm (7,25 x 10,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X
<b>Thư</b> 215,9 x 279,4 mm (8,5 x 11 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
	Nạp cạnh dài	X	X
<b>Folio</b> 215,9 x 330,2 mm (8,5 x 13 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
<b>Oficio (Mexico)</b> 215,9 x 340,4 mm (8,5 x 13,4 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
<b>Legal</b> 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
<b>Ledger</b> 279,4 x 431,8 mm (11 x 17 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
<b>12x18</b> 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
<b>SRA3</b> 320,04 x 449,58 mm (12,6 x 17,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
<b>Phong bì (Choukei #3)</b> 120 x 235 mm (4,75 x 9,25 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
<b>Hagaki</b> 100 x 148 mm (3,94 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
<b>Phong bì B5</b> 176 x 250 mm (6,93 x 9,84 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
<b>Phong bì (Commercial #9)</b> 98,4 x 225,4 mm (3,875 x 8,9 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
<b>Phong bì (Commercial #10)</b> 104,8 x 241,3 mm (4,12 x 9,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X

Khổ giấy	Hướng	Bộ phận vận chuyển giấy + Bộ hoàn thiện tập sách	
		gấp chữ V nhiều lần	gấp chữ V
		Ngăn giấy 2	Ngăn giấy chuẩn, ngăn 1, ngăn 2
<b>Phong bì (Monarch 7-3/4)</b> 98,4 x 190,5 mm (3,875 x 7,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
<b>Phong bì (DL)</b> 110 x 220 mm (4,33 x 8,66 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
<b>Phong bì (ISO C4)</b> 229 x 324 mm (9 x 12,8 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
<b>Phong bì (ISO C5)</b> 162 x 229 mm (6,38 x 9 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X

**Khổ giấy được tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy và bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ hỗ trợ**

Khổ giấy	Hướng	Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ			
		gấp chữ C	gấp chữ Z	nửa tờ giấy gấp chữ Z	gấp chữ V
		Ngăn giấy 2	Ngăn giấy 2	Ngăn giấy ngắn, ngăn 2	Ngăn giấy ngắn, ngăn 2
<b>Thẻ 4x6</b>	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>A6</b> 105 x 148 mm (4,13 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>1/3 A4</b>	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>A5</b> 148 x 210 mm (5,83 x 8,27 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>A4</b> 210 x 297 mm (8,27 x 11,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>A3</b> 297 x 420 mm (11,69 x 16,54 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓

Khổ giấy	Hướng	Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ			
		gấp chữ C	gấp chữ Z	nửa tờ giấy gấp chữ Z	gấp chữ V
		Ngăn giấy 2	Ngăn giấy 2	Ngăn giấy ngăn, ngăn 2	Ngăn giấy ngăn, ngăn 2
<b>JIS B5</b> 182 x 257 mm (7,17 x 10,1 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>JIS B4</b> 257 x 364 mm (10,12 x 14,33 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	✓
<b>Báo cáo</b> 139,7 x 215,9 mm (5,5 x 8,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>Executive</b> 184,2 x 266,7 mm (7,25 x 10,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>Thư</b> 215,9 x 279,4 mm (8,5 x 11 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
<b>Folio</b> 215,9 x 330,2 mm (8,5 x 13 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
<b>Oficio (Mexico)</b> 215,9 x 340,4 mm (8,5 x 13,4 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓
<b>Legal</b> 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓
<b>Ledger</b> 279,4 x 431,8 mm (11 x 17 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓
<b>12x18</b> 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	✓
<b>SRA3</b> 320,04 x 449,58 mm (12,6 x 17,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	✓
<b>Phong bì (Choukei #3)</b> 120 x 235 mm (4,75 x 9,25 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X



Khổ giấy	Hướng	Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ			
		gấp chữ C	gấp chữ Z	nửa tờ giấy gấp chữ Z	gấp chữ V
		Ngăn giấy 2	Ngăn giấy 2	Ngăn giấy ngăn, ngăn 2	Ngăn giấy ngăn, ngăn 2
<b>Hagaki</b> 100 x 148 mm (3,94 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
<b>Phong bì B5</b> 176 x 250 mm (6,93 x 9,84 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
<b>Phong bì (Commercial #9)</b> 98,4 x 225,4 mm (3,875 x 8,9 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
<b>Phong bì (Commercial #10)</b> 104,8 x 241,3 mm (4,12 x 9,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
<b>Phong bì (Monarch 7-3/4)</b> 98,4 x 190,5 mm (3,875 x 7,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
<b>Phong bì (DL)</b> 110 x 220 mm (4,33 x 8,66 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
<b>Phong bì (ISO C4)</b> 229 x 324 mm (9 x 12,8 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
<b>Phong bì (ISO C5)</b> 162 x 229 mm (6,38 x 9 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X

**Khổ giấy được tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy và bộ hoàn thiện tập sách hỗ trợ**

Khổ giấy	Hướng	Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện tập sách				
		gấp chữ C	gấp chữ Z	nửa tờ giấy gấp chữ Z	gấp chữ V nhiều lần	gấp chữ V
		Ngăn giấy 3	Ngăn giấy 3	Ngăn giấy chuẩn, ngăn 1, ngăn 3	Ngăn giấy 2	Ngăn giấy chuẩn, ngăn 1, ngăn 2, ngăn 3
<b>Thẻ 4x6</b>	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X

Khổ giấy	Hướng	Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện tập sách				
		gấp chữ C	gấp chữ Z	nửa tờ giấy gấp chữ Z	gấp chữ V nhiều lần	gấp chữ V
		Ngăn giấy 3	Ngăn giấy 3	Ngăn giấy chuẩn, ngăn 1, ngăn 3	Ngăn giấy 2	Ngăn giấy chuẩn, ngăn 1, ngăn 2, ngăn 3
<b>A6</b> 105 x 148 mm (4,13 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X
<b>1/3 A4</b>	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X
<b>A5</b> 148 x 210 mm (5,83 x 8,27 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X
<b>A4</b> 210 x 297 mm (8,27 x 11,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X
<b>A3</b> 297 x 420 mm (11,69 x 16,54 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓
<b>JIS B5</b> 182 x 257 mm (7,17 x 10,1 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	✓	✓
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X
<b>JIS B4</b> 257 x 364 mm (10,12 x 14,33 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	✓	✓
<b>Báo cáo</b> 139,7 x 215,9 mm (5,5 x 8,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X
<b>Executive</b> 184,2 x 266,7 mm (7,25 x 10,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X
<b>Thư</b> 215,9 x 279,4 mm (8,5 x 11 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X
<b>Folio</b> 215,9 x 330,2 mm (8,5 x 13 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	✓	✓
<b>Oficio (Mexico)</b> 215,9 x 340,4 mm (8,5 x 13,4 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓

Khổ giấy	Hướng	Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện tập sách				
		gấp chữ C	gấp chữ Z	nửa tờ giấy gấp chữ Z	gấp chữ V nhiều lần	gấp chữ V
		Ngăn giấy 3	Ngăn giấy 3	Ngăn giấy chuẩn, ngăn 1, ngăn 3	Ngăn giấy 2	Ngăn giấy chuẩn, ngăn 1, ngăn 2, ngăn 3
<b>Legal</b> 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Ledger</b> 279,4 x 431,8 mm (11 x 17 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓
<b>12x18</b> 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	✓
<b>SRA3</b> 320,04 x 449,58 mm (12,6 x 17,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	✓
<b>Phong bì (Choukei #3)</b> 120 x 235 mm (4,75 x 9,25 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X
<b>Hagaki</b> 100 x 148 mm (3,94 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X
<b>Phong bì B5</b> 176 x 250 mm (6,93 x 9,84 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X
<b>Phong bì (Commercial #9)</b> 98,4 x 225,4 mm (3,875 x 8,9 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X
<b>Phong bì (Commercial #10)</b> 104,8 x 241,3 mm (4,12 x 9,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X
<b>Phong bì (Monarch 7-3/4)</b> 98,4 x 190,5 mm (3,875 x 7,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X
<b>Phong bì (DL)</b> 110 x 220 mm (4,33 x 8,66 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X
<b>Phong bì (ISO C4)</b> 229 x 324 mm (9 x 12,8 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X

Khổ giấy	Hướng	Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện tập sách				
		gấp chữ C	gấp chữ Z	nửa tờ giấy gấp chữ Z	gấp chữ V nhiều lần	gấp chữ V
		Ngăn giấy 3	Ngăn giấy 3	Ngăn giấy chuẩn, ngăn 1, ngăn 3	Ngăn giấy 2	Ngăn giấy chuẩn, ngăn 1, ngăn 2, ngăn 3
<b>Phong bì (ISO C5)</b> 162 x 229 mm (6,38 x 9 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X

### Khổ giấy được hỗ trợ cho lệnh xếp chồng offset

### Khổ giấy được ngăn xếp offset hoặc bộ hoàn thiện dập ghim hỗ trợ

Khổ giấy	Hướng	Ngăn xếp offset	Bộ hoàn thiện dập ghim
<b>Thẻ 4x6</b>	Nạp cạnh ngắn	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X
<b>A6</b> 105 x 148 mm (4,13 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X
<b>1/3 A4</b>	Nạp cạnh ngắn	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X
<b>A5</b> 148 x 210 mm (5,83 x 8,27 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓
<b>A4</b> 210 x 297 mm (8,27 x 11,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓
<b>A3</b> 297 x 420 mm (11,69 x 16,54 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
<b>JIS B5</b> 182 x 257 mm (7,17 x 10,1 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓
<b>JIS B4</b> 257 x 364 mm (10,12 x 14,33 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
<b>Báo cáo</b> 139,7 x 215,9 mm (5,5 x 8,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	X
	Nạp cạnh dài	✓	X

<sup>1</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 90 x 148 mm (3,55 x 5,83 inch) đến 320 x 600 mm (12,59 x 23,62 inch).

<sup>2</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 148 x 148 mm (5,83 x 5,83 inch) đến 297 x 431,8 mm (11,69 x 17 inch).

Khổ giấy	Hướng	Ngăn xếp offset	Bộ hoàn thiện dập ghim
<b>Executive</b> 184,2 x 266,7 mm (7,25 x 10,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓
<b>Thư</b> 215,9 x 279,4 mm (8,5 x 11 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓
<b>Folio</b> 215,9 x 330,2 mm (8,5 x 13 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
<b>Oficio (Mexico)</b> 215,9 x 340,4 mm (8,5 x 13,4 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
<b>Legal</b> 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
<b>Ledger</b> 279,4 x 431,8 mm (11 x 17 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
<b>12x18</b> 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
<b>SRA3</b> 320,04 x 449,58 mm (12,6 x 17,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
<b>Phong bì (Choukei #3)</b> 120 x 235 mm (4,75 x 9,25 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	X
<b>Hagaki</b> 100 x 148 mm (3,94 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	X
<b>Phong bì B5</b> 176 x 250 mm (6,93 x 9,84 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	X
<b>Phong bì (Commercial #9)</b> 98,4 x 225,4 mm (3,875 x 8,9 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	X
<b>Phong bì (Commercial #10)</b> 104,8 x 241,3 mm (4,12 x 9,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	X

<sup>1</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 90 x 148 mm (3,55 x 5,83 inch) đến 320 x 600 mm (12,59 x 23,62 inch).

<sup>2</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 148 x 148 mm (5,83 x 5,83 inch) đến 297 x 431,8 mm (11,69 x 17 inch).

Khổ giấy	Hướng	Ngăn xếp offset	Bộ hoàn thiện dập ghim
<b>Phong bì (Monarch 7-3/4)</b> 98,4 x 190,5 mm (3,875 x 7,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	X
<b>Phong bì (DL)</b> 110 x 220 mm (4,33 x 8,66 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	X
<b>Phong bì (ISO C4)</b> 229 x 324 mm (9 x 12,8 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	X
<b>Phong bì (ISO C5)</b> 162 x 229 mm (6,38 x 9 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	X
<b>Thông dụng</b>	Không áp dụng	✓ <sup>1</sup>	✓ <sup>2</sup>

<sup>1</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 90 x 148 mm (3,55 x 5,83 inch) đến 320 x 600 mm (12,59 x 23,62 inch).  
<sup>2</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 148 x 148 mm (5,83 x 5,83 inch) đến 297 x 431,8 mm (11,69 x 17 inch).

**Khổ giấy được ngăn giấy đầu ra hỗ trợ**

Khổ giấy	Hướng	Bộ phận vận chuyển giấy + Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ	Bộ phận vận chuyển giấy + Bộ hoàn thiện tập sách
		Ngăn giấy 1	Ngăn giấy 1
<b>Thẻ 4x6</b>	Nạp cạnh ngắn	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X
<b>A6</b> 105 x 148 mm (4,13 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X
<b>1/3 A4</b>	Nạp cạnh ngắn	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X
<b>A5</b> 148 x 210 mm (5,83 x 8,27 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓
<b>A4</b> 210 x 297 mm (8,27 x 11,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓
<b>A3</b> 297 x 420 mm (11,69 x 16,54 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓

<sup>1</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 139,7 x 148 mm (5,5 x 5,83 inch) đến 304,8 x 600 mm (12 x 23,62 inch).  
<sup>2</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 125 x 148 mm (4,93 x 5,83 inch) đến 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch).

Khổ giấy	Hướng	Bộ phận vận chuyển giấy + Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ	Bộ phận vận chuyển giấy + Bộ hoàn thiện tập sách
		Ngăn giấy 1	Ngăn giấy 1
<b>JIS B5</b> 182 x 257 mm (7,17 x 10,1 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓
<b>JIS B4</b> 257 x 364 mm (10,12 x 14,33 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
<b>Báo cáo</b> 139,7 x 215,9 mm (5,5 x 8,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓
<b>Executive</b> 184,2 x 266,7 mm (7,25 x 10,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓
<b>Thư</b> 215,9 x 279,4 mm (8,5 x 11 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓
<b>Folio</b> 215,9 x 330,2 mm (8,5 x 13 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
<b>Oficio (Mexico)</b> 215,9 x 340,4 mm (8,5 x 13,4 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
<b>Legal</b> 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
<b>Ledger</b> 279,4 x 431,8 mm (11 x 17 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
<b>12x18</b> 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
<b>SRA3</b> 320,04 x 449,58 mm (12,6 x 17,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
<b>Phong bì (Choukei #3)</b> 120 x 235 mm (4,75 x 9,25 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X

<sup>1</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 139,7 x 148 mm (5,5 x 5,83 inch) đến 304,8 x 600 mm (12 x 23,62 inch).

<sup>2</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 125 x 148 mm (4,93 x 5,83 inch) đến 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch).

Khổ giấy	Hướng	Bộ phận vận chuyển giấy + Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ	Bộ phận vận chuyển giấy + Bộ hoàn thiện tập sách
		Ngăn giấy 1	Ngăn giấy 1
<b>Hagaki</b> 100 x 148 mm (3,94 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
<b>Phong bì B5</b> 176 x 250 mm (6,93 x 9,84 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
<b>Phong bì (Commercial #9)</b> 98,4 x 225,4 mm (3,875 x 8,9 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
<b>Phong bì (Commercial #10)</b> 104,8 x 241,3 mm (4,12 x 9,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
<b>Phong bì (Monarch 7-3/4)</b> 98,4 x 190,5 mm (3,875 x 7,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
<b>Phong bì (DL)</b> 110 x 220 mm (4,33 x 8,66 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
<b>Phong bì (ISO C4)</b> 229 x 324 mm (9 x 12,8 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
<b>Phong bì (ISO C5)</b> 162 x 229 mm (6,38 x 9 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
<b>Thông dụng</b>	Không áp dụng	✓ <sup>1</sup>	✓ <sup>2</sup>

<sup>1</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 139,7 x 148 mm (5,5 x 5,83 inch) đến 304,8 x 600 mm (12 x 23,62 inch).  
<sup>2</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 125 x 148 mm (4,93 x 5,83 inch) đến 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch).

**Khổ giấy được ngăn giấy đầu ra hỗ trợ (có tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy)**

Khổ giấy	Hướng	Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ	Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện tập sách
		Ngăn giấy 1	Ngăn giấy 1
<b>Thẻ 4x6</b>	Nạp cạnh ngắn	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X

<sup>1</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 139,7 x 148 mm (5,5 x 5,83 inch) đến 304,8 x 600 mm (12 x 23,62 inch).  
<sup>2</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 125 x 148 mm (4,93 x 5,83 inch) đến 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch).



Khổ giấy	Hướng	Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện đập ghim, đập lỗ	Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện tập sách
		Ngăn giấy 1	Ngăn giấy 1
<b>A6</b> 105 x 148 mm (4,13 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X
<b>1/3 A4</b>	Nạp cạnh ngắn	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X
<b>A5</b> 148 x 210 mm (5,83 x 8,27 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓
<b>A4</b> 210 x 297 mm (8,27 x 11,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓
<b>A3</b> 297 x 420 mm (11,69 x 16,54 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
<b>JIS B5</b> 182 x 257 mm (7,17 x 10,1 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓
<b>JIS B4</b> 257 x 364 mm (10,12 x 14,33 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
<b>Báo cáo</b> 139,7 x 215,9 mm (5,5 x 8,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓
<b>Executive</b> 184,2 x 266,7 mm (7,25 x 10,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓
<b>Thư</b> 215,9 x 279,4 mm (8,5 x 11 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓
<b>Folio</b> 215,9 x 330,2 mm (8,5 x 13 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
<b>Oficio (Mexico)</b> 215,9 x 340,4 mm (8,5 x 13,4 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓

<sup>1</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 139,7 x 148 mm (5,5 x 5,83 inch) đến 304,8 x 600 mm (12 x 23,62 inch).

<sup>2</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 125 x 148 mm (4,93 x 5,83 inch) đến 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch).

Khổ giấy	Hướng	Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ	Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện tập sách
		Ngăn giấy 1	Ngăn giấy 1
<b>Legal</b> 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
<b>Ledger</b> 279,4 x 431,8 mm (11 x 17 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
<b>12x18</b> 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
<b>SRA3</b> 320,04 x 449,58 mm (12,6 x 17,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
<b>Phong bì (Choukei #3)</b> 120 x 235 mm (4,75 x 9,25 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
<b>Hagaki</b> 100 x 148 mm (3,94 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
<b>Phong bì B5</b> 176 x 250 mm (6,93 x 9,84 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
<b>Phong bì (Commercial #9)</b> 98,4 x 225,4 mm (3,875 x 8,9 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
<b>Phong bì (Commercial #10)</b> 104,8 x 241,3 mm (4,12 x 9,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
<b>Phong bì (Monarch 7-3/4)</b> 98,4 x 190,5 mm (3,875 x 7,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
<b>Phong bì (DL)</b> 110 x 220 mm (4,33 x 8,66 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
<b>Phong bì (ISO C4)</b> 229 x 324 mm (9 x 12,8 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X

<sup>1</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 139,7 x 148 mm (5,5 x 5,83 inch) đến 304,8 x 600 mm (12 x 23,62 inch).

<sup>2</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 125 x 148 mm (4,93 x 5,83 inch) đến 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch).

Khổ giấy	Hướng	Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ	Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện tập sách
		Ngăn giấy 1	Ngăn giấy 1
<b>Phong bì (ISO C5)</b> 162 x 229 mm (6,38 x 9 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
<b>Thông dụng</b>	Không áp dụng	✓ <sup>1</sup>	✓ <sup>2</sup>

<sup>1</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 139,7 x 148 mm (5,5 x 5,83 inch) đến 304,8 x 600 mm (12 x 23,62 inch).  
<sup>2</sup> Hỗ trợ khổ giấy từ 125 x 148 mm (4,93 x 5,83 inch) đến 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch).

### Trọng lượng giấy được hỗ trợ

Khay 550 tờ tiêu chuẩn hoặc tùy chọn, khay 2 x 550 tờ, khay 1500 tờ và khay song song 2000 tờ	Khay nạp giấy đa năng	In hai mặt
60–300 g/m <sup>2</sup> (16 – 80-lb giấy thô)	60–300 g/m <sup>2</sup> (16 – 80-lb giấy thô)	60–220 g/m <sup>2</sup> (16 – 59-lb giấy thô)

### Loại giấy được hỗ trợ

#### Loại giấy được cấu hình cơ bản hỗ trợ

Khổ giấy	Khay 550 tờ tiêu chuẩn	Khay nạp giấy đa năng	In hai mặt
Giấy thường	✓	✓	✓
Giấy bì	✓	✓	✓
Giấy trong suốt	x	x	x
Tái chế	✓	✓	✓
Bóng	✓	✓	✓
Giấy bóng dày	✓	✓	✓
Nhãn	✓	✓	x
Nhãn vinyl	✓	✓	x
Giấy thô	✓	✓	✓
Phong bì	✓	✓	x
Phong bì ráp	✓	✓	x
Giấy tiêu đề	✓	✓	✓
In sẵn	✓	✓	✓
Giấy màu	✓	✓	✓
Giấy mỏng	✓	✓	✓
Giấy dày	✓	✓	✓
Ráp/cotton	✓	✓	✓

Khổ giấy	Khay 550 tờ tiêu chuẩn	Khay nạp giấy đa năng	In hai mặt
Kiểu tùy chỉnh	✓	✓	✓

**Loại giấy được khay tùy chọn hỗ trợ**

Khổ giấy	Khay 550 tờ tùy chọn	Khay 2 x 550 tờ	khay song song 2000 tờ	Khay 1500 tờ
Giấy thường	✓	✓	✓	✓
Giấy bì	✓	✓	✓	✓
Giấy trong suốt	x	x	x	x
Tái chế	✓	✓	✓	✓
Bóng	✓	✓	✓	✓
Giấy bóng dày	✓	✓	✓	✓
Nhãn	✓	✓	x	x
Nhãn vinyl	✓	✓	x	x
Giấy thô	✓	✓	✓	✓
Phong bì	✓	✓	x	x
Phong bì ráp	✓	✓	x	x
Giấy tiêu đề	✓	✓	✓	✓
In sẵn	✓	✓	✓	✓
Giấy màu	✓	✓	✓	✓
Giấy mỏng	✓	✓	✓	✓
Giấy dày	✓	✓	✓	✓
Ráp/cotton	✓	✓	✓	✓
Kiểu tùy chỉnh	✓	✓	✓	✓

**Loại giấy được ngăn giấy đầu ra hỗ trợ**

Khổ giấy	Bộ phận vận chuyển giấy + bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ			Bộ phận vận chuyển giấy + bộ hoàn thiện tập sách			
	Ngăn giấy chuẩn (Ngăn giấy trên cùng của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 1 (bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ, ngăn giấy offset)	Ngăn giấy 2 (ngăn giấy của bộ phận vận chuyển giấy)	Ngăn giấy chuẩn (Ngăn giấy trên cùng của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 1 (bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ, ngăn giấy offset)	Ngăn giấy 2 (Ngăn giấy của bộ hoàn thiện tập sách)	Ngăn giấy 3 (ngăn giấy của bộ phận vận chuyển giấy)
Giấy thường	✓	✓	✓	✓	✓	✓*	✓
Giấy bì	✓	✓	✓	✓	✓	x	✓
Tái chế	✓	✓	✓	✓	✓	✓*	✓
Bóng	✓	✓	✓	✓	✓	✓*	✓

\* Trong trường hợp giấy biểu ngữ, độ dài tối đa của khổ giấy thông dụng là 1320,8 x 52 inch Chỉ nạp một tờ giấy biểu ngữ mỗi lần.

Khổ giấy	Bộ phận vận chuyển giấy + bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ			Bộ phận vận chuyển giấy + bộ hoàn thiện tập sách			
	Ngăn giấy chuẩn (Ngăn giấy trên cùng của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 1 (bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ, ngăn giấy offset)	Ngăn giấy 2 (ngăn giấy của bộ phận vận chuyển giấy)	Ngăn giấy chuẩn (Ngăn giấy trên cùng của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 1 (bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ, ngăn giấy offset)	Ngăn giấy 2 (Ngăn giấy của bộ hoàn thiện tập sách)	Ngăn giấy 3 (ngăn giấy của bộ phận vận chuyển giấy)
Giấy bóng dày	✓	✓	✓	✓	✓	x	✓
Nhãn	✓	✓	✓	✓	✓	x	x
Nhãn vinyl	✓	✓	✓	✓	✓	x	x
Giấy thô	✓	✓	✓	✓	✓	✓*	✓
Phong bì	x	x	✓	x	x	x	✓
Phong bì ráp	x	x	✓	x	x	x	✓
Giấy tiêu đề	✓	✓	✓	✓	✓	✓*	✓
In sẵn	✓	✓	✓	✓	✓	✓*	✓
Giấy màu	✓	✓	✓	✓	✓	✓*	✓
Giấy mỏng	✓	✓	✓	✓	✓	✓*	✓
Giấy dày	✓	✓	✓	✓	✓	x	x
Ráp/cotton	✓	✓	✓	✓	✓	x	x
Kiểu tùy chỉnh	✓	✓	✓	✓	✓	✓*	✓

\* Trong trường hợp giấy biểu ngữ, độ dài tối đa của khổ giấy thông dụng là 1320,8 x 52 inch Chỉ nạp một tờ giấy biểu ngữ mỗi lần.

**Loại giấy được ngăn giấy đầu ra hỗ trợ (có tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy)**

Khổ giấy	Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ			Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện tập sách			
	Ngăn giấy chuẩn (Ngăn giấy trên cùng của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 1 (bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ, ngăn giấy offset)	Ngăn giấy 2 (ngăn giấy của bộ phận vận chuyển giấy)	Ngăn giấy chuẩn (Ngăn giấy trên cùng của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 1 (bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ, ngăn giấy offset)	Ngăn giấy 2 (Ngăn giấy của bộ hoàn thiện tập sách)	Ngăn giấy 3 (ngăn giấy của bộ phận vận chuyển giấy)
Giấy thường	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy bì	✓	✓	✓	✓	✓	x	✓
Tái chế	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Bóng	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy bóng dày	✓	✓	✓	✓	✓	x	✓
Nhãn	✓	✓	✓	✓	✓	x	✓

\* Trong trường hợp giấy biểu ngữ, độ dài tối đa của khổ giấy thông dụng là 1320,8 x 52 inch Chỉ nạp một tờ giấy biểu ngữ mỗi lần.

Khổ giấy	Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ			Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện tập sách			
	Ngăn giấy chuẩn (Ngăn giấy trên cùng của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 1 (bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ, ngăn giấy offset)	Ngăn giấy 2 (ngăn giấy của bộ phận vận chuyển giấy)	Ngăn giấy chuẩn (Ngăn giấy trên cùng của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 1 (bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ, ngăn giấy offset)	Ngăn giấy 2 (Ngăn giấy của bộ hoàn thiện tập sách)	Ngăn giấy 3 (ngăn giấy của bộ phận vận chuyển giấy)
Nhãn vinyl	✓	✓	✓	✓	✓	x	✓
Giấy thô	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Phong bì	x	x	✓	x	x	x	✓
Phong bì ráp	x	x	✓	x	x	x	✓
Giấy tiêu đề	✓	✓	✓	✓	✓	x	✓
In sẵn	✓	✓	✓	✓	✓	x	✓
Giấy màu	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy mỏng	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy dày	✓	✓	✓	✓	✓	x	x
Ráp/cotton	✓	✓	✓	✓	✓	x	x
Kiểu tùy chỉnh	✓	✓	✓	✓	✓	✓*	✓

\* Trong trường hợp giấy biểu ngữ, độ dài tối đa của khổ giấy thông dụng là 1320,8 x 52 inch Chỉ nạp một tờ giấy biểu ngữ mỗi lần.

**Loại giấy được tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy, ngăn xếp offset và bộ hoàn thiện dập ghim hỗ trợ**

Khổ giấy	Chỉ tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy	Ngăn xếp offset	Bộ hoàn thiện dập ghim
Giấy thường	✓	✓	✓
Giấy bìa	✓	✓	✓
Tái chế	✓	✓	✓
Bóng	✓	✓	✓
Giấy bóng dày	✓	✓	✓
Nhãn	✓	✓	✓
Nhãn vinyl	✓	✓	✓
Giấy thô	✓	✓	✓
Phong bì	✓	✓	✓
Phong bì ráp	✓	✓	✓
Giấy tiêu đề	✓	✓	✓
In sẵn	✓	✓	✓
Giấy màu	✓	✓	✓
Giấy mỏng	✓	✓	✓

Khổ giấy	Chỉ tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy	Ngăn xếp offset	Bộ hoàn thiện dập ghim
Giấy dày	✓	✓	✓
Ráp/cotton	✓	✓	✓
Kiểu tùy chỉnh	✓	✓	✓

**Loại giấy được bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ và bộ hoàn thiện tập sách hỗ trợ**

Khổ giấy	Ngăn trên cùng của bộ hoàn thiện (ngăn giấy chuẩn)				Ngăn giấy dập ghim của bộ hoàn thiện (ngăn giấy 1)			
	Offset	Dập lỗ	Ghim	Gấp	Offset	Dập lỗ	Ghim	Gấp
Giấy thường	x	✓	x	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy bì	x	x	x	x	✓	x	x	x
Giấy trong suốt	x	x	x	x	x	x	x	x
Tái chế	x	✓	x	✓	✓	✓	✓	✓
Bóng	x	✓	x	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy bóng dày	x	x	x	x	✓	x	x	x
Nhãn	x	x	x	x	✓	x	x	x
Nhãn vinyl	x	x	x	x	✓	x	x	x
Giấy thô	x	✓	x	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy tiêu đề	x	✓	x	✓	✓	✓	✓	✓
In sẵn	x	✓	x	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy màu	x	✓	x	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy mỏng	x	✓	x	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy dày	x	x	x	x	✓	x	x	x
Ráp/cotton	x	✓	x	x	✓	✓	x	x
Kiểu tùy chỉnh	x	✓	x	✓	✓	✓	✓	✓

## Các tính năng và hỗ trợ máy in bổ sung

### Ứng dụng được hỗ trợ

- Tùy chỉnh hiển thị

### Ổ đĩa flash và loại tập tin được hỗ trợ

#### Ổ đĩa flash

- Ổ đĩa flash hỗ trợ USB 2.0 hoặc thấp hơn.
- Ổ đĩa flash hỗ trợ Hệ thống tập tin công nghệ mới (NTFS) hoặc hệ thống tập tin Bảng phân bố tập tin (FAT32).

## Loại tập tin

Tài liệu	Hình ảnh
<ul style="list-style-type: none"> <li>• PDF (phiên bản 1.7 hoặc cũ hơn)</li> <li>• Định dạng tập tin Microsoft (DOC, DOCX, XLS, XLSX, PPT, PPTX)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• JPEG hoặc JPG</li> <li>• TIFF hoặc TIF</li> <li>• GIF</li> <li>• BMP</li> <li>• PNG</li> <li>• PCX</li> <li>• DCX</li> </ul>

## Tùy chọn nội bộ khả dụng

- Ổ lưu trữ thông minh (ISD)
  - Phông chữ
    - Tiếng Trung giản thể
    - Tiếng Trung phồn thể
    - Tiếng Nhật
    - Tiếng Hàn
    - Tiếng Ả Rập
  - Lưu trữ lớn
- Đĩa cứng
- Tính năng được cấp phép
  - IPDS
  - Mã vạch
- Cổng giải pháp nội bộ (ISP) của Lexmark™
  - Thẻ nối tiếp RS-232C
  - Ethernet sợi quang MarkNet™ N8230 100BASE-FX(LC), 1000BASE-SX(LC)


**Lưu ý:** Cần có ổ lưu trữ thông minh (ISD) hoặc đĩa cứng để kích hoạt Hợp nhất biểu mẫu và một số tính năng IPDS.




# Thiết lập, cài đặt, và thiết lập cấu hình

## Chọn vị trí cho máy in

- Chừa đủ chỗ để mở khay, nắp và cửa cũng như để lắp đặt các tùy chọn phần cứng.
- Thiết lập máy in gần ổ cắm điện.

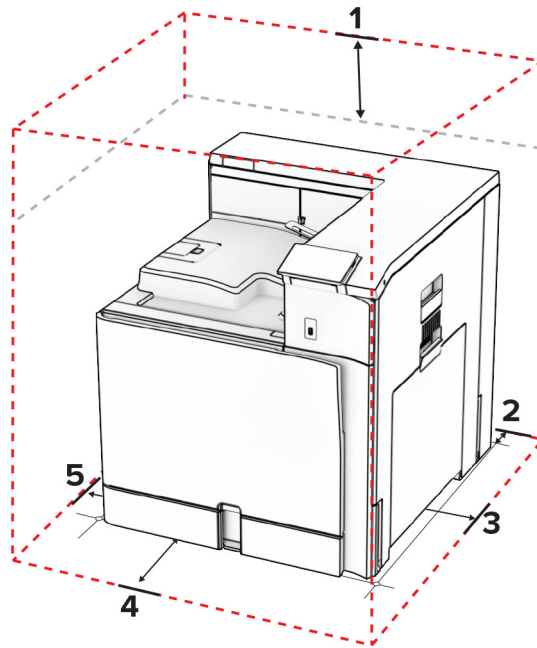
 **CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG:** Để tránh rủi ro hỏa hoạn hoặc điện giật, hãy nối dây nguồn với ổ cắm điện có công suất định mức phù hợp, được nối đất đúng cách, gần với sản phẩm và dễ tiếp cận.

 **CHÚ Ý—NGUY CƠ GIẬT ĐIỆN:** Để tránh rủi ro điện giật, không đặt hoặc sử dụng sản phẩm này gần nước hoặc vị trí ẩm ướt.

- Đảm bảo luồng khí trong phòng đáp ứng quy định trong phiên bản mới nhất của tiêu chuẩn ASHRAE 62 hoặc tiêu chuẩn 156 của Ủy ban kỹ thuật CEN.
- Chuẩn bị bề mặt phẳng, vững chắc và cố định.
- Giữ máy in:
  - Sạch sẽ, khô ráo và không bị bụi bẩn.
  - Tránh xa các kim bấm và kẹp giấy để rải rác.
  - Tránh xa luồng khí trực tiếp của máy điều hòa không khí, máy sưởi hoặc quạt thông gió.
  - Tránh xa ánh nắng trực tiếp và độ ẩm cao.
- Giữ mức nhiệt độ khuyến nghị và tránh để dao động nhiệt độ:

Nhiệt độ môi trường xung quanh	10 to 32.2°C (50 to 90°F)
Nhiệt độ bảo quản	15.6 to 32.2°C (60 to 90°F)

- Chừa khoảng trống khuyến nghị sau đây quanh máy in để thông gió đúng cách:



1	Trên cùng	305 mm (12 in.)
2	Phía sau	203 mm (8 in.)
3	Bên phải	574 mm (22.6 in)
4	Phía trước	338 mm (13.3 in)
5	Bên trái	152 mm (6 in)

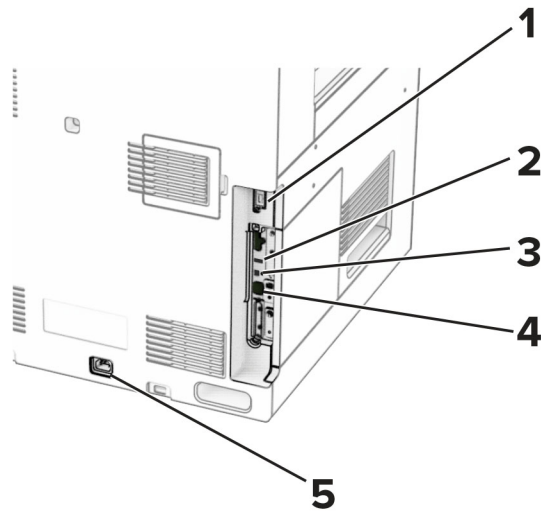
## Các cổng máy in

**⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ GIẬT ĐIỆN:** Để tránh rủi ro điện giật, không thiết lập sản phẩm này hoặc nối điện hay cáp, chẳng hạn như dây nguồn, tính năng fax hoặc điện thoại, trong khi có bảo sét.

**⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG:** Để tránh rủi ro hỏa hoạn hoặc điện giật, hãy nối dây nguồn với ổ cắm điện có công suất định mức phù hợp, được nối đất đúng cách, gần với sản phẩm và dễ tiếp cận.

**⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG:** Để tránh rủi ro hỏa hoạn hoặc điện giật, chỉ sử dụng dây điện được cung cấp cùng với sản phẩm này hoặc phụ kiện thay thế được ủy quyền của nhà sản xuất.

**Cảnh báo—Nguy cơ hỏng:** Để tránh mất dữ liệu hoặc lỗi máy in, không chạm vào cáp USB, bộ điều hợp mạng không dây, hoặc máy in tại khu vực được hiển thị trong khi đang in.



	Cổng máy in	Chức năng
1	Bộ hoàn thiện hoặc cổng tùy chọn	Kết nối máy in với bộ hoàn thiện hoặc cổng tùy chọn.
2	cổng USB	Gắn bàn phím hoặc mọi tùy chọn tương thích.
3	Cổng USB máy in	Kết nối máy in với máy tính.
4	cổng Ethernet	Kết nối máy in với mạng.
5	Ổ cắm dây nguồn	Kết nối máy in với ổ cắm điện được nối đất đúng cách.

## Thiết lập cấu hình ứng dụng và giải pháp

### Sử dụng tùy chỉnh hiển thị

**Lưu ý:** Đảm bảo rằng cài đặt Trình bảo vệ màn hình, Bản trình chiếu và Hình nền được bật từ Máy chủ web nhúng. Điều hướng đến **Ứng dụng > Tùy chỉnh hiển thị > Đặt cấu hình**.

### Quản lý hình ảnh trình chiếu và trình bảo vệ màn hình

1 Trong phần Hình ảnh trình chiếu và Trình bảo vệ màn hình, có thể thêm, chỉnh sửa hoặc xóa hình ảnh.

**Lưu ý:**

- Có thể thêm tối đa 10 hình ảnh.
- Khi được bật, các biểu tượng trạng thái chỉ xuất hiện trên trình bảo vệ màn hình khi có lỗi, cảnh báo, hoặc thông báo trên nền tảng điện toán đám mây.

2 Áp dụng thay đổi.

### Thay đổi hình nền

1 Từ bảng điều khiển, chọn **Thay đổi hình nền**.

2 Chọn hình ảnh để sử dụng.

3 Áp dụng thay đổi.

## Chạy trình chiếu từ ổ flash

- 1 Gắn ổ flash vào cổng USB.
- 2 Từ bảng điều khiển, chọn **Bản trình chiếu**.

**Lưu ý:** Bạn có thể lấy ổ flash ra sau khi bản trình chiếu bắt đầu, nhưng hình ảnh sẽ không được lưu trữ trong máy in. Nếu trình chiếu dừng lại, hãy gắn lại ổ flash để xem hình ảnh.

## Đặt cấu hình dấu trang

### Tạo dấu trang

- 1 Mở trình duyệt web, sau đó nhập địa chỉ IP của máy in vào trường địa chỉ.

**Lưu ý:**

- Xem địa chỉ IP của máy in trên màn hình chính của máy in. Địa chỉ IP hiển thị dưới dạng bốn bộ số được phân tách bằng dấu chấm, chẳng hạn như 123.123.123.123.
- Nếu đang dùng máy chủ proxy, hãy tạm thời tắt đi để tải trang web chính xác.

- 2 Nhấp vào **Dấu trang > Thêm dấu trang**, rồi nhập tên dấu trang.

- 3 Chọn một loại giao thức Địa chỉ, sau đó thực hiện một trong các thao tác sau:

- Đối với HTTP và HTTPS, hãy nhập URL bạn muốn đánh dấu.
- Đối với HTTPS, hãy đảm bảo sử dụng tên máy chủ thay vì địa chỉ IP. Ví dụ: nhập **myWebsite.com/sample.pdf** thay vì nhập **123.123.123.123/sample.pdf**. Đảm bảo tên máy chủ cũng khớp với giá trị Tên chung (CN) trong chứng chỉ máy chủ. Để biết thêm thông tin về việc lấy giá trị Tên chung trong chứng chỉ máy chủ, vui lòng xem thông tin trợ giúp dành cho trình duyệt web của bạn.
- Đối với FTP, hãy nhập địa chỉ FTP. Ví dụ, **myServer/myDirectory**. Nhập số cổng FTP. Cổng 21 là cổng mặc định để gửi lệnh.
- Đối với SMB, hãy nhập địa chỉ thư mục mạng. Ví dụ: **myServer/myShare/myFile.pdf**. Nhập tên miền mạng.
- Nếu cần thiết, hãy chọn loại **Xác thực** cho FTP và SMB.

Để giới hạn quyền truy cập vào dấu trang, hãy nhập mã PIN.

**Lưu ý:** Ứng dụng hỗ trợ các loại tập tin sau đây: PDF, JPEG và TIFF. Các loại tập tin khác như DOCX và XLSX được hỗ trợ ở một số model máy in.

- 4 Nhấp vào **Lưu**.

### Tạo thư mục

- 1 Mở trình duyệt web, sau đó nhập địa chỉ IP của máy in vào trường địa chỉ.

**Lưu ý:**

- Xem địa chỉ IP của máy in trên màn hình chính của máy in. Địa chỉ IP hiển thị dưới dạng bốn bộ số được phân tách bằng dấu chấm, chẳng hạn như 123.123.123.123.
- Nếu đang dùng máy chủ proxy, hãy tạm thời tắt đi để tải trang web chính xác.

- 2 Nhấp vào **Dấu trang > Thêm thư mục**, rồi nhập tên thư mục.

**Lưu ý:** Để giới hạn quyền truy cập vào thư mục, hãy nhập mã PIN.

3 Nhấp vào **Lưu**.

## Đặt cấu hình số địa chỉ

### Thêm liên hệ

1 Mở trình duyệt web, sau đó nhập địa chỉ IP của máy in vào trường địa chỉ.

#### Lưu ý:

- Xem địa chỉ IP của máy in trên màn hình chính của máy in. Địa chỉ IP hiển thị dưới dạng bốn bộ số được phân tách bằng dấu chấm, chẳng hạn như 123.123.123.123.
- Nếu đang dùng máy chủ proxy, hãy tạm thời tắt đi để tải trang web chính xác.

2 Nhấp vào **Số địa chỉ**, rồi nhấp vào **Thêm liên hệ**.

3 Nếu cần, hãy xác định phương pháp đăng nhập để cho phép truy cập ứng dụng.

4 Nhấp vào **Lưu**.

### Thêm nhóm

1 Mở trình duyệt web, sau đó nhập địa chỉ IP của máy in vào trường địa chỉ.

#### Lưu ý:

- Xem địa chỉ IP của máy in trên màn hình chính của máy in. Địa chỉ IP hiển thị dưới dạng bốn bộ số được phân tách bằng dấu chấm, chẳng hạn như 123.123.123.123.
- Nếu đang dùng máy chủ proxy, hãy tạm thời tắt đi để tải trang web chính xác.

2 Nhấp vào **Số địa chỉ**, rồi nhấp vào **Thêm liên hệ**.

**Lưu ý:** Bạn có thể gán một hoặc nhiều liên hệ cho nhóm.

3 Nhấp vào **Lưu**.

## Thiết lập và sử dụng các tính năng trợ năng

### Kích hoạt Hướng dẫn bằng giọng nói

#### Từ màn hình chính

1 Bằng một thao tác và sử dụng một ngón tay, vuốt từ từ sang trái rồi vuốt lên trên màn hình cho đến khi bạn nghe thấy tin nhắn thoại.

2 Sử dụng hai ngón tay, chạm vào **OK**.

**Lưu ý:** Nếu cử chỉ không hiệu quả, hãy làm mạnh hơn.

#### Từ bàn phím

1 Nhấn giữ phím **5** cho đến khi bạn nghe thấy tin nhắn thoại.

2 Nhấn **Tab** để điều hướng con trỏ tiêu điểm đến nút **OK**, sau đó nhấn **Enter**.

**Lưu ý:**

- Khi Hướng dẫn bằng giọng nói được kích hoạt, luôn sử dụng hai ngón tay để chọn bất kỳ mục nào trên màn hình.
- Hướng dẫn bằng giọng nói có hỗ trợ ngôn ngữ hạn chế.

**Hủy kích hoạt Hướng dẫn bằng giọng nói**

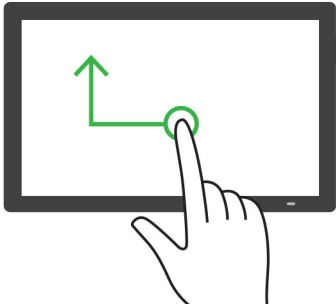
- 1 Bàng một thao tác và sử dụng một ngón tay, vuốt từ từ sang trái rồi vuốt lên trên màn hình cho đến khi bạn nghe thấy tin nhắn thoại.
- 2 Sử dụng hai ngón tay, hãy thực hiện một trong hai thao tác sau:
  - Chọn **Hướng dẫn bằng giọng nói**, rồi chọn **OK**.
  - Chọn **Hủy**.

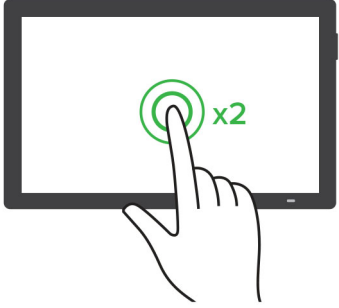
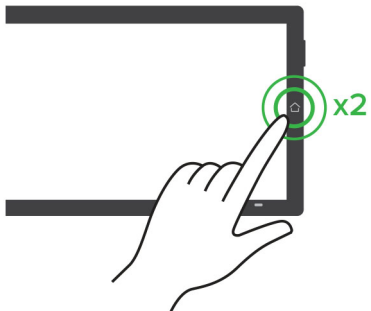
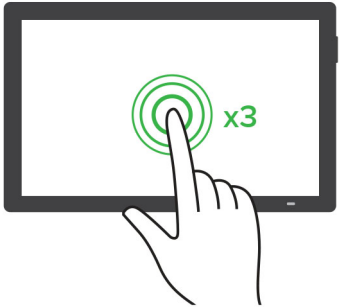
**Lưu ý:** Nếu cử chỉ không hiệu quả, hãy làm mạnh hơn.

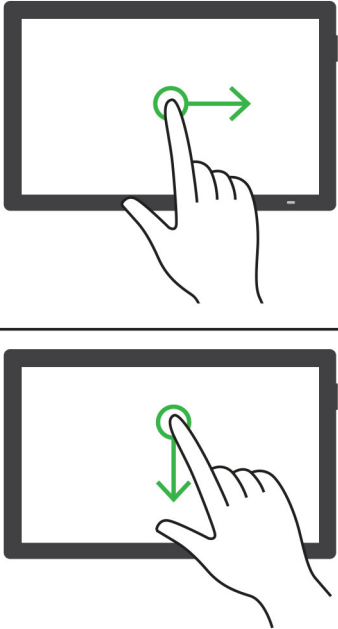
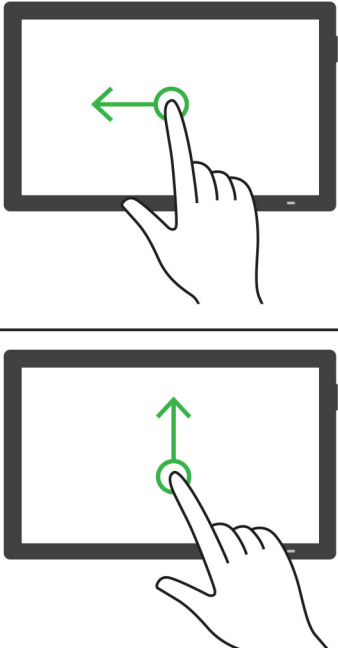
Nếu bạn nhấn nút nguồn hoặc chuyển máy in sang chế độ Ngủ hoặc Ngủ đông, tính năng Hướng dẫn bằng giọng nói sẽ tắt.

**Điều hướng màn hình bằng cử chỉ****Lưu ý:**

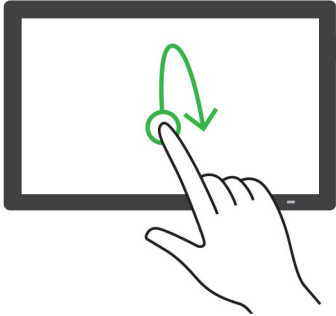
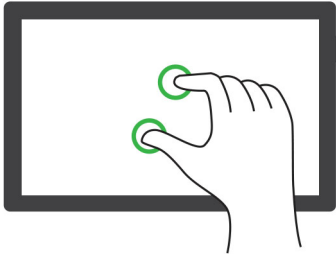
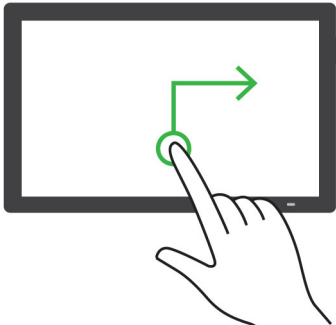
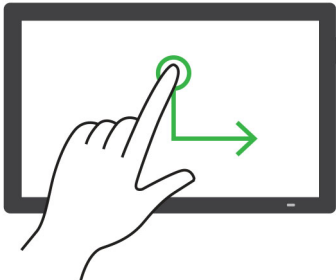
- Chỉ có thể áp dụng hầu hết các cử chỉ khi Hướng dẫn bằng giọng nói được kích hoạt.
- Sử dụng bàn phím vật lý để nhập ký tự và điều chỉnh một số cài đặt nhất định.

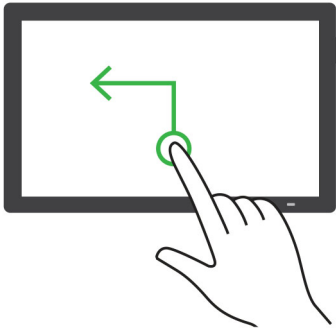
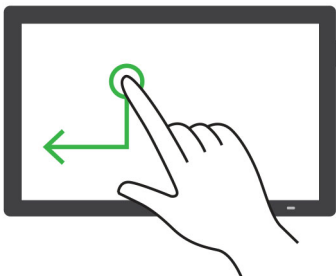
Cử chỉ	Chức năng
<p>Vuốt sang trái rồi vuốt lên bằng một ngón tay</p> 	<p>Khởi chạy hoặc thoát chế độ Trợ năng.</p> <p><b>Lưu ý:</b> Có thể áp dụng cử chỉ này khi máy in ở chế độ bình thường.</p>

Cử chỉ	Chức năng
<p data-bbox="149 273 479 304">Nhấn đúp bằng một ngón tay</p> 	<p data-bbox="841 273 1339 304">Chọn một tùy chọn hoặc mục trên màn hình.</p>
<p data-bbox="149 688 824 720">Nhấn đúp vào biểu tượng màn hình chính bằng hai ngón tay</p> 	<p data-bbox="841 688 1193 720">Hủy kích hoạt chế độ Trợ năng.</p>
<p data-bbox="149 1083 506 1115">Nhấn ba lần bằng một ngón tay</p> 	<p data-bbox="841 1083 1339 1115">Phóng to hoặc thu nhỏ văn bản và hình ảnh.</p> <p data-bbox="841 1125 1461 1188"><b>Lưu ý:</b> Bật chế độ Thu phóng để sử dụng tính năng thu phóng.</p>

Cử chỉ	Chức năng
<p data-bbox="149 270 732 304">Vuốt sang phải hoặc vuốt xuống bằng một ngón tay</p> 	<p data-bbox="841 270 1333 304">Di chuyển đến mục tiếp theo trên màn hình.</p>
<p data-bbox="149 1001 683 1035">Vuốt sang trái hoặc vuốt lên bằng một ngón tay</p> 	<p data-bbox="841 1001 1328 1035">Di chuyển đến mục trước đó trên màn hình.</p>



Cử chỉ	Chức năng
<p data-bbox="149 275 626 302">Vuốt lên rồi vuốt xuống bằng một ngón tay</p> 	<p data-bbox="841 275 1325 302">Di chuyển đến mục đầu tiên trên màn hình.</p>
<p data-bbox="149 697 212 724">Xoay</p> 	<p data-bbox="841 697 1446 758">Tiếp cận các phần của hình ảnh được thu phóng nằm ngoài giới hạn của màn hình.</p> <p data-bbox="841 772 911 800"><b>Lưu ý:</b></p> <ul data-bbox="862 821 1458 953" style="list-style-type: none"><li>• Sử dụng hai ngón tay để kéo hình ảnh được phóng to.</li><li>• Bật chế độ Thu phóng để sử dụng cử chỉ thu phóng.</li></ul>
<p data-bbox="149 1058 667 1085">Vuốt lên rồi vuốt sang phải bằng một ngón tay</p> 	<p data-bbox="841 1058 1057 1085">Tăng âm lượng lên.</p> <p data-bbox="841 1100 1446 1161"><b>Lưu ý:</b> Có thể áp dụng cử chỉ này khi máy in ở chế độ bình thường.</p>
<p data-bbox="149 1480 704 1507">Vuốt xuống rồi vuốt sang phải bằng một ngón tay</p> 	<p data-bbox="841 1480 1097 1507">Giảm âm lượng xuống.</p> <p data-bbox="841 1522 1446 1583"><b>Lưu ý:</b> Có thể áp dụng cử chỉ này khi máy in ở chế độ bình thường.</p>

Cử chỉ	Chức năng
<p>Vuốt lên rồi vuốt sang trái bằng một ngón tay</p> 	<p>Thoát khỏi ứng dụng và trở về màn hình chính.</p>
<p>Vuốt xuống rồi vuốt sang trái bằng một ngón tay</p> 	<p>Quay về cài đặt trước.</p>

## Sử dụng bàn phím trên màn hình

Khi bàn phím trên màn hình xuất hiện, hãy thực hiện một hoặc nhiều thao tác sau:

- Chạm vào một phím để thông báo và nhập ký tự vào trường.
- Lướt ngón tay qua các ký tự khác nhau để thông báo và nhập ký tự vào trường.
- Dùng hai ngón tay chạm vào hộp văn bản để thông báo các ký tự trong trường.
- Chạm vào **Backspace** để xóa ký tự.

## Bật chế độ Phóng to

1 Bằng một thao tác và sử dụng một ngón tay, vuốt từ từ sang trái rồi vuốt lên trên màn hình cho đến khi bạn nghe thấy tin nhắn thoại.

**Lưu ý:** Đối với model máy in không có loa tích hợp, hãy sử dụng tai nghe để nghe thông báo.

2 Sử dụng hai ngón tay, hãy thực hiện như sau:

- Chạm vào **chế độ Phóng to**.
- Chạm vào **OK**.

**Lưu ý:** Nếu cử chỉ không hiệu quả, hãy làm mạnh hơn.

Để biết thêm thông tin về điều hướng màn hình phóng to, vui lòng xem [“Điều hướng màn hình bằng cử chỉ” trên trang 62](#).

## Điều chỉnh tốc độ nói của Hướng dẫn bằng giọng nói

- 1 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Thiết bị > Trợ năng > Tốc độ nói**.
- 2 Chọn tốc độ nói.

## Điều chỉnh âm lượng tai nghe mặc định

- 1 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Thiết bị > Trợ năng**.
- 2 Điều chỉnh âm lượng tai nghe.

**Lưu ý:** Âm lượng sẽ đặt lại về giá trị mặc định sau khi người dùng thoát khỏi chế độ Trợ năng hoặc khi máy in được bật từ chế độ Ngủ hoặc Ngủ đông.

## Điều chỉnh âm lượng loa trong mặc định

- 1 Từ bảng điều khiển, vuốt sang phải đến trung tâm điều khiển.
- 2 Điều chỉnh âm lượng.

### Lưu ý:

- Nếu Chế độ im lặng được bật thì cảnh báo âm thanh sẽ tắt. Cài đặt này cũng sẽ làm chậm hiệu suất của máy in.
- Âm lượng sẽ đặt lại về giá trị mặc định sau khi người dùng thoát khỏi chế độ Trợ năng hoặc khi máy in được bật từ chế độ Ngủ hoặc Ngủ đông.

## Bật mật khẩu bằng giọng nói hoặc mã số nhận dạng cá nhân

- 1 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Thiết bị > Trợ năng > Nói mật khẩu/mã PIN**.
- 2 Bật cài đặt.

## Nạp giấy và giấy chuyên dụng

### Đặt kích thước và loại giấy chuyên dụng

Đối với các loại giấy chuyên dụng như nhãn, bì hoặc phong bì, hãy làm như sau:

- 1 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Giấy > Cấu hình khay > Khổ giấy/Loại giấy**.
- 2 Chọn nguồn giấy, rồi đặt khổ giấy và loại giấy chuyên dụng.

### Cấu hình cài đặt giấy Thông dụng

Menu **Thiết lập chung** cho phép bạn đặt chiều rộng và chiều cao của khổ giấy không được thiết lập sẵn trong máy in.

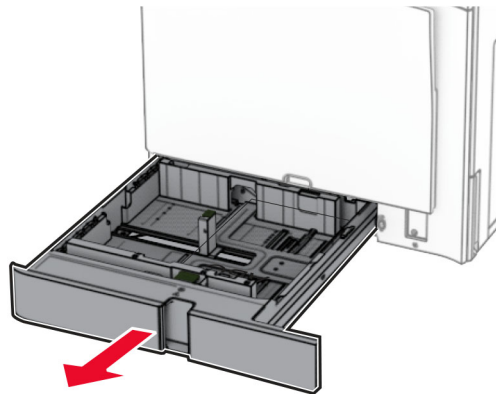
- 1 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Giấy > Cấu hình giấy > Thiết lập chung**.
- 2 Chọn **Tất cả khay nạp giấy**, rồi đặt cấu hình cài đặt cho khổ giấy mà bạn muốn tùy chỉnh.

## Nạp giấy vào khay 550 tờ

**⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ LẬT ĐỔ:** Để giảm rủi ro mất ổn định thiết bị, hãy nạp riêng từng khay. Đóng tất cả các khay khác cho đến khi cần dùng.

### 1 Mở khay.

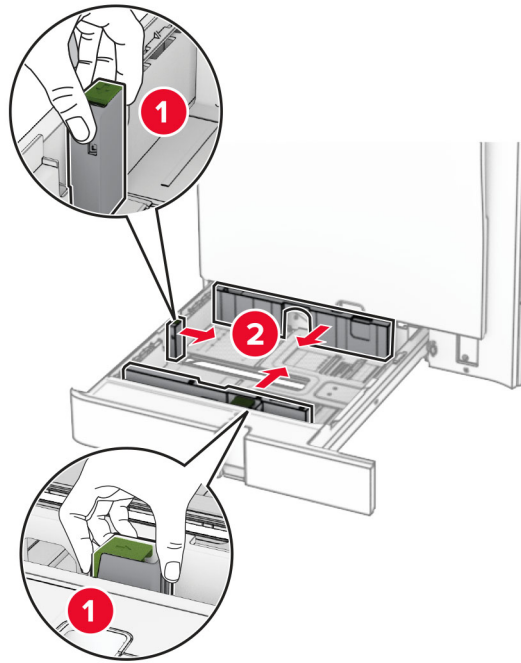
**Lưu ý:** Để tránh giấy kẹt, không mở khay trong khi máy in đang bận.



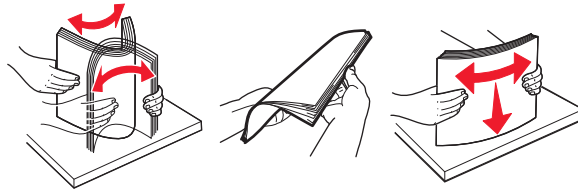
### 2 Điều chỉnh thanh dẫn giấy cho khớp với khổ giấy đang nạp.

**Lưu ý:**

- Sử dụng các chỉ báo ở dưới cùng của khay để định vị các thanh dẫn giấy.
- Chỉ khay 550 tờ chuẩn mới hỗ trợ giấy dập lỗ sẵn.
- Chỉ khay 550 tờ tùy chọn mới hỗ trợ giấy khổ A3.



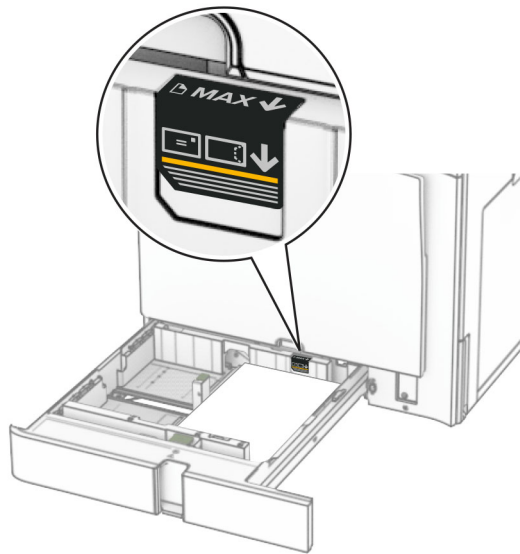
3 Gập, xòe và canh chỉnh các mép giấy trước khi nạp.



4 Nạp chồng giấy với mặt in hướng lên trên.

Lưu ý:

- Không trượt giấy vào khay.
- Đảm bảo thanh dẫn mặt bên bám khít vào giấy.
- Đảm bảo chiều cao chồng giấy thấp hơn chỉ báo nạp giấy tối đa. Nạp giấy dư có thể gây kẹt giấy.

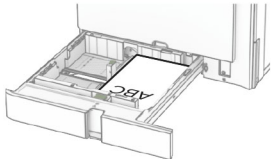
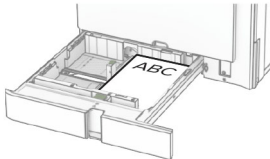
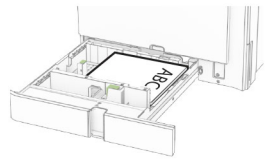
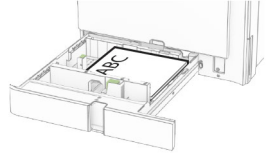
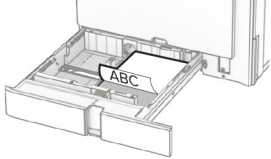
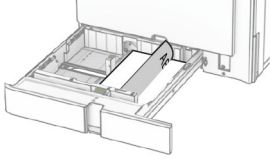


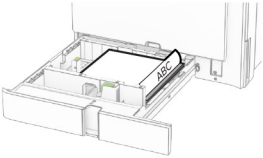
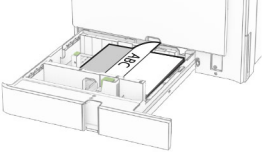
**5 Lắp khay vào.**

Nếu cần, hãy đặt khổ giấy và loại giấy sao cho phù hợp với giấy đã nạp vào các khay.

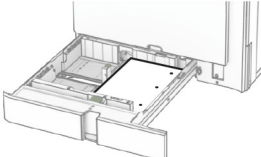
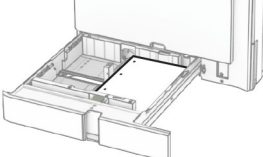
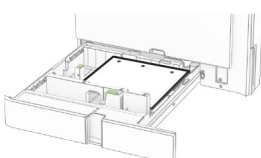
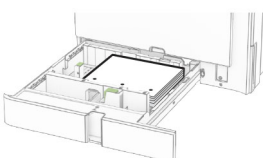
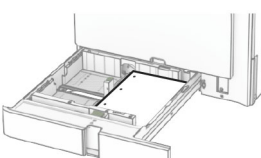
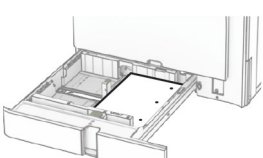
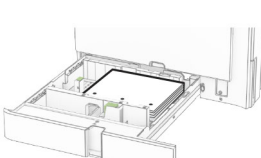
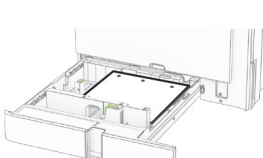
**Lưu ý:** Khi được lắp bộ hoàn thiện, máy in sẽ xoay giấy 180° khi in.

**Khi nạp giấy tiêu đề, hãy thực hiện một trong các thao tác sau:**

Không có bộ hoàn thiện	Có bộ hoàn thiện
 <p>In một mặt, theo cạnh dài</p>	 <p>In một mặt, theo cạnh dài</p>
 <p>In một mặt, theo cạnh ngắn</p>	 <p>In một mặt, theo cạnh ngắn</p>
 <p>In hai mặt, theo cạnh dài</p>	 <p>In hai mặt, theo cạnh dài</p>

Không có bộ hoàn thiện	Có bộ hoàn thiện
	
In hai mặt, theo cạnh ngắn	In hai mặt, theo cạnh ngắn

Khi nạp giấy đã dập lỗ sẵn, hãy thực hiện một trong các thao tác sau:

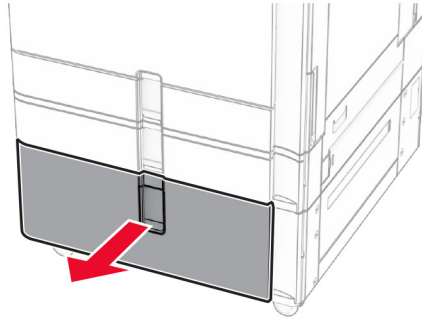
Không có bộ hoàn thiện tùy chọn	Có bộ hoàn thiện tùy chọn
	
In một mặt, theo cạnh dài	In một mặt, theo cạnh dài
	
In một mặt, theo cạnh ngắn	In một mặt, theo cạnh ngắn
	
In hai mặt, theo cạnh dài	In hai mặt, theo cạnh dài
	
In hai mặt, theo cạnh ngắn	In hai mặt, theo cạnh ngắn

## Nạp giấy vào khay song song 2000 tờ

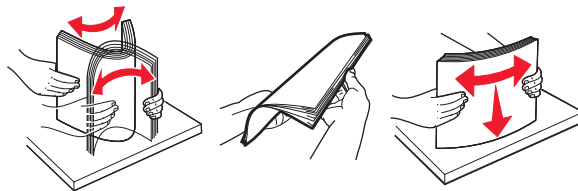
**⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ LẬT ĐỔ:** Để giảm rủi ro mất ổn định thiết bị, hãy nạp riêng từng khay. Đóng tất cả các khay khác cho đến khi cần dùng.

### 1 Mở khay.

**Lưu ý:** Để tránh giấy kẹt, không kéo khay ra trong khi máy in đang bận.



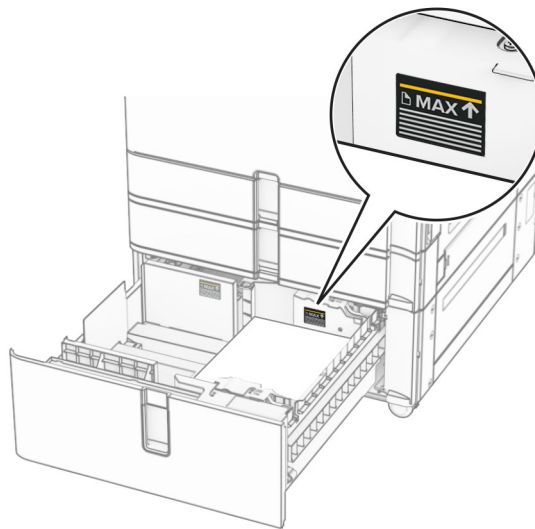
2 Gập, xòe và canh chỉnh các mép giấy trước khi nạp.



3 Nạp chồng giấy vào bộ chèn khay bên phải sao cho mặt in hướng lên trên.

Lưu ý:

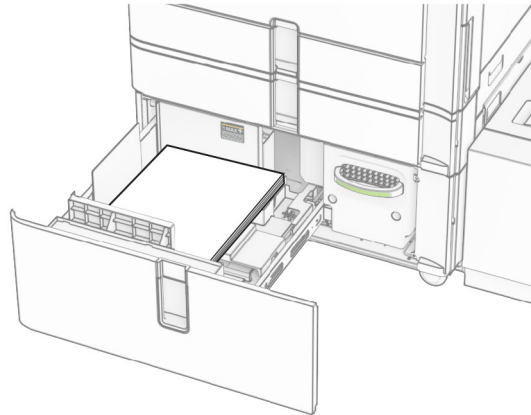
- Không trượt giấy vào khay.
- Đảm bảo chiều cao chồng giấy thấp hơn chỉ báo nạp giấy tối đa. Nạp giấy dư có thể gây kẹt giấy.



4 Lắp bộ chèn khay bên phải vào máy in.



**5** Nạp chồng giấy vào bộ chèn khay bên trái sao cho mặt in hướng lên trên.

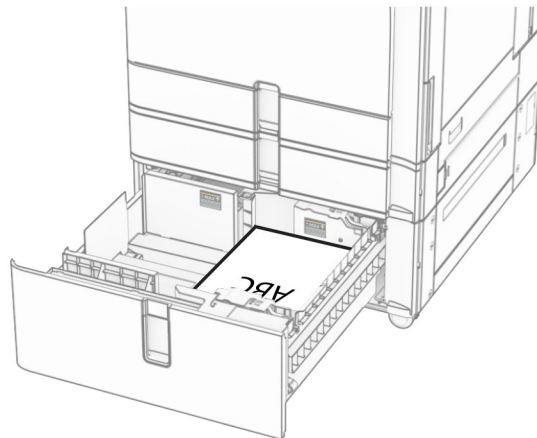


**6** Lắp khay vào.

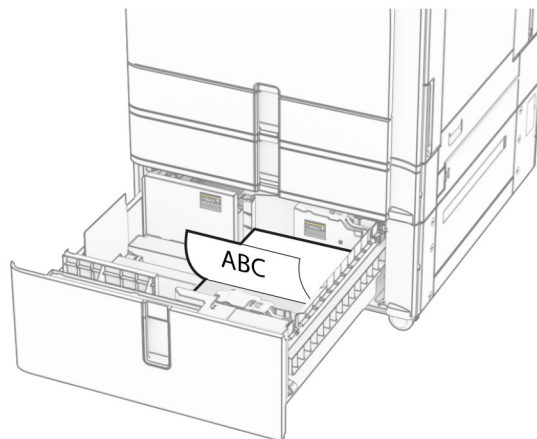
Nếu cần, cài đặt khổ giấy và loại giấy sao cho phù hợp với giấy đã nạp vào các khay.

**Lưu ý:** Khi được lắp bộ hoàn thiện, máy in sẽ xoay giấy 180° khi in.

Khi nạp giấy tiêu đề để in một mặt, hãy nạp giấy quay mặt lên với tiêu đề hướng về phía trước của khay.



Khi nạp giấy tiêu đề để in hai mặt, hãy nạp giấy úp xuống với tiêu đề hướng về phía trước của khay.

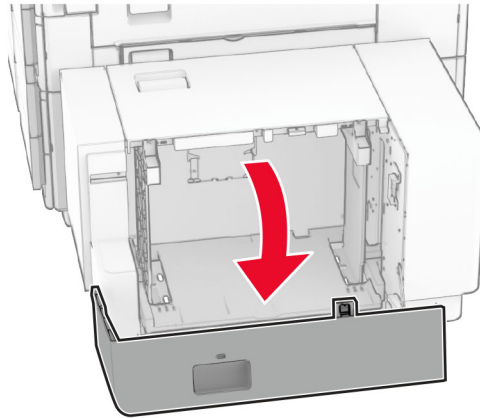


## Nạp giấy vào khay 1500 tờ

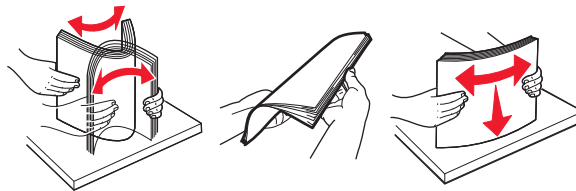
**⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ LẬT ĐỔ:** Để giảm rủi ro mất ổn định thiết bị, hãy nạp riêng từng khay. Đóng tất cả các khay khác cho đến khi cần dùng.

### 1 Mở cửa K.

**Lưu ý:** Để tránh giấy kẹt, không mở khay trong khi máy in đang bận.



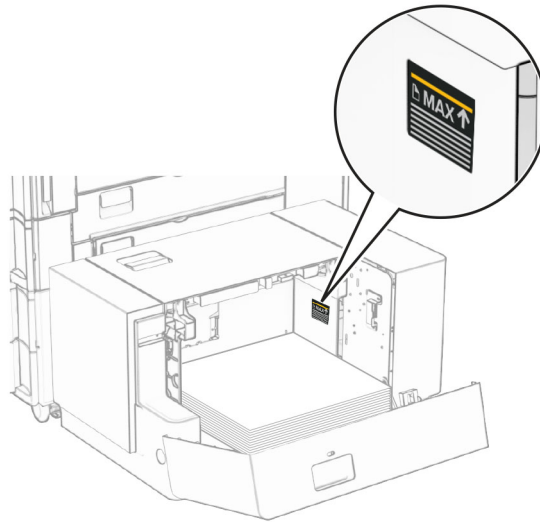
### 2 Gập, xòe và canh chỉnh các mép giấy trước khi nạp.



### 3 Nạp chồng giấy với mặt in úp xuống.

**Lưu ý:**

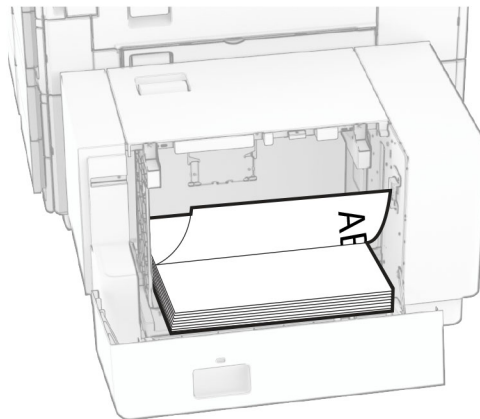
- Không trượt giấy vào khay.
- Đảm bảo chiều cao chồng giấy thấp hơn chỉ báo nạp giấy tối đa. Nạp giấy dư có thể gây kẹt giấy.



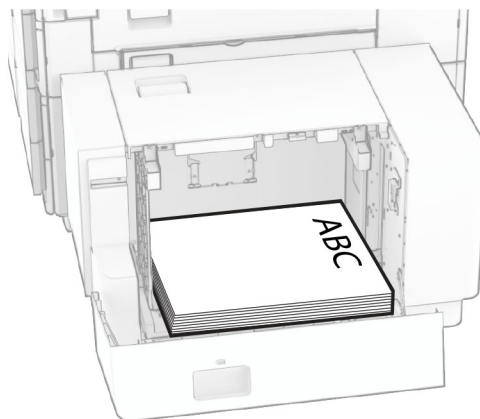
#### 4 Đóng cửa K.

Nếu cần, cài đặt khổ giấy và loại giấy sao cho phù hợp với giấy đã nạp vào các khay.

Khi nạp giấy tiêu đề để in một mặt, hãy nạp giấy úp xuống với tiêu đề hướng về phía sau của máy in.

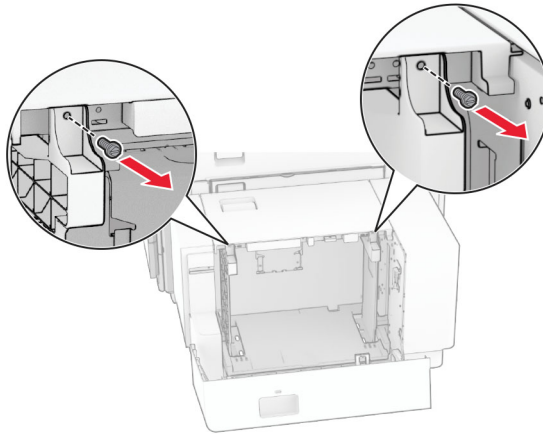


Khi nạp giấy tiêu đề để in hai mặt, hãy nạp giấy quay mặt lên với tiêu đề hướng về phía sau của máy in.

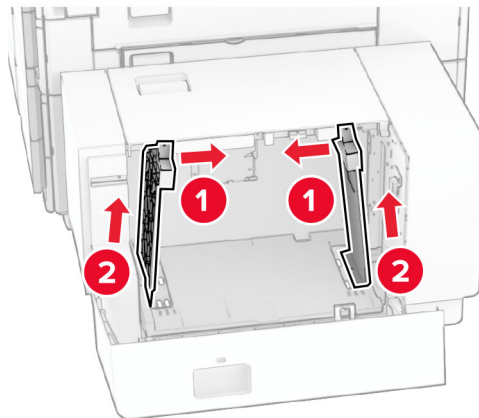


Khi nạp khổ giấy khác, bạn hãy nhớ điều chỉnh thanh dẫn. Thực hiện như sau:

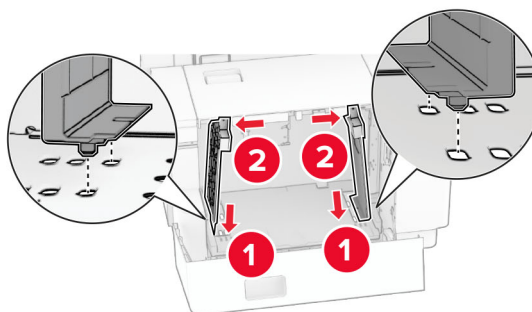
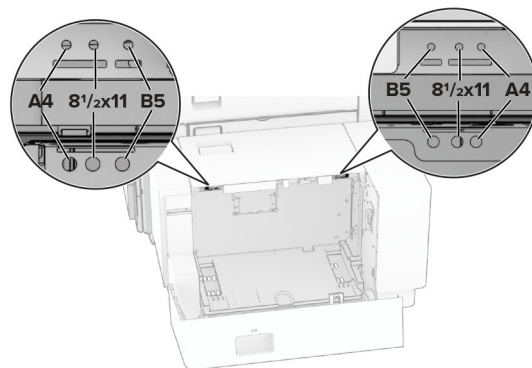
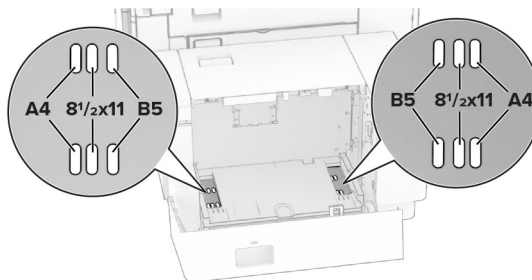
- 1 Dùng tua vít đầu dẹt để tháo các vít ra khỏi thanh dẫn giấy.



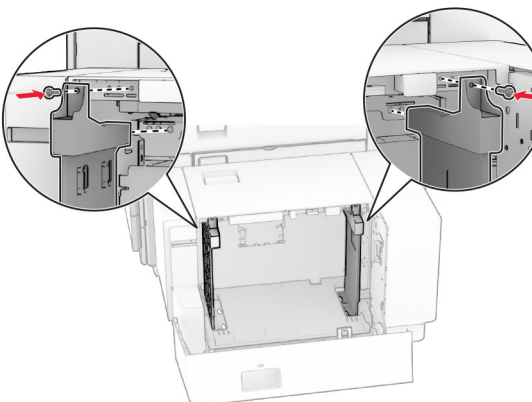
- 2 Tháo thanh dẫn giấy.



**3** Căn chỉnh thanh dẫn giấy cho khớp với khổ giấy bạn đang nạp.

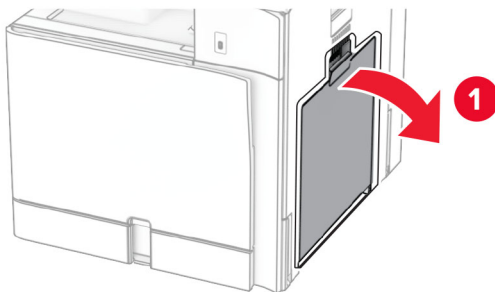


**4** Lắp vít vào thanh dẫn giấy.

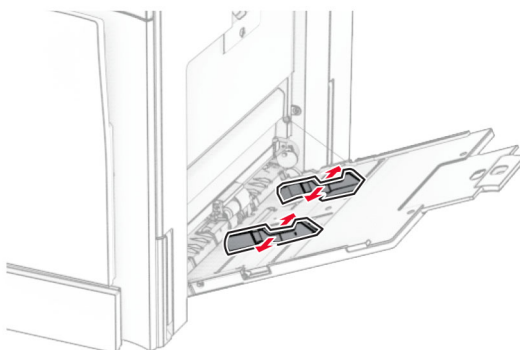


## Nạp khay nạp giấy đa năng

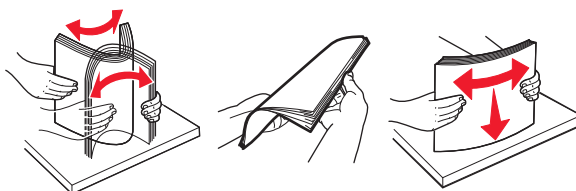
1 Mở khay nạp giấy đa năng.



2 Điều chỉnh thanh dẫn mặt bên cho khớp với khổ giấy bạn đang nạp.



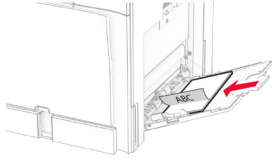
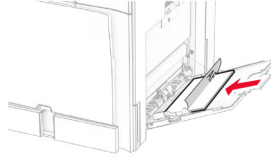
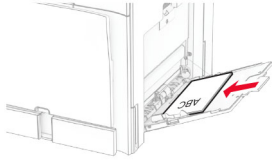
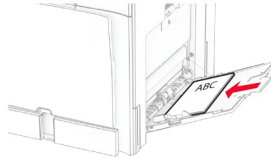
3 Gập, xòe và canh chỉnh các mép giấy trước khi nạp.




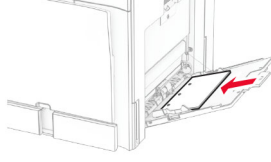
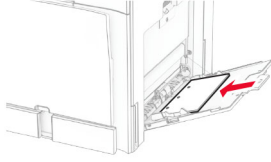
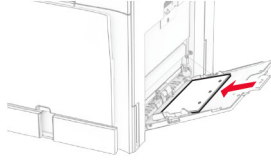
4 Nạp giấy vào.

**Lưu ý:** Đảm bảo thanh dẫn mặt bên bám khít vào giấy.

- Khi nạp giấy tiêu đề, hãy thực hiện một trong hai thao tác sau:

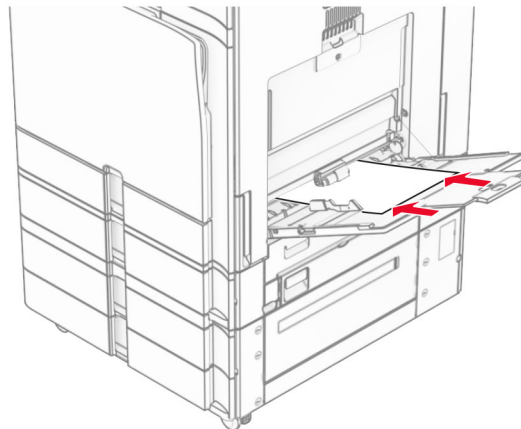
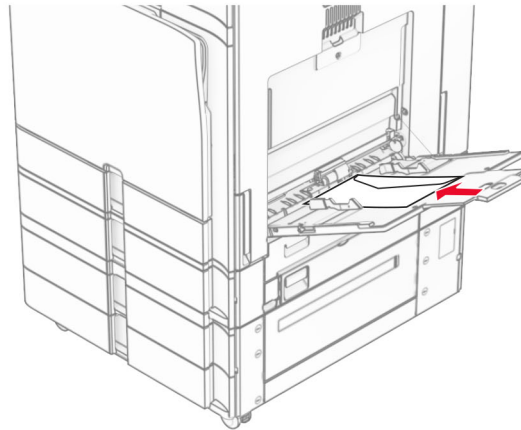
Không có bộ hoàn thiện	Có bộ hoàn thiện
 <p data-bbox="558 483 841 512">In một mặt, theo cạnh dài</p>	 <p data-bbox="860 483 1143 512">In một mặt, theo cạnh dài</p>
 <p data-bbox="558 714 841 743">In hai mặt, theo cạnh dài</p>	 <p data-bbox="860 714 1143 743">In hai mặt, theo cạnh dài</p>

Khi nạp giấy đã dập lỗ sẵn, hãy thực hiện một trong hai thao tác sau:

Không có bộ hoàn thiện	Có bộ hoàn thiện
 <p data-bbox="537 1071 820 1100">In một mặt, theo cạnh dài</p>	 <p data-bbox="839 1071 1122 1100">In một mặt, theo cạnh dài</p>
 <p data-bbox="537 1302 820 1331">In hai mặt, theo cạnh dài</p>	 <p data-bbox="839 1302 1122 1331">In hai mặt, theo cạnh dài</p>

Đối với phong bì

Nạp phong bì sao cho phần nắp ngửa lên trên hướng về phía sau máy in. Nạp phong bì của châu Âu sao cho phần nắp ngửa lên trên và được đưa vào khay nạp giấy đa năng trước.



**Lưu ý:** Nếu lắp bộ hoàn thiện, máy in sẽ xoay trang 180°.

## Liên kết các khay

1 Mở trình duyệt web, sau đó nhập địa chỉ IP của máy in vào trường địa chỉ.

**Lưu ý:**

- Xem địa chỉ IP của máy in trên màn hình chính của máy in. Địa chỉ IP hiển thị dưới dạng bốn bộ số được phân tách bằng dấu chấm, chẳng hạn như 123.123.123.123.
- Nếu đang dùng máy chủ proxy, hãy tạm thời tắt đi để tải trang web chính xác.

2 Nhấp vào **Cài đặt > Giấy > Cấu hình khay**.

3 Cài đặt cùng khổ giấy và loại giấy cho các khay bạn đang liên kết.

**Lưu ý:** Đảm bảo nạp giấy vào các khay được liên kết theo cùng hướng giấy.

4 Lưu cài đặt.

5 Nhấp vào **Cài đặt > Thiết bị > Bảo trì > Menu cấu hình > Cấu hình khay**.



6 Đặt Liên kết khay thành Tự động.

7 Lưu cài đặt.

Để hủy liên kết các khay, hãy đảm bảo các khay không có cùng cài đặt khổ giấy và loại giấy.

**Cảnh báo—Nguy cơ hỏng:** Nhiệt độ của bộ sấy thay đổi tùy theo loại giấy được chỉ định. Để tránh sự cố in, hãy cài đặt loại giấy trong máy in tương ứng với giấy đã nạp vào khay.

## Cài đặt và cập nhật phần mềm, trình điều khiển và phần mềm cơ sở

### Cài đặt phần mềm máy in

Lưu ý:

- Trình điều khiển in được bao gồm trong gói trình cài đặt phần mềm.
- Đối với máy tính Macintosh chạy hệ điều hành MacOS phiên bản 10.7 trở lên, bạn không cần cài đặt trình điều khiển để in trên máy in được chứng nhận AirPrint. Nếu bạn muốn các tính năng in tùy chỉnh, hãy tải xuống trình điều khiển in.

1 Lấy bản sao của gói trình cài đặt phần mềm.

- Từ đĩa CD phần mềm đi kèm với máy in của bạn.
- Truy cập [www.lexmark.com/downloads](http://www.lexmark.com/downloads).

2 Chạy trình cài đặt, sau đó làm theo hướng dẫn trên màn hình máy tính.

### Thêm máy in vào máy tính

Trước khi bắt đầu, hãy thực hiện một trong các thao tác sau:

- Kết nối máy in và máy tính với cùng một mạng. Để biết thêm thông tin về cách kết nối máy in với mạng, hãy xem [“Kết nối máy in với mạng Wi-Fi” trên trang 229](#).
- Kết nối máy tính với máy in. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem [“Kết nối máy tính với máy in” trên trang 231](#).
- Kết nối máy in với máy tính bằng cáp USB. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem [“Các cổng máy in” trên trang 58](#).

Lưu ý: Cáp USB được bán riêng.

### Đối với người dùng Windows

1 Cài đặt trình điều khiển in trên máy tính.

Lưu ý: Để biết thêm thông tin, vui lòng xem [“Cài đặt phần mềm máy in” trên trang 81](#).

2 Mở **Máy in & máy quét**, rồi nhấp vào **Thêm máy in hoặc máy quét**.

3 Tùy thuộc vào kết nối máy in của bạn, hãy thực hiện một trong các thao tác sau:

- Chọn máy in từ danh sách, sau đó nhấp vào **Thêm thiết bị**.
- Nhấp vào **Hiển thị máy in hỗ trợ Wi-Fi Direct**, chọn một máy in, sau đó nhấp vào **Thêm thiết bị**.

- Nhấp vào **Máy in tôi muốn không được liệt kê**, sau đó từ cửa sổ **Thêm máy in**, hãy làm như sau:
  - a Chọn **Thêm máy in bằng tên máy chủ hoặc địa chỉ IP**, sau đó nhấp vào **Tiếp theo**.
  - b Trong trường Loại thiết bị, chọn **Thiết bị TCP/IP**.
  - c Trong trường Tên máy chủ hoặc Địa chỉ IP, nhập địa chỉ IP của máy in, rồi nhấp vào **Tiếp theo**.

**Lưu ý:**

- Xem địa chỉ IP của máy in trên màn hình chính của máy in. Địa chỉ IP hiển thị dưới dạng bốn bộ số được phân tách bằng dấu chấm, chẳng hạn như 123.123.123.123.
  - Nếu đang dùng máy chủ proxy, hãy tạm thời tắt đi để tải trang web chính xác.
- d Chọn một trình điều khiển in, sau đó nhấp vào **Tiếp theo**.
  - e Chọn **Sử dụng trình điều khiển hiện đang được cài đặt (khuyến nghị)**, rồi nhấp vào **Tiếp theo**.
  - f Nhập tên máy in, sau đó nhấp vào **Tiếp theo**.
  - g Nhấp vào **Kết thúc**.

## Đối với người dùng Macintosh

- 1 Mở **Máy in & Máy quét**.
- 2 Nhấp vào **Thêm máy in, máy quét hoặc máy fax**, sau đó chọn máy in.
- 3 Từ menu **Thêm máy in**, chọn trình điều khiển in.

**Lưu ý:**

- Để sử dụng trình điều khiển in Macintosh, chọn **AirPrint** hoặc **AirPrint bảo mật**.
- Nếu bạn muốn các tính năng in tùy chỉnh, hãy chọn trình điều khiển in của Lexmark. Để cài đặt trình điều khiển, hãy xem [“Cài đặt phần mềm máy in” trên trang 81](#).

- 4 Thêm máy in.

## Xuất tập tin cấu hình

- 1 Mở trình duyệt web, sau đó nhập địa chỉ IP của máy in vào trường địa chỉ.

**Lưu ý:**

- Xem địa chỉ IP của máy in trên màn hình chính của máy in. Địa chỉ IP hiển thị dưới dạng bốn bộ số được phân tách bằng dấu chấm, chẳng hạn như 123.123.123.123.
- Nếu đang dùng máy chủ proxy, hãy tạm thời tắt đi để tải trang web chính xác.

- 2 Từ Máy chủ web nhúng, nhấp vào **Xuất cấu hình**.
- 3 Chọn cấu hình để xuất.

**Lưu ý:** Tùy theo cấu hình đã chọn, tập tin có thể được xuất ra định dạng ZIP hoặc CSV.

## Nhập tập tin cấu hình

- 1 Mở trình duyệt web, sau đó nhập địa chỉ IP của máy in vào trường địa chỉ.

**Lưu ý:**

- Xem địa chỉ IP của máy in trên màn hình chính của máy in. Địa chỉ IP hiển thị dưới dạng bốn bộ số được phân tách bằng dấu chấm, chẳng hạn như 123.123.123.123.

- Nếu đang dùng máy chủ proxy, hãy tạm thời tắt đi để tải trang web chính xác.

2 Từ Máy chủ web nhúng, nhấp vào **Nhập cấu hình**.

3 Duyệt đến vị trí lưu tập tin.

**Lưu ý:** Tập tin được lưu ở định dạng ZIP hoặc CSV.

4 Nhấp vào **Nhập**.

## Thêm các tùy chọn có sẵn vào trình điều khiển in

### Đối với người dùng Windows

- 1 Mở thư mục máy in.
- 2 Chọn máy in bạn muốn cập nhật, sau đó thực hiện một trong các thao tác sau:
  - Đối với Windows 7 trở lên, chọn **Thuộc tính máy in**.
  - Đối với các phiên bản trước, chọn **Thuộc tính**.
- 3 Điều hướng đến tab **Cấu hình**, sau đó chọn **Cập nhật ngay - Hời máy in**.
- 4 Áp dụng thay đổi.

### Đối với người dùng Macintosh

- 1 Mở **Máy in & Máy quét**.
- 2 Nhấp vào **Thêm máy in, máy quét hoặc máy fax**, sau đó chọn máy in.
- 3 Chọn trình điều khiển in.
- 4 Áp dụng thay đổi.

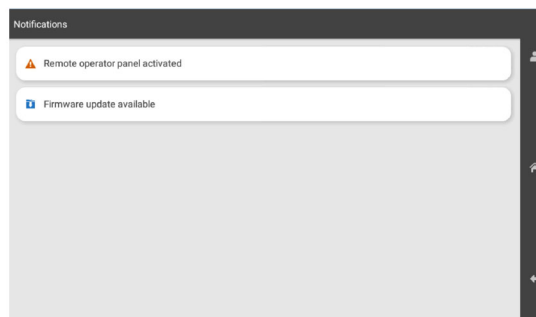
## Cập nhật phần mềm cơ sở

### Cập nhật phần mềm cơ sở bằng bảng điều khiển

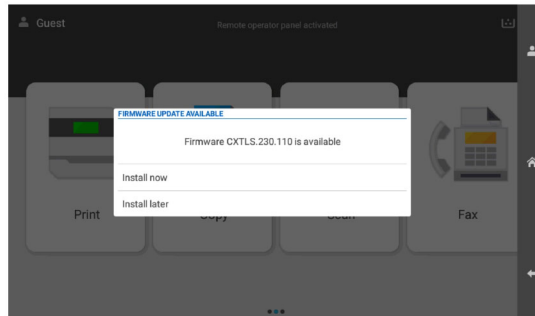
#### Sử dụng trung tâm thông báo

Chỉ có thể sử dụng phương thức này ở một số model máy in.

- 1 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến trung tâm thông báo, rồi chọn **Bản cập nhật phần mềm cơ sở có sẵn**.



## 2 Chọn Cài đặt ngay.



Máy in tự động khởi động lại sau khi cập nhật.

### Sử dụng menu Cài đặt

- 1 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Thiết bị > Cập nhật phần mềm cơ sở**.
- 2 Chọn **Kiểm tra các bản cập nhật** hoặc **Kiểm tra các bản cập nhật ngay** tùy theo model máy in của bạn.
- 3 Nếu đã có bản cập nhật mới, hãy chọn **Cài đặt ngay**..

Máy in tự động khởi động lại sau khi cập nhật.

## Cập nhật phần mềm cơ sở bằng Máy chủ web nhúng

Trước khi bắt đầu, hãy đảm bảo rằng:

- Bạn đã tải xuống phần mềm cơ sở mới nhất của máy in từ <https://support.lexmark.com> và lưu vào ổ flash hoặc máy tính của bạn.

**Lưu ý:** Để triển khai phần mềm cơ sở của máy in, hãy giải nén tập tin phần mềm cơ sở FLS từ gói ZIP.

- Bạn hiện không sử dụng mã đặc biệt trên máy in để tránh bị mất chức năng này.

**Cảnh báo—Nguy cơ hỏng:** Đảm bảo tất cả máy in nhận bản cập nhật phần mềm cơ sở đều bật trong toàn bộ quá trình cập nhật phần mềm cơ sở. Nếu tắt máy in trong khi cập nhật phần mềm cơ sở, máy in có thể bị hư hỏng nghiêm trọng.

Nếu máy in được kết nối mạng trong quá trình kiểm tra bản cập nhật, bạn không cần phải tải xuống phần mềm cơ sở.

- 1 Mở trình duyệt web, sau đó nhập địa chỉ IP của máy in vào trường địa chỉ.

**Lưu ý:**

- Xem địa chỉ IP của máy in trên màn hình chính của máy in. Địa chỉ IP hiển thị dưới dạng bốn bộ số được phân tách bằng dấu chấm, chẳng hạn như 123.123.123.123.
- Nếu đang dùng máy chủ proxy, hãy tạm thời tắt đi để tải trang web chính xác.

- 2 Nhấp vào **Thiết bị**.

- 3 Cuộn xuống, rồi nhấp vào **Cập nhật phần mềm cơ sở**.

- 4 Nhấp vào **Kiểm tra các bản cập nhật** hoặc **Kiểm tra các bản cập nhật ngay** tùy theo model máy in của bạn. Nếu có bản cập nhật mới, hãy nhấp vào **Tôi đồng ý, bắt đầu cập nhật**.

Máy in tự động khởi động lại sau khi cập nhật.

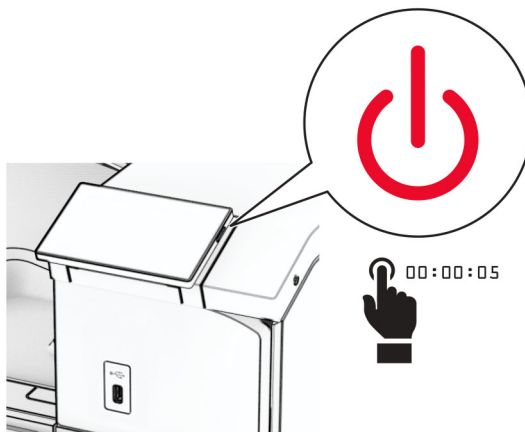
## Cài đặt tùy chọn phần cứng

### Lắp khay 550 tờ tùy chọn

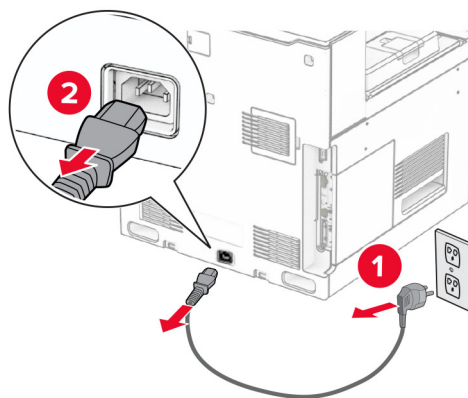
**⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ GIẬT ĐIỆN:** Để tránh rủi ro điện giật, nếu bạn tiếp cận bảng mạch điều khiển hoặc lắp đặt phần cứng hoặc thiết bị bộ nhớ tùy chọn sau khi cài đặt máy in, thì hãy tắt máy in, và rút dây nguồn khỏi ổ cắm điện trước khi tiếp tục. Nếu có thiết bị khác gắn liền với máy in thì hãy tắt chúng, và rút mọi dây cáp kết nối với máy in.

**Lưu ý:** Nhiệm vụ này cần tua vít đầu dẹt.

- 1 Tắt máy in.



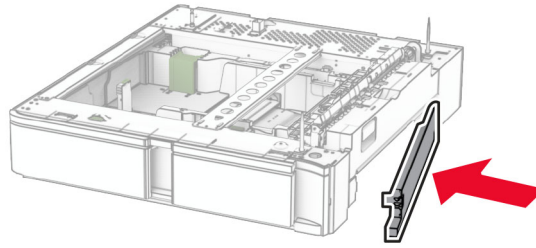
- 2 Rút dây nguồn ra khỏi ổ cắm điện và máy in.



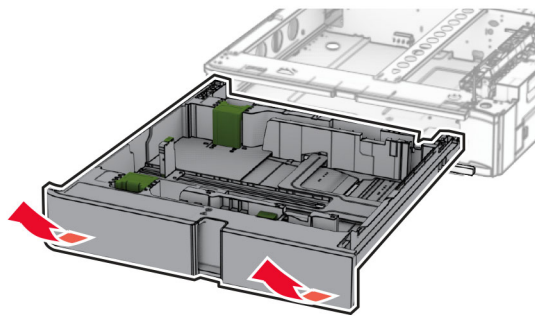
- 3 Mở bao bì của khay 550 tờ tùy chọn.

**Lưu ý:** Để tránh làm hỏng khay, hãy nhớ giữ phía trước và phía sau khi nâng khay.

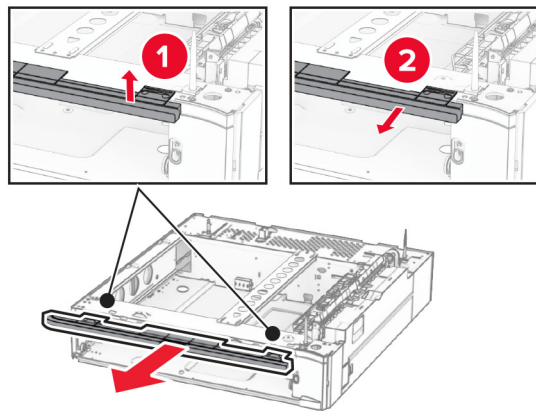
4 Gắn nắp bên phải của khay.



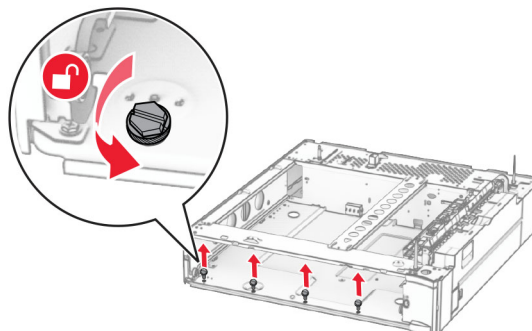
5 Kéo bộ chèn khay 550 tờ ra.



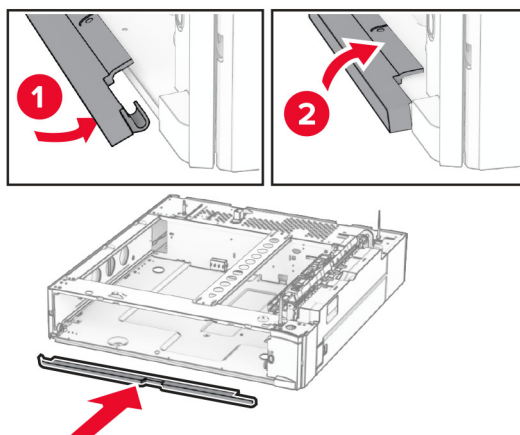
6 Tháo nắp trên của khay.



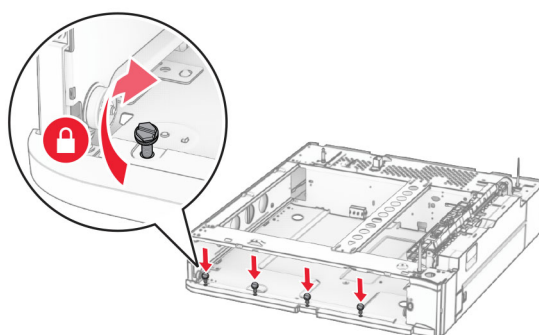
7 Tháo vít.



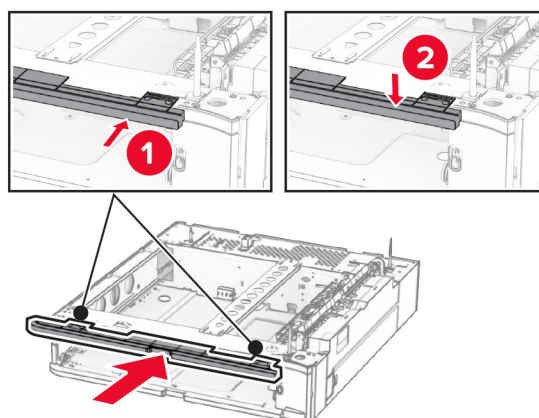
8 Gắn nắp dưới của khay.



9 Lắp vít.

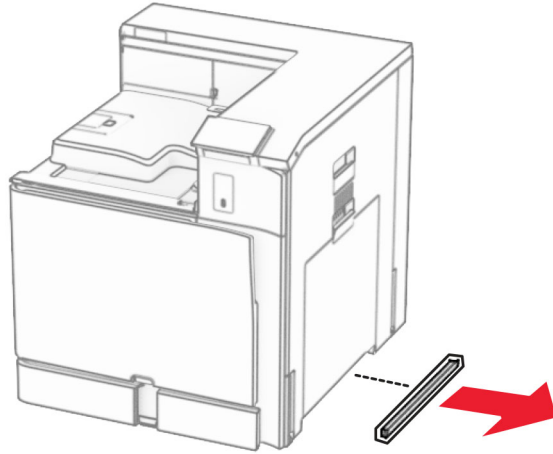


10 Gắn nắp trên của khay.



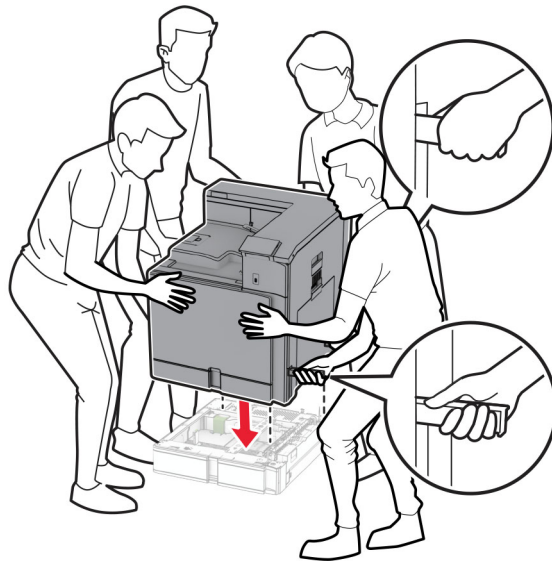
11 Lắp bộ chèn khay 550 tờ.

12 Tháo nắp phía dưới bên phải của máy in.



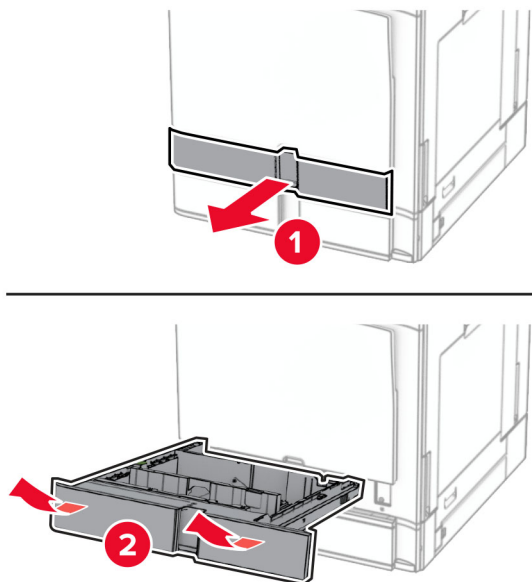
13 Căn chỉnh máy in với khay 550 tờ, sau đó hạ máy in xuống đúng vị trí.

**⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG:** Nếu máy in nặng hơn 20 kg (44 lb), có thể sẽ cần có 2 người trở lên để nâng máy in lên một cách an toàn.

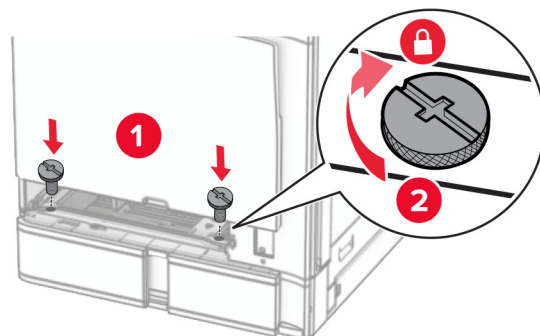


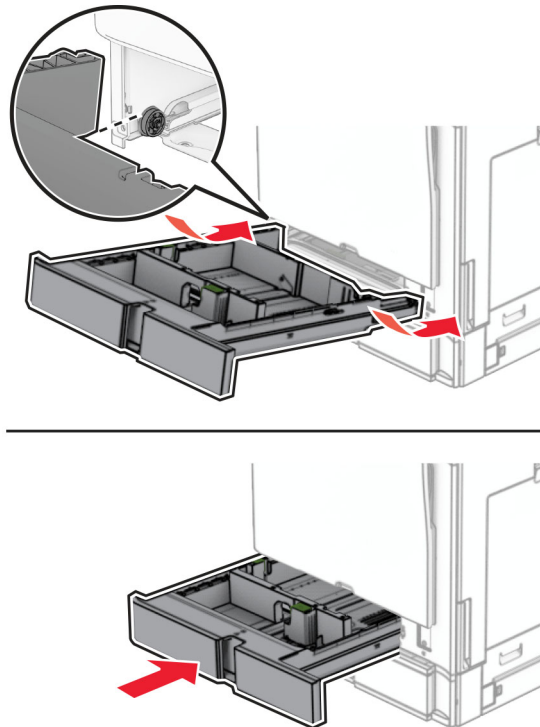
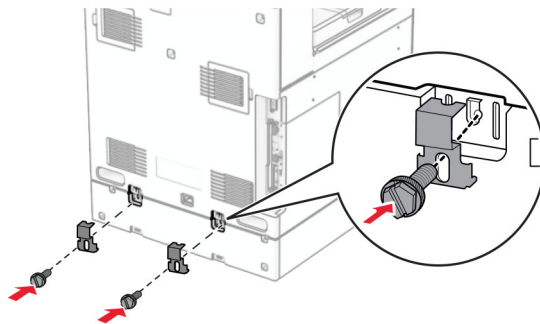


14 Kéo bộ chèn khay tiêu chuẩn ra.



15 Cố định khay 550 tờ vào máy in.



**16** Lắp bộ chèn khay tiêu chuẩn vào.**17** Gắn cố định phần phía sau của khay 550 tờ vào máy in.**18** Cắm một đầu dây nguồn với máy in, sau đó cắm đầu còn lại vào ổ cắm điện.

**⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG:** Để tránh rủi ro hỏa hoạn hoặc điện giật, hãy nối dây nguồn với ổ cắm điện có công suất định mức phù hợp, được nối đất đúng cách, gần với sản phẩm và dễ tiếp cận.

**19** Bật máy in.

Thêm khay vào trình điều khiển in để sẵn sàng thực hiện lệnh in. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem [“Thêm các tùy chọn có sẵn vào trình điều khiển in” trên trang 83](#).

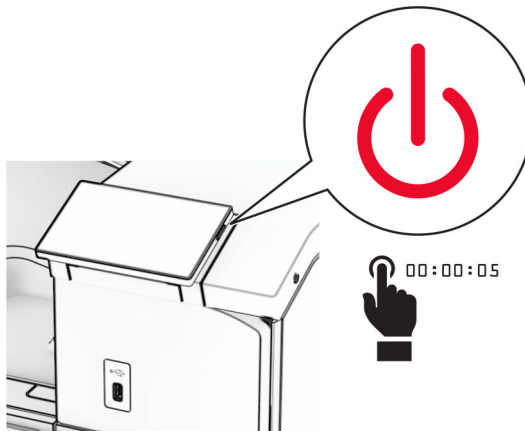
## Lắp khay 2 x 550 tờ

**⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ GIẬT ĐIỆN:** Để tránh rủi ro điện giật, nếu bạn tiếp cận bảng mạch điều khiển hoặc lắp đặt phần cứng hoặc thiết bị bộ nhớ tùy chọn sau khi cài đặt máy in, thì hãy tắt máy in và rút dây nguồn khỏi ổ cắm điện trước khi tiếp tục. Nếu có thiết bị khác gắn liền với máy in thì hãy tắt chúng, và rút mọi dây cáp kết nối với máy in.

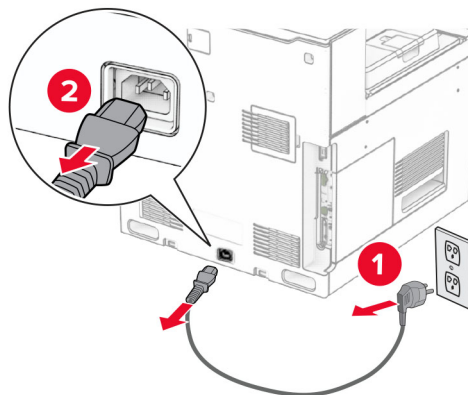
### Lưu ý:

- Bạn phải lắp tùy chọn này cùng với khay 550 tờ tùy chọn. Đặt bộ phận tùy chọn này ở cuối cấu hình.
- Nếu bạn đã lắp khay 550 tờ, hãy tháo khay ra, tháo nắp hông của khay, tháo nắp dưới của khay rồi đặt khay lên trên tùy chọn này.
- Nhiệm vụ này cần tua vít đầu dẹt.

#### 1 Tắt máy in.

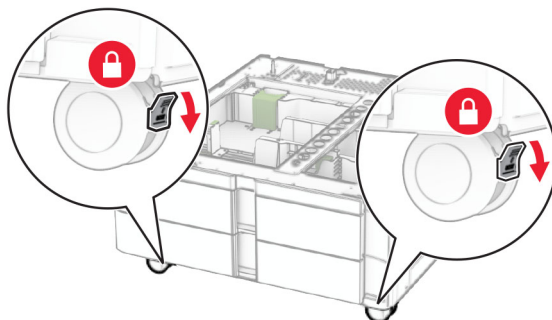


#### 2 Rút dây nguồn ra khỏi ổ cắm điện và máy in.



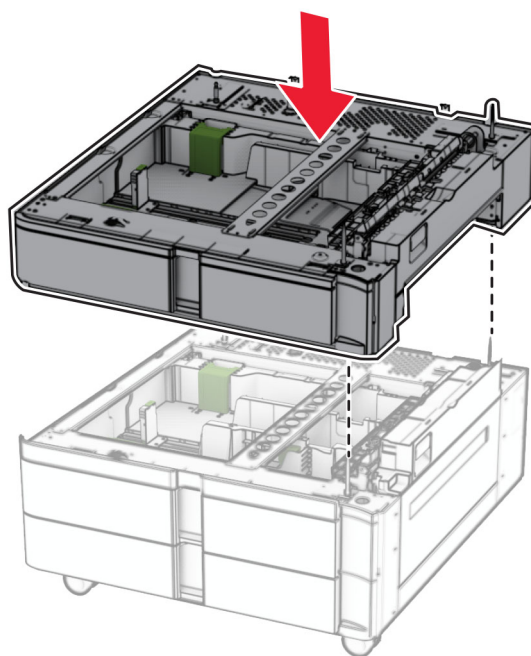
#### 3 Mở bao bì của khay 2 x 550 tờ, sau đó lấy tất cả vật liệu đóng gói ra.

4 Khóa bánh xe để khay 2 x 550 tờ không bị di chuyển.

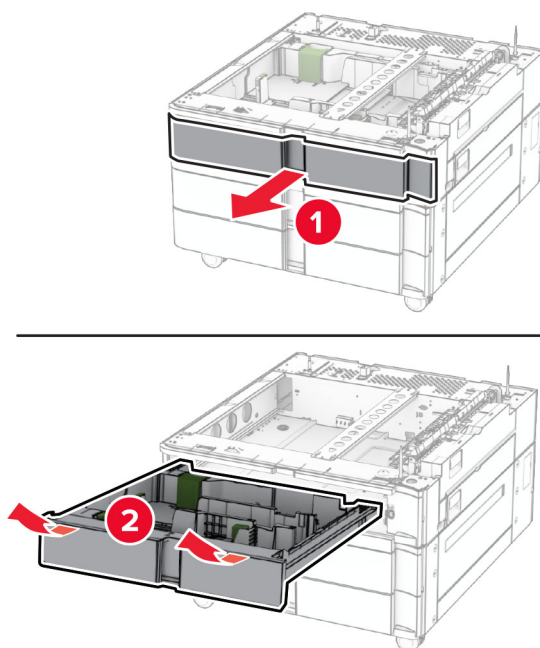


5 Căn chỉnh khay 550 tờ với khay 2 x 550 tờ, sau đó hạ khay xuống đúng vị trí.

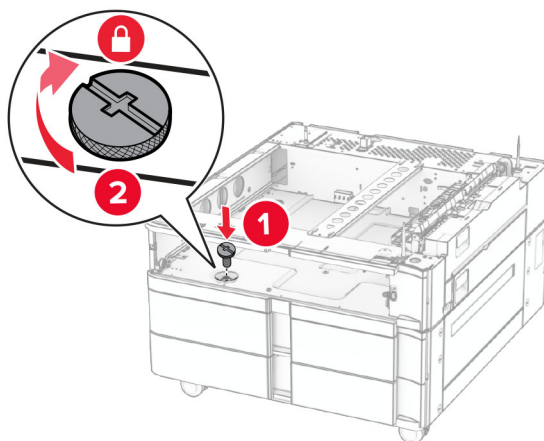
**Lưu ý:** Để tránh làm hỏng khay, hãy nhớ giữ phía trước và phía sau khi nâng khay.



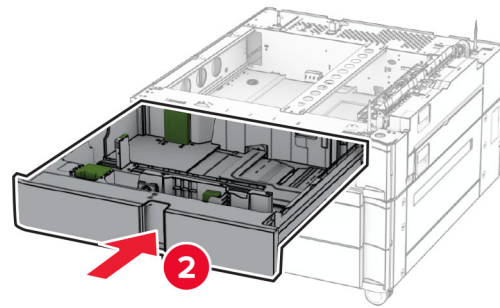
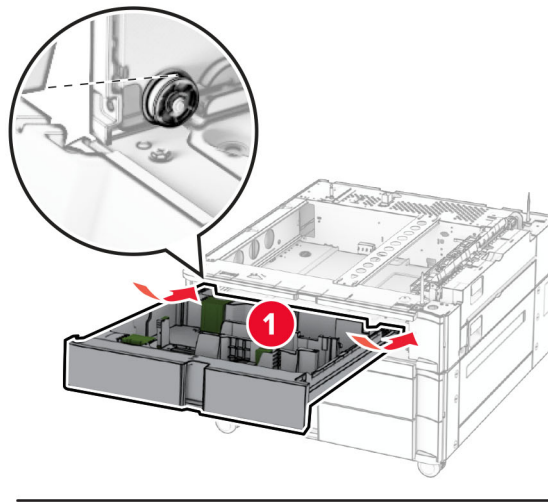
6 Kéo bộ chèn khay 550 tờ ra.



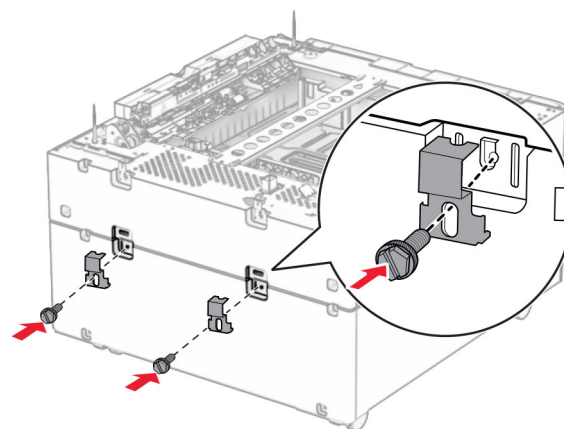
7 Gắn cố định khay 550 tờ với khay 2 x 550 tờ.



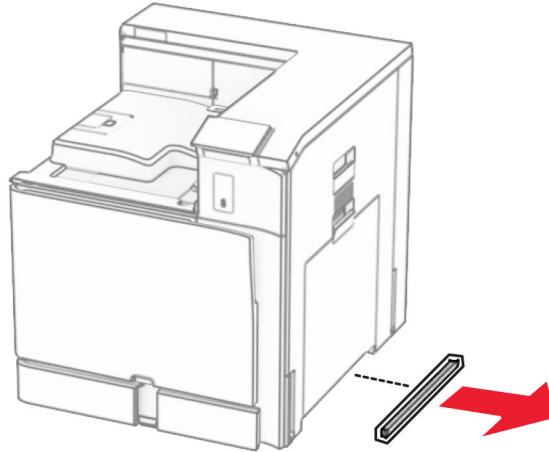
**8** Lắp bộ chèn khay 550 tờ.



**9** Gắn cố định phần phía sau của khay 550 tờ với khay 2 x 550 tờ.

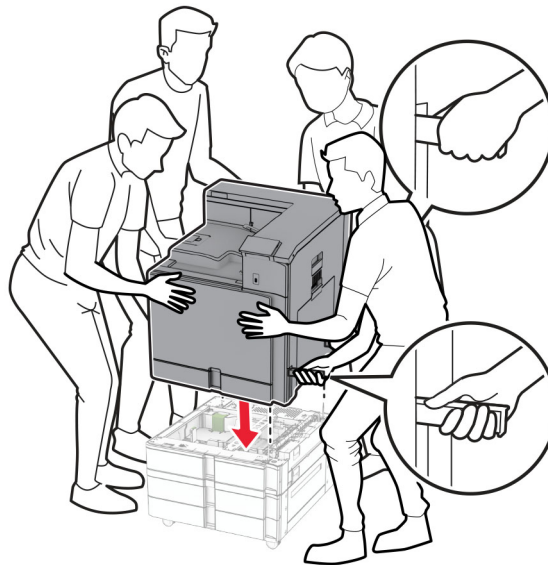


10 Tháo nắp phía dưới bên phải của máy in.

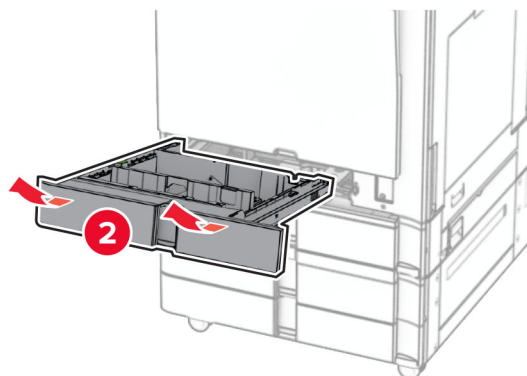
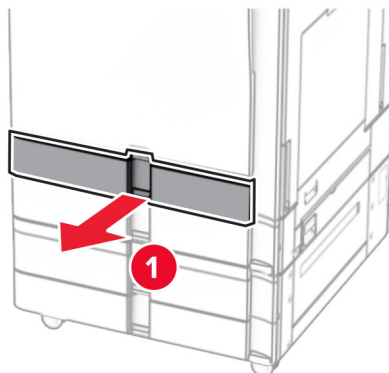


11 Căn chỉnh máy in với khay tùy chọn, sau đó hạ máy in xuống đúng vị trí.

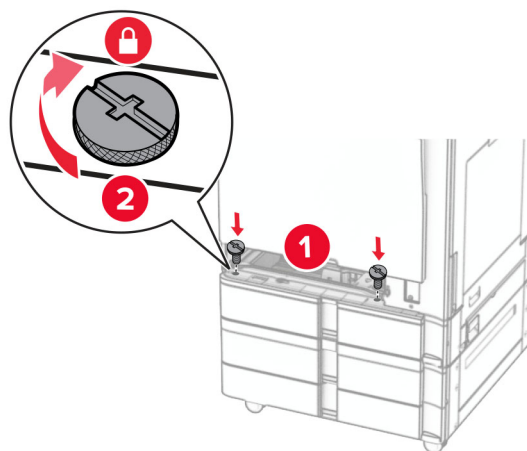
**⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG:** Nếu máy in nặng hơn 20kg (44lb), có thể sẽ cần có hai người trở lên để nâng máy in lên một cách an toàn.



12 Kéo bộ chèn khay tiêu chuẩn ra.



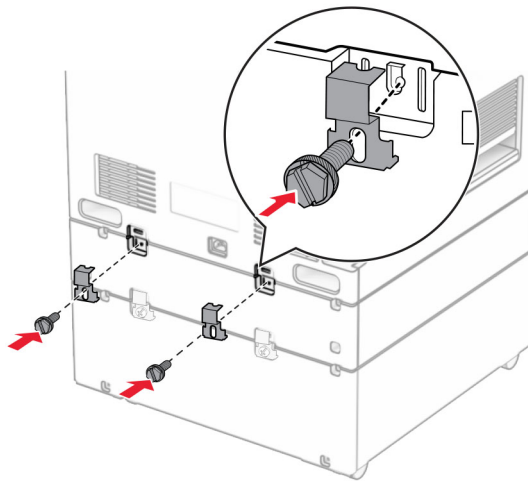
13 Cố định khay 550 tờ vào máy in.



14 Lắp bộ chèn khay tiêu chuẩn vào.



15 Gắn cố định phần phía sau của khay 550 tờ vào máy in.



16 Cắm một đầu dây nguồn với máy in, sau đó cắm đầu còn lại vào ổ cắm điện.

**⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG:** Để tránh rủi ro hỏa hoạn hoặc điện giật, hãy nối dây nguồn với ổ cắm điện có công suất định mức phù hợp, được nối đất đúng cách, gần với sản phẩm và dễ tiếp cận.

17 Bật máy in.

Thêm khay vào trình điều khiển in để sẵn sàng thực hiện lệnh in. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem [“Thêm các tùy chọn có sẵn vào trình điều khiển in” trên trang 83](#).

## Lắp khay song song 2000 tờ

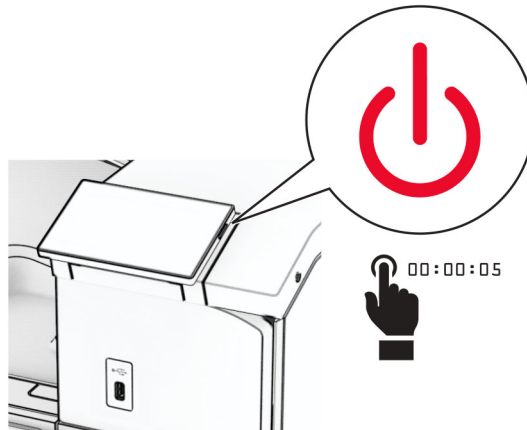
**⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ GIẬT ĐIỆN:** Để tránh rủi ro điện giật, nếu bạn tiếp cận bảng mạch điều khiển hoặc lắp đặt phần cứng hoặc thiết bị bộ nhớ tùy chọn sau khi cài đặt máy in, thì hãy tắt máy in, và rút dây nguồn khỏi ổ cắm điện trước khi tiếp tục. Nếu có thiết bị khác gắn liền với máy in thì hãy tắt chúng, và rút mọi dây cáp kết nối với máy in.

### Lưu ý:

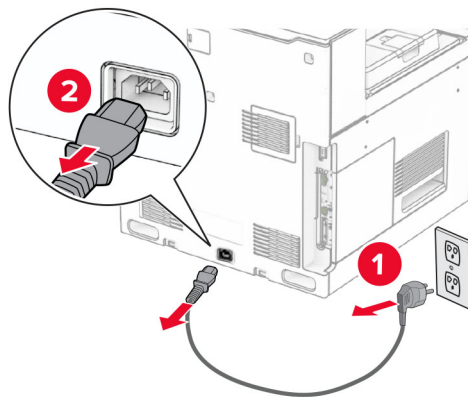
- Bạn phải lắp tùy chọn này cùng với khay 550 tờ tùy chọn. Đã đặt tùy chọn này ở cuối cấu hình.
- Nếu bạn đã lắp khay 550 tờ, hãy tháo khay ra, tháo nắp hông của khay, tháo nắp dưới của khay rồi đặt khay lên trên tùy chọn này.

- Nhiệm vụ này cần tua vít đầu dẹt.

1 Tắt máy in.

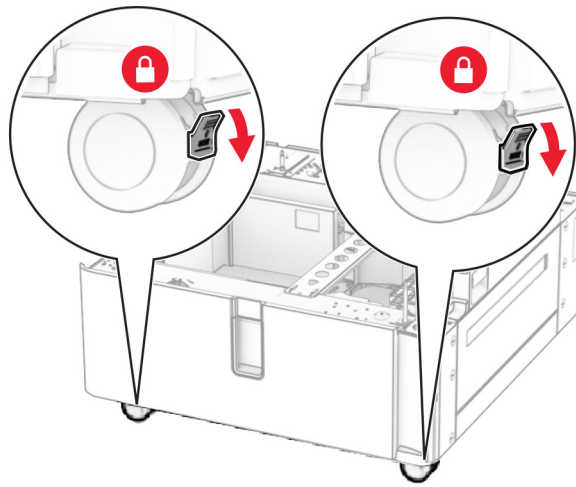


2 Rút dây nguồn ra khỏi ổ cắm điện và máy in.



3 Mở bao bì của khay song song, sau đó lấy tất cả vật liệu đóng gói ra.

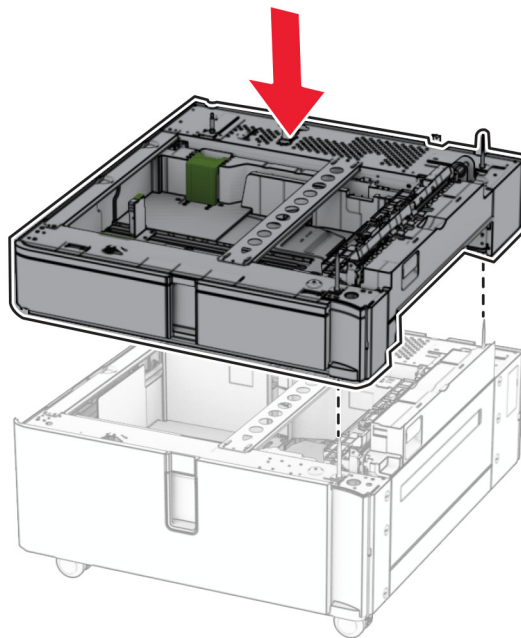
4 Khóa bánh xe để khay song song không bị di chuyển.



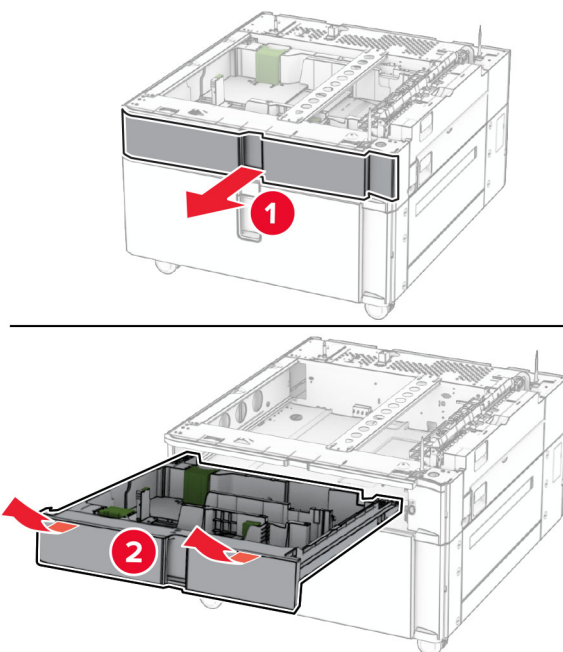
D

5 Căn chỉnh khay 550 tờ với khay song song rồi hạ khay xuống đúng vị trí.

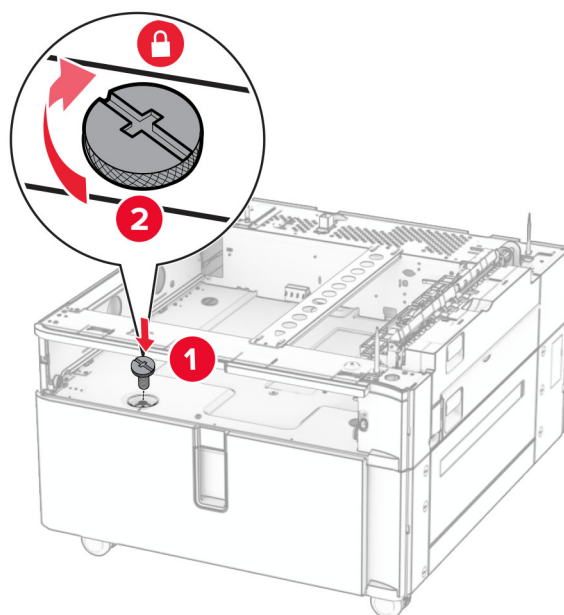
**Lưu ý:** Để tránh làm hỏng khay, hãy nhớ giữ phía trước và phía sau khi nâng khay.



6 Kéo bộ chèn khay 550 tờ ra.

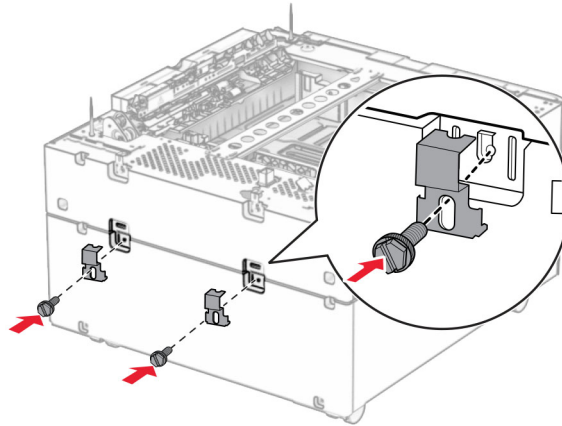


7 Gắn cố định khay 550 tờ với khay song song.

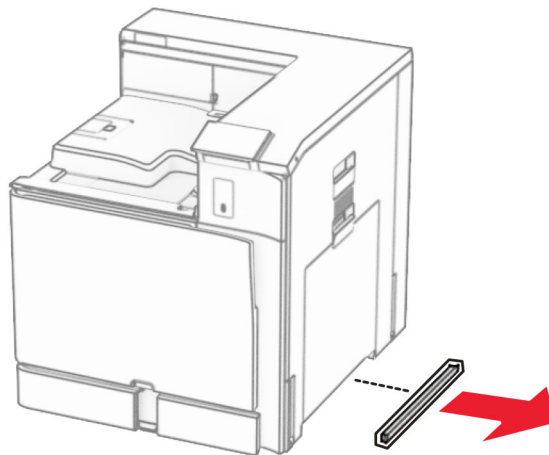


8 Lắp bộ chèn khay vào.

9 Gắn cố định phần phía sau của khay 550 tờ với khay song song.

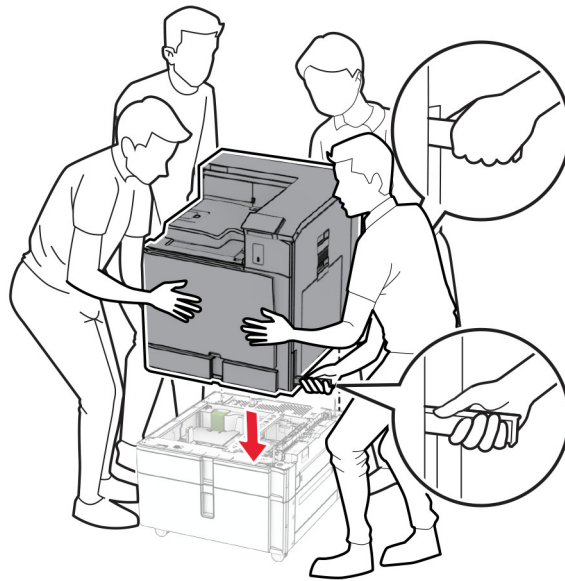


10 Tháo nắp phía dưới bên phải của máy in.

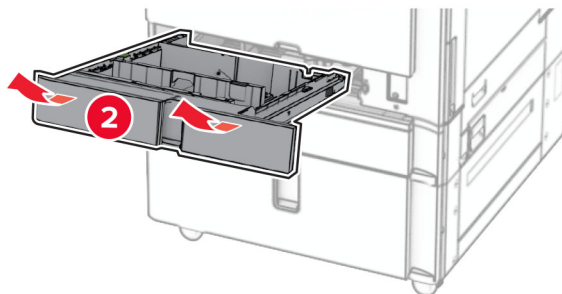
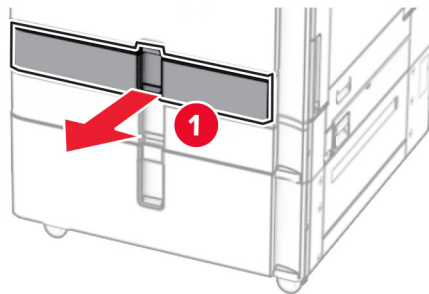


11 Căn chỉnh máy in với khay tùy chọn, sau đó hạ máy in xuống đúng vị trí.

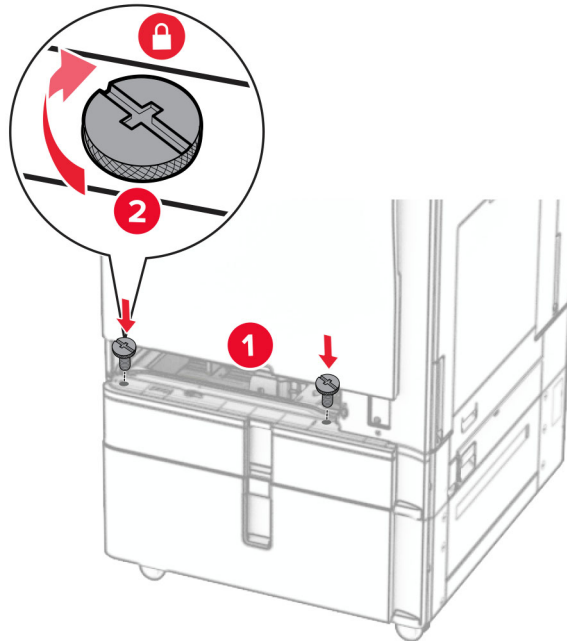
**⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG:** Nếu máy in nặng hơn 20kg (44lb), có thể sẽ cần có hai người trở lên để nâng máy in lên một cách an toàn.



12 Kéo khay tiêu chuẩn ra.

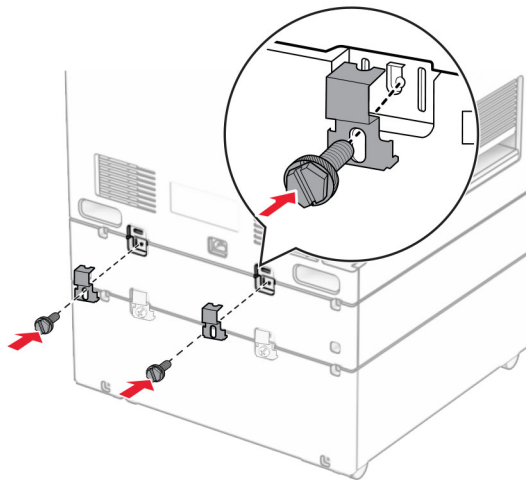


13 Cố định khay 550 tờ vào máy in.



14 Lắp khay vào.

15 Gắn cố định phần phía sau của khay 550 tờ vào máy in.



16 Cắm một đầu dây nguồn với máy in, sau đó cắm đầu còn lại vào ổ cắm điện.

**⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG:** Để tránh rủi ro hỏa hoạn hoặc điện giật, hãy nối dây nguồn với ổ cắm điện có công suất định mức phù hợp, được nối đất đúng cách, gần với sản phẩm và dễ tiếp cận.

17 Bật máy in.

Thêm khay vào trình điều khiển in để sẵn sàng thực hiện lệnh in. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem [“Thêm các tùy chọn có sẵn vào trình điều khiển in” trên trang 83](#).

## Lắp tử

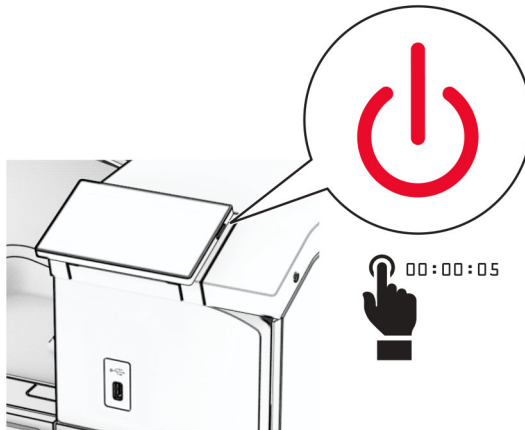
**⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ GIẬT ĐIỆN:** Để tránh rủi ro điện giật, nếu bạn tiếp cận bảng mạch điều khiển hoặc lắp đặt phần cứng hoặc thiết bị bộ nhớ tùy chọn sau khi cài đặt máy in, thì hãy tắt máy in và rút dây nguồn khỏi ổ cắm điện trước khi tiếp tục. Nếu có thiết bị khác gắn liền với máy in thì hãy tắt chúng, và rút mọi dây cáp kết nối với máy in.

### Lưu ý:

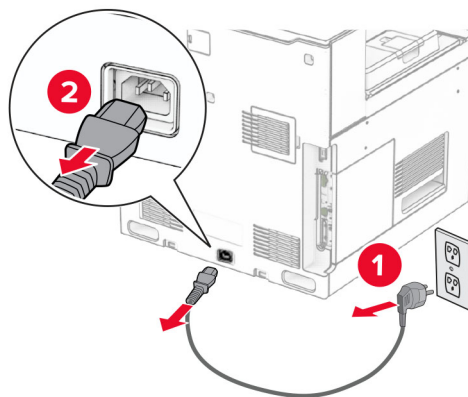
- Bạn phải lắp bộ phận tùy chọn này cùng với khay 550 tờ. Đặt bộ phận tùy chọn này ở cuối cấu hình.
- Nếu bạn đã lắp khay 550 tờ, hãy tháo khay ra, tháo nắp dưới của khay và đặt lên trên bộ phận tùy chọn này.
- Nhiệm vụ này cần tua vít đầu dẹt.

1 Mở bao bì, sau đó lắp tử.

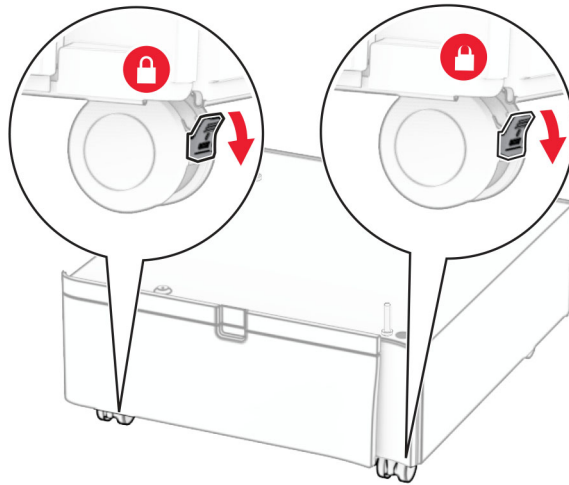
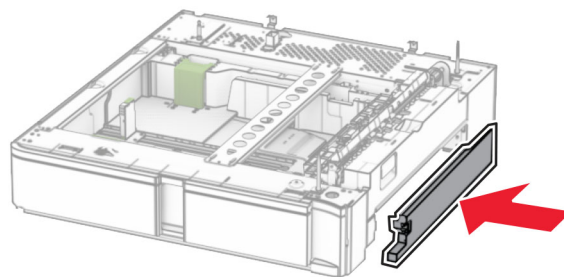
2 Tắt máy in.



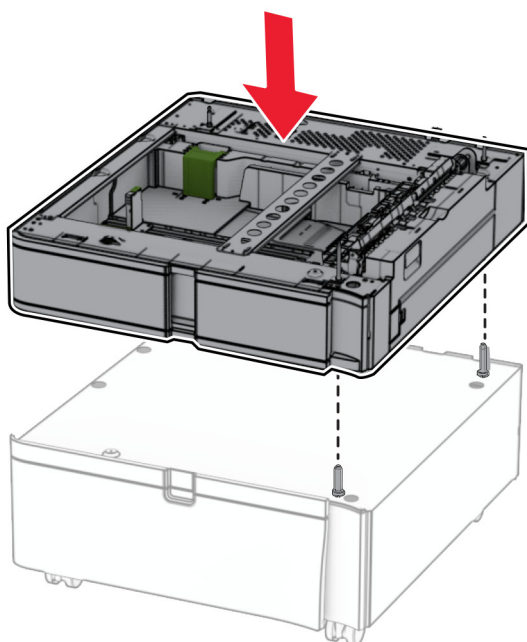
3 Rút dây nguồn ra khỏi ổ cắm điện và máy in.



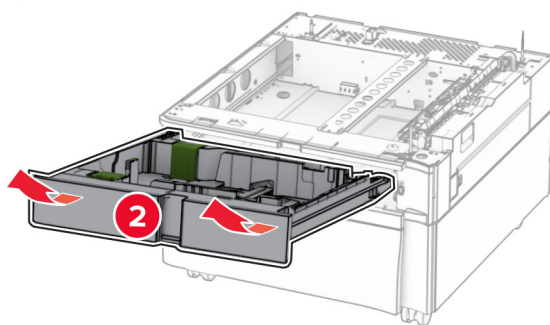
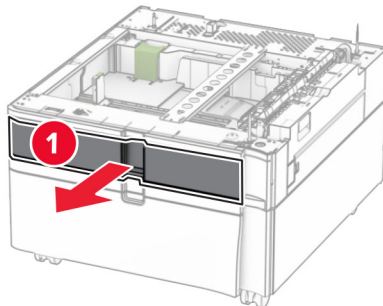


**4** Khóa bánh xe để ngăn tủ di chuyển.**5** Gắn nắp hông của khay 550 tờ.**6** Căn chỉnh khay với tủ rồi hạ khay vào đúng vị trí.

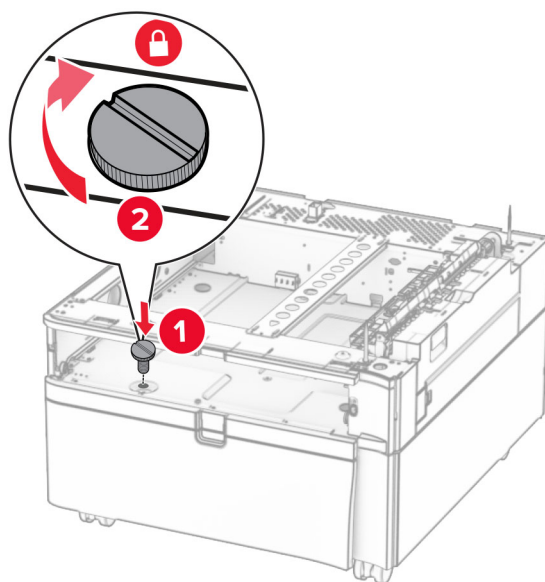
**Lưu ý:** Để tránh làm hỏng khay, hãy nhớ giữ phía trước và phía sau khi nâng khay.



7 Kéo bộ chèn khay ra.

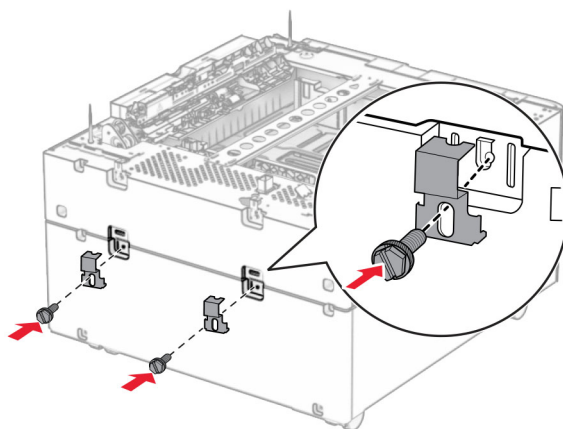


8 Cố định khay vào tủ.

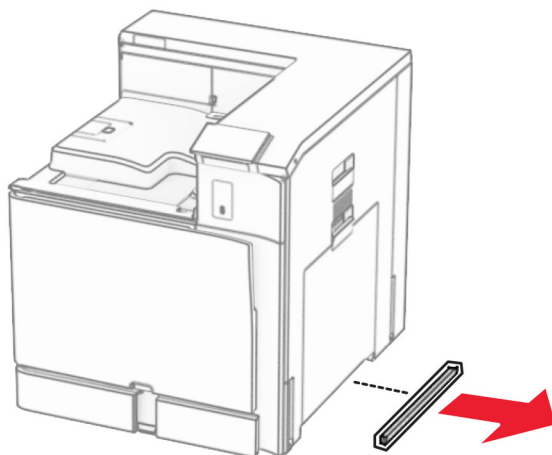


9 Lắp bộ chèn khay vào.

10 Cố định phần phía sau của khay vào tủ.

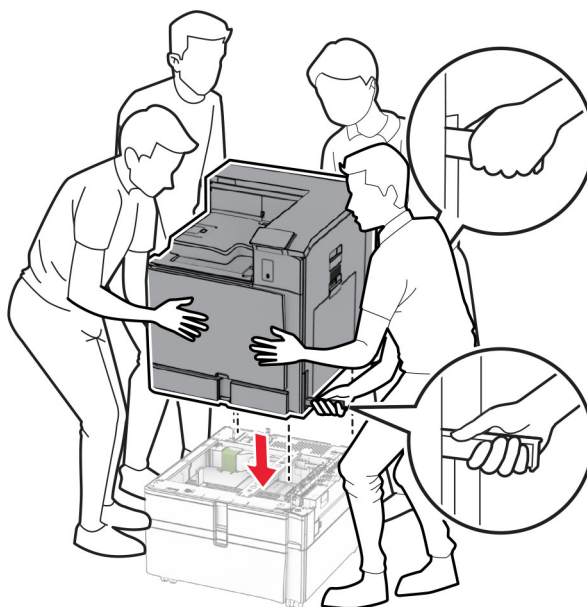


11 Tháo nắp phía dưới bên phải của máy in.



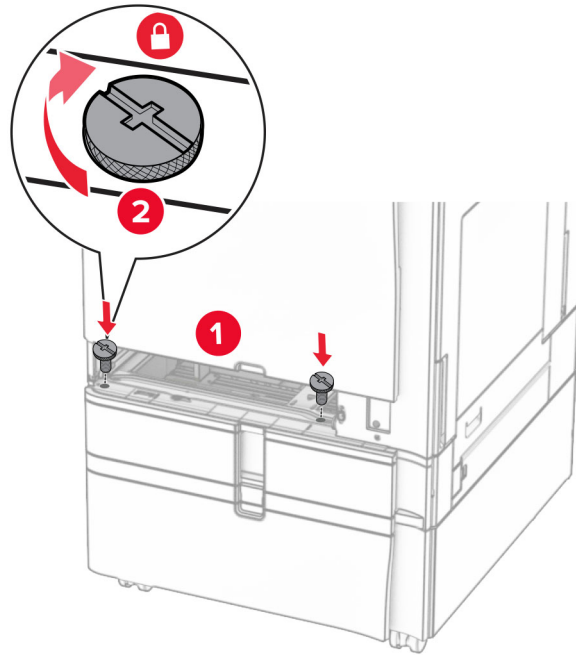
12 Căn chỉnh máy in với tủ và khay, sau đó hạ máy in xuống đúng vị trí.

**⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG:** Nếu máy in nặng hơn 20kg (44lb), có thể sẽ cần có hai người trở lên để nâng máy in lên một cách an toàn.



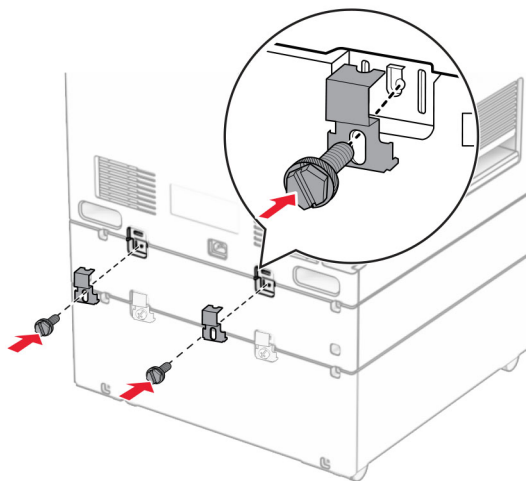
13 Kéo bộ chèn khay tiêu chuẩn ra.

**14** Cố định khay 550 tờ vào máy in.



**15** Lắp bộ chèn khay tiêu chuẩn vào.

**16** Gắn cố định phần phía sau của khay 550 tờ vào máy in.



17 Cắm một đầu dây nguồn với máy in, sau đó cắm đầu còn lại vào ổ cắm điện.

**⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ TỬN THƯƠNG:** Để tránh rủi ro hỏa hoạn hoặc điện giật, hãy nối dây nguồn với ổ cắm điện có công suất định mức phù hợp, được nối đất đúng cách, gần với sản phẩm và dễ tiếp cận.

18 Bật máy in.

## Lắp khay 1500 tờ

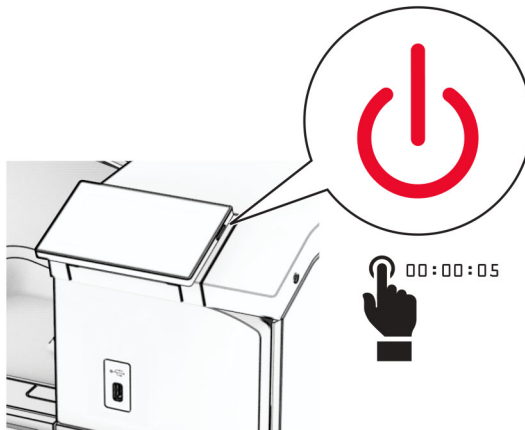
**⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ GIẬT ĐIỆN:** Để tránh rủi ro điện giật, nếu bạn tiếp cận bảng mạch điều khiển hoặc lắp đặt phần cứng hoặc thiết bị bộ nhớ tùy chọn sau khi cài đặt máy in, thì hãy tắt máy in, và rút dây nguồn khỏi ổ cắm điện trước khi tiếp tục. Nếu có thiết bị khác gắn liền với máy in thì hãy tắt chúng, và rút mọi dây cáp kết nối với máy in.

Lưu ý:

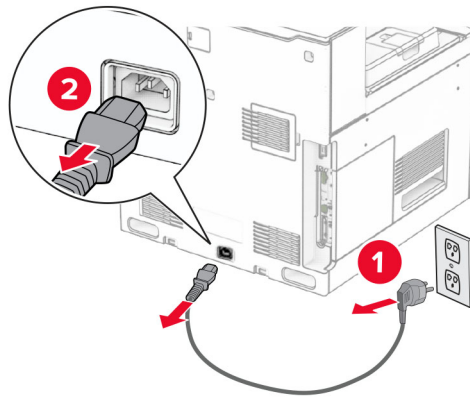
- Trước khi lắp bộ phận tùy chọn này, hãy đảm bảo rằng bạn đã lắp khay 550 tờ tùy chọn và khay 2 x 500 tờ hoặc khay 2000 tờ.
- Nhiệm vụ này cần tua vít đầu dẹt.

Lưu ý:

1 Tắt máy in.

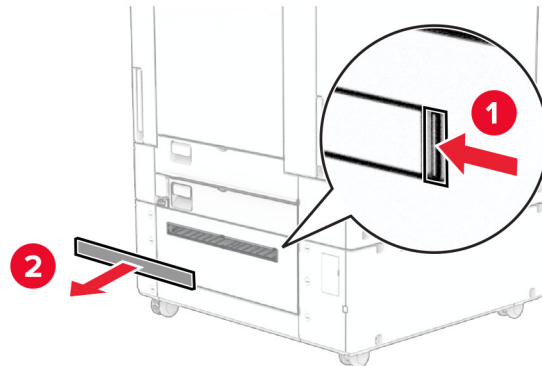


**2** Rút dây nguồn ra khỏi ổ cắm điện và máy in.



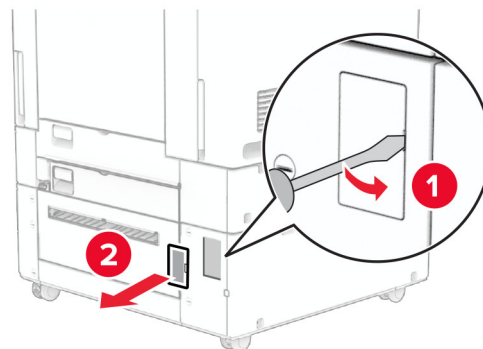
**3** Tháo nắp nối.

**Lưu ý:** Đừng vứt bỏ nắp.



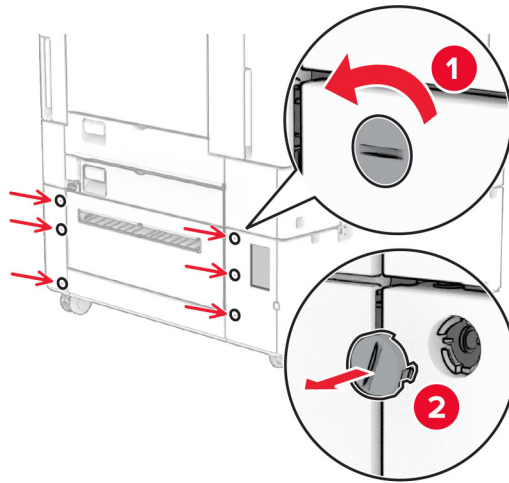
**4** Tháo nắp cổng.

**Lưu ý:** Đừng vứt bỏ nắp.



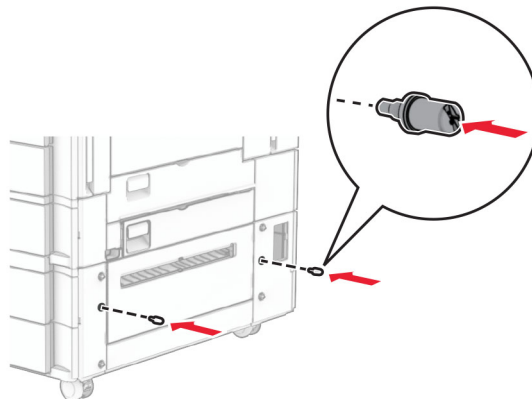
**5** Tháo mũ vít khỏi máy in.

**Lưu ý:** Đừng vứt bỏ mũ vít.



**6** Mở bao bì của khay 1500 tờ, sau đó lấy tất cả vật liệu đóng gói ra.

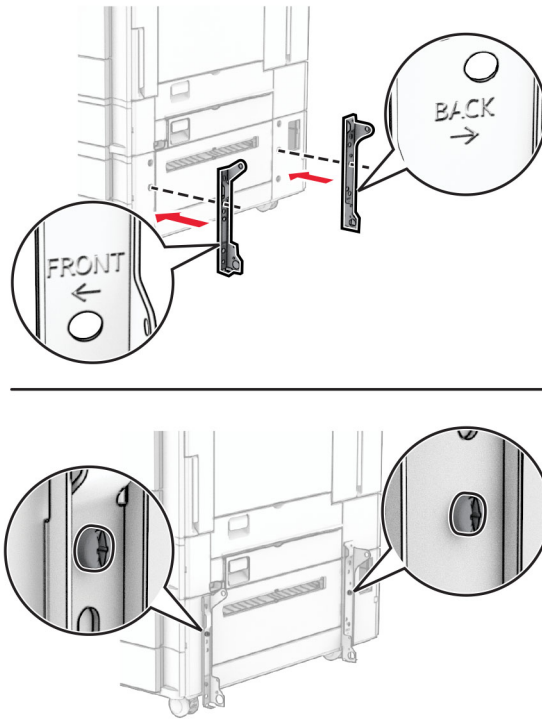
**7** Lắp vít vào giá đỡ.



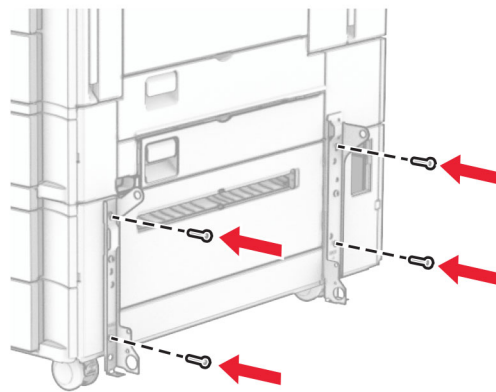
**8** Lắp giá đỡ vào máy in.

**Lưu ý:** Sử dụng giá đỡ và vít đi kèm theo khay 1500 tờ.

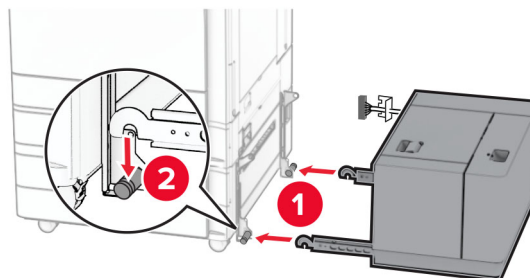




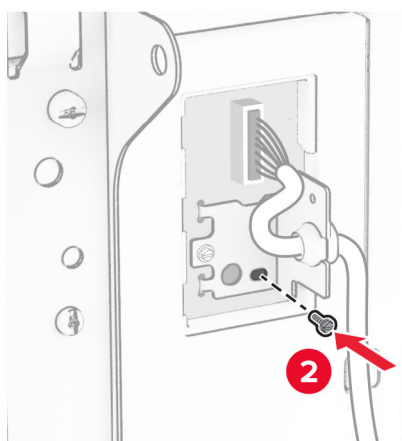
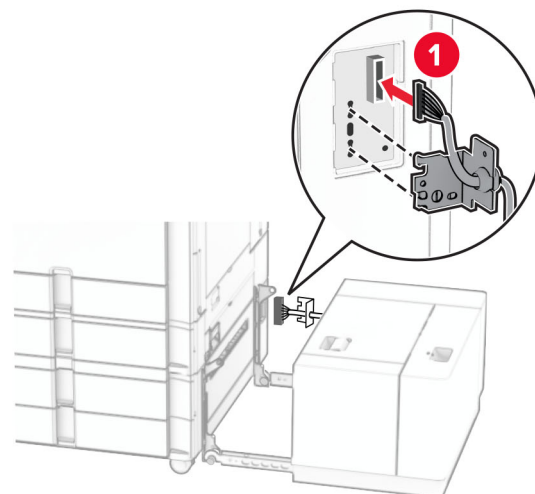
**9** Lắp các vít còn lại.



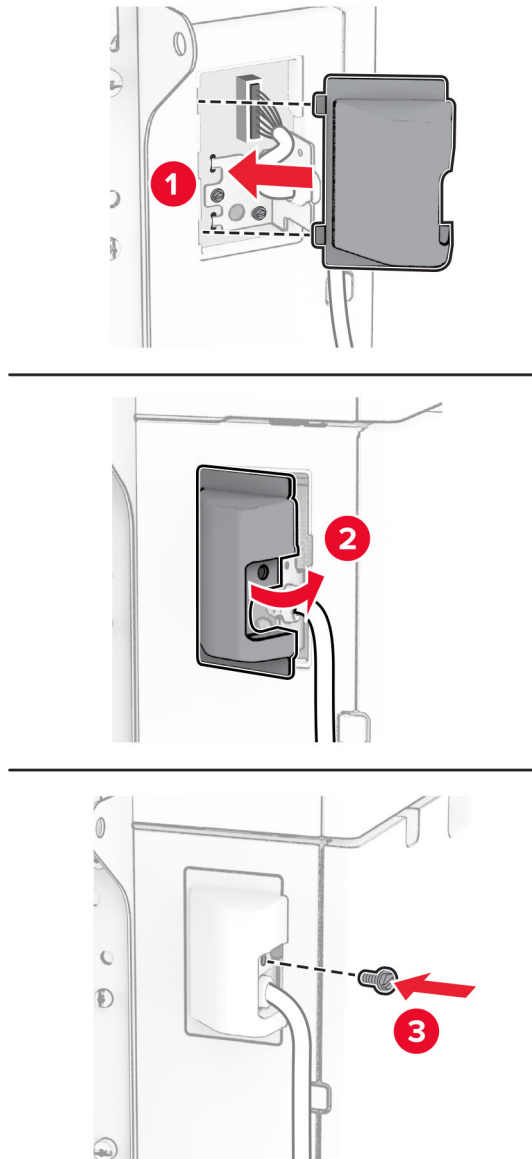
**10** Lắp khay 1500 tờ.



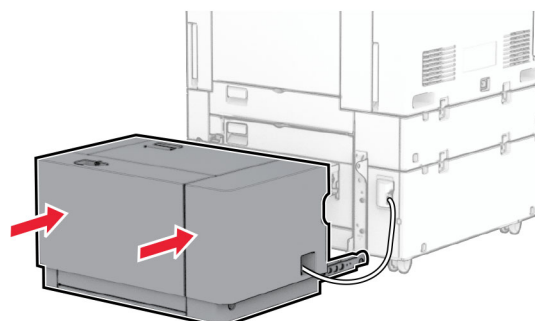
11 Kết nối cáp nối của khay với máy in.



**12** Lắp nắp che cáp nối của khay.



**13** Trượt khay 1500 tờ về phía máy in.



14 Cắm một đầu dây nguồn của máy in với máy in, sau đó cắm đầu còn lại vào ổ cắm điện.

**⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ TỬN THƯƠNG:** Để tránh rủi ro hỏa hoạn hoặc điện giật, hãy nối dây nguồn với ổ cắm điện có công suất định mức phù hợp, được nối đất đúng cách, gần với sản phẩm và dễ tiếp cận.

15 Bật máy in.

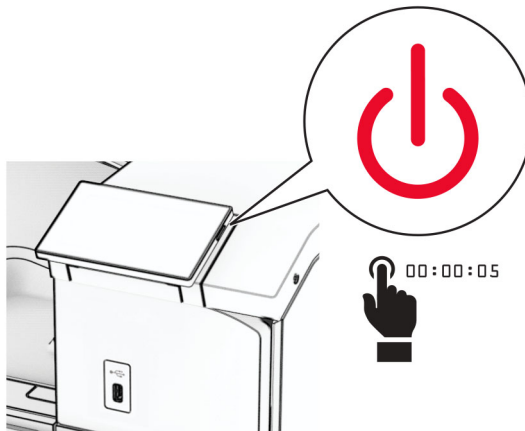
Thêm khay vào trình điều khiển in để sẵn sàng thực hiện lệnh in. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem [“Thêm các tùy chọn có sẵn vào trình điều khiển in”](#) trên trang 83.

## Lắp bộ hoàn thiện đập ghim

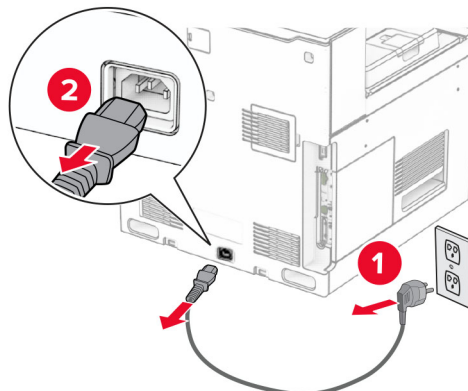
**⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ GIẬT ĐIỆN:** Để tránh rủi ro điện giật, nếu bạn tiếp cận bảng mạch điều khiển hoặc lắp đặt phần cứng hoặc thiết bị bộ nhớ tùy chọn sau khi cài đặt máy in, thì hãy tắt máy in và rút dây nguồn khỏi ổ cắm điện trước khi tiếp tục. Nếu có thiết bị khác gắn liền với máy in thì hãy tắt chúng, và rút mọi dây cáp kết nối với máy in.

**Lưu ý:** Nhiệm vụ này cần tua vít đầu dẹt.

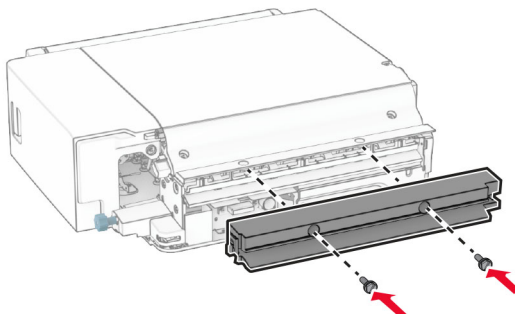
1 Tắt máy in.



2 Rút dây nguồn ra khỏi ổ cắm điện và máy in.

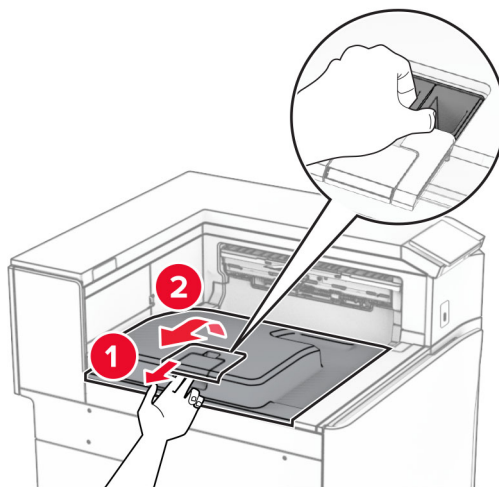


- 3 Mở bao bì của bộ hoàn thiện đập ghim, sau đó lấy tất cả vật liệu đóng gói ra.
- 4 Lắp thanh dẫn hướng nạp giấy.

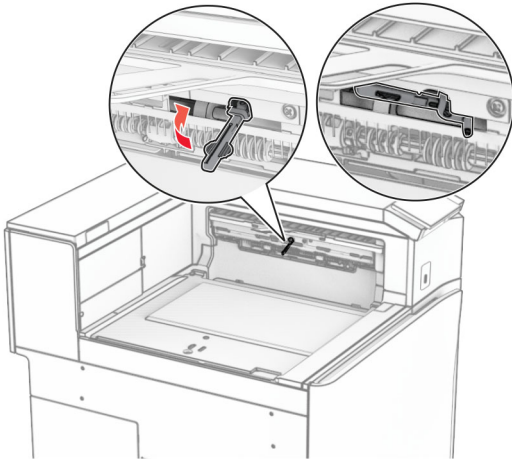


- 5 Tháo ngăn giấy chuẩn.

**Lưu ý:** Đừng vứt bỏ ngăn giấy.

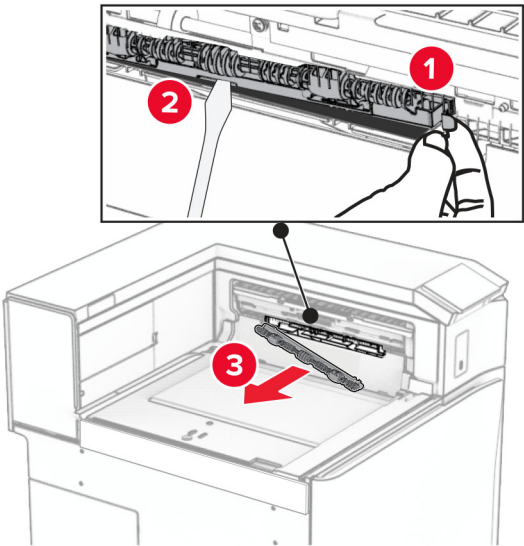


- 6 Trước khi lắp bộ phận tùy chọn này, hãy đặt cờ báo ngăn giấy thoát vào vị trí đóng.
- Lưu ý:** Sau khi tháo bộ phận tùy chọn, hãy đặt cờ báo ngăn giấy thoát vào vị trí mở.

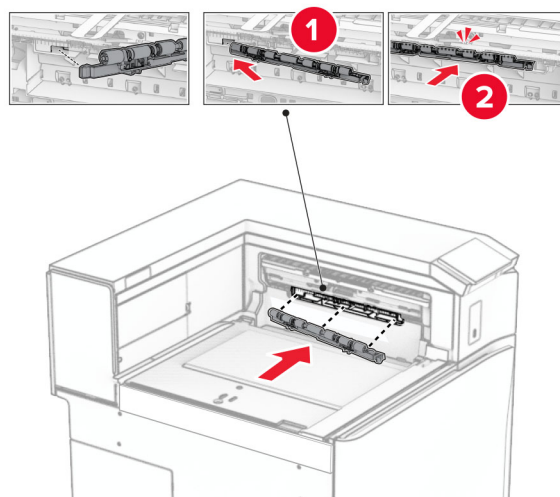


**7** Tháo trực dự phòng.

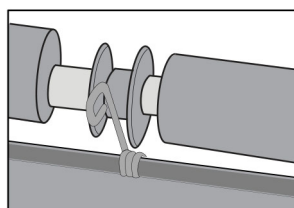
Lưu ý: Đừng rút bỏ trực.



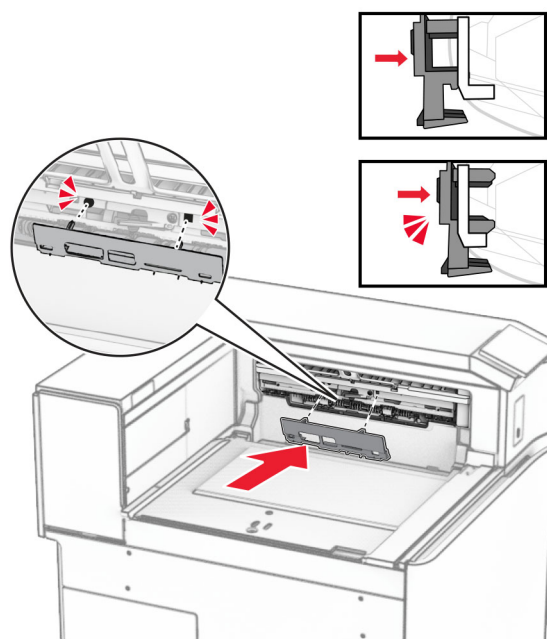
8 Lắp trực nạp đi kèm theo bộ hoàn thiện dập ghim cho đến khi khớp vào đúng vị trí.



Lưu ý: Đảm bảo rằng lò xo kim loại ở phía trước trực nạp.

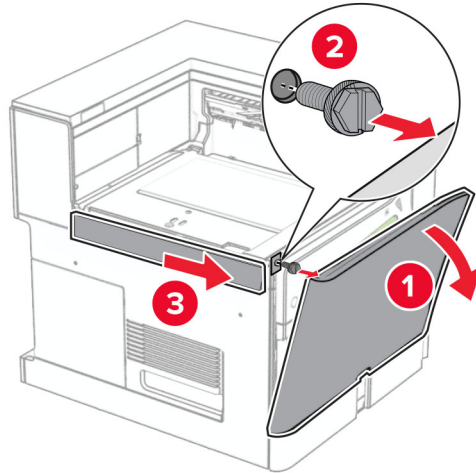


9 Gắn nắp trực cho đến khi khớp vào đúng vị trí.



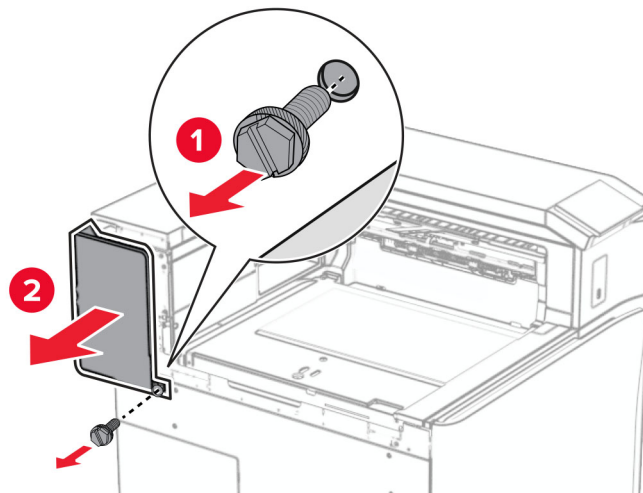
10 Mở cửa trước, sau đó tháo nắp ở bên trái của máy in.

Lưu ý: Đừng vứt bỏ vít và nắp.



11 Tháo nắp phía sau bên trái.

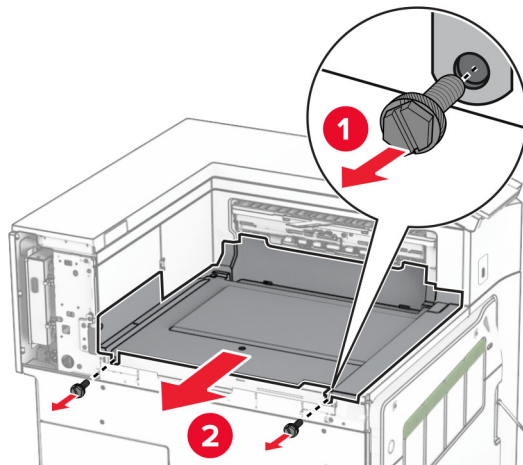
Lưu ý: Đừng vứt bỏ vít và nắp.



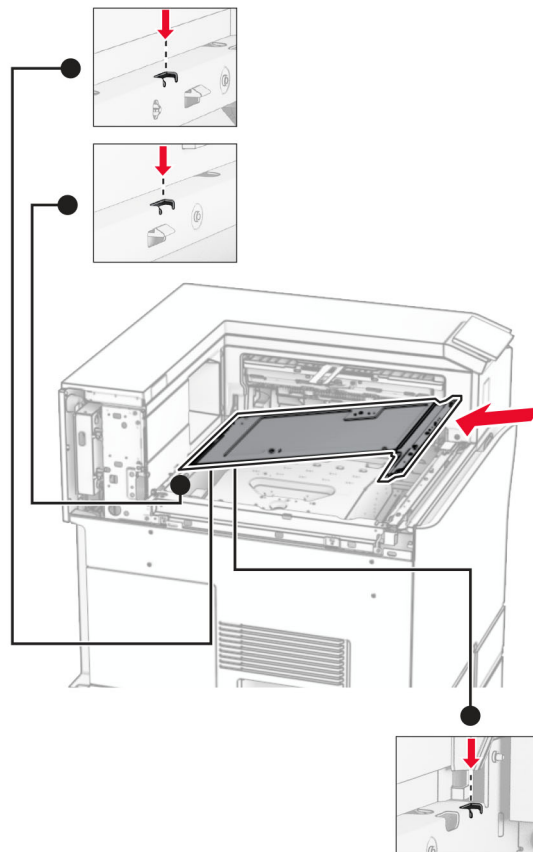
12 Tháo nắp trong của ngăn giấy.

Lưu ý: Đừng vứt bỏ nắp.

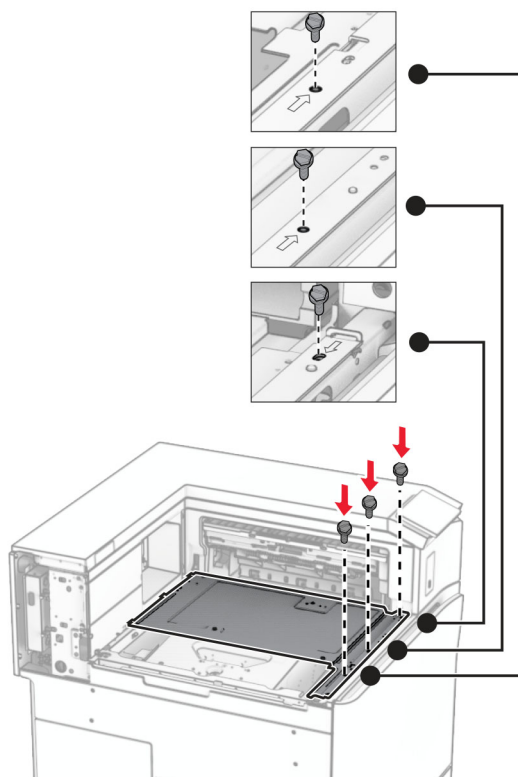


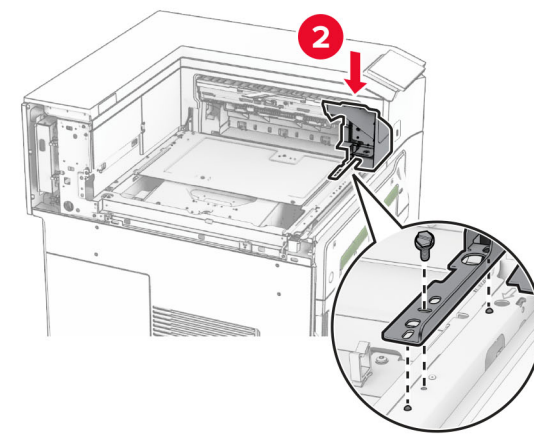
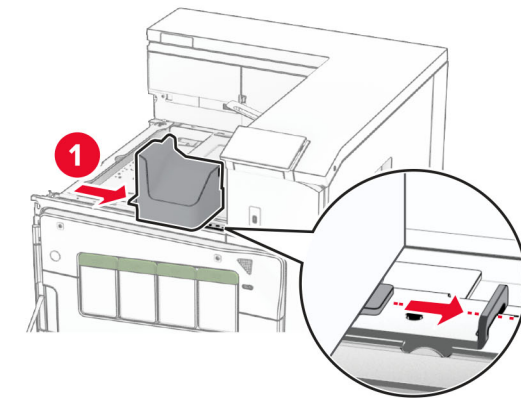
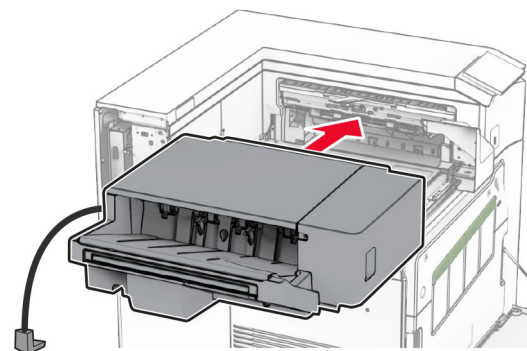


13 Căn chỉnh, rồi lắp nắp trong cửa ngăn giấy đi kèm theo bộ hoàn thiện dập ghim.

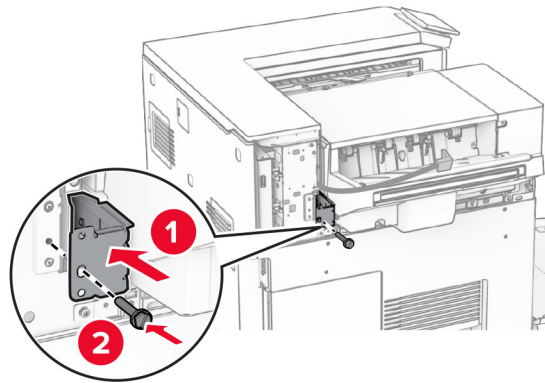


14 Lắp vít vào nắp trong cửa ngăn giấy.

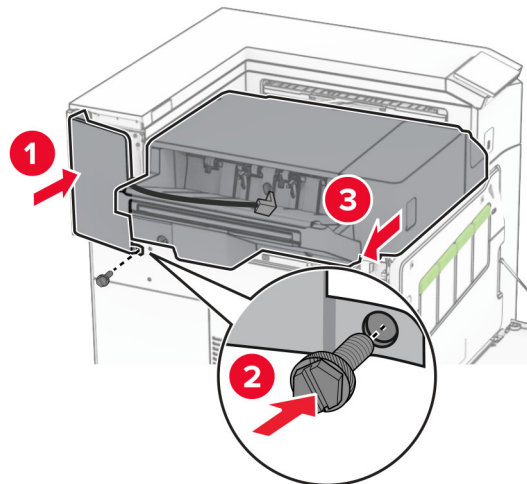


**15** Gắn thanh trượt bộ hoàn thiện dập ghim.**16** Lắp bộ hoàn thiện dập ghim.**17** Lắp giá đỡ để cố định bộ hoàn thiện vào máy in.

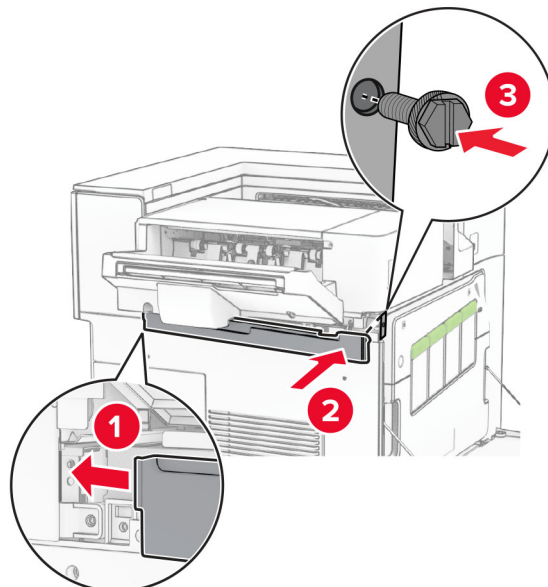
**Lưu ý:** Sử dụng vít đi kèm theo bộ hoàn thiện.



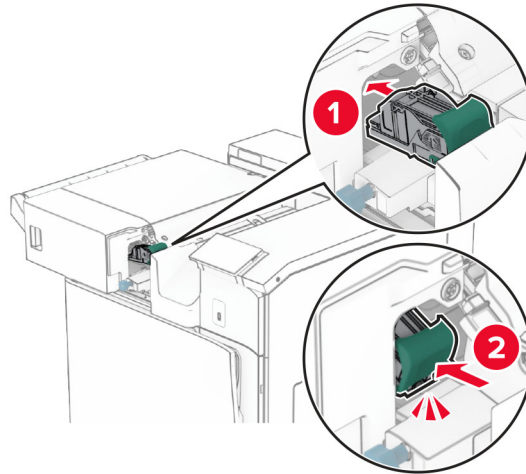
18 Gắn nắp phía sau bên trái, sau đó trượt bộ hoàn thiện đập ghim sang trái.



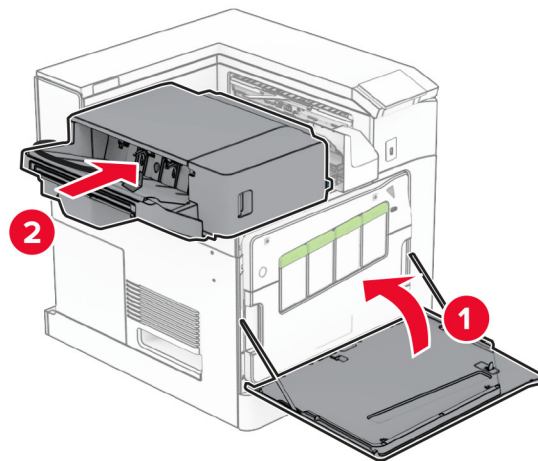
19 Gắn nắp trang trí phía trên bên trái đi kèm theo bộ hoàn thiện.



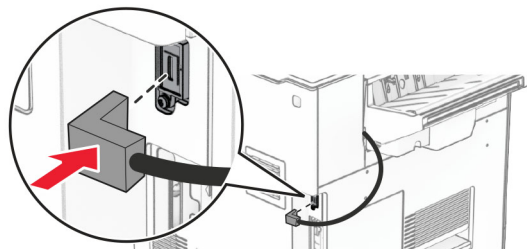
20 Lắp hộp ghim vào bộ hoàn thiện cho đến khi khớp vào đúng vị trí.



21 Đóng cửa trước, sau đó trượt bộ hoàn thiện về phía máy in.



22 Kết nối cáp của bộ phận tùy chọn với máy in.



23 Cắm một đầu dây nguồn của máy in với máy in, sau đó cắm đầu còn lại vào ổ cắm điện.

**⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ TỬN THƯƠNG:** Để tránh rủi ro hỏa hoạn hoặc điện giật, hãy nối dây nguồn với ổ cắm điện có công suất định mức phù hợp, được nối đất đúng cách, gần với sản phẩm và dễ tiếp cận.

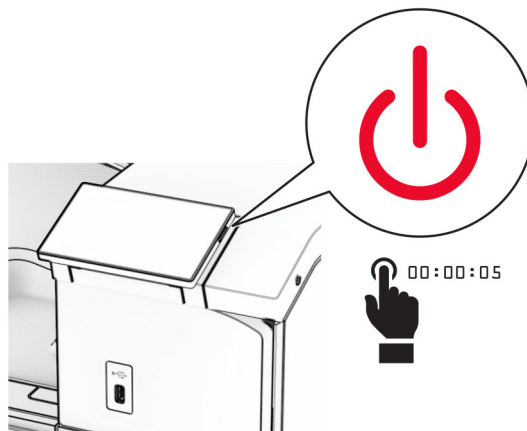
24 Bật máy in.

Thêm bộ hoàn thiện vào trình điều khiển in để sẵn sàng thực hiện lệnh in. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem [“Thêm các tùy chọn có sẵn vào trình điều khiển in”](#) trên trang 83.

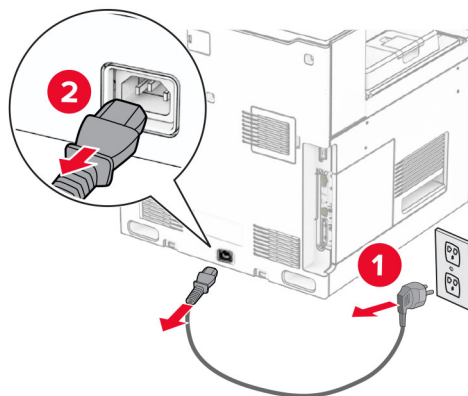
## Lắp ngăn xếp offset

**⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ GIẬT ĐIỆN:** Để tránh rủi ro điện giật, nếu bạn tiếp cận bảng mạch điều khiển hoặc lắp đặt phần cứng hoặc thiết bị bộ nhớ tùy chọn sau khi cài đặt máy in, thì hãy tắt máy in, và rút dây nguồn khỏi ổ cắm điện trước khi tiếp tục. Nếu có thiết bị khác gắn liền với máy in thì hãy tắt chúng, và rút mọi dây cáp kết nối với máy in.

1 Tắt máy in.

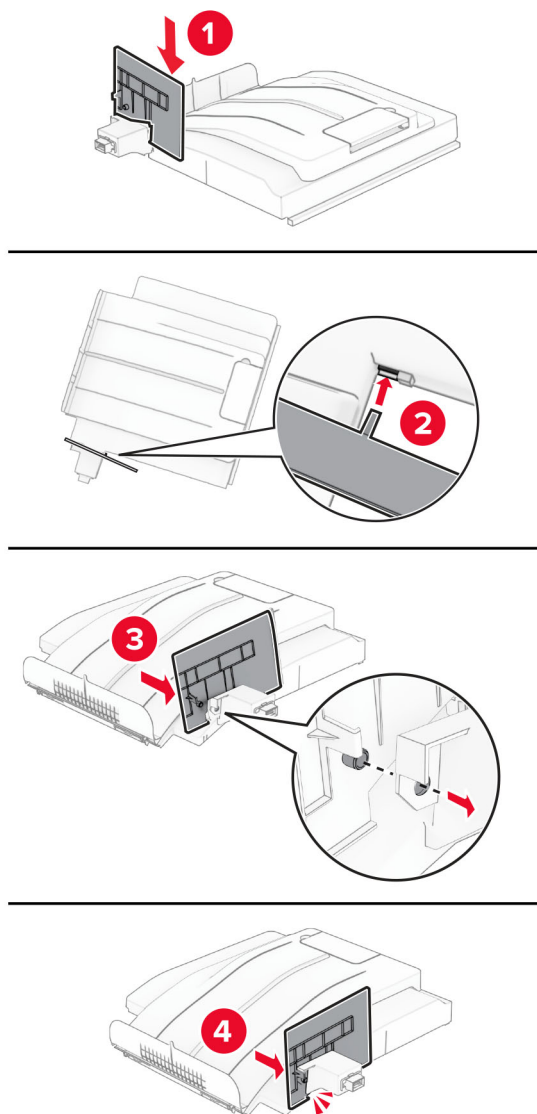


2 Rút dây nguồn ra khỏi ổ cắm điện và máy in.



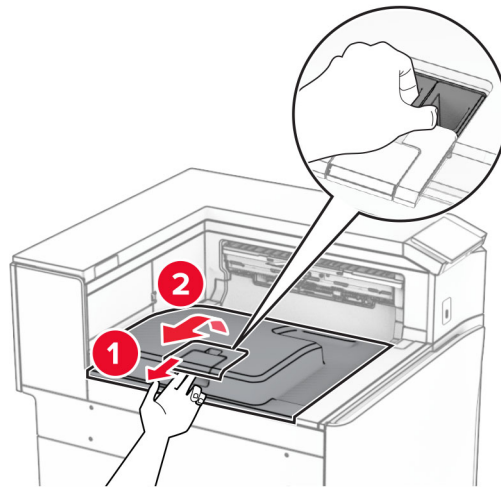
3 Mở bao bì của ngăn xếp offset, sau đó lấy tất cả vật liệu đóng gói ra.

#### 4 Lắp nắp trong phía sau vào ngăn xếp offset.



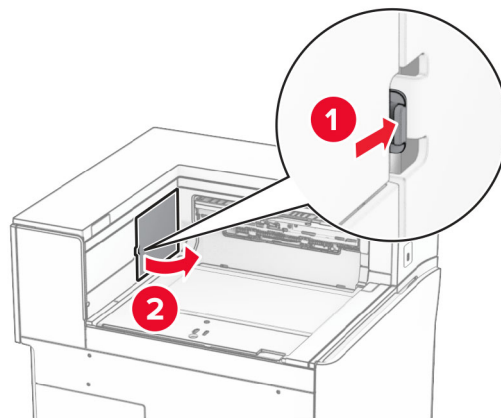
#### 5 Tháo ngăn giấy chuẩn.

**Lưu ý:** Đừng vứt bỏ ngăn giấy.



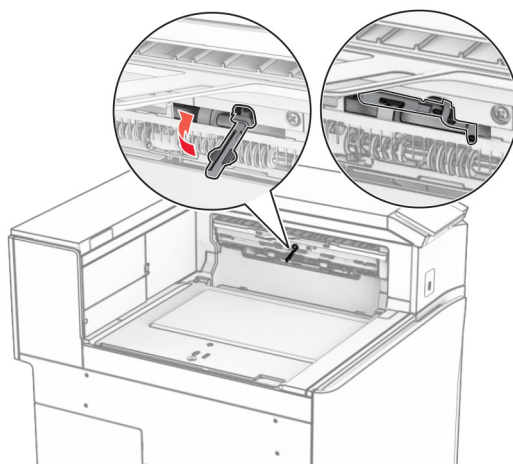
**6** Tháo nắp đầu nối bộ phận vận chuyển giấy.

**Lưu ý:** Đừng vứt bỏ nắp.

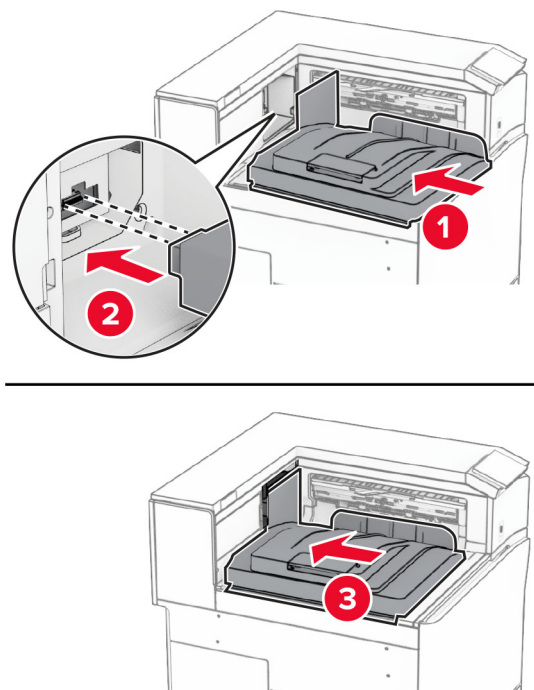




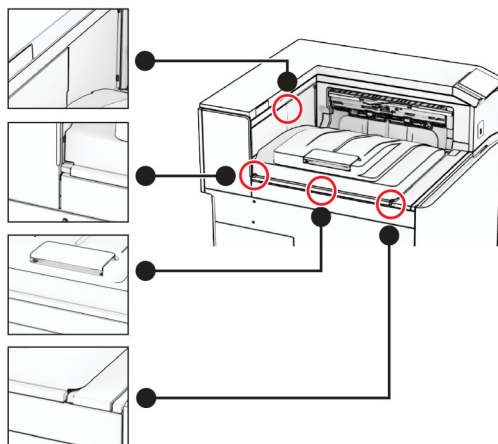
7 Trước khi lắp bộ phận tùy chọn này, hãy đặt cờ báo ngăn giấy thoát vào vị trí đóng.



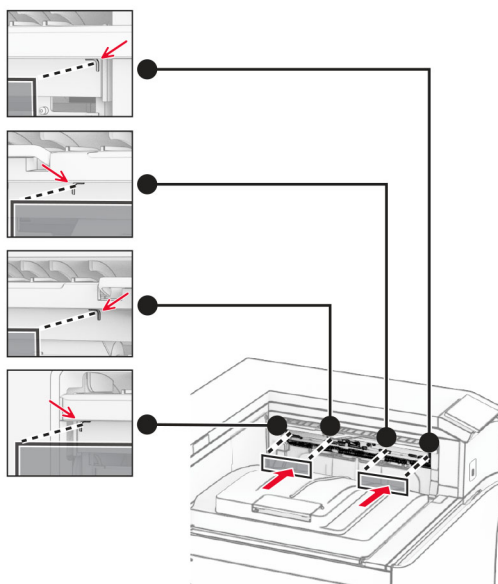
8 Căn chỉnh, sau đó lắp ngăn xếp offset vào máy in.



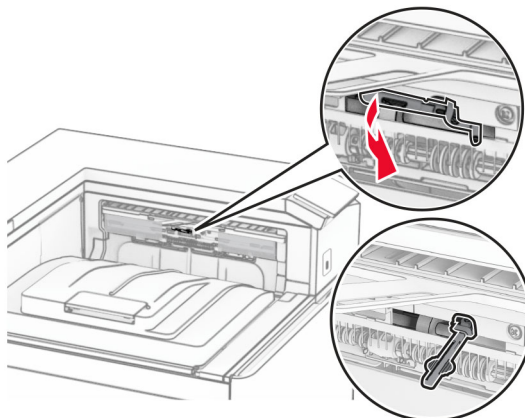
Lưu ý: Đảm bảo rằng các bộ phận được gắn chắc chắn và khớp với máy in.



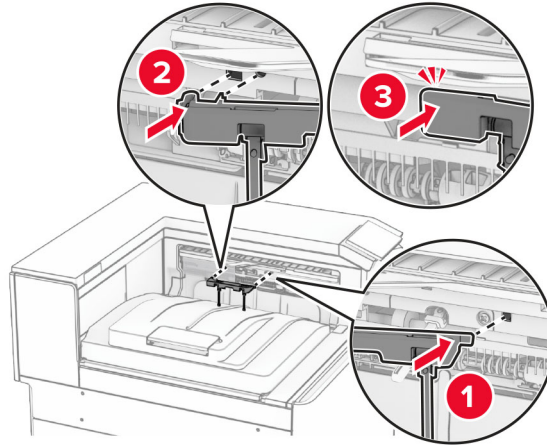
9 Gắn các dải bảo vệ của ngăn xếp offset vào máy in.



10 Đặt vấu của ngăn giấy thoát vào vị trí mở.



11 Lắp nắp che vấu của ngăn giấy cho đến khi *khớp* vào đúng vị trí.



12 Cắm một đầu dây nguồn của máy in với máy in, sau đó cắm đầu còn lại vào ổ cắm điện.

**⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG:** Để tránh rủi ro hỏa hoạn hoặc điện giật, hãy nối dây nguồn với ổ cắm điện có công suất định mức phù hợp, được nối đất đúng cách, gần với sản phẩm và dễ tiếp cận.

13 Bật máy in.

Thêm ngăn xếp offset vào trình điều khiển in để sẵn sàng thực hiện lệnh in. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem [“Thêm các tùy chọn có sẵn vào trình điều khiển in” trên trang 83](#).

## Lắp tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy

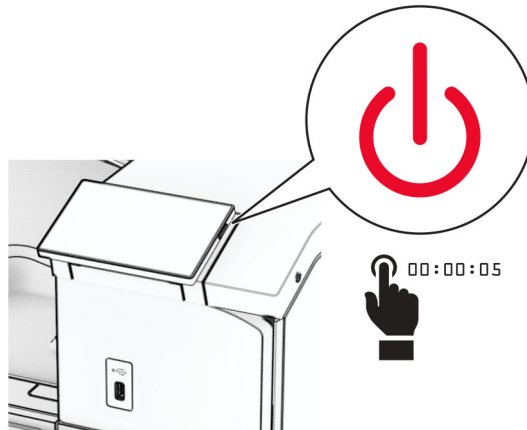
**⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ GIẬT ĐIỆN:** Để tránh rủi ro điện giật, nếu bạn tiếp cận bảng mạch điều khiển hoặc lắp đặt phần cứng hoặc thiết bị bộ nhớ tùy chọn sau khi cài đặt máy in, thì hãy tắt máy in, và rút dây nguồn khỏi ổ cắm điện trước khi tiếp tục. Nếu có thiết bị khác gắn liền với máy in thì hãy tắt chúng, và rút mọi dây cáp kết nối với máy in.

**Lưu ý:**

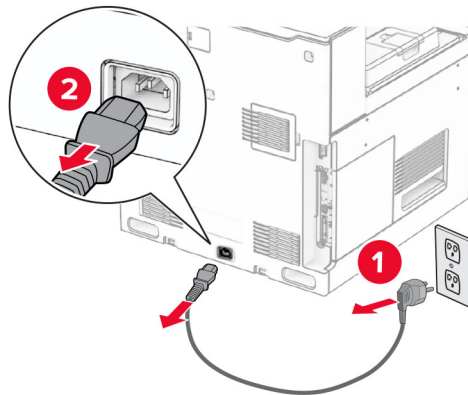
- Bạn cũng có thể lắp tùy chọn này cùng với bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ hoặc bộ hoàn thiện tập sách.

- Nhiệm vụ này cần tua vít đầu dẹt.

### 1 Tắt máy in.



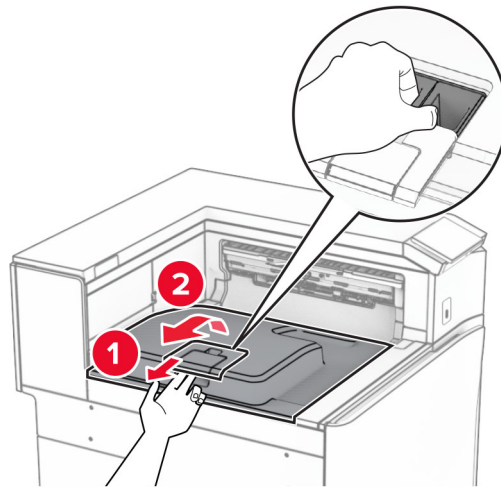
### 2 Rút dây nguồn ra khỏi ổ cắm điện và máy in.



### 3 Mở bao bì của tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy, sau đó lấy tất cả vật liệu đóng gói ra.

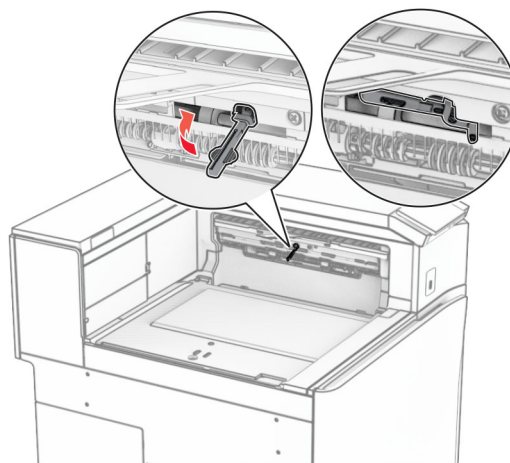
### 4 Tháo ngăn giấy chuẩn.

**Lưu ý:** Đừng vứt bỏ ngăn giấy.



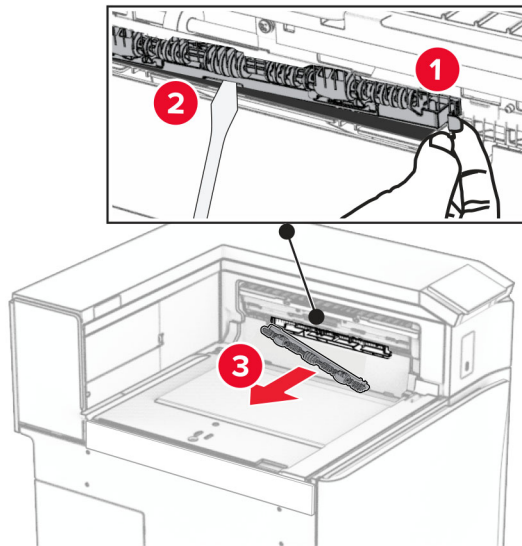
**5** Trước khi lắp bộ phận tùy chọn này, hãy đặt cờ báo ngăn giấy thoát vào vị trí đóng.

**Lưu ý:** Sau khi tháo bộ phận tùy chọn, hãy đặt cờ báo ngăn giấy thoát vào vị trí mở.

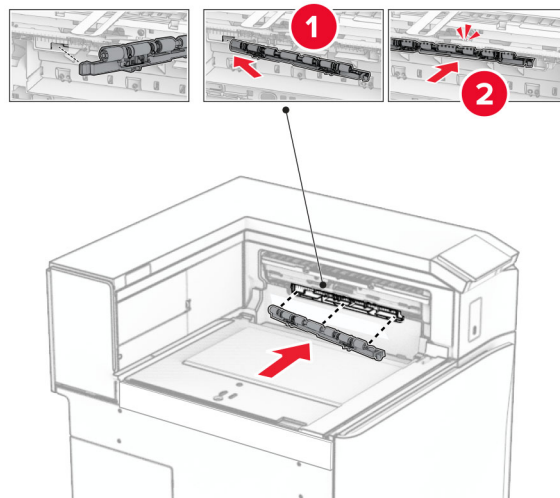


**6** Tháo trực dự phòng.

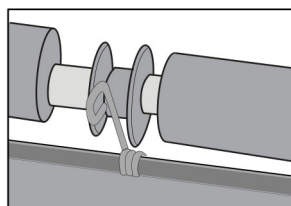
**Lưu ý:** Đừng vứt bỏ trực.



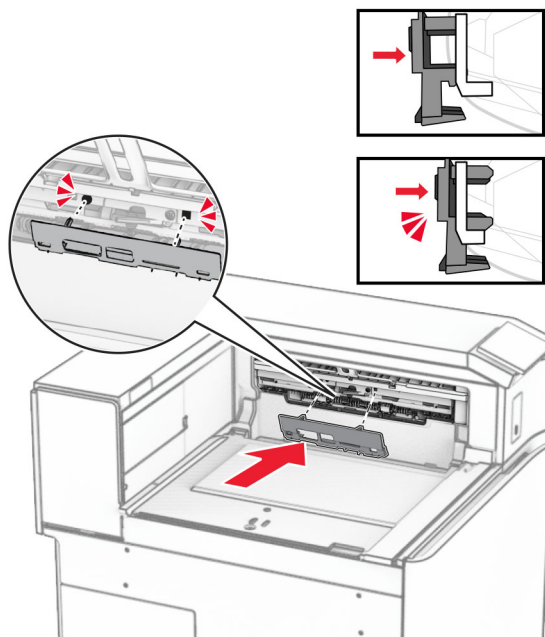
7 Lắp trực nạp đi kèm theo tùy chọn cho đến khi khớp vào đúng vị trí.



Lưu ý: Đảm bảo rằng lò xo kim loại ở phía trước trực nạp.

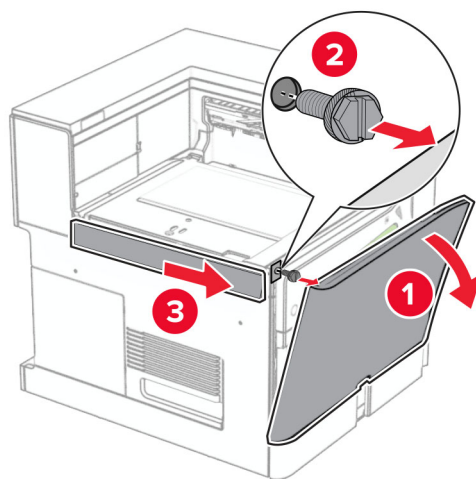


8 Gắn nắp trực cho đến khi khớp vào đúng vị trí.



9 Mở cửa trước, sau đó tháo nắp ở bên trái của máy in.

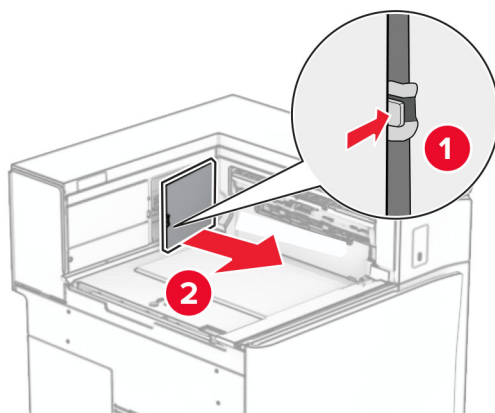
Lưu ý: Đừng vứt bỏ vít và nắp.



10 Đóng cửa trước.

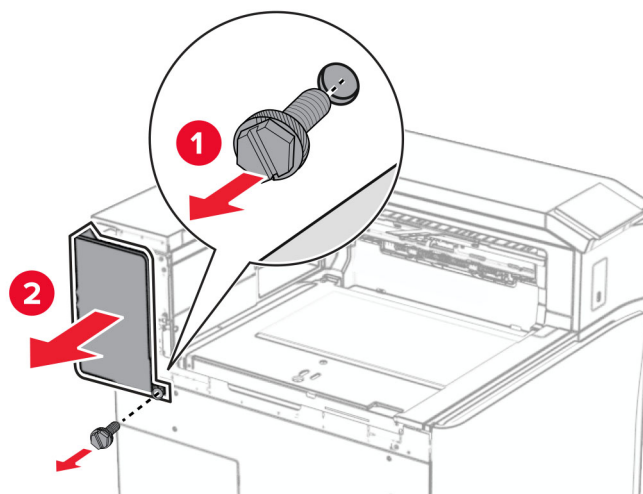
11 Tháo nắp đầu nối bộ phận vận chuyển giấy.

Lưu ý: Đừng vứt bỏ nắp.



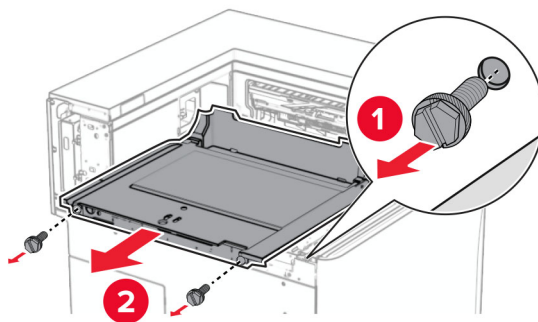
**12** Tháo nắp phía sau bên trái.

Lưu ý: Đừng vứt bỏ vít và nắp.



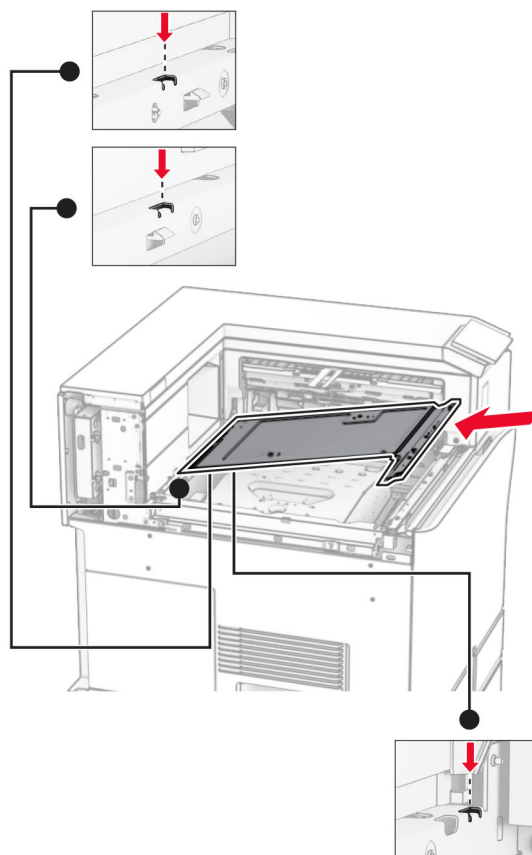
**13** Tháo nắp trong cửa ngăn giấy.

Lưu ý: Đừng vứt bỏ vít và nắp.

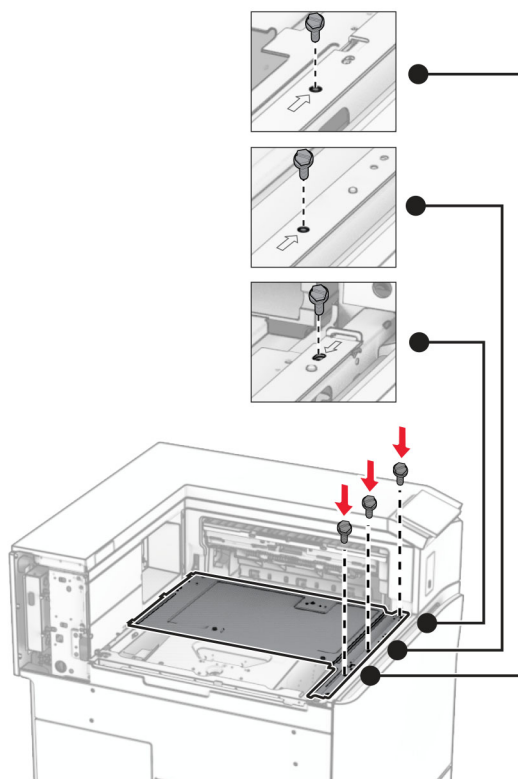




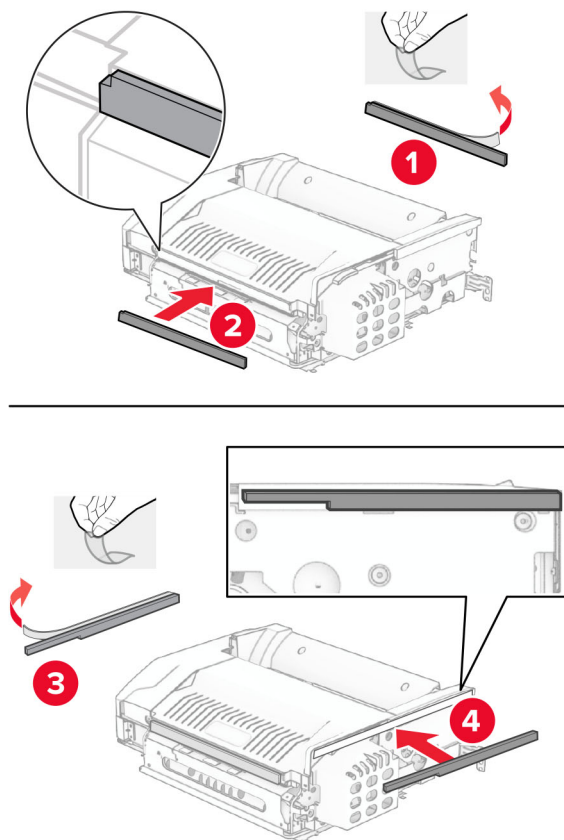
14 Căn chỉnh, rồi lắp nắp trong cửa ngăn giấy đi kèm theo tùy chọn.



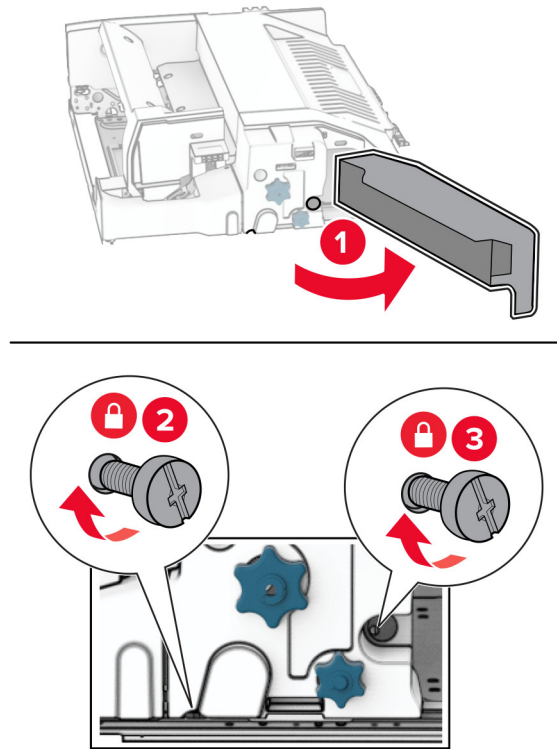
**15** Lắp vít vào nắp trong cửa ngăn giấy.



**16** Gắn các miếng băng keo xốp vào tùy chọn.

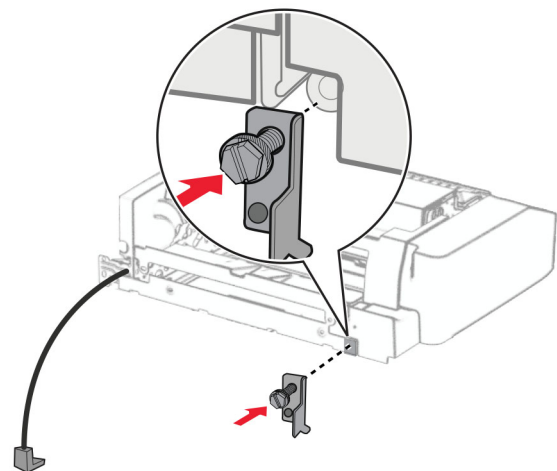


17 Mở cửa F, rồi siết chặt vít.



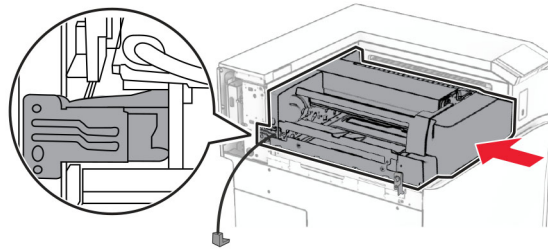
18 Đóng cửa F.

19 Lắp khung kim loại vào tùy chọn.

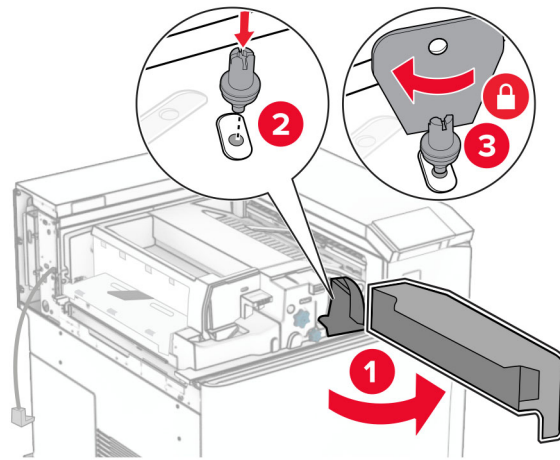


20 Lắp tùy chọn.

**Lưu ý:** Đảm bảo rằng khung kim loại ở phía trước máy in.

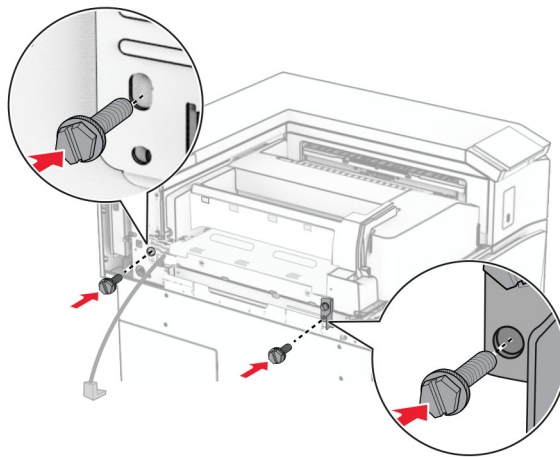


21 Mở cửa F, rồi dùng tua vít đi kèm theo tùy chọn để lắp vít.

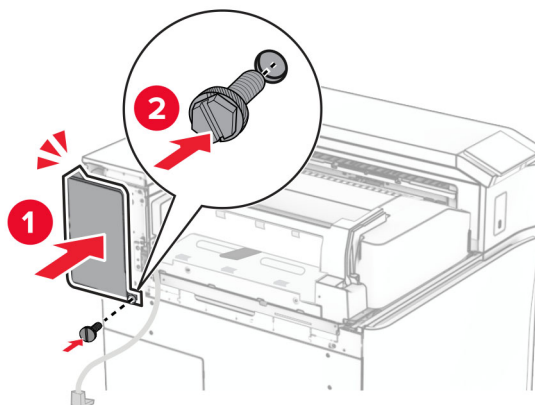


22 Đóng cửa F.

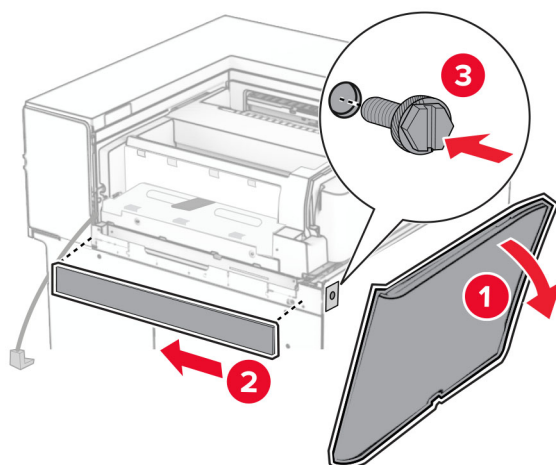
23 Lắp vít vào tùy chọn.



24 Gắn nắp sau bên trái.

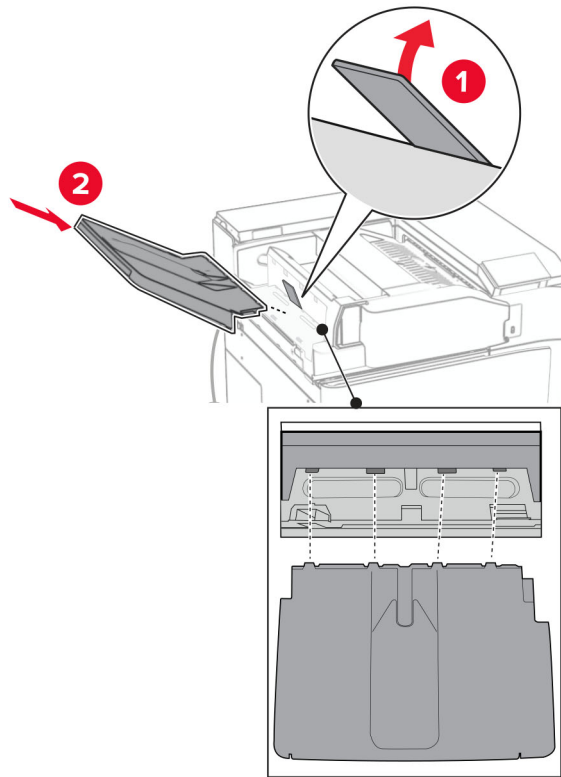


25 Mở cửa trước, rồi gắn nắp vào bên trái máy in.

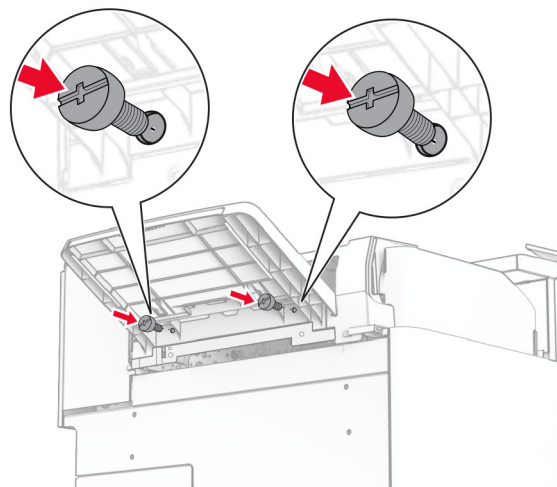


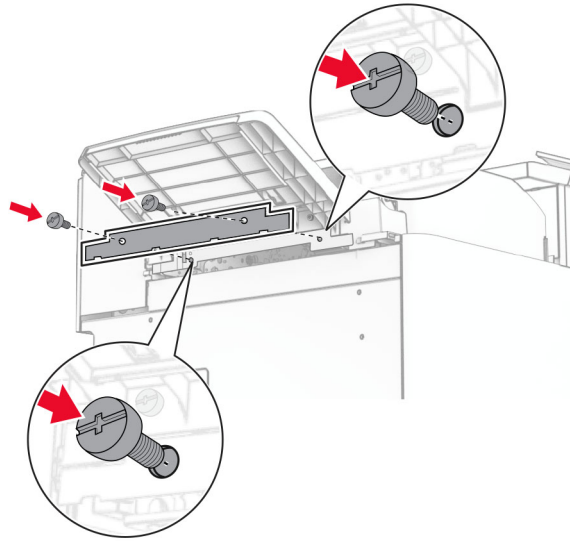
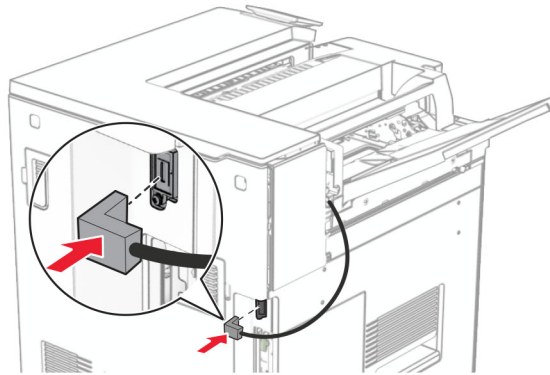
26 Đóng cửa trước.

27 Nâng nắp lật của ngăn giấy lên, rồi căn chỉnh và lắp ngăn giấy của tùy chọn.



28 Lắp vít vào ngăn giấy của tùy chọn.



**29** Gắn nắp xen.**30** Kết nối cáp của bộ phận tùy chọn với máy in.**31** Cắm một đầu dây nguồn với máy in, sau đó cắm đầu còn lại vào ổ cắm điện.

**⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ TỬN THƯƠNG:** Để tránh rủi ro hỏa hoạn hoặc điện giật, hãy nối dây nguồn với ổ cắm điện có công suất định mức phù hợp, được nối đất đúng cách, gần với sản phẩm và dễ tiếp cận.

**32** Bật máy in.

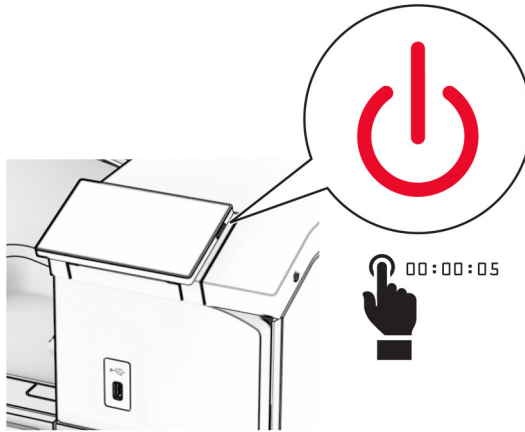


## Lắp bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ và tùy chọn vận chuyển giấy

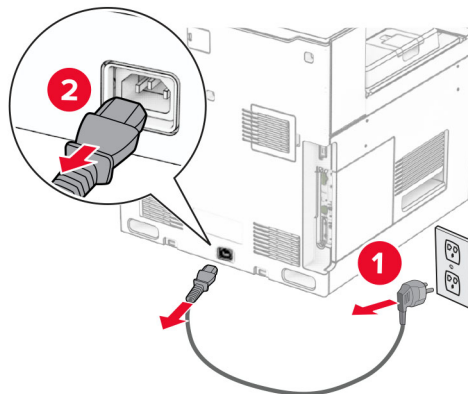
**⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ GIẬT ĐIỆN:** Để tránh rủi ro điện giật, nếu bạn tiếp cận bảng mạch điều khiển hoặc lắp đặt phần cứng hoặc thiết bị bộ nhớ tùy chọn sau khi cài đặt máy in, thì hãy tắt máy in và rút dây nguồn khỏi ổ cắm điện trước khi tiếp tục. Nếu có thiết bị khác gắn liền với máy in thì hãy tắt chúng, và rút mọi dây cáp kết nối với máy in.

**Lưu ý:** Nhiệm vụ này cần tua vít đầu dẹt.

1 Tắt máy in.



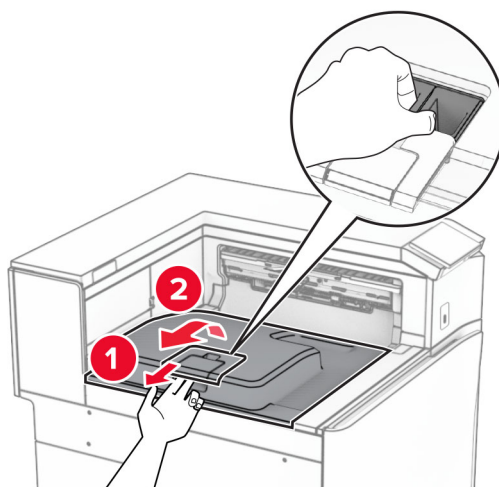
2 Rút dây nguồn ra khỏi ổ cắm điện và máy in.



3 Mở bao bì của bộ phận vận chuyển giấy.

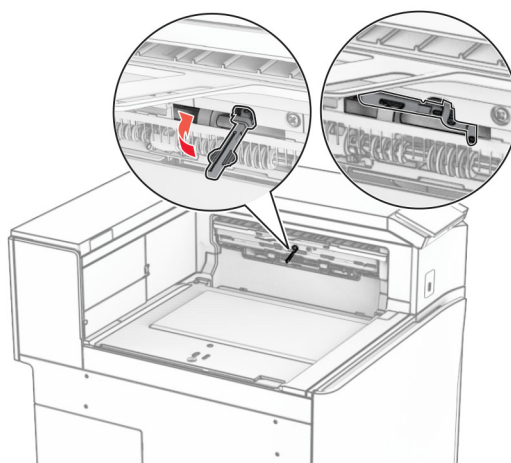
4 Tháo ngăn giấy chuẩn.

**Lưu ý:** Đừng vứt bỏ ngăn giấy.



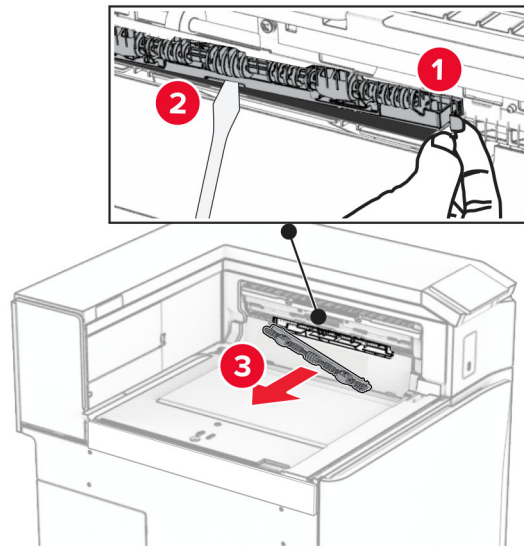
**5** Trước khi lắp bộ phận tùy chọn này, hãy đặt cờ báo ngăn giấy thoát vào vị trí đóng.

**Lưu ý:** Sau khi tháo bộ phận tùy chọn, hãy đặt cờ báo ngăn giấy thoát vào vị trí mở.

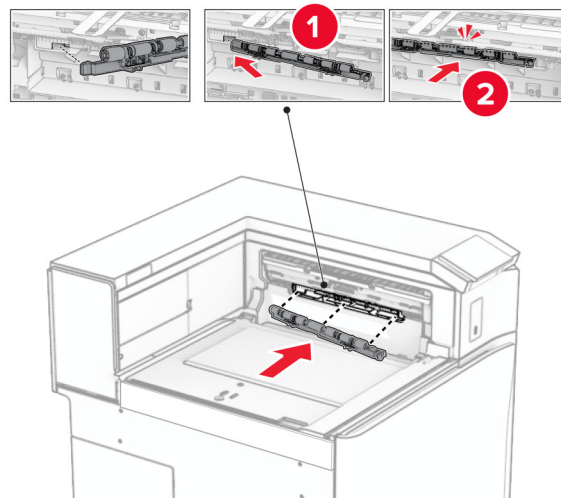


**6** Tháo trục dự phòng.

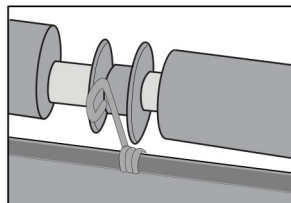
**Lưu ý:** Đừng vứt bỏ trục.



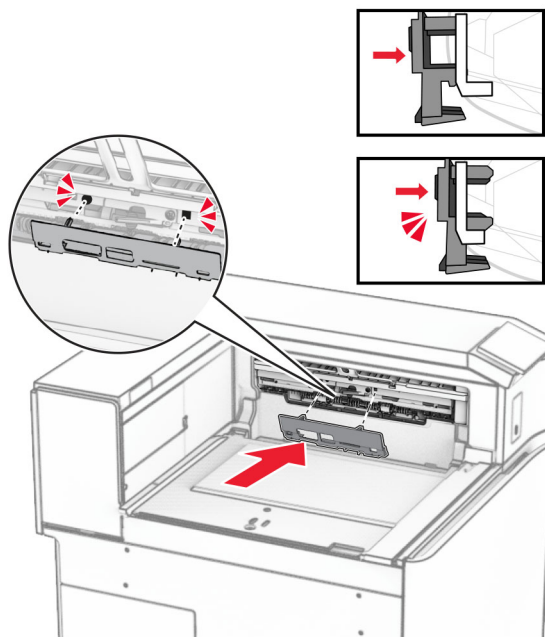
7 Lắp trục nạp đi kèm theo bộ phận vận chuyển giấy cho đến khi khớp vào đúng vị trí.



Lưu ý: Đảm bảo rằng lò xo kim loại ở phía trước trục nạp.

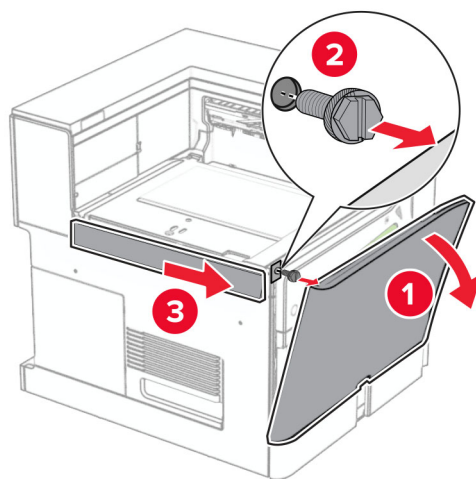


8 Lắp nắp cho đến khi khớp vào đúng vị trí.



9 Mở cửa trước, sau đó tháo nắp ở bên trái của máy in.

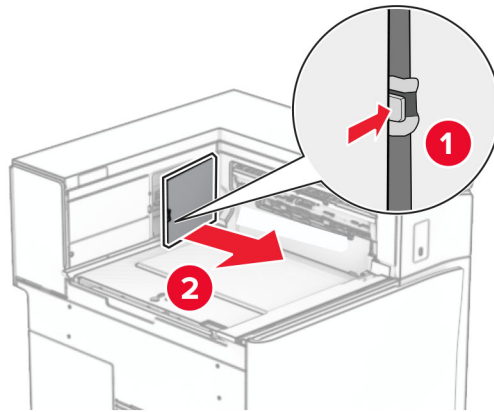
Lưu ý: Đừng vứt bỏ vít và nắp.



10 Đóng cửa trước.

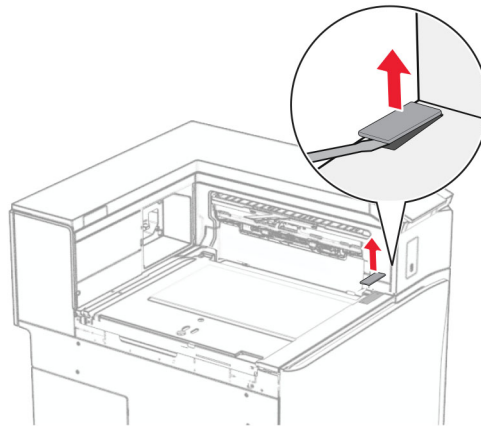
11 Tháo nắp đầu nối bộ phận vận chuyển giấy.

Lưu ý: Đừng vứt bỏ nắp.

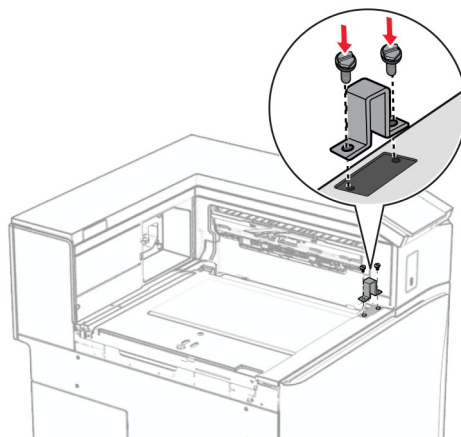


**12 Tháo nắp.**

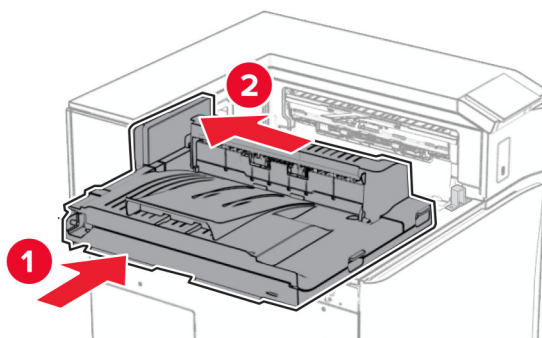
Lưu ý: Đừng vứt bỏ nắp.



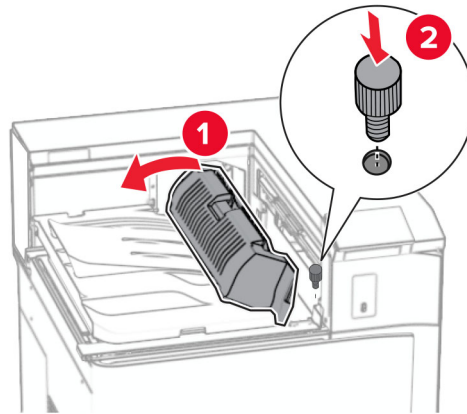
**13** Gắn khung kim loại.



**14** Lắp bộ phận vận chuyển giấy.

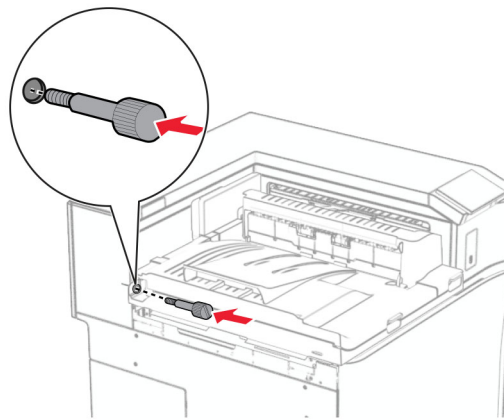


**15** Mở tay cầm G, sau đó lắp vít vào phía trước bộ phận vận chuyển giấy.

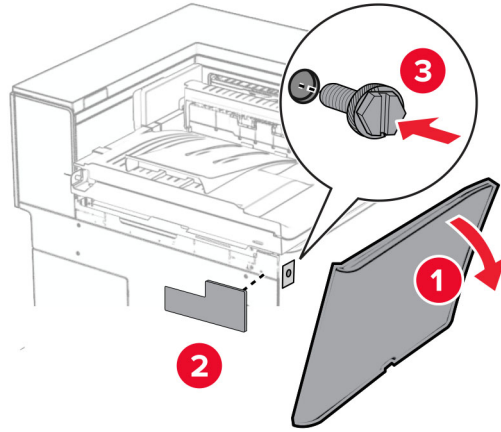


**16** Đóng tay cầm G.

**17** Lắp vít vào phía sau bộ phận vận chuyển giấy.



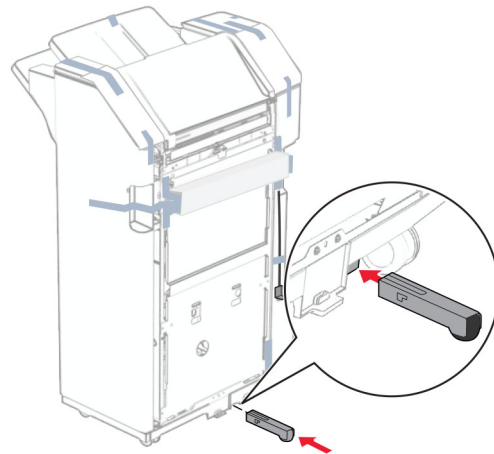
**18** Mở cửa trước, sau đó gắn nắp đi kèm theo bộ phận vận chuyển giấy vào bên trái của máy in.



**19** Đóng cửa trước.

**20** Mở bao bì của bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ.

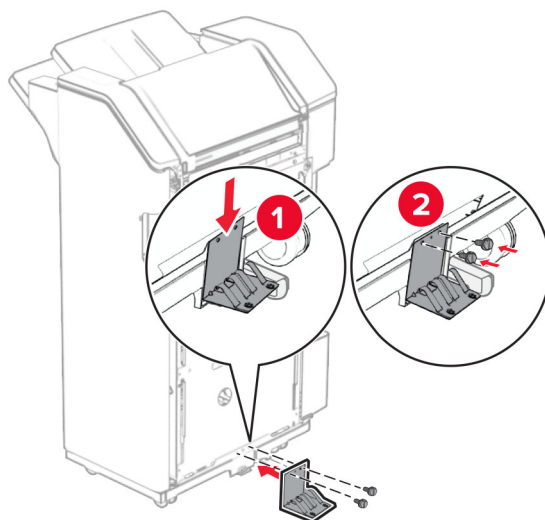
**21** Lắp bộ ổn định.



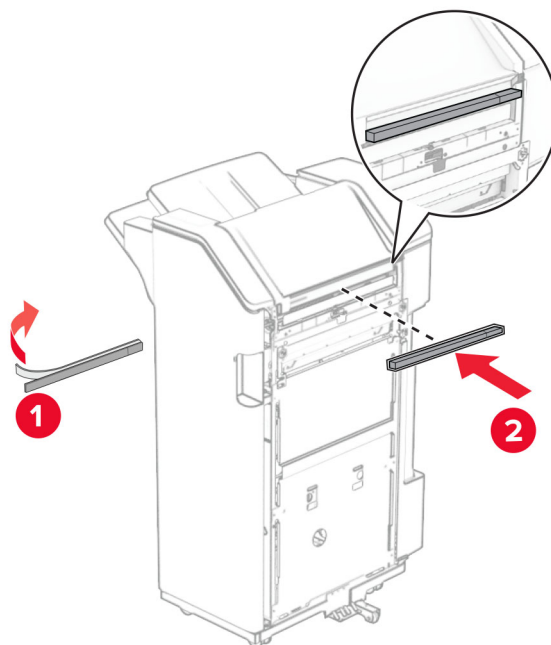
**22** Loại bỏ băng dính xung quanh bộ hoàn thiện.



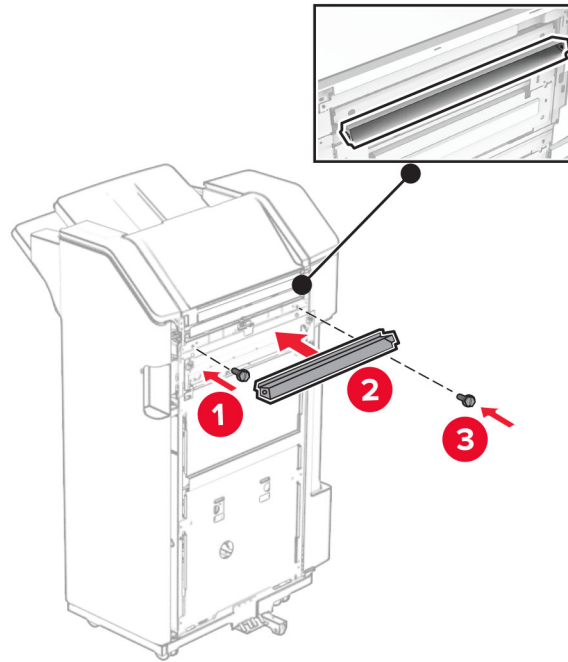
23 Gắn khung vào bộ hoàn thiện.



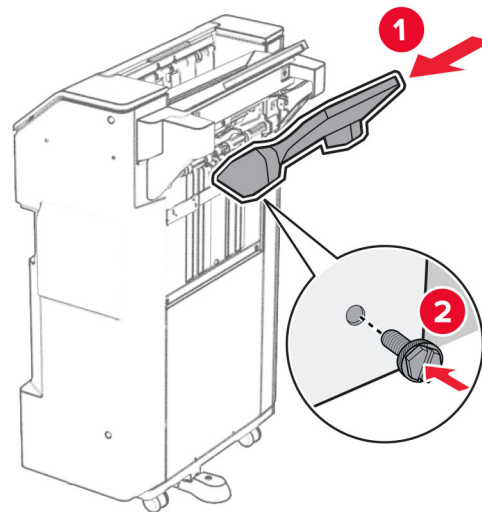
24 Gắn băng keo xốp vào bộ hoàn thiện.



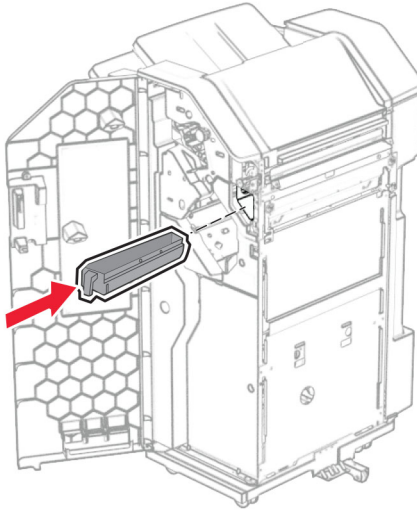
**25** Gắn thanh dẫn hướng nạp giấy vào bộ hoàn thiện.



**26** Gắn ngăn giấy vào bộ hoàn thiện.



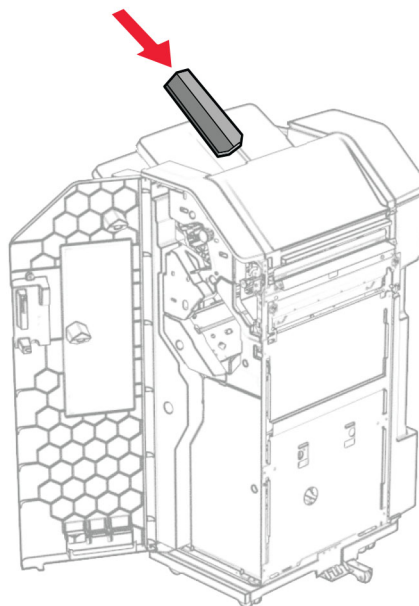
**27** Mở cửa bộ hoàn thiện, sau đó lắp hộp đục lỗ vào.



**28** Đặt bộ mở rộng ngăn giấy vào ngăn giấy của bộ hoàn thiện.

**Lưu ý:**

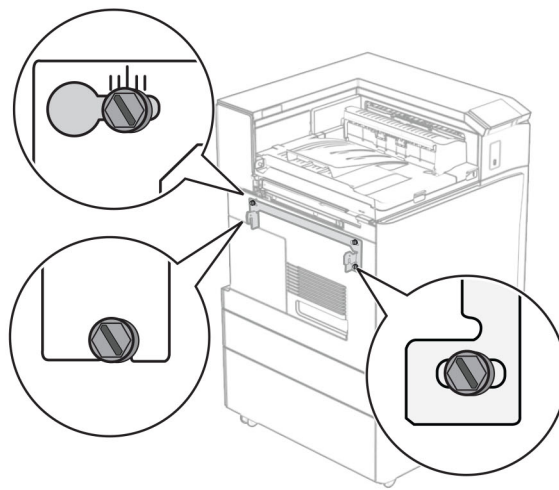
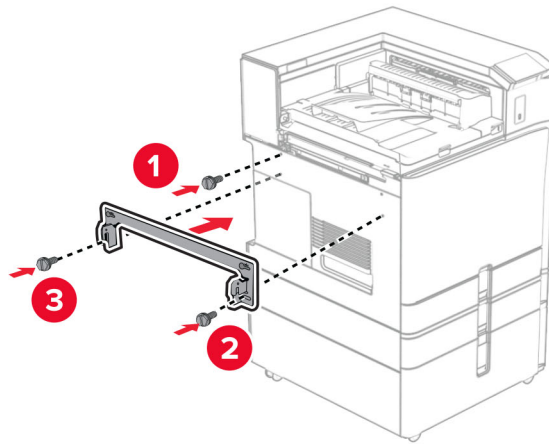
- Bộ mở rộng ngăn giấy được dùng cho giấy khổ A3 trở lên và trong điều kiện độ ẩm cao để hỗ trợ xếp giấy.
- Dung lượng ngăn giấy sẽ giảm khi bạn sử dụng bộ mở rộng ngăn giấy.



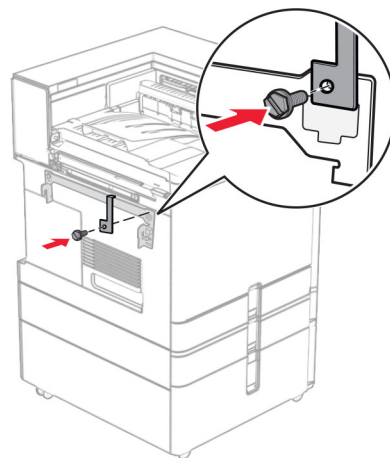
**29** Đóng cửa bộ hoàn thiện.

**30** Lắp giá đỡ vào máy in.

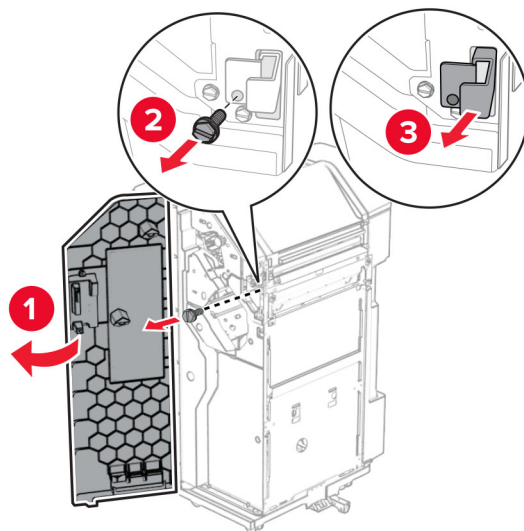
**Lưu ý:** Đảm bảo căn chỉnh vít với các điểm đánh dấu trên giá đỡ.



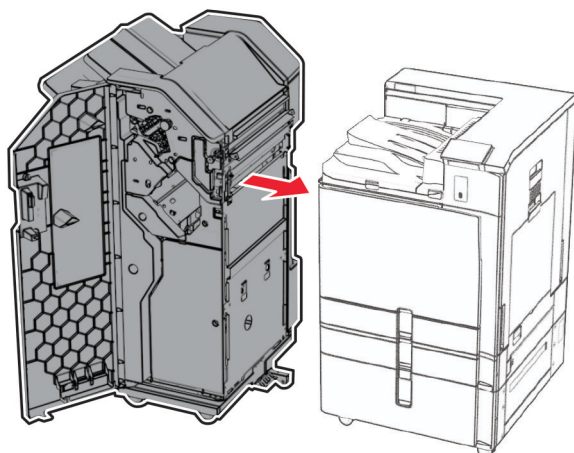
31 Gắn giá đỡ kim loại đi kèm theo bộ phận vận chuyển giấy vào máy in.



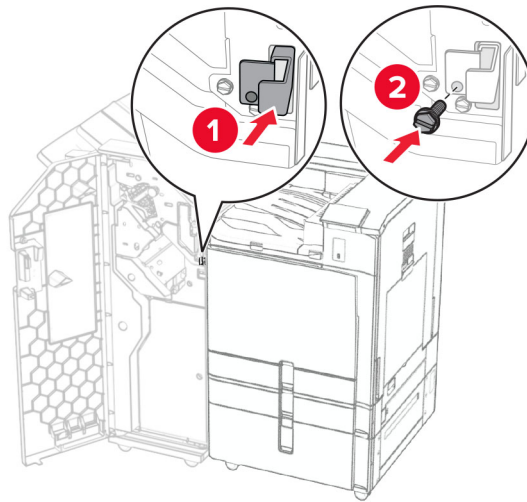
**32** Mở cửa bộ hoàn thiện, tháo vít, sau đó kéo khóa cửa bộ hoàn thiện.



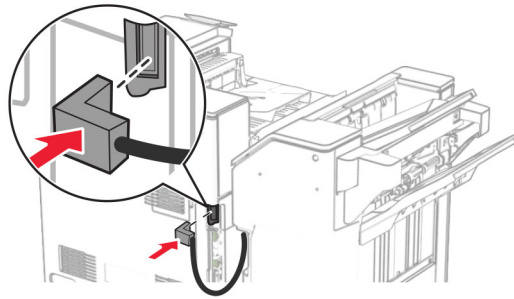
**33** Gắn bộ hoàn thiện vào máy in.



34 Khóa bộ hoàn thiện với máy in, sau đó lắp vít.



35 Kết nối cáp của bộ hoàn thiện với máy in.



36 Cắm một đầu dây nguồn với máy in, sau đó cắm đầu còn lại vào ổ cắm điện.

**⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG:** Để tránh rủi ro hỏa hoạn hoặc điện giật, hãy nối dây nguồn với ổ cắm điện có công suất định mức phù hợp, được nối đất đúng cách, gần với sản phẩm và dễ tiếp cận.

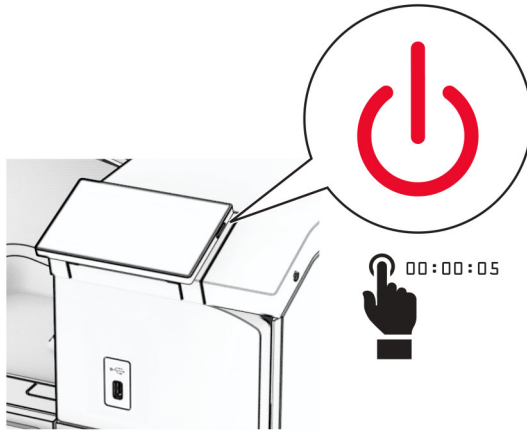
37 Bật máy in.

## Lắp đặt bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ và tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy

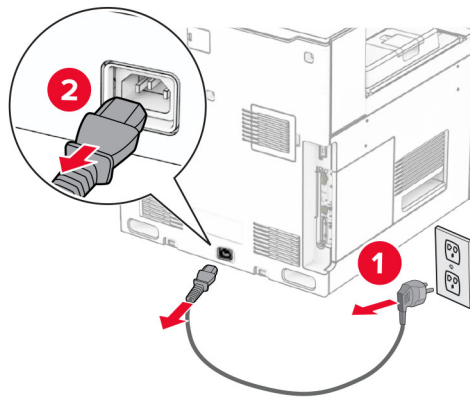
**⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ GIẬT ĐIỆN:** Để tránh rủi ro điện giật, nếu bạn tiếp cận bảng mạch điều khiển hoặc lắp đặt phần cứng hoặc thiết bị bộ nhớ tùy chọn sau khi cài đặt máy in, thì hãy tắt máy in và rút dây nguồn khỏi ổ cắm điện trước khi tiếp tục. Nếu có thiết bị khác gắn liền với máy in thì hãy tắt chúng, và rút mọi dây cáp kết nối với máy in.

**Lưu ý:** Nhiệm vụ này cần tua vít đầu dẹt.

**1** Tắt máy in.



**2** Rút dây nguồn ra khỏi ổ cắm điện và máy in.

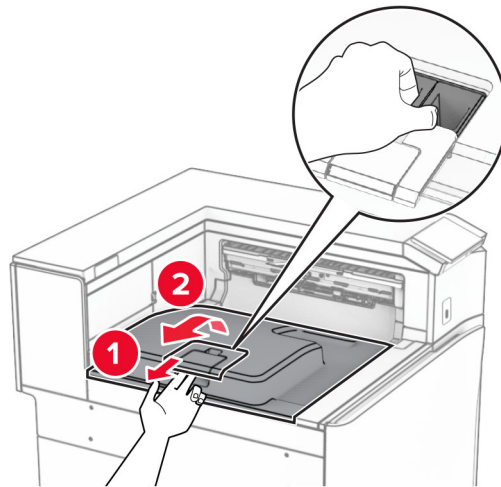


**3** Mở bao bì của tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy, sau đó lấy tất cả vật liệu đóng gói ra.

**4** Tháo ngăn giấy chuẩn.

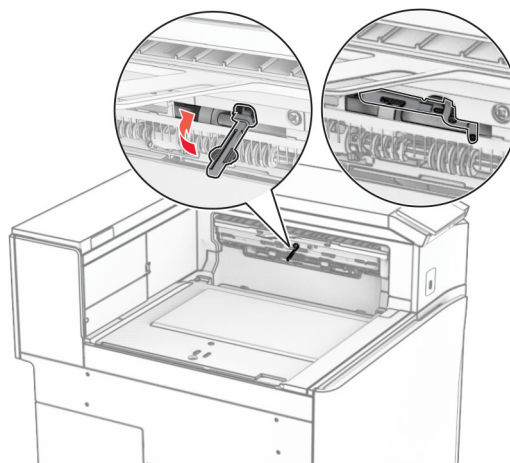
**Lưu ý:** Đừng vứt bỏ ngăn giấy.





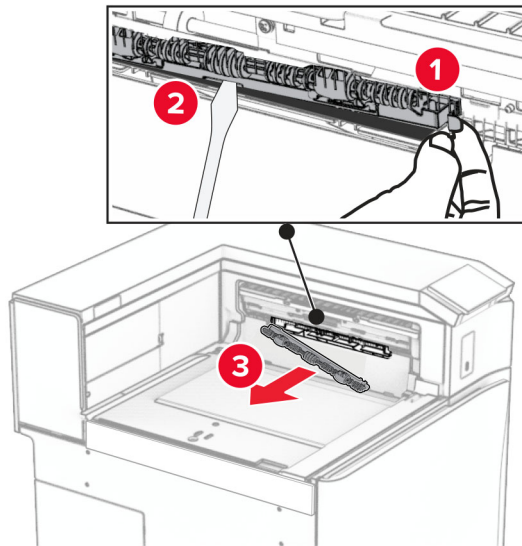
**5** Trước khi lắp bộ phận tùy chọn này, hãy đặt cờ báo ngăn giấy thoát vào vị trí đóng.

**Lưu ý:** Sau khi tháo bộ phận tùy chọn, hãy đặt cờ báo ngăn giấy thoát vào vị trí mở.

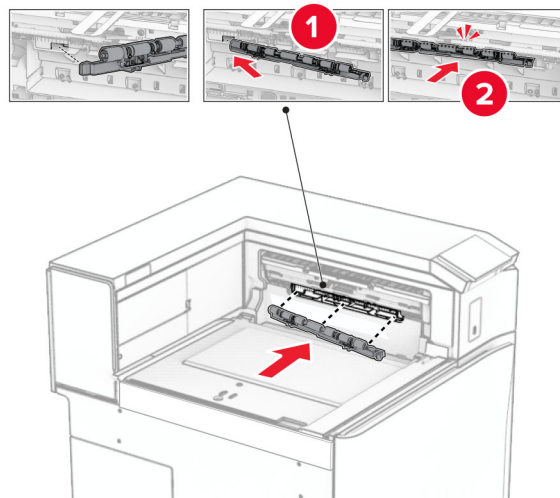


**6** Tháo trực dự phòng.

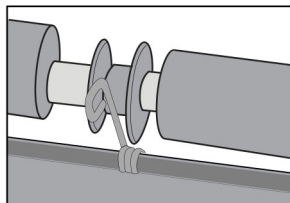
**Lưu ý:** Đừng vứt bỏ trực.



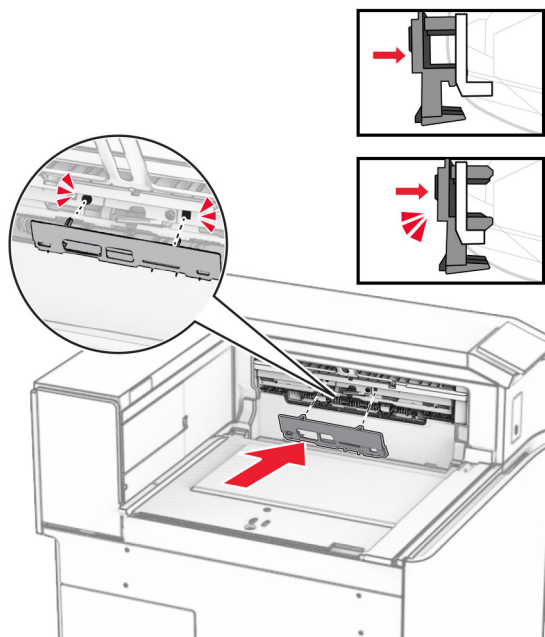
7 Lắp trực nạp đi kèm theo tùy chọn cho đến khi khớp vào đúng vị trí.



Lưu ý: Đảm bảo rằng lò xo kim loại ở phía trước trực nạp.

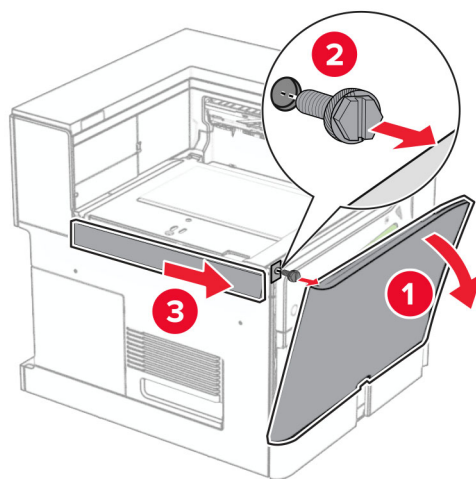


8 Lắp nắp cho đến khi khớp vào đúng vị trí.



9 Mở cửa trước, sau đó tháo nắp ở bên trái của máy in.

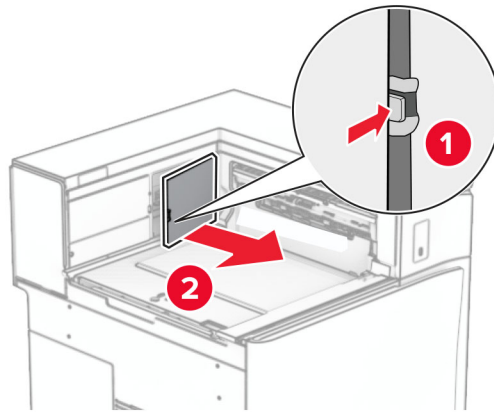
Lưu ý: Đừng vứt bỏ vít và nắp.



10 Đóng cửa trước.

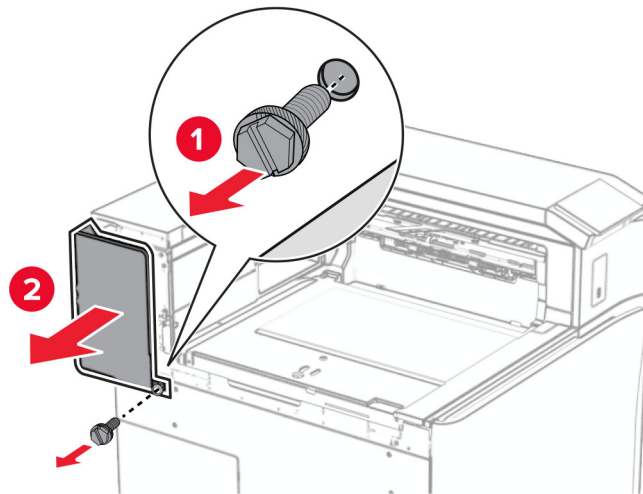
11 Tháo nắp đầu nối bộ phận vận chuyển giấy.

Lưu ý: Đừng vứt bỏ nắp.



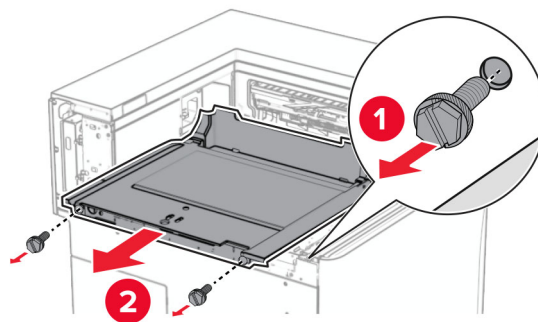
**12** Tháo nắp phía sau bên trái.

Lưu ý: Đừng vứt bỏ vít và nắp.

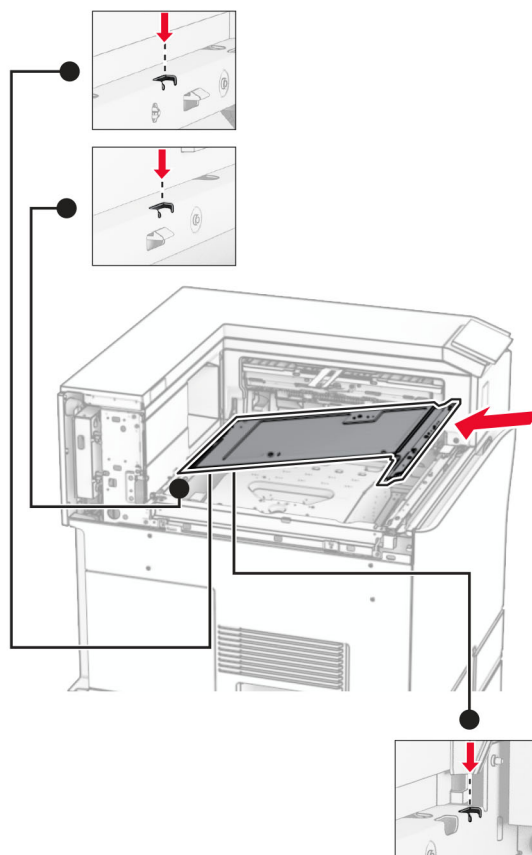


**13** Tháo nắp trong cửa ngăn giấy.

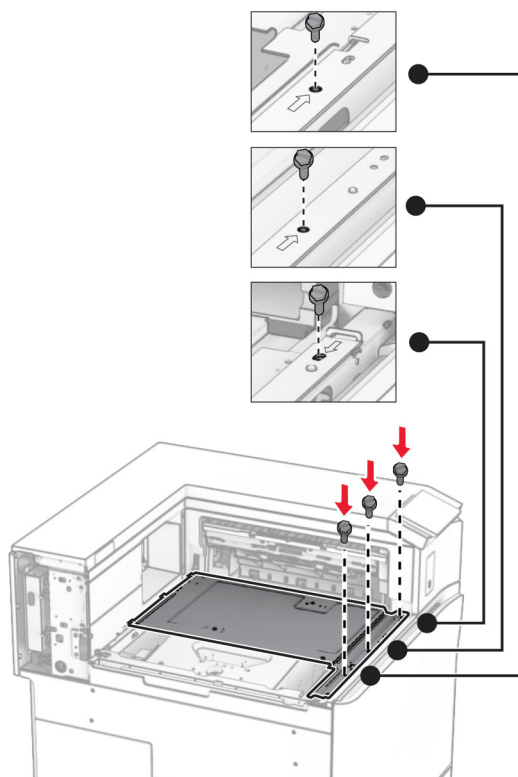
Lưu ý: Đừng vứt bỏ vít và nắp.



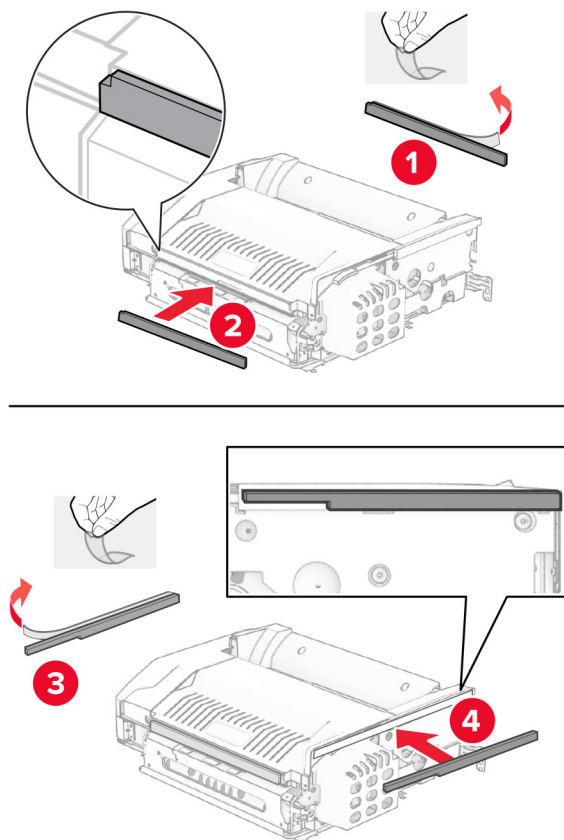
14 Căn chỉnh, rồi lắp nắp trong cửa ngăn giấy đi kèm theo tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy.



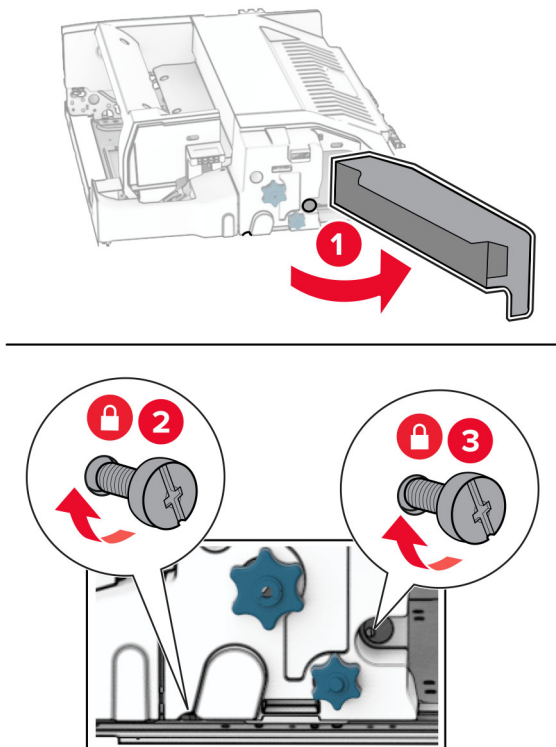
**15** Lắp vít vào nắp trong cửa ngăn giấy.



**16** Gắn các miếng băng keo xốp vào tùy chọn.

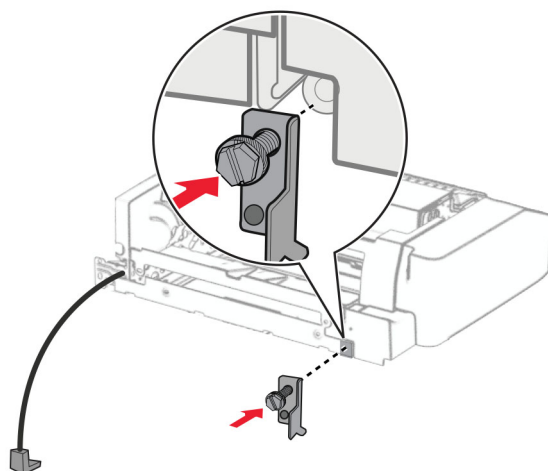


17 Mở cửa F, rồi siết chặt vít.



18 Đóng cửa F.

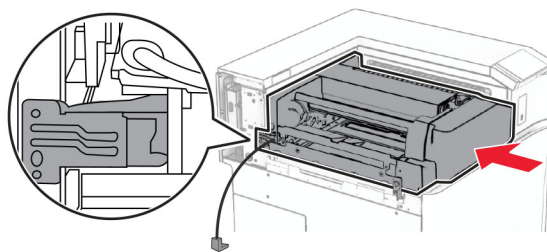
19 Gắn khung vào tùy chọn.



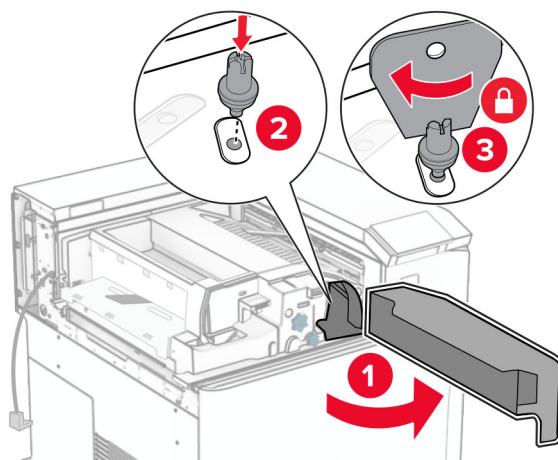
20 Lắp tùy chọn.

**Lưu ý:** Đảm bảo rằng khung kim loại ở phía trước máy in.



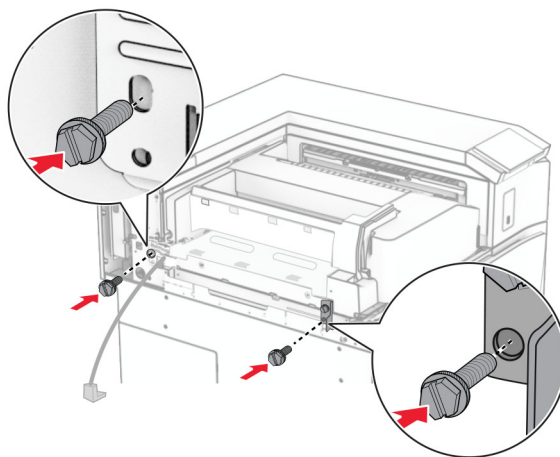


21 Mở cửa F, rồi dùng tua vít đi kèm theo tùy chọn để lắp vít.

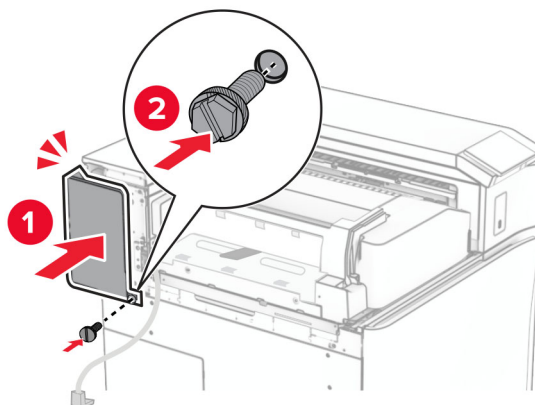


22 Đóng cửa F.

23 Lắp vít vào tùy chọn.

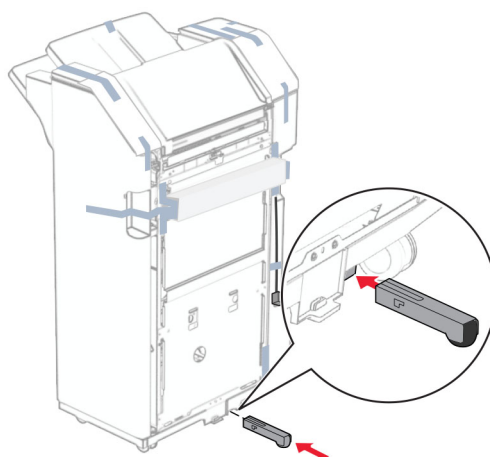


**24** Gắn nắp sau bên trái.



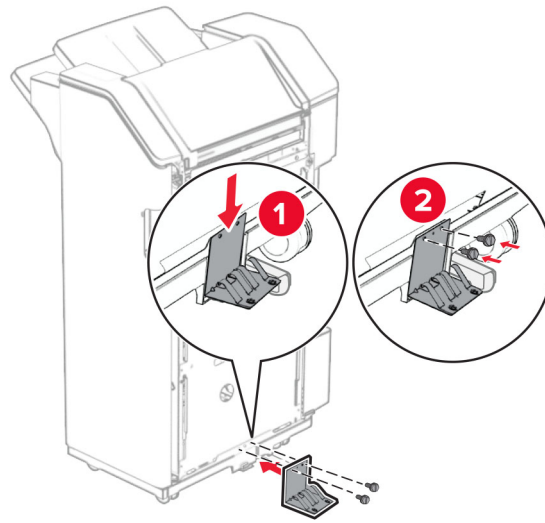
**25** Mở bao bì của bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ.

**26** Lắp bộ ổn định.

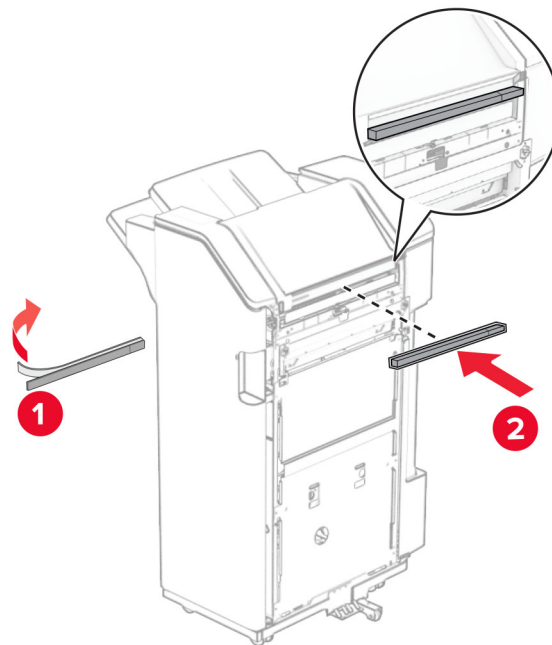


**27** Loại bỏ băng dính xung quanh bộ hoàn thiện.

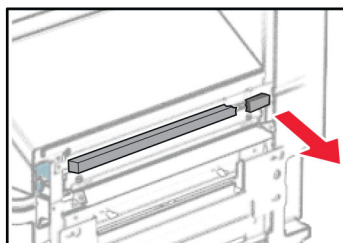
**28** Gắn khung vào bộ hoàn thiện.



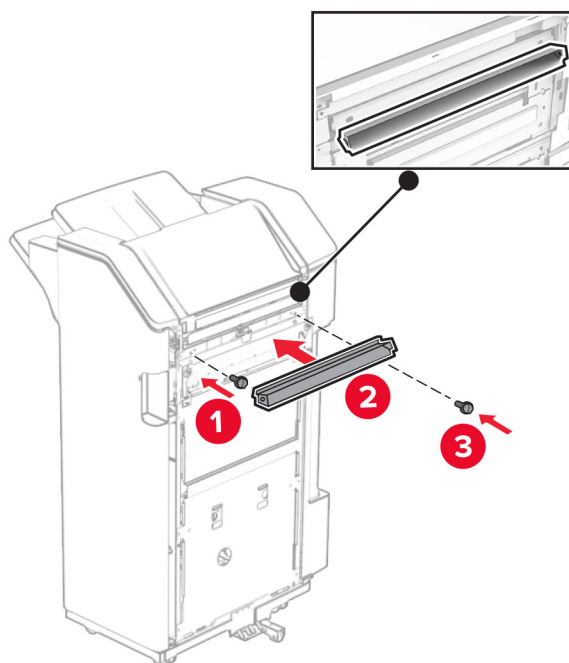
**29** Gắn băng keo xốp vào bộ hoàn thiện.

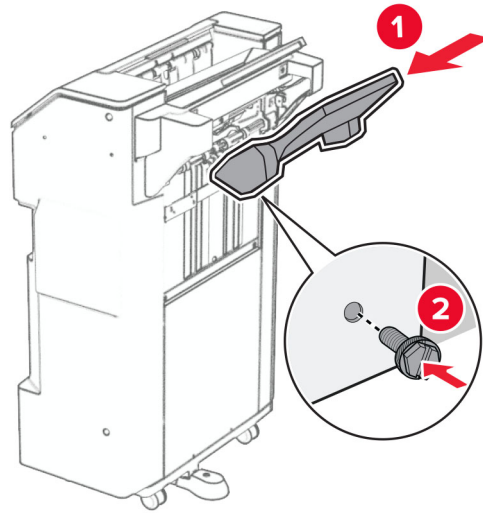
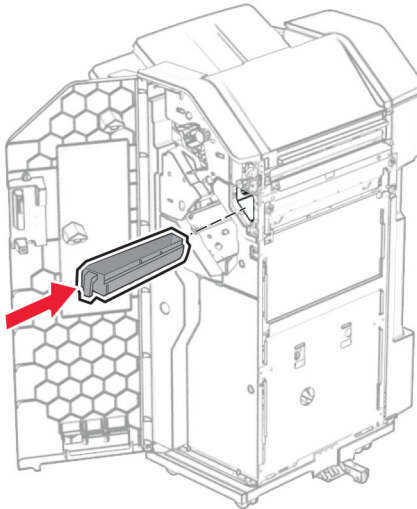


**Lưu ý:** Loại bỏ phần xốp nhỏ ở bên phải của bộ hoàn thiện.

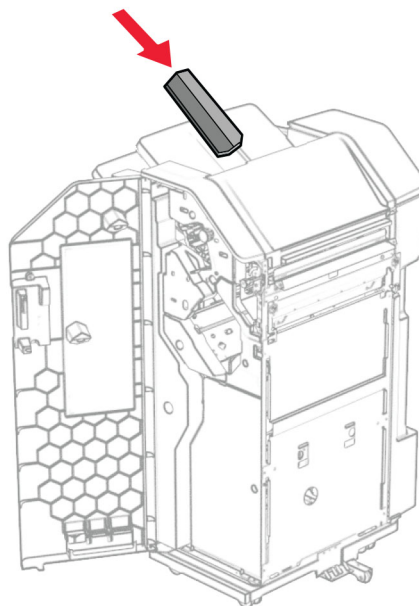


**30** Gắn thanh dẫn hướng nạp giấy vào bộ hoàn thiện.



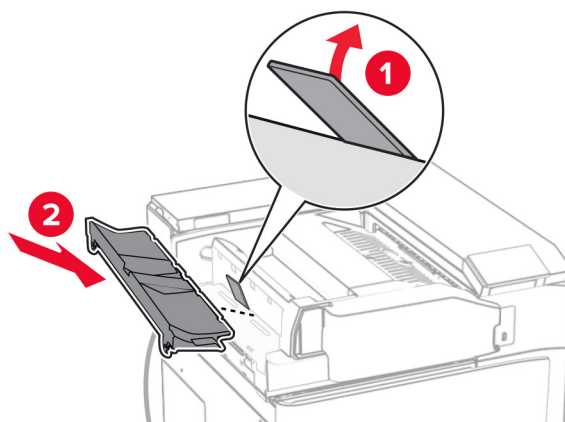
**31** Gắn ngăn giấy vào bộ hoàn thiện.**32** Mở cửa bộ hoàn thiện, sau đó lắp hộp đục lỗ vào.**33** Đặt bộ mở rộng ngăn giấy vào ngăn giấy của bộ hoàn thiện.**Lưu ý:**

- Bộ mở rộng ngăn giấy được dùng cho giấy khổ A3 trở lên và trong điều kiện độ ẩm cao để hỗ trợ xếp giấy.
- Dung lượng ngăn giấy sẽ giảm khi bạn sử dụng bộ mở rộng ngăn giấy.

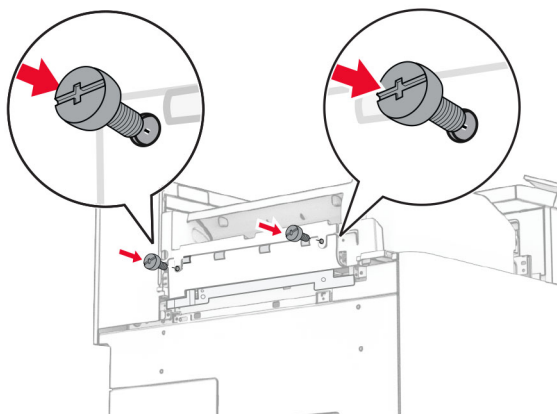


**34** Đóng cửa bộ hoàn thiện.

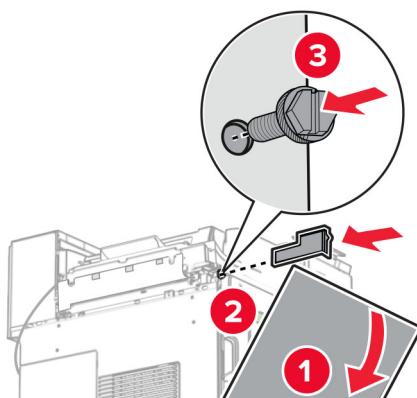
**35** Nâng nắp lật của ngăn giấy lên, rồi căn chỉnh và gắn nắp vào tùy chọn.



**36** Lắp vít.

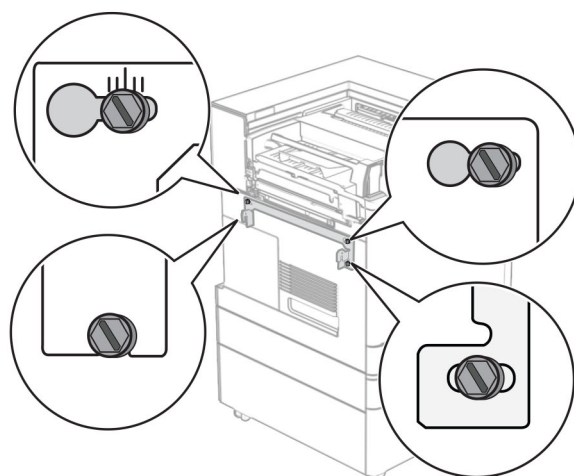
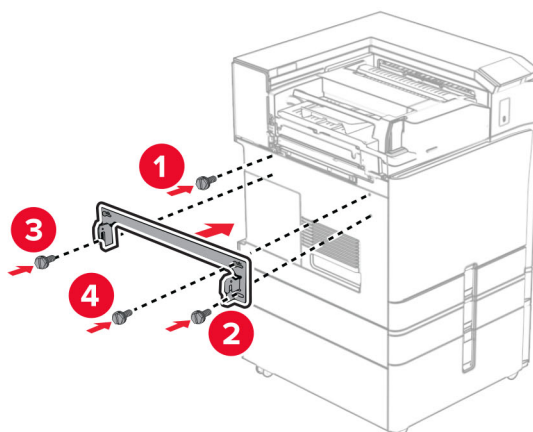


**37** Mở cửa trước, sau đó gắn nắp trang trí đi kèm theo tùy chọn.

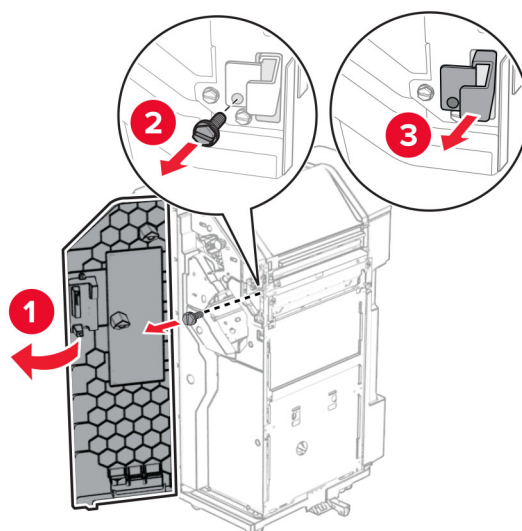


**38** Lắp giá đỡ vào máy in.

**Lưu ý:** Đảm bảo căn chỉnh vít với các điểm đánh dấu trên giá đỡ.

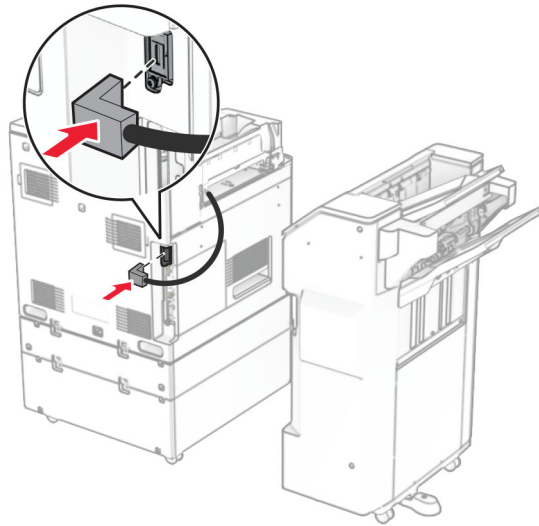


**39** Mở cửa bộ hoàn thiện, tháo vít, sau đó kéo khóa cửa bộ hoàn thiện.

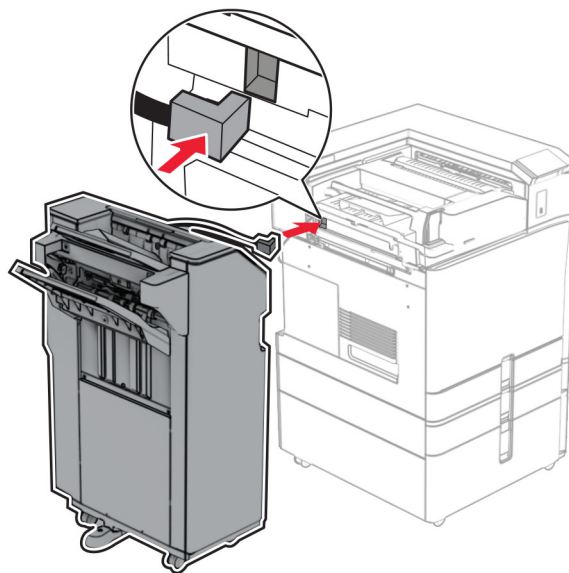




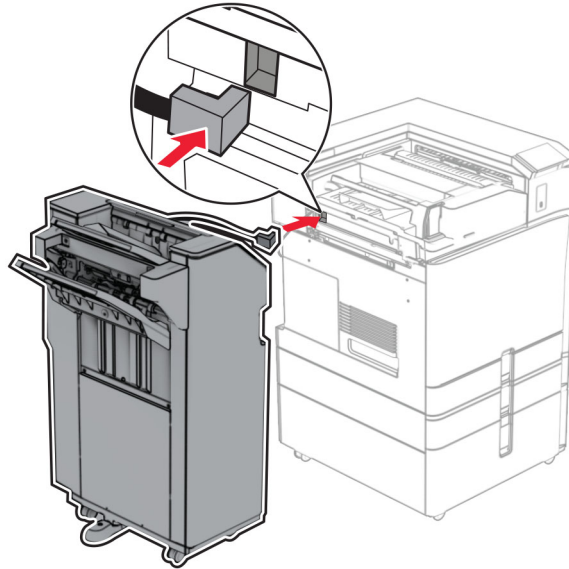
**40** Kết nối cáp của bộ phận tùy chọn với máy in.



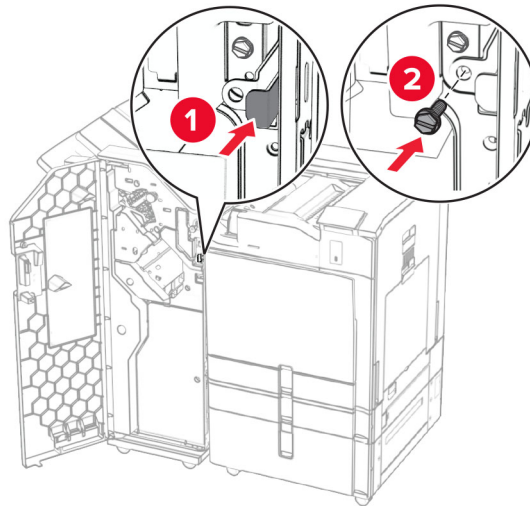
**41** Kết nối cáp bộ của hoàn thiện với tùy chọn.



42 Gắn bộ hoàn thiện vào máy in.



43 Khóa bộ hoàn thiện với máy in, sau đó lắp vít.



44 Đóng cửa bộ hoàn thiện.

45 Cắm một đầu dây nguồn với máy in, sau đó cắm đầu còn lại vào ổ cắm điện.

**⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG:** Để tránh rủi ro hỏa hoạn hoặc điện giật, hãy nối dây nguồn với ổ cắm điện có công suất định mức phù hợp, được nối đất đúng cách, gần với sản phẩm và dễ tiếp cận.

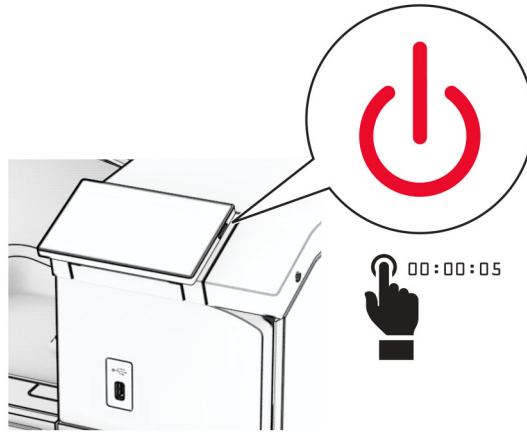
46 Bật máy in.

## Lắp bộ hoàn thiện tập sách và tùy chọn vận chuyển giấy

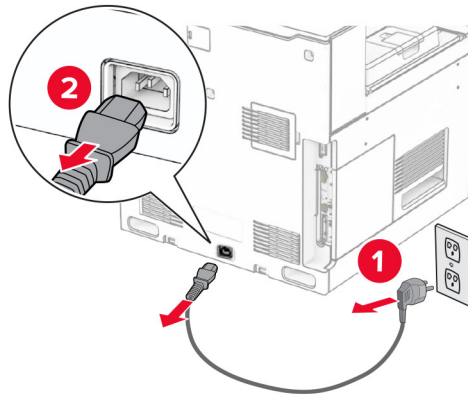
**⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ GIẬT ĐIỆN:** Để tránh rủi ro điện giật, nếu bạn tiếp cận bảng mạch điều khiển hoặc lắp đặt phần cứng hoặc thiết bị bộ nhớ tùy chọn sau khi cài đặt máy in, thì hãy tắt máy in và rút dây nguồn khỏi ổ cắm điện trước khi tiếp tục. Nếu có thiết bị khác gắn liền với máy in thì hãy tắt chúng, và rút mọi dây cáp kết nối với máy in.

**Lưu ý:** Nhiệm vụ này cần tua vít đầu dẹt.

### 1 Tắt máy in.



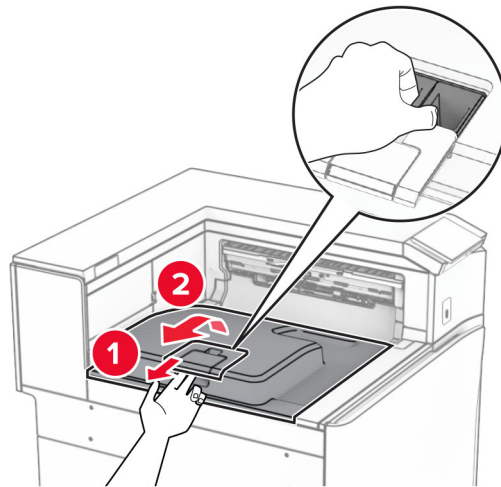
### 2 Rút dây nguồn ra khỏi ổ cắm điện và máy in.



### 3 Mở bao bì của bộ phận vận chuyển giấy.

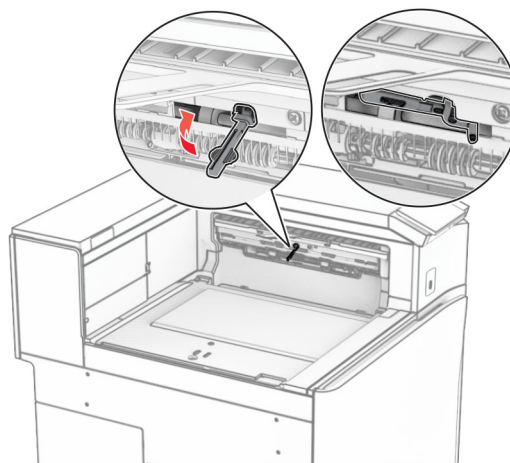
### 4 Tháo ngăn giấy chuẩn.

**Lưu ý:** Đừng vứt bỏ ngăn giấy.



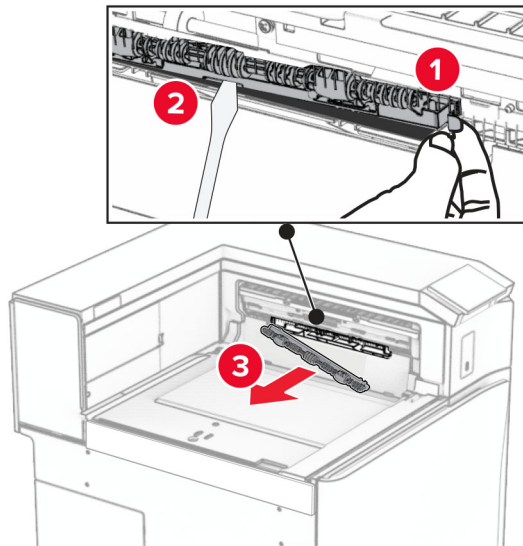
**5** Trước khi lắp bộ phận tùy chọn này, hãy đặt cờ báo ngăn giấy thoát vào vị trí đóng.

**Lưu ý:** Sau khi tháo bộ phận tùy chọn, hãy đặt cờ báo ngăn giấy thoát vào vị trí mở.

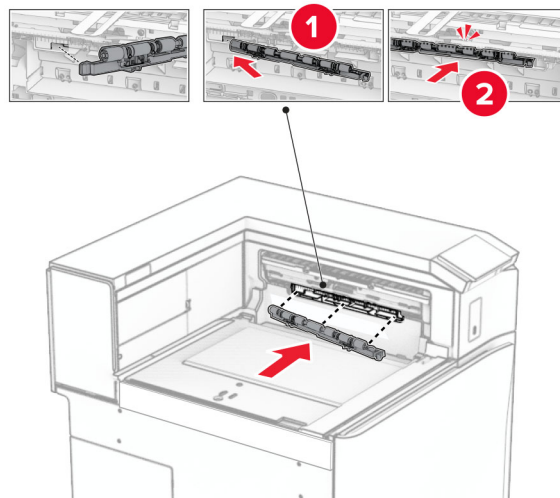


**6** Tháo trực dự phòng.

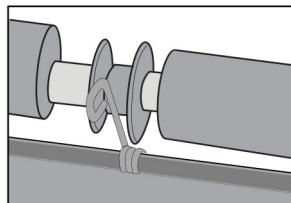
**Lưu ý:** Đừng vứt bỏ trực.



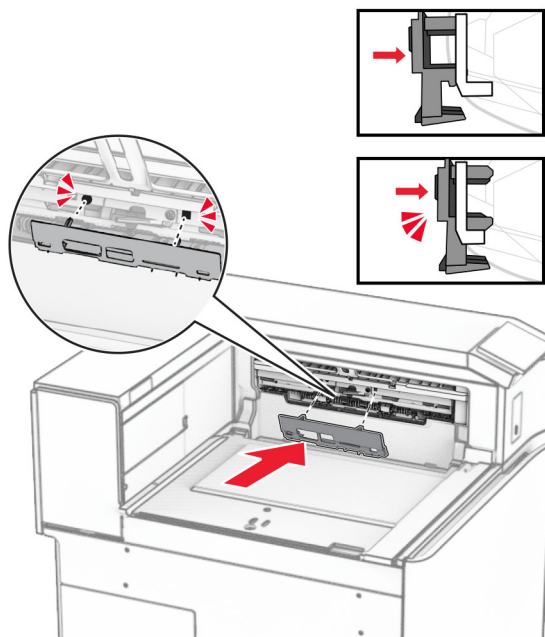
7 Lắp trục nạp đi kèm theo bộ phận vận chuyển giấy cho đến khi khớp vào đúng vị trí.



Lưu ý: Đảm bảo rằng lò xo kim loại ở phía trước trục nạp.

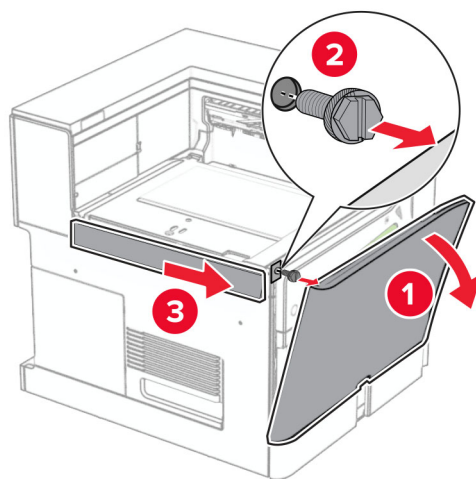


8 Gắn nắp trực cho đến khi khớp vào đúng vị trí.



9 Mở cửa trước, sau đó tháo nắp ở bên trái của máy in.

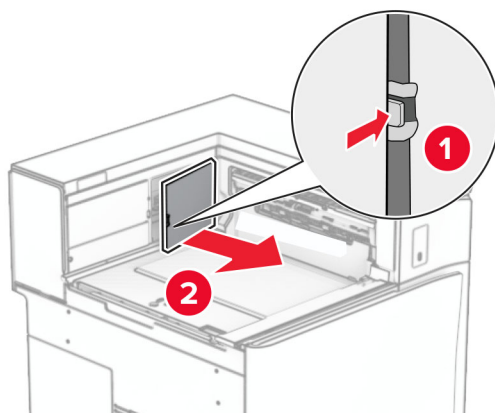
Lưu ý: Đừng vứt bỏ vít và nắp.



10 Đóng cửa trước.

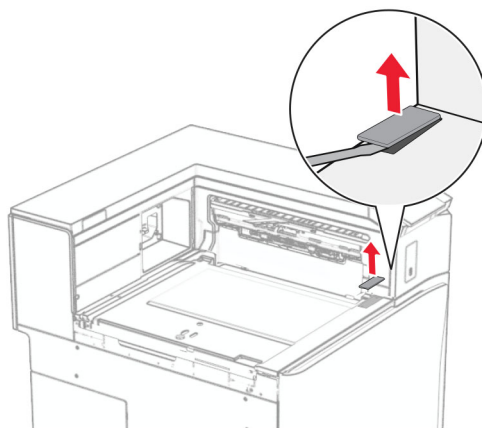
11 Tháo nắp đầu nối bộ phận vận chuyển giấy.

Lưu ý: Đừng vứt bỏ nắp.

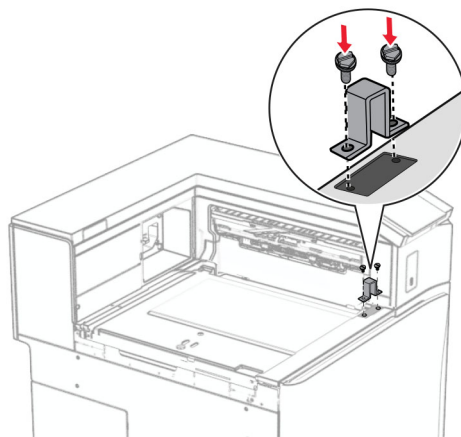


## 12 Tháo nắp.

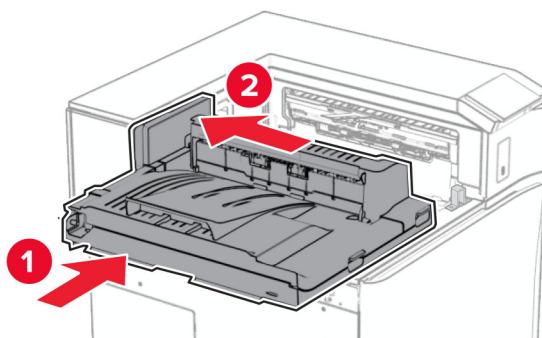
Lưu ý: Đừng vứt bỏ nắp.



**13** Gắn khung kim loại.

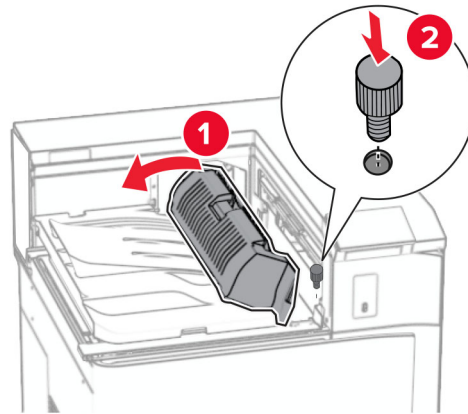


**14** Lắp bộ phận vận chuyển giấy.



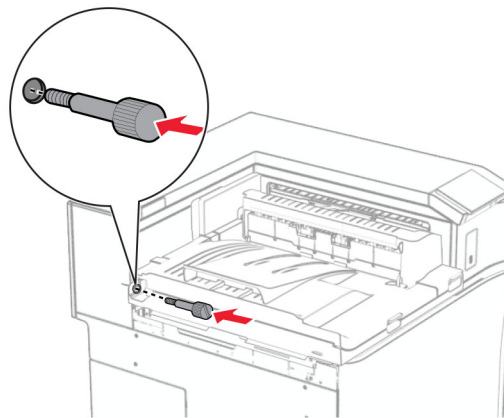


**15** Mở tay cầm G, sau đó lắp vít vào phía trước bộ phận vận chuyển giấy.

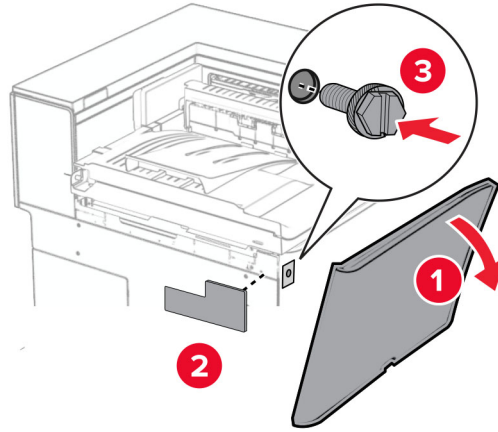


**16** Đóng tay cầm G.

**17** Lắp vít vào phía sau bộ phận vận chuyển giấy.



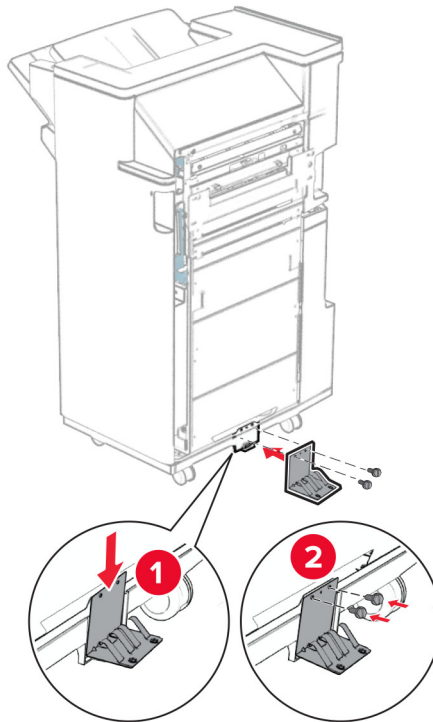
**18** Mở cửa trước, sau đó gắn nắp đi kèm theo bộ phận vận chuyển giấy vào bên trái của máy in.



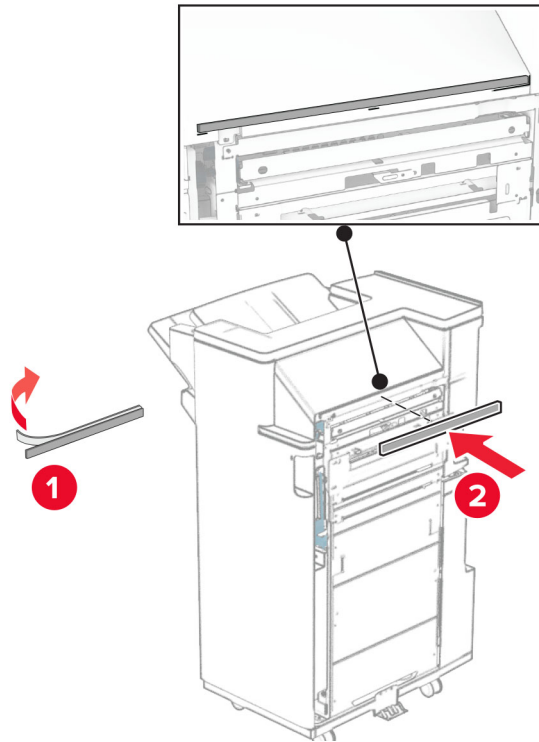
**19** Đóng cửa trước.

**20** Mở bao bì của bộ hoàn thiện tập sách, sau đó lấy tất cả vật liệu đóng gói ra.

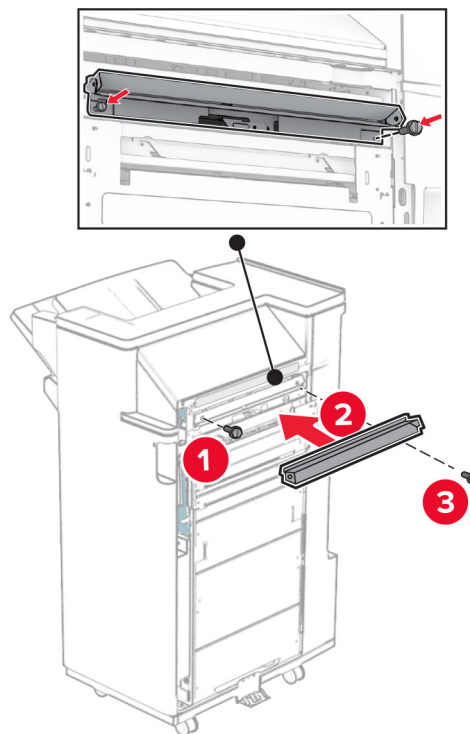
**21** Gắn khung vào bộ hoàn thiện.



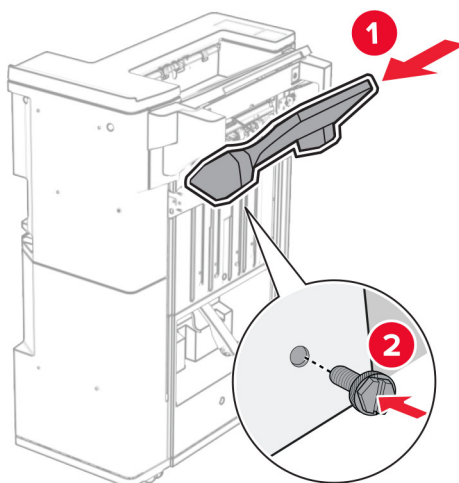
22 Gắn băng keo xốp vào bộ hoàn thiện.



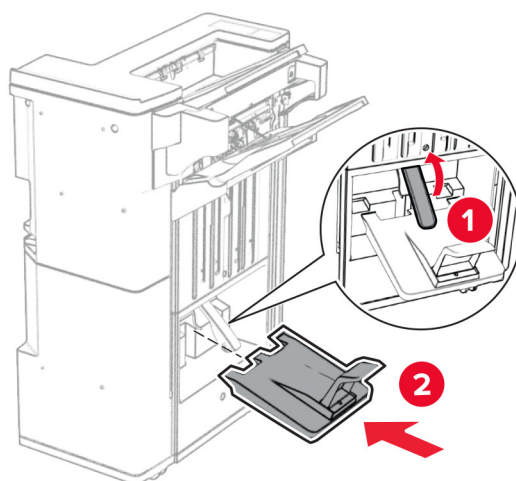
23 Gắn thanh dẫn hướng nạp giấy vào bộ hoàn thiện.



24 Gắn ngăn giấy trên vào bộ hoàn thiện.

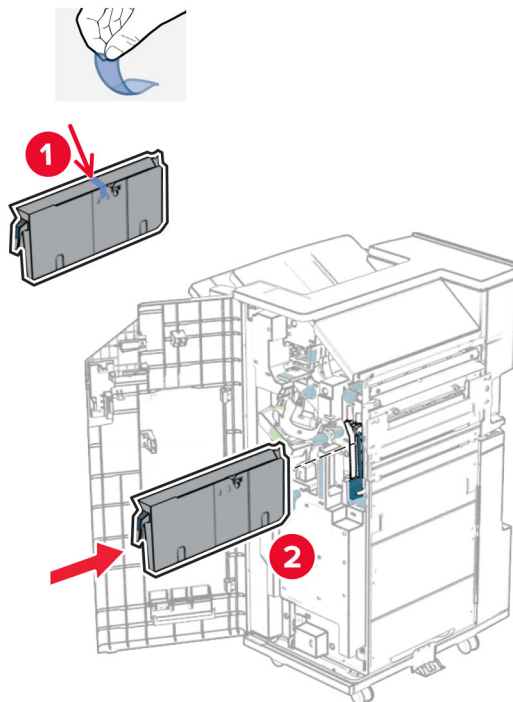


25 Nâng nắp lật của ngăn giấy lên, sau đó gắn ngăn giấy dưới vào bộ hoàn thiện.



26 Mở cửa bộ hoàn thiện.

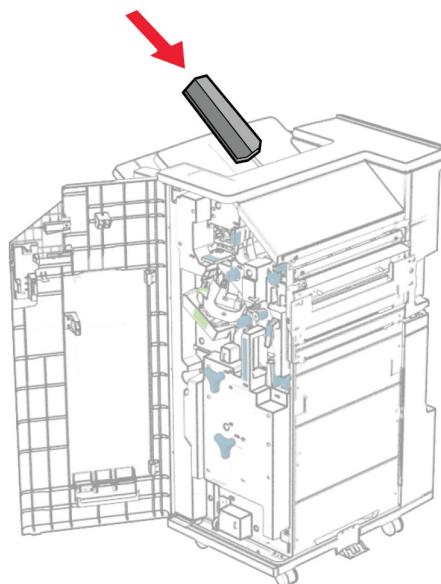
**27** Lấy vật liệu đóng gói ra khỏi hộp đục lỗ, sau đó lắp hộp đục lỗ vào bộ hoàn thiện.



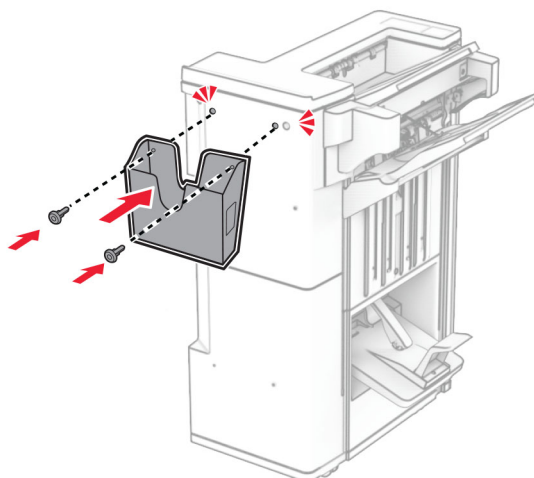
**28** Đặt bộ mở rộng ngăn giấy vào ngăn giấy của bộ hoàn thiện.

**Lưu ý:**

- Bộ mở rộng ngăn giấy được dùng cho giấy khổ A3 trở lên và trong điều kiện độ ẩm cao để hỗ trợ xếp giấy.
- Dung lượng ngăn giấy sẽ giảm khi bạn sử dụng bộ mở rộng ngăn giấy.



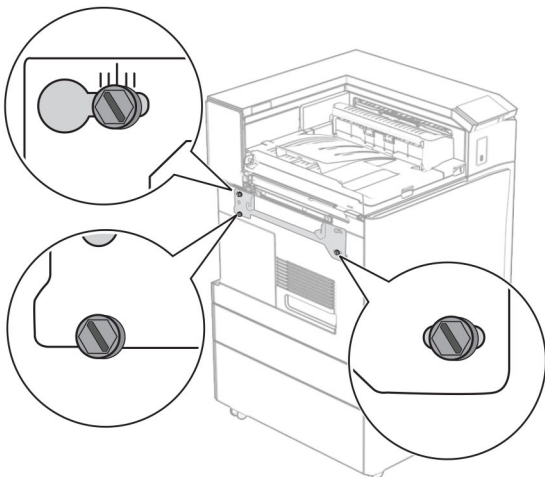
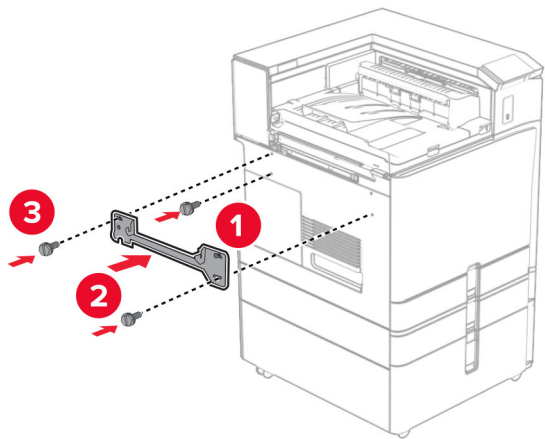
**29** Gắn giỏ vào phía sau bộ hoàn thiện.



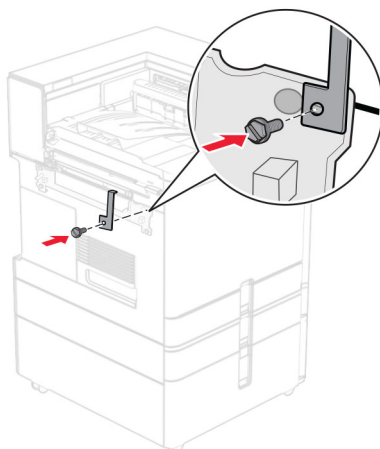
**30** Đóng cửa bộ hoàn thiện.

**31** Lắp giá đỡ vào máy in.

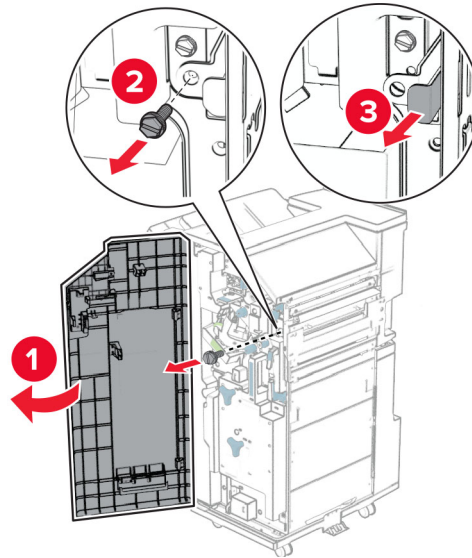
**Lưu ý:** Đảm bảo căn chỉnh vít với các điểm đánh dấu trên giá đỡ.



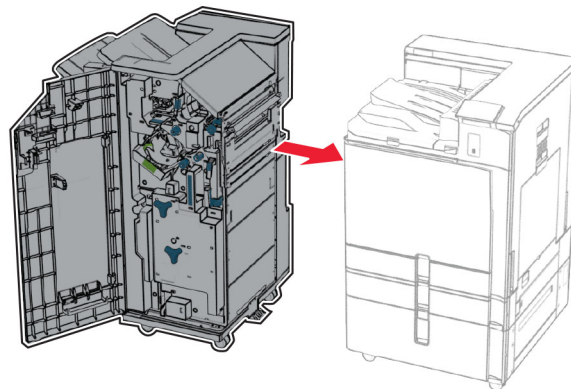
**32** Gắn khung đi kèm theo bộ phận vận chuyển giấy vào máy in.



**33** Mở cửa bộ hoàn thiện, tháo vít, sau đó kéo khóa cửa bộ hoàn thiện.

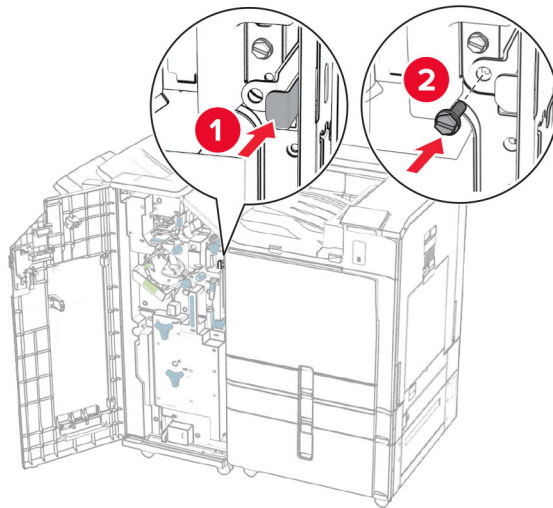


**34** Gắn bộ hoàn thiện vào máy in.



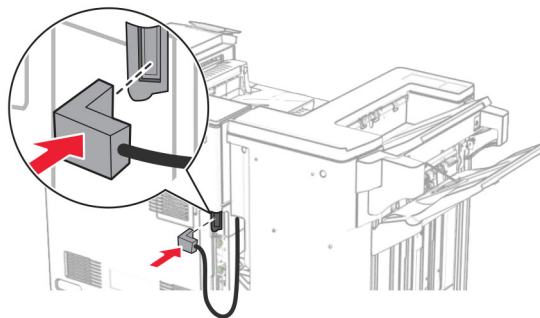


35 Khóa bộ hoàn thiện với máy in, sau đó lắp vít.



36 Đóng cửa bộ hoàn thiện.

37 Kết nối cáp của bộ hoàn thiện với máy in.



38 Cắm một đầu dây nguồn với máy in, sau đó cắm đầu còn lại vào ổ cắm điện.

**⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG:** Để tránh rủi ro hỏa hoạn hoặc điện giật, hãy nối dây nguồn với ổ cắm điện có công suất định mức phù hợp, được nối đất đúng cách, gần với sản phẩm và dễ tiếp cận.

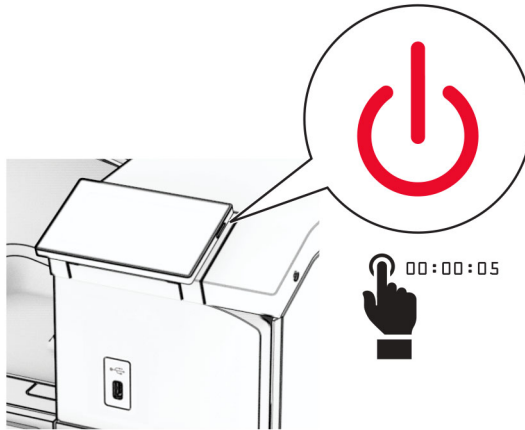
39 Bật máy in.

## Lắp bộ hoàn thiện tập sách và tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy

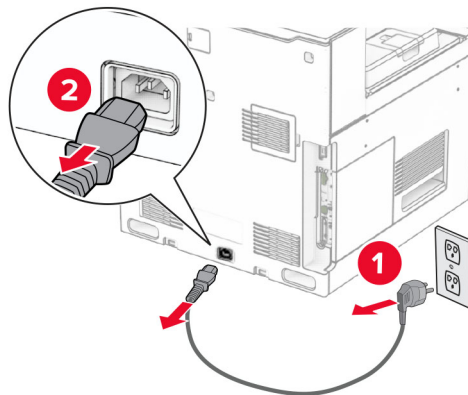
**⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ GIẬT ĐIỆN:** Để tránh rủi ro điện giật, nếu bạn tiếp cận bảng mạch điều khiển hoặc lắp đặt phần cứng hoặc thiết bị bộ nhớ tùy chọn sau khi cài đặt máy in, thì hãy tắt máy in và rút dây nguồn khỏi ổ cắm điện trước khi tiếp tục. Nếu có thiết bị khác gắn liền với máy in thì hãy tắt chúng, và rút mọi dây cáp kết nối với máy in.

**Lưu ý:** Nhiệm vụ này cần tua vít đầu dẹt.

**1** Tắt máy in.



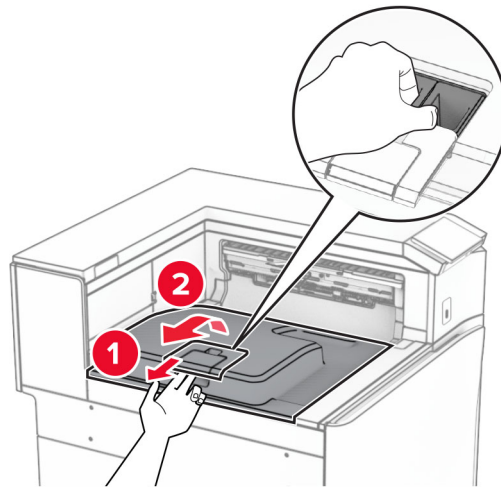
**2** Rút dây nguồn ra khỏi ổ cắm điện và máy in.



**3** Mở bao bì của tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy.

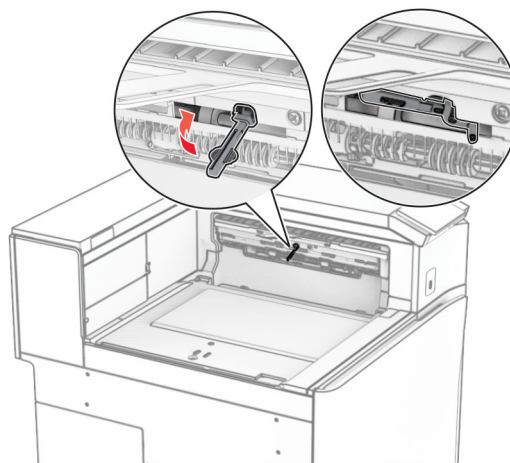
**4** Tháo ngăn giấy chuẩn.

**Lưu ý:** Đừng vứt bỏ ngăn giấy.



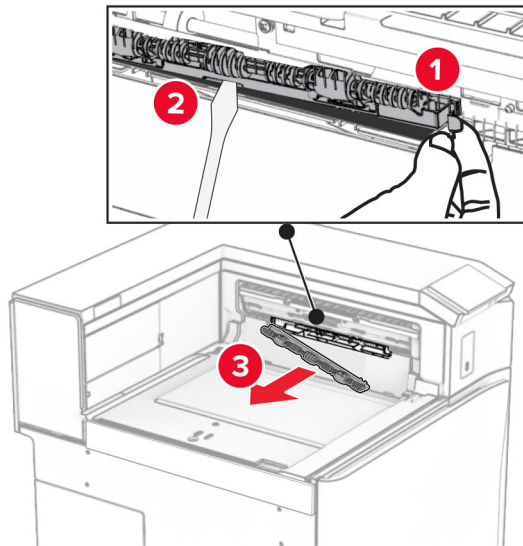
**5** Trước khi lắp bộ phận tùy chọn này, hãy đặt cờ báo ngăn giấy thoát vào vị trí đóng.

**Lưu ý:** Sau khi tháo bộ phận tùy chọn, hãy đặt cờ báo ngăn giấy thoát vào vị trí mở.

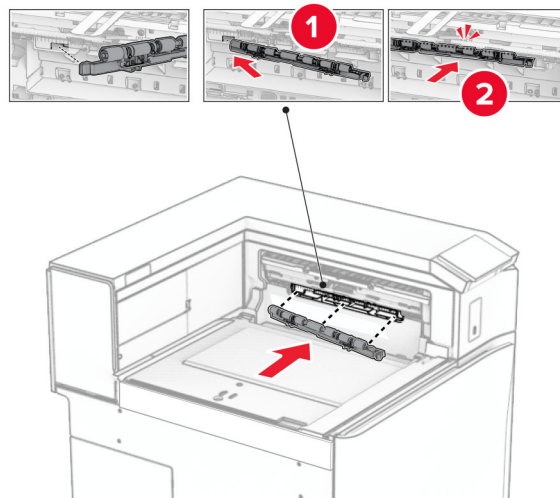


**6** Tháo trực dự phòng.

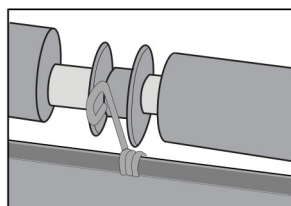
**Lưu ý:** Đừng vứt bỏ trực.



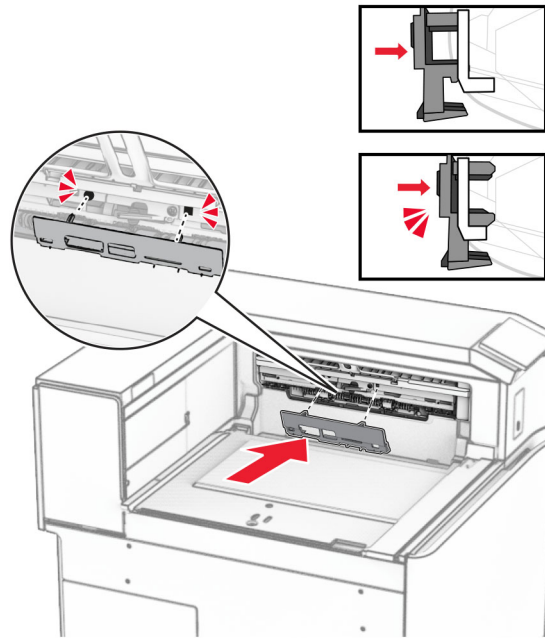
7 Lắp trực nạp đi kèm theo tùy chọn cho đến khi khớp vào đúng vị trí.



Lưu ý: Đảm bảo rằng lò xo kim loại ở phía trước trực nạp.

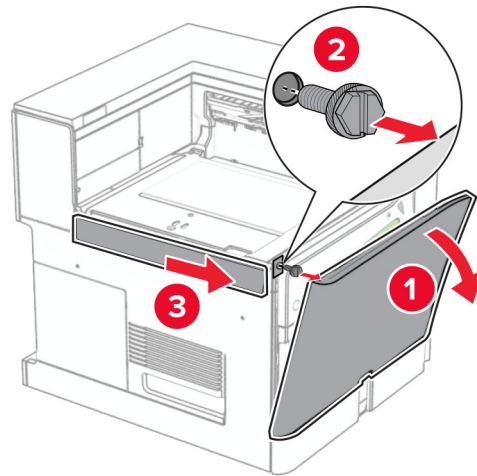


8 Gắn nắp trực cho đến khi khớp vào đúng vị trí.



9 Mở cửa trước, sau đó tháo nắp ở bên trái của máy in.

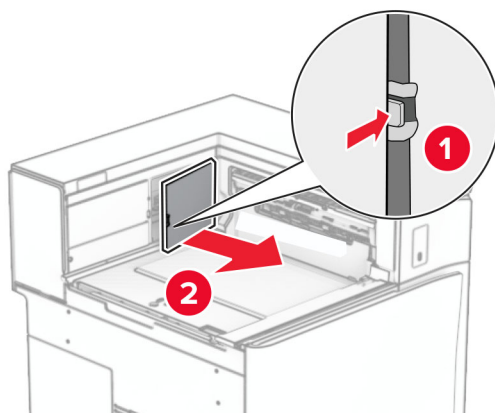
Lưu ý: Đừng vứt bỏ vít và nắp.



10 Đóng cửa trước.

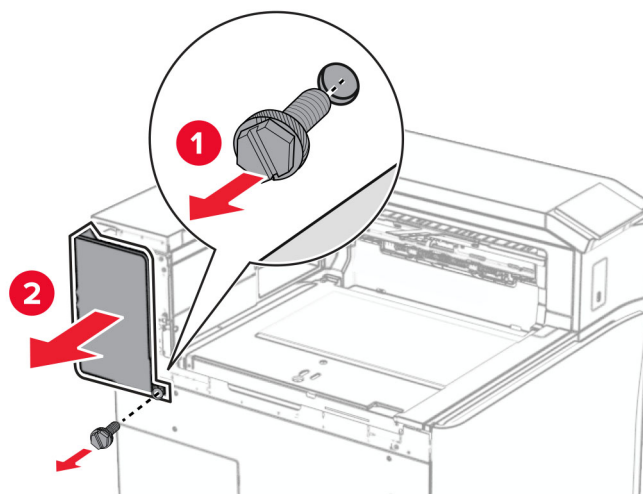
11 Tháo nắp đầu nối bộ phận vận chuyển giấy.

Lưu ý: Đừng vứt bỏ nắp.



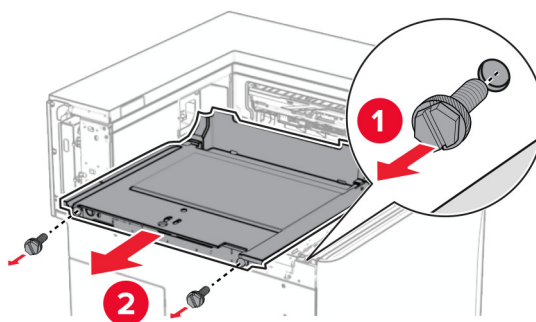
**12** Tháo nắp phía sau bên trái.

Lưu ý: Đừng vứt bỏ vít và nắp.

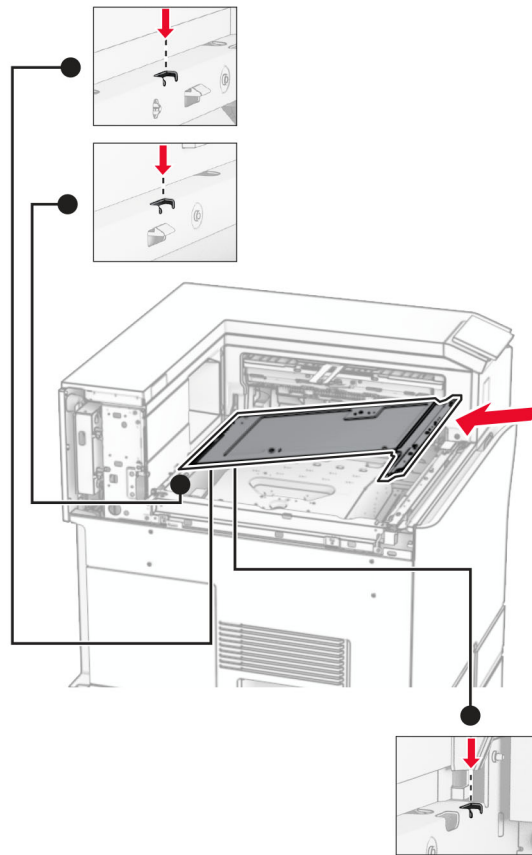


**13** Tháo nắp trong cửa ngăn giấy.

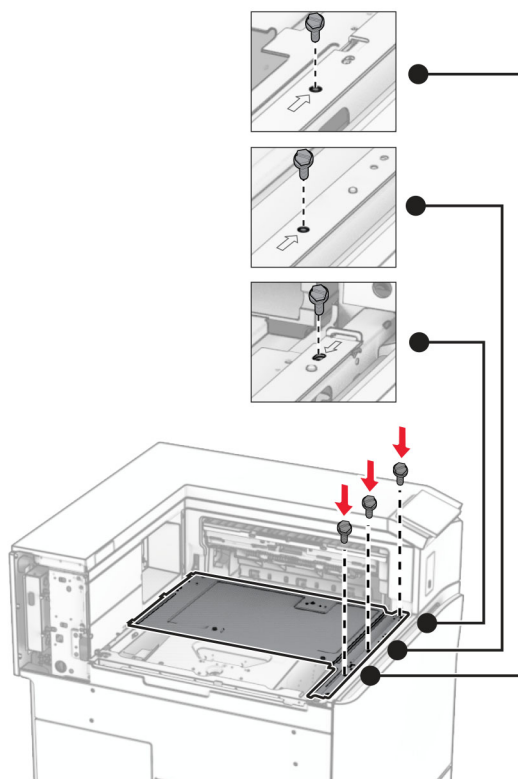
Lưu ý: Đừng vứt bỏ vít và nắp.



14 Căn chỉnh, rồi lắp nắp trong cửa ngăn giấy đi kèm theo tùy chọn.

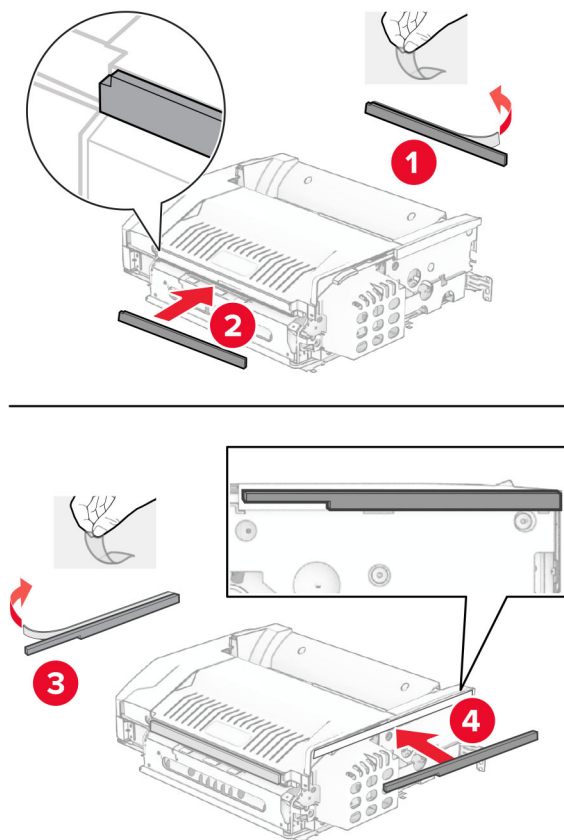


**15** Lắp vít vào nắp trong cửa ngăn giấy.

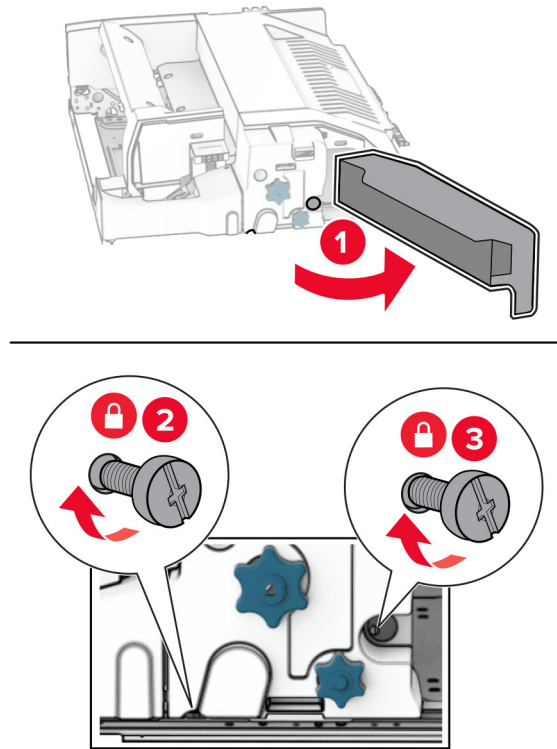




**16** Gắn các miếng băng keo xốp vào tùy chọn.

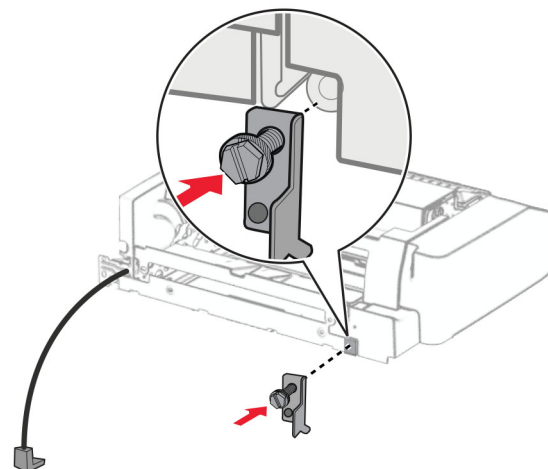


17 Mở cửa F, rồi siết chặt vít.



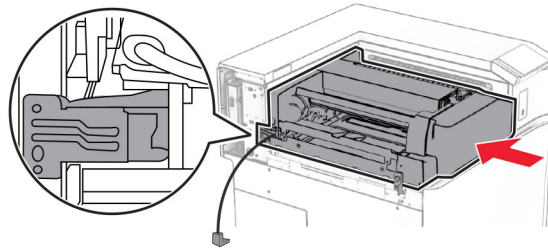
18 Đóng cửa F.

19 Gắn khung vào tùy chọn.

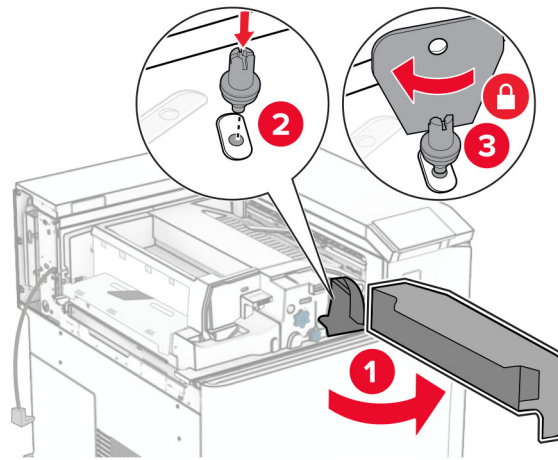


20 Lắp tùy chọn.

**Lưu ý:** Đảm bảo rằng khung kim loại ở phía trước máy in.

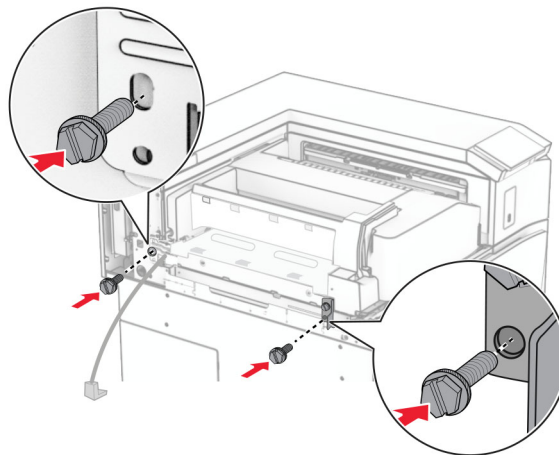


21 Mở cửa F, rồi dùng tua vít đi kèm theo tùy chọn để lắp vít.

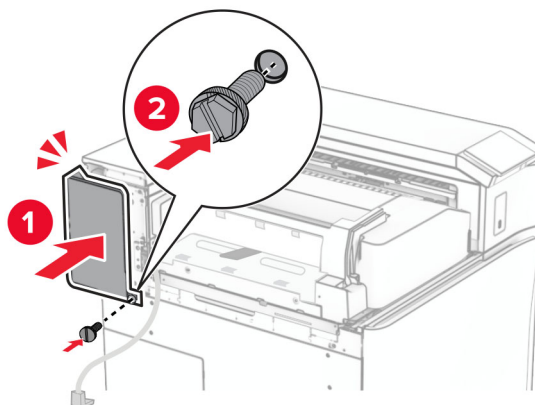


22 Đóng cửa F.

23 Lắp vít vào tùy chọn.

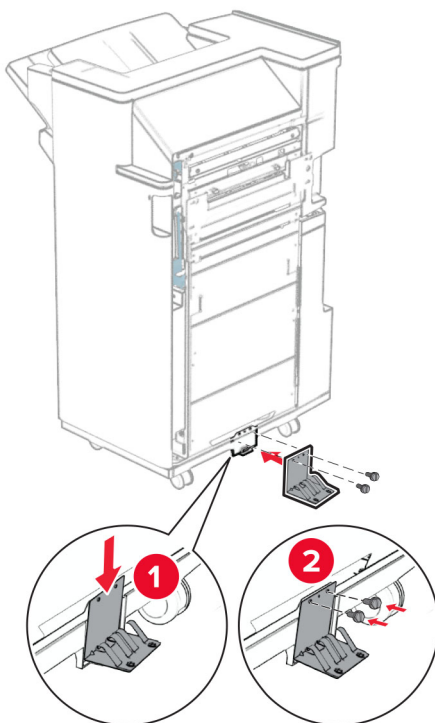


**24** Gắn nắp sau bên trái.

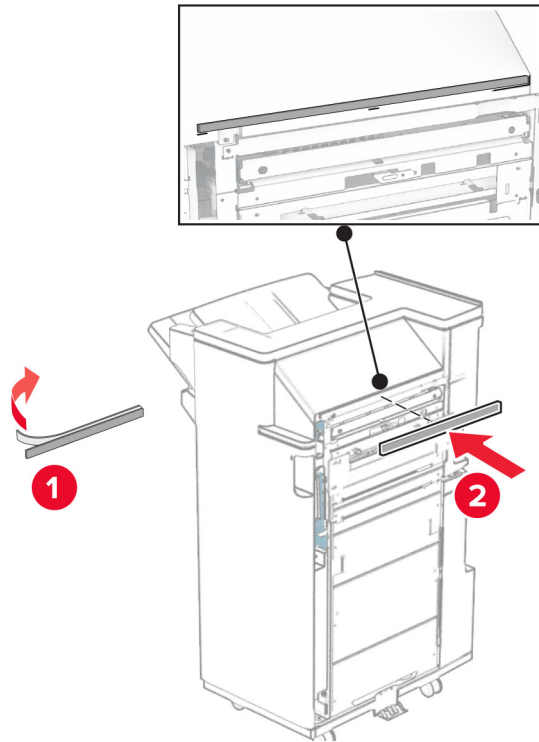


**25** Mở bao bì của bộ hoàn thiện tập sách, sau đó lấy tất cả vật liệu đóng gói ra.

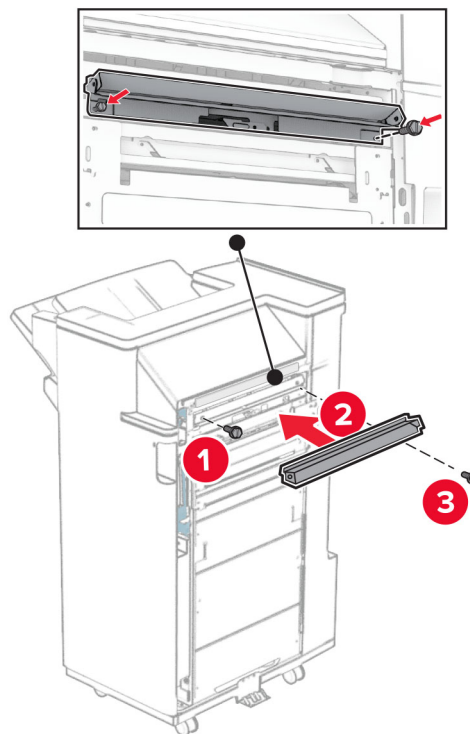
**26** Gắn khung vào bộ hoàn thiện.



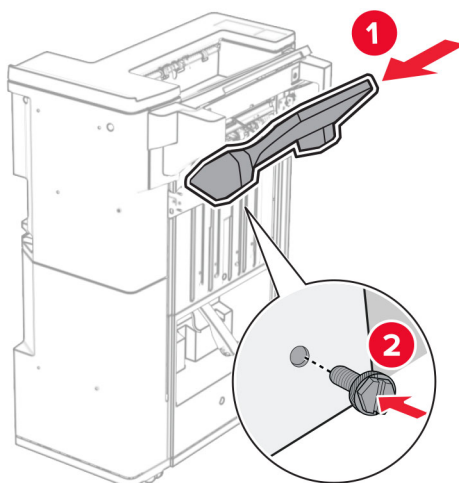
27 Gắn băng keo xốp vào bộ hoàn thiện.



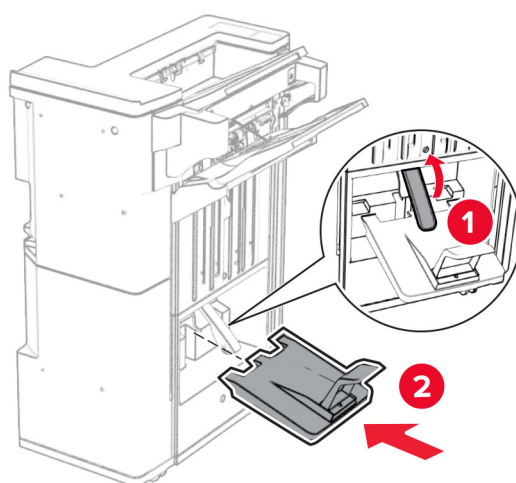
28 Gắn thanh dẫn hướng nạp giấy vào bộ hoàn thiện.



**29** Gắn ngăn giấy trên vào bộ hoàn thiện.

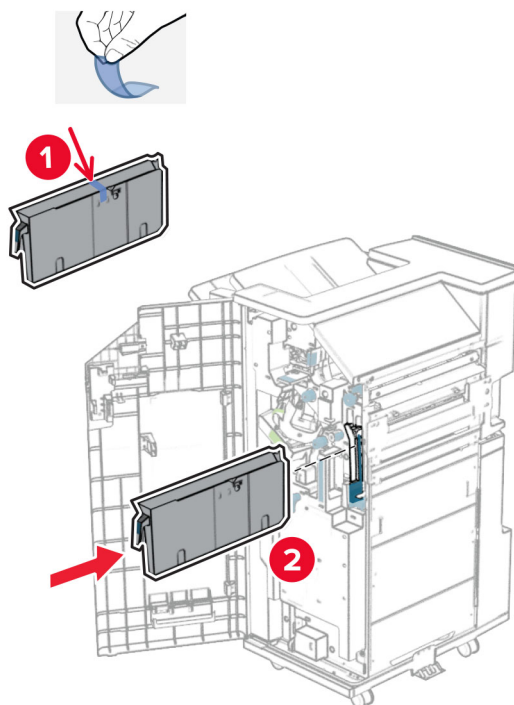


**30** Nâng nắp lật của ngăn giấy lên, sau đó gắn ngăn giấy dưới vào bộ hoàn thiện.



**31** Mở cửa bộ hoàn thiện.

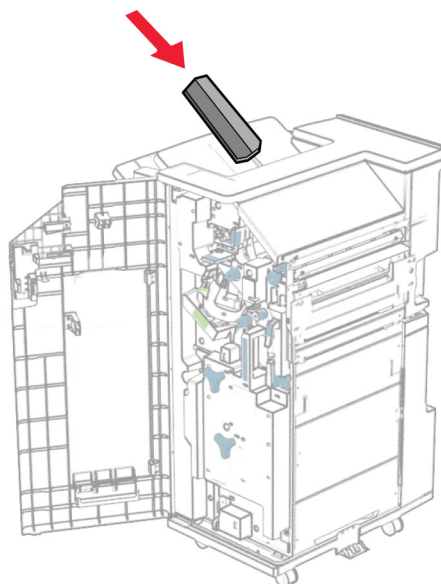
**32** Lấy vật liệu đóng gói ra khỏi hộp đục lỗ, sau đó lắp hộp đục lỗ vào bộ hoàn thiện.



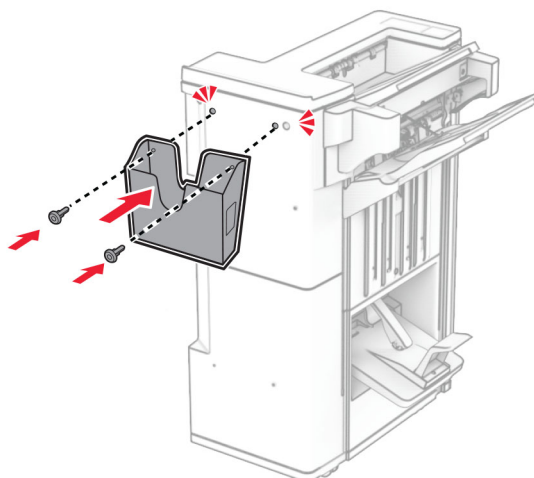
**33** Đặt bộ mở rộng ngăn giấy vào ngăn giấy của bộ hoàn thiện.

**Lưu ý:**

- Bộ mở rộng ngăn giấy được dùng cho giấy khổ A3 trở lên và trong điều kiện độ ẩm cao để hỗ trợ xếp giấy.
- Dung lượng ngăn giấy sẽ giảm khi bạn sử dụng bộ mở rộng ngăn giấy.



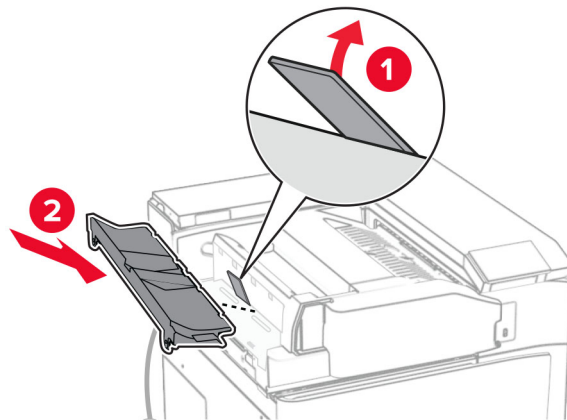
**34** Gắn giỏ vào phía sau bộ hoàn thiện.



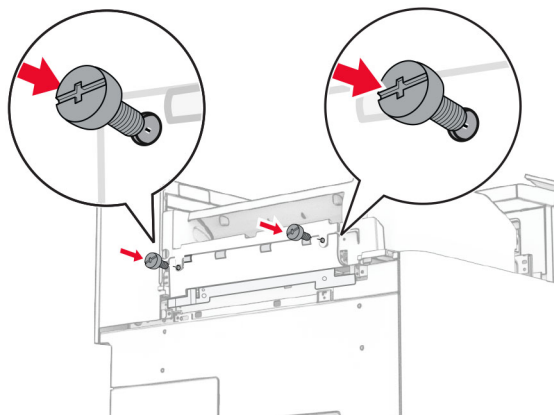
**35** Đóng cửa bộ hoàn thiện.



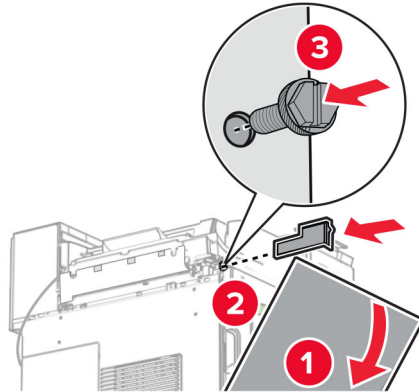
**36** Nâng nắp lật của ngăn giấy lên, rồi căn chỉnh và gắn nắp vào tùy chọn.



**37** Lắp vít.

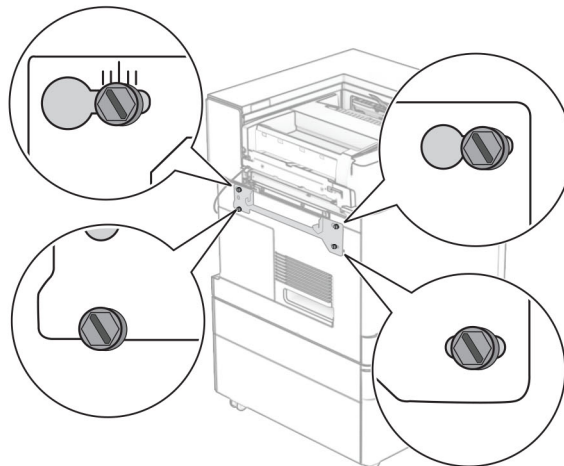
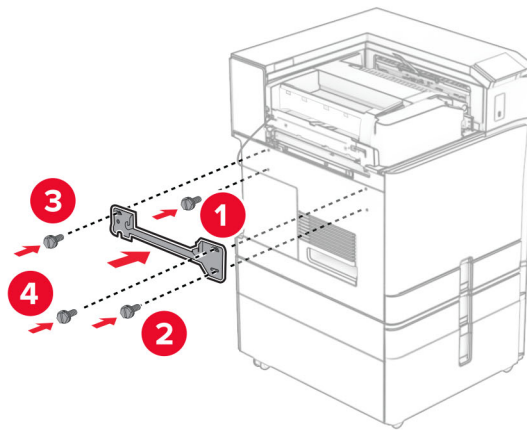


**38** Mở cửa trước, sau đó gắn nắp trang trí đi kèm theo tùy chọn.

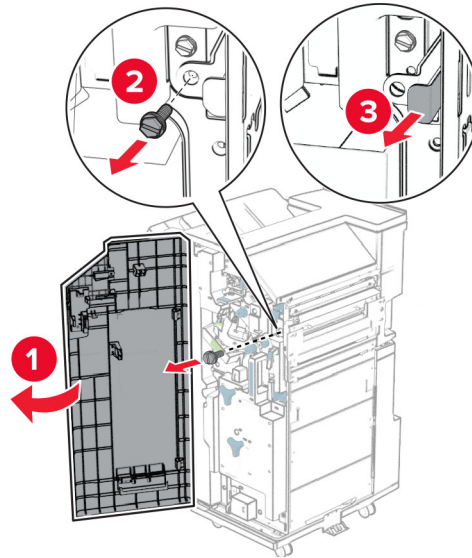


**39** Lắp giá đỡ vào máy in.

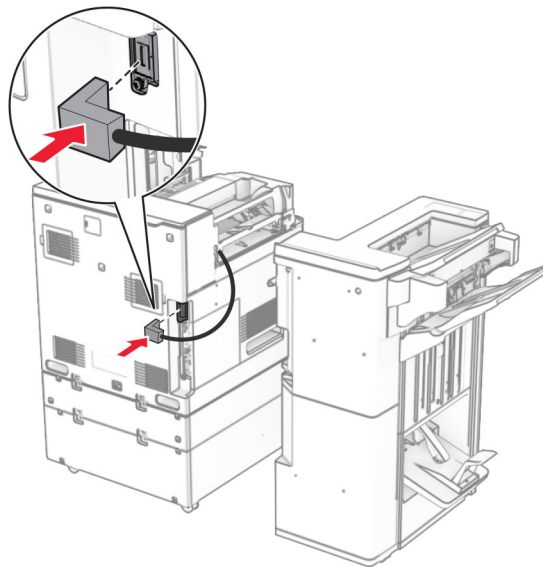
**Lưu ý:** Đảm bảo căn chỉnh vít với các điểm đánh dấu trên giá đỡ.



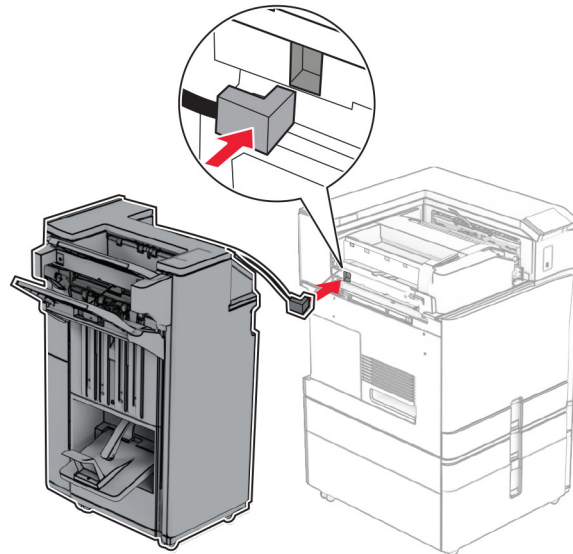
40 Mở cửa bộ hoàn thiện, tháo vít, sau đó kéo khóa cửa bộ hoàn thiện.



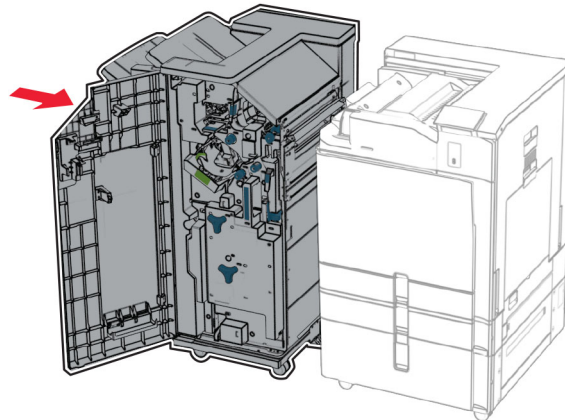
41 Kết nối cáp của bộ phận tùy chọn với máy in.



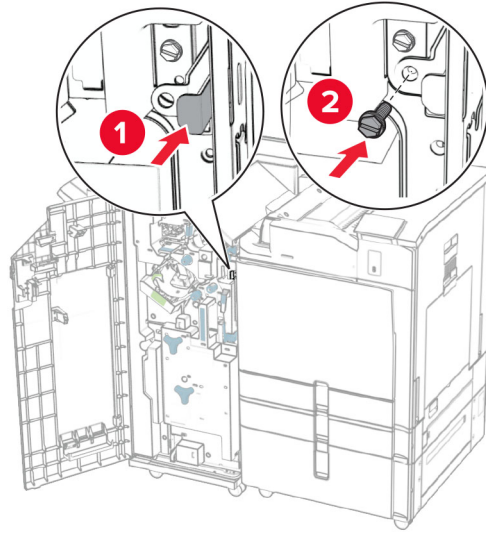
42 Kết nối cáp bộ của hoàn thiện với tùy chọn.



43 Gắn bộ hoàn thiện vào máy in.



44 Khóa bộ hoàn thiện với máy in, sau đó lắp vít.



45 Đóng cửa bộ hoàn thiện.

46 Cắm một đầu dây nguồn với máy in, sau đó cắm đầu còn lại vào ổ cắm điện.

**⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG:** Để tránh rủi ro hỏa hoạn hoặc điện giật, hãy nối dây nguồn với ổ cắm điện có công suất định mức phù hợp, được nối đất đúng cách, gần với sản phẩm và dễ tiếp cận.

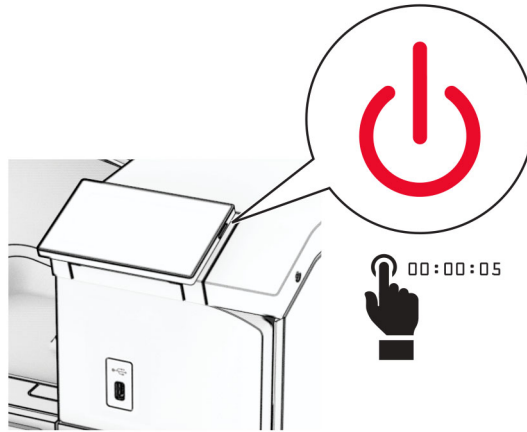
47 Bật máy in.

## Lắp đặt ổ lưu trữ thông minh

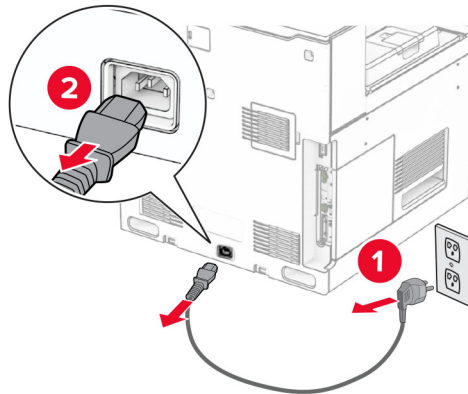
**⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ GIẬT ĐIỆN:** Để tránh rủi ro điện giật, nếu bạn tiếp cận bảng mạch điều khiển hoặc lắp đặt phần cứng hoặc thiết bị bộ nhớ tùy chọn sau khi cài đặt máy in, thì hãy tắt máy in, và rút dây nguồn khỏi ổ cắm điện trước khi tiếp tục. Nếu có thiết bị khác gắn liền với máy in thì hãy tắt chúng, và rút mọi dây cáp kết nối với máy in.

**Lưu ý:** Nhiệm vụ này cần tua vít đầu dẹt.

- 1 Tắt máy in.

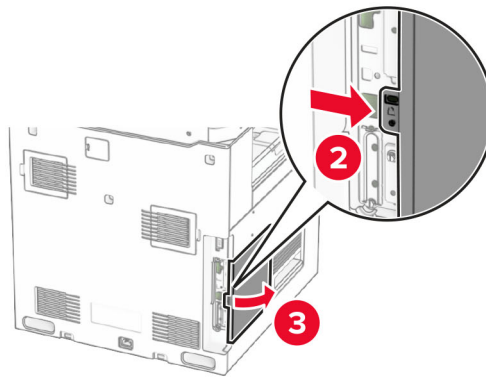
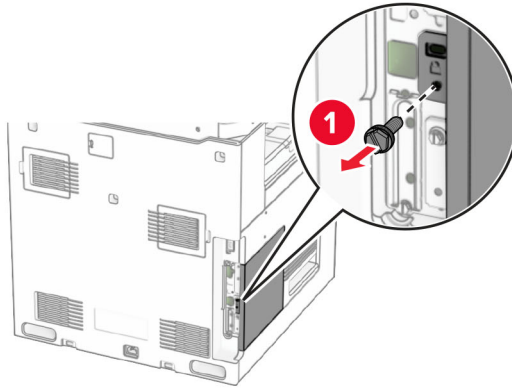


- 2 Rút dây nguồn ra khỏi ổ cắm điện và máy in.



- 3 Mở nắp tiếp cận bảng điều khiển.

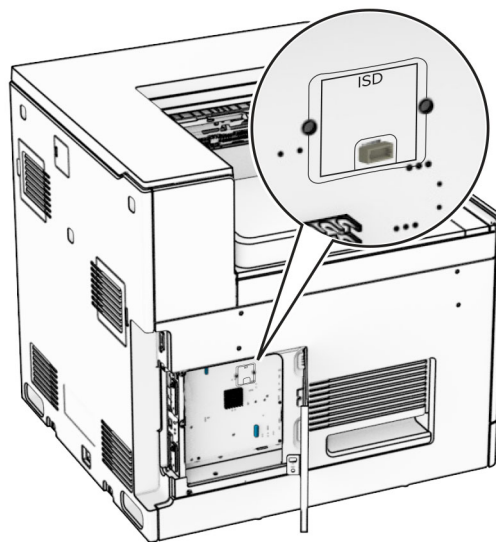
**Cảnh báo—Nguy cơ hỏng:** Các linh kiện điện tử của bảng mạch điều khiển dễ bị hư hỏng do tĩnh điện. Chạm vào bề mặt kim loại trên máy in trước khi chạm vào mọi linh kiện hoặc đầu nối của bảng mạch điều khiển.



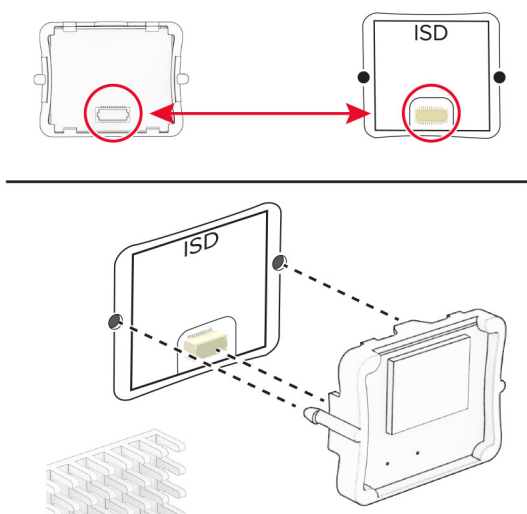
4 Mở hộp ổ lưu trữ thông minh (ISD).

**Cảnh báo—Nguy cơ hỏng:** Tránh chạm vào các điểm kết nối dọc theo cạnh của ổ lưu trữ.

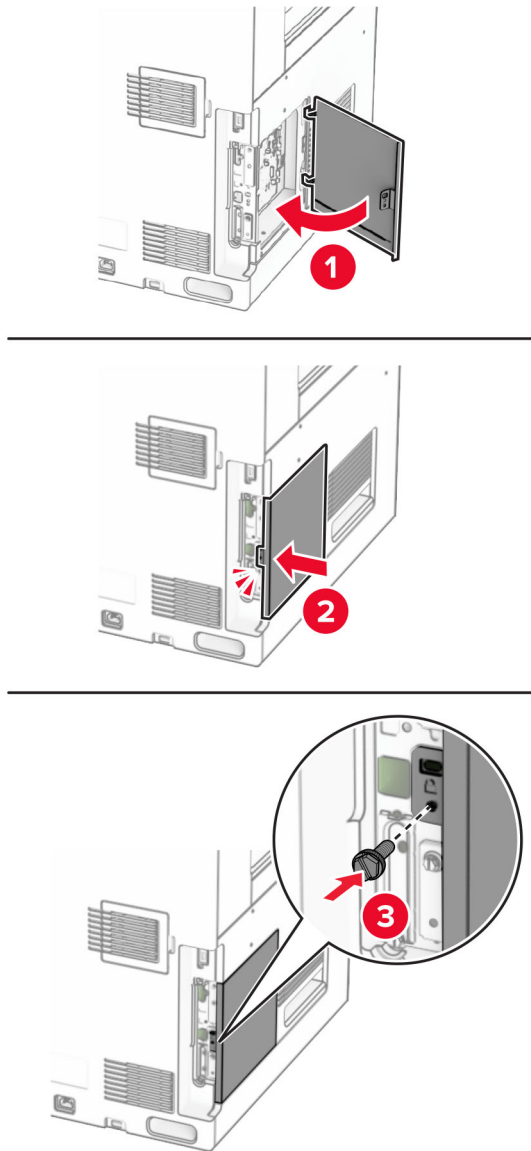
5 Xác định vị trí đầu nối ISD.



**6** Lắp ISD vào đầu nối của nó.





**7** Đóng nắp tiếp cận bảng điều khiển.**8** Cắm một đầu dây nguồn với máy in, sau đó cắm đầu còn lại vào ổ cắm điện.

**⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG:** Để tránh rủi ro hỏa hoạn hoặc điện giật, hãy nối dây nguồn với ổ cắm điện có công suất định mức phù hợp, được nối đất đúng cách, gần với sản phẩm và dễ tiếp cận.

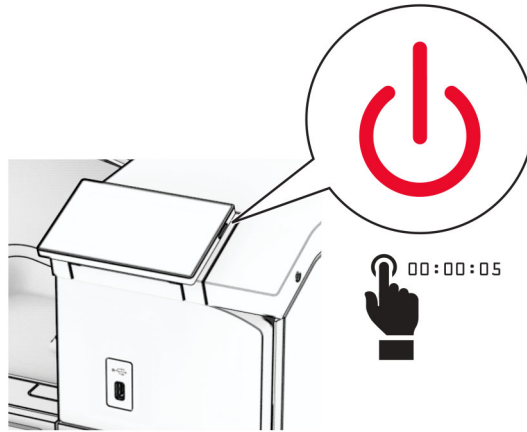
**9** Bật máy in.

## Lắp đặt cổng giải pháp nội bộ

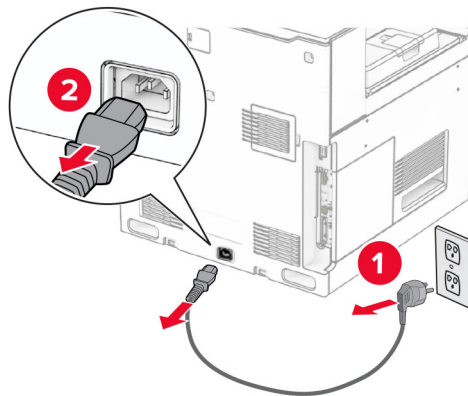
**⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ GIẬT ĐIỆN:** Để tránh rủi ro điện giật, nếu bạn tiếp cận bảng mạch điều khiển hoặc lắp đặt phần cứng hoặc thiết bị bộ nhớ tùy chọn sau khi cài đặt máy in, thì hãy tắt máy in, và rút dây nguồn khỏi ổ cắm điện trước khi tiếp tục. Nếu có thiết bị khác gắn liền với máy in thì hãy tắt chúng, và rút mọi dây cáp kết nối với máy in.

**Lưu ý:** Nhiệm vụ này cần tua vít đầu dẹt.

1 Tắt máy in.

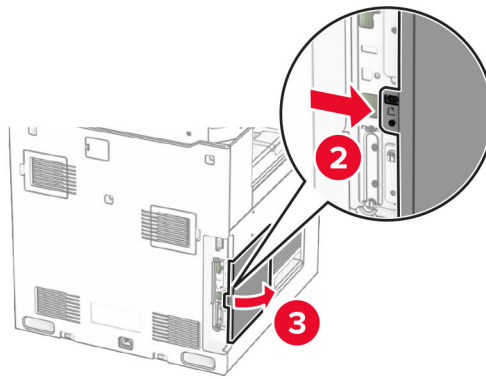
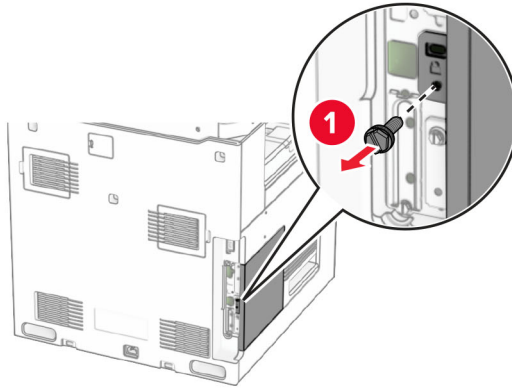


2 Rút dây nguồn ra khỏi ổ cắm điện và máy in.



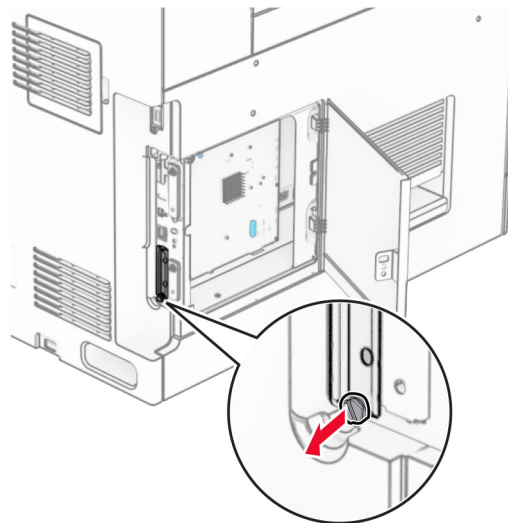
3 Mở nắp tiếp cận bảng điều khiển.

**Cảnh báo—Nguy cơ hỏng:** Các linh kiện điện tử của bảng mạch điều khiển dễ bị hư hỏng do tĩnh điện. Chạm vào bề mặt kim loại trên máy in trước khi chạm vào bất kỳ linh kiện hoặc đầu nối nào của bảng mạch điều khiển.

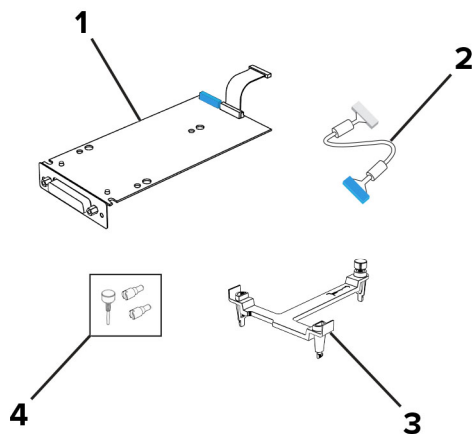


**4** Tháo nắp cổng giải pháp nội bộ (ISP).

**Lưu ý:** Đừng vứt bỏ vít và nắp.

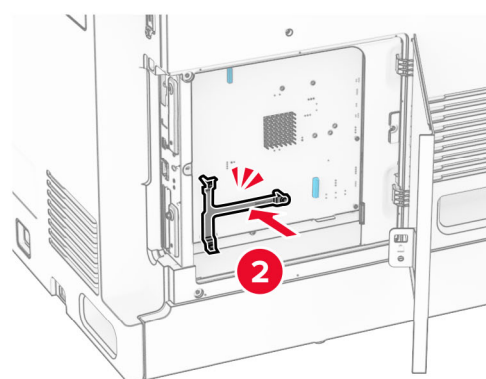
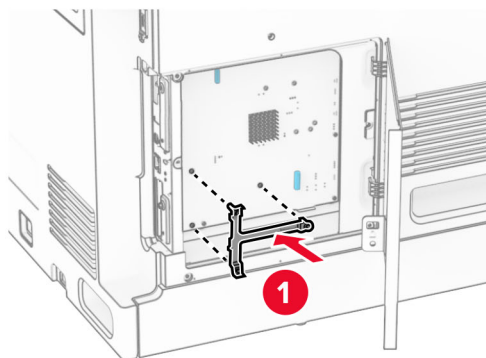


5 Mở bao bì của bộ ISP.

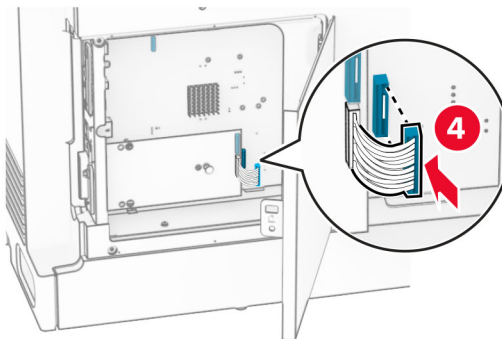
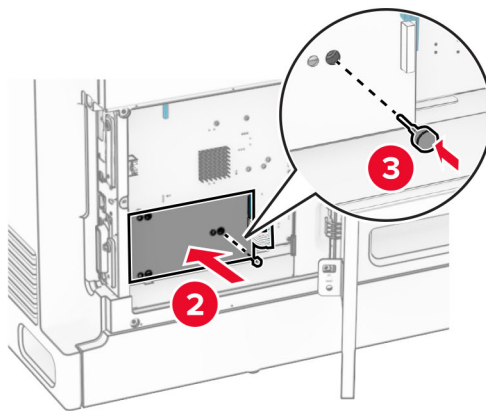
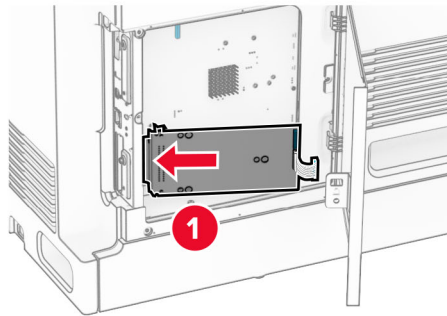


1	ISP
2	Cáp kéo dài cho ISP
3	Giá đỡ
4	Tua vít

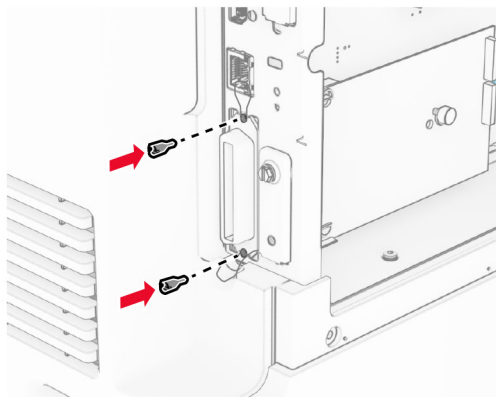
6 Lắp giá đỡ vào bảng điều khiển cho đến khi khớp vào đúng vị trí.

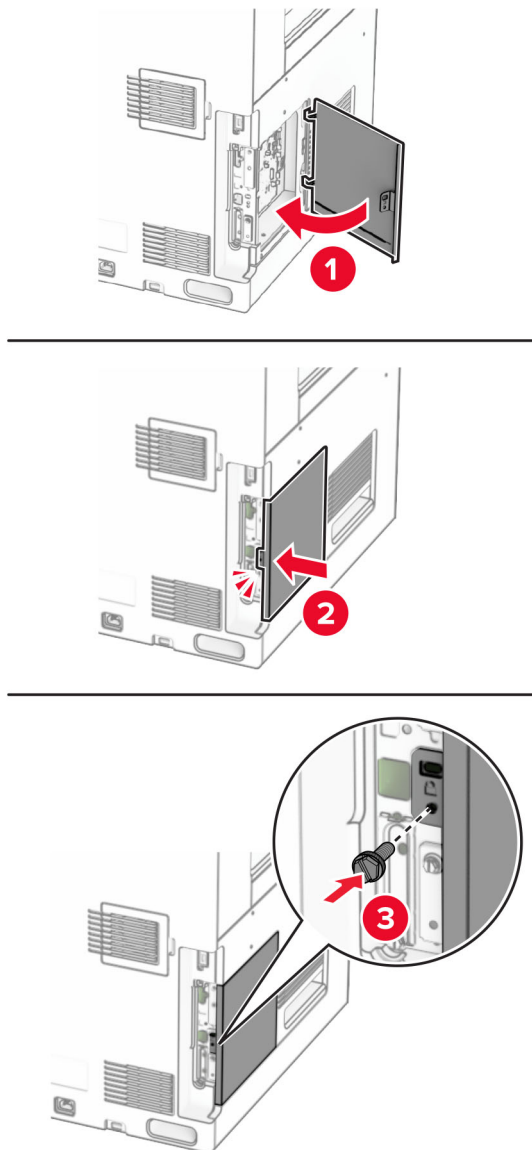


7 Lắp ISP vào giá đỡ, sau đó kết nối cáp nối dài ISP với đầu nối trên bảng điều khiển.



**8** Gắn cố định ISP vào máy in.



**9** Đóng nắp tiếp cận bảng điều khiển.**10** Cắm một đầu dây nguồn với máy in, sau đó cắm đầu còn lại vào ổ cắm điện.

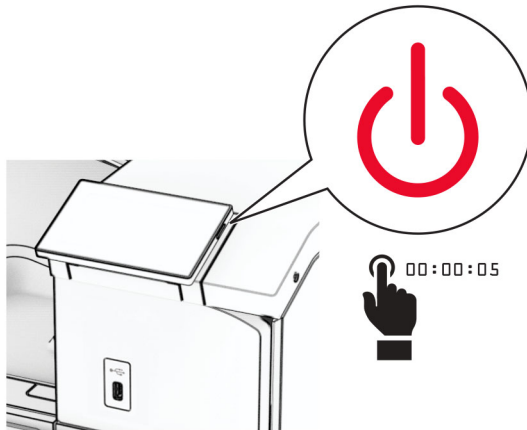
**⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG:** Để tránh rủi ro hỏa hoạn hoặc điện giật, hãy nối dây nguồn với ổ cắm điện có công suất định mức phù hợp, được nối đất đúng cách, gần với sản phẩm và dễ tiếp cận.

**11** Bật máy in.

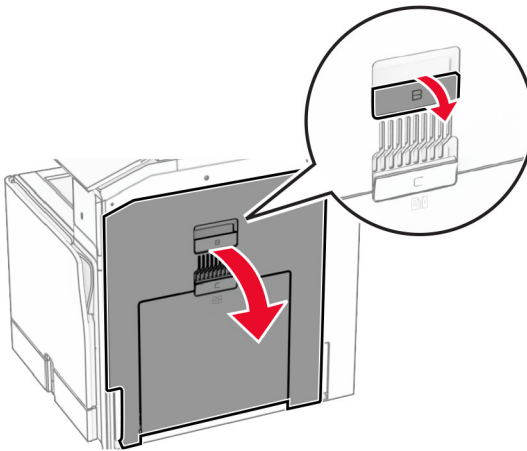
## Lắp đầu đọc thẻ

**⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ GIẬT ĐIỆN:** Để tránh rủi ro điện giật, nếu bạn tiếp cận bảng mạch điều khiển hoặc lắp đặt phần cứng hoặc thiết bị bộ nhớ tùy chọn sau khi cài đặt máy in, thì hãy tắt máy in, và rút dây nguồn khỏi ổ cắm điện trước khi tiếp tục. Nếu có thiết bị khác gắn liền với máy in thì hãy tắt chúng, và rút mọi dây cáp kết nối với máy in.

### 1 Tắt máy in.

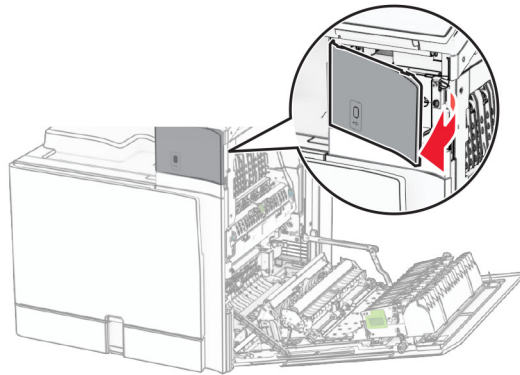


### 2 Mở cửa B.



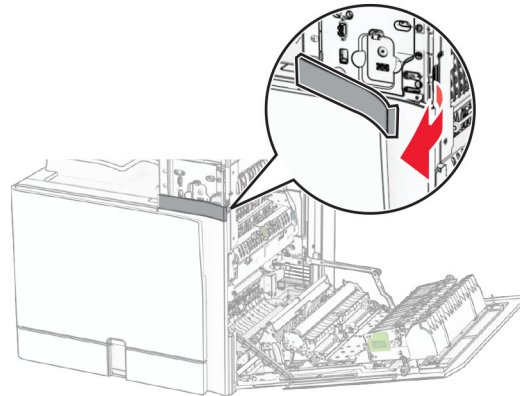


### 3 Mở nắp cổng USB trước.

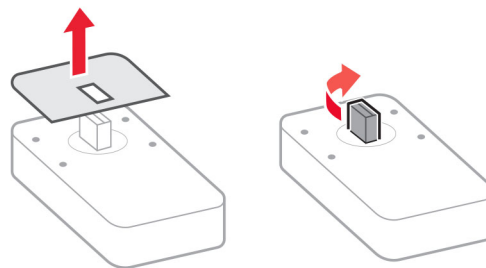


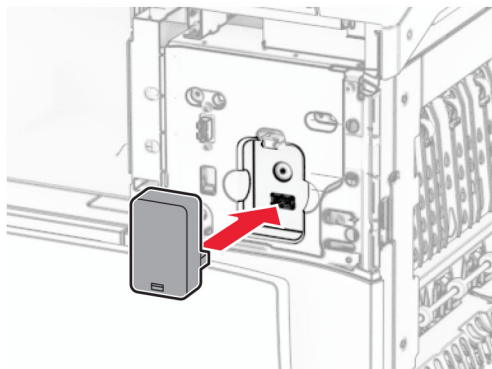
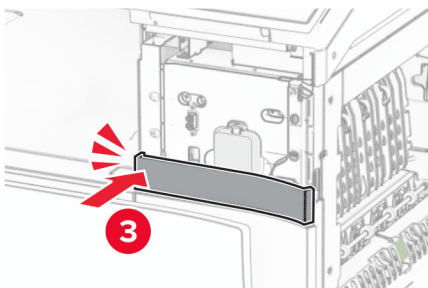
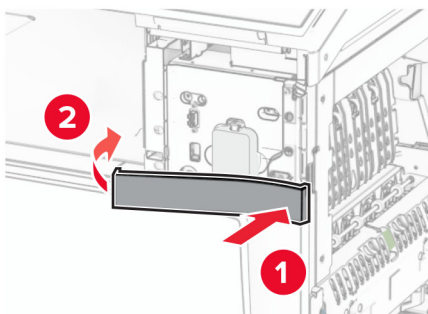
### 4 Tháo nắp cổng USB dưới.

**Lưu ý:** Nếu máy in của bạn không có bộ phận này, hãy chuyển sang bước tiếp theo.

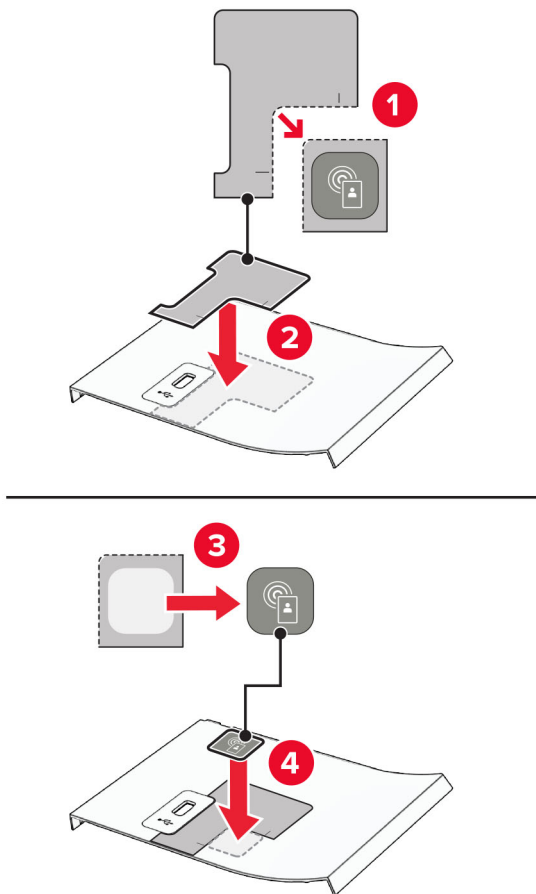


### 5 Tháo vỏ bảo vệ khỏi đầu đọc thẻ.

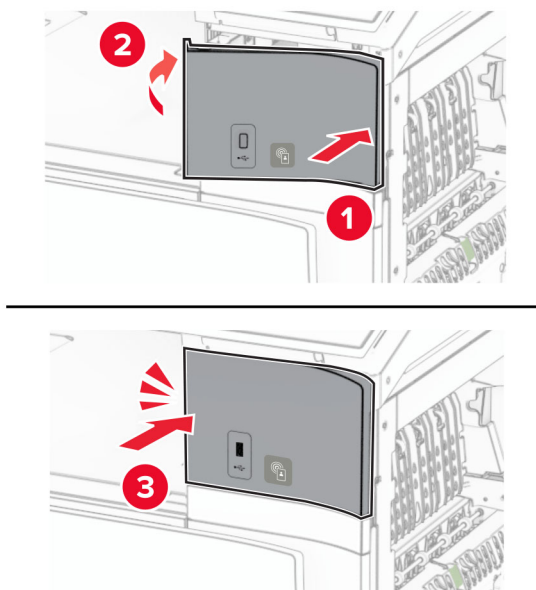


**6** Lắp đầu đọc thẻ.**7** Lắp nắp cổng dưới cho đến khi khớp vào đúng vị trí.

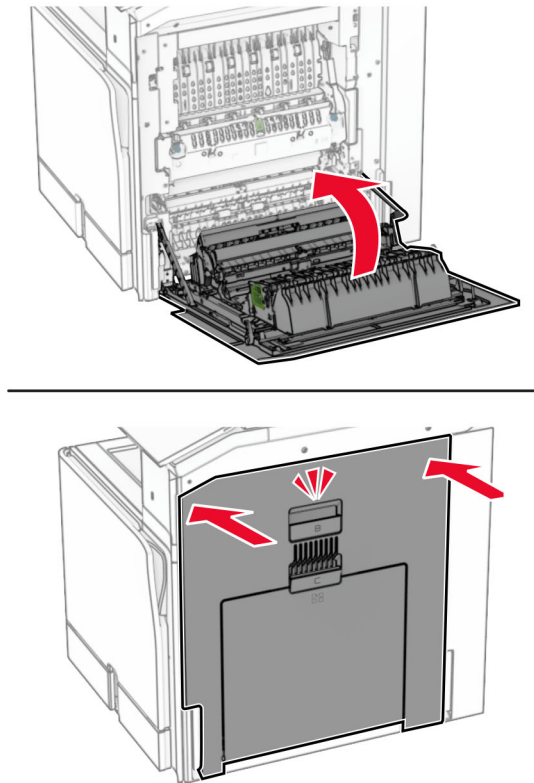
8 Lắp thanh dẫn nhãn dán.



9 Lắp nắp cổng USB trước cho đến khi khớp vào đúng vị trí.



10 Đóng cửa B cho đến khi cửa *khớp* vào vị trí.



11 Bật máy in.

## Thay đổi cài đặt cổng máy in sau khi cài đặt cổng giải pháp nội bộ

Lưu ý:

- Nếu máy in có địa chỉ IP tĩnh thì đừng thay đổi cấu hình.
- Nếu máy tính được cấu hình để sử dụng tên mạng thay vì địa chỉ IP thì đừng thay đổi cấu hình.
- Nếu bạn thêm cổng giải pháp nội bộ (ISP) không dây vào máy in đã được cấu hình trước đó cho kết nối Ethernet, hãy ngắt kết nối máy in khỏi mạng Ethernet.

### Đối với người dùng Windows

- 1 Mở thư mục máy in.
- 2 Từ menu phím tắt của máy in có ISP mới, mở thuộc tính máy in.
- 3 Cấu hình cổng từ danh sách.
- 4 Cập nhật địa chỉ IP.
- 5 Áp dụng thay đổi.

## Đối với người dùng Macintosh

- 1 Từ Tùy chọn hệ thống trong menu Apple, chuyển đến danh sách máy in, sau đó chọn **+ > IP**.
- 2 Nhập địa chỉ IP vào trường địa chỉ.
- 3 Áp dụng thay đổi.

# Kết nối mạng

## Kết nối máy in với mạng Wi-Fi

Trước khi bắt đầu, hãy đảm bảo rằng:

- Bộ điều hợp hoạt động được đặt thành Tự động. Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Mạng/cổng > Tổng quan về mạng > Kích hoạt bộ điều hợp**.
- Cáp Ethernet không được kết nối với máy in.

### Sử dụng bảng điều khiển

- 1 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Mạng/cổng > Không dây > Thiết lập trên bảng điều khiển máy in > Chọn mạng**.
- 2 Chọn mạng Wi-Fi, rồi nhập mật khẩu mạng.

**Lưu ý:** Đối với máy in có tích hợp tính năng Wi-Fi, lời nhắc thiết lập mạng Wi-Fi sẽ xuất hiện trong quá trình thiết lập ban đầu.

## Kết nối máy in với mạng không dây qua Thiết lập Wi-Fi bảo mật (WPS)

Trước khi bắt đầu, hãy đảm bảo rằng:

- Điểm truy cập (bộ định tuyến không dây) được WPS chứng nhận hoặc tương thích với WPS. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem tài liệu đính kèm với điểm truy cập.
- Bộ điều hợp kết nối mạng không dây được cài đặt trong máy in của bạn. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem hướng dẫn đính kèm với bộ điều hợp.
- Bộ điều hợp hoạt động được đặt thành Tự động. Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Mạng/cổng > Tổng quan về mạng > Kích hoạt bộ điều hợp**.

### Sử dụng phương thức Nút nhấn

- 1 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Mạng/cổng > Không dây > Thiết lập Wi-Fi bảo mật > Bắt đầu phương thức nút nhấn**.
- 2 Làm theo hướng dẫn trên màn hình.

### Sử dụng phương thức mã số nhận dạng cá nhân (PIN)

- 1 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Mạng/cổng > Không dây > Thiết lập Wi-Fi bảo mật > Bắt đầu phương thức PIN**.
- 2 Sao chép mã PIN WPS tám chữ số.
- 3 Mở trình duyệt web, rồi nhập địa chỉ IP của điểm truy cập vào trường địa chỉ.

**Lưu ý:**

- Để biết địa chỉ IP, vui lòng xem tài liệu đính kèm với điểm truy cập của bạn.
- Nếu đang dùng máy chủ proxy, hãy tạm thời tắt đi để tải trang web chính xác.

4 Truy cập cài đặt WPS. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem tài liệu đính kèm với điểm truy cập.

5 Nhập mã PIN tám chữ số, rồi lưu các thay đổi.

## Đặt cấu hình Wi-Fi Direct

Wi-Fi Direct® cho phép các thiết bị Wi-Fi kết nối trực tiếp với nhau mà không cần có điểm truy cập (bộ định tuyến không dây).

1 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Mạng/Cổng > Wi-Fi Direct**.

2 Đặt cấu hình cài đặt.

- **Bật Wi-Fi Direct**—Cho phép máy in phát mạng Wi-Fi Direct của máy in.
- **Tên Wi-Fi Direct**—Gán tên cho mạng Wi-Fi Direct.
- **Mật khẩu Wi-Fi Direct**—Gán mật khẩu để thỏa thuận bảo mật không dây khi sử dụng kết nối ngang hàng.
- **Hiển thị mật khẩu trên trang thiết lập**—Hiển thị mật khẩu trên Trang thiết lập mạng.
- **Mã kênh ưu tiên** - Chỉ định kênh ưu tiên của mạng Wi-Fi Direct.
- **Địa chỉ IP chủ nhóm** - Chỉ định địa chỉ IP của chủ nhóm.
- **Tự động chấp nhận yêu cầu nút nhấn**—Cho phép máy in tự động chấp nhận yêu cầu kết nối.

**Lưu ý:** Tự động chấp nhận yêu cầu nút nhấn không được bảo mật.

**Lưu ý:**

- Theo mặc định, mật khẩu mạng Wi-Fi Direct không hiển thị trên màn hình máy in. Để hiển thị mật khẩu, hãy bật biểu tượng xem mật khẩu. Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Bảo mật > Khác > Bật hiển thị mật khẩu/mã PIN**.
- Để biết mật khẩu mạng Wi-Fi Direct mà không hiển thị mật khẩu trên màn hình máy in, hãy in **Trang thiết lập mạng**. Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Báo cáo > Mạng > Trang thiết lập mạng**.

## Kết nối thiết bị di động với máy in

Trước khi kết nối thiết bị di động của bạn, hãy đảm bảo Wi-Fi Direct đã được cấu hình. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem [“Đặt cấu hình Wi-Fi Direct” trên trang 230](#).

### Sử dụng Wi-Fi Direct

**Lưu ý:** Những hướng dẫn sau chỉ áp dụng cho thiết bị di động chạy trên nền tảng Android™.

1 Từ thiết bị di động, đi đến menu **Cài đặt**.

2 Bật **Wi-Fi**, sau đó nhấn vào **☰ > Wi-Fi Direct**.

3 Chọn tên Wi-Fi Direct của máy in.

4 Xác nhận kết nối trên bảng điều khiển của máy in.

## Sử dụng Wi-Fi

- 1 Từ thiết bị di động, đi đến menu **Cài đặt**.
- 2 Nhấn **Wi-Fi**, sau đó chọn tên Wi-Fi Direct của máy in.

**Lưu ý:** Chuỗi DIRECT-xy (trong đó x và y là hai ký tự ngẫu nhiên) được thêm vào trước tên Wi-Fi Direct.

- 3 Nhập mật khẩu Wi-Fi Direct.

## Kết nối máy tính với máy in

Trước khi kết nối máy tính, đảm bảo là đã cấu hình Wi-Fi Direct. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem [“Đặt cấu hình Wi-Fi Direct” trên trang 230](#).

### Đối với người dùng Windows

- 1 Mở **Máy in & máy quét**, rồi nhấp vào **Thêm máy in hoặc máy quét**.
- 2 Nhấp vào **Hiển thị máy in Wi-Fi Direct**, rồi chọn tên Wi-Fi Direct của máy in.
- 3 Từ màn hình máy in, ghi lại mã PIN tám chữ số của máy in.
- 4 Nhập mã PIN vào máy tính.

**Lưu ý:** Nếu chưa cài đặt trình điều khiển in, Windows sẽ tải về trình điều khiển thích hợp.

### Đối với người dùng Macintosh

- 1 Nhấp vào biểu tượng không dây, rồi chọn tên Wi-Fi Direct của máy in.
- Lưu ý:** Chuỗi DIRECT-xy (trong đó x và y là hai ký tự ngẫu nhiên) được thêm vào trước tên Wi-Fi Direct.
- 2 Nhập mật khẩu Wi-Fi Direct.

**Lưu ý:** Chuyển máy tính của bạn về mạng trước đó sau khi ngắt kết nối khỏi mạng Wi-Fi Direct.

## Hủy kích hoạt mạng Wi-Fi

- 1 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Mạng/cổng > Tổng quan về mạng > Kích hoạt bộ điều hợp > Mạng chuẩn**.
- 2 Chọn **Có** để khởi động lại máy in.

## Kiểm tra kết nối máy in

- 1 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Báo cáo > Mạng > Trang thiết lập mạng**.
- 2 Kiểm tra phần đầu tiên của trang và xác nhận trạng thái đã được kết nối.

Nếu trạng thái là không kết nối thì có thể do rớt mạng LAN hoặc cáp mạng có thể bị trục trặc. Hãy liên hệ với quản trị viên để được trợ giúp.

## Thiết lập in nối tiếp (chỉ dành cho Windows)

- 1 Cài đặt các thông số trong máy in.
  - a Từ bảng điều khiển, điều hướng đến menu cài đặt cổng.
  - b Tìm menu để cài đặt cổng nối tiếp, sau đó điều chỉnh cài đặt, nếu cần.
  - c Áp dụng thay đổi.
- 2 Từ máy tính, mở thư mục máy in, sau đó chọn máy in của bạn.
- 3 Mở thuộc tính máy in, sau đó chọn cổng COM từ danh sách.
- 4 Cài đặt các thông số cổng COM trong Trình quản lý thiết bị.

### Lưu ý:

- In nối tiếp sẽ giảm tốc độ in.
- Đảm bảo cáp nối tiếp được nối với cổng nối tiếp trên máy in của bạn.



## Bảo vệ máy in

### Xóa bộ nhớ máy in

Để xóa bộ nhớ khả biến hoặc dữ liệu đệm trong máy in của bạn, hãy tắt máy in.

Để xóa bộ nhớ bất biến, cài đặt thiết bị và mạng, cài đặt bảo mật và giải pháp nhúng, hãy thực hiện như sau:

- 1 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Thiết bị > Bảo trì > Xóa ngoài dịch vụ**.
- 2 Chọn **Dọn dẹp tất cả thông tin trong bộ nhớ bất biến**, rồi chọn **XÓA**.
- 3 Chọn **Bắt đầu trình hướng dẫn thiết lập ban đầu** hoặc **Đế máy in ngoại tuyến**, sau đó chọn **Tiếp theo**.
- 4 Bắt đầu quy trình.

**Lưu ý:** Quá trình này cũng phá hủy khóa mã hóa được dùng để bảo vệ dữ liệu người dùng. Phá hủy khóa mã hóa khiến dữ liệu không thể khôi phục được.

### Xóa ổ lưu trữ máy in

- 1 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Thiết bị > Bảo trì > Xóa ngoài dịch vụ**.
- 2 Tùy thuộc vào ổ lưu trữ được cài đặt trên máy in của bạn, hãy thực hiện một trong hai thao tác sau:
  - Đối với đĩa cứng, hãy chọn **Dọn dẹp tất cả thông tin trên đĩa cứng**, chọn **XÓA**, sau đó chọn một phương thức để xóa dữ liệu.

**Lưu ý:** Quá trình dọn dẹp đĩa cứng này có thể mất từ vài phút đến hơn một giờ, khiến cho máy in không sẵn dùng cho các tác vụ khác.

  - Đối với ổ lưu trữ thông minh, chọn **Xóa tất cả dữ liệu người dùng trên ISD bằng mật mã**, rồi chọn **XÓA**.

### Khôi phục cài đặt mặc định gốc

- 1 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Thiết bị > Khôi phục cài đặt mặc định gốc**.
- 2 Chọn **Khôi phục cài đặt**.
- 3 Chọn cài đặt bạn muốn khôi phục, sau đó chọn **KHÔI PHỤC**.

### Báo cáo biến động

Loại bộ nhớ	Mô tả
Bộ nhớ khả biến	Máy in sử dụng bộ nhớ truy cập ngẫu nhiên (RAM) tiêu chuẩn để tạm thời lưu trữ dữ liệu người dùng trong khi thực hiện lệnh in và sao chép đơn giản.
Bộ nhớ bất biến	Máy in có thể sử dụng hai dạng bộ nhớ bất biến: EEPROM và NAND (bộ nhớ cực nhanh). Cả hai loại đều lưu trữ hệ điều hành, cài đặt máy in và thông tin mạng. Bộ nhớ cũng lưu trữ cài đặt máy quét và dấu trang cũng như các giải pháp nhúng.

Loại bộ nhớ	Mô tả
Ổ lưu trữ đĩa cứng	Một số máy in có thể đã cài đặt ổ đĩa cứng. Đĩa cứng máy in được thiết kế cho chức năng dành riêng cho máy in. Đĩa cứng cho phép máy in lưu giữ dữ liệu người dùng được đệm từ các lệnh in phức tạp, dữ liệu biểu mẫu, và dữ liệu phông chữ.
Ổ lưu trữ thông minh (ISD)	Một số máy in có thể đã cài đặt ISD. ISD sử dụng bộ nhớ flash bất biến để lưu trữ dữ liệu người dùng từ các lệnh in phức tạp, dữ liệu biểu mẫu và dữ liệu phông chữ.

Xóa nội dung của mọi bộ nhớ máy in đã cài đặt trong các trường hợp sau đây:

- Máy in bị ngừng hoạt động.
- Đĩa cứng máy in hoặc ISD được thay thế.
- Máy in được di chuyển đến bộ phận hoặc vị trí khác.
- Máy in được một người nào đó bên ngoài tổ chức của bạn bảo dưỡng.
- Máy in được di chuyển khỏi cơ sở của bạn để bảo dưỡng.
- Máy in được bán cho một tổ chức khác.

**Lưu ý:** Để thải bỏ một ổ lưu trữ, hãy làm theo các chính sách và quy trình của tổ chức bạn.

# In

## In từ máy tính

### Đối với người dùng Windows

- 1 Với tài liệu đang mở, nhấp vào **Tập tin > In**.
- 2 Chọn máy in, rồi nhấp vào **Thuộc tính, Tùy chỉnh, Tùy chọn**, hoặc **Thiết lập**.  
Nếu cần, hãy điều chỉnh cài đặt.
- 3 Nhấp vào **OK**, rồi nhấp vào **In**.

### Đối với người dùng Macintosh

- 1 Với tài liệu đang mở, chọn **Tập tin > In**.
- 2 Chọn máy in, rồi chọn một cài đặt từ mục **Cài đặt trước**.  
Nếu cần, hãy điều chỉnh cài đặt.
- 3 Nhấp vào **In**.

## In từ thiết bị di động

### In từ thiết bị di động bằng cách sử dụng Lexmark Print

Lexmark Print là giải pháp in di động cho các thiết bị di động chạy trên nền tảng Android phiên bản 6.0 trở lên. Giải pháp này cho phép bạn gửi tài liệu và hình ảnh đến máy in được kết nối mạng và máy chủ quản lý in.



#### Lưu ý:

- Hãy đảm bảo bạn đã tải xuống ứng dụng Lexmark Print từ cửa hàng Google Play™ và bật ứng dụng trên thiết bị di động.
  - Đảm bảo đã kết nối máy in và thiết bị di động với cùng một mạng.
- 1 Từ thiết bị di động của bạn, chọn một tài liệu từ trình quản lý tập tin.
  - 2 Gửi hoặc chia sẻ tài liệu tới Lexmark Print.  
**Lưu ý:** Một số ứng dụng bên thứ ba có thể sẽ không hỗ trợ tính năng gửi và chia sẻ. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem tài liệu đi kèm với ứng dụng.
  - 3 Chọn máy in.  
Nếu cần, hãy điều chỉnh cài đặt.
  - 4 In tài liệu.

### In từ thiết bị di động bằng Dịch vụ in Mopria™

Dịch vụ in Mopria là giải pháp in di động cho các thiết bị di động chạy trên Android phiên bản 5.0 trở lên. Dịch vụ này cho phép bạn in trực tiếp đến bất kỳ máy in nào được Mopria™ chứng nhận.


**Lưu ý:** Hãy đảm bảo bạn đã tải xuống Dịch vụ in Mopria từ cửa hàng Google Play và bật dịch vụ trên thiết bị di động.

- 1 Từ thiết bị di động, hãy khởi chạy ứng dụng tương thích hoặc chọn tài liệu từ trình quản lý tập tin.
- 2 Chạm vào  > In.
- 3 Chọn máy in, sau đó điều chỉnh các cài đặt nếu cần thiết.
- 4 Chạm .

## In từ thiết bị di động bằng AirPrint

Tính năng phần mềm AirPrint là giải pháp in di động cho phép bạn in trực tiếp từ các thiết bị Apple tới máy in được chứng nhận AirPrint.



**Lưu ý:**

- Đảm bảo đã kết nối thiết bị Apple và máy in với cùng một mạng. Nếu mạng có nhiều hub không dây, hãy đảm bảo cả hai thiết bị được kết nối với cùng một mạng phụ.
  - Ứng dụng này chỉ được hỗ trợ trong một số thiết bị Apple.
- 1 Từ thiết bị di động của bạn, chọn tài liệu từ trình quản lý tập tin hoặc khởi chạy ứng dụng tương thích.
  - 2 Chạm vào  > In.
  - 3 Chọn máy in, sau đó điều chỉnh các cài đặt nếu cần thiết.
  - 4 In tài liệu.

## In từ thiết bị di động sử dụng Wi-Fi Direct®

Wi-Fi Direct® là dịch vụ in cho phép bạn in với mọi máy in có Wi-Fi Direct.

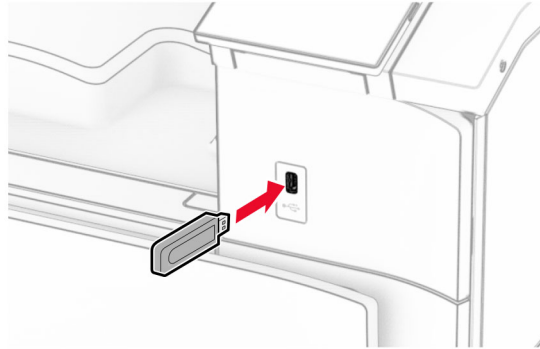
**Lưu ý:** Đảm bảo đã kết nối thiết bị di động với mạng không dây của máy in. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem [“Kết nối thiết bị di động với máy in” trên trang 230](#).

- 1 Từ thiết bị di động, hãy khởi chạy ứng dụng tương thích hoặc chọn tài liệu từ trình quản lý tập tin.
- 2 Tùy thuộc vào thiết bị di động, hãy thực hiện một trong các thao tác sau:
  - Chạm vào  > In.
  - Chạm vào  > In.
  - Chạm vào ... > In.
- 3 Chọn máy in, rồi điều chỉnh các cài đặt nếu cần thiết.
- 4 In tài liệu.

## In từ ổ flash

- 1 Lắp ổ flash.

Để biết thêm thông tin về ổ flash được hỗ trợ, hãy xem [“Ổ đĩa flash và loại tập tin được hỗ trợ” trên trang 55](#).



**Lưu ý:**

- Nếu bạn lắp ổ flash khi xuất hiện thông báo lỗi, máy in sẽ bỏ qua ổ flash.
- Nếu bạn lắp ổ flash trong khi máy in đang xử lý các lệnh in khác, thì thông báo **Bận** sẽ xuất hiện trên màn hình.

2 Từ bảng điều khiển, chọn **In**.

3 Chọn **Ổ USB**, rồi chọn tài liệu bạn muốn in.

Nếu cần thiết, hãy đặt cấu hình cài đặt.

4 In tài liệu.

**Cảnh báo—Nguy cơ hỏng:** Để tránh mất dữ liệu hoặc trục trặc máy in, không chạm vào ổ flash hoặc máy in ở khu vực được hiển thị trong khi đang in, đọc hoặc ghi từ thiết bị bộ nhớ.



## Đặt cấu hình lệnh in bảo mật

1 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Bảo mật > Thiết lập in bảo mật**.

2 Đặt cấu hình cài đặt.

Cài đặt	Mô tả
<b>PIN không hợp lệ tối đa</b>	Đặt giới hạn nhập mã PIN không hợp lệ. <b>Lưu ý:</b> Khi đạt đến giới hạn, các lệnh in cho tên người dùng đó sẽ bị xóa.
<b>Thời hạn của lệnh bảo mật</b>	Đặt thời gian hết hạn riêng cho từng lệnh tạm dừng trước khi tự động bị xóa khỏi bộ nhớ máy in, đĩa cứng hoặc ổ lưu trữ thông minh. <b>Lưu ý:</b> Lệnh tạm dừng là các lệnh <b>Bảo mật</b> , <b>Lập lại</b> , <b>Lưu trữ</b> hoặc <b>Xác minh</b> .
<b>Thời hạn của lệnh lập lại</b>	Đặt thời gian hết hạn cho lệnh in bạn muốn lập lại.
<b>Thời hạn của lệnh xác minh</b>	Đặt thời gian hết hạn để in một bản sao từ một lệnh cho bạn để kiểm tra chất lượng trước khi in các bản sao còn lại.
<b>Thời hạn của lệnh lưu trữ</b>	Đặt thời gian hết hạn cho các lệnh in mà bạn muốn lưu trong máy in để in sau.
<b>Yêu cầu tạm dừng tất cả lệnh</b>	Đặt máy in tạm dừng tất cả lệnh in.
<b>Giữ tài liệu trùng lặp</b>	Đặt máy in giữ tất cả tài liệu có cùng tên tập tin.

## In các lệnh bí mật và lệnh tạm dừng khác

### Đối với người dùng Windows

- Với tài liệu đang mở, nhấp vào **Tập tin > In**.
- Chọn máy in, rồi nhấp vào **Thuộc tính**, **Tùy chỉnh**, **Tùy chọn**, hoặc **Thiết lập**.
- Nhấp vào **In và giữ**.
- Nhấp vào **Sử dụng in và giữ**, rồi gán tên người dùng.
- Chọn trong các loại lệnh in sau:
  - In bảo mật** - Máy in hỏi mã số nhận dạng cá nhân trước khi cho phép bạn in lệnh.  
**Lưu ý:** Nếu bạn chọn loại lệnh này, hãy nhập mã số nhận dạng cá nhân (PIN) có 4 chữ số.
  - In xác minh** - Máy in sẽ in một bản và giữ các bản sao còn lại mà bạn yêu cầu từ trình điều khiển trong bộ nhớ máy in.
  - In lưu trữ** - Máy in lưu lệnh vào bộ nhớ để bạn có thể thực hiện lệnh in trong tương lai.
  - In lập lại** - Máy in sẽ in tất cả các bản sao được yêu cầu của lệnh in và lưu lệnh in đó vào bộ nhớ để bạn có thể in các bản sao bổ sung trong tương lai.
- Nhấp vào **OK**.
- Nhấp vào **In**.
- Từ bảng điều khiển máy in, xuất lệnh in.
  - Chọn **In**.
  - Chọn **Lệnh tạm dừng**, rồi chọn tên người dùng.  
**Lưu ý:** Đối với lệnh in bảo mật, chọn **Bảo mật**, nhập mã PIN, rồi chọn **OK**.
  - Chọn lệnh in, rồi chọn **In**.

### Đối với người dùng Macintosh

- Với tài liệu đang mở, chọn **Tập tin > In**.
- Chọn máy in.

- 3 Từ menu thả xuống **Bảo mật lệnh in**, bật **In bằng mã PIN**, rồi nhập mã PIN có 4 chữ số.
- 4 Nhấn vào **In**.
- 5 Từ bảng điều khiển máy in, xuất lệnh in.
  - a Chọn **Lệnh tạm dừng**, rồi chọn tên máy tính.
  - b Chọn **Bảo mật**, rồi nhập mã PIN.
  - c Chọn lệnh in, rồi chọn **In**.

## In danh sách mẫu phong chữ

- 1 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Báo cáo > In > In phong chữ**.
- 2 Chọn loại phong chữ.

## In danh sách thư mục

- 1 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Báo cáo > In**.
- 2 Chọn **In thư mục**.

## Đặt trang phân cách trong lệnh in

- 1 Với tài liệu đang mở, nhấn vào **Tập tin > In**.
- 2 Chọn máy in, rồi nhấn vào **Thuộc tính, Tùy chỉnh, Tùy chọn, hoặc Thiết lập**.
- 3 Nhấn vào **Giấy/Hoàn thiện**.
- 4 Trong menu **Trang phân cách**, hãy chọn một cài đặt.
- 5 Nhấn vào **OK**, rồi nhấn vào **In**.

## Hủy lệnh in

- 1 Từ bảng điều khiển, chọn **Hàng đợi lệnh**.
- 2 Chọn **In**, rồi chọn lệnh cần hủy.

**Lưu ý:** Nếu tài liệu đang được in, hãy chọn **Hủy lệnh** ở góc dưới bên phải của màn hình để dừng in.

## Điều chỉnh độ tối của mực

- 1 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > In > Chất lượng**.
- 2 Điều chỉnh cài đặt **Độ tối của mực**.

# Menu máy in

## Sơ đồ menu

Thiết bị	<ul style="list-style-type: none"> <li><a href="#">Tùy chọn</a></li> <li><a href="#">Chế độ tiết kiệm</a></li> <li><a href="#">Bảng điều khiển từ xa</a></li> <li><a href="#">Thông báo</a></li> <li><a href="#">Quản lý nguồn điện</a></li> <li><a href="#">Chia sẻ dữ liệu với Lexmark</a></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li><a href="#">Trợ năng</a></li> <li><a href="#">Khôi phục cài đặt mặc định gốc</a></li> <li><a href="#">Bảo trì</a></li> <li><a href="#">Cập nhật phần mềm cơ sở</a></li> <li><a href="#">Giới thiệu về máy in</a></li> </ul>
In	<ul style="list-style-type: none"> <li><a href="#">Bố cục</a></li> <li><a href="#">Hoàn thiện<sup>1</sup></a></li> <li><a href="#">Thiết lập</a></li> <li><a href="#">Chất lượng</a></li> <li><a href="#">Kiểm tra lệnh</a></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li><a href="#">PDF</a></li> <li><a href="#">PostScript</a></li> <li><a href="#">PCL</a></li> <li><a href="#">Hình ảnh</a></li> </ul>
Giấy	<ul style="list-style-type: none"> <li><a href="#">Cấu hình khay</a></li> <li><a href="#">Cấu hình giấy</a></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li><a href="#">Cấu hình ngăn giấy<sup>1</sup></a></li> </ul>
Ổ USB	<a href="#">In ổ flash</a>	
Mạng/Cổng	<ul style="list-style-type: none"> <li><a href="#">Tổng quan về mạng</a></li> <li><a href="#">Không dây</a></li> <li><a href="#">Wi-Fi Direct</a></li> <li><a href="#">Quản lý dịch vụ di động</a></li> <li><a href="#">Ethernet</a></li> <li><a href="#">TCP/IP</a></li> <li><a href="#">SNMP</a></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li><a href="#">IPSec</a></li> <li><a href="#">802.1x</a></li> <li><a href="#">Cấu hình LPD</a></li> <li><a href="#">Cài đặt HTTP/FTP</a></li> <li><a href="#">ThinPrint</a></li> <li><a href="#">USB</a></li> <li><a href="#">Hạn chế quyền truy cập mạng bên ngoài</a></li> </ul>
Bảo mật	<ul style="list-style-type: none"> <li><a href="#">Phương thức đăng nhập</a></li> <li><a href="#">Lên lịch thiết bị USB</a></li> <li><a href="#">Nhật ký kiểm tra bảo mật</a></li> <li><a href="#">Giới hạn đăng nhập</a></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li><a href="#">Thiết lập in bảo mật</a></li> <li><a href="#">Mã hóa</a></li> <li><a href="#">Xóa tập tin dữ liệu tạm thời</a></li> <li><a href="#">Cài đặt giải pháp LDAP</a></li> <li><a href="#">Khác</a></li> </ul>
Dịch vụ đám mây	<a href="#">Đăng ký dịch vụ đám mây</a>	
Báo cáo	<ul style="list-style-type: none"> <li><a href="#">Trang cài đặt menu</a></li> <li><a href="#">Thiết bị</a></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li><a href="#">In</a></li> <li><a href="#">Mạng</a></li> </ul>
<a href="#">Khắc phục sự cố</a>	Trang kiểm tra chất lượng in	
Hợp nhất biểu mẫu <sup>2</sup>	<a href="#">Hợp nhất biểu mẫu</a>	
<sup>1</sup> Chỉ xuất hiện khi lắp bộ hoàn thiện. <sup>2</sup> Chỉ xuất hiện khi lắp ổ lưu trữ.		



# Thiết bị

## Tùy chọn

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
<b>Ngôn ngữ hiển thị</b>	Không áp dụng	[Danh sách ngôn ngữ]	Đặt ngôn ngữ của văn bản hiển thị trên màn hình.
<b>Quốc gia/khu vực</b>	Không áp dụng	[Danh sách quốc gia hoặc khu vực]	Xác định quốc gia hoặc khu vực đặt cấu hình vận hành máy in.
<b>Chạy thiết lập ban đầu</b>	Không áp dụng	<b>Tắt*</b> <b>Bật</b>	Chạy trình hướng dẫn thiết lập.
<b>Bàn phím</b>	<b>Loại bàn phím</b>	[Danh sách ngôn ngữ]	Chọn ngôn ngữ làm loại bàn phím. <b>Lưu ý:</b> Tất cả giá trị <b>Loại bàn phím</b> có thể không hiển thị hoặc có thể yêu cầu phần cứng đặc biệt để hiển thị.
<b>Ngày và giờ</b>	<b>Đặt cấu hình</b>	<b>Ngày và giờ hiện tại</b> <b>Đặt ngày và giờ thủ công</b> <b>Định dạng ngày (MM-DD-YYYY*)</b> <b>Định dạng giờ (12 giờ SA/CH*)</b> <b>Múi giờ</b> <b>Chênh lệch DST (GMT)</b> <b>Bắt đầu DST</b> <b>Kết thúc DST</b> <b>Chênh lệch DST</b>	Thiết lập cấu hình ngày và giờ và giao thức thời gian mạng của máy in. <b>Lưu ý:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li><b>MM-DD-YYYY</b> là cài đặt mặc định gốc tại Hoa Kỳ. <b>DD-MM-YYYY</b> là cài đặt mặc định gốc quốc tế.</li> <li><b>Chênh lệch UTC (GMT), Bắt đầu DST, Kết thúc DST</b> và <b>Chênh lệch DST</b> chỉ xuất hiện khi đặt <b>Múi giờ</b> là <b>Tùy chỉnh (UTC+người dùng)</b>.</li> <li><b>Mã khóa</b> và <b>Mật khẩu</b> chỉ xuất hiện khi đặt <b>Bật xác thực</b> là <b>Khóa MD5</b>.</li> </ul>
	<b>Giao thức thời gian mạng</b>	<b>Bật NTP (Bật*)</b> <b>Máy chủ NTP</b> <b>Bật xác thực (Không*)</b> <b>Mã khóa</b> <b>Mật khẩu</b>	
<b>Khổ giấy</b>	Không áp dụng	<b>Hoa Kỳ*</b> <b>Hệ mét</b>	Xác định đơn vị đo lường cho khổ giấy. <b>Lưu ý:</b> Quốc gia hoặc khu vực được chọn trong trình hướng dẫn thiết lập ban đầu xác định cài đặt khổ giấy ban đầu.
<b>Độ sáng màn hình</b>	Không áp dụng	<b>20–100% (100*)</b>	Điều chỉnh độ sáng màn hình.
<b>Truy cập ổ flash</b>	Không áp dụng	<b>Đã tắt</b> <b>Đã bật*</b>	Cho phép truy cập chức năng ổ flash của máy in.
<b>Cho phép loại bỏ nền</b>	Không áp dụng	<b>Tắt</b> <b>Bật*</b>	Xác định có cho phép loại bỏ nền không.

**Lưu ý:** Dấu hoa thị (\*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
<b>Âm thanh thiết bị</b>	<b>Tắt tất cả âm thanh</b>	Tắt* Bật	Đặt cấu hình cài đặt âm thanh của máy in.
	<b>Phản hồi của nút</b>	Tắt Bật*	
	<b>Âm lượng</b>	0–10 (5*)	
	<b>Kiểm soát cảnh báo</b>	Tắt Một* Liên tục	
	<b>Cảnh báo hộp mực</b>	Tắt Một* Liên tục	
<b>Thời gian chờ màn hình</b>	Không áp dụng	5–300 giây (60*)	Đặt thời gian rỗi tính bằng giây trước khi màn hình hiển thị màn hình chính, hoặc trước khi máy in tự động đăng xuất tài khoản người dùng.
<b>Lưu ý:</b> Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.			

## Chế độ tiết kiệm

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
<b>In</b>	<b>Mặt</b>	1 mặt 2 mặt*	Xác định in trên một mặt hoặc cả hai mặt giấy.
	<b>Số trang trên mỗi mặt</b>	Tắt* 2 trang mỗi mặt 3 trang mỗi mặt 4 trang mỗi mặt 6 trang mỗi mặt 9 trang mỗi mặt 12 trang mỗi mặt 16 trang mỗi mặt	Xác định số lượng trang để in trên một mặt của tờ giấy.
	<b>Độ tối của mực</b>	1–5 (4*)	Xác định độ nhạt hoặc độ đậm của hình ảnh văn bản.
	<b>Trình tiết kiệm màu</b>	Tắt* Bật	Đặt máy in để giảm lượng mực sử dụng khi in đồ họa và hình ảnh.
<b>Lưu ý:</b> Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.			

## Bảng điều khiển từ xa

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Kết nối VNC bên ngoài	Không cho phép* Cho phép	Kết nối máy khách Điện toán mạng ảo (VNC) bên ngoài với bảng điều khiển từ xa.
Loại xác thực	Không có* Xác thực tiêu chuẩn	Đặt loại xác thực khi truy nhập máy chủ khách VNC.
Mật khẩu VNC	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định mật khẩu để kết nối với máy chủ khách VNC. <b>Lưu ý:</b> Mục menu này chỉ xuất hiện nếu cài đặt <b>Loại xác thực</b> được đặt thành <b>Xác thực tiêu chuẩn</b> .
<b>Lưu ý:</b> Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.		

## Thông báo

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
Kiểm soát cảnh báo	Không áp dụng	Tắt Một* Liên tục	Đặt số lần âm báo khi máy in cần sự can thiệp của người dùng.
Vật tư	Hiển thị ước tính vật tư	Hiển thị ước tính* Không hiển thị ước tính	Hiển thị trạng thái ước tính của vật tư.
	Cảnh báo hộp mực	Tắt Một* Liên tục	Đặt số lần âm báo khi hộp mực còn ít.
	Cảnh báo dập ghim	Tắt* Một Liên tục	Đặt số lần phát âm báo khi hộp ghim rỗng. <b>Lưu ý:</b> Mục menu này chỉ xuất hiện khi bạn lắp bộ hoàn thiện dập ghim.
	Cảnh báo dập lỗ	Tắt* Một Liên tục	Đặt số lần phát âm báo khi hộp đục lỗ đầy hoặc bị thiếu. <b>Lưu ý:</b> Mục menu này chỉ xuất hiện khi bạn lắp bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ.
<b>Lưu ý:</b> Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.			

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
<b>Thiết lập cảnh báo email</b>	<b>Cổng SMTP chính</b>	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Nhập địa chỉ IP hoặc tên máy chủ của máy chủ SMTP chính.
	<b>Cổng nối cổng SMTP chính</b>	1-65535 (25*)	Nhập số cổng của máy chủ SMTP chính.
	<b>Cổng SMTP phụ</b>	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Nhập địa chỉ IP hoặc tên máy chủ của máy chủ SMTP phụ.
	<b>Cổng nối cổng SMTP phụ</b>	1-65535 (25*)	Nhập số cổng máy chủ của máy chủ SMTP phụ.
	<b>Thời gian chờ SMTP</b>	5-30 giây (30*)	Xác định thời gian mà máy chủ SMTP chờ trước khi ngừng gửi email.
	<b>Địa chỉ trả lời</b>	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định địa chỉ trả lời trong email.
	<b>Luôn sử dụng Địa chỉ trả lời mặc định SMTP</b>	<b>Bật</b> <b>Tắt*</b>	Luôn sử dụng địa chỉ trả lời mặc định trong máy chủ SMTP.
	<b>Sử dụng SSL/TLS</b>	<b>Đã tắt*</b> <b>Thương lượng</b> <b>Bắt buộc</b>	Gửi email bằng liên kết được mã hóa.
<b>Yêu cầu chứng chỉ tin cậy</b>	<b>Bật*</b> <b>Tắt</b>	Yêu cầu chứng chỉ tin cậy khi truy cập máy chủ SMTP.	
<b>Lưu ý:</b> Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.			

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
Thiết lập cảnh báo email	Xác thực máy chủ SMTP	Không yêu cầu xác thực* Đăng nhập/Đơn giản NTLM CRAM-MD5 Digest-MD5 Kerberos 5	Đặt loại xác thực cho máy chủ SMTP.
	Email do thiết bị khởi tạo	Không có* Sử dụng thông tin đăng nhập SMTP của thiết bị	Đặt xem có cần thông tin đăng nhập cho email do thiết bị khởi tạo hay không.
	Email do người dùng khởi tạo	Không có* Sử dụng thông tin đăng nhập SMTP của thiết bị Sử dụng ID người dùng và mật khẩu phiên Sử dụng địa chỉ email và mật khẩu phiên Nhắc người dùng	Đặt xem có cần thông tin đăng nhập cho email do người dùng khởi tạo hay không.
	Sử dụng thông tin đăng nhập thiết bị Active Directory	Bật Tắt*	Bật thông tin đăng nhập người dùng và chỉ định nhóm để kết nối với máy chủ SMTP.
	Mã người dùng thiết bị	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định ID người dùng để đăng nhập vào máy chủ SMTP.
	Mật khẩu thiết bị	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định mật khẩu để đăng nhập vào máy chủ SMTP.
	VÙNG Kerberos 5	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định vùng cho giao thức xác thực Kerberos 5.
	Tên miền NTLM	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định tên miền cho giao thức bảo mật NTLM.
	Tắt lỗi "Máy chủ SMTP không được thiết lập"	Bật Tắt*	Tắt thông báo lỗi về thiết lập máy chủ SMTP.
Thiết lập danh sách email và cảnh báo	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định địa chỉ email và bật cảnh báo email. <b>Lưu ý:</b> Mục menu này chỉ xuất hiện trong Máy chủ web nhúng.	
<b>Lưu ý:</b> Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.			

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
Phòng tránh lỗi	Tự động tiếp tục	Tắt Bật* Thời gian tự động tiếp tục	Để máy in tiếp tục xử lý hoặc in một lệnh in tự động sau khi xóa một số điều kiện bảo dưỡng nhất định. <b>Lưu ý:</b> Khi được đặt thành <b>Bật</b> , cài đặt mặc định là 5 giây.
	Tự động khởi động lại	Khởi động lại khi rảnh Luôn khởi động lại* Không bao giờ khởi động lại	Đặt máy in khởi động lại khi phát sinh lỗi.
	Số lần tự khởi động lại tối đa	1–20 (2*)	Đặt số lần khởi động lại tự động mà máy in có thể thực hiện.
	Cửa sổ tự động khởi động lại	1–525600 (720*)	Đặt số giây trước khi máy in thực hiện khởi động lại tự động.
	Bộ đếm tự động khởi động lại	Cài đặt này là thông tin chỉ đọc.	Hiển thị số lần máy in đã tự động khởi động lại.
	Hiển thị lỗi giấy ngấn	Bật Tự động xóa*	Đặt máy in hiển thị thông báo khi xảy ra lỗi giấy ngấn. <b>Lưu ý:</b> Giấy ngấn chỉ kích thước của giấy đã nạp.
	Bảo vệ trang	Tắt* Bật	Đặt máy in xử lý toàn bộ trang vào bộ nhớ trước khi in.
Khôi phục nội dung kẹt giấy	Khôi phục kẹt giấy	Tắt Bật Tự động*	Đặt máy in để in lại giấy bị kẹt.
<b>Lưu ý:</b> Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.			

## Quản lý nguồn điện

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
Hồ sơ chế độ ngủ	In từ chế độ ngủ	Vẫn thức sau khi in Vào chế độ ngủ sau khi in*	Đặt máy in ở chế độ thức hoặc chuyển sang <b>Chế độ ngủ</b> sau khi in.
	Chạm để bật máy in từ Chế độ ngủ sâu	Tắt Bật*	Bật máy in từ <b>Chế độ ngủ sâu</b> .
<b>Lưu ý:</b> Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.			

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
Thời gian chờ	Chế độ ngủ	1–114 phút (15*)	Đặt thời gian ngừng hoạt động trước khi máy in bắt đầu hoạt động ở <b>Chế độ ngủ</b> .
	Thời gian chờ ngủ đông	Đã tắt 1 giờ 2 giờ 3 giờ 6 giờ 1 ngày 2 ngày 3 ngày* 1 tuần 2 tuần 1 tháng	Đặt thời gian trước khi máy in tắt.
	Thời gian chờ ngủ đông khi kết nối	Ngủ đông Không ngủ đông*	Đặt <b>Thời gian chờ ngủ đông</b> để tắt máy in trong khi vẫn kết nối Ethernet hoạt động.
Lên lịch chế độ điện năng	Lịch	Thêm lịch mới	Lên lịch thời gian máy in sẽ vào <b>Chế độ ngủ</b> hoặc <b>Ngủ đông</b> .
Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.			

## Chia sẻ dữ liệu với Lexmark

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Chia sẻ dữ liệu với Lexmark	Có Không*	Gửi thông tin về hiệu suất và mức sử dụng máy in đến Lexmark.
Chia sẻ thời gian gửi dữ liệu	Thời gian bắt đầu Thời gian dừng	Chọn khoảng thời gian để thu thập và truyền dữ liệu. Lưu ý: Mục <b>Chia sẻ thời gian gửi dữ liệu</b> chỉ xuất hiện khi bạn chọn <b>Có</b> trong <b>Chia sẻ dữ liệu với Lexmark</b> .
Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.		

## Trợ năng

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Khoảng thời gian nhấn phím trùng lặp	0,00–5,00 (0,00*)	Đặt khoảng thời gian tính bằng giây máy in bỏ qua thao tác nhấn phím trùng lặp trên bàn phím đính kèm.
Độ trễ ban đầu lặp lại phím	0,25–5,00 (1,00*)	Đặt độ trễ ban đầu tính bằng giây trước khi phím lặp bắt đầu lặp lại.
Tốc độ lặp lại phím	0,5–30,0 (30,0*)	Đặt số lần nhấn phím mỗi giây cho một phím lặp lại.
Kéo dài thời gian chờ màn hình	Tắt* Bật	Cho phép người dùng giữ nguyên vị trí và đặt lại bộ hẹn giờ <b>Thời gian chờ màn hình</b> khi hết hạn thời gian chờ màn hình thay vì trở về màn hình chính.
Âm lượng tai nghe	1–10 (5*)	Điều chỉnh âm lượng tai nghe.
Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.		

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Bật Hướng dẫn bằng giọng nói khi cắm tai nghe	Tắt* Bật	Bật Hướng dẫn bằng giọng nói khi cắm tai nghe vào giắc cắm tai nghe.
Nói mật khẩu/mã PIN	Tắt* Bật	Cài đặt máy in đọc to mật khẩu hoặc số nhận dạng cá nhân.
Tốc độ nói	Rất chậm Chậm Thường* Nhanh Nhanh hơn Rất nhanh Gấp gáp Rất gấp gáp Nhanh nhất	Đặt tốc độ nói của Hướng dẫn bằng giọng nói.

**Lưu ý:** Dấu hoa thị (\*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.

## Khôi phục cài đặt mặc định gốc

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Khôi phục cài đặt	Khôi phục tất cả cài đặt Khôi phục cài đặt máy in Khôi phục cài đặt mạng Khôi phục cài đặt ứng dụng	Khôi phục cài đặt mặc định gốc của máy in.

## Bảo trì

### Menu cấu hình

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
Cấu hình USB	USB PnP	1* 2	Thay đổi chế độ trình điều khiển USB của máy in để cải thiện khả năng tương thích của máy in với máy tính cá nhân.
	Tốc độ USB	Tối đa Tự động*	Đặt cổng USB chạy ở tốc độ tối đa và tắt khả năng tốc độ cao.

**Lưu ý:** Dấu hoa thị (\*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.



Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
<b>Cấu hình khay</b>	<b>Cảm biến khổ giấy</b>	<b>Khay [x] Cảm biến (Bật*)</b>	Đặt khay để tự động cảm biến khổ giấy được nạp vào khay.
	<b>Liên kết khay</b>	<b>Tự động*</b> <b>Tắt</b>	Đặt máy in liên kết các khay có cùng cài đặt loại giấy và khổ giấy.
	<b>Hiển thị thông báo lắp khay</b>	<b>Tắt</b> <b>Chỉ với kích thước không xác định*</b> <b>Luôn luôn</b>	Hiển thị thông báo cho phép người dùng thay đổi cài đặt khổ giấy và loại giấy sau khi đưa khay vào.
	<b>Lời nhắc giấy</b>	<b>Tự động*</b> <b>Khay nạp giấy đa năng</b> <b>Giấy thủ công</b>	Đặt nguồn giấy mà người dùng nạp khi xuất hiện lời nhắc nạp giấy. <b>Lưu ý:</b> Để <b>Khay nạp giấy đa năng</b> xuất hiện, trong menu <b>Giấy</b> , hãy đặt <b>Đặt cấu hình khay nạp giấy đa năng</b> thành <b>Cassette</b> .
	<b>Lời nhắc phong bì</b>	<b>Tự động*</b> <b>Khay nạp giấy đa năng</b> <b>Phong bì thủ công</b>	Đặt nguồn giấy mà người dùng nạp khi xuất hiện lời nhắc nạp phong bì. <b>Lưu ý:</b> Để <b>Khay nạp giấy đa năng</b> xuất hiện, trong menu <b>Giấy</b> , hãy đặt <b>Đặt cấu hình khay nạp giấy đa năng</b> thành <b>Cassette</b> .
	<b>Hành động cho lời nhắc</b>	<b>Nhắc người dùng*</b> <b>Tiếp tục</b> <b>Sử dụng khay hiện tại</b>	Đặt máy in xử lý lời nhắc thay giấy hoặc phong bì.
	<b>Nhiều khổ giấy thông dụng</b>	<b>Tắt*</b> <b>Bật</b>	Đặt khay để hỗ trợ nhiều khổ giấy thông dụng.
<b>Báo cáo</b>	Không áp dụng	<b>Trang cài đặt menu</b> <b>Nhật ký sự kiện</b> <b>Tóm tắt nhật ký sự kiện</b>	In báo cáo về các cài đặt menu máy in, trạng thái và nhật ký sự kiện.

**Lưu ý:** Dấu hoa thị (\*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả	
Thông tin sử dụng vật tư và bộ đếm	Xóa lịch sử sử dụng vật tư	Bắt đầu	Đặt lại lịch sử sử dụng vật tư về mức vận chuyển từ nhà máy.	
	Đặt lại ITM	Bắt đầu	Đặt lại bộ đếm sau khi lắp mực vật tư hoặc bộ bảo trì mới.	
	Đặt lại bộ đếm hộp mực đen	Bắt đầu		
	Đặt lại bộ đếm hộp mực lục lam	Bắt đầu		
	Đặt lại bộ đếm hộp mực đỏ tím	Bắt đầu		
	Đặt lại bộ đếm hộp mực vàng	Bắt đầu		
	Đặt lại bộ đếm hộp quang đen	Bắt đầu		
	Đặt lại bộ đếm bộ quang màu	Bắt đầu		
	Đặt lại bộ đếm bộ trục MPF	Bắt đầu		
	Đặt lại bộ đếm bộ trục	Bắt đầu		
	Phạm vi độ bao phủ phân cấp	Chỉ số độ bao phủ phân cấp (Hiển thị*) Phạm vi độ bao phủ phân cấp		Hiển thị phần Thanh toán độ bao phủ phân cấp trên báo cáo Thống kê thiết bị.
Điều chỉnh giấy khổ lớn	Tắt* Bật		Cho phép điều chỉnh khi in giấy khổ lớn hoặc dày.	
Mô phỏng máy in	Mô phỏng PPDS	Tắt* Bật	Đặt máy in nhận dạng và sử dụng luồng dữ liệu PPDS.	
	Mô phỏng PS	Tắt Bật*	Cài đặt máy in để nhận dạng và sử dụng luồng dữ liệu PS.	
	Bật Hợp nhất biểu mẫu	Tắt* Bật	Kích hoạt Hợp nhất biểu mẫu. <b>Lưu ý:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>Phải cài đặt giấy phép Hợp nhất biểu mẫu.</li> <li>Phải cài đặt bộ nhớ flash của người dùng.</li> </ul>	
	Bật Chỉ định	Tắt* Bật	Kích hoạt ngôn ngữ máy in PRESCRIBE. <b>Lưu ý:</b> Phải cài đặt giấy phép PRESCRIBE.	
	Bảo mật bộ mô phỏng	Thời gian chờ trang (60*)		Đặt thời gian chờ trang trong khi mô phỏng.
		Đặt lại bộ mô phỏng sau lệnh (Tắt*)		Đặt lại bộ mô phỏng sau lệnh in.
	Tắt truy cập thông báo máy in (Bật*)		Xác định xem bộ mô phỏng có thể truy cập vào thiết lập máy in ban đầu hay không.	
<b>Lưu ý:</b> Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.				

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
Cấu hình in	Chế độ chỉ đen	Tắt* Bật	In các lệnh không sao chép ở thang độ xám.
	Giảm thiểu chùng màu	Tắt 1 2* 3 4 5	Cải thiện bản in ra để cân chỉnh vùng đăng ký sai trong máy in.
	Làm sắc phong	0–150 (24*)	Đặt giá trị kích thước điểm văn bản dưới giá trị mà màn hình tần số cao được sử dụng khi in dữ liệu phong. Ví dụ: nếu giá trị là 24 thì tất cả phong chữ có kích cỡ từ 24 điểm trở xuống sẽ sử dụng màn hình tần số cao.
	Sử dụng phong chữ ISD gốc	Bật* Tắt	Cho phép người dùng chọn có sử dụng phong chữ miễn phí có trong ổ lưu trữ thông minh (ISD) hay không. <b>Lưu ý:</b> Mục menu này chỉ xuất hiện khi lắp đặt ISD.
Thao tác thiết bị	Chế độ im lặng	Tắt* Bật	Điều chỉnh độ ồn mà máy in tạo ra. <b>Lưu ý:</b> Bật cài đặt này sẽ làm chậm hiệu suất tổng thể của máy in.
	Chế độ an toàn	Tắt* Bật	Đặt máy in để hoạt động ở chế độ đặc biệt, theo đó máy in sẽ cung cấp nhiều chức năng nhất có thể mặc dù đã nhận biết được các sự cố. Ví dụ: khi được đặt thành <b>Bật</b> và động cơ in hai mặt không hoạt động, máy in vẫn tiến hành in một mặt ngay cả khi lệnh được đặt là in hai mặt. <b>Lưu ý:</b> Nếu bật cài đặt này, máy in chỉ có thể in từ khay nạp giấy đa năng.
	Xóa trạng thái tùy chỉnh	Bắt đầu	Xóa các chuỗi do người dùng xác định cho thông báo tùy chỉnh <b>Mặc định</b> hoặc <b>Thay thế</b> .
	Xóa tất cả thông báo được cài đặt từ xa	Bắt đầu	Xóa thông báo đã được cài đặt từ xa.
	Tự động hiển thị màn hình lỗi	Tắt Bật*	Hiển thị thông báo lỗi hiện có trên màn hình sau khi máy in vẫn không hoạt động ở màn hình chính trong một khoảng thời gian.
	Bộ nhớ dịch vụ bất biến	Trạng thái mã hóa	
Mã hóa bộ nhớ dịch vụ bất biến			Bật mã hóa nhân bản theo cách thủ công.

**Lưu ý:** Dấu hoa thị (\*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
Thiết lập cảm biến mật độ mực	Tùy chọn tần suất hiệu chỉnh	Đã tắt Điều chỉnh màu ít nhất Điều chỉnh màu ít hơn Thường* Độ chính xác màu tốt hơn Độ chính xác màu tốt nhất	Cài đặt máy in dùng lượng mực phù hợp để duy trì độ đồng nhất của màu sắc.
	Hiệu chỉnh đầy đủ	Bắt đầu	Chạy hiệu chỉnh màu đầy đủ.
	In trang thông tin TPS	Bắt đầu	In trang chẩn đoán chứa thông tin về hiệu chỉnh cảm biến mật độ mực.
Cấu hình ứng dụng	Ứng dụng LES	Tắt Bật*	Bật các ứng dụng Giải pháp nhúng Lexmark (LES).

**Lưu ý:** Dấu hoa thị (\*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.

## Xóa ngoài dịch vụ

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
Xóa ngoài dịch vụ	Lần dọn dẹp bộ nhớ gần nhất	Cài đặt này là thông tin chỉ đọc.	Cho biết thời điểm xóa bộ nhớ máy in gần đây nhất.
	Lần dọn dẹp đĩa cứng gần nhất	Cài đặt này là thông tin chỉ đọc.	Cho biết thời điểm xóa đĩa cứng gần đây nhất. <b>Lưu ý:</b> Mục menu này chỉ xuất hiện khi lắp đặt đĩa cứng.
	Lần xóa ISD gần nhất	Cài đặt này là thông tin chỉ đọc.	Cho biết thời điểm xóa ổ lưu trữ thông minh (ISD) gần đây nhất. <b>Lưu ý:</b> Mục menu này chỉ xuất hiện khi lắp đặt ISD.
	Dọn dẹp tất cả thông tin trong bộ nhớ bất biến	Xóa tất cả cài đặt mạng và máy in Xóa tất cả ứng dụng và cài đặt ứng dụng	Xóa tất cả thông tin trong bộ nhớ bất biến.
	Dọn dẹp tất cả thông tin trên đĩa cứng	Xóa các bản tải xuống (Xóa tất cả macro, phông chữ, PFO, v.v.) Xóa các lệnh được lưu trữ trong vùng đệm Xóa lệnh tạm dừng	Xóa tất cả thông tin trên đĩa cứng. <b>Lưu ý:</b> Mục menu này chỉ xuất hiện khi lắp đặt đĩa cứng.
	Xóa ổ lưu trữ thông minh	Xóa tất cả dữ liệu người dùng trên ISD bằng mật mã	Xóa tất cả thông tin trên ISD. <b>Lưu ý:</b> Mục menu này chỉ xuất hiện khi lắp đặt ISD.

## Cập nhật phần mềm cơ sở

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Phiên bản hiện tại	Cài đặt này là thông tin chỉ đọc.	Hiển thị phiên bản phần mềm cơ sở hiện tại được cài đặt trên máy in.
Kiểm tra các bản cập nhật ngay	Cài đặt ngay Cài đặt sau	Kiểm tra các bản cập nhật phần mềm cơ sở.
Tự động kiểm tra các bản cập nhật	Bật Tắt*	Đặt máy in tự động kiểm tra các bản cập nhật phần mềm cơ sở.

## Giới thiệu về máy in

Mục menu	Mô tả
Mã thiết bị	Xác định danh tính của máy in.
Vị trí máy in	Xác định vị trí máy in.
Liên hệ	Xác định thông tin liên hệ cho máy in.
Phiên bản phần mềm cơ sở	Hiển thị phiên bản phần mềm cơ sở được cài đặt trên máy in.
Động cơ	Hiển thị số động cơ của máy in.
Số sê-ri	Hiển thị số sê-ri của máy in.
Xuất tập tin cấu hình sang USB	Xuất tập tin cấu hình sang ổ flash.
Xuất nhật ký nén sang USB	Xuất tập tin nhật ký nén sang ổ flash.
Gửi nhật ký	Gửi thông tin nhật ký máy in đến Lexmark.

## In

### Bố cục

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Mặt	1 mặt 2 mặt*	Xác định in trên một mặt hoặc cả hai mặt giấy.
Kiểu lật	Cạnh dài* Cạnh ngắn	Xác định sẽ kẹp mặt nào của giấy khi thực hiện in hai mặt.
Trang trống	In Không in*	In các trang trống có trong lệnh in.
In theo bộ	Tắt (1,1,1,2,2,2) Bật (1,2,1,2,1,2)*	Xếp chồng các trang của một lệnh in theo trình tự, đặc biệt khi in nhiều bản sao của lệnh in.
<b>Lưu ý:</b> Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.		

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Trang phân cách	Không có* Giữa các bản sao Giữa các lệnh Giữa các trang	Chèn trang phân cách trống khi in.
Nguồn in trang phân cách	Khay [x] (1*) Khay nạp giấy đa năng	Xác định nguồn giấy cho trang phân cách.
Số trang trên mỗi mặt	Tất* 2 trang mỗi mặt 3 trang mỗi mặt 4 trang mỗi mặt 6 trang mỗi mặt 9 trang mỗi mặt 12 trang mỗi mặt 16 trang mỗi mặt	In nhiều hình ảnh trang trên một mặt của một tờ giấy.
Điều chỉnh vị trí số trang mỗi mặt	Ngang* Đảo chiều ngang Dọc Đảo chiều dọc	Xác định vị trí hình ảnh của nhiều trang khi sử dụng menu <b>Số trang mỗi mặt</b> .
Hướng số trang mỗi mặt	Tự động* Khổ ngang Khổ dọc	Xác định hướng hình ảnh của nhiều trang khi sử dụng menu <b>Số trang mỗi mặt</b> .
Viền trang mỗi mặt	Không có* Đồng màu	In viền quanh mỗi hình ảnh trang khi sử dụng menu <b>Số trang mỗi mặt</b> .
Bản sao	1–9999 (1*)	Xác định số lượng bản sao cho mỗi lệnh in.
Vùng in	Thường* Vừa với trang Toàn trang	Cài đặt vùng có thể in trên một tờ giấy.
<b>Lưu ý:</b> Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.		

## Hoàn thiện

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Lệnh dập ghim	Tất* 1 ghim, góc trên bên trái 2 ghim, trái 1 ghim, góc trên bên phải 2 ghim, trên cùng 1 ghim, góc dưới bên trái 2 ghim, dưới cùng 1 ghim, góc dưới bên phải 2 ghim, phải	Xác định vị trí dập ghim cho tất cả các lệnh in. <b>Lưu ý:</b> Mục menu này chỉ xuất hiện khi bạn lắp bộ hoàn thiện dập ghim.
Kiểm tra ghim dập	Bắt đầu	Xác định bộ hoàn thiện dập ghim có hoạt động đúng hay không. <b>Lưu ý:</b> Mục menu này chỉ xuất hiện khi bạn lắp bộ hoàn thiện dập ghim.
Dập lỗ	Tất* Bật	Dập lỗ dọc cạnh của bản in. <b>Lưu ý:</b> Mục menu này chỉ xuất hiện khi bạn lắp bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ.
Chế độ dập lỗ	2 lỗ 3 lỗ 4 lỗ	Đặt chế độ dập lỗ cho bản in. <b>Lưu ý:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>• 3 lỗ là cài đặt mặc định gốc tại Hoa Kỳ. 4 lỗ là cài đặt mặc định gốc quốc tế.</li> <li>• Mục này trong menu chỉ xuất hiện khi bạn lắp bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ hoặc bộ hoàn thiện tập sách.</li> </ul>
Trang offset	Không có* Giữa các bản sao Giữa các lệnh	Offset giấy ra của mỗi lệnh in hoặc mỗi bản sao của một lệnh in. <b>Lưu ý:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Giữa các bản sao</b> sẽ in offset mỗi bản sao của một lệnh in nếu tùy chọn <b>In theo bộ</b> được đặt thành <b>Bật [1,2,1,2,1,2]</b>. Nếu tùy chọn <b>In theo bộ</b> được đặt thành <b>Tất [1,1,1,2,2,2]</b>, thì mỗi bộ trang được in sẽ được offset, chẳng hạn như tất cả các trang được chỉ định là 1 và tất cả các trang được chỉ định là 2.</li> <li>• <b>Giữa các lệnh</b> đặt cùng một vị trí offset cho toàn bộ lệnh in bất kể số lượng bản in.</li> </ul>
<b>Lưu ý:</b> Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.		

## Thiết lập

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Ngôn ngữ máy in	Mô phỏng PCL Mô phỏng PS*	Đặt ngôn ngữ máy in. <b>Lưu ý:</b> Cài đặt mặc định ngôn ngữ máy in không ngăn chương trình phần mềm gửi lệnh in sử dụng ngôn ngữ máy in khác.
Lệnh đang chờ	Tất* Bật	Lưu trữ lệnh in yêu cầu vật tư để có thể in các lệnh không yêu cầu vật tư bị thiếu. <b>Lưu ý:</b> Mục menu này chỉ xuất hiện khi bạn lắp ổ lưu trữ.
<b>Lưu ý:</b> Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.		

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Thời gian chờ hoãn lệnh	0–255 (30*)	Đặt thời gian tính bằng giây máy in chờ người dùng can thiệp trước khi máy tạm dừng lệnh in yêu cầu tài nguyên không khả dụng. <b>Lưu ý:</b> Mục menu này chỉ xuất hiện khi bạn lắp ổ lưu trữ.
Đích tải xuống	RAM* Flash Đĩa	Xác định nơi lưu tất cả tài nguyên cố định đã được tải xuống máy in. <b>Lưu ý:</b> Mục menu này chỉ xuất hiện khi bạn lắp ổ lưu trữ.
Mức sử dụng máy in	Tốc độ tối đa Công suất tối đa*	Xác định xem phần cứng rút lại có tách ra hoặc gắn vào bộ từ màu trong khi in hay không. <b>Lưu ý:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>Khi được đặt thành <b>Năng suất tối đa</b>, phần cứng vẫn gắn vào bộ từ màu khi máy in không hoạt động.</li> <li>Khi được đặt thành <b>Tốc độ tối đa</b>, phần cứng vẫn gắn vào bộ từ màu bất kể lệnh đó là lệnh in đơn sắc hay in màu.</li> </ul>
Mức sử dụng máy in ở tốc độ thấp	Công suất tối đa* Tốc độ tối đa	Cho phép máy in chuyển đổi giữa năng suất cao (chế độ chỉ màu đen) và tốc độ cao (chế độ màu) khi chạy ở tốc độ thấp. <b>Lưu ý:</b> Cài đặt này chỉ thay đổi hoạt động của máy in khi động cơ in chạy ở tốc độ xử lý 25 trang mỗi phút. Cài đặt này sẽ không có ảnh hưởng gì khi động cơ in chạy ở tốc độ xử lý nhanh hơn.
Lưu tài nguyên	Tắt* Bật	Xác định thao tác máy in thực hiện với tài nguyên được tải xuống khi máy nhận được lệnh cần nhiều hơn bộ nhớ có sẵn. <b>Lưu ý:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>Khi được đặt thành <b>Tắt</b>, máy in chỉ giữ lại tài nguyên được tải xuống cho đến khi cần bộ nhớ. Tài nguyên liên quan đến ngôn ngữ máy in không hoạt động sẽ bị xóa.</li> <li>Khi được đặt thành <b>Bật</b>, máy in giữ nguyên tất cả tài nguyên được tải xuống cố định trên tất cả bộ chuyển ngôn ngữ. Khi cần thiết, máy in sẽ hiển thị thông báo bộ nhớ đầy thay vì xóa tài nguyên cố định.</li> </ul>
In tất cả các lệnh	Theo thứ tự bảng chữ cái* Mới nhất trước Cũ nhất trước	Xác định thứ tự dừng để in tất cả lệnh in tạm dừng và bảo mật.
Tự động xóa các lệnh in bị treo	Tắt* Bật	Đặt máy in để tự động hủy lệnh in trong hàng đợi bị gián đoạn do các lỗi như kẹt giấy và thiếu vật tư.
<b>Lưu ý:</b> Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.		



## Chất lượng

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
<b>Chế độ in</b>	Không áp dụng	<b>Đen trắng</b> <b>Màu sắc*</b>	Đặt cách máy in tạo nội dung màu.
<b>Độ phân giải in</b>	Không áp dụng	<b>4800 CQ*</b> <b>1200 dpi</b>	Đặt độ phân giải cho bản in ra. <b>Lưu ý:</b> 4800 CQ cung cấp bản in ra chất lượng cao ở tốc độ tối đa.
<b>Độ tối của mực</b>	Không áp dụng	<b>1 đến 5 (4*)</b>	Xác định độ nhạt hoặc độ đậm của hình ảnh văn bản.
<b>Nửa sắc</b>	Không áp dụng	<b>Thường*</b> <b>Chi tiết</b>	Cài thiện bản in ra để có các đường thẳng đều hơn với cạnh sắc nét hơn.
<b>Trình tiết kiệm màu</b>	Không áp dụng	<b>Tắt*</b> <b>Bật</b>	Giảm lượng mực cần dùng để in đồ thị và hình ảnh. <b>Lưu ý:</b> Khi được đặt thành <b>Bật</b> , cài đặt này sẽ ghi đè giá trị của cài đặt <b>Độ tối của mực</b> .
<b>Độ sáng RGB</b>	Không áp dụng	<b>-6 đến 6 (0*)</b>	Điều chỉnh độ sáng của mọi đối tượng RGB và màu xám trên trang. <b>Lưu ý:</b> Cài đặt này không ảnh hưởng đến các tập tin sử dụng thông số màu CMYK.
<b>Độ tương phản RGB</b>	Không áp dụng	<b>0 đến 5 (0*)</b>	Điều chỉnh độ tương phản của mọi đối tượng RGB và màu xám trên một trang. <b>Lưu ý:</b> Cài đặt này không ảnh hưởng đến các tập tin sử dụng thông số màu CMYK.
<b>Độ bão hòa RGB</b>	Không áp dụng	<b>0 đến 5 (0*)</b>	Giữ nguyên các giá trị đen trắng trong khi điều chỉnh các giá trị màu của mọi đối tượng trên trang. <b>Lưu ý:</b> Cài đặt này không ảnh hưởng đến các tập tin sử dụng thông số màu CMYK.
<b>Lưu ý:</b> Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.			

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
Quét ảnh nâng cao	Cân bằng màu	Lục lam (0*) Đỏ tươi (0*) Vàng (0*) Đen (0*)	Điều chỉnh lượng mực dùng cho mỗi màu.
		Đặt lại cài đặt mặc định	Đặt lại tất cả các cài đặt màu về giá trị mặc định.
	Hiệu chỉnh màu	Tắt Tự động* Thủ công	Điều chỉnh cài đặt màu dùng để in tài liệu. <b>Lưu ý:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Tắt</b> - đặt máy in để nhận hiệu chỉnh màu từ phần mềm.</li> <li>• <b>Tự động</b> - đặt máy in để áp dụng các cấu hình màu khác nhau cho từng đối tượng trên trang in.</li> <li>• <b>Thủ công</b> - cho phép tùy chỉnh chuyển đổi màu RGB hoặc CMYK áp dụng cho từng đối tượng trên trang in.</li> </ul>
	Mẫu màu	In mẫu màu	In các trang mẫu cho mỗi bảng chuyển đổi màu RGB và CMYK được dùng trong máy in.
	Điều chỉnh màu	Điều chỉnh màu	Hiệu chỉnh máy in để điều chỉnh các biến thể màu trong bản in.
Thay màu vết	Cài đặt CMYK tùy chỉnh	Gán giá trị CMYK cụ thể cho 20 màu vết được đặt tên.	

**Lưu ý:** Dấu hoa thị (\*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.

## Kiểm tra lệnh

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Kiểm tra lệnh	Tắt* Bật	Đặt máy in tạo nhật ký lệnh in mà máy in nhận được.
Tần suất nhật ký kiểm tra	Hàng ngày Hàng tuần Hàng tháng*	Xác định tần suất máy in tạo tập tin nhật ký.
Thao tác nhật ký khi Kết thúc tần suất	Không có* Gửi email nhật ký hiện tại Gửi email và xóa nhật ký hiện tại Đăng nhật ký hiện tại Đăng và xóa nhật ký hiện tại	Xác định cách máy in phản hồi khi ngưỡng tần suất hết hạn. <b>Lưu ý:</b> Giá trị được chỉ định trong <b>Tần suất nhật ký kiểm tra</b> xác định khi nào thao tác này được kích hoạt.
Nhật ký gần đây	Bật* (5MB) Tắt	Xác định kích thước tối đa của tập tin nhật ký trước khi máy in thực hiện <b>Thao tác nhật ký khi gần đây</b> . <b>Lưu ý:</b> Mục menu này chỉ xuất hiện khi bạn lắp ổ lưu trữ.

**Lưu ý:** Dấu hoa thị (\*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Thao tác nhật ký khi gần đầy	Không có* Gửi email nhật ký hiện tại Gửi email và xóa nhật ký hiện tại Gửi email và xóa nhật ký cũ nhất Đăng nhật ký hiện tại Đăng và xóa nhật ký hiện tại Đăng và xóa nhật ký cũ nhất Xóa nhật ký hiện tại Xóa nhật ký cũ nhất Xóa tất cả trừ nhật ký hiện tại Xóa tất cả nhật ký	Xác định cách máy in phản hồi khi ổ lưu trữ gần đầy. <b>Lưu ý:</b> Giá trị chỉ định trong <b>Nhật ký gần đầy</b> xác định khi nào thao tác này được kích hoạt.
Thao tác nhật ký khi đầy	Không có* Gửi email và xóa nhật ký hiện tại Gửi email và xóa nhật ký cũ nhất Đăng và xóa nhật ký hiện tại Đăng và xóa nhật ký cũ nhất Xóa nhật ký hiện tại Xóa nhật ký cũ nhất Xóa tất cả trừ nhật ký hiện tại Xóa tất cả nhật ký	Xác định cách máy in phản hồi khi mức sử dụng ổ lưu trữ đạt đến giới hạn tối đa (100MB).
URL để đăng nhật ký	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định vị trí máy in đăng nhật ký kiểm tra lệnh in.
Địa chỉ email để gửi nhật ký	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định địa chỉ email mà máy in gửi nhật ký kiểm tra lệnh in.
Tiền tố tập tin nhật ký	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định tiền tố cho tập tin nhật ký. <b>Lưu ý:</b> Tên máy chủ hiện tại được xác định trong menu TCP/IP được dùng làm tiền tố tập tin nhật ký mặc định.
<b>Lưu ý:</b> Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.		

## PDF

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Thay đổi tỷ lệ cho vừa	Tắt* Bật	Thay đổi tỷ lệ nội dung trang cho vừa với khổ giấy đã chọn.
Chú giải	In Không in*	Xác định có in chú giải trong PDF hay không.
Lỗi in PDF	Tắt Bật*	Bật in lỗi PDF.
<b>Lưu ý:</b> Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.		

## PostScript

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Lỗi in PS	Tắt* Bật	In trang mô tả lỗi mô phỏng PostScript®. <b>Lưu ý:</b> Khi xảy ra lỗi, quá trình xử lý lệnh dừng lại, máy in sẽ in một thông báo lỗi, và phần còn lại của lệnh in sẽ được xóa.
Độ rộng dòng tối thiểu	1–30 (2*)	Đặt độ rộng nét gạch tối thiểu. <b>Lưu ý:</b> Các lệnh in ở 1200 dpi sử dụng giá trị này trực tiếp.
Khóa chế độ khởi động PS	Tắt Bật*	Tắt tập tin SysStart. <b>Lưu ý:</b> Việc kích hoạt tập tin SysStart sẽ khiến máy in hoặc mạng của bạn gặp rủi ro về bảo mật.
Làm mịn ảnh	Tắt* Bật	Nâng cao độ tương phản và độ sắc nét của hình ảnh có độ phân giải thấp. <b>Lưu ý:</b> Cài đặt này không ảnh hưởng đến các hình ảnh có độ phân giải từ 300 dpi trở lên.
Ưu tiên phong chữ	Có sẵn* Flash/Đĩa	Thiết lập thứ tự tìm kiếm phong chữ. <b>Lưu ý:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Có sẵn</b> - đặt máy in để tìm kiếm phong chữ được yêu cầu trong bộ nhớ của máy in trước khi tìm kiếm ổ lưu trữ.</li> <li>• <b>Flash/Đĩa</b> - đặt máy in để tìm kiếm phong chữ được yêu cầu trong ổ lưu trữ trước khi tìm kiếm bộ nhớ máy in.</li> <li>• Mục menu này chỉ xuất hiện khi bạn lắp ổ lưu trữ.</li> </ul>
Thời gian chờ	Tắt Bật*	Để máy in chờ thêm dữ liệu trước khi hủy lệnh in. <b>Lưu ý:</b> Khi bạn đặt thành <b>Bật</b> , giá trị mặc định gốc của cài đặt này là 40 giây.

**Lưu ý:** Dấu hoa thị (\*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.

## PCL

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Nguồn phong chữ	Có sẵn* Đĩa Tải xuống Flash Thẻ phong chữ Tất cả	Chọn nguồn có các lựa chọn phong chữ mặc định. <b>Lưu ý:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Đĩa</b> - chỉ xuất hiện nếu bạn lắp đĩa cứng chống ghi/chống đọc không bị lỗi và có chứa các phong chữ.</li> <li>• <b>Tải xuống</b> - chỉ xuất hiện nếu phong chữ được tải xuống đã có trong bộ nhớ máy in.</li> <li>• <b>Flash</b> - chỉ xuất hiện nếu bạn lắp bộ nhớ flash chống ghi/chống đọc không bị lỗi và có chứa các phong chữ.</li> <li>• <b>Thẻ phong chữ</b> - chỉ xuất hiện nếu bạn lắp thẻ phong chữ hợp lệ hoặc đặt cấu hình ổ lưu trữ thông minh.</li> </ul>
Tên phong chữ	[Danh sách phong chữ sẵn dụng] ( <b>Courier*</b> )	Chọn phong chữ từ nguồn phong chữ đã xác định.

**Lưu ý:** Dấu hoa thị (\*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Bộ ký hiệu	[Danh sách bộ ký hiệu có sẵn] (10U PC-8*)	Xác định bộ ký hiệu cho mỗi tên phông chữ. <b>Lưu ý:</b> Bộ ký hiệu là một bộ ký tự chữ cái và số, dấu câu và ký hiệu đặc biệt. Bộ ký hiệu hỗ trợ nhiều ngôn ngữ khác nhau hoặc chương trình cụ thể như ký hiệu toán học cho văn bản khoa học.
Pitch	0,08–100,00 (10,00*)	Xác định khoảng cách cho phông cố định hoặc đơn cách. <b>Lưu ý:</b> Mục menu này chỉ số lượng ký tự có khoảng cách cố định trong một inch ngang của kiểu chữ.
Hướng	Khổ dọc* Khổ ngang Đảo chiều dọc Đảo chiều ngang	Xác định hướng văn bản và đồ họa trên trang.
Số dòng mỗi trang	1–255	Xác định số dòng văn bản cho mỗi trang in qua luồng dữ liệu PCL®. <b>Lưu ý:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>Mục menu này kích hoạt tính năng thoát dọc làm cho số dòng yêu cầu đã chọn in giữa các lề mặc định của trang.</li> <li>60 là cài đặt mặc định gốc tại Hoa Kỳ. 64 là cài đặt mặc định gốc quốc tế.</li> </ul>
Độ rộng dòng tối thiểu PCL5	1–30 (2*)	Đặt giá trị độ rộng nét gạch tối thiểu ban đầu của mọi lệnh in được in ở 1200 dpi thông qua bộ mô phỏng áp dụng.
Độ rộng dòng tối thiểu PCLXL	1–30 (2*)	
Chiều rộng A4	198 mm* 203 mm	Đặt chiều rộng của trang logic trên giấy A4. <b>Lưu ý:</b> Trang logic là khoảng trống trên trang vật lý in dữ liệu.
Tự động trở về đầu dòng sau khi nhảy dòng	Bật Tắt*	Đặt máy in thực hiện chuyển dòng sau lệnh điều khiển nhảy dòng. <b>Lưu ý:</b> Trở về đầu dòng là cơ chế ra lệnh cho máy in di chuyển vị trí của con trỏ đến vị trí đầu tiên trên cùng một dòng.
Tự động nhảy dòng sau khi trở về đầu dòng	Bật Tắt*	Đặt máy in thực hiện nhảy dòng sau lệnh điều khiển chuyển dòng.
Đánh số lại khay	Gán khay nạp giấy đa năng Gán khay [x] Gán giấy thủ công Gán phong bì thủ công	Thiết lập cấu hình máy in để hoạt động với trình điều khiển in hoặc ứng dụng tùy chỉnh khác sử dụng bộ gán nguồn khác để yêu cầu một nguồn giấy nhất định. Chọn trong số các tùy chọn sau: <b>Tắt*</b> —Máy in sử dụng gán nguồn giấy mặc định gốc. <b>Không có</b> —Nguồn giấy bỏ qua lệnh Chọn nạp giấy. <b>0–199</b> - Chọn giá trị số để gán giá trị tùy chỉnh cho nguồn giấy.
	Xem cài đặt mặc định gốc	Hiển thị giá trị mặc định gốc được gán cho từng nguồn giấy.
	Khôi phục cài đặt mặc định	Khôi phục giá trị đánh số lại khay về cài đặt mặc định gốc.
Thời gian chờ in	Tắt Bật* (90)	Đặt máy in để kết thúc lệnh in sau khi máy in không hoạt động trong một khoảng thời gian xác định.

**Lưu ý:** Dấu hoa thị (\*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.

## Hình ảnh

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Tự động điều chỉnh cho vừa	<b>Bật</b> <b>Tắt*</b>	Chọn cài đặt hướng và khổ giấy tốt nhất có sẵn cho hình ảnh. <b>Lưu ý:</b> Khi được đặt thành <b>Bật</b> , mục menu này sẽ ghi đè cài đặt tỷ lệ và hướng cho ảnh.
Đảo ngược	<b>Tắt*</b> <b>Bật</b>	Đảo ngược hình ảnh đơn sắc lưỡng tông. <b>Lưu ý:</b> Mục menu này không áp dụng cho định dạng ảnh GIF hoặc JPEG.
Điều chỉnh tỷ lệ	<b>Vừa nhất*</b> Neo trên bên trái Neo giữa Vừa với chiều cao/chiều rộng Vừa với chiều cao Vừa với chiều rộng	Điều chỉnh hình ảnh cho vừa với vùng in. <b>Lưu ý:</b> Khi <b>Tự động điều chỉnh cho vừa</b> được đặt thành <b>Bật</b> , <b>Thay đổi tỷ lệ</b> được tự động đặt thành <b>Vừa nhất</b> .
Hướng	<b>Khổ dọc*</b> <b>Khổ ngang</b> <b>Đảo chiều dọc</b> <b>Đảo chiều ngang</b>	Xác định hướng văn bản và đồ họa trên trang.
<b>Lưu ý:</b> Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.		

## Giấy

### Cấu hình khay

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
Nguồn mặc định	Không áp dụng	<b>Khay [x] (1*)</b> <b>Khay nạp giấy đa năng</b> <b>Giấy thủ công</b> <b>Phong bì thủ công</b>	Đặt nguồn giấy mặc định cho tất cả lệnh in.
Khổ giấy/Loại giấy	<b>Khay [x]</b> <b>Khay nạp giấy đa năng</b> <b>Giấy thủ công</b> <b>Phong bì thủ công</b>	<b>Khổ giấy</b> <b>Loại</b>	Xác định khổ giấy hoặc loại giấy được nạp vào mỗi nguồn giấy.
Khổ giấy thay thế	Không áp dụng	<b>Tắt</b> <b>Statement/A5</b> <b>Letter/A4</b> <b>11 x 17/A3</b> <b>Tất cả khổ giấy được liệt kê*</b>	Đặt máy in để thay thế khổ giấy đã xác định nếu khổ giấy yêu cầu không được nạp vào nguồn giấy bất kỳ. <b>Lưu ý:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li><b>Tắt</b> - nhắc người dùng nạp khổ giấy yêu cầu.</li> <li><b>Tất cả khổ giấy được liệt kê</b> - cho phép tất cả các tùy chọn thay thế có sẵn.</li> </ul>
<b>Lưu ý:</b> Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.			

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
<b>Đặt cấu hình khay nạp giấy đa năng</b>	Không áp dụng	<b>Cassette*</b> <b>Thủ công</b> <b>Đầu tiên</b>	Xác định hành vi của khay nạp giấy đa năng. <b>Lưu ý:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Cassette</b> - đặt cấu hình khay nạp giấy đa năng làm nguồn giấy tự động.</li> <li>• <b>Thủ công</b> - chỉ đặt khay nạp giấy đa năng cho các lệnh in nạp thủ công.</li> <li>• <b>Đầu tiên</b> - đặt cấu hình khay nạp giấy đa năng làm nguồn giấy chính.</li> </ul>
<b>Lưu ý:</b> Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.			

## Cấu hình giấy

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
<b>Đơn vị đo</b>	Không áp dụng	<b>Inch</b> <b>Milimét</b>	Xác định đơn vị đo cho giấy thông dụng. <b>Lưu ý:</b> <b>Inch</b> là cài đặt mặc định gốc tại Hoa Kỳ. <b>Millimét</b> là cài đặt mặc định gốc quốc tế.
<b>Thiết lập chung</b>	<b>Tất cả khay nạp giấy</b>	<b>Chiều rộng dọc</b>	Đặt chiều rộng dọc của giấy thông dụng.
		<b>Chiều cao dọc</b>	Đặt chiều cao dọc của giấy thông dụng.
		<b>Hướng nạp (Cạnh ngắn*)</b>	Đặt máy in nhận giấy từ hướng cạnh ngắn hoặc cạnh dài. <b>Lưu ý:</b> <b>Cạnh dài</b> chỉ xuất hiện khi cạnh dài nhất ngắn hơn chiều rộng tối đa được hỗ trợ.
<b>Thiết lập loại giấy</b>	[Danh sách loại giấy]	<b>Kết cấu</b> <b>Trọng lượng</b> <b>Hướng nạp</b> <b>Gửi đến ngăn giấy</b>	Xác định họa tiết, trọng lượng và hướng của giấy.
<b>Lưu ý:</b> Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.			

## Cấu hình ngăn giấy

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Ngăn giấy đầu ra	Ngăn giấy chuẩn* Ngăn giấy [x]	Xác định ngăn giấy đầu ra cho lệnh trên máy in.
Đặt cấu hình ngăn giấy	Hộp thư* Liên kết Liên kết tùy chọn Chỉ định loại	Đặt cấu hình chế độ hoạt động của ngăn giấy đầu ra. <b>Lưu ý:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Hộp thư</b> - cho phép chọn riêng ngăn giấy chuẩn và ngăn giấy tùy chọn bất kỳ.</li> <li>• <b>Liên kết</b> - cho phép liên kết tất cả ngăn giấy đầu ra với nhau thành một ngăn giấy lớn.</li> <li>• <b>Liên kết ngăn giấy tùy chọn</b> - xem tất cả các ngăn giấy tùy chọn như một ngăn giấy đầu ra lớn.</li> <li>• <b>Chỉ định loại</b> - chỉ định mỗi loại giấy cho một ngăn giấy hoặc nhóm ngăn giấy được liên kết.</li> </ul>
Tên ngăn giấy tùy chỉnh	Ngăn giấy chuẩn Ngăn giấy [x]	Gán tên cho mỗi ngăn giấy.
<b>Lưu ý:</b> Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.		

## Ổ USB

### In ổ flash

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Số lượng bản sao	1–9999 (1*)	Đặt số lượng bản sao trong một lệnh in.
Nguồn giấy	Khay [x] (1*) Khay nạp giấy đa năng Giấy thủ công Phong bì thủ công	Đặt nguồn giấy cho lệnh in.
Màu	Tắt Bật*	In màu ổ flash.
In theo bộ	Tắt [1,1,1,2,2,2] Bật [1,2,1,2,1,2]*	Xếp chồng các trang của một lệnh in theo trình tự, đặc biệt khi in nhiều bản sao của lệnh in.
Mặt	1 mặt* 2 mặt	Xác định in trên một mặt hoặc cả hai mặt giấy.
<b>Lưu ý:</b> Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.		



Mục menu	Cài đặt	Mô tả
<b>Dập ghim</b>	Tắt* 1 ghim, góc trên bên trái 2 ghim, trái 1 ghim, góc trên bên phải 2 ghim, trên cùng 1 ghim, góc dưới bên trái 2 ghim, dưới cùng 1 ghim, góc dưới bên phải 2 ghim, phải	Xác định vị trí dập ghim cho tất cả các lệnh in. <b>Lưu ý:</b> Mục menu này chỉ xuất hiện khi bạn lắp bộ hoàn thiện dập ghim.
<b>Dập lỗ</b>	Tắt* 2 lỗ 3 lỗ 4 lỗ	Đặt chế độ đục lỗ cho tất cả lệnh in. <b>Lưu ý:</b> Mục này trong menu chỉ xuất hiện khi bạn lắp bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ hoặc bộ hoàn thiện tập sách.
<b>Trang offset</b>	Không có* Giữa các bản sao Giữa các lệnh	Offset giấy ra của mỗi lệnh in hoặc mỗi bản sao của một lệnh in. <b>Lưu ý:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li><b>Giữa các bản sao</b> mỗi bản sao của một lệnh in nếu tùy chọn <b>In theo bộ</b> được đặt thành <b>Bật [1,2,1,2,1,2]</b>. Nếu tùy chọn <b>In theo bộ</b> được đặt thành <b>Tắt [1,1,1,2,2,2]</b>, thì mỗi bộ trang được in sẽ được offset, chẳng hạn như tất cả các trang được chỉ định là 1 và tất cả các trang được chỉ định là 2.</li> <li><b>Giữa các lệnh</b> - đặt cùng một vị trí offset cho toàn bộ lệnh in bất kể số lượng bản in.</li> </ul>
<b>Kiểu lật</b>	Cạnh dài* Cạnh ngắn	Xác định sẽ kẹp mặt nào của giấy khi thực hiện in hai mặt.
<b>Số trang trên mỗi mặt</b>	Tắt* 2 trang mỗi mặt 3 trang mỗi mặt 4 trang mỗi mặt 6 trang mỗi mặt 9 trang mỗi mặt 12 trang mỗi mặt 16 trang mỗi mặt	In nhiều hình ảnh trang trên một mặt của một tờ giấy.
<b>Điều chỉnh vị trí số trang mỗi mặt</b>	Ngang* Đảo chiều ngang Đảo chiều dọc Dọc	Xác định vị trí hình ảnh của nhiều trang khi sử dụng menu <b>Số trang mỗi mặt</b> .
<b>Hướng số trang mỗi mặt</b>	Tự động* Khổ ngang Khổ dọc	Xác định hướng hình ảnh của nhiều trang khi sử dụng menu <b>Số trang mỗi mặt</b> .
<b>Viền trang mỗi mặt</b>	Không có* Đồng màu	In viền quanh mỗi hình ảnh trang khi sử dụng menu <b>Số trang mỗi mặt</b> .
<b>Lưu ý:</b> Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.		

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Trang phân cách	Tắt* Giữa các bản sao Giữa các lệnh Giữa các trang	Chèn trang phân cách trống khi in.
Nguồn in trang phân cách	Khay [x] (1*) Khay nạp giấy đa năng	Xác định nguồn giấy cho trang phân cách.
Trang trống	Không in* In	In trang trống trong lệnh in.

Lưu ý: Dấu hoa thị (\*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.

## Mạng/công

### Tổng quan về mạng

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Bộ điều hợp đang hoạt động	Tự động* Mạng chuẩn Không dây	Chỉ định loại kết nối mạng. <b>Lưu ý:</b> Không dây chỉ khả dụng trong các máy in được kết nối với mạng không dây.
Trạng thái mạng	Cài đặt này là thông tin chỉ đọc.	Hiển thị trạng thái kết nối của mạng máy in.
Hiển thị trạng thái mạng trên máy in	Tắt Bật*	Hiển thị trạng thái mạng trên màn hình.
Tốc độ, hai mặt	Cài đặt này là thông tin chỉ đọc.	Hiển thị tốc độ của thẻ mạng hiện đang hoạt động.
IPv4	Cài đặt này là thông tin chỉ đọc.	Hiển thị địa chỉ IPv4.
Tất cả địa chỉ IPv6	Cài đặt này là thông tin chỉ đọc.	Hiển thị tất cả địa chỉ IPv6.
Đặt lại máy chủ in	Bắt đầu	Đặt lại tất cả kết nối mạng đang hoạt động với máy in. <b>Lưu ý:</b> Cài đặt này xóa tất cả cài đặt cấu hình mạng.
Thời gian chờ lệnh mạng	Tắt Bật* (90 giây)	Đặt thời gian trước khi máy in hủy lệnh in qua mạng.
Phần đầu trang	Tắt* Bật	In phần đầu trang.
Bật kết nối mạng	Tắt Bật*	Cho phép máy in kết nối mạng.
Bật LLDP	Tắt* Bật	Hiển thị trạng thái mạng trên màn hình chính.

Lưu ý: Dấu hoa thị (\*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.

## Không dây

**Lưu ý:** Menu này chỉ khả dụng ở các máy in được kết nối với mạng Wi-Fi hoặc máy in có bộ điều hợp mạng không dây.

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
Thiết lập trên bảng điều khiển máy in	Chọn mạng	[Danh sách các mạng không dây khả dụng]	Xác định mạng không dây mà máy in kết nối.
	Thêm mạng Wi-Fi	Tên mạng Chế độ mạng (Cơ sở hạ tầng*) Chế độ bảo mật không dây (Đã tắt*)	Nhập thủ công tên mạng và loại mạng.
Thiết lập Wi-Fi bảo mật	Không áp dụng	Bắt đầu phương pháp nút nhấn Bắt đầu phương pháp mã PIN	Thiết lập mạng Wi-Fi và bật bảo mật mạng. <b>Lưu ý:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Bắt đầu phương pháp nút nhấn</b> kết nối máy in với mạng Wi-Fi khi các nút trên cả máy in và điểm truy cập (bộ định tuyến không dây) được ấn trong một khoảng thời gian nhất định.</li> <li>• <b>Bắt đầu phương pháp mã PIN</b> kết nối máy in với mạng Wi-Fi khi một mã PIN trên máy in được nhập vào cài đặt không dây của điểm truy cập.</li> </ul>
Chế độ mạng	Không áp dụng	Loại BSS Cơ sở hạ tầng*	Xác định chế độ mạng.
Khả năng tương thích	Không áp dụng	802.11b/g/n (2.4GHz)* 802.11a/b/g/n/ac (2,4GHz/5GHz) 802.11a/n/ac (5GHz)	Xác định tiêu chuẩn cho mạng Wi-Fi. <b>Lưu ý:</b> 802.11a/b/g/n/ac (2.4GHz/5GHz) và 802.11a/n/ac (5GHz) chỉ xuất hiện khi một tùy chọn Wi-Fi được cài đặt.
Chế độ bảo mật không dây	Không áp dụng	Đã tắt* WPA2/WPA - Cá nhân WPA2 - Cá nhân WPA3/WPA - Cá nhân WPA3 - Cá nhân 802.1x - BÁN KÍNH	Đặt chế độ bảo mật để kết nối máy in với thiết bị Wi-Fi.
WPA2/WPA Cá nhân	Không áp dụng	AES	Bật bảo mật Wi-Fi thông qua Wi-Fi Protected Access (WPA). <b>Lưu ý:</b> Mục menu này chỉ xuất hiện khi chế độ bảo mật không dây được đặt thành WPA2/WPA - Cá nhân.
Đặt PSK	Không áp dụng	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Đặt mật khẩu cho kết nối Wi-Fi an toàn.
WPA2 - Cá nhân	Không áp dụng	AES	Bật bảo mật Wi-Fi thông qua WPA2. <b>Lưu ý:</b> Mục menu này chỉ xuất hiện khi chế độ bảo mật không dây được đặt thành WPA2 - Cá nhân.

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
<b>Chế độ mã hóa 802.1x</b>	Không áp dụng	<b>WPA+</b> <b>WPA2*</b>	Bật bảo mật Wi-Fi thông qua chuẩn 802.1x. <b>Lưu ý:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>Mục menu này chỉ xuất hiện khi <b>chế độ bảo mật không dây</b> được đặt thành <b>802.1x - BÁN KÍNH</b>.</li> <li>Chỉ có thể đặt cấu hình <b>802.1x - BÁN KÍNH</b> từ Máy chủ web nhúng.</li> </ul>
<b>IPv4</b>	<b>Bật DHCP</b>	<b>Bật*</b> <b>Tắt</b>	Bật và đặt cấu hình cài đặt IPv4 trong máy in.
	<b>Đặt địa chỉ IP tĩnh</b>	<b>Địa chỉ IP</b> <b>Mật nạ mạng</b> <b>Cổng</b>	
<b>IPv6</b>	<b>Bật IPv6</b>	<b>Bật*</b> <b>Tắt</b>	Bật và đặt cấu hình cài đặt IPv6 trong máy in.
	<b>Bật DHCPv6</b>	<b>Bật</b> <b>Tắt*</b>	
	<b>Tự động cấu hình địa chỉ không giữ trạng thái</b>	<b>Bật*</b> <b>Tắt</b>	
	<b>Địa chỉ máy chủ DNS</b>	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	
	<b>Địa chỉ IPv6 được gán thủ công</b>	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	
	<b>Bộ định tuyến IPv6 được gán thủ công</b>	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	
	<b>Tiền tố địa chỉ</b>	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	
	<b>Tắt cả địa chỉ IPv6</b>	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	
<b>Tắt cả địa chỉ bộ định tuyến IPv6</b>	Đây là cài đặt do người dùng xác định.		
<b>Địa chỉ mạng</b>	Không áp dụng	<b>UAA</b> <b>LAA</b>	Xem địa chỉ mạng.
<b>PCL SmartSwitch</b>	Không áp dụng	<b>Tắt</b> <b>Bật*</b>	Đặt máy in tự động chuyển sang mô phỏng PCL khi một lệnh in yêu cầu, không phụ thuộc vào ngôn ngữ máy in mặc định. <b>Lưu ý:</b> Nếu <b>PCL SmartSwitch</b> được đặt thành <b>Tắt</b> , máy in sẽ không kiểm tra dữ liệu đến và sử dụng ngôn ngữ mặc định của máy in được xác định trong menu <b>Thiết lập</b> .

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
<b>PS SmartSwitch</b>	Không áp dụng	<b>Tắt</b> <b>Bật*</b>	Đặt máy in tự động chuyển sang mô phỏng PS khi một lệnh in yêu cầu, không phụ thuộc vào ngôn ngữ máy in mặc định. <b>Lưu ý:</b> Nếu <b>PS SmartSwitch</b> được đặt thành <b>Tắt</b> , máy in sẽ không kiểm tra dữ liệu đến và sử dụng ngôn ngữ mặc định của máy in được xác định trong menu <b>Thiết lập</b> .
<b>Lưu lệnh vào vùng đệm</b>	Không áp dụng	<b>Bật</b> <b>Tắt*</b>	Tạm thời lưu trữ lệnh in trong ổ lưu trữ trước khi in. <b>Lưu ý:</b> Mục menu này chỉ xuất hiện khi bạn lắp thiết bị lưu trữ.
<b>Mac Binary PS</b>	Không áp dụng	<b>Tự động*</b> <b>Bật</b> <b>Tắt</b>	Đặt máy in để xử lý lệnh in mô phỏng PostScript nhị phân Macintosh. <b>Lưu ý:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>Nếu <b>Bật</b>, máy in sẽ xử lý lệnh in mô phỏng PostScript nhị phân thô.</li> <li><b>Tắt</b> lọc lệnh in bằng giao thức tiêu chuẩn.</li> </ul>

## Wi-Fi Direct

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
<b>Bật Wi-Fi Direct</b>	<b>Bật</b> <b>Tắt*</b>	Đặt máy in để kết nối trực tiếp với các thiết bị Wi-Fi.
<b>Tên Wi-Fi Direct</b>	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định tên của mạng Wi-Fi Direct.
<b>Mật khẩu Wi-Fi Direct</b>	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Đặt mật khẩu để xác thực người dùng kết nối Wi-Fi.
<b>Hiển thị mật khẩu trên trang thiết lập</b>	<b>Tắt</b> <b>Bật*</b>	Hiển thị <b>mật khẩu Wi-Fi Direct</b> trên <b>Trang thiết lập mạng</b> .
<b>Mã kênh ưu tiên</b>	1–11 <b>Tự động*</b>	Đặt kênh ưu tiên của mạng Wi-Fi.
<b>Địa chỉ IP chủ nhóm</b>	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định địa chỉ IP của chủ nhóm.
<b>Tự động chấp nhận yêu cầu nút nhấn</b>	<b>Tắt*</b> <b>Bật</b>	Tự động chấp nhận yêu cầu kết nối mạng. <b>Lưu ý:</b> Việc tự động chấp nhận máy khách không đảm bảo an toàn.

**Lưu ý:** Dấu hoa thị (\*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.

## Quản lý dịch vụ di động

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
<b>Bật IPP Print</b>	<b>Bật*</b> <b>Tắt</b>	Cho phép máy in mạng thực hiện lệnh in bằng Giao thức in Internet (IPP).
<b>Bật IPP qua USB</b>	<b>Bật*</b> <b>Tắt</b>	Cho phép máy in USB thực hiện tác vụ in bằng IPP. <b>Lưu ý:</b> IPP thường được thiết kế dành cho máy in mạng.
<b>Bật khám phá Mopria</b>	<b>Bật*</b> <b>Tắt</b>	Cho phép thiết bị di động khám phá máy in được Mopria™ chứng nhận.
<b>Lưu ý:</b> Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.		

## Ethernet

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
<b>Tốc độ mạng</b>	Không áp dụng	Cài đặt này là thông tin chỉ đọc.	Hiển thị tốc độ của bộ điều hợp mạng hoạt động.
<b>IPv4</b>	<b>Bật DHCP</b>	<b>Bật*</b> <b>Tắt</b>	Đặt cấu hình cài đặt IPv4. <b>Lưu ý:</b> Đây là cài đặt do người dùng xác định.
	<b>Đặt địa chỉ IP tĩnh</b>	<b>Địa chỉ IP</b> <b>Mặt nạ mạng</b> <b>Cổng</b>	
<b>IPv6</b>	<b>Bật IPv6</b>	<b>Bật*</b> <b>Tắt</b>	Đặt cấu hình cài đặt IPv6.
	<b>Bật DHCPv6</b>	<b>Tắt*</b> <b>Bật</b>	
	<b>Tự động cấu hình địa chỉ không giữ trạng thái</b>	<b>Bật*</b> <b>Tắt</b>	
	<b>Địa chỉ máy chủ DNS</b>	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	
	<b>Địa chỉ IPv6 được gán thủ công</b>	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	
	<b>Bộ định tuyến IPv6 được gán thủ công</b>	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	
	<b>Tiền tố địa chỉ (64*)</b>	<b>0–128 (64*)</b>	
	<b>Tắt cả địa chỉ IPv6</b>	Cài đặt này là thông tin chỉ đọc.	
	<b>Tắt cả địa chỉ bộ định tuyến IPv6</b>	Cài đặt này là thông tin chỉ đọc.	
<b>Lưu ý:</b> Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.			

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
<b>Địa chỉ mạng</b>	Không áp dụng	<b>UAA</b> <b>LAA</b>	Xác định địa chỉ mạng.
<b>PCL SmartSwitch</b>	Không áp dụng	<b>Tắt</b> <b>Bật*</b>	Đặt máy in tự động chuyển sang mô phỏng PCL khi một lệnh in yêu cầu, không phụ thuộc vào ngôn ngữ máy in mặc định. <b>Lưu ý:</b> Nếu cài đặt này đã tắt, máy in sẽ không kiểm tra dữ liệu đến và sử dụng ngôn ngữ mặc định của máy in được xác định trong menu <b>Thiết lập</b> .
<b>PS SmartSwitch</b>	Không áp dụng	<b>Tắt</b> <b>Bật*</b>	Đặt máy in tự động chuyển sang mô phỏng PostScript khi lệnh in yêu cầu, bất kể ngôn ngữ mặc định của máy in là gì. <b>Lưu ý:</b> Nếu cài đặt này đã tắt, máy in sẽ không kiểm tra dữ liệu đến và sử dụng ngôn ngữ mặc định của máy in được xác định trong menu <b>Thiết lập</b> .
<b>Lưu lệnh vào vùng đệm</b>	Không áp dụng	<b>Tắt*</b> <b>Bật</b>	Tạm thời lưu trữ lệnh trong ổ lưu trữ trước khi in. <b>Lưu ý:</b> Mục menu này chỉ xuất hiện khi bạn lắp ổ lưu trữ.
<b>Mac Binary PS</b>	Không áp dụng	<b>Tự động*</b> <b>Tắt</b> <b>Bật</b>	Đặt máy in để xử lý lệnh in mô phỏng PostScript nhị phân Macintosh. <b>Lưu ý:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Tự động</b> xử lý các lệnh in từ máy tính sử dụng hệ điều hành Windows hoặc Macintosh.</li> <li>• Tùy chọn <b>Tắt</b> sẽ lọc các lệnh in mô phỏng PostScript sử dụng giao thức tiêu chuẩn.</li> </ul>
<b>Ethernet tiết kiệm năng lượng</b>	Không áp dụng	<b>Bật</b> <b>Tắt</b> <b>Tự động*</b>	Giảm mức tiêu thụ điện khi máy in không nhận dữ liệu từ mạng Ethernet.

**Lưu ý:** Dấu hoa thị (\*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.

## TCP/IP

**Lưu ý:** Menu này chỉ xuất hiện trong các máy in mạng hoặc máy in kết nối với máy chủ in.

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
<b>Đặt tên máy chủ</b>	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Đặt tên máy chủ TCP/IP hiện tại.
<b>Tên miền</b>	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Đặt tên miền.
<b>Cho phép DHCP/BOOTP cập nhật máy chủ NTP</b>	<b>Bật*</b> <b>Tắt</b>	Cho phép máy khách Dynamic Host Configuration Protocol (DHCP) và BOOTstrap Protocol (BOOTP) cập nhật cài đặt NTP của máy in.
<b>Tên cấu hình không</b>	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định tên dịch vụ cho mạng cấu hình không.

**Lưu ý:** Dấu hoa thị (\*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Bật IP tự động	Tắt Bật*	Gán địa chỉ IP tự động.
Địa chỉ máy chủ DNS	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định địa chỉ máy chủ Hệ thống phân giải tên miền (DNS) hiện tại.
Sao lưu địa chỉ máy chủ DNS	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định địa chỉ máy chủ DNS dự phòng.
Sao lưu địa chỉ máy chủ DNS 2		
Sao lưu địa chỉ máy chủ DNS 3		
Thứ tự tìm kiếm tên miền	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định danh sách tên miền để định vị máy in và tài nguyên của máy in nằm trong các tên miền khác nhau trên mạng.
Bật DDNS	Tắt* Bật	Cập nhật cài đặt DNS động.
DDNS TTL	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định cài đặt DDNS hiện tại.
TTL mặc định		
Thời gian làm mới DDNS		
Bật mDNS	Tắt Bật*	Cập nhật cài đặt DNS đa hướng.
Địa chỉ máy chủ WINS	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định địa chỉ máy chủ cho Dịch vụ tên Internet Windows (WINS).
Bật BOOTP	Tắt* Bật	Cho phép BOOTP gán địa chỉ IP máy in.
Danh sách máy chủ bị hạn chế	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định các địa chỉ IP được phép giao tiếp với máy in qua TCP/IP. <b>Lưu ý:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>Sử dụng dấu phẩy để phân tách từng địa chỉ IP.</li> <li>Bạn có thể thêm tối đa 50 địa chỉ IP.</li> </ul>
Tùy chọn danh sách máy chủ bị hạn chế	Chặn tất cả các cổng* Chỉ chặn in Chỉ chặn in và HTTP	Xác định tùy chọn truy cập cho các địa chỉ IP không có trong danh sách.
MTU	256-1500 Ethernet (1500*)	Xác định tham số đơn vị truyền tối đa (MTU) cho các kết nối TCP.
Cổng in thô	1-65535 (9100*)	Xác định số cổng thô cho các máy in được kết nối trên một mạng.
Tốc độ tối đa lưu lượng đi	Tắt* Bật	Đặt tốc độ truyền tối đa của máy in. <b>Lưu ý:</b> Khi được bật, tùy chọn cho cài đặt này là 100 – 1000000 Kilobit/giây.
<b>Lưu ý:</b> Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.		



Mục menu	Cài đặt	Mô tả
<b>Hỗ trợ TLS</b>	<b>Bật TLSv1.0 (Tắt*)</b> <b>Bật TLSv1.1 (Tắt*)</b> <b>Bật TLSv1.2 (Bật*)</b>	Bật giao thức Bảo mật tầng truyền tải.
<b>Danh sách mật mã SSL</b>	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định thuật toán mã hóa để sử dụng cho kết nối SSL hoặc TLS.
<b>Danh sách mật mã TLSv1.3 SSL</b>		
<b>Lưu ý:</b> Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.		

## SNMP

**Lưu ý:** Menu này chỉ xuất hiện trong các máy in mạng hoặc máy in kết nối với máy chủ in.

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
<b>SNMP phiên bản 1 và 2c</b>	<b>Đã bật</b>	<b>Tắt</b> <b>Bật*</b>	Đặt cấu hình Giao thức quản lý mạng đơn giản (SNMP) phiên bản 1 và 2c để cài đặt trình điều khiển và ứng dụng in.
	<b>Cho phép cài đặt SNMP</b>	<b>Tắt</b> <b>Bật*</b>	
	<b>Bật PPM MIB</b>	<b>Tắt</b> <b>Bật*</b>	
	<b>Cộng đồng SNMP</b>	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	
<b>SNMP phiên bản 3</b>	<b>Đã bật</b>	<b>Tắt</b> <b>Bật*</b>	Cho phép SNMP phiên bản 3 cài đặt và cập nhật bảo mật máy in.
	<b>Tên ngữ cảnh</b>	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Nhập tên ngữ cảnh.
	<b>Cài đặt thông tin đăng nhập đọc/ghi</b>	<b>Tên người dùng</b> <b>Mật khẩu xác thực</b> <b>Mật khẩu riêng tư</b>	Nhập thông tin đăng nhập đọc và ghi cho SNMP phiên bản 3.
	<b>Cài đặt thông tin đăng nhập chỉ đọc</b>	<b>Tên người dùng</b> <b>Mật khẩu xác thực</b> <b>Mật khẩu riêng tư</b>	Nhập thông tin đăng nhập chỉ đọc cho SNMP phiên bản 3.
	<b>Hàm băm xác thực</b>	<b>MD5</b> <b>SHA1*</b>	Đặt hàm băm xác thực áp dụng.
	<b>Cấp xác thực tối thiểu</b>	<b>Không xác thực, không bảo mật</b> <b>Xác thực, không bảo mật</b> <b>Xác thực, bảo mật*</b>	Đặt cấp xác thực tối thiểu áp dụng.
	<b>Thuật toán bảo mật</b>	<b>DES</b> <b>AES-128*</b>	Đặt thuật toán bảo mật áp dụng.
<b>Lưu ý:</b> Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.			

## IPSec

**Lưu ý:** Menu này chỉ xuất hiện trong các máy in mạng hoặc máy in kết nối với máy chủ in.

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
<b>Bật IPSec</b>	<b>Tắt*</b> <b>Bật</b>	Bật Bảo mật giao thức internet (IPSec).
<b>Cấu hình cơ sở</b>	<b>Mặc định*</b> <b>Khả năng tương thích</b> <b>Bảo mật</b>	Cài đặt cấu hình cơ sở IPSec. <b>Lưu ý:</b> Mục menu này chỉ xuất hiện khi cài đặt <b>Bật IPSec</b> thành <b>Bật</b> .
<b>Đề xuất nhóm DH (Diffie-Hellman)</b>	modp2048 (14)* modp3072 (15) modp4096 (16) modp6144 (17)	Cài đặt cấu hình cơ sở IPSec. <b>Lưu ý:</b> Mục menu này chỉ xuất hiện khi đặt <b>Cấu hình cơ sở</b> thành <b>Khả năng tương thích</b> .
<b>Phương pháp mã hóa đề xuất</b>	3DES AES*	Đặt phương pháp mã hóa. <b>Lưu ý:</b> Mục menu này chỉ xuất hiện khi đặt <b>Cấu hình cơ sở</b> thành <b>Khả năng tương thích</b> .
<b>Phương pháp xác thực đề xuất</b>	SHA1 SHA256* SHA512	Đặt phương thức xác thực. <b>Lưu ý:</b> Mục menu này chỉ xuất hiện khi đặt <b>Cấu hình cơ sở</b> thành <b>Khả năng tương thích</b> .
<b>Tuổi thọ IKE SA (giờ)</b>	1 2 4 8 24*	Xác định thời hạn IKE SA. <b>Lưu ý:</b> Mục menu này chỉ xuất hiện khi đặt <b>Cấu hình cơ sở</b> thành <b>Bảo mật</b> .
<b>Tuổi thọ IPSec SA (giờ)</b>	1 2 4 8 24*	Xác định thời hạn IPSec SA. <b>Lưu ý:</b> Mục menu này chỉ xuất hiện khi đặt <b>Cấu hình cơ sở</b> thành <b>Bảo mật</b> .
<b>Chứng chỉ thiết bị IPSec</b>	<b>mặc định*</b>	Xác định chứng chỉ IPSec. <b>Lưu ý:</b> Mục menu này chỉ xuất hiện khi cài đặt <b>Bật IPSec</b> thành <b>Bật</b> .
<b>Kết nối được xác thực bằng khóa chia sẻ trước</b>	<b>Máy chủ [x]</b>	Đặt cấu hình kết nối đã xác thực của máy in. <b>Lưu ý:</b> Các mục menu này chỉ xuất hiện khi đặt <b>Bật IPSec</b> thành <b>Bật</b> .
<b>Kết nối được xác thực bằng chứng chỉ</b>	<b>Máy chủ [x] Địa chỉ/[mạng phụ]</b>	

**Lưu ý:** Dấu hoa thị (\*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.

## 802.1x

**Lưu ý:** Menu này chỉ xuất hiện trong các máy in mạng hoặc máy in kết nối với máy chủ in.

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
<b>Hoạt động</b>	Không áp dụng	<b>Tắt*</b> <b>Bật</b>	Cho phép máy in kết nối với các mạng cần xác thực trước khi cho phép truy cập.
<b>Xác thực 802.1x</b>	<b>Tên đăng nhập thiết bị</b>	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định tên đăng nhập duy nhất.
	<b>Mật khẩu đăng nhập thiết bị</b>	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định mật khẩu duy nhất.
	<b>Xác thực chứng chỉ máy chủ</b>	<b>Bật*</b> <b>Tắt</b>	Bật tùy chọn này để yêu cầu xác minh chứng chỉ bảo mật trên máy chủ xác thực.
	<b>Bật ghi nhật ký sự kiện</b>	<b>Bật</b> <b>Tắt*</b>	Cho phép máy in ghi nhật ký kết nối.
	<b>Chứng chỉ thiết bị 802.1x</b>	<b>mặc định*</b>	Chọn chứng chỉ kỹ thuật số mà bạn muốn sử dụng. <b>Lưu ý:</b> Nếu bạn chỉ cài đặt một chứng chỉ thì tùy chọn <b>mặc định</b> sẽ là tùy chọn duy nhất xuất hiện.
<b>Cơ chế xác thực</b>	<b>EAP - MD5</b>	<b>Bật*</b> <b>Tắt</b>	Bật khuôn khổ Extensible Authentication Protocol (EAP) MD5.
	<b>EAP - MSCHAPv2</b>	<b>Bật*</b> <b>Tắt</b>	Bật phương pháp xác thực EAP Microsoft Challenge Handshake Authentication Protocol (MSCHAP) phiên bản 2.
	<b>LEAP</b>	<b>Bật*</b> <b>Tắt</b>	Bật Lightweight Extensible Authentication Protocol (LEAP), phiên bản sửa đổi của MSCHAP.
	<b>PEAP</b>	<b>Bật*</b> <b>Tắt</b>	Bật Protected Extensible Authentication Protocol (PEAP), một phương pháp xác thực an toàn hơn cho 802.11 WLAN. PEAP hỗ trợ kiểm soát quyền truy cập cổng 802.1x.
	<b>EAP - TLS</b>	<b>Bật*</b> <b>Tắt</b>	Bật EAP Transport Layer Security (TLS), một giao thức trong đó máy khách và máy chủ xác thực lẫn nhau bằng chứng chỉ kỹ thuật số.
	<b>EAP - TTLS</b>	<b>Bật*</b> <b>Tắt</b>	Bật EAP tunneled Transport Layer Security (TLS), một giao thức tương tự như EAP_TLS ngoại trừ việc chỉ máy chủ mới có chứng chỉ để xác thực chính nó với máy khách trước.
	<b>Phương pháp xác thực TTLS</b>	<b>CHAP</b> <b>MSCHAP</b> <b>MSCHAPv2*</b> <b>PAP</b>	Chọn phương pháp EAP TTLS sẽ sử dụng cho thiết bị của bạn.

**Lưu ý:** Dấu hoa thị (\*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.

## Cấu hình LPD

**Lưu ý:** Menu này chỉ xuất hiện trong các máy in mạng hoặc máy in kết nối với máy chủ in.

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Thời gian chờ LPD	0–65535 giây (90*)	Đặt giá trị thời gian chờ để dừng máy chủ Daemon máy in dòng (LPD) chờ vô thời hạn đối với các lệnh in bị treo hoặc không hợp lệ.
Phần đầu trang LPD	Tắt* Bật	In phần đầu trang cho tất cả lệnh in LPD. <b>Lưu ý:</b> Phần đầu trang là trang đầu tiên của lệnh in được sử dụng làm trang phân tách cho các lệnh in và xác định người khởi tạo yêu cầu lệnh in.
Trang cuối LPD	Tắt* Bật	In trang cuối cho tất cả lệnh in LPD. <b>Lưu ý:</b> Trang cuối là trang cuối cùng của một lệnh in.
Chuyển đổi trở về đầu dòng LPD	Tắt* Bật	Bật chuyển đổi trở về đầu dòng. <b>Lưu ý:</b> Trở về đầu dòng là cơ chế ra lệnh cho máy in di chuyển vị trí của con trỏ đến vị trí đầu tiên trên cùng một dòng.
<b>Lưu ý:</b> Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.		

## Cài đặt HTTP/FTP

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
Proxy	Địa chỉ IP proxy HTTP	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Đặt cấu hình cài đặt máy chủ HTTP.
	Cổng IP mặc định HTTP	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Đặt cấu hình địa chỉ cổng IP mặc định HTTP. <b>Lưu ý:</b> Cổng mặc định gốc cho HTTP là 80.
	Địa chỉ IP proxy FTP	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Cấu hình cài đặt FTP.
	Cổng IP mặc định FTP	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Đặt cấu hình địa chỉ cổng IP mặc định FTP. <b>Lưu ý:</b> Cổng mặc định gốc cho HTTP là 21.
	Xác thực	Không có Tự động* Cơ bản Tóm tắt NTLM	Xác định thông tin đăng nhập xác thực.
	Tên người dùng	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định tên người dùng duy nhất.
	Mật khẩu	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định mật khẩu duy nhất.
	Tên miền cục bộ	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định tên miền cho máy chủ HTTP và FTP.
<b>Lưu ý:</b> Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.			

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
Cài đặt khác	Bật máy chủ HTTP	Bật* Tắt	Truy cập Máy chủ web nhúng để giám sát và quản lý máy in.
	Bật HTTPS	Bật* Tắt	Bật Bảo mật giao thức truyền siêu văn bản (HTTPS) để mã hóa dữ liệu truyền đến và từ máy chủ in.
	Buộc kết nối HTTPS	Bật Tắt*	Bắt buộc máy in sử dụng kết nối HTTPS.
	Bật FTP/TFTP	Bật* Tắt	Gửi tập tin bằng FTP/TFTP.
	Chứng chỉ thiết bị HTTPS	mặc định*	Xem chứng chỉ thiết bị HTTP được sử dụng trên máy in.
	Thời gian chờ yêu cầu HTTP/FTP	1–299 giây (30*)	Xác định khoảng thời gian trước khi kết nối máy chủ dừng lại.
	Lần thử lại cho yêu cầu HTTP/FTP	1–299 giây (3*)	Đặt số lần thử lại để kết nối với máy chủ HTTP/FTP.
<b>Lưu ý:</b> Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.			

## ThinPrint

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Bật ThinPrint	Tắt* Bật	In bằng ThinPrint.
Số cổng	4000–4999 (4000*)	Đặt số cổng cho máy chủ ThinPrint.
Băng thông (bit/giây)	100–1000000 (0*)	Đặt tốc độ truyền dữ liệu trong môi trường ThinPrint.
Kích thước gói (kbyte)	0–64000 (0*)	Đặt kích thước gói để truyền dữ liệu.
<b>Lưu ý:</b> Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.		

## USB

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
PCL SmartSwitch	Tắt Bật*	Đặt máy in chuyển sang mô phỏng PCL khi có yêu cầu từ một lệnh in nhận được qua cổng USB, bất kể ngôn ngữ mặc định của máy in. <b>Lưu ý:</b> Nếu cài đặt này đã tắt, máy in sẽ không kiểm tra dữ liệu đến và sử dụng ngôn ngữ mặc định của máy in được xác định trong menu <b>Thiết lập</b> .
PS SmartSwitch	Tắt Bật*	Đặt máy in chuyển sang mô phỏng PostScript khi nhận được lệnh in qua cổng USB yêu cầu chuyển, bất kể ngôn ngữ mặc định của máy in là gì. <b>Lưu ý:</b> Nếu cài đặt này đã tắt, máy in sẽ không kiểm tra dữ liệu đến và sử dụng ngôn ngữ mặc định của máy in được xác định trong menu <b>Thiết lập</b> .
Lưu lệnh vào vùng đệm	Tắt* Bật	Tạm thời lưu trữ lệnh trong ổ lưu trữ trước khi in. <b>Lưu ý:</b> Mục menu này chỉ xuất hiện khi bạn lắp ổ lưu trữ.
<b>Lưu ý:</b> Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.		

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
<b>Mac Binary PS</b>	<b>Tự động*</b> <b>Bật</b> <b>Tắt</b>	Đặt máy in để xử lý lệnh in mô phỏng PostScript nhị phân Macintosh. <b>Lưu ý:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Tự động</b> xử lý các lệnh in từ máy tính sử dụng hệ điều hành Windows hoặc Macintosh.</li> <li>• Tùy chọn <b>Tắt</b> sẽ lọc các lệnh in mô phỏng PostScript sử dụng giao thức tiêu chuẩn.</li> </ul>
<b>Bật cổng USB</b>	<b>Tắt</b> <b>Bật*</b>	Bật cổng ổ USB phía trước và phía sau.
<b>Lưu ý:</b> Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.		

## Hạn chế quyền truy cập mạng bên ngoài

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
<b>Hạn chế quyền truy cập mạng bên ngoài</b>	<b>Tắt*</b> <b>Bật</b>	Hạn chế quyền truy cập vào các trang mạng.
<b>Địa chỉ mạng bên ngoài</b>	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định các địa chỉ mạng có quyền truy cập bị hạn chế.
<b>Địa chỉ email để thông báo</b>	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định địa chỉ email để gửi thông báo về các sự kiện đã ghi nhật ký.
<b>Tần suất ping</b>	<b>1–300 (10*)</b>	Xác định khoảng thời gian truy vấn mạng tính bằng giây.
<b>Chủ đề</b>	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định chủ đề và nội dung email thông báo.
<b>Thông báo</b>		
<b>Lưu ý:</b> Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.		

# Bảo mật

## Phương thức đăng nhập

### Quản lý quyền

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Truy cập chức năng	Truy cập số địa chỉ trong ứng dụng Sửa đổi số địa chỉ Quản lý phím tắt Tạo hồ sơ Quản lý dấu trang In ổ flash In màu ổ flash Quyền truy cập lệnh đã tạm dừng Sử dụng hồ sơ Hủy lệnh trên thiết bị Thay đổi ngôn ngữ Giao thức in Internet (IPP) Khởi tạo quét từ xa In đen trắng In màu	Xác định chức năng máy in mà người dùng có thể truy cập. <b>Lưu ý:</b> Một số mục menu chỉ xuất hiện khi bạn lắp ổ lưu trữ.
Menu quản trị	Menu bảo mật Menu mạng/cổng Menu giấy Menu báo cáo Menu cấu hình chức năng Menu vật tư Menu thẻ tùy chọn Menu SE Menu thiết bị	Kiểm soát quyền truy cập vào các cài đặt menu máy in.
Quản lý thiết bị	Quản lý từ xa Cập nhật phần mềm cơ sở Cấu hình ứng dụng Truy cập máy chủ web nhúng Nhập/xuất tất cả cài đặt Xóa ngoài dịch vụ Đăng ký dịch vụ đám mây	Xác định chức năng <b>Quản lý thiết bị</b> mà người dùng có thể truy cập.
Ứng dụng	Ứng dụng mới Bản trình chiếu Thay đổi hình nền Trình bảo vệ màn hình	Kiểm soát quyền truy cập vào các ứng dụng máy in.

## Tài khoản cục bộ

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
Quản lý nhóm/quyền	Thêm nhóm	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định nhóm có quyền truy cập vào các chức năng của máy in, menu quản trị, tùy chọn quản lý máy in và ứng dụng.
	Tắt cả người dùng	<b>Nhập kiểm soát quyền truy cập</b>	Nhập kiểm soát quyền truy cập từ tài khoản đã đăng ký trong máy in.
Thêm người dùng	Tên người dùng/mật khẩu Tên người dùng Mật khẩu PIN	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Thêm người dùng và xác định phương thức đăng nhập vào máy in.

## Phương thức đăng nhập mặc định

Lưu ý: Menu này chỉ xuất hiện khi bạn đặt cấu hình menu **Tài khoản cục bộ**.

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Bảng điều khiển	Tên người dùng/mật khẩu Tên người dùng Mật khẩu PIN	Chỉ định phương thức đăng nhập mặc định để truy cập bảng điều khiển.
Trình duyệt	Tên người dùng/mật khẩu Tên người dùng Mật khẩu PIN	Chỉ định phương thức đăng nhập mặc định để truy cập trình duyệt.

## Lên lịch thiết bị USB

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
Lịch	Thêm lịch mới	Lưu lịch Thao tác Ngày Thời gian	Lên lịch truy cập vào cổng USB phía trước.

## Nhật ký kiểm tra bảo mật

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Bật kiểm tra	Tắt* Bật	Đặt máy in để ghi lại các sự kiện trong nhật ký kiểm tra bảo mật và nhật ký hệ thống từ xa.
Bật nhật ký hệ thống từ xa	Tắt* Bật	Đặt máy in để gửi nhật ký kiểm tra đến máy chủ từ xa.

**Lưu ý:** Dấu hoa thị (\*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.



Mục menu	Cài đặt	Mô tả
<b>Máy chủ nhật ký hệ thống từ xa</b>	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định máy chủ nhật ký hệ thống từ xa.
<b>Cổng nhật ký hệ thống từ xa</b>	1-65535 (514*)	Xác định cổng mà máy in gửi các sự kiện đã ghi nhật ký đến máy chủ từ xa.
<b>Phương pháp nhật ký hệ thống từ xa</b>	UDP thông thường* Stunnel	Xác định giao thức mà máy in sử dụng để truyền các sự kiện đã ghi nhật ký đến máy chủ từ xa.
<b>Cơ sở nhật ký hệ thống từ xa</b>	0 - Thông báo chính 1 - Thông báo cấp người dùng 2 - Hệ thống thư 3 - Daemon hệ thống 4 - Thông báo bảo mật/ủy quyền* 5 - Thông báo do nhật ký hệ thống tạo nội bộ 6 - Hệ thống con máy in dòng 7 - Hệ thống con tin tức mạng 8 - Hệ thống con UUCP 9 - Daemon đồng hồ 10 - Thông báo bảo mật/ủy quyền 11 - Daemon FTP 12 - Hệ thống con NTP 13 - Kiểm tra nhật ký 14 - Cảnh báo nhật ký 15 - Daemon đồng hồ 16 - Sử dụng cục bộ 0 (local0) 17 - Sử dụng cục bộ 1 (local1) 18 - Sử dụng cục bộ 2 (local2) 19 - Sử dụng cục bộ 3 (local3) 20 - Sử dụng cục bộ 4 (local4) 21 - Sử dụng cục bộ 5 (local5) 22 - Sử dụng cục bộ 6 (local6) 23 - Sử dụng cục bộ 7 (local7)	Xác định giá trị Cơ sở mà máy in sử dụng khi gửi sự kiện nhật ký đến máy chủ nhật ký hệ thống từ xa.
<b>Mức độ nghiêm trọng của sự kiện cần ghi nhật ký</b>	0 - Khẩn cấp 1 - Cảnh báo 2 - Nghiêm trọng 3 - Lỗi 4 - Cảnh báo* 5 - Lưu ý 6 - Thông tin 7 - Gỡ lỗi	Xác định giá trị mức độ nghiêm trọng của từng sự kiện.
<b>Sự kiện không được ghi bởi nhật ký hệ thống từ xa</b>	Tắt* Bật	Đặt máy in để gửi các sự kiện liên quan.
<b>Địa chỉ email của quản trị viên</b>	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định địa chỉ email của quản trị viên máy in để nhận thông báo về một số sự kiện nhật ký cụ thể.

**Lưu ý:** Dấu hoa thị (\*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Gửi email cảnh báo xóa nhật ký	Tắt* Bật	Đặt máy in để gửi email đến quản trị viên mỗi khi xóa nhật ký.
Gửi email cảnh báo ghi đè nhật ký	Tắt* Bật	Đặt máy in để gửi email đến quản trị viên khi ghi đè các mục nhật ký.
Thao tác khi đầy nhật ký	Ghi đè mục nhập cũ nhất* Gửi email nhật ký, sau đó xóa tất cả mục nhập	Xác định cách máy in giải quyết sự cố lưu trữ nhật ký khi bộ nhớ được phân bổ để lưu trữ nhật ký đầy.
Gửi email cảnh báo % đầy	Tắt* Bật	Đặt máy in để gửi email đến quản trị viên khi bộ nhớ được phân bổ để lưu trữ nhật ký đầy.
Mức cảnh báo % lấp đầy	1–99 (90*)	Xác định xem dung lượng lưu trữ nhật ký có bằng hoặc vượt quá giá trị của mức cảnh báo đầy hay không.
Gửi email cảnh báo xuất nhật ký	Tắt* Bật	Gửi email thông báo đến quản trị viên khi xuất nhật ký.
Gửi email cảnh báo thay đổi cài đặt nhật ký	Tắt* Bật	Đặt máy in để gửi email đến quản trị viên khi giá trị của menu <b>Bật kiểm tra</b> thay đổi.
Kết thúc dòng nhật ký	LF (\n)* CR (\r) CRLF (\r\n)	Xác định cách máy in xử lý kết thúc dòng trong tập tin nhật ký, tùy thuộc vào hệ điều hành dùng để phân tích cú pháp hoặc xem tập tin.
Xuất chữ ký số	Tắt* Bật	Đặt máy in để tự động ký vào nhật ký bảo mật đã xuất.
Xóa nhật ký	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xóa tất cả nhật ký kiểm tra.
Xuất nhật ký	Nhật ký hệ thống (RFC 5424) Nhật ký hệ thống (RFC 3164) CSV	Xuất nhật ký từ máy in hoặc ổ flash.

**Lưu ý:** Dấu hoa thị (\*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.

## Giới hạn đăng nhập

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Số lần đăng nhập không thành công	1–10 (3*)	Xác định số lần đăng nhập không thành công trước khi người dùng bị khóa.
Khung thời gian đăng nhập không thành công	1–60 phút (5*)	Xác định khung thời gian cho phép giữa các lần đăng nhập không thành công trước khi người dùng bị khóa.
Thời gian khóa	1–60 phút (5*)	Xác định khoảng thời gian không được phép đăng nhập.
Thời gian chờ đăng nhập web	1–120 phút (10*)	Xác định khoảng thời gian mà một giao diện từ xa như trang web có thể không hoạt động trước khi người dùng tự động đăng xuất.

**Lưu ý:** Dấu hoa thị (\*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.

## Thiết lập in bảo mật

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
PIN không hợp lệ tối đa	2–10	Đặt giới hạn nhập mã PIN không hợp lệ. <b>Lưu ý:</b> Khi đạt đến giới hạn, các lệnh in cho tên người dùng đó sẽ bị xóa.
Thời hạn của lệnh bảo mật	Tắt* 1 giờ 4 giờ 24 giờ 72 giờ 1 tuần	Đặt thời gian hết hạn riêng cho từng lệnh tạm dừng trước khi máy in tự động xóa lệnh khỏi bộ nhớ. <b>Lưu ý:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>Các loại lệnh tạm dừng bao gồm lệnh <b>Bảo mật</b>, <b>Lập lại</b>, <b>Lưu trữ</b> và <b>Xác minh</b>.</li> <li>Nếu bạn thay đổi cài đặt thời gian hết hạn trong khi lệnh in bảo mật nằm trong bộ nhớ hoặc đĩa cứng của máy in, thì thời gian hết hạn cho các lệnh in đó sẽ không thay đổi thành giá trị mặc định mới.</li> <li>Nếu máy in bị tắt, tất cả lệnh in bí mật được giữ trong bộ nhớ máy in sẽ bị xóa.</li> </ul>
Thời hạn của lệnh lập lại	Tắt* 1 giờ 4 giờ 24 giờ 72 giờ 1 tuần	Đặt thời gian hết hạn cho lệnh in bạn muốn lập lại.
Thời hạn của lệnh xác minh	Tắt* 1 giờ 4 giờ 24 giờ 72 giờ 1 tuần	Đặt thời gian hết hạn để in một bản sao từ một lệnh cho bạn để kiểm tra chất lượng trước khi in các bản san còn lại.
Thời hạn của lệnh lưu trữ	Tắt* 1 giờ 4 giờ 24 giờ 72 giờ 1 tuần	Đặt thời gian hết hạn cho các lệnh in mà bạn muốn lưu trong máy in để in sau.
Yêu cầu tạm dừng tất cả lệnh	Tắt* Bật	Đặt máy in tạm dừng tất cả lệnh in.
Giữ tài liệu trùng lặp	Tắt* Bật	Đặt máy in giữ tất cả tài liệu có cùng tên tập tin.
<b>Lưu ý:</b> Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.		

## Mã hóa

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Bộ nhớ trong	Cài đặt này là thông tin chỉ đọc.	Hiển thị trạng thái mã hóa của bộ nhớ trong.
Đĩa cứng	Cài đặt này là thông tin chỉ đọc.	Hiển thị trạng thái mã hóa của đĩa cứng. <b>Lưu ý:</b> Mục menu này chỉ xuất hiện khi lắp đặt đĩa cứng.

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
<b>Ổ lưu trữ thông minh</b>	Cài đặt này là thông tin chỉ đọc.	Hiển thị trạng thái mã hóa của ổ lưu trữ thông minh (ISD). <b>Lưu ý:</b> Mục menu này chỉ xuất hiện khi lắp đặt ISD.

## Xóa tập tin dữ liệu tạm thời

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
<b>Được lưu trong bộ nhớ trên bo mạch</b>	<b>Tắt*</b> <b>Bật</b>	Đặt máy in để xóa tất cả dữ liệu của lệnh in khỏi bộ nhớ sau khi lệnh in hoàn tất.
<b>Được lưu trên đĩa cứng</b>	<b>Xóa 1 lần*</b> <b>Xóa 3 lần</b> <b>Xóa 7 lần</b>	Xác định phương thức máy in sẽ dùng để xóa tất cả dữ liệu của lệnh in khỏi đĩa cứng sau khi lệnh in hoàn tất. <b>Lưu ý:</b> Mục menu này chỉ xuất hiện khi đĩa cứng của máy in được cài đặt.
<b>Lưu ý:</b> Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.		

## Cài đặt giải pháp LDAP

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
<b>Theo dõi chuyển tiếp LDAP</b>	<b>Tắt*</b> <b>Bật</b>	Tìm kiếm các máy chủ khác nhau trong miền đối với tài khoản người dùng đã đăng nhập.
<b>Xác minh chứng chỉ LDAP</b>	<b>Có</b> <b>Không*</b>	Bật xác minh chứng chỉ LDAP.

## Khác

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
<b>Tính năng được bảo vệ</b>	<b>Hiển thị*</b> <b>Ẩn</b>	Hiển thị tất cả tính năng được bảo vệ bởi Kiểm soát truy cập chức năng (FAC) dù cho có quyền bảo mật của người dùng. <b>Lưu ý:</b> <b>Ẩn</b> chỉ hiển thị các tính năng được FAC bảo vệ mà người dùng có quyền truy cập.
<b>Quyền in</b>	<b>Tắt*</b> <b>Bật</b>	Yêu cầu người dùng đăng nhập trước khi in.
<b>Đăng nhập quyền in mặc định</b>	<b>Tên người dùng/mật khẩu*</b> <b>Tên người dùng</b>	Cài đặt đăng nhập mặc định cho <b>Quyền in</b> .
<b>Jumper đặt lại bảo mật</b>	<b>Bật quyền truy cập "Khách"*</b> <b>Không hiệu lực</b>	Xác định quyền truy cập của người dùng vào máy in. <b>Lưu ý:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li><b>Bật quyền truy cập "Khách"</b> cho phép mọi người truy cập vào tất cả khóa cạnh của máy in.</li> <li><b>Không hiệu lực</b> khiến bạn không thể truy cập vào máy in khi không có thông tin bảo mật cần thiết.</li> </ul>
<b>Lưu ý:</b> Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.		

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Sử dụng ổ lưu trữ thông minh cho dữ liệu người dùng	Tắt Bật*	Bật ổ lưu trữ thông minh để lưu trữ dữ liệu người dùng. <b>Lưu ý:</b> Mục menu này sẽ bị vô hiệu hóa khi bạn lắp đĩa cứng.
Độ dài mật khẩu tối thiểu	0–32 (0*)	Xác định độ dài mật khẩu tối thiểu dùng cho các tài khoản nội bộ, chẳng hạn như tài khoản sử dụng <b>Mật khẩu</b> và <b>Tên người dùng/mật khẩu</b> .
Bật hiển thị mật khẩu/mã PIN	Tắt Bật*	Hiển thị mật khẩu hoặc số nhận dạng cá nhân.
Cho phép mã hóa bộ nhớ dịch vụ bất biến	Tắt* Bật	Bật tính năng mã hóa bộ nhớ dịch vụ bất biến trong thiết bị của bạn. <b>Lưu ý:</b> Cài đặt này khả dụng nếu bạn tắt tùy chọn <b>Mã hóa bộ nhớ dịch vụ bất biến</b> .
<b>Lưu ý:</b> Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.		

## Dịch vụ đám mây

### Đăng ký dịch vụ đám mây

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Xem thêm thông tin	Cài đặt này là thông tin chỉ đọc.	Xem thêm thông tin về việc sử dụng Dịch vụ đám mây của Lexmark.
Cho phép giao tiếp với Dịch vụ đám mây của Lexmark	Tắt* Bật	Cho phép máy in giao tiếp với Dịch vụ đám mây của Lexmark.
Xem trạng thái hiện tại	Cài đặt này là thông tin chỉ đọc.	Xem trạng thái kết nối giữa máy in và Dịch vụ đám mây của Lexmark.
<b>Lưu ý:</b> Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.		

## Báo cáo

### Trang cài đặt menu

Mục menu	Mô tả
Trang cài đặt menu	In báo cáo có các menu của máy in.

### Thiết bị

Mục menu	Mô tả
Thông tin thiết bị	In báo cáo chứa thông tin về máy in.
Thống kê thiết bị	In báo cáo về tình trạng vật tư, số lượng giấy, thông tin lệnh, v.v.
Danh sách hồ sơ	In danh sách hồ sơ được lưu trữ trong máy in.

Mục menu	Mô tả
<b>Báo cáo thiết bị</b>	In công cụ chẩn đoán cho các sự cố in. <b>Lưu ý:</b> Để tránh cắt xén nội dung, hãy in báo cáo trên giấy Letter hoặc giấy khổ A4.

## In

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
<b>In phông chữ</b>	<b>Phông chữ PCL</b> <b>Phông chữ PS</b>	In các mẫu và thông tin về phông chữ có sẵn trong mỗi ngôn ngữ máy in.
<b>In bản demo</b>	<b>Trang demo</b>	In công cụ chẩn đoán cho các sự cố in. <b>Lưu ý:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>Để tránh cắt xén nội dung, hãy in báo cáo trên giấy Letter hoặc giấy khổ A4.</li> <li>Mục menu này chỉ xuất hiện khi máy in đã cài đặt trang demo.</li> </ul>
<b>In thư mục</b>	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	In báo cáo liệt kê các tài nguyên được lưu trữ trong ổ flash hoặc đĩa cứng của máy in.

## Mạng

Mục menu	Mô tả
<b>Trang thiết lập mạng</b>	In trang hiển thị các cài đặt mạng và không dây đã cấu hình trên máy in. <b>Lưu ý:</b> Mục menu này chỉ xuất hiện trong các máy in mạng hoặc máy in được kết nối với máy chủ in.
<b>Máy khách Wi-Fi Direct đã kết nối</b>	In trang hiển thị danh sách các thiết bị kết nối với máy in bằng Wi-Fi Direct. <b>Lưu ý:</b> Mục menu này chỉ xuất hiện khi đặt <b>Bật Wi-Fi Direct</b> là <b>Bật</b> .

## Khắc phục sự cố

Mục menu	Mô tả
<b>Trang kiểm tra chất lượng in</b>	In các trang mẫu để xác định và khắc phục lỗi chất lượng in.

## Hợp nhất biểu mẫu

**Lưu ý:** Mục menu này chỉ xuất hiện khi bạn lắp ổ lưu trữ.

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
<b>Chế độ hợp nhất</b>	Không áp dụng	<b>In*</b> <b>Thu thập dữ liệu</b> <b>Đã tắt</b>	Xác định phương thức hoạt động cho Hợp nhất biểu mẫu.
<b>Đích thu thập dữ liệu</b>	Không áp dụng	<b>Flash*</b>	Đặt đích chuyển tiếp dữ liệu đã thu thập được. <b>Lưu ý:</b> Mục menu này chỉ xuất hiện khi đặt <b>Chế độ hợp nhất</b> thành <b>Thu thập dữ liệu</b> .
<b>Cài đặt cổng in và bộ lọc</b>	<b>Cổng mạng</b>	<b>Bật*</b> <b>Tắt</b>	Bật Hợp nhất biểu mẫu để xử lý tất cả dữ liệu được gửi đến cổng mạng.
	<b>Bộ lọc mạng</b>	<b>Đã tắt*</b> NULL OFIS OFIS+NULL OFIS+AS400 AS400 PCL ZPL ZPLF	Xác định bộ lọc mạng cho tất cả dữ liệu được gửi đến máy in.
	<b>Cổng USB</b>	<b>Bật*</b> <b>Tắt</b>	Bật Hợp nhất biểu mẫu để xử lý tất cả dữ liệu được gửi đến cổng USB.
	<b>Bộ lọc USB</b>	<b>Đã tắt*</b> NULL OFIS OFIS+NULL OFIS+AS400 AS400 PCL ZPL ZPLF	Xác định bộ lọc USB cho tất cả dữ liệu được gửi đến máy in.
	<b>Thời gian chờ cổng cục bộ</b>	1–100 (10*)	Xác định giá trị thời gian chờ cho các lệnh Hợp nhất biểu mẫu được gửi đến cổng cục bộ.
<b>Khác</b>	<b>In tất cả biểu mẫu</b>	<b>Bắt đầu</b>	In tất cả các bộ biểu mẫu được lưu trữ trong ổ lưu trữ thông minh hoặc đĩa cứng.
	<b>In trang lỗi</b>	<b>Bật*</b> <b>Tắt</b>	Cho phép in trang lỗi khi gặp lỗi trong lệnh Hợp nhất biểu mẫu.
<b>Lưu ý:</b> Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.			

## In Trang cài đặt menu

- 1 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Báo cáo**.
- 2 Chọn **Trang cài đặt menu**.

# Tùy chọn bộ hoàn thiện máy in

## Sử dụng bộ hoàn thiện dập ghim

### Dập ghim bằng trình điều khiển in

#### Đối với người dùng Windows

- 1 Với tài liệu đang mở, nhấp vào **Tập tin > In**.
- 2 Chọn máy in, rồi nhấp vào **Thuộc tính, Tùy chỉnh, Tùy chọn, hoặc Thiết lập**.
- 3 Nhấp vào **Giấy/Hoàn thiện**, rồi đặt cấu hình cài đặt **Giấy**.
- 4 Trong menu **Dập ghim**, hãy chọn cài đặt.
- 5 Nhấp vào **OK**, rồi nhấp vào **In**.

#### Đối với người dùng Macintosh

- 1 Với tài liệu đang mở, chọn **Tập tin > In**.
- 2 Chọn máy in.
- 3 Từ menu **Tùy chọn hoàn thiện**, chọn **Áp dụng lớp hoàn thiện > Tùy chọn máy in**.
- 4 Nhấp vào **Dập ghim** rồi chọn một cài đặt.
- 5 Nhấp vào **In**.

### Dập ghim bằng bảng điều khiển

- 1 Từ bảng điều khiển, chọn **In**, rồi chọn nguồn cho lệnh in.
- 2 Chọn tài liệu.
- 3 Chọn **Cài đặt khác**, rồi chọn **Tùy chọn hoàn thiện**.
- 4 Chọn **Dập ghim** rồi chọn một cài đặt.
- 5 In tài liệu.

## Sử dụng bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ

### Dập ghim hoặc dập lỗ giấy bằng trình điều khiển in

#### Đối với người dùng Windows

- 1 Với tài liệu đang mở, nhấp vào **Tập tin > In**.
- 2 Chọn máy in, rồi nhấp vào **Thuộc tính, Tùy chỉnh, Tùy chọn, hoặc Thiết lập**.
- 3 Nhấp vào **Giấy/Hoàn thiện**, rồi đặt cấu hình cài đặt **Giấy**.



4 Tùy theo thao tác hoàn thiện cần thiết, hãy chọn cài đặt để **Dập ghim** hoặc **Dập lỗ**.

**Lưu ý:** Bạn có thể chọn một cài đặt cho cả hai thao tác nếu muốn dập ghim và dập lỗ cho tài liệu in.

5 Nhấp vào **OK**, rồi nhấp vào **In**.

#### Đối với người dùng Macintosh

1 Với tài liệu đang mở, nhấp vào **Tập tin > In**.

2 Chọn máy in.

3 Từ menu **Tùy chọn hoàn thiện**, chọn **Áp dụng lớp hoàn thiện > Tùy chọn máy in**.

4 Nhấp vào **Dập ghim** hoặc **Dập lỗ**, rồi chọn một cài đặt.

5 Nhấp vào **In**.

#### Dập ghim hoặc dập lỗ giấy bằng bảng điều khiển

1 Từ bảng điều khiển, chọn **In**, rồi chọn nguồn cho lệnh in.

2 Chọn tài liệu.

3 Chọn **Cài đặt khác**, rồi chọn **Tùy chọn hoàn thiện**.

4 Tùy theo thao tác hoàn thiện cần thiết, hãy chọn cài đặt để **Dập ghim** hoặc **Dập lỗ**.

**Lưu ý:** Bạn có thể chọn một cài đặt cho cả hai thao tác nếu muốn dập ghim và dập lỗ cho tài liệu in.

5 In tài liệu.

## Sử dụng ngăn xếp offset

### Xếp offset bằng trình điều khiển in

#### Đối với người dùng Windows

1 Với tài liệu đang mở, nhấp vào **Tập tin > In**.

2 Chọn máy in, rồi nhấp vào **Thuộc tính**, **Tùy chỉnh**, **Tùy chọn**, hoặc **Thiết lập**.

3 Nhấp vào **Giấy/Hoàn thiện**, rồi đặt cấu hình cài đặt **Giấy**.

4 Trong menu **Offset**, hãy chọn cài đặt.

5 Nhấp vào **OK**, rồi nhấp vào **In**.

#### Đối với người dùng Macintosh

1 Với tài liệu đang mở, nhấp vào **Tập tin > In**.

2 Chọn máy in.

3 Từ menu **Tùy chọn hoàn thiện**, chọn **Áp dụng lớp hoàn thiện > Tùy chọn máy in**.

4 Nhấp vào **Offset** rồi chọn một cài đặt.

5 Nhấp vào **In**.

## Xếp offset bằng bảng điều khiển

1 Nạp tài liệu gốc vào khay ADF hoặc trên kính máy quét.

**Lưu ý:** Để tránh ảnh bị cắt, đảm bảo rằng tài liệu gốc và giấy ra có cùng khổ giấy.

2 Từ bảng điều khiển, chọn **Sao chép**, và sau đó xác định số lượng bản sao.

3 Chọn **Cài đặt khác**, rồi chọn **Trang offset**.

4 Bật menu, rồi chọn một cài đặt.

5 In tài liệu.

## Sử dụng bộ hoàn thiện tập sách

**Lưu ý:** Trước khi tạo tập sách, hãy nạp giấy với cạnh ngắn hướng về phía bên phải của khay.

### Tạo tập sách bằng trình điều khiển in

Đối với người dùng Windows

1 Với tài liệu đang mở, nhấp vào **Tập tin > In**.

2 Chọn máy in, rồi nhấp vào **Thuộc tính**, **Tùy chỉnh**, **Tùy chọn**, hoặc **Thiết lập**.

3 Chọn **Tập sách**.

4 Nhấp vào tab **Giấy/Hoàn thiện**, rồi đặt cấu hình cài đặt giấy.

5 Trong menu **Gấp**, hãy chọn cài đặt.

6 Nhấp vào **OK**, rồi nhấp vào **In**.

Đối với người dùng Macintosh

1 Với tài liệu đang mở, nhấp vào **Tập tin > In**.

2 Chọn máy in.

3 Từ menu **Tùy chọn hoàn thiện**, chọn **Áp dụng lớp hoàn thiện > Tùy chọn máy in**.

4 Chọn **Tập sách** rồi chọn cài đặt **Gấp**.

5 Nhấp vào **OK**.

### Tạo tập sách bằng bảng điều khiển

1 Nạp tài liệu gốc vào khay ADF hoặc trên kính máy quét.

**Lưu ý:** Để tránh ảnh bị cắt, đảm bảo rằng tài liệu gốc và giấy ra có cùng khổ giấy.

2 Từ bảng điều khiển, chọn **Sao chép**, rồi đặt cấu hình cài đặt.

3 Chọn **Cài đặt khác**, rồi chọn **Tạo tập sách**.

4 Bật **Hoàn thiện tập sách**, rồi chọn một cài đặt.

5 Sao chép tài liệu.

## Sử dụng tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy

### Gấp giấy bằng trình điều khiển in

#### Đối với người dùng Windows

- 1 Với tài liệu đang mở, nhấp vào **Tập tin > In**.
- 2 Chọn máy in, rồi nhấp vào **Thuộc tính, Tùy chỉnh, Tùy chọn**, hoặc **Thiết lập**.
- 3 Nhấp vào **Giấy/Hoàn thiện**, rồi đặt cấu hình cài đặt giấy.
- 4 Trong menu **Gấp**, hãy chọn cài đặt.
- 5 Nhấp vào **OK**, rồi nhấp vào **In**.

#### Đối với người dùng Macintosh

- 1 Với tài liệu đang mở, chọn **Tập tin > In**.
- 2 Chọn máy in.
- 3 Từ menu **Tùy chọn hoàn thiện**, chọn **Áp dụng lớp hoàn thiện > Tùy chọn máy in**.
- 4 Nhấp vào **Gấp** rồi chọn một cài đặt.
- 5 Nhấp vào **In**.


### Gấp giấy bằng bảng điều khiển


- 1 Nạp tài liệu gốc vào khay ADF hoặc trên kính máy quét.  
**Lưu ý:** Để tránh ảnh bị cắt, đảm bảo rằng tài liệu gốc và giấy ra có cùng khổ giấy.
- 2 Từ bảng điều khiển, chọn **Sao chép**, và sau đó xác định số lượng bản sao.
- 3 Chọn **Cài đặt khác**, rồi chọn **Tùy chọn hoàn thiện**.
- 4 Chọn **Gấp** rồi chọn một cài đặt.
- 5 Sao chép tài liệu.

# Bảo trì máy in

**Cảnh báo—Nguy cơ hỏng:** Không thể duy trì hiệu suất máy in tối ưu hoặc thay thế các bộ phận và vật tư có thể gây hư hỏng cho máy in.

## Kiểm tra trạng thái của các bộ phận và vật tư

- 1 Từ góc trên bên phải của bảng điều khiển, chọn .
- 2 Xem trạng thái của các bộ phận máy in và vật tư.

**Lưu ý:** Bạn cũng có thể chọn  để kiểm tra thông báo cần sự can thiệp của người dùng.

## Đặt cấu hình thông báo vật tư

- 1 Mở trình duyệt web, sau đó nhập địa chỉ IP của máy in vào trường địa chỉ.

**Lưu ý:**

- Xem địa chỉ IP của máy in trên màn hình chính của máy in. Địa chỉ IP hiển thị dưới dạng bốn bộ số được phân tách bằng dấu chấm, chẳng hạn như 123.123.123.123.
- Nếu đang dùng máy chủ proxy, hãy tạm thời tắt đi để tải trang web chính xác.

- 2 Nhấp vào **Cài đặt > Thiết bị > Thông báo**.
- 3 Nhấp vào **Thông báo vật tư tùy chỉnh**.
- 4 Chọn thông báo cho từng mục vật tư.
- 5 Áp dụng thay đổi.

## Thiết lập cảnh báo email

- 1 Mở trình duyệt web, sau đó nhập địa chỉ IP của máy in vào trường địa chỉ.

**Lưu ý:**

- Xem địa chỉ IP của máy in trên màn hình chính của máy in. Địa chỉ IP hiển thị dưới dạng bốn bộ số được phân tách bằng dấu chấm, chẳng hạn như 123.123.123.123.
- Nếu đang dùng máy chủ proxy, hãy tạm thời tắt đi để tải trang web chính xác.

- 2 Nhấp vào **Cài đặt > Thiết bị > Thông báo**.
- 3 Nhấp vào **Thiết lập cảnh báo email**, sau đó đặt cấu hình cài đặt.

**Lưu ý:** Để biết thêm thông tin về cài đặt SMTP, hãy liên hệ với nhà cung cấp email.

- 4 Áp dụng thay đổi.
- 5 Nhấp vào **Thiết lập danh sách email và cảnh báo**, sau đó đặt cấu hình cài đặt.
- 6 Áp dụng thay đổi.

## Tạo báo cáo và nhật ký

1 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Báo cáo**.

2 Chọn báo cáo hoặc nhật ký bạn muốn in.

- **Trang cài đặt menu** - Hiển thị các tùy chọn, cài đặt và cấu hình hiện tại của máy in.

- **Thiết bị**

**Thông tin thiết bị** - Hiển thị số sê-ri máy in, giải pháp đã cài đặt và fax.

**Thống kê thiết bị** - Hiển thị trạng thái vật tư, tổng số tờ đã in và thông tin lệnh in của máy in.

**Danh sách cấu hình** - Hiển thị danh sách cấu hình hoặc phím tắt được lưu trữ trong máy in.

**Báo cáo thiết bị** - Hiển thị báo cáo chứa thông tin thiết bị máy in, chẳng hạn như số sê-ri và tên model.

- **In**

**Phông chữ in** - Hiển thị phông chữ có sẵn trong mỗi ngôn ngữ máy in.

**In bản demo** - Hiển thị các tập tin demo có sẵn trong phần mềm cơ sở, tùy chọn flash và tùy chọn đĩa.

**Thư mục in** - Hiển thị tài nguyên được lưu trữ trong ổ flash, đĩa cứng hoặc ổ lưu trữ thông minh (ISD).

**Lưu ý:** Báo cáo này chỉ xuất hiện khi bạn lắp ổ flash, đĩa cứng máy in hoặc ISD.

- **Mạng**

**Trang thiết lập mạng** - Hiển thị cài đặt mạng và không dây đã đặt cấu hình trên máy in.

**Lưu ý:** Báo cáo này chỉ xuất hiện trong máy in mạng và máy in được kết nối với máy chủ in.

**Máy khách được kết nối Wi-Fi Direct** - Hiển thị danh sách thiết bị được kết nối với máy in bằng Wi-Fi Direct.

**Lưu ý:** Báo cáo này chỉ xuất hiện khi bạn đặt **Bật Wi-Fi Direct** thành **Bật**.

## Đặt mua các bộ phận và vật tư

Để đặt mua vật tư tại Hoa Kỳ, vui lòng liên hệ với Lexmark theo số 1-800-539-6275 để biết thông tin về các đại lý cung cấp vật tư được ủy quyền của Lexmark trong khu vực của bạn. Tại các quốc gia hoặc khu vực khác, vui lòng truy cập [www.lexmark.com](http://www.lexmark.com) hoặc liên hệ với nơi bạn đã mua máy in.

**Lưu ý:** Tất cả ước tính về tuổi thọ của vật tư máy in đều giả sử in trên giấy thường khổ thư hoặc A4.

**Cảnh báo—Nguy cơ hỏng:** Không thể duy trì hiệu suất máy in tối ưu hoặc thay thế các bộ phận và vật tư có thể gây hư hỏng cho máy in.

## Sử dụng các bộ phận và vật tư chính hãng Lexmark

Máy in Lexmark được thiết kế để hoạt động tốt nhất với các bộ phận và vật tư chính hãng của Lexmark. Sử dụng vật tư hoặc bộ phận của bên thứ ba có thể ảnh hưởng đến hiệu suất, độ tin cậy, hoặc tuổi thọ của máy in cũng như các bộ phận tạo ảnh của máy in. Điều này cũng có thể ảnh hưởng đến việc bảo hành. Hư hỏng do sử dụng các bộ phận và vật tư của bên thứ ba không được bảo hành. Tất cả chỉ báo tuổi thọ được thiết kế để hoạt động với các bộ phận và vật tư của Lexmark, và có thể dẫn đến kết quả không lường trước được nếu sử dụng các bộ phận và vật tư của bên thứ ba. Sử dụng bộ phận tạo ảnh quá thời hạn sử dụng dự kiến có thể làm hỏng máy in Lexmark hoặc các bộ phận liên quan của máy in.

**Cảnh báo—Nguy cơ hỏng:** Các vật tư và bộ phận không có điều khoản thỏa thuận về Chương trình trả lại có thể được cài đặt lại và tái sản xuất. Tuy nhiên, bảo hành của nhà sản xuất không bao gồm hư hỏng do sử dụng vật tư hoặc bộ phận không chính hãng. Việc đặt lại bộ đếm vật tư hoặc bộ phận không được tái sản xuất đúng cách có thể gây hư hỏng cho máy in của bạn. Sau khi đặt lại bộ đếm vật tư hoặc bộ phận, máy in của bạn có thể hiển thị lỗi cho biết sự hiện diện của mực đặt lại.

## Đặt mua hộp mực

### Lưu ý:

- Hiệu suất hộp mực ước tính dựa trên tiêu chuẩn ISO/IEC 19798.
- Độ phủ bản in quá thấp trong thời gian dài có thể ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu suất thực tế.

### Hộp mực trong Chương trình hoàn trả cho máy in Lexmark CS963

Mực	Hoa Kỳ, Canada, Úc và New Zealand	Liên minh Châu Âu, Khu vực kinh tế Châu Âu, Iceland, Liechtenstein, Na Uy, Thụy Sĩ	Các nước còn lại ở châu Á Thái Bình Dương	Châu Mỹ Latinh, Puerto Rico và Mexico	Các nước còn lại ở Châu Âu, Trung Đông, Châu Phi, Trung Đông Âu, Cộng đồng các Quốc gia Độc lập
Lục lam	77L10C0	77L20C0	77L30C0	77L40C0	77L50C0
Đỏ tím	77L10M0	77L20M0	77L30M0	77L40M0	77L50M0
Vàng	77L10Y0	77L20Y0	77L30Y0	77L40Y0	77L50Y0
Đen	77L10K0	77L20K0	77L30K0	77L40K0	77L50K0

Để biết thêm thông tin về các quốc gia ở mỗi khu vực, hãy truy cập [www.lexmark.com/regions](http://www.lexmark.com/regions).

### Hộp mực có hiệu suất cao trong Chương trình hoàn trả cho máy in Lexmark CS963

Mực	Hoa Kỳ, Canada, Úc và New Zealand	Liên minh Châu Âu, Khu vực kinh tế Châu Âu, Iceland, Liechtenstein, Na Uy, Thụy Sĩ	Các nước còn lại ở châu Á Thái Bình Dương	Châu Mỹ Latinh, Puerto Rico và Mexico	Các nước còn lại ở Châu Âu, Trung Đông, Châu Phi, Trung Đông Âu, Cộng đồng các Quốc gia Độc lập
Lục lam	77L1HC0	77L2HC0	77L3HC0	77L4HC0	77L5HC0
Đỏ tím	77L1HM0	77L2HM0	77L3HM0	77L4HM0	77L5HM0
Vàng	77L1HY0	77L2HY0	77L3HY0	77L4HY0	77L5HY0
Đen	77L1HK0	77L2HK0	77L3HK0	77L4HK0	77L5HK0

Để biết thêm thông tin về các quốc gia ở mỗi khu vực, hãy truy cập [www.lexmark.com/regions](http://www.lexmark.com/regions).

### Hộp mực chuẩn hiệu suất cao cho máy in Lexmark CS963

Mực	Trên toàn thế giới
Lục lam	77L0H20
Đỏ tím	77L0H30
Vàng	77L0H40

Để biết thêm thông tin về các quốc gia ở mỗi khu vực, hãy truy cập [www.lexmark.com/regions](http://www.lexmark.com/regions).

Mục	Trên toàn thế giới
Đen	77L0H10
Để biết thêm thông tin về các quốc gia ở mỗi khu vực, hãy truy cập <a href="http://www.lexmark.com/regions">www.lexmark.com/regions</a> .	

## Đặt mua hộp quang đen

Mục	Mã số bộ phận
Hộp quang đen trong Chương trình hoàn trả	77L0ZK0
Hộp quang đen	77L0Z10

## Đặt mua bộ quang màu

Mục	Mã số bộ phận
Bộ quang màu trong Chương trình hoàn trả	77L0ZV0
Bộ quang màu thông thường	77L0Z50

## Đặt mua hộp mực thải

Mục	Mã số bộ phận
Hộp mực thải	77LOW00

## Đặt mua hộp ghim

Mục	Mã số bộ phận
Hộp ghim (4 gói) <sup>1</sup>	20L7500
Hộp ghim (3 gói) <sup>2</sup>	25A0013
<sup>1</sup> Chỉ dành cho máy đóng tập sách.	
<sup>2</sup> Chỉ dành cho bộ hoàn thiện tập sách, bộ hoàn thiện dập ghim, bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ.	

## Đặt mua bộ bảo trì

Tìm bộ bảo trì phù hợp với điện áp máy in.

### Lưu ý:

- Sử dụng một số loại giấy nhất định có thể cần phải thay thế bộ bảo trì thường xuyên hơn.
- Bộ bảo trì bao gồm bộ sấy và bộ cao su kéo giấy. Các bộ phận này có thể được đặt mua riêng lẻ và thay thế nếu cần.

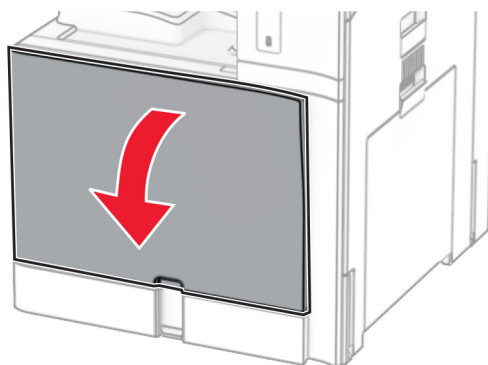
Mục	Mã số bộ phận
Bộ dụng cụ bảo dưỡng bộ sấy 100 V trong Chương trình hoàn trả, Loại 02	41X5654
Bộ dụng cụ bảo dưỡng bộ sấy 110-120 V trong Chương trình hoàn trả, Loại 00	41X5655
Bộ dụng cụ bảo dưỡng bộ sấy 220-240 V trong Chương trình hoàn trả, Loại 01	41X5656
Bộ dụng cụ bảo dưỡng bộ sấy 100 V thông dụng, Loại 12	41X6053
Bộ dụng cụ bảo dưỡng bộ sấy 110-120 V thông dụng, Loại 10	41X6051
Bộ dụng cụ bảo dưỡng bộ sấy 220-240 V thông dụng, Loại 11	41X6052

**Lưu ý:** Chỉ kỹ thuật viên dịch vụ được ủy quyền mới có thể thay thế bộ bảo trì. Hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ.

## Thay thế các bộ phận và vật tư

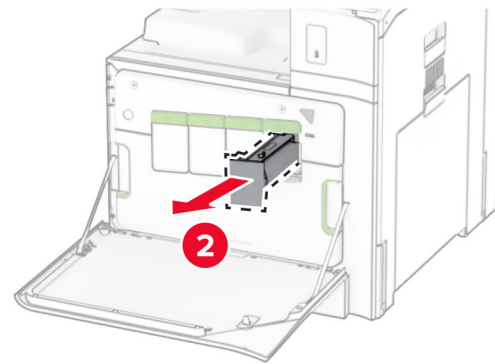
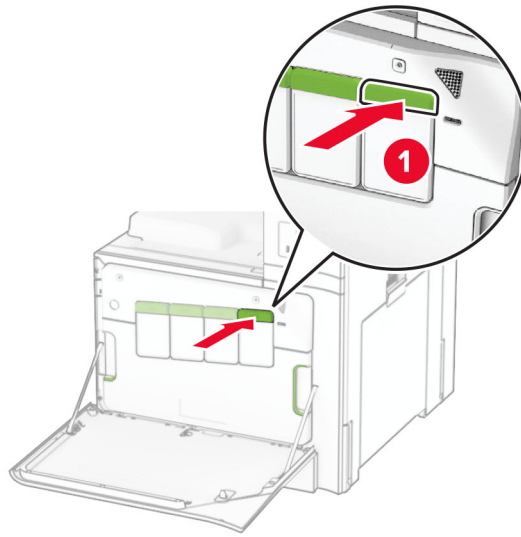
### Thay hộp mực

- 1 Mở cửa trước.



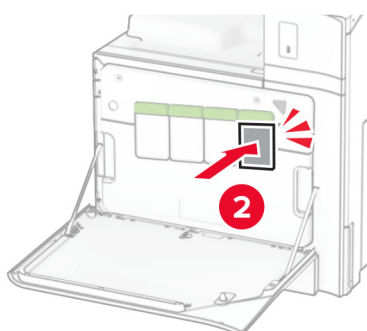
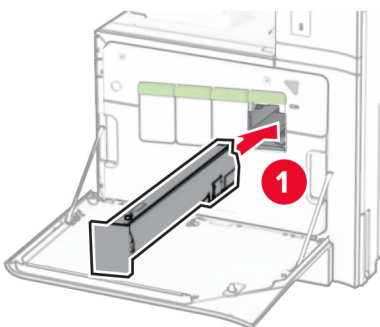


2 Tháo hộp mực đã sử dụng.



3 Mở hộp mực mới.

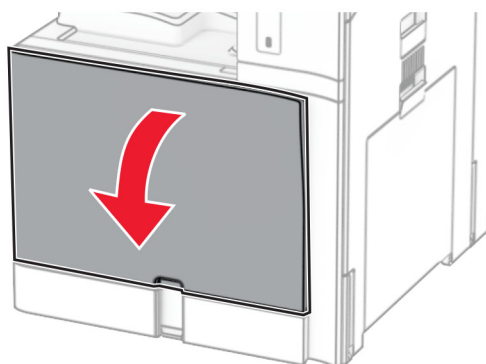
4 Lắp hộp mực mới cho đến khi khớp vào đúng vị trí.



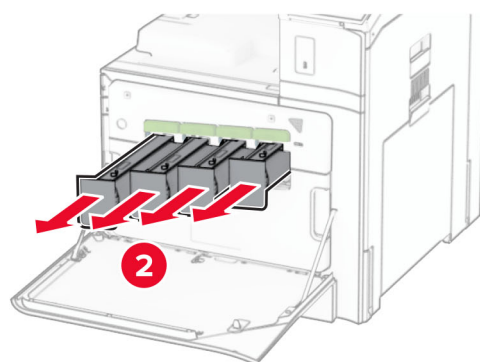
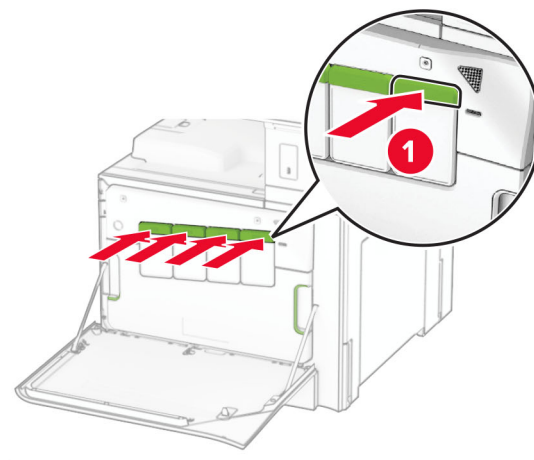
5 Đóng cửa.

## Thay hộp quang đen

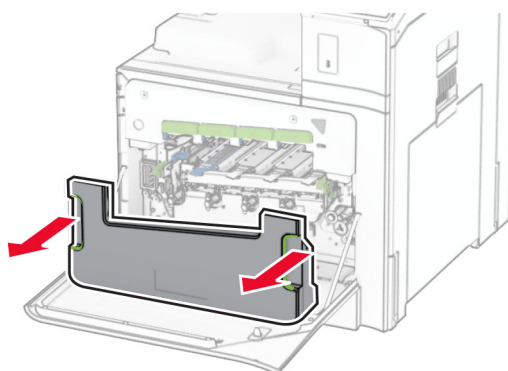
1 Mở cửa trước.



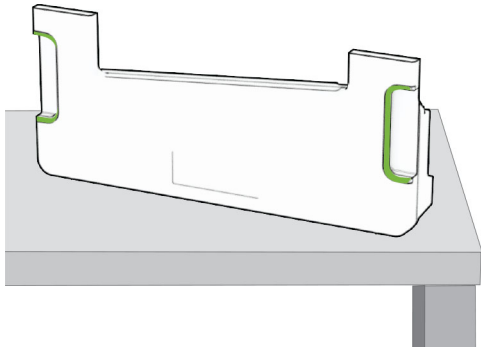
2 Tháo hộp mực.



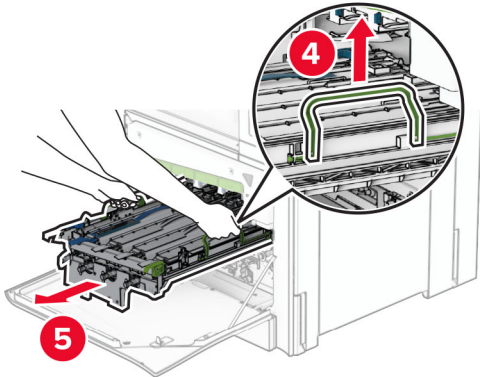
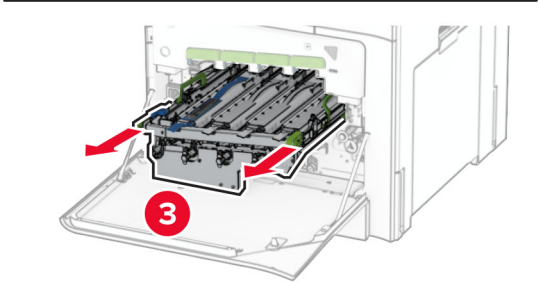
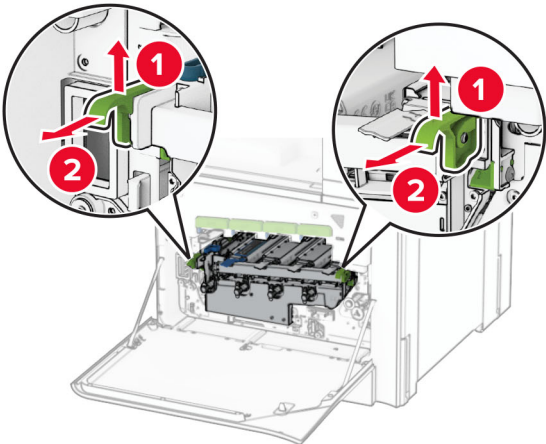
3 Tháo hộp mực thải.



**Lưu ý:** Để tránh làm đổ mực, hãy đặt hộp mực ở vị trí thẳng đứng.

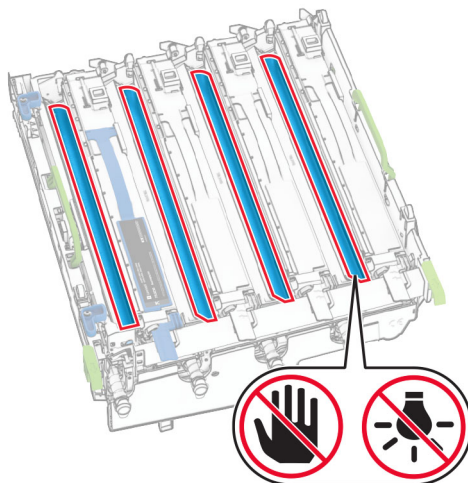


4 Tháo bộ quang.

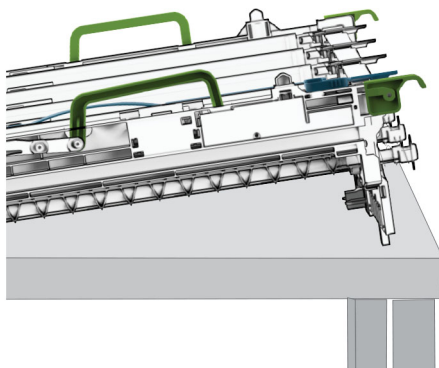


**Cảnh báo—Nguy cơ hỏng:** Không để bộ quang tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng. Tiếp xúc lâu với ánh sáng có thể gây ra sự cố chất lượng bản in.

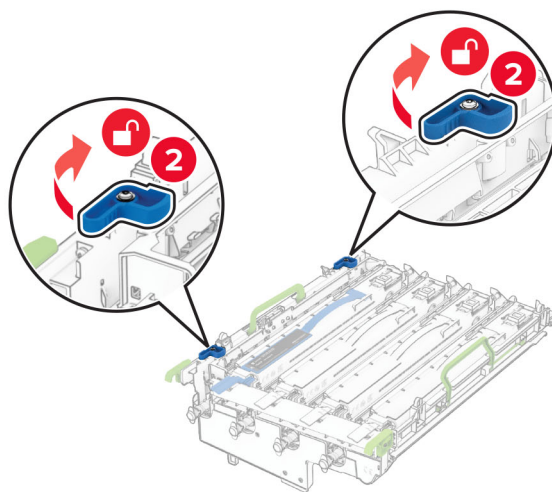
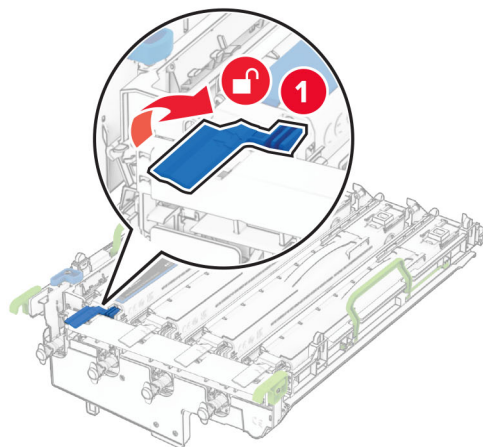
**Cảnh báo—Nguy cơ hỏng:** Không chạm vào trống quang dẫn. Làm như vậy có thể ảnh hưởng đến chất lượng của các lệnh in trong tương lai.



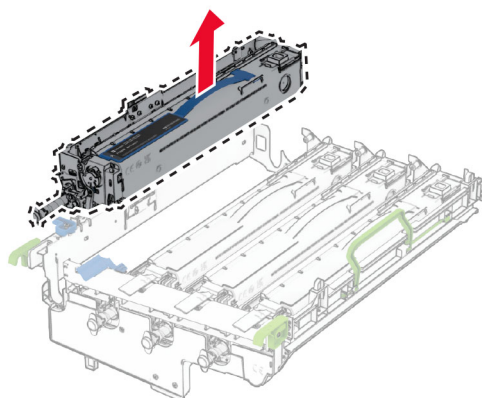
**Lưu ý:** Đặt bộ quang trên bề mặt sạch, bằng phẳng và ở vị trí thẳng đứng để tránh trầy xước hoặc làm hỏng trống quang dẫn.



5 Mở khóa hộp quang đen đã sử dụng.

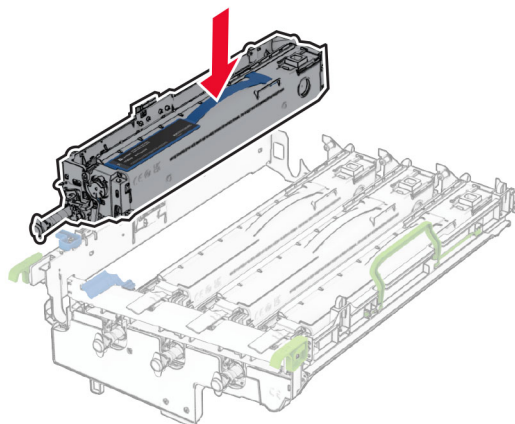


6 Tháo hộp quang đen đã sử dụng.

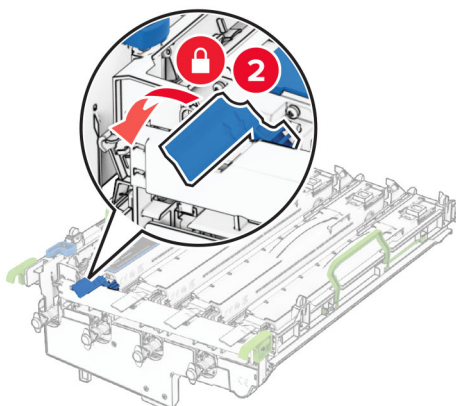
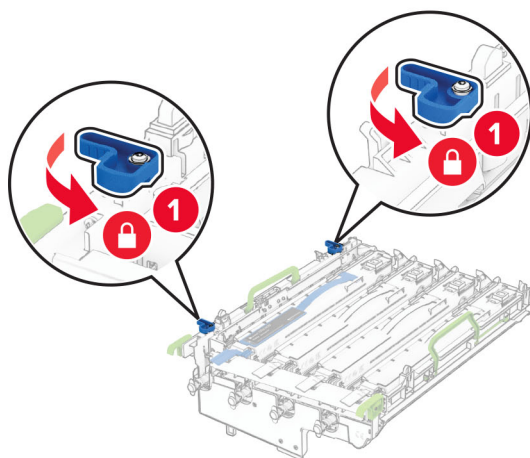


7 Mở bao bì của hộp quang đen mới.

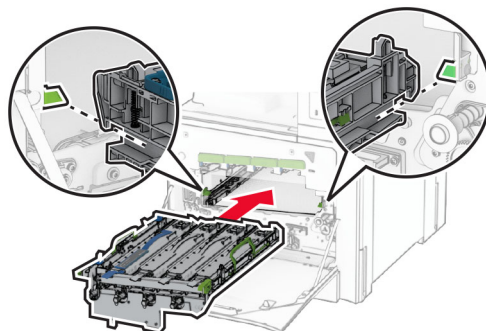
8 Lắp hộp quang đen mới.



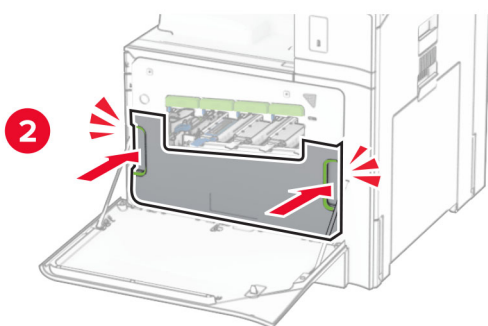
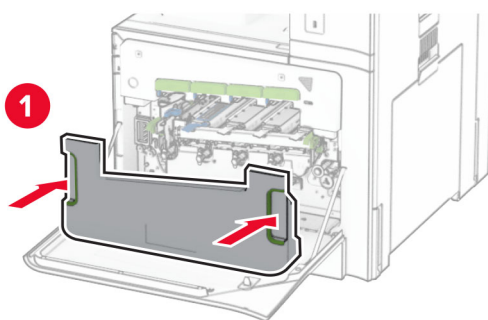
9 Khóa hộp quang đen mới vào đúng vị trí.



10 Lắp bộ quang vào cho đến khi nó nằm đúng vị trí.

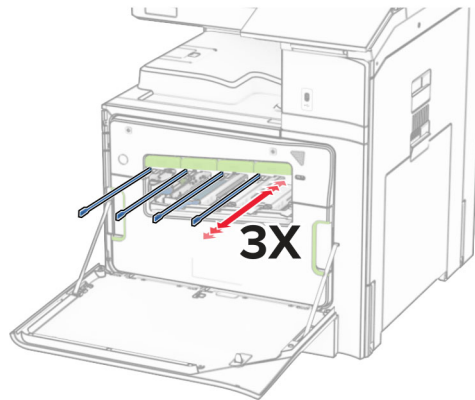


11 Lắp hộp mực thải cho đến khi khớp vào đúng vị trí.



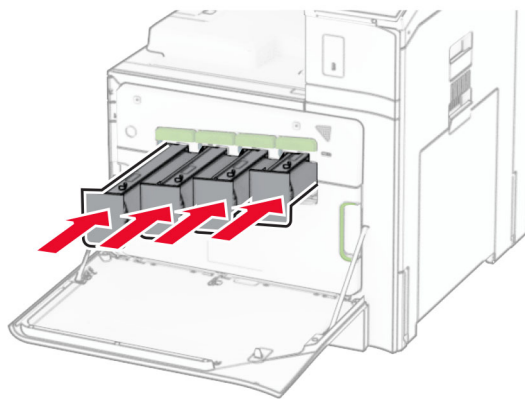


12 Kéo nhẹ thanh gạt mực đầu in ra, sau đó làm sạch kính đầu in.



Để biết thêm thông tin về cách vệ sinh kính đầu in, hãy xem [“Vệ sinh thấu kính đầu in” trên trang 342.](#)

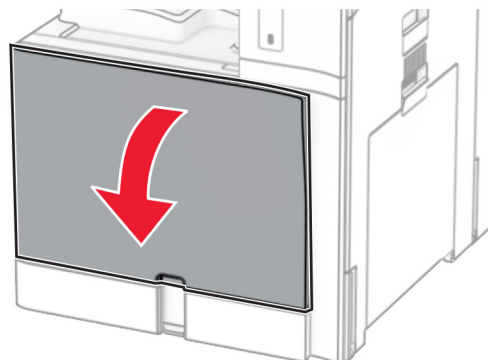
13 Lắp hộp mực.



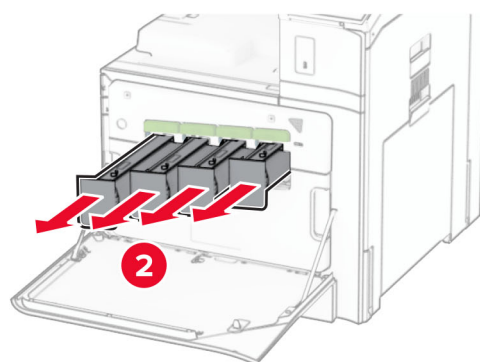
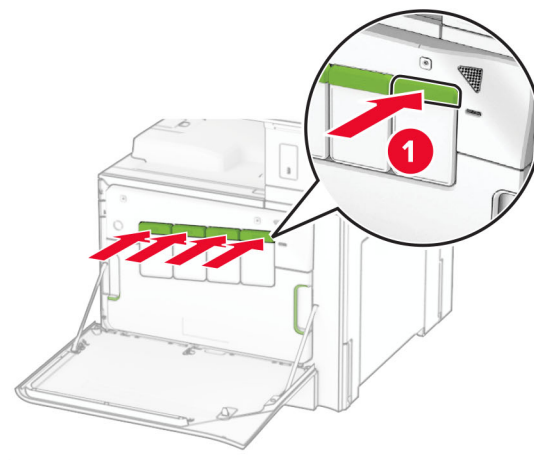
14 Đóng cửa.

## Thay bộ quang màu

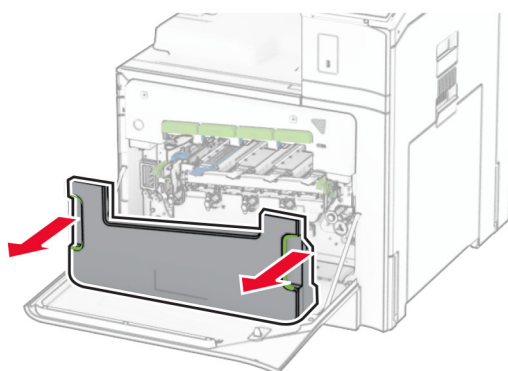
1 Mở cửa trước.



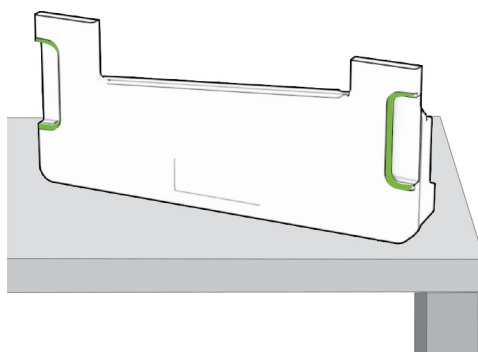
2 Tháo hộp mực.



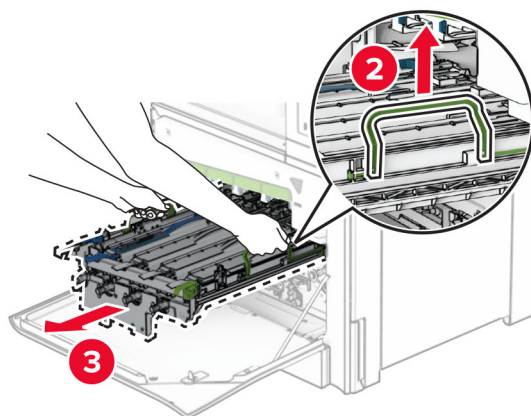
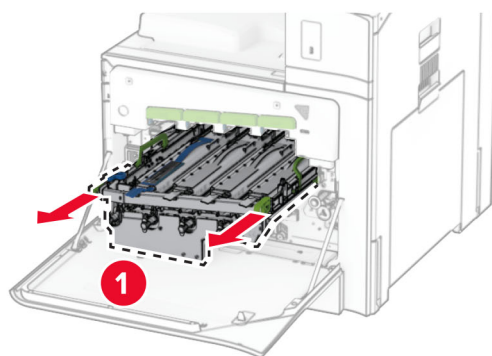
3 Tháo hộp mực thải.



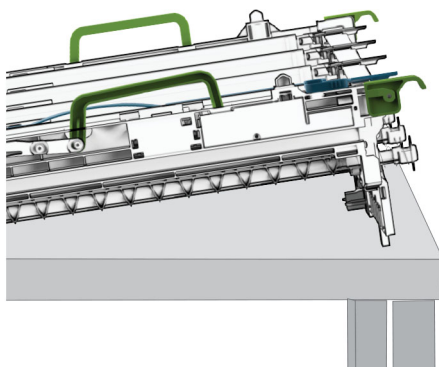
**Lưu ý:** Để tránh làm đổ mực, hãy đặt hộp mực ở vị trí thẳng đứng.



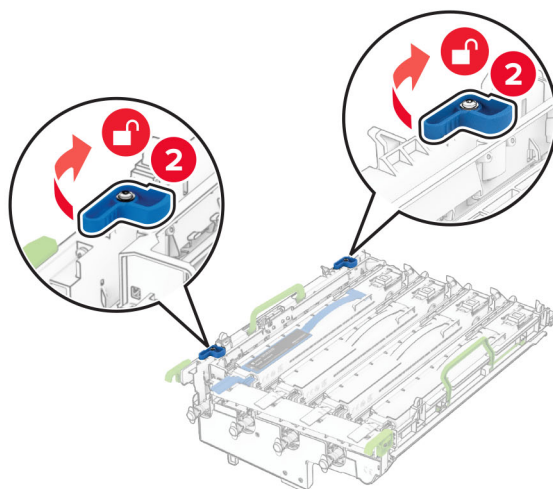
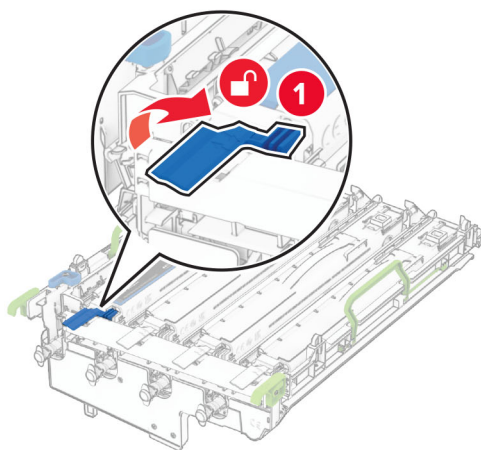
4 Tháo bộ quang đã sử dụng.



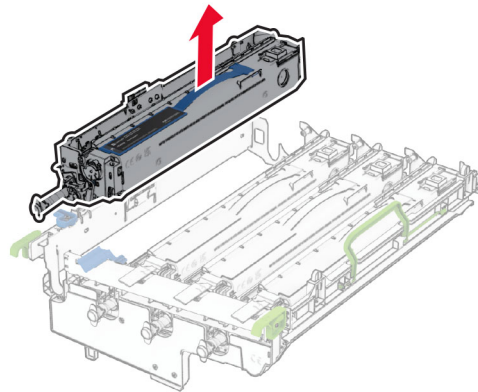
**Lưu ý:** Đặt bộ quang trên bề mặt sạch, bằng phẳng và ở vị trí thẳng đứng để tránh trầy xước hoặc làm hỏng trống quang dẫn.



5 Mở khóa hộp quang đen.



6 Tháo hộp quang đen.



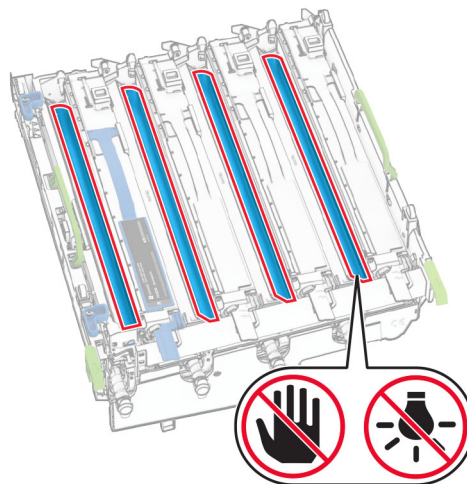
**Lưu ý:** Không vứt bỏ hộp quang đen. Bạn sẽ lắp hộp quang đen vào bộ quang mới.

7 Mở gói bộ quang mới.

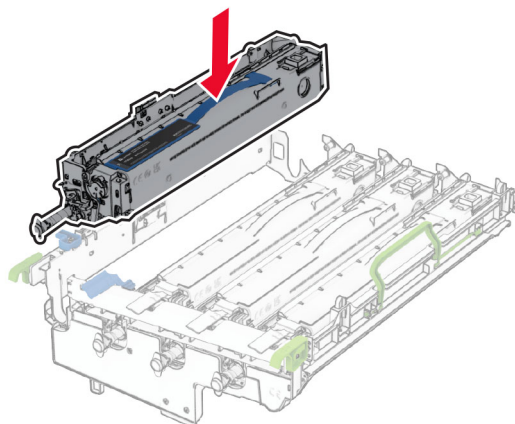
**Lưu ý:** Bộ quang bao gồm giá hộp quang và các bộ tử màu lục lam, đỏ tím và vàng.

**Cảnh báo—Nguy cơ hỏng:** Không để bộ quang tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng. Tiếp xúc lâu với ánh sáng có thể gây ra sự cố chất lượng bản in.

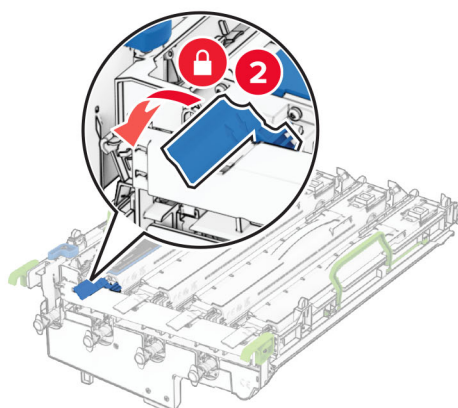
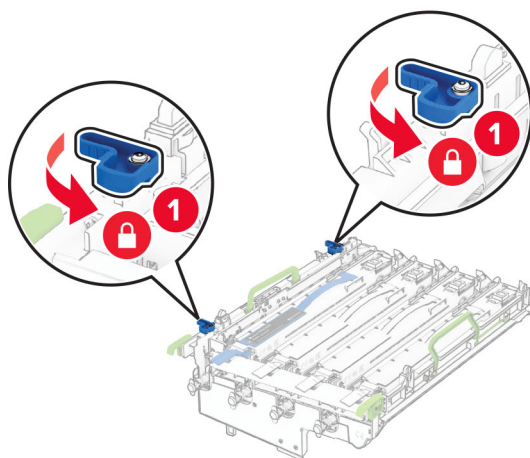
**Cảnh báo—Nguy cơ hỏng:** Không chạm vào trống quang dẫn. Làm như vậy có thể ảnh hưởng đến chất lượng của các lệnh in trong tương lai.



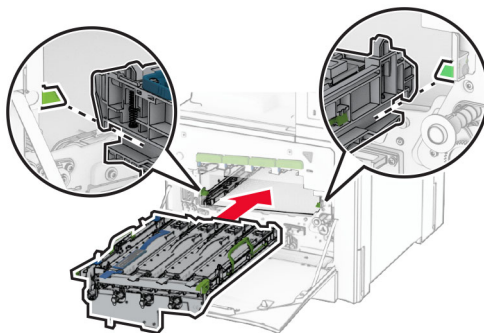
8 Lắp hộp quang đen vào bộ quang mới.



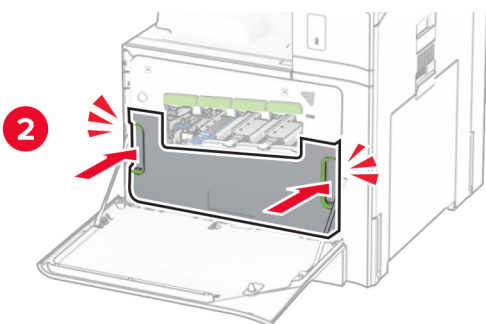
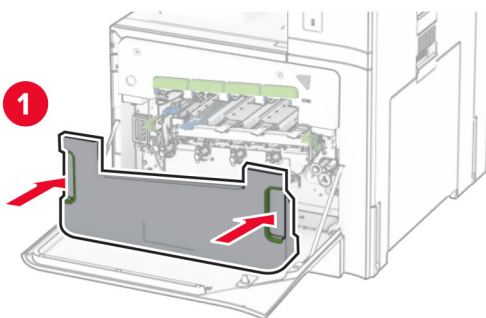
9 Khóa hộp quang đen vào đúng vị trí.



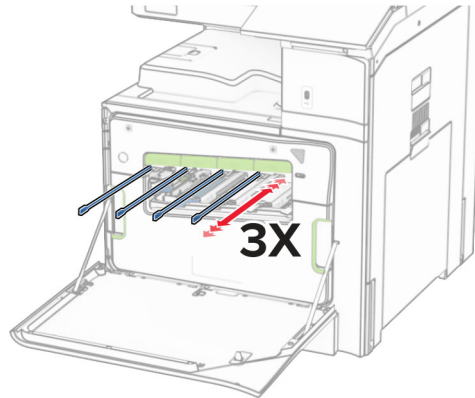
10 Lắp bộ quang mới vào cho đến khi nó nằm đúng vị trí.



11 Lắp hộp mực thải cho đến khi khớp vào đúng vị trí.

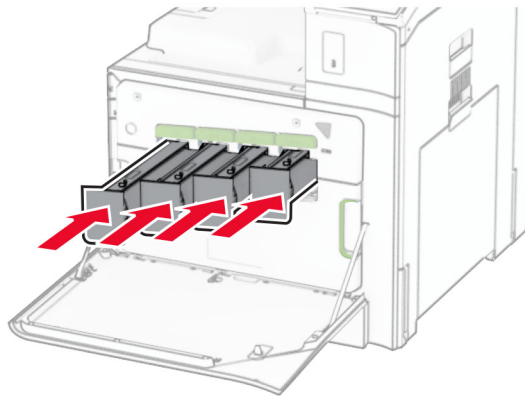


12 Kéo nhẹ thanh gạt mực đầu in ra, sau đó làm sạch kính đầu in.



Để biết thêm thông tin về cách vệ sinh kính đầu in, hãy xem [“Vệ sinh thấu kính đầu in” trên trang 342.](#)

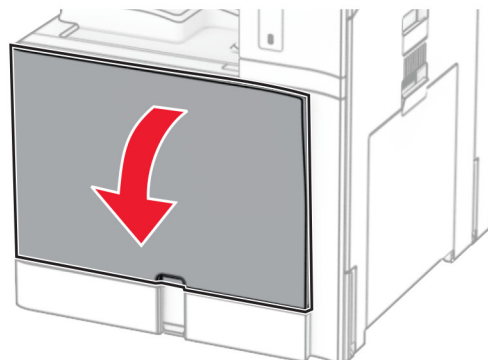
13 Lắp hộp mực.



14 Đóng cửa.

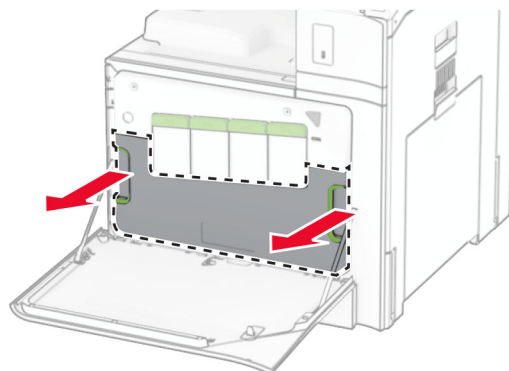
## Thay hộp mực thải

1 Mở cửa trước.

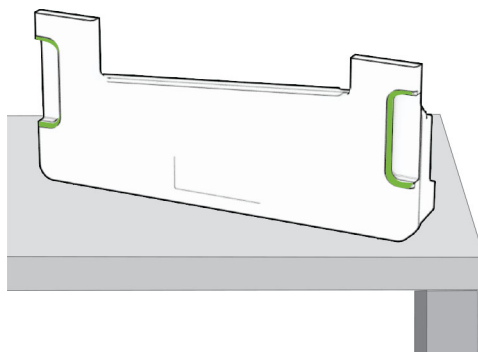




**2** Tháo hộp mực thải đã qua sử dụng.

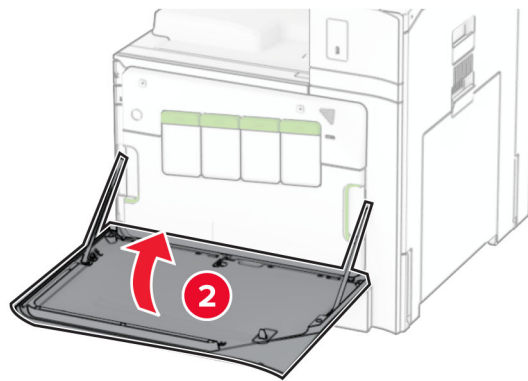
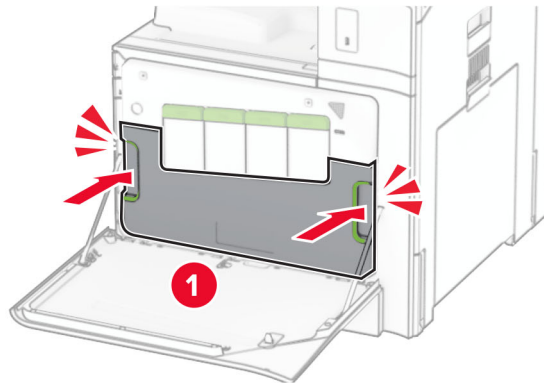


**Lưu ý:** Để tránh làm đổ mực, hãy đặt hộp mực ở vị trí thẳng đứng.



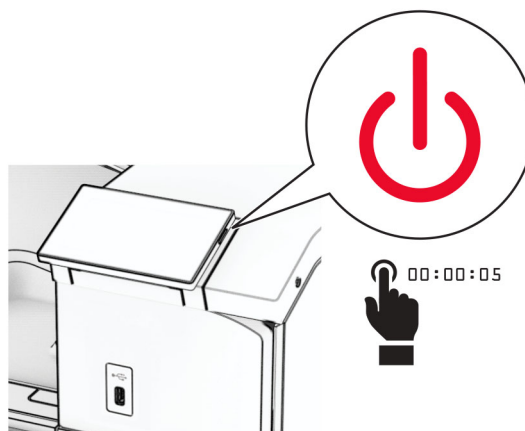
**3** Mở gói hộp mực thải mới.

4 Lắp hộp mực thải mới cho đến khi khớp vào đúng vị trí, sau đó đóng cửa.



## Thay bộ sấy

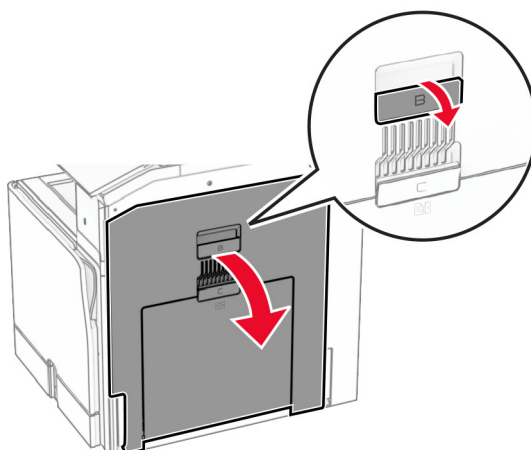
1 Tắt máy in.



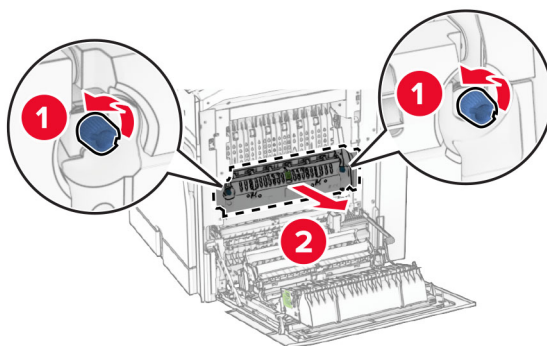
2 Rút dây nguồn ra khỏi ổ cắm điện và máy in.

3 Mở cửa B.

**⚠ CHÚ Ý—BỀ MẶT NÓNG:** Bên trong máy in có thể nóng. Để giảm rủi ro chấn thương do bộ phận máy bị nóng, hãy để cho bề mặt nguội xuống trước khi chạm vào.

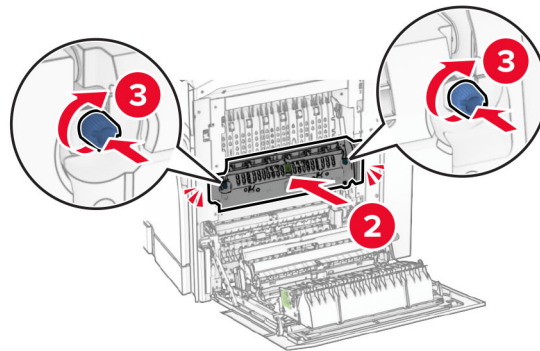
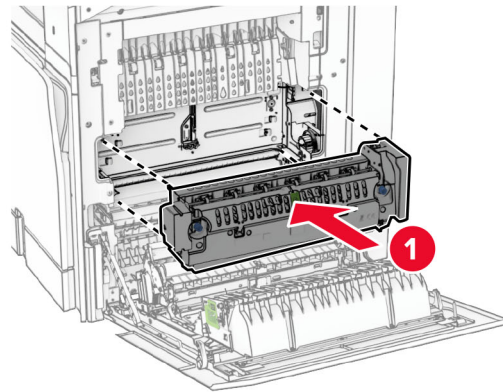


4 Mở khóa, sau đó tháo bộ sấy đã sử dụng.



5 Mở bao bì của bộ sấy mới.

6 Lắp bộ sấy mới cho đến khi khớp vào đúng vị trí, sau đó khóa lại.



7 Đóng cửa B.

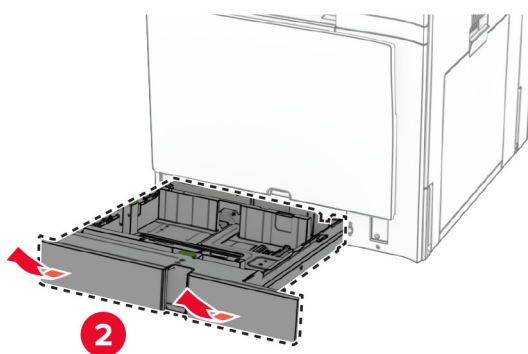
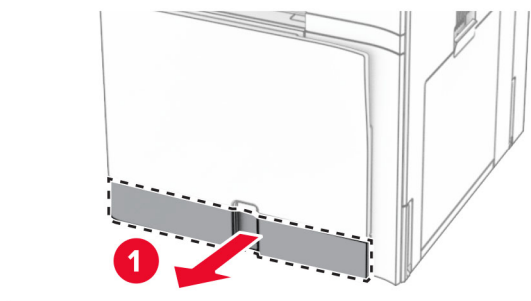
8 Cắm một đầu dây nguồn với máy in, sau đó cắm đầu còn lại vào ổ cắm điện.

**⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG:** Để tránh rủi ro hỏa hoạn hoặc điện giật, hãy nối dây nguồn với ổ cắm điện có công suất định mức phù hợp, được nối đất đúng cách, gần với sản phẩm và dễ tiếp cận.

9 Bật máy in.

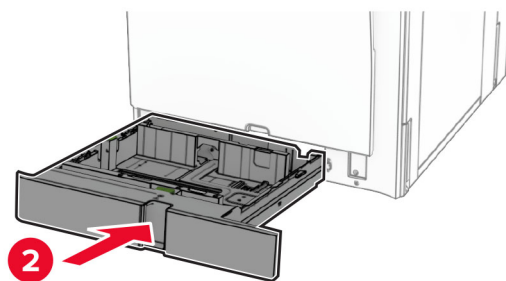
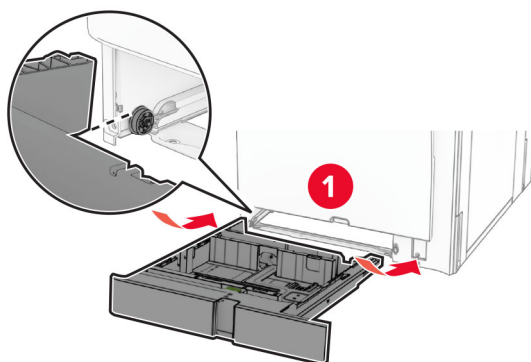
## Thay bộ chèn khay

1 Kéo bộ chèn khay đã sử dụng ra.



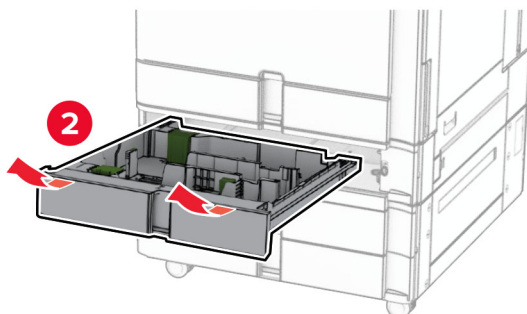
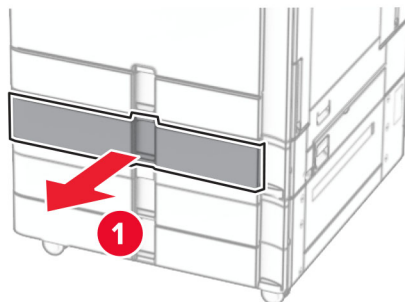
2 Mở bao bì của bộ chèn khay mới.

3 Lắp bộ chèn khay mới.

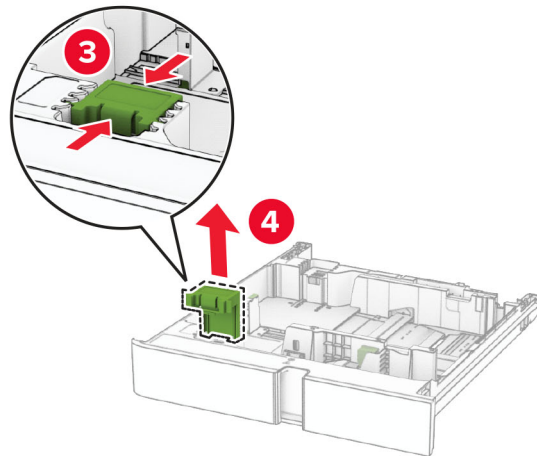
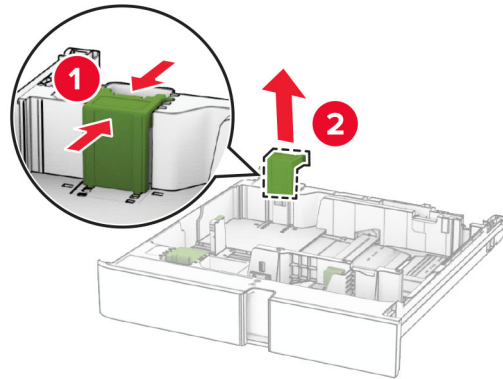


## Thay thanh dẫn mặt bên trong khay 550 tờ tùy chọn

1 Kéo khay ra.

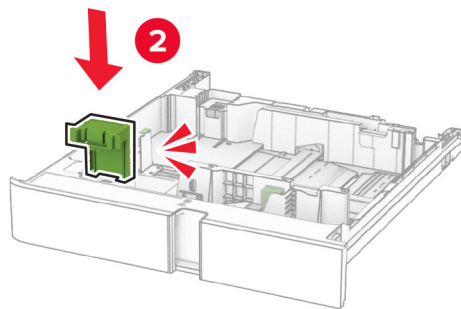
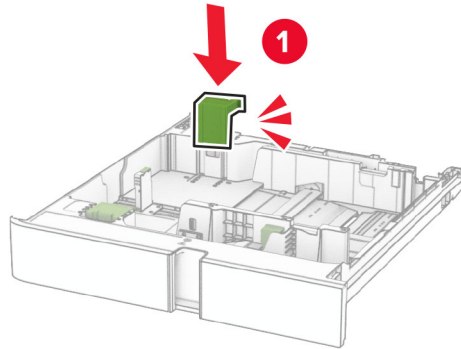


2 Tháo thanh dẫn mặt bên đã sử dụng.



3 Mở bao bì của thanh dẫn mặt bên mới.

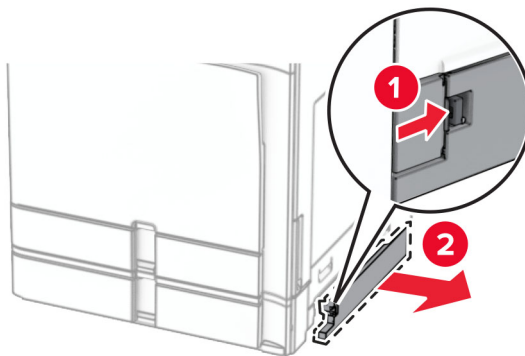
4 Lắp thanh dẫn mặt bên mới cho đến khi khớp vào đúng vị trí.



5 Lắp khay vào.

### Thay nắp trong khay 550 tùy chọn

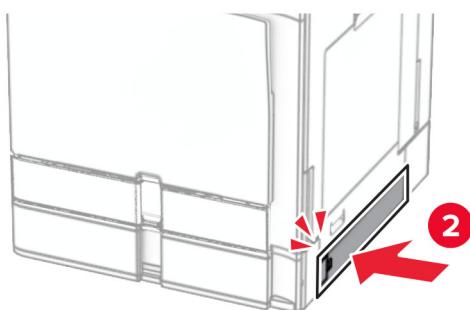
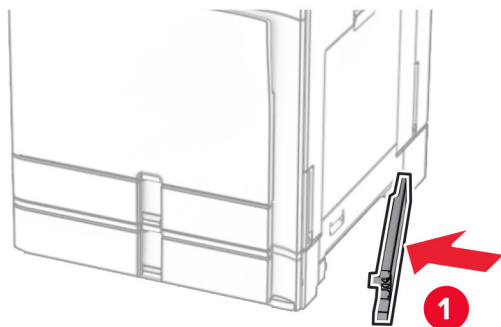
1 Tháo nắp khay đã sử dụng.



2 Mở bao bì của nắp khay mới.

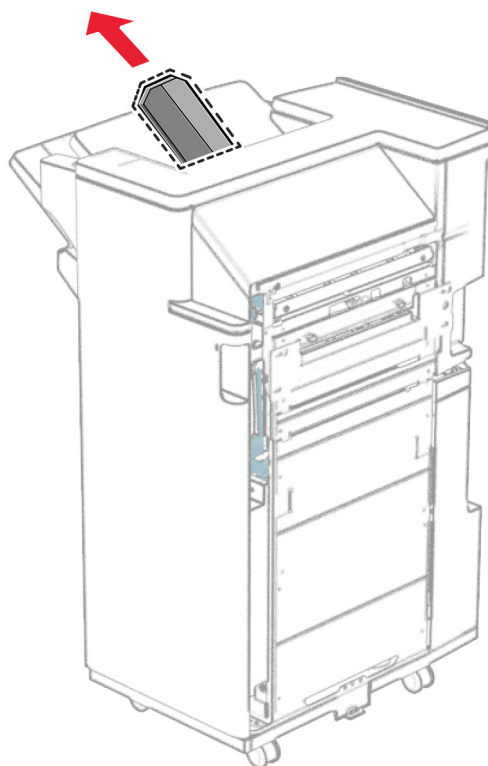


3 Lắp nắp khay mới cho đến khi khớp vào đúng chỗ.



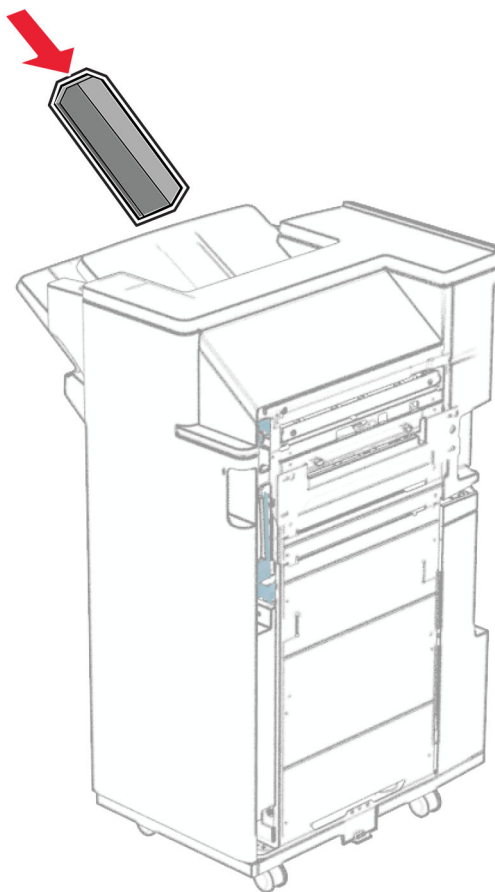
## Thay khay mở rộng ngăn giấy trên của bộ hoàn thiện tập sách

1 Tháo khay mở rộng ngăn giấy trên đã sử dụng.



2 Mở bao bì của khay mở rộng ngăn giấy trên mới.

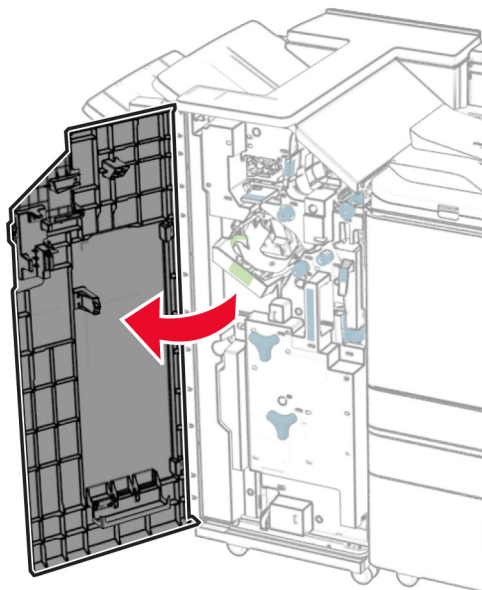
3 Lắp khay mở rộng ngăn giấy trên mới.



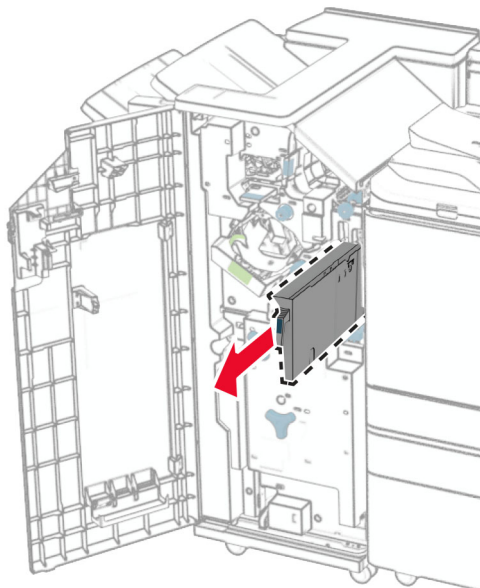
## Thay hộp mực lỗi

**Lưu ý:** Tùy theo bộ hoàn thiện được lắp, hình dạng của hộp mực lỗi có thể khác nhau.

1 Mở cửa bộ hoàn thiện.

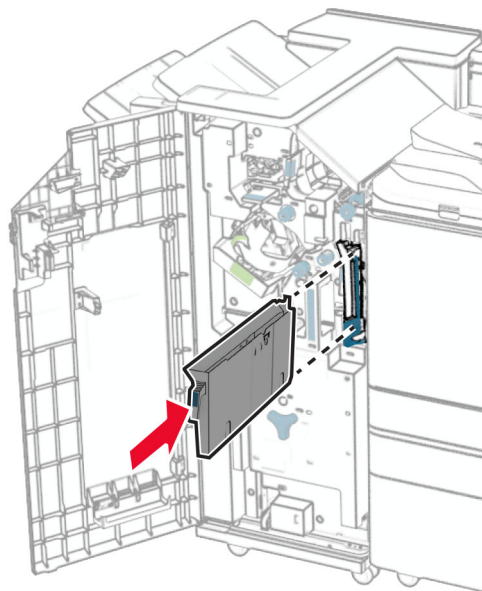


2 Tháo hộp mực lỗi đã sử dụng.



3 Mở bao bì của hộp mực lỗi mới.

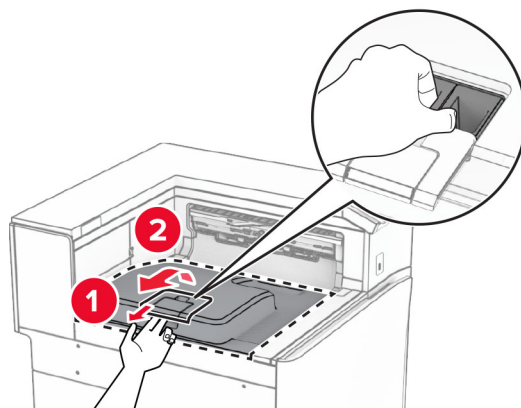
#### 4 Lắp hộp đựng lỗ mới.



#### 5 Đóng cửa bộ hoàn thiện.

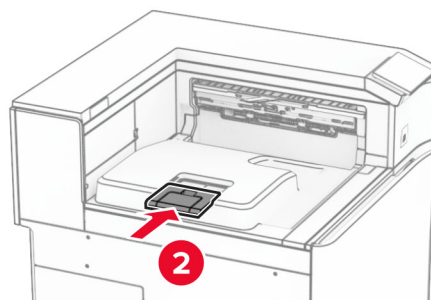
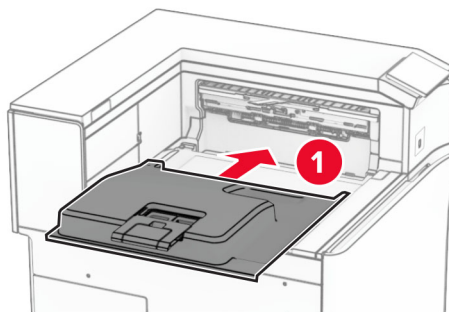
### Thay ngăn giấy chuẩn

#### 1 Tháo ngăn giấy chuẩn đã sử dụng.



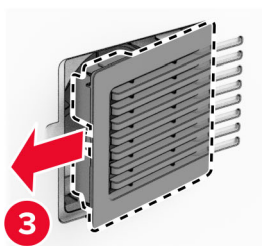
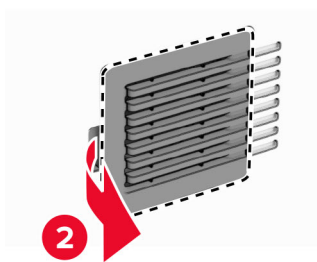
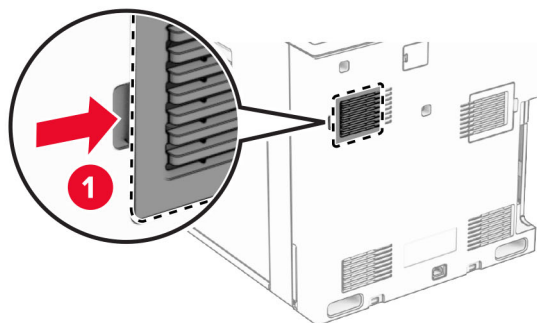
#### 2 Mở bao bì của ngăn giấy chuẩn mới.

3 Lắp ngăn giấy chuẩn mới.



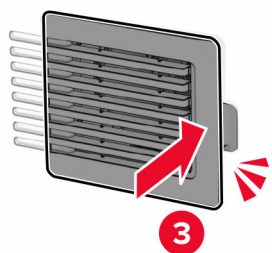
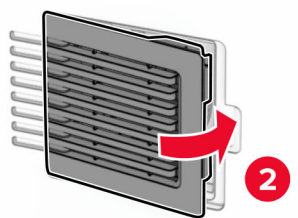
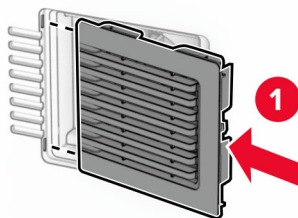
## Thay nắp quạt

1 Tháo nắp quạt đã sử dụng.



2 Mở bao bì nắp quạt mới.

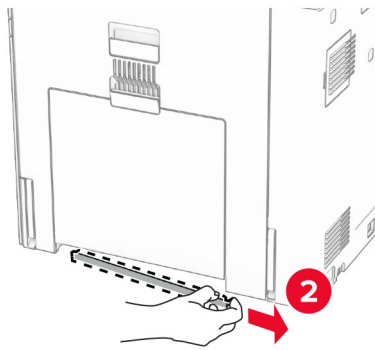
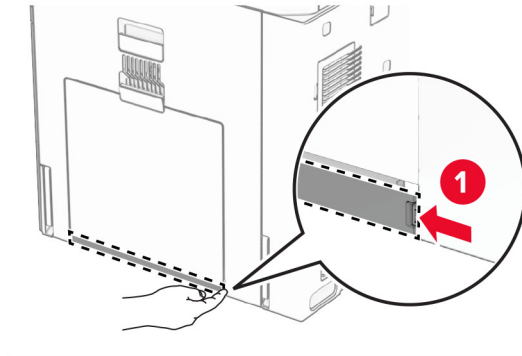
3 Lắp nắp quạt mới cho đến khi khớp vào đúng chỗ.





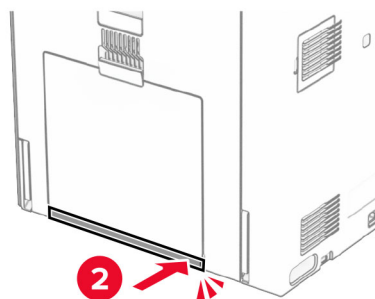
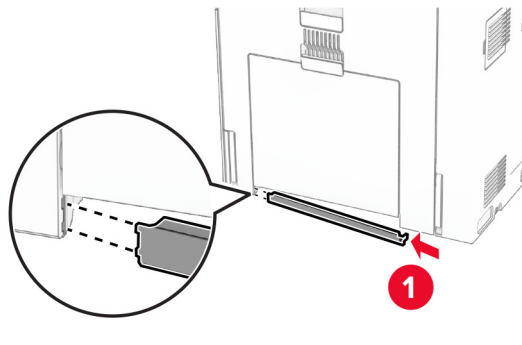
## Thay nắp bên phải

1 Tháo nắp bên phải đã qua sử dụng.



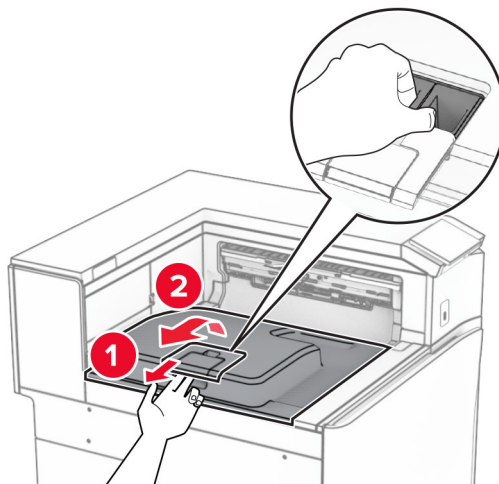
2 Mở bao bì nắp quạt mới.

3 Lắp nắp quạt mới cho đến khi khớp vào đúng chỗ.

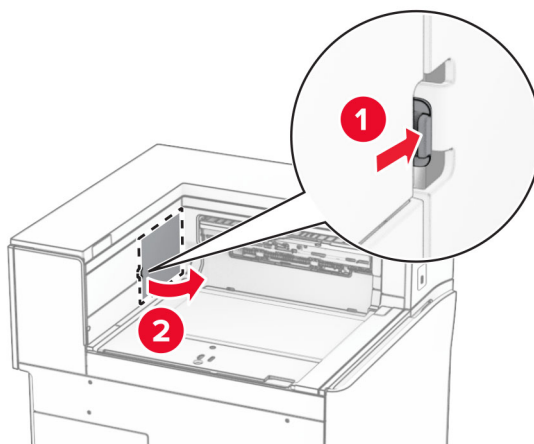


## Thay nắp của đầu nối bộ phận vận chuyển giấy

1 Tháo ngăn giấy chuẩn.

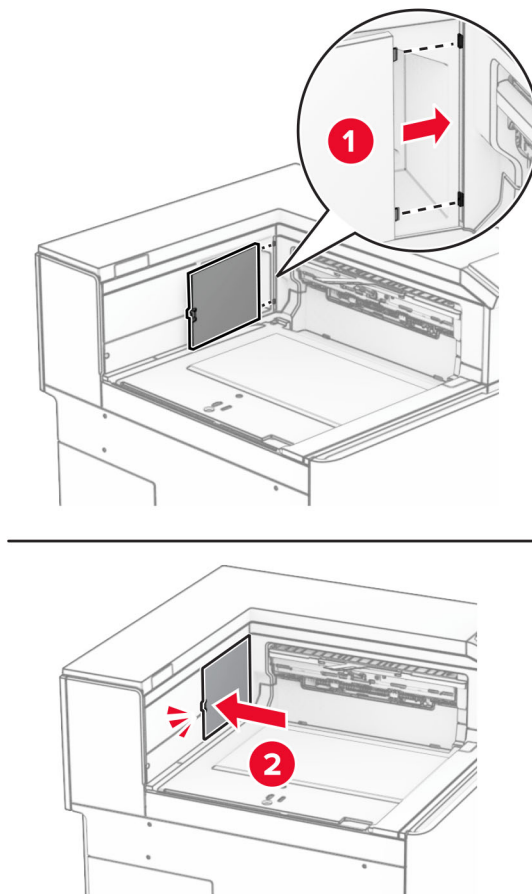


2 Tháo nắp đã sử dụng của đầu nối bộ phận vận chuyển giấy.

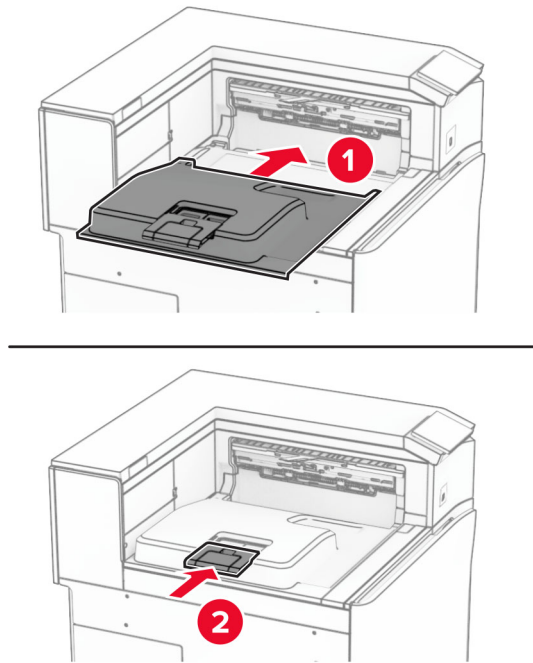


3 Mở bao bì của nắp đầu nối mới.

4 Lắp nắp đầu nối mới cho đến khi khớp vào đúng vị trí.



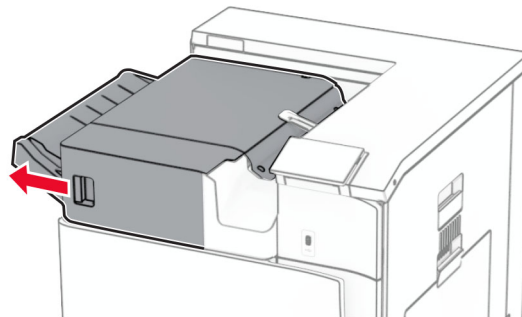
**5 Lắp ngăn giấy chuẩn.**



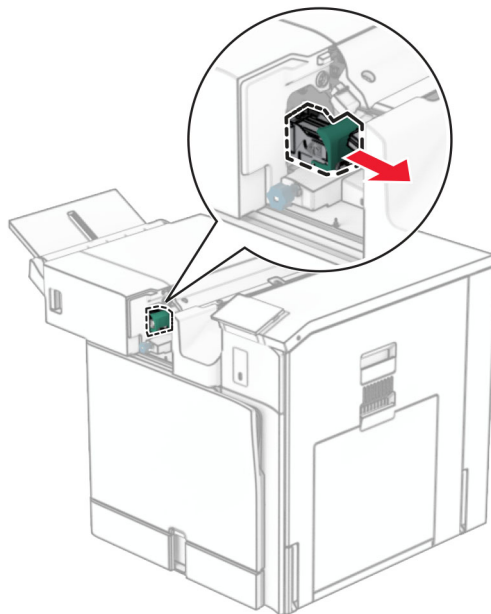
**Thay thế hộp ghim**

**Thay hộp ghim trong bộ hoàn thiện dập ghim**

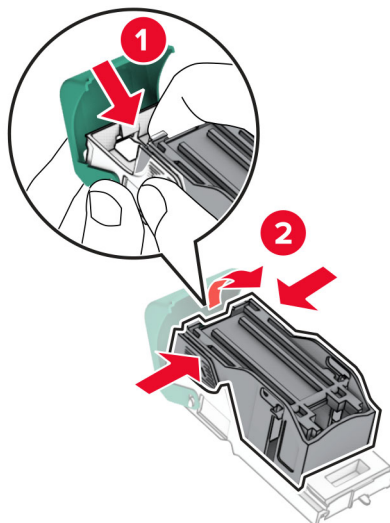
- 1 Nắm tay cầm F rồi trượt bộ hoàn thiện dập ghim sang bên trái.



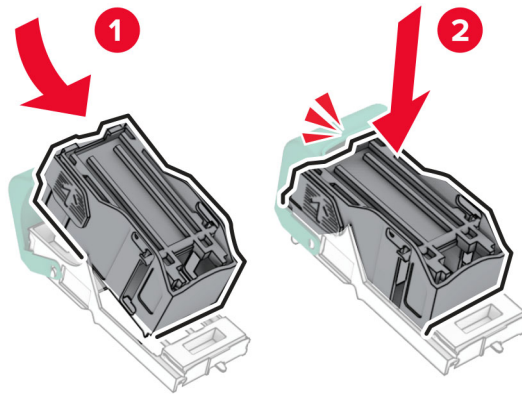
2 Tháo bộ đỡ hộp ghim.



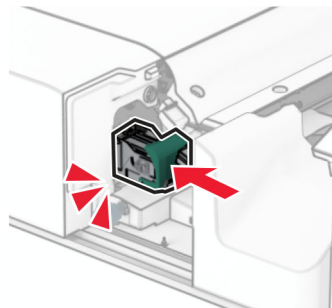
3 Tháo hộp ghim đã hết.



4 Lắp hộp ghim mới cho đến khi khớp vào đúng vị trí.



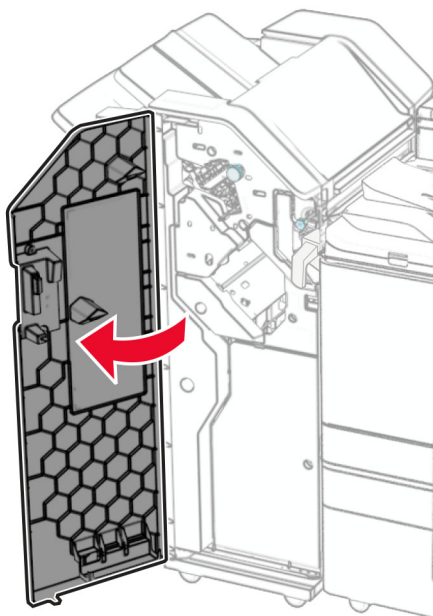
5 Lắp bộ đỡ hộp ghim cho đến khi khớp vào đúng vị trí.



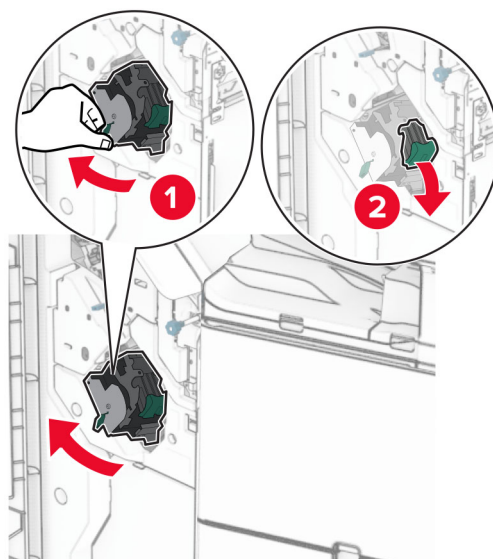
6 Trượt bộ hoàn thiện dập ghim sang bên phải.

## Thay hộp ghim trong bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ

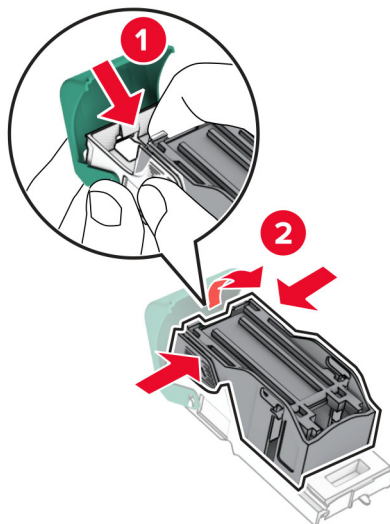
1 Mở cửa H.



2 Kéo tay cầm màu xanh lá ra, rồi tháo bộ đỡ hộp ghim.

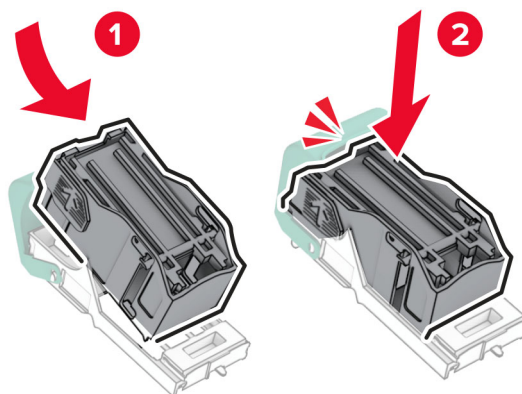


3 Tháo hộp ghim đã hết.



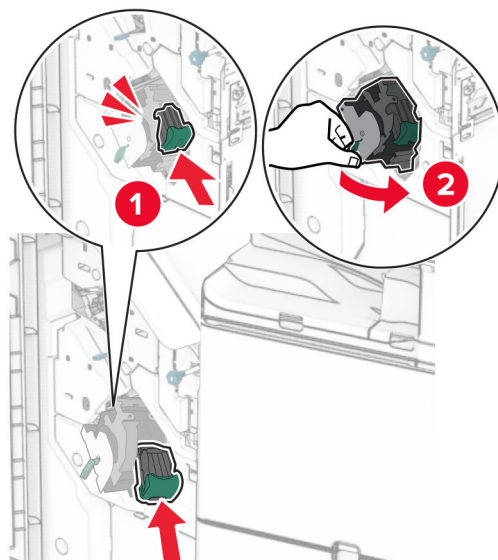
4 Mở bao bì của hộp ghim mới.

5 Lắp hộp ghim mới cho đến khi khớp vào đúng vị trí.





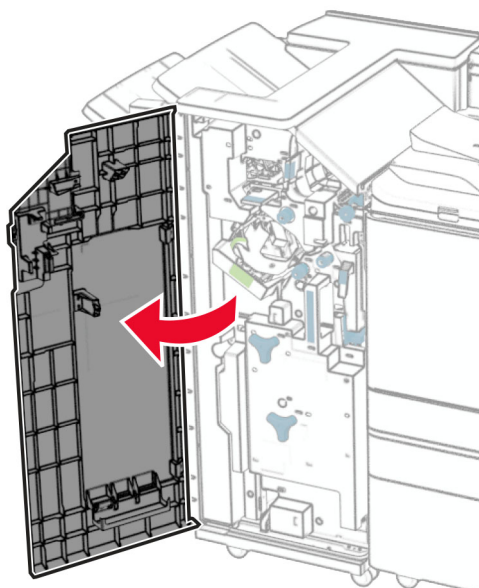
6 Lắp bộ đỡ hộp ghim cho đến khi khớp vào đúng vị trí.



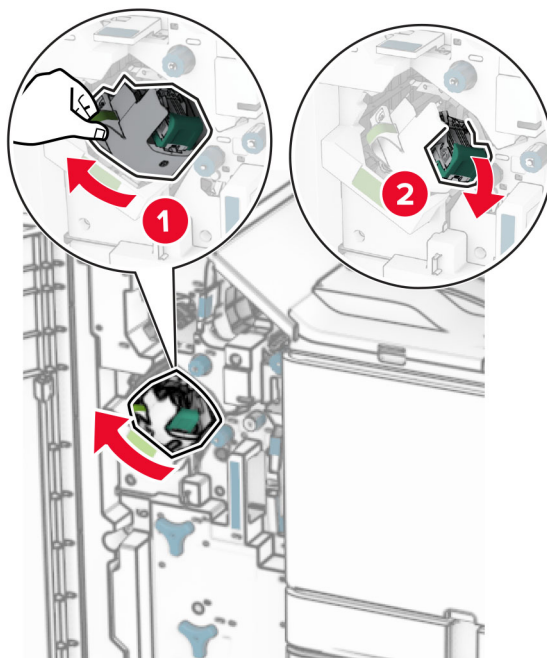
7 Đóng cửa H.

Thay hộp ghim trong bộ hoàn thiện tập sách

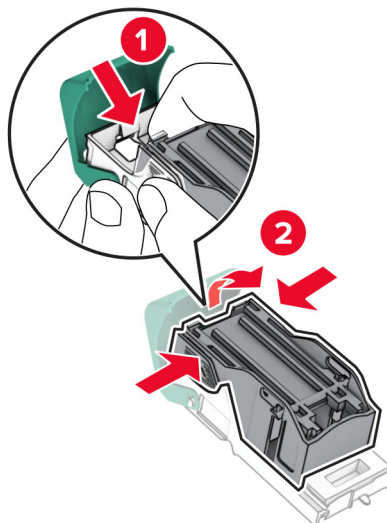
1 Mở cửa H.



2 Kéo tay cầm màu xanh lá ra, rồi tháo bộ đỡ hộp ghim.

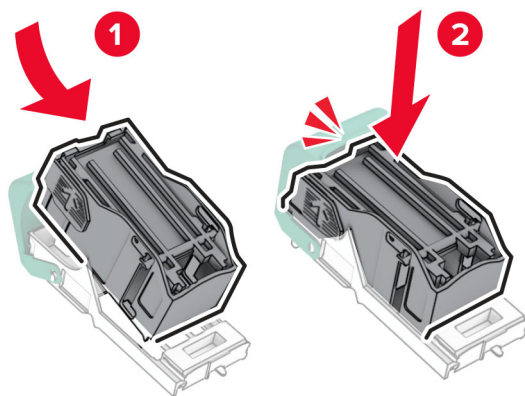


3 Tháo hộp ghim đã hết.

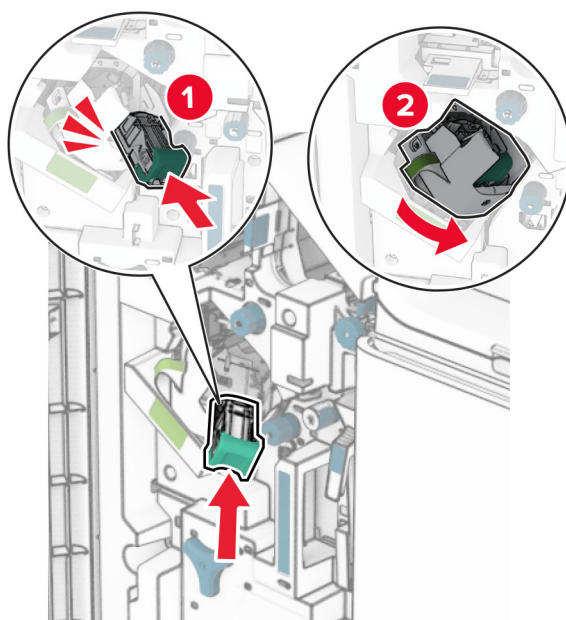


4 Mở bao bì của hộp ghim mới.

5 Lắp hộp ghim mới cho đến khi khớp vào đúng vị trí.



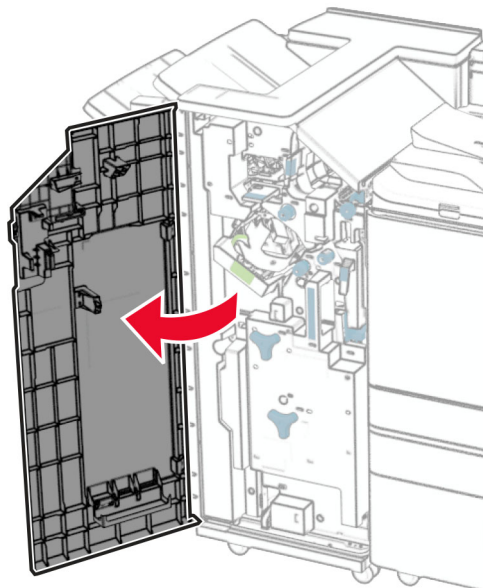
6 Lắp bộ đỡ hộp ghim cho đến khi khớp vào đúng vị trí.



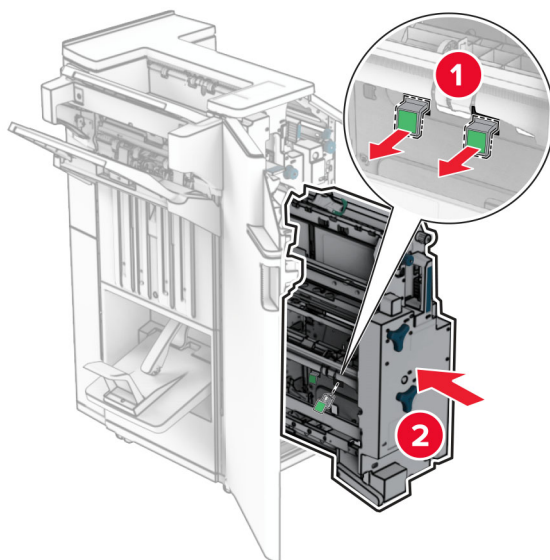
7 Đóng cửa H.

## Thay bộ đỡ hộp ghim trong bộ hoàn thiện tập sách

1 Mở cửa bộ hoàn thiện.

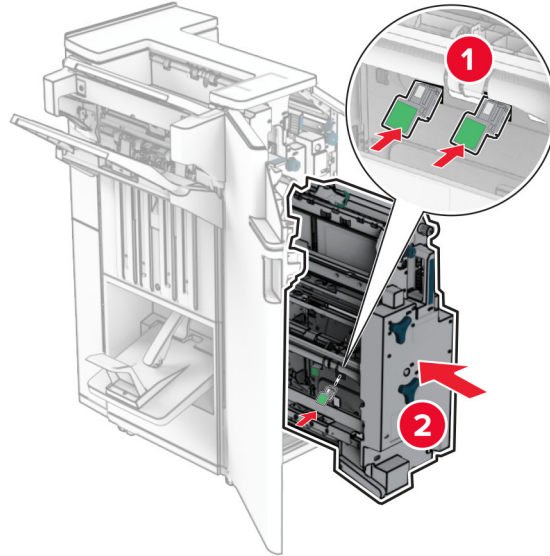


2 Kéo máy đóng tập sách ra, rồi tháo bộ đỡ hộp ghim đã sử dụng.



3 Mở bao bì của bộ đỡ hộp ghim mới.

#### 4 Lắp bộ đỡ hộp ghim mới.



#### 5 Lắp máy đóng tập sách rồi đóng cửa bộ hoàn thiện.

### đặt lại bộ đếm sử dụng vật tư

- 1 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Thiết bị > Bảo trì > Menu cấu hình > Mức sử dụng vật tư và bộ đếm**.
- 2 Chọn bộ đếm mà bạn muốn đặt lại.

**Cảnh báo—Nguy cơ hỏng:** Có thể đặt lại và tái sản xuất các vật tư và bộ phận không có điều khoản thỏa thuận về Chương trình hoàn trả. Tuy nhiên, bảo hành của nhà sản xuất không bao gồm hư hỏng do sử dụng vật tư hoặc bộ phận không chính hãng. Việc đặt lại bộ đếm vật tư hoặc bộ phận không được tái sản xuất đúng cách có thể gây hư hỏng cho máy in của bạn. Sau khi đặt lại bộ đếm vật tư hoặc bộ phận, máy in của bạn có thể hiển thị lỗi cho biết sự hiện diện của mực đặt lại.

## Vệ sinh các bộ phận của máy in

### Vệ sinh máy in

**⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ GIẬT ĐIỆN:** Để tránh rủi ro điện giật khi vệ sinh bên ngoài máy in, hãy rút dây nguồn khỏi ổ cắm điện và rút toàn bộ cáp khỏi máy in trước khi tiến hành.

#### Lưu ý:

- Thực hiện tác vụ này một lần sau vài tháng.
- Hư hỏng máy in do xử lý không đúng cách sẽ không được bảo hành.

- 1 Tắt máy in, sau đó rút dây nguồn khỏi ổ cắm điện.
- 2 Lấy giấy ra khỏi ngăn giấy chuẩn và khay nạp giấy đa năng.

- Sử dụng bàn chải lông mềm hoặc máy hút bụi để loại bỏ bụi, xơ vải và mảnh giấy xung quanh máy in.
- Sử dụng vải ẩm, mềm, không xơ để lau sạch mặt ngoài của máy in.

**Lưu ý:**

- Không sử dụng các chất làm sạch hoặc chất tẩy rửa dùng trong gia đình, vì chúng có thể làm hỏng lớp hoàn thiện của máy in.
- Đảm bảo tất cả khu vực của máy in khô sau khi vệ sinh.

- Cắm dây nguồn vào ổ cắm điện, sau đó bật máy in.

**⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ TỬN THƯƠNG:** Để tránh rủi ro hỏa hoạn hoặc điện giật, hãy nối dây nguồn với ổ cắm điện có công suất định mức phù hợp, được nối đất đúng cách, gần với sản phẩm và dễ tiếp cận.

## Vệ sinh màn hình cảm ứng

**⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ GIẬT ĐIỆN:** Để tránh nguy cơ bị điện giật khi vệ sinh bên ngoài máy in, hãy rút dây nguồn khỏi ổ cắm điện và ngắt kết nối tất cả các dây cáp khỏi máy in trước khi thực hiện vệ sinh.

- Tắt máy in, sau đó rút dây nguồn khỏi ổ cắm điện.
- Sử dụng vải ẩm, mềm, không xơ để lau sạch màn hình cảm ứng.

**Lưu ý:**

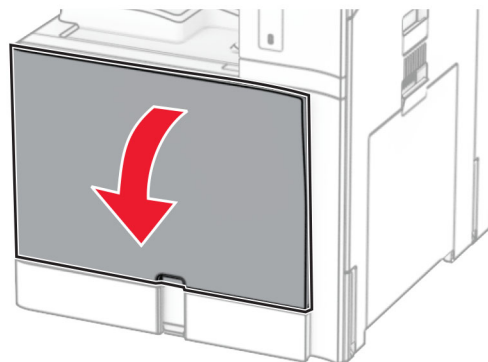
- Không được sử dụng dung dịch tẩy rửa gia dụng hoặc chất tẩy rửa vì những chất này có thể làm hỏng màn hình cảm ứng.
- Đảm bảo làm khô màn hình cảm ứng sau khi vệ sinh.

- Cắm dây nguồn vào ổ cắm điện, sau đó bật máy in.

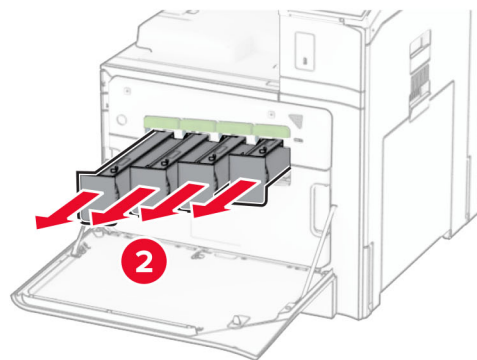
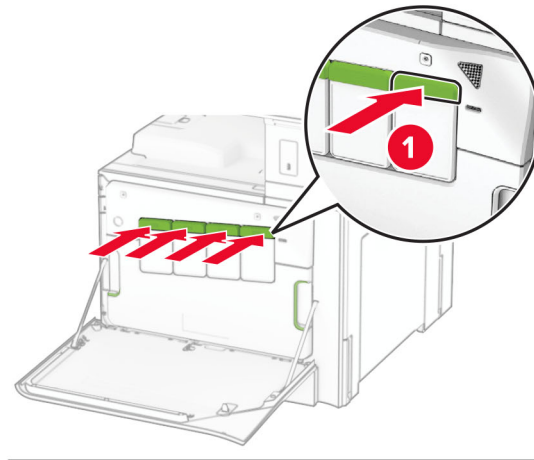
**⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ TỬN THƯƠNG:** Để tránh rủi ro hỏa hoạn hoặc điện giật, hãy nối dây nguồn với ổ cắm điện có công suất định mức phù hợp, được nối đất đúng cách, gần với sản phẩm và dễ tiếp cận.

## Vệ sinh thấu kính đầu in

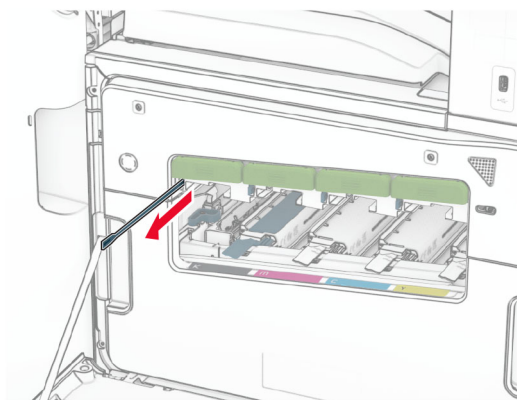
- Mở cửa trước.



2 Tháo hộp mực.

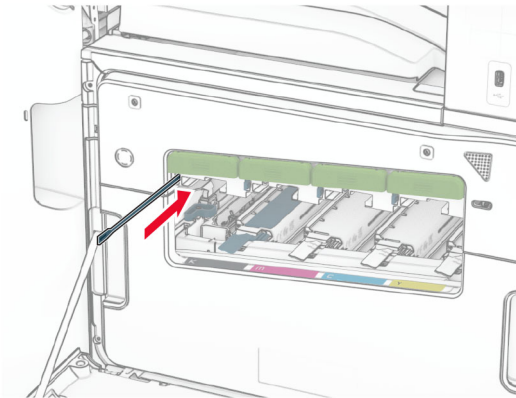


3 Kéo nhẹ thanh gạt mực ra cho đến khi dừng.



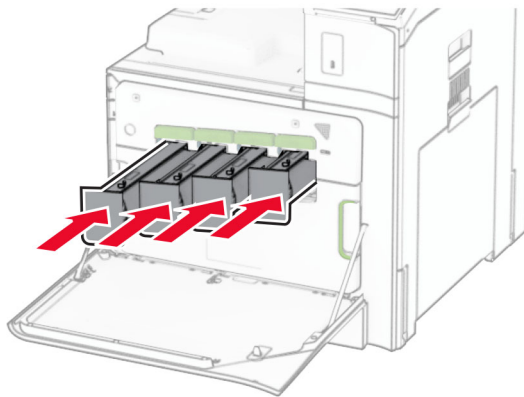
**Lưu ý:** Không tháo thanh gạt mực khỏi máy in.

4 Đẩy thanh gạt mực trở lại đầu in cho đến khi dừng.



5 Lặp lại [bước 3](#) và [bước 4](#) ba lần cho mỗi đầu in.

6 Lắp hộp mực.



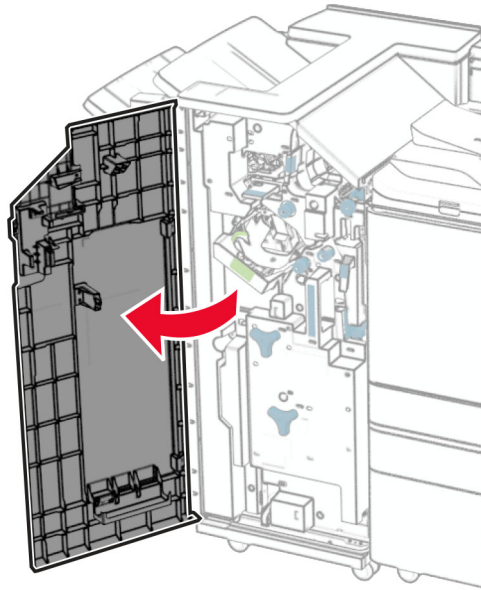
7 Đóng cửa trước.



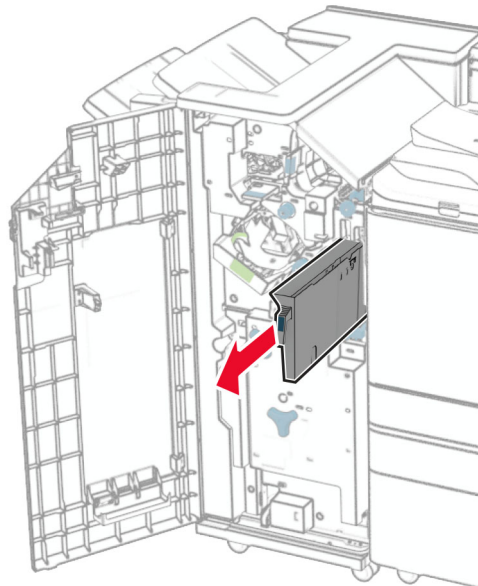
## Lấy hết giấy khỏi hộp đựng lỗ

Lưu ý: Tùy theo bộ hoàn thiện được lắp, hình dạng của hộp đựng lỗ có thể khác nhau.

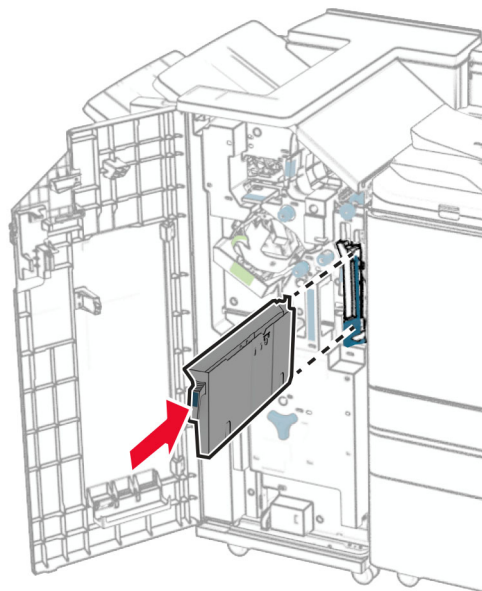
1 Mở cửa bộ hoàn thiện.



2 Tháo, sau đó lấy hết giấy khỏi hộp đựng lỗ.



### 3 Lắp hộp mực lổ.



### 4 Đóng cửa bộ hoàn thiện.

## Tiết kiệm năng lượng và giấy

### Cấu hình cài đặt chế độ tiết kiệm điện

#### chế độ Ngủ

- 1 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Thiết bị > Quản lý năng lượng > Thời gian chờ > Chế độ ngủ**.
- 2 Đặt khoảng thời gian máy in không hoạt động trước khi chuyển sang **Chế độ ngủ**.

#### chế độ Ngủ đông

- 1 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Thiết bị > Quản lý năng lượng > Thời gian chờ > Thời gian chờ ngủ đông**.
- 2 Đặt khoảng thời gian máy in không hoạt động trước khi chuyển sang chế độ ngủ đông.

#### Lưu ý:

- Để chế độ **Thời gian chờ ngủ đông** hoạt động, hãy đặt **Thời gian chờ ngủ đông** khi kết nối là **Ngủ đông**.
- Máy chủ web nhúng bị tắt khi máy in ở chế độ ngủ đông.

### Điều chỉnh độ sáng màn hình

- 1 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Thiết bị > Tùy chọn**.
- 2 Trong menu **Độ sáng màn hình**, hãy điều chỉnh cài đặt.


## Bảo quản vật tư


- In trên cả hai mặt giấy.


**Lưu ý:** In hai mặt là cài đặt mặc định trong máy in.

- In nhiều trang trên một tờ giấy.
- Sử dụng tính năng xem trước để xem tài liệu trông như thế nào trước khi in.
- In một bản sao của tài liệu để kiểm tra nội dung và định dạng có chính xác không.

## Di chuyển máy in đến vị trí khác

 **CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG:** Nếu máy in nặng hơn 20 kg (44 lb), có thể sẽ cần có hai người trở lên để nâng máy in lên một cách an toàn.

 **CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG:** Để tránh rủi ro hỏa hoạn hoặc điện giật, chỉ sử dụng dây điện được cung cấp cùng với sản phẩm này hoặc phụ kiện thay thế được ủy quyền của nhà sản xuất.

 **CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG:** Khi di chuyển máy in, hãy làm theo các hướng dẫn sau đây để tránh thương tích cá nhân hoặc hư hỏng máy in:

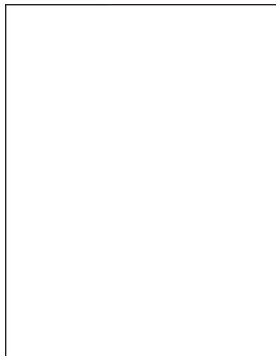
- Đảm bảo tất cả các cửa và khay đã được đóng.
- Tắt máy in, sau đó rút dây nguồn khỏi ổ cắm điện.
- Ngắt kết nối tất cả dây điện và cáp ra khỏi máy in.
- Nếu máy in có các khay tùy chọn đặt riêng trên sàn hoặc các tùy chọn đầu ra được gắn vào máy in, hãy ngắt kết nối chúng trước khi di chuyển máy in.
- Nếu máy in có đế bánh xe, hãy cẩn thận di chuyển máy đến vị trí mới. Hãy cẩn trọng khi di chuyển qua các bậc cửa và các khe nứt trên nền nhà.
- Nếu máy in không có đế bánh xe nhưng được thiết lập cấu hình bằng các khay tùy chọn hoặc tùy chọn đầu ra, hãy tháo các tùy chọn đầu ra và nhấc máy in ra khỏi khay. Không cố gắng nâng máy in và các tùy chọn bất kỳ cùng lúc.
- Luôn sử dụng tay cầm trên máy in để nâng máy in lên.
- Xe đẩy dùng để di chuyển máy in phải có bề mặt đỡ được toàn bộ khung máy in.
- Các xe đẩy dùng để di chuyển các tùy chọn phần cứng đều phải có bề mặt có thể hỗ trợ kích thước của các tùy chọn.
- Giữ máy in ở vị trí thẳng đứng.
- Tránh va chạm mạnh.
- Đảm bảo không để tay bên dưới máy in khi đặt máy xuống.
- Đảm bảo có đủ khoảng trống xung quanh máy in.

**Lưu ý:** Hư hỏng máy in do di chuyển không đúng cách sẽ không được bảo hành.

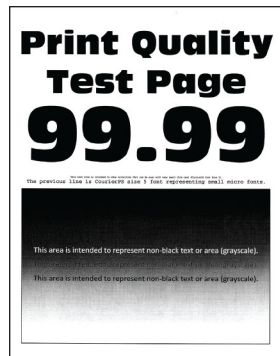
# Khắc phục sự cố

## Sự cố chất lượng in

Tìm hình ảnh giống với sự cố chất lượng in bạn đang gặp phải, và sau đó nhấp vào liên kết bên dưới để đọc các bước giải quyết vấn đề.



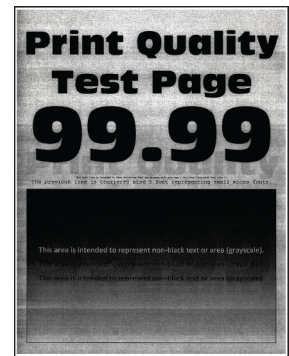
[“Trang trống hoặc trang trắng” trên trang 360](#)



[“In tối màu” trên trang 361](#)



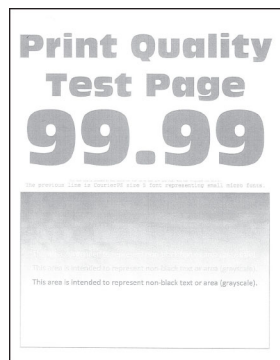
[“Bóng ảnh” trên trang 362](#)



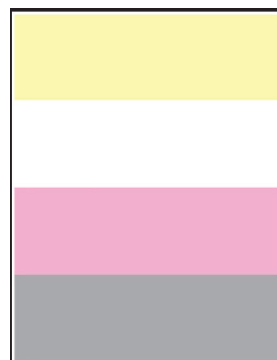
[“Nền màu hoặc màu xám” trên trang 362](#)



[“Lề không chính xác” trên trang 363](#)



[“In nhạt” trên trang 363](#)



[“Thiếu màu sắc” trên trang 364](#)



[“bản in bị nhiều đốm và dấu chấm” trên trang 365](#)



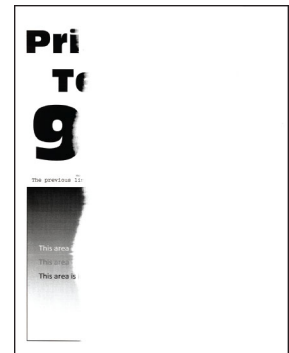
[“Giấy bị uốn” trên trang 426](#)



[“Bản in bị cong hoặc lệch” trên trang 366](#)



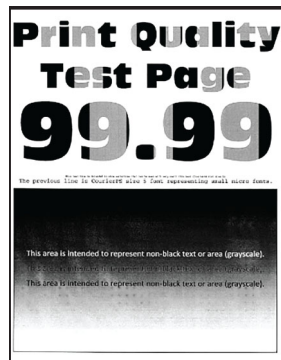
[“Hình ảnh chỉ có một màu hoặc toàn màu đen” trên trang 366](#)



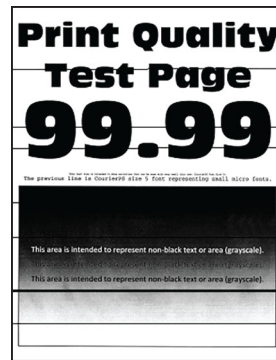
[“Văn bản hoặc hình ảnh bị cắt bỏ” trên trang 367](#)



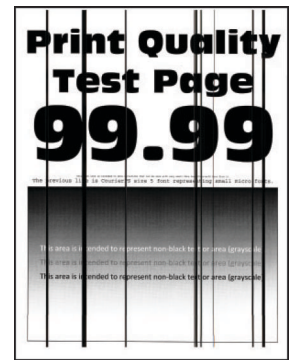
“Mức dễ bị bong ra” trên trang 368



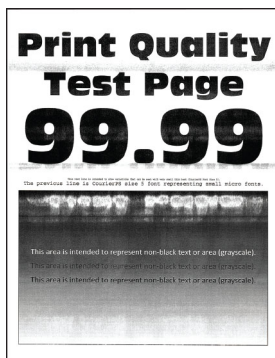
“Mật độ in không đều” trên trang 368



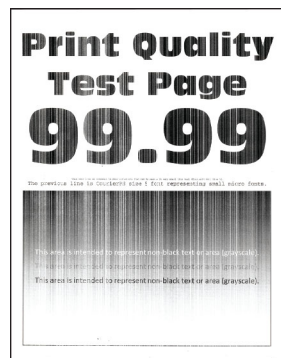
“Các đường kẻ ngang đậm” trên trang 369



“Các đường tối dọc” trên trang 370



“Đường kẻ ngang màu trắng” trên trang 370



“Đường kẻ dọc màu trắng” trên trang 371




“Lỗi lặp lại” trên trang 372

## Mã lỗi máy in

Mã lỗi	Thông báo lỗi	Giải pháp
2.01	Vật tư cần thiết.	Chọn <b>Hủy lệnh</b> và đặt mua vật tư cần thiết. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem <a href="#">“Đặt mua các bộ phận và vật tư” trên trang 293</a> .
3.01	Ngăn giấy đầu ra tiêu chuẩn đã đầy.	Loại bỏ giấy khỏi ngăn giấy, sau đó chọn <b>Tiếp tục</b> .
3.02, 3.03, 3.04	Loại bỏ giấy khỏi ngăn giấy [x].	Loại bỏ giấy khỏi ngăn giấy, sau đó chọn <b>Tiếp tục</b> .
7.13, 7.23, 7.33, 7.43	Lắp khay [x].	Lắp khay được chỉ định.
8.01	Đóng cửa trước.	Giữ cửa trước đóng trừ khi bạn tiến hành bảo trì.
8.02, 8.03, 8.04, 8.05, 8.08, 8.10, 8.11	Đóng cửa [x].	Giữ cửa được chỉ định đóng trừ khi bạn tiến hành bảo trì.
8.06	Gắn lại khay 1500 tờ.	Đảm bảo khay được gắn vào máy in đúng cách.
8.07	Gắn lại bộ hoàn thiện dập ghim.	Đảm bảo bộ hoàn thiện được gắn vào máy in đúng cách.
8.08	Đóng nắp F của bộ phận vận chuyển giấy.	Giữ nắp đóng trừ khi bạn tiến hành bảo trì.
8.09	Đóng nắp G của bộ phận vận chuyển giấy.	

Mã lỗi	Thông báo lỗi	Giải pháp
9	Máy in phải khởi động lại. Lệnh cuối cùng có thể chưa hoàn tất.	Chọn <b>Tiếp tục</b> để xóa tin nhắn và tiếp tục in.
11.11, 11.21, 11.31, 11.41, 11.51, 11.81, 11.91	Tải <source/> bằng <type/> <size/>.	Nạp giấy vào khay được chỉ định. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem <a href="#">"Nạp giấy và giấy chuyên dụng" trên trang 67.</a>
11.12, 11.22, 11.32, 11.42, 11.82, 11.92	Tải <source/> bằng <type/> <size/> <orientation/>.	
12.11, 12.21, 12.31, 12.41, 12.51, 12.91	Thay đổi <source/> thành <type/> <size/>.	Kéo khay được chỉ định ra, lấy giấy ra, sau đó nạp đúng loại và khổ giấy. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem <a href="#">"Nạp giấy và giấy chuyên dụng" trên trang 67.</a>
12.12, 12.22, 12.32, 12.42, 12.92	Thay đổi <source/> thành <type/> <size/> <orientation/>.	
31.00	Hộp đục lỗ bị thiếu hoặc đầy.	<ol style="list-style-type: none"> <li>Mở cửa H.</li> <li>Tháo hộp đục lỗ. <b>Lưu ý:</b> Nếu hộp đục lỗ đầy, hãy làm rỗng hộp.</li> <li>Lắp hộp đục lỗ.</li> <li>Đóng cửa H.</li> </ol>
31.35, 31.35A, 31.35B	Lắp lại hộp mực thải bị thiếu hoặc không phản hồi.	<ol style="list-style-type: none"> <li>Mở cửa trước.</li> <li>Tháo hộp mực thải. <b>Lưu ý:</b> Để tránh làm đổ mực, hãy đặt hộp mực ở vị trí thẳng đứng.</li> <li>Lắp hộp mực thải.</li> <li>Đóng cửa trước.</li> </ol>
31.40z, 31.41z, 31.42z, 31.43z	Lắp lại hộp mực [màu] bị thiếu hoặc không phản hồi.	<ol style="list-style-type: none"> <li>Mở cửa trước.</li> <li>Tháo hộp mực.</li> <li>Lắp hộp mực.</li> <li>Đóng cửa trước.</li> </ol>

Mã lỗi	Thông báo lỗi	Giải pháp
31.60z	<b>Lắp lại hộp quang đen bị thiếu hoặc không phản hồi.</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1 Mở cửa trước.</li> <li>2 Tháo hộp mực.</li> <li>3 Tháo hộp mực thải. <b>Lưu ý:</b> Để tránh làm đổ mực, hãy đặt hộp mực ở vị trí thẳng đứng.</li> <li>4 Tháo bộ quang. <b>Cảnh báo—Nguy cơ hỏng:</b> Không để bộ quang tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng. Tiếp xúc lâu với ánh sáng có thể gây ra sự cố chất lượng bản in. <b>Cảnh báo—Nguy cơ hỏng:</b> Không chạm vào trống quang dẫn. Làm như vậy có thể ảnh hưởng đến chất lượng của các lệnh in trong tương lai.</li> <li>5 Mở khóa, sau đó tháo hộp quang đen.</li> <li>6 Lắp hộp quang đen, sau đó khóa hộp quang vào đúng vị trí.</li> <li>7 Lắp bộ quang vào cho đến khi nó nằm đúng vị trí.</li> <li>8 Lắp hộp mực thải.</li> <li>9 Lắp hộp mực.</li> <li>10 Đóng cửa trước.</li> </ol>
31.64z	<b>Lắp lại bộ quang màu bị thiếu, bị rút ra hoặc không phản hồi.</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1 Mở cửa trước.</li> <li>2 Tháo hộp mực.</li> <li>3 Tháo hộp mực thải. <b>Lưu ý:</b> Để tránh làm đổ mực, hãy đặt hộp mực ở vị trí thẳng đứng.</li> <li>4 Tháo bộ quang. <b>Cảnh báo—Nguy cơ hỏng:</b> Không để bộ quang tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng. Tiếp xúc lâu với ánh sáng có thể gây ra sự cố chất lượng bản in. <b>Cảnh báo—Nguy cơ hỏng:</b> Không chạm vào trống quang dẫn. Làm như vậy có thể ảnh hưởng đến chất lượng của các lệnh in trong tương lai.</li> <li>5 Lắp bộ quang vào cho đến khi nó nằm đúng vị trí.</li> <li>6 Lắp hộp mực thải.</li> <li>7 Lắp hộp mực.</li> <li>8 Đóng cửa trước.</li> </ol>
31.80z	<b>Lắp lại bộ sấy bị thiếu hoặc không phản hồi.</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1 Mở cửa B.  <b>CHÚ Ý—BỀ MẶT NÓNG:</b> Bên trong máy in có thể nóng. Để giảm rủi ro chấn thương do bộ phận máy bị nóng, hãy để cho bề mặt nguội xuống trước khi chạm vào.</li> <li>2 Mở khóa, sau đó tháo bộ sấy.</li> <li>3 Lắp bộ sấy, sau đó khóa vào vị trí.</li> <li>4 Đóng cửa B.</li> </ol>
32.40z, 32.41z, 32.42z, 32.43z	<b>Thay thế hộp mực [màu] không được hỗ trợ.</b>	Để biết thêm thông tin, vui lòng xem <a href="#">“Thay hộp mực” trên trang 296.</a>
32.60z	<b>Thay thế hộp quang đen không được hỗ trợ.</b>	Để biết thêm thông tin, vui lòng xem <a href="#">“Thay hộp quang đen” trên trang 298.</a>

Mã lỗi	Thông báo lỗi	Giải pháp
32.65z	Thay thế bộ quang màu không được hỗ trợ.	Để biết thêm thông tin, vui lòng xem <a href="#">“Thay bộ quang màu” trên trang 305.</a>
33.40z, 33.41z, 33.42z, 33.43z	Nạp lại hộp mực [màu] chuẩn	Để biết thêm thông tin, vui lòng xem <a href="#">“Đã nạp lại hộp mực [màu] chuẩn” trên trang 425.</a>
33.60z	Hộp quang đen không chính hãng, xem Hướng dẫn sử dụng.	Để biết thêm thông tin, vui lòng xem <a href="#">“Vật tư không phải của Lexmark” trên trang 425.</a>
33.64z	Bộ quang màu không chính hãng, vui lòng xem Hướng dẫn sử dụng.	
34.00	Giấy quá ngắn.	Đặt cài đặt khổ giấy phù hợp với giấy được nạp vào khay. Từ bảng điều khiển, điều hướng đến <b>Cài đặt &gt; Giấy &gt; Khay &gt; Cấu hình &gt; Khổ giấy/Loại giấy.</b>
34.10, 34.20, 34.30, 34.40, 34.50	Kiểm tra [nguồn], điều chỉnh thanh dẫn hướng và hướng.	Kéo khay được chỉ định ra, sau đó đảm bảo giấy được nạp đúng cách. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem <a href="#">“Nạp giấy và giấy chuyên dụng” trên trang 67.</a>
34.90	Kiểm tra khay nạp giấy đa năng, điều chỉnh thanh dẫn hướng và hướng.	Đảm bảo giấy được nạp đúng cách. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem <a href="#">“Nạp khay nạp giấy đa năng” trên trang 78.</a>
37.1	Không đủ bộ nhớ để đối chiếu lệnh in.	Hãy thử một trong những cách sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Chọn <b>Tiếp tục</b> để in phần lệnh được lưu trữ và bắt đầu đối chiếu phần còn lại của lệnh in.</li> <li>• Hủy lệnh in hiện tại.</li> </ul>
37.3	Không đủ bộ nhớ, một số lệnh tạm dừng đã bị xóa.	Chọn <b>Tiếp tục</b> để xóa tin nhắn và tiếp tục in.
38.1	Bộ nhớ đầy.	Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Chọn <b>Tiếp tục</b> để xóa tin nhắn và tiếp tục in.</li> <li>• Hủy lệnh in hiện tại.</li> <li>• Cài đặt thêm bộ nhớ máy in.</li> <li>• Giảm số trang trong lệnh in.</li> </ul>
39.1	Trang phức tạp, một số dữ liệu có thể không được in.	Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Chọn <b>Tiếp tục</b> để xóa tin nhắn và tiếp tục in.</li> <li>• Hủy lệnh in hiện tại.</li> <li>• Cài đặt thêm bộ nhớ máy in.</li> <li>• Giảm độ phức tạp và kích thước của lệnh in trước khi gửi đi in lại.</li> <li>• Giảm số trang trong lệnh in.</li> <li>• Giảm số lượng và kích thước của bất kỳ phong chữ nào đã tải xuống.</li> <li>• Xóa mọi phong chữ hoặc macro không cần thiết khỏi lệnh in.</li> <li>• Giảm số lượng đồ họa trong lệnh in.</li> </ul>
42.yyC, 42.yyK, 42.yyM, 42.yyY	Thay thế hộp mực [màu], khu vực máy in không khớp.	Để biết thêm thông tin, vui lòng xem <a href="#">“Thay hộp mực, khu vực máy in không khớp” trên trang 424.</a>



Mã lỗi	Thông báo lỗi	Giải pháp
43.40Y, 43.41Y, 43.42Y, 43.43Y	<b>Lắp đặt lại hộp mực [màu].</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>Mở cửa trước.</li> <li>Tháo hộp mực.</li> <li>Lắp hộp mực.</li> <li>Đóng cửa trước.</li> </ol>
43.40Z, 43.41Z, 43.42Z, 43.43Z	<b>Thay thế hộp mực [màu].</b>	Để biết thêm thông tin, vui lòng xem <a href="#">“Thay hộp mực” trên trang 296</a> .
50	<b>Lỗi phong chữ PPDS.</b>	Cài đặt phong chữ PPDS được chỉ định trong lệnh in, sau đó chọn <b>Tiếp tục</b> để cho phép máy in tìm kiếm phong chữ thay thế.
51	<b>Đã phát hiện bộ nhớ flash bị lỗi.</b>	Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây: <ul style="list-style-type: none"> <li>Thay bộ nhớ flash.</li> <li>Chọn <b>Tiếp tục</b> để xóa tin nhắn và tiếp tục in.</li> <li>Hủy lệnh in hiện tại.</li> </ul>
52	<b>Không đủ dung lượng trống trong bộ nhớ flash để chứa tài nguyên.</b>	Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây: <ul style="list-style-type: none"> <li>Chọn <b>Tiếp tục</b> để xóa tin nhắn và tiếp tục in.</li> <li>Xóa phong chữ, macro và các dữ liệu khác được lưu trữ trong bộ nhớ flash.</li> <li>Lắp ổ lưu trữ.</li> </ul> <p><b>Lưu ý:</b> Các phong chữ và macro đã tải về chưa được lưu trữ trong bộ nhớ flash trước đây sẽ bị xóa.</p>
58.4	<b>Cấu hình tùy chọn đầu ra không chính xác.</b>	Tắt máy in, sau đó lắp đúng ngăn giấy hoặc bộ hoàn thiện.
61	<b>Loại bỏ đĩa bị lỗi.</b>	Thay thế ổ lưu trữ bị lỗi.
62	<b>Đĩa đầy.</b>	Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây: <ul style="list-style-type: none"> <li>Chọn <b>Tiếp tục</b> để xóa tin nhắn và tiếp tục in.</li> <li>Xóa phong chữ, macro và các dữ liệu khác được lưu trữ trong ổ lưu trữ.</li> <li>Lắp ổ lưu trữ.</li> </ul>
63	<b>Định dạng đĩa.</b>	Định dạng bây giờ sẽ xóa tất cả thông tin khỏi ổ lưu trữ. Để định dạng đĩa, hãy thực hiện như sau: <ol style="list-style-type: none"> <li>Từ bảng điều khiển, điều hướng đến <b>Cài đặt &gt; Thiết bị &gt; Bảo trì &gt; Xóa ngoài dịch vụ</b>.</li> <li>Chọn <b>Dọn dẹp tất cả thông tin trên đĩa cứng</b>, sau đó chọn <b>XÓA</b>.</li> </ol>
71.4	<b>Thời gian của máy in không chính xác.</b>	Đặt cấu hình thời gian máy in. Từ bảng điều khiển, điều hướng đến <b>Cài đặt &gt; Thiết bị &gt; Tùy chọn &gt; Ngày và giờ &gt; Đặt cấu hình</b> .
75.01	<b>Đã phát hiện thấy phần tử bảo mật.</b>	Thực hiện một trong hai thao tác sau đây: <ul style="list-style-type: none"> <li>Sử dụng Phần tử bảo mật đã cài đặt.</li> </ul>
75.02	<b>Không nhận dạng được Phần tử bảo mật.</b>	<p><b>Lưu ý:</b> Máy in sẽ xóa tất cả các chứng chỉ hiện có, đồng thời có thể xóa và định dạng lại ổ lưu trữ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Tắt máy in, sau đó gỡ Phần tử bảo mật.</li> </ul>

Mã lỗi	Thông báo lỗi	Giải pháp
75.03	<b>Lỗi giao tiếp với Phần tử bảo mật.</b>	Thực hiện một trong hai thao tác sau đây: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Dừng sử dụng Phần tử bảo mật.</li> </ul> <b>Lưu ý:</b> Máy in sẽ xóa tất cả các chứng chỉ hiện có, đồng thời có thể xóa và định dạng lại ổ lưu trữ. <ul style="list-style-type: none"> <li>• Tắt máy in, tháo, sau đó lắp Phần tử bảo mật.</li> </ul>
75.11	<b>Cập nhật Phần tử bảo mật không thành công.</b>	Thực hiện một trong hai thao tác sau đây: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Hãy thử cập nhật lại.</li> <li>• Hủy cập nhật.</li> </ul> <b>Lưu ý:</b> Máy in có thể xóa tất cả các chứng chỉ và nội dung ổ lưu trữ hiện có.
75.12	<b>Quá trình cập nhật Phần tử bảo mật chưa hoàn tất.</b>	Thực hiện một trong hai thao tác sau đây: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Khởi động lại máy in.</li> </ul> <b>Lưu ý:</b> Đợi 10 giây để hoàn tất cập nhật. <ul style="list-style-type: none"> <li>• Hủy cập nhật.</li> </ul> <b>Lưu ý:</b> Máy in có thể xóa tất cả các chứng chỉ và nội dung ổ lưu trữ hiện có.
80.01, 80.09	<b>Bộ dụng cụ bảo trì ở mức gần thấp.</b>	Chọn <b>Tiếp tục</b> để xóa tin nhắn.
80.11, 80.19	<b>Bộ dụng cụ bảo trì ở mức thấp.</b>	
80.21, 80.29	<b>Bộ dụng cụ bảo trì ở mức rất thấp.</b>	
80.31	<b>Thay bộ dụng cụ bảo trì để tiếp tục in.</b>	Để biết thêm thông tin, vui lòng xem <a href="#">“Thay bộ sấy” trên trang 314.</a>
80.31	<b>Thay bộ dụng cụ bảo trì, đã vượt quá tuổi thọ khuyến nghị.</b>	
81.11	<b>Bộ trục khay 1500 tờ ở mức thấp.</b>	Chọn <b>Tiếp tục</b> để xóa tin nhắn.
81.31	<b>Thay bộ trục khay 1500 tờ, đã vượt quá tuổi thọ khuyến nghị..</b>	Để biết thêm thông tin, hãy liên hệ với <a href="#">bộ phận hỗ trợ khách hàng.</a>
82.00, 82.02, 82.09	<b>Hộp mực thải gần đầy.</b>	Để biết thêm thông tin, vui lòng xem <a href="#">“Thay hộp mực thải” trên trang 312.</a>
82.3, 82.32, 82.33, 82.39	<b>Thay hộp mực thải.</b>	
83.1y	<b>Khối băng truyền ở mức thấp.</b>	Chọn <b>Tiếp tục</b> để xóa tin nhắn.
83.3y	<b>Thay khối băng truyền, đã vượt quá tuổi thọ khuyến nghị.</b>	Để biết thêm thông tin, hãy liên hệ với <a href="#">bộ phận hỗ trợ khách hàng.</a>
83.4y	<b>Thay khối băng truyền.</b>	
83.20	<b>Hộp ghim sắp hết.</b>	Chọn <b>Tiếp tục</b> để xóa tin nhắn.
83.20	<b>Ghim S2 bên trong sắp hết.</b>	
83.20	<b>Ghim S2 bên ngoài sắp hết.</b>	

Mã lỗi	Thông báo lỗi	Giải pháp
83.30	Hộp ghim hết hoặc thiếu.	Hãy thử một trong những cách sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Tháo, sau đó lắp hộp ghim.</li> <li>• Thay thế hộp ghim. Để biết thêm thông tin, hãy xem <a href="#">“Thay hộp ghim trong bộ hoàn thiện dập ghim” trên trang 332</a> hoặc <a href="#">“Thay hộp ghim trong bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ” trên trang 335</a>.</li> </ul>
83.30	Hộp ghim S1 hết hoặc thiếu.	Hãy thử một trong những cách sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Tháo, sau đó lắp hộp ghim.</li> <li>• Thay thế hộp ghim. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem <a href="#">“Thay hộp ghim trong bộ hoàn thiện tập sách” trên trang 337</a>.</li> </ul>
83.30	Hộp ghim bên trong S2 hết hoặc thiếu.	Hãy thử một trong những cách sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Tháo, sau đó lắp hộp ghim.</li> <li>• Thay thế hộp ghim. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem <a href="#">“Thay bệ đỡ hộp ghim trong bộ hoàn thiện tập sách” trên trang 340</a>.</li> </ul>
83.30	Hộp ghim bên ngoài S2 hết hoặc thiếu.	
84.01K, 84.03K, 84.09K	Hộp quang đen ở mức gần thấp.	Chọn <b>Tiếp tục</b> để xóa tin nhắn.
84.11K, 84.13K, 84.19K	Hộp quang đen ở mức thấp.	
84.21C, 84.03C, 84.09C	Hộp quang đen ở mức rất thấp.	
84.01C, 84.03C, 84.09C	Bộ quang màu ở mức gần thấp.	
84.11C, 84.13C, 84.19C	Bộ quang màu ở mức thấp.	
84.21C, 84.23C, 84.29C	Bộ quang đen ở mức rất thấp.	
84.31, 84.33	Thay hộp quang đen, đã vượt quá tuổi thọ khuyến nghị.	
84.31, 84.33	Thay bộ quang màu, đã vượt quá tuổi thọ khuyến nghị.	Để biết thêm thông tin, vui lòng xem <a href="#">“Thay bộ quang màu” trên trang 305</a> .
84.41, 84.43, 84.48	Thay hộp quang để tiếp tục in.	Để biết thêm thông tin, vui lòng xem <a href="#">“Thay hộp quang đen” trên trang 298</a> .
84.41, 84.43, 84.48	Thay bộ quang màu để tiếp tục in.	Để biết thêm thông tin, vui lòng xem <a href="#">“Thay bộ quang màu” trên trang 305</a> .
88.00[x], 88.07[x], 88.08[x], 88.09[x]	Hộp mực [màu] ở mức gần thấp.	Chọn <b>Tiếp tục</b> để xóa tin nhắn.
88.10[x], 88.17[x], 88.18[x], 88.19[x]	Hộp mực [màu] ở mức thấp.	
88.20[x], 88.27[x], 88.28[x], 88.29[x]	Hộp mực [màu] ở mức rất thấp.	

Mã lỗi	Thông báo lỗi	Giải pháp
88.30[x], 88.37[x], 88.38[x]	<b>Thay hộp mực [màu], vẫn còn &lt;NUM/&gt; trang ước tính.</b>	Để biết thêm thông tin, vui lòng xem <a href="#">“Thay hộp mực” trên trang 296</a> .
88.30[x], 88.37[x], 88.38[x]	<b>Thay thế hộp mực [màu].</b>	
88.40[x], 88.47[x], 88.48[x]	<b>Thay hộp mực [màu], còn 0 trang.</b>	
88.40[x], 88.47[x], 88.48[x]	<b>Thay thế hộp mực [màu].</b>	

Mã lỗi	Thông báo lỗi	Giải pháp
200.03, 200.05, 200.12, 200.13, 200.14, 200.15, 200.22, 200.23, 200.24, 200.25, 200.26, 200.32, 200.33, 200.34, 200.35, 200.36, 200.42, 200.43, 200.44, 200.45, 200.46, 200.52, 200.53, 200.54, 200.55, 200.56, 200.91, 201.91, 202.02, 202.03, 202.04, 202.05, 202.12, 202.13, 202.14, 202.15, 202.22, 202.23, 202.24, 202.25, 202.32, 202.33, 202.34, 202.35, 202.42, 202.43, 202.44, 202.45, 202.52, 202.53, 202.54, 202.55, 202.91, 202.93, 202.95, 231.03, 231.05, 231.13, 231.15, 231.23, 231.25, 231.33, 231.35, 231.43, 231.45, 231.53, 231.55, 231.91, 232.03, 232.05, 232.13, 232.15, 232.23, 232.25, 232.33, 232.35, 232.43, 232.45, 232.53, 232.55, 232.93, 232.94, 232.95, 240.05, 240.25, 240.35, 240.45, 240.55, 240.91, 240.95, 241.12, 241.14, 241.15, 241.91	<b>Kẹt giấy trong [LOCATION].</b>	Để biết thêm thông tin, vui lòng xem <a href="#">“Kẹt giấy ở cửa B” trên trang 384.</a>
240.06	<b>Kẹt giấy trong [LOCATION].</b>	Để biết thêm thông tin, vui lòng xem <a href="#">“Kẹt giấy trong khay nạp giấy đa năng” trên trang 380.</a>

Mã lỗi	Thông báo lỗi	Giải pháp
241.16, 241.82, 241.83, 241.84, 661.13, 661.84	<b>Lỗi nạp giấy trong [LOCATION/].</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1 Mở khay 1.</li> <li>2 Lấy ra, sau đó điều chỉnh lại ngăn xếp giấy.</li> <li>3 Nếu cần, hãy điều chỉnh thanh dẫn hướng giấy.</li> <li>4 Nạp lại khay 1.</li> <li>5 Đóng khay 1.</li> </ol>
242.23, 242.25, 242.35, 242.45, 242.55, 242.91	<b>Kẹt giấy trong [LOCATION/].</b>	Để biết thêm thông tin, vui lòng xem <a href="#">“Kẹt giấy trong khay 550 tờ tùy chọn” trên trang 379.</a>
242.33, 242.43, 243.33, 243.35, 243.36, 243.43, 243.35, 243.45, 243.45, 243.55, 243.91, 244.43, 244.45, 244.91	<b>Kẹt giấy trong [LOCATION/].</b>	<p>Để biết thêm thông tin, vui lòng xem:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• <a href="#">“Kẹt giấy trong khay 2 x 550 tờ” trên trang 381</a></li> <li>• <a href="#">“Kẹt giấy trong khay song song 2000 tờ” trên trang 383</a></li> </ul>
243.43, 243.53, 244.43, 244.45, 244.46, 244.91, 245.53, 245.56, 245.55, 245.91, 602.59, 664.43, 665.53	<b>Kẹt giấy trong [LOCATION/].</b>	Để biết thêm thông tin, vui lòng xem <a href="#">“Kẹt giấy trong khay 1500 tờ” trên trang 383.</a>
400.11, 400.13, 400.15, 401.11, 401.13, 401.15, 404.19, 438.11, 438.21, 444.66, 450.21, 450.23, 450.25, 450.98, 450.99, 451.21, 451.23, 451.25, 452.66, 453.21, 453.23, 454.21, 454.23, 454.25, 457.21, 457.23, 457.25, 460.66, 461.66, 464.66, 465.66, 466.66, 467.66, 468.66, 469.66, 472.66, 477.66, 480.66, 483.66, 486.29, 504.11, 504.15, 505.11, 505.15, 514.19, 698.29	<b>Kẹt giấy trong [LOCATION/].</b>	Để biết thêm thông tin, vui lòng xem <a href="#">“Kẹt giấy trong bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ” trên trang 393.</a>

Mã lỗi	Thông báo lỗi	Giải pháp
400.11, 400.13, 400.15, 401.11, 401.13, 401.15, 404.19, 438.11, 438.21, 442.66, 444.66, 445.66, 450.21, 450.23, 450.25, 451.21, 451.23, 451.25, 451.98, 451.99, 452.66, 453.21, 453.23, 453.25, 454.21, 454.23, 454.25, 457.21, 457.23, 457.25, 459.66, 460.66, 461.66, 462.66, 463.66, 464.66, 465.66, 466.66, 467.66, 468.66, 469.66, 470.66, 472.66, 473.66, 476.66, 477.66, 480.66, 483.66, 486.29, 490.66, 491.21, 491.25, 491.66, 493.21, 494.21, 492.66, 494.66, 495.66, 496.66, 497.66, 504.11, 504.15, 505.11, 505.15, 514.19, 698.29	<b>Kẹt giấy trong [LOCATION].</b>	Để biết thêm thông tin, vui lòng xem <a href="#">“Kẹt giấy trong bộ hoàn thiện tập sách” trên trang 404.</a>
420.11, 420.13, 420.15, 420.99, 421.56, 422.56, 423.56, 424.56, 425.13, 425.15, 425.11, 426.11, 426.15, 428.56A, 428.56B, 431.56, 435.56, 438.11, 439.19, 461.56, 698.19	<b>Kẹt giấy trong [LOCATION].</b>	Để biết thêm thông tin, vui lòng xem <a href="#">“Kẹt giấy trong bộ hoàn thiện dập ghim” trên trang 388.</a>

Mã lỗi	Thông báo lỗi	Giải pháp
438.11, 500.11, 500.13, 500.15, 500.99, 502.11, 502.13, 502.15, 504.11, 504.13, 504.15, 505.13, 506.11, 506.13, 506.15, 507.11, 507.13, 507.15, 508.56, 509.56, 510.56, 511.56, 512.56, 513.56, 514.19, 698.19, 698.29	<b>Kẹt giấy trong [LOCATION/].</b>	Để biết thêm thông tin, vui lòng xem <a href="#">“Kẹt giấy trong tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy” trên trang 390.</a>
602.29, 662.23	<b>Lỗi nạp giấy trong khay 2.</b>	Để biết thêm thông tin, vui lòng xem <a href="#">“Nạp giấy vào khay 550 tờ” trên trang 68.</a>
602.39, 663.33	<b>Lỗi nạp giấy trong khay 3.</b>	Để biết thêm thông tin, vui lòng xem: <ul style="list-style-type: none"> <li>• <a href="#">“Nạp giấy vào khay 550 tờ” trên trang 68</a></li> <li>• <a href="#">“Nạp giấy vào khay song song 2000 tờ” trên trang 71</a></li> </ul>
602.49, 664.43	<b>Lỗi nạp giấy trong khay 4.</b>	Để biết thêm thông tin, vui lòng xem <a href="#">“Nạp giấy vào khay 550 tờ” trên trang 68.</a>

## Sự cố in

### Chất lượng in kém

#### Trang trống hoặc trang trắng



#### Lưu ý:

- Trước khi giải quyết vấn đề, hãy in Trang kiểm tra chất lượng in. Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Khắc phục sự cố > Trang kiểm tra chất lượng in.**
- Sử dụng khay 1 để in trang mẫu và đảm bảo bạn nạp giấy theo hướng dọc.

#### Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:

- Đảm bảo bạn đã bóc toàn bộ vật liệu đóng gói khỏi bộ quang, hộp quang và hộp mực.
- Kiểm tra xem máy in có đang sử dụng hộp mực Lexmark chính hãng và được hỗ trợ không.

**Lưu ý:** Nếu hộp mực không được hỗ trợ, hãy lắp đặt hộp mực được hỗ trợ.



- Đảm bảo rằng bộ quang và hộp quang đen được lắp đúng cách.

1 Tháo bộ quang, sau đó tháo hộp quang đen.

**Cảnh báo—Nguy cơ hỏng:** Không để bộ quang và hộp quang đen tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng quá 10 phút. Tiếp xúc lâu với ánh sáng có thể gây ra sự cố chất lượng bản in.

**Cảnh báo—Nguy cơ hỏng:** Không chạm vào trống quang dẫn bên dưới bộ quang và hộp quang đen. Làm như vậy có thể ảnh hưởng đến chất lượng của các lệnh in trong tương lai.

2 Lắp hộp quang đen, sau đó lắp bộ quang.

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

## In tối màu



### Lưu ý:

- Trước khi giải quyết vấn đề, hãy in Trang kiểm tra chất lượng in. Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Khắc phục sự cố > Trang kiểm tra chất lượng in**.
- Sử dụng khay 1 để in trang mẫu và đảm bảo bạn nạp giấy theo hướng dọc.

#### Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:

- Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > In > Chất lượng > Quét ảnh nâng cao**, rồi chọn **Điều chỉnh màu**.
- Tùy thuộc vào hệ điều hành, hãy giảm độ tối của mực từ hộp thoại Tùy chọn in hoặc In.

**Lưu ý:** Bạn cũng có thể thay đổi cài đặt trên bảng điều khiển máy in. Điều hướng đến **Cài đặt > In > Chất lượng > Độ tối của mực**.

- Tùy thuộc vào hệ điều hành, xác định loại giấy từ hộp thoại Tùy chọn in hoặc In. Đảm bảo các cài đặt khớp với giấy đã nạp vào khay.

**Lưu ý:** Bạn cũng có thể thay đổi cài đặt trên bảng điều khiển máy in. Điều hướng đến **Cài đặt > Giấy > Cấu hình khay > Khổ/loại giấy**.

- Đảm bảo giấy không có lớp hoàn thiện ráp hoặc thô.
- Nạp giấy từ bao giấy mới.

**Lưu ý:** Giấy hấp thụ hơi ẩm do độ ẩm cao. Bảo quản giấy trong bao bì ban đầu cho đến khi sẵn sàng sử dụng.

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

## Bóng ảnh



### Lưu ý:

- Trước khi giải quyết vấn đề, hãy in Trang kiểm tra chất lượng in. Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Khắc phục sự cố > Trang kiểm tra chất lượng in**.
- Sử dụng khay 1 để in trang mẫu và đảm bảo bạn nạp giấy theo hướng dọc.

### Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:

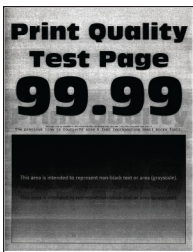
- Nạp khay với đúng loại giấy và trọng lượng giấy.
- Tùy thuộc vào hệ điều hành, xác định loại giấy từ hộp thoại Tùy chọn in hoặc In. Đảm bảo các cài đặt khớp với giấy đã nạp vào khay.

**Lưu ý:** Bạn cũng có thể thay đổi cài đặt trên bảng điều khiển máy in. Điều hướng đến **Cài đặt > Giấy > Cấu hình khay > Khổ/loại giấy**.

- Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > In > Chất lượng > Quét ảnh nâng cao**, rồi chọn **Điều chỉnh màu**.

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

## Nền màu hoặc màu xám



### Lưu ý:

- Trước khi giải quyết vấn đề, hãy in Trang kiểm tra chất lượng in. Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Khắc phục sự cố > Trang kiểm tra chất lượng in**.
- Sử dụng khay 1 để in trang mẫu và đảm bảo bạn nạp giấy theo hướng dọc.

### Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:

- Tùy thuộc vào hệ điều hành, hãy tăng độ tối của mực từ hộp thoại Tùy chọn in hoặc In.

**Lưu ý:** Bạn cũng có thể thay đổi cài đặt trên bảng điều khiển máy in. Điều hướng đến **Cài đặt > In > Chất lượng > Độ tối của mực**.

- Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > In > Chất lượng > Quét ảnh nâng cao**, rồi chọn **Điều chỉnh màu**.

- Đảm bảo rằng bộ quang và hộp quang đen được lắp đúng cách.

1 Tháo bộ quang, sau đó tháo hộp quang đen.

**Cảnh báo—Nguy cơ hỏng:** Không để bộ quang và hộp quang đen tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng quá 10 phút. Tiếp xúc lâu với ánh sáng có thể gây ra sự cố chất lượng bản in.

**Cảnh báo—Nguy cơ hỏng:** Không chạm vào trống quang dẫn bên dưới bộ quang và hộp quang đen. Làm như vậy có thể ảnh hưởng đến chất lượng của các lệnh in trong tương lai.

2 Lắp hộp quang đen, sau đó lắp bộ quang.

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

## Lề không chính xác



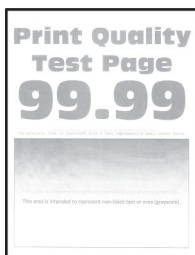
Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:

- Điều chỉnh các thanh dẫn giấy trong khay đến đúng vị trí cho giấy đã nạp.
- Tùy thuộc vào hệ điều hành, xác định khổ giấy từ hộp thoại Tùy chọn in hoặc In. Đảm bảo cài đặt khớp với giấy đã nạp.

**Lưu ý:** Bạn cũng có thể thay đổi cài đặt trên bảng điều khiển máy in. Điều hướng đến **Cài đặt > Giấy > Cấu hình khay > Khổ/loại giấy**.

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

## In nhạt



**Lưu ý:**

- Trước khi giải quyết vấn đề, hãy in Trang kiểm tra chất lượng in. Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Khắc phục sự cố > Trang kiểm tra chất lượng in**.
- Sử dụng khay 1 để in trang mẫu và đảm bảo bạn nạp giấy theo hướng dọc.

**Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:**

- Đảm bảo bạn đã bóc toàn bộ vật liệu đóng gói khỏi bộ quang, hộp quang và hộp mực.
- Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > In > Chất lượng > Quét ảnh nâng cao**, rồi chọn **Điều chỉnh màu**.
- Tùy thuộc vào hệ điều hành, hãy tăng độ tối của mực từ hộp thoại Tùy chọn in hoặc In.

**Lưu ý:** Bạn cũng có thể thay đổi cài đặt trên bảng điều khiển máy in. Điều hướng đến **Cài đặt > In > Chất lượng > Độ tối của mực**.

- Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > In > Chất lượng**, sau đó tắt **Trình tiết kiệm màu**.
- Tùy thuộc vào hệ điều hành, xác định loại giấy từ hộp thoại Tùy chọn in hoặc In. Đảm bảo cài đặt khớp với giấy đã nạp.

**Lưu ý:** Bạn cũng có thể thay đổi cài đặt trên bảng điều khiển máy in. Điều hướng đến **Cài đặt > Giấy > Cấu hình khay > Khổ/loại giấy**.

- Đảm bảo giấy không có lớp hoàn thiện ráp hoặc thô.
- Nạp giấy từ bao giấy mới.

**Lưu ý:** Giấy hấp thụ hơi ẩm do độ ẩm cao. Bảo quản giấy trong bao bì ban đầu cho đến khi sẵn sàng sử dụng.

- Đảm bảo rằng bộ quang và hộp quang đen được lắp đúng cách.

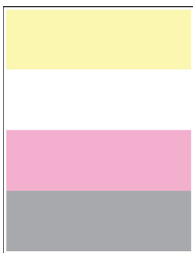
1 Tháo bộ quang, sau đó tháo hộp quang đen.

**Cảnh báo—Nguy cơ hỏng:** Không để bộ quang và hộp quang đen tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng quá 10 phút. Tiếp xúc lâu với ánh sáng có thể gây ra sự cố chất lượng bản in.

**Cảnh báo—Nguy cơ hỏng:** Không chạm vào trống quang dẫn bên dưới bộ quang và hộp quang đen. Làm như vậy có thể ảnh hưởng đến chất lượng của các lệnh in trong tương lai.

2 Lắp hộp quang đen, sau đó lắp bộ quang.

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

**Thiếu màu sắc****Lưu ý:**

- Trước khi giải quyết vấn đề, hãy in Trang kiểm tra chất lượng in. Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Khắc phục sự cố > Trang kiểm tra chất lượng in**.
- Sử dụng khay 1 để in trang mẫu và đảm bảo bạn nạp giấy theo hướng dọc.

**Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:**

- Đảm bảo bạn đã bóc toàn bộ vật liệu đóng gói khỏi bộ quang, hộp quang và hộp mực.
- Tháo bộ từ bị thiếu màu.
  - 1 Tháo bộ quang.

**Cảnh báo—Nguy cơ hỏng:** Không để bộ quang và hộp quang đen tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng quá 10 phút. Tiếp xúc lâu với ánh sáng có thể gây ra sự cố chất lượng bản in.

**Cảnh báo—Nguy cơ hỏng:** Không chạm vào trống quang dẫn bên dưới bộ quang và hộp quang đen. Làm như vậy có thể ảnh hưởng đến chất lượng của các lệnh in trong tương lai.

- 2 Tháo, rồi lắp bộ từ của màu bị thiếu.
- 3 Lắp bộ quang.

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

**bản in bị nhiều đốm và dấu chấm****Lưu ý:**

- Trước khi giải quyết vấn đề, hãy in Trang kiểm tra chất lượng in. Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Khắc phục sự cố > Trang kiểm tra chất lượng in**.
- Sử dụng khay 1 để in trang mẫu và đảm bảo bạn nạp giấy theo hướng dọc.

**Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:**

- Kiểm tra xem máy in có bị rò rỉ mực không.
- Đảm bảo cài đặt khổ giấy và loại giấy phù hợp với giấy đã nạp. Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Giấy > Cấu hình khay > Khổ giấy/Loại giấy**.

**Lưu ý:** Đảm bảo giấy không có lớp hoàn thiện ráp hoặc thô.

- Tùy thuộc vào hệ điều hành, xác định khổ giấy và loại giấy từ hộp thoại Tùy chọn in hoặc In. Đảm bảo các cài đặt khớp với giấy đã nạp vào khay.
- Nạp giấy từ bao giấy mới.

**Lưu ý:** Giấy hấp thụ hơi ẩm do độ ẩm cao. Bảo quản giấy trong bao bì ban đầu cho đến khi sẵn sàng sử dụng.

- Đảm bảo rằng bộ quang và hộp quang đen được lắp đúng cách.

1 Tháo bộ quang, sau đó tháo hộp quang đen.

**Cảnh báo—Nguy cơ hỏng:** Không để bộ quang và hộp quang đen tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng quá 10 phút. Tiếp xúc lâu với ánh sáng có thể gây ra sự cố chất lượng bản in.

**Cảnh báo—Nguy cơ hỏng:** Không chạm vào trống quang dẫn bên dưới bộ quang và hộp quang đen. Làm như vậy có thể ảnh hưởng đến chất lượng của các lệnh in trong tương lai.

2 Lắp hộp quang đen, sau đó lắp bộ quang.

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

## Bản in bị cong hoặc lệch



### Lưu ý:

- Trước khi giải quyết vấn đề, hãy in Trang kiểm tra chất lượng in. Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Khắc phục sự cố > Trang kiểm tra chất lượng in**.
- Sử dụng khay 1 để in trang mẫu và đảm bảo bạn nạp giấy theo hướng dọc.

### Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:

- Nạp giấy từ bao giấy mới.

1 Mở khay rồi lấy hết giấy ra.

2 Nạp giấy từ bao giấy mới.

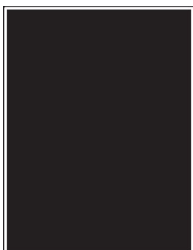
**Lưu ý:** Giấy hấp thụ hơi ẩm do độ ẩm cao. Bảo quản giấy trong bao bì ban đầu cho đến khi sẵn sàng sử dụng.

3 Điều chỉnh các thanh dẫn giấy trong khay đến đúng vị trí cho giấy đã nạp.

- Hãy đảm bảo bạn đang in trên loại giấy được hỗ trợ.

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

## Hình ảnh chỉ có một màu hoặc toàn màu đen



**Lưu ý:**

- Trước khi giải quyết vấn đề, hãy in Trang kiểm tra chất lượng in. Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Khắc phục sự cố > Trang kiểm tra chất lượng in**.
- Sử dụng khay 1 để in trang mẫu và đảm bảo bạn nạp giấy theo hướng dọc.

**1** Tháo bộ quang, sau đó tháo hộp quang đen.

**Cảnh báo—Nguy cơ hỏng:** Không để bộ quang và hộp quang đen tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng quá 10 phút. Tiếp xúc lâu với ánh sáng có thể gây ra sự cố chất lượng bản in.

**Cảnh báo—Nguy cơ hỏng:** Không chạm vào trống quang dẫn bên dưới bộ quang và hộp quang đen. Làm như vậy có thể ảnh hưởng đến chất lượng của các lệnh in trong tương lai.

**2** Lắp hộp quang đen, sau đó lắp bộ quang.

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

**Văn bản hoặc hình ảnh bị cắt bỏ****Lưu ý:**

- Trước khi giải quyết vấn đề, hãy in Trang kiểm tra chất lượng in. Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Khắc phục sự cố > Trang kiểm tra chất lượng in**.
- Sử dụng khay 1 để in trang mẫu và đảm bảo bạn nạp giấy theo hướng dọc.

**Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:**

- Đảm bảo bạn đã bóc toàn bộ vật liệu đóng gói khỏi bộ quang, hộp quang và hộp mực.
- Điều chỉnh các thanh dẫn giấy trong khay đến đúng vị trí cho giấy đã nạp.
- Tùy thuộc vào hệ điều hành, xác định khổ giấy từ hộp thoại Tùy chọn in hoặc In. Đảm bảo các cài đặt khớp với giấy đã nạp vào khay.

**Lưu ý:** Bạn cũng có thể thay đổi cài đặt trên bảng điều khiển máy in. Điều hướng đến **Cài đặt > Giấy > Cấu hình khay > Khổ/loại giấy**.

- Đảm bảo rằng bộ quang và hộp quang đen được lắp đúng cách.

**1** Tháo bộ quang, sau đó tháo hộp quang đen.

**Cảnh báo—Nguy cơ hỏng:** Không để bộ quang và hộp quang đen tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng quá 10 phút. Tiếp xúc lâu với ánh sáng có thể gây ra sự cố chất lượng bản in.

**Cảnh báo—Nguy cơ hỏng:** Không chạm vào trống quang dẫn bên dưới bộ quang và hộp quang đen. Làm như vậy có thể ảnh hưởng đến chất lượng của các lệnh in trong tương lai.

**2** Lắp hộp quang đen, sau đó lắp bộ quang.

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

## Mực dễ bị bong ra



### Lưu ý:

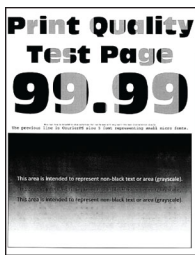
- Trước khi giải quyết vấn đề, hãy in Trang kiểm tra chất lượng in. Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Khắc phục sự cố > Trang kiểm tra chất lượng in**.
- Sử dụng khay 1 để in trang mẫu và đảm bảo bạn nạp giấy theo hướng dọc.

### Hãy thử một trong những cách sau:

- Đảm bảo rằng dây nguồn máy in được cắm vào ổ cắm điện có định mức phù hợp và được nối đất đúng cách.
- Tùy thuộc vào hệ điều hành, xác định loại giấy từ hộp thoại Tùy chọn in hoặc In. Đảm bảo cài đặt khớp với giấy đã nạp.
- Đặt cấu hình loại giấy từ bảng điều khiển. Điều hướng đến **Cài đặt > Giấy > Cấu hình khay > Khổ/loại giấy**.

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

## Mật độ in không đều



### Lưu ý:

- Trước khi giải quyết vấn đề, hãy in Trang kiểm tra chất lượng in. Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Khắc phục sự cố > Trang kiểm tra chất lượng in**.
- Sử dụng khay 1 để in trang mẫu và đảm bảo bạn nạp giấy theo hướng dọc.



**Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:**

- Mở cửa B, sau đó đảm bảo rằng trục kéo giấy thứ hai đã được khóa vào đúng vị trí.
- Đảm bảo rằng bộ quang và hộp quang đen được lắp đúng cách.
  - 1 Tháo bộ quang, sau đó tháo hộp quang đen.

**Cảnh báo—Nguy cơ hỏng:** Không để bộ quang và hộp quang đen tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng quá 10 phút. Tiếp xúc lâu với ánh sáng có thể gây ra sự cố chất lượng bản in.

**Cảnh báo—Nguy cơ hỏng:** Không chạm vào trống quang dẫn bên dưới bộ quang và hộp quang đen. Làm như vậy có thể ảnh hưởng đến chất lượng của các lệnh in trong tương lai.

- 2 Lắp hộp quang đen, sau đó lắp bộ quang.

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

**Các đường kẻ ngang đậm****Lưu ý:**

- Trước khi giải quyết vấn đề, hãy in Trang kiểm tra chất lượng in. Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Khắc phục sự cố > Trang kiểm tra chất lượng in**.
- Sử dụng khay 1 để in trang mẫu và đảm bảo bạn nạp giấy theo hướng dọc.
- Nếu các đường kẻ ngang tối màu tiếp tục xuất hiện trên bản in, hãy xem [“Lỗi lặp lại” trên trang 372](#).

**Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:**

- Tùy thuộc vào hệ điều hành, xác định loại giấy từ hộp thoại Tùy chọn in hoặc In. Đảm bảo cài đặt khớp với giấy đã nạp.

**Lưu ý:** Bạn cũng có thể thay đổi cài đặt trên bảng điều khiển máy in. Điều hướng đến **Cài đặt > Giấy > Cấu hình khay > Khổ/loại giấy**.

- Đảm bảo giấy không có lớp hoàn thiện ráp hoặc thô.
- Nạp giấy từ bao giấy mới.

**Lưu ý:** Giấy hấp thụ hơi ẩm do độ ẩm cao. Bảo quản giấy trong bao bì ban đầu cho đến khi sẵn sàng sử dụng.

- Đảm bảo rằng bộ quang và hộp quang đen được lắp đúng cách.
  - 1 Tháo bộ quang, sau đó tháo hộp quang đen.

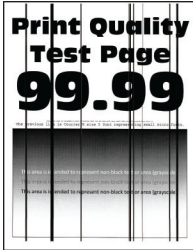
**Cảnh báo—Nguy cơ hỏng:** Không để bộ quang và hộp quang đen tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng quá 10 phút. Tiếp xúc lâu với ánh sáng có thể gây ra sự cố chất lượng bản in.

**Cảnh báo—Nguy cơ hỏng:** Không chạm vào trống quang dẫn bên dưới bộ quang và hộp quang đen. Làm như vậy có thể ảnh hưởng đến chất lượng của các lệnh in trong tương lai.

- 2 Lắp hộp quang đen, sau đó lắp bộ quang.

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

## Các đường tối dọc



### Lưu ý:

- Trước khi giải quyết vấn đề, hãy in Trang kiểm tra chất lượng in. Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Khắc phục sự cố > Trang kiểm tra chất lượng in**.
- Sử dụng khay 1 để in trang mẫu và đảm bảo bạn nạp giấy theo hướng dọc.

### Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:

- Tùy thuộc vào hệ điều hành, xác định loại giấy từ hộp thoại Tùy chọn in hoặc In. Đảm bảo các cài đặt khớp với giấy đã nạp vào khay.

**Lưu ý:** Bạn cũng có thể thay đổi cài đặt trên bảng điều khiển máy in. Điều hướng đến **Cài đặt > Giấy > Cấu hình khay > Khổ/loại giấy**.

- Đảm bảo giấy không có lớp hoàn thiện ráp hoặc thô.
- Nạp giấy từ bao giấy mới.

**Lưu ý:** Giấy hấp thụ hơi ẩm do độ ẩm cao. Bảo quản giấy trong bao bì ban đầu cho đến khi sẵn sàng sử dụng.

- Đảm bảo rằng bộ quang và hộp quang đen được lắp đúng cách.
  - 1 Tháo bộ quang, sau đó tháo hộp quang đen.

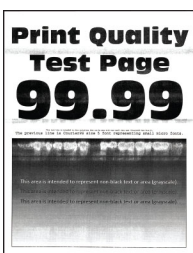
**Cảnh báo—Nguy cơ hỏng:** Không để bộ quang và hộp quang đen tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng quá 10 phút. Tiếp xúc lâu với ánh sáng có thể gây ra sự cố chất lượng bản in.

**Cảnh báo—Nguy cơ hỏng:** Không chạm vào trống quang dẫn bên dưới bộ quang và hộp quang đen. Làm như vậy có thể ảnh hưởng đến chất lượng của các lệnh in trong tương lai.

- 2 Lắp hộp quang đen, sau đó lắp bộ quang.

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

## Đường kẻ ngang màu trắng



**Lưu ý:**

- Trước khi giải quyết vấn đề, hãy in Trang kiểm tra chất lượng in. Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Khắc phục sự cố > Trang kiểm tra chất lượng in**.
- Sử dụng khay 1 để in trang mẫu và đảm bảo bạn nạp giấy theo hướng dọc.
- Nếu các đường kẻ ngang màu trắng tiếp tục xuất hiện trên bản in, hãy xem [“Lỗi lặp lại” trên trang 372](#).

**Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:**

- Tùy thuộc vào hệ điều hành, xác định loại giấy từ hộp thoại Tùy chọn in hoặc In. Đảm bảo các cài đặt khớp với giấy đã nạp vào khay.

**Lưu ý:** Bạn cũng có thể thay đổi cài đặt trên bảng điều khiển máy in. Điều hướng đến **Cài đặt > Giấy > Cấu hình khay > Khổ/loại giấy**.

- Nạp nguồn giấy có loại giấy cụ thể được khuyến dùng.
- Đảm bảo rằng bộ quang và hộp quang đen được lắp đúng cách.

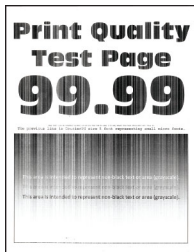
**1** Tháo bộ quang, sau đó tháo hộp quang đen.

**Cảnh báo—Nguy cơ hỏng:** Không để trống quang dẫn tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng. Tiếp xúc lâu với ánh sáng có thể gây ra sự cố chất lượng bản in.

**Cảnh báo—Nguy cơ hỏng:** Không chạm vào trống quang dẫn. Làm như vậy có thể ảnh hưởng đến chất lượng của các lệnh in trong tương lai.

**2** Lắp hộp quang đen, sau đó lắp bộ quang.

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

**Đường kẻ dọc màu trắng****Lưu ý:**

- Trước khi giải quyết vấn đề, hãy in Trang kiểm tra chất lượng in. Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Khắc phục sự cố > Trang kiểm tra chất lượng in**.
- Sử dụng khay 1 để in trang mẫu và đảm bảo bạn nạp giấy theo hướng dọc.

**Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:**

- Tùy thuộc vào hệ điều hành, xác định loại giấy từ hộp thoại Tùy chọn in hoặc In. Đảm bảo các cài đặt khớp với giấy đã nạp vào khay.

**Lưu ý:** Bạn cũng có thể thay đổi cài đặt trên bảng điều khiển máy in. Điều hướng đến **Cài đặt > Giấy > Cấu hình khay > Khổ/loại giấy**.

- Kiểm tra xem bạn có đang sử dụng loại giấy được khuyến nghị không.  
Đảm bảo nạp nguồn giấy chỉ định có loại giấy được khuyến dùng.

- Đảm bảo rằng bộ quang và hộp quang đen được lắp đúng cách.

- 1 Tháo bộ quang, sau đó tháo hộp quang đen.

**Cảnh báo—Nguy cơ hỏng:** Không để bộ quang và hộp quang đen tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng quá 10 phút. Tiếp xúc lâu với ánh sáng có thể gây ra sự cố chất lượng bản in.

**Cảnh báo—Nguy cơ hỏng:** Không chạm vào trống quang dẫn bên dưới bộ quang và hộp quang đen. Làm như vậy có thể ảnh hưởng đến chất lượng của các lệnh in trong tương lai.

- 2 Lắp hộp quang đen, sau đó lắp bộ quang.

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

## Lỗi lặp lại



### Lưu ý:

- Trước khi giải quyết vấn đề, hãy in Trang kiểm tra chất lượng in. Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Khắc phục sự cố > Trang kiểm tra chất lượng in**.
- Sử dụng khay 1 để in trang mẫu và đảm bảo bạn nạp giấy theo hướng dọc.
- Xác định số lượng màu bị lỗi.
  - 1 Đo khoảng cách giữa các lỗi lặp lại trên trang màu bị ảnh hưởng. Sử dụng Thước đo lỗi bảo trì để đo khoảng cách giữa các lỗi lặp lại trên trang màu bị ảnh hưởng.
  - 2 Thay thế vật tư hoặc bộ phận phù hợp với số đo trên trang màu bị ảnh hưởng.

#### Bộ quang màu hoặc bộ quang đen

- 94,5 mm (3,72 in.)
- 19,9 mm (1,18 in.)
- 23,2 mm (0,91 in.)

#### Bộ từ

- 43,6 mm (1,72 in.)
- 45,0 mm (1,77 in.)

#### Bộ sấy

- 95 mm (3,74 in.)
- 110 mm (4,33 in.)

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

## Lệnh in không in

Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:

- Từ tài liệu cần in, hãy mở hộp thoại Tùy chọn in hoặc In, rồi kiểm tra xem bạn đã chọn đúng máy in chưa.
- Kiểm tra xem bạn đã bật máy in chưa, sau đó xử lý tất cả thông báo lỗi xuất hiện trên màn hình.
- Kiểm tra xem các cổng có hoạt động không và các dây cáp có được kết nối chắc chắn với máy tính và máy in hay không. Để biết thêm thông tin, hãy xem tài liệu thiết lập đi kèm với máy in.
- Tắt máy in, chờ khoảng 10 giây, rồi bật máy in.
- Tháo, sau đó lắp lại trình điều khiển in.

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

## Không in được tài liệu bảo mật và các tài liệu tạm dừng khác

Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:

- Từ bảng điều khiển, kiểm tra xem tài liệu có xuất hiện trong danh sách **Lệnh đã tạm dừng** không.  
**Lưu ý:** Nếu các tài liệu này không được liệt kê, hãy in các tài liệu này bằng tùy chọn In và giữ.
- Xử lý các lỗi định dạng có thể có hoặc dữ liệu không hợp lệ trong lệnh in.
  - Xóa lệnh in, sau đó gửi lại.
  - Đối với tập tin PDF, hãy tạo tập tin mới rồi in tài liệu.
- Nếu in từ Internet, máy in có thể đọc nhiều tiêu đề lệnh in như các mục trùng lặp.
  - Đối với người dùng Windows, hãy đảm bảo chọn **Giữ tài liệu trùng lặp** trong hộp thoại Tùy chọn In hoặc In.
  - Đối với người dùng Macintosh, đặt tên khác nhau cho các lệnh.
- Xóa một số lệnh tạm dừng để giải phóng bộ nhớ máy in.
- Cài đặt thêm bộ nhớ máy in.

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

## Lệnh in từ khay không chính xác hoặc trên loại giấy không phù hợp

Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:

- Hãy đảm bảo bạn đang in trên đúng loại giấy.
- Tùy thuộc vào hệ điều hành, xác định khổ giấy và loại giấy từ hộp thoại Tùy chọn in hoặc In. Đảm bảo các cài đặt khớp với giấy đã nạp.

**Lưu ý:** Bạn cũng có thể thay đổi cài đặt trên bảng điều khiển máy in. Điều hướng đến **Cài đặt > Giấy > Cấu hình khay > Khổ/loại giấy**.

- Kiểm tra xem các khay có được liên kết không. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem [“Liên kết các khay” trên trang 80](#).

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

## In chậm

Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:

- Đảm bảo cáp máy in được nối chặt với máy in, máy tính, máy chủ in, tùy chọn hoặc thiết bị mạng khác.
- Đảm bảo máy in không ở **Chế độ im lặng**.  
Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Thiết bị > Bảo trì > Menu cấu hình > Thao tác thiết bị > Chế độ im lặng**.

- Xác định độ phân giải của tài liệu mà bạn muốn in.

1 Tùy theo hệ điều hành, hãy truy cập hộp thoại Tùy chọn in hoặc In.

2 Đặt độ phân giải là **4800 CQ**.

**Lưu ý:** Bạn cũng có thể thay đổi cài đặt trên bảng điều khiển. Điều hướng đến **Cài đặt > In > Chất lượng > Độ phân giải in**.

- Tùy thuộc vào hệ điều hành, xác định loại giấy từ hộp thoại Tùy chọn in hoặc In.

**Lưu ý:**

- Bạn cũng có thể thay đổi cài đặt trên bảng điều khiển. Điều hướng đến **Cài đặt > Giấy > Cấu hình khay > Khổ/loại giấy**.
- Giấy nặng hơn sẽ in chậm hơn.
- Giấy hẹp hơn khổ letter, A4 và khổ legal có thể in chậm hơn.

- Đảm bảo các cài đặt của máy in về kết cấu và trọng lượng phù hợp với giấy đang được nạp.  
Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Giấy > Cấu hình giấy > Loại giấy**.

**Lưu ý:** Vân giấy thô và trọng lượng giấy nặng có thể in chậm hơn.

- Xóa lệnh tạm dừng.
- Đảm bảo máy in không quá nóng.

**Lưu ý:**

- Để máy in nguội xuống sau một lệnh in dài.
- Tuân thủ nhiệt độ môi trường khuyến nghị cho máy in. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem [“Chọn vị trí cho máy in” trên trang 57](#).

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

## Máy in không phản hồi

Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:

- Kiểm tra xem dây nguồn có được nối với ổ cắm điện không.



**CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG:** Để tránh rủi ro hỏa hoạn hoặc điện giật, hãy nối dây nguồn với ổ cắm điện có công suất định mức phù hợp, được nối đất đúng cách, gần với sản phẩm và dễ tiếp cận.

- Đảm bảo ổ cắm điện không bị tắt bằng công tắc hoặc cầu dao.
- Kiểm tra xem máy in có đang bật không.
- Đảm bảo máy in không ở Chế độ ngủ hoặc Chế độ ngủ đông.
- Đảm bảo cáp kết nối máy in và máy tính được cắm vào đúng cổng.

- Tắt máy in, lắp các tùy chọn phần cứng, sau đó bật máy in. Để biết thêm thông tin, hãy xem tài liệu đi kèm với tùy chọn đó.
- Cài đặt đúng trình điều khiển in.
- Tắt máy in, chờ khoảng 10 giây, rồi bật máy in.

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

## Không thể đọc ổ flash

Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:

- Đảm bảo rằng máy in hiện không bận xử lý nhiều lệnh.
- Đảm bảo rằng ổ flash đã được cắm vào cổng USB phía trước.

**Lưu ý:** Ổ flash không hoạt động khi được cắm vào cổng USB phía sau.

- Đảm bảo rằng ổ flash được hỗ trợ. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem "[Ổ đĩa flash và loại tập tin được hỗ trợ](#)" trên trang 55.
- Tháo, sau đó lắp ổ flash.

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

## Bật cổng USB

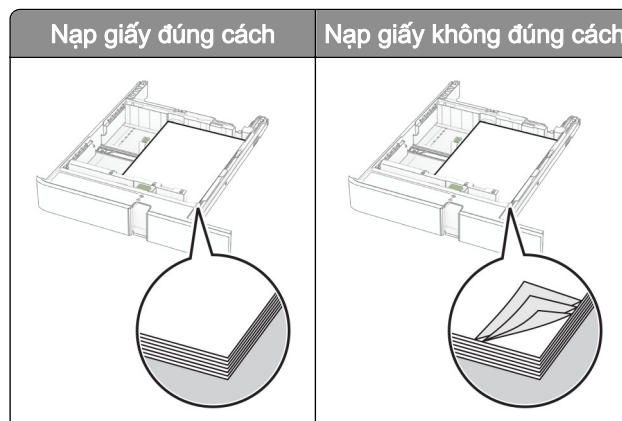
- 1 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Mạng/Cổng > USB**.
- 2 Chọn **Bật cổng USB**.

## Xử lý kẹt giấy

### Tránh kẹt giấy

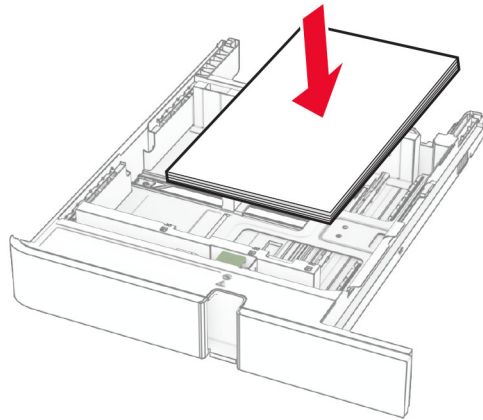
#### Nạp giấy đúng cách

- Đảm bảo giấy nằm phẳng trong khay.



- Không nạp hoặc tháo khay trong khi máy in đang in.
- Không nạp quá nhiều giấy. Đảm bảo chiều cao chồng giấy thấp hơn chỉ báo nạp giấy tối đa.

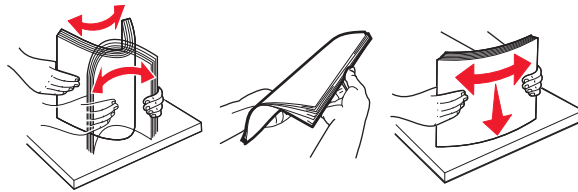
- Không trượt giấy vào khay. Nạp giấy như trong hình minh họa.



- Đảm bảo các thanh dẫn giấy được đặt đúng vị trí và không ấn chặt vào giấy hoặc phong bì.
- Đẩy chặt khay vào máy in sau khi nạp giấy.

### Sử dụng giấy được khuyến nghị

- Chỉ sử dụng giấy hoặc giấy chuyên dụng được khuyến nghị.
- Không nạp giấy bị nhăn, nhàu, ẩm ướt, cong hoặc quăn.
- Gập, xòe và canh chỉnh các mép giấy trước khi nạp.



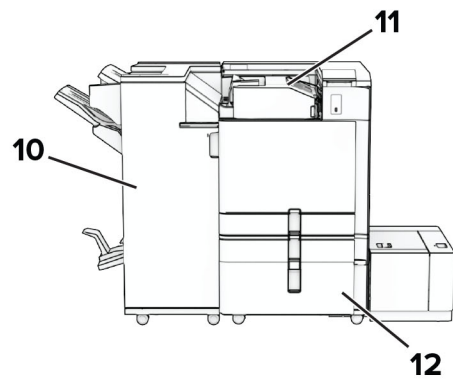
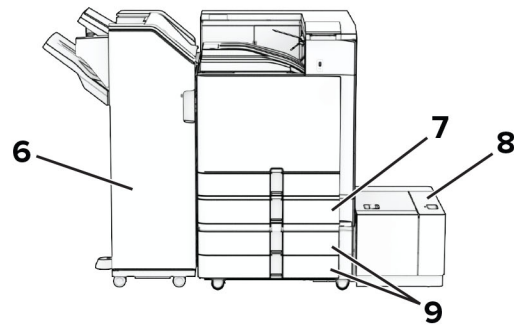
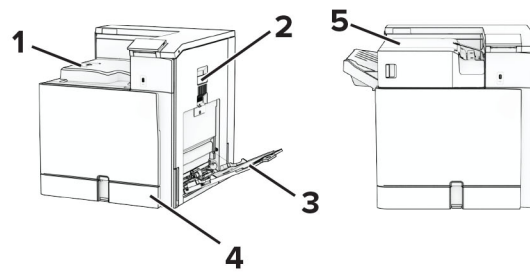
- Không dùng giấy đã bị cắt hoặc tĩa bằng tay.
- Không trộn các khổ giấy, trọng lượng hoặc loại giấy vào cùng khay.
- Đảm bảo khổ giấy và loại giấy được cài đặt chính xác trên máy tính hoặc bảng điều khiển máy in.
- Bảo quản giấy theo khuyến nghị của nhà sản xuất.

### Xác định vị trí kẹt giấy

#### Lưu ý:

- Khi **Trợ giúp kẹt giấy** được đặt thành **Bật**, máy in sẽ xóa các trang trống hoặc các trang đã in một phần sau khi đã gỡ trang bị kẹt. Kiểm tra bản in ra để xem có trang trống không.
- Khi **Khôi phục kẹt giấy** được đặt thành **Bật** hoặc **Tự động**, máy in sẽ in lại các trang bị kẹt giấy.



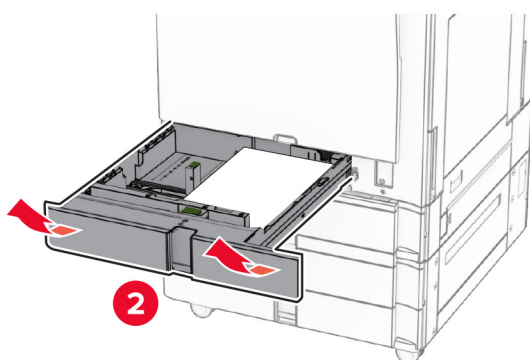
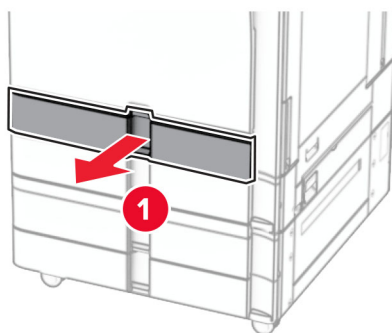


	Vị trí kẹt giấy
1	Ngăn giấy chuẩn
2	Cửa B
3	Khay nạp giấy đa năng
4	Khay tiêu chuẩn
5	Bộ hoàn thiện dập ghim
6	Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ
7	Khay 550 tờ tùy chọn
8	Khay 1500 tờ
9	Khay 2 x 550 tờ
10	Bộ hoàn thiện tập sách
11	Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy

Vị trí kẹt giấy	
12	khay song song 2000 tờ

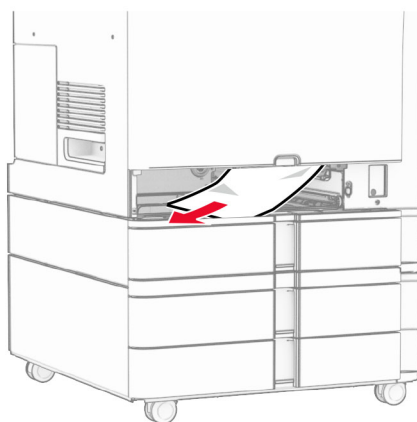
## Kẹt giấy trong khay tiêu chuẩn

1 Kéo khay tiêu chuẩn ra.



2 Lấy hết giấy bị kẹt ra.

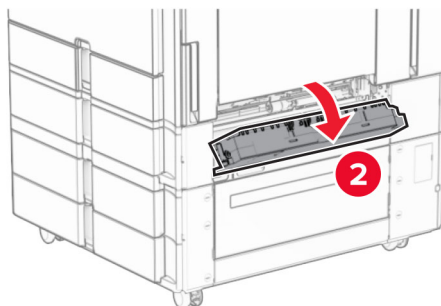
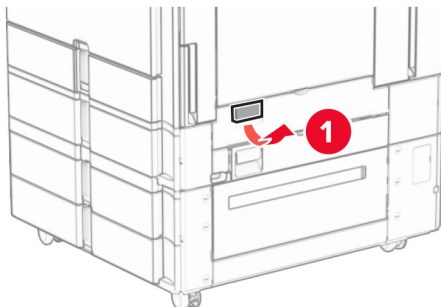
**Lưu ý:** Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.



3 Lắp khay vào.

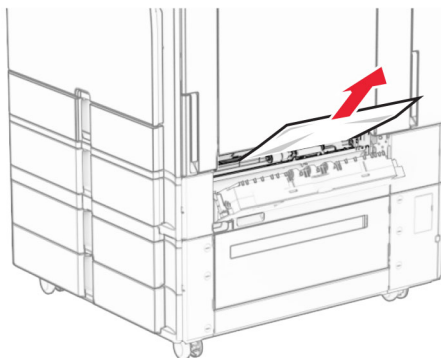
## Kẹt giấy trong khay 550 tờ tùy chọn

1 Mở cửa D.



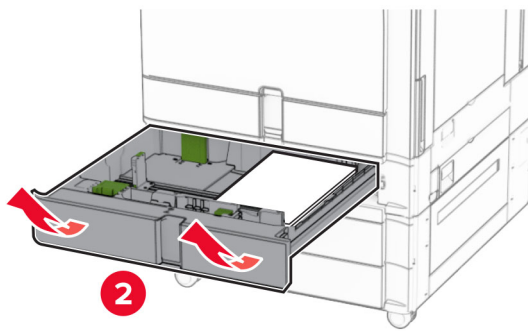
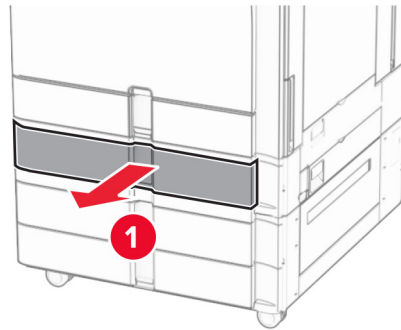
2 Lấy hết giấy bị kẹt ra.

Lưu ý: Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.



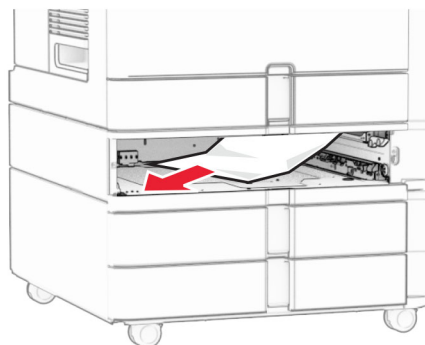
3 Đóng cửa.

4 Kéo khay 550 tờ tùy chọn ra.



5 Lấy hết giấy bị kẹt ra.

**Lưu ý:** Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.



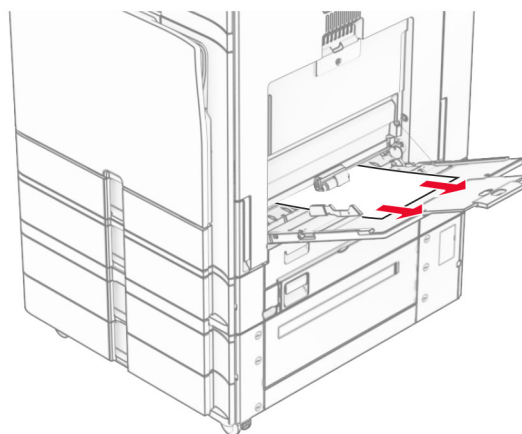
6 Lắp khay vào.

### Kẹt giấy trong khay nạp giấy đa năng

1 Lấy hết giấy ra khỏi khay nạp giấy đa năng.

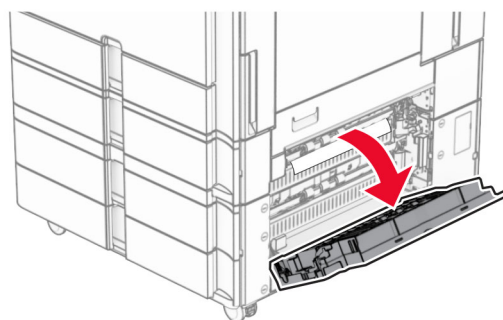
2 Lấy hết giấy bị kẹt ra.

**Lưu ý:** Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.



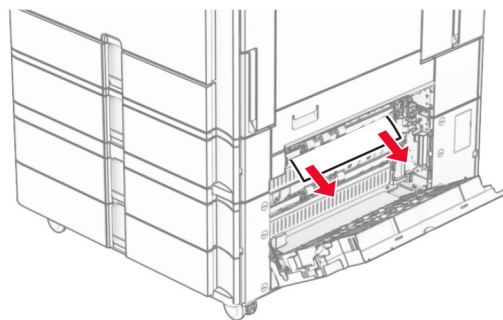
## Kẹt giấy trong khay 2 x 550 tờ

1 Mở cửa E.



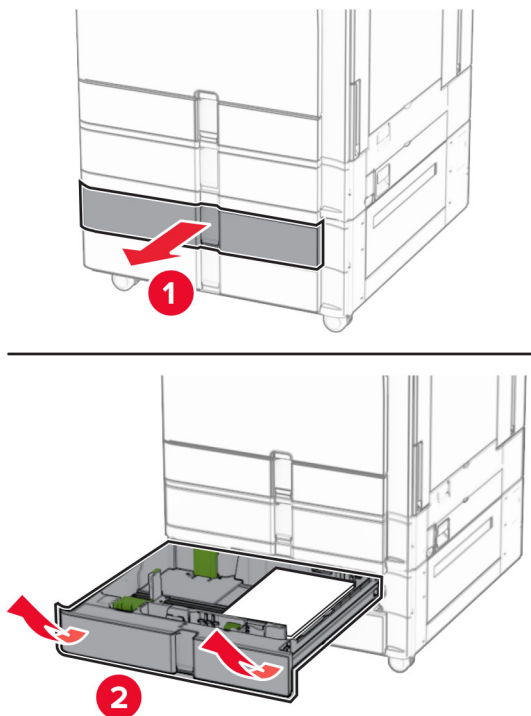
2 Lấy hết giấy bị kẹt trong cửa E.

Lưu ý: Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.



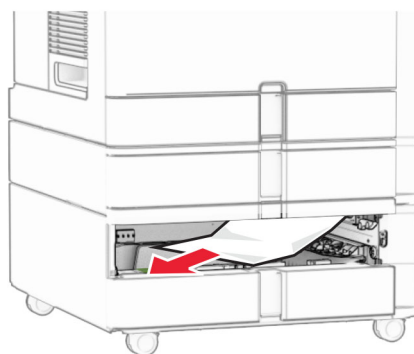
3 Đóng cửa E.

4 Kéo khay 3 ra.



5 Lấy hết giấy bị kẹt ra.

Lưu ý: Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.

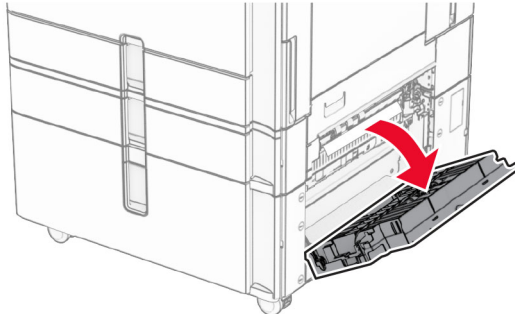


6 Lắp khay 3.

7 Lặp lại [bước 4](#) đến [bước 6](#) cho khay 4.

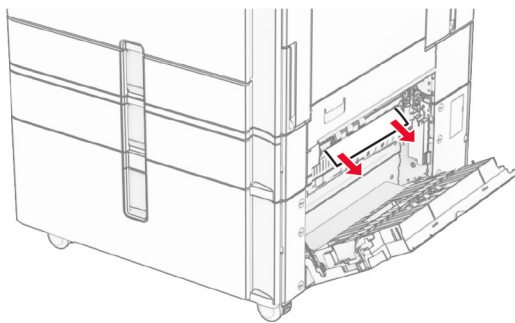
## Kẹt giấy trong khay song song 2000 tờ

1 Mở cửa E.



2 Lấy hết giấy bị kẹt trong cửa E.

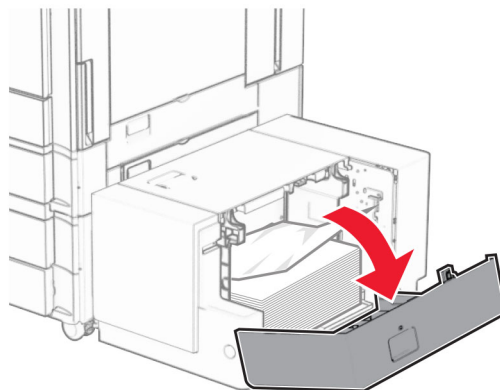
**Lưu ý:** Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.



3 Đóng cửa E.

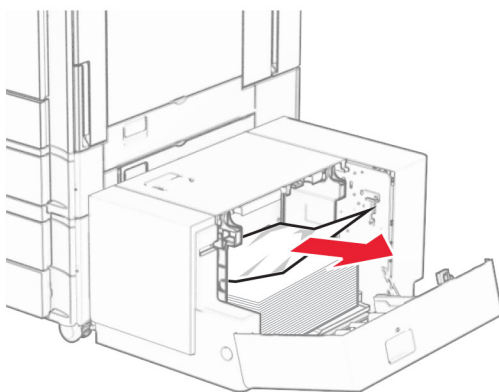
## Kẹt giấy trong khay 1500 tờ

1 Mở cửa K.



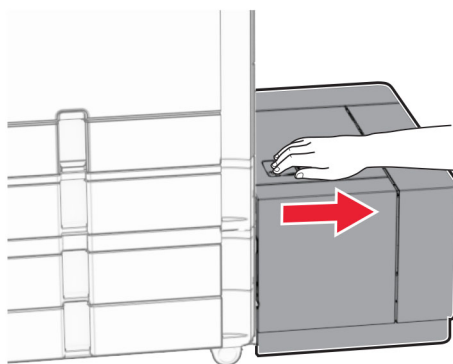
2 Lấy hết giấy bị kẹt ra.

**Lưu ý:** Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.



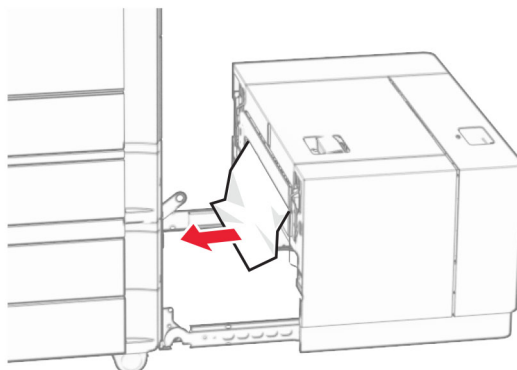
3 Đóng cửa K.

4 Nắm tay cầm J rồi trượt khay sang bên phải.



5 Lấy hết giấy bị kẹt ra.

Lưu ý: Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.




6 Trượt khay trở lại vị trí.

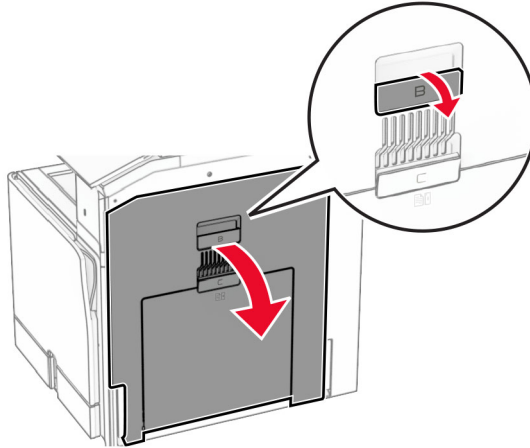
## Kẹt giấy ở cửa B

1 Mở cửa B.



 **CHÚ Ý—BỀ MẶT NÓNG:** Bên trong máy in có thể nóng. Để giảm rủi ro chấn thương do bộ phận máy bị nóng, hãy để cho bề mặt nguội xuống trước khi chạm vào.

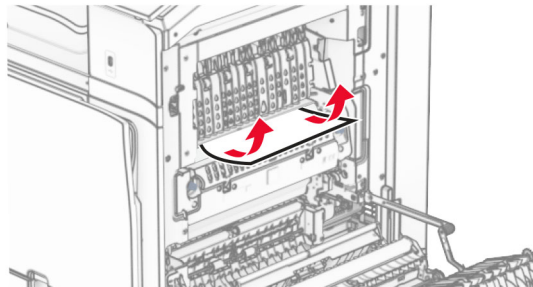
**Cảnh báo—Nguy cơ hỏng:** Để tránh hư hỏng do phóng tĩnh điện, hãy chạm vào mọi khung kim loại hở của máy in trước khi tiếp cận hoặc chạm vào các khu vực bên trong máy in.



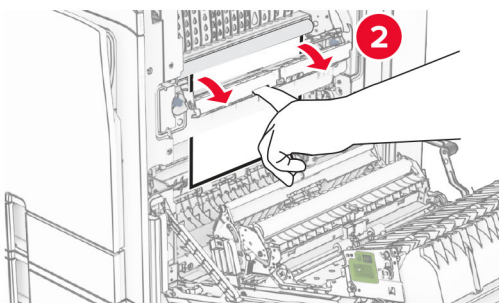
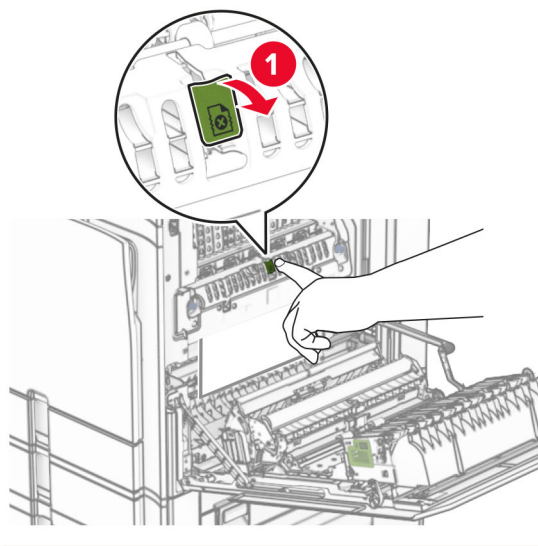
2 Loại bỏ giấy bị kẹt ở các vị trí sau:

**Lưu ý:** Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.

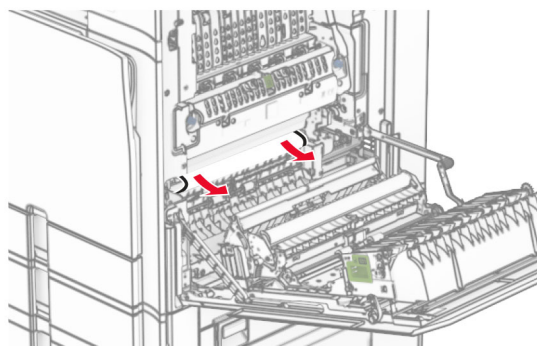
- Phía trên bộ sấy



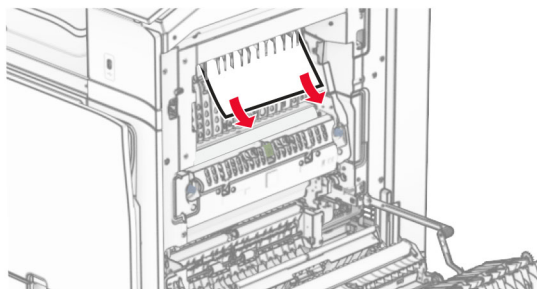
- Trong bộ sấy



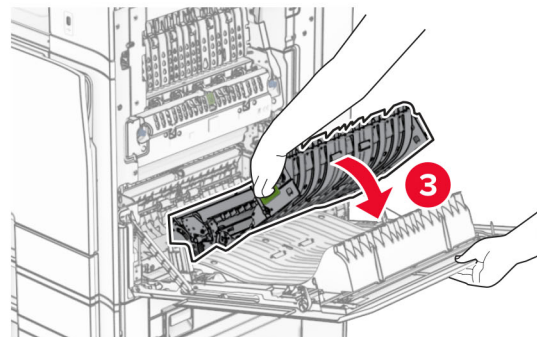
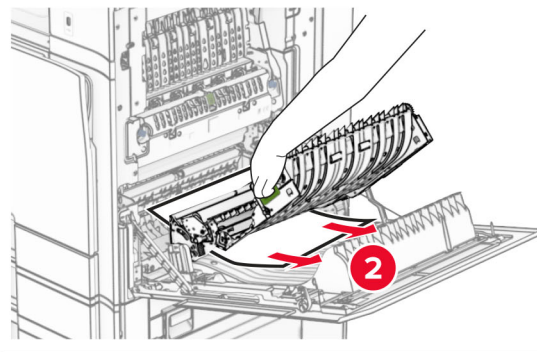
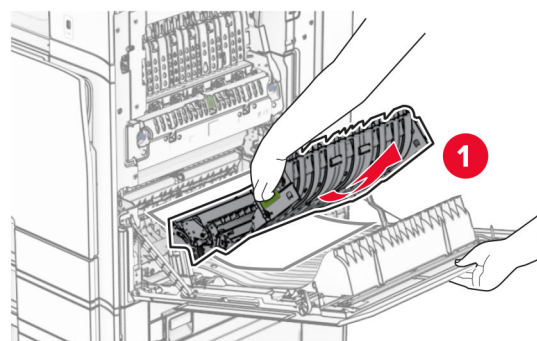
- Bên dưới bộ sấy



- Dưới lô ra giấy của ngăn giấy chuẩn



- Trong bộ đảo mặt

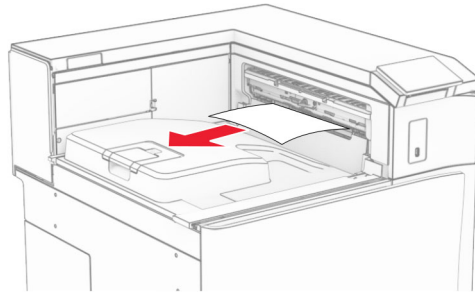


**3** Đóng cửa B.

## Kẹt giấy trong ngăn giấy chuẩn

- 1 Lấy hết giấy ra khỏi ngăn giấy chuẩn.
- 2 Lấy hết giấy bị kẹt ra.

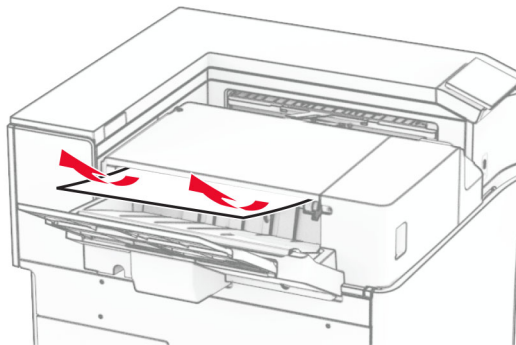
**Lưu ý:** Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.



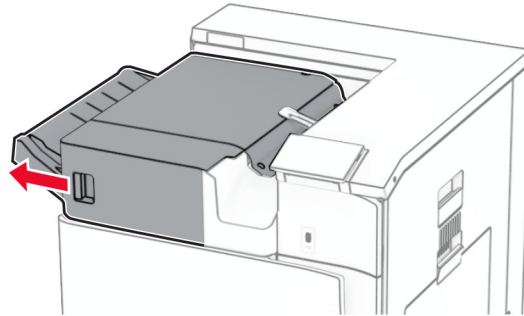
## Kẹt giấy trong bộ hoàn thiện dập ghim

- 1 Loại bỏ giấy bị kẹt trong ngăn giấy của bộ hoàn thiện dập ghim.

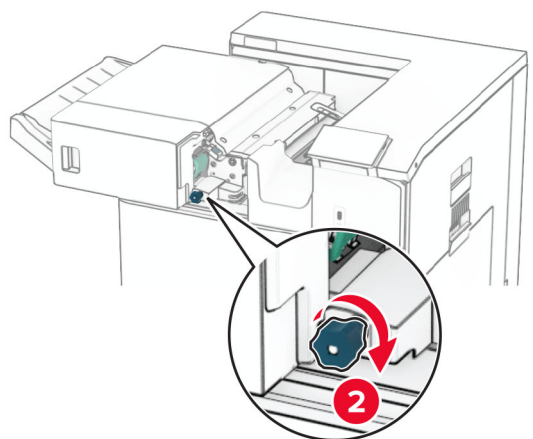
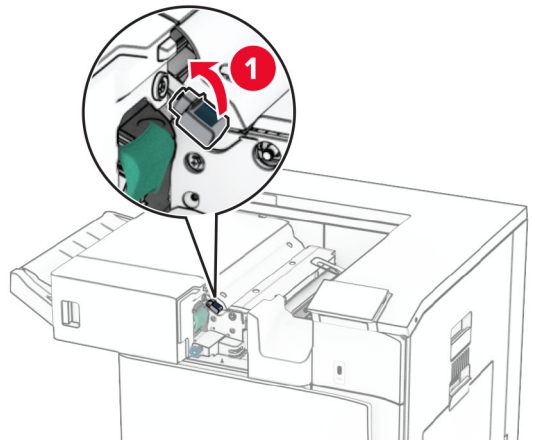
**Lưu ý:** Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.



2 Nắm tay cầm F rồi trượt bộ hoàn thiện đập ghim sang bên trái.

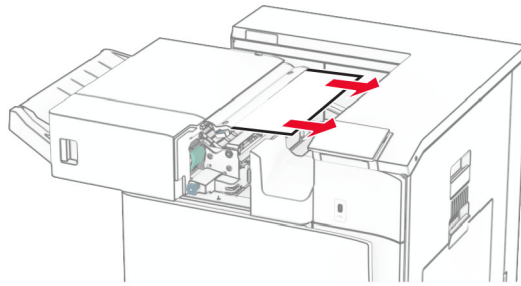


3 Mở cửa R1, rồi xoay núm R2 theo chiều kim đồng hồ.



4 Lấy hết giấy bị kẹt ra.

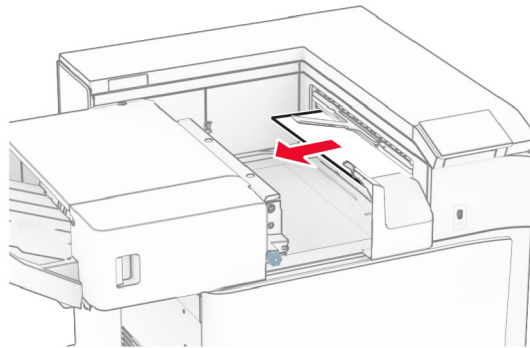
Lưu ý: Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.



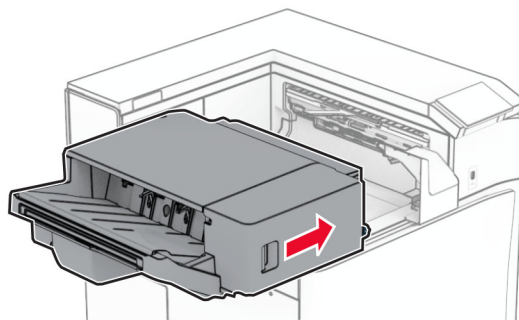
5 Đóng cửa R1.

6 Loại bỏ giấy bị kẹt trong lô ra giấy của ngăn giấy chuẩn.

**Lưu ý:** Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.



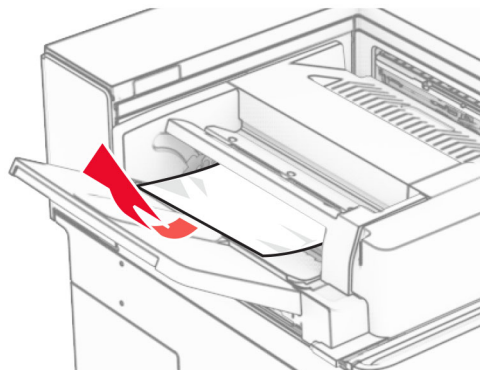
7 Trượt bộ hoàn thiện dập ghim trở lại vị trí.



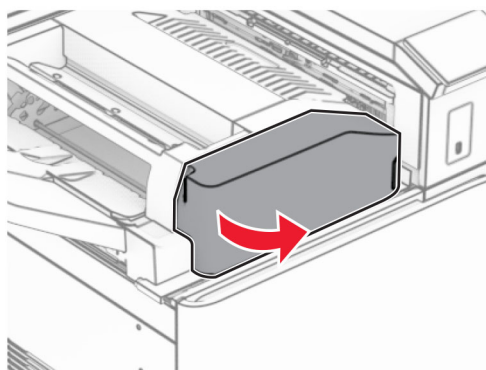
## Kẹt giấy trong tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy

1 Lấy hết giấy bị kẹt ra.

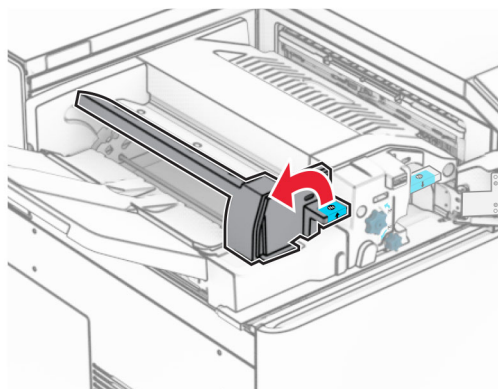
**Lưu ý:** Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.



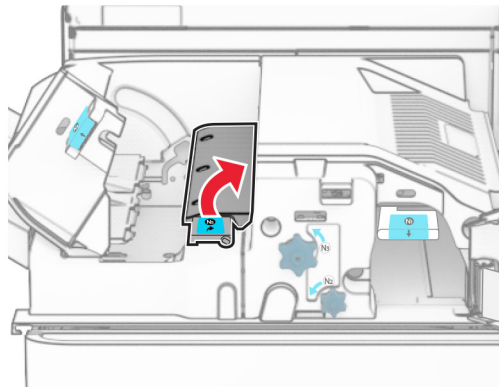
2 Mở cửa F.



3 Nâng tay cầm N4 lên.

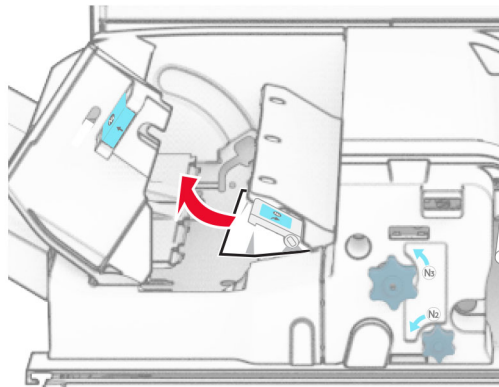


4 Nâng tay cầm N5 lên.



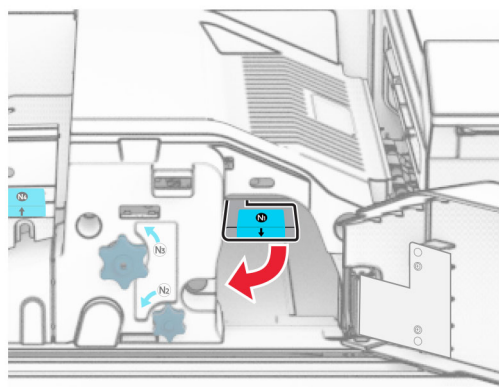
5 Lấy hết giấy bị kẹt ra.

Lưu ý: Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.



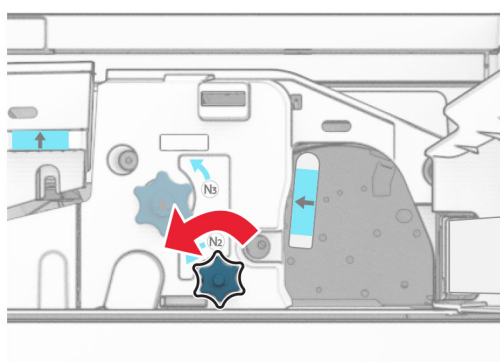
6 Đóng tay cầm N5, rồi đóng tay cầm N4.

7 Đẩy tay cầm N1 xuống.





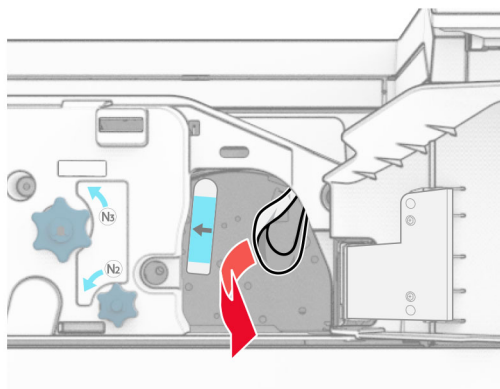
8 Xoay núm N2 ngược chiều kim đồng hồ.



9 Lấy hết giấy bị kẹt ra.

**Cảnh báo—Nguy cơ hỏng:** Để tránh làm hỏng máy in, hãy tháo mọi phụ kiện cầm tay trước khi loại bỏ giấy bị kẹt.

**Lưu ý:** Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.



10 Đặt lại tay cầm N1 vào đúng vị trí.

11 Đóng cửa F.

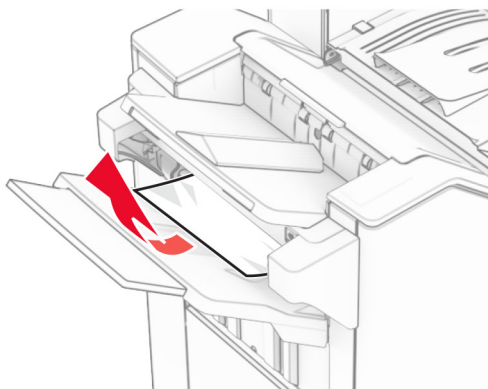
## Kẹt giấy trong bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ

Nếu máy in của bạn được đặt cấu hình với bộ phận vận chuyển giấy, hãy thực hiện như sau:

1 Loại bỏ giấy bị kẹt trong ngăn giấy 1.

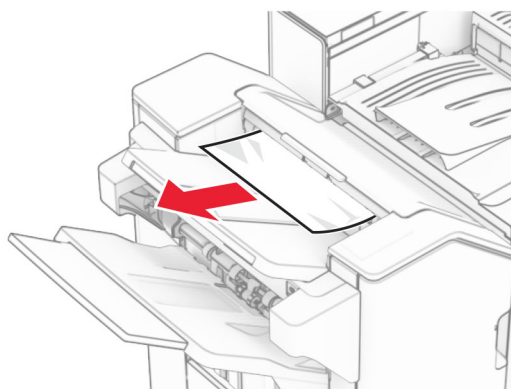
**Lưu ý:**

- Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.
- Không loại bỏ các trang in trong bộ soạn dập ghim để tránh bị thiếu trang.



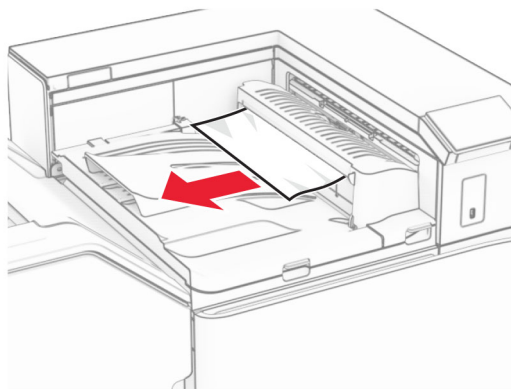
**2** Loại bỏ giấy bị kẹt trong ngăn giấy chuẩn của bộ hoàn thiện.

**Lưu ý:** Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.



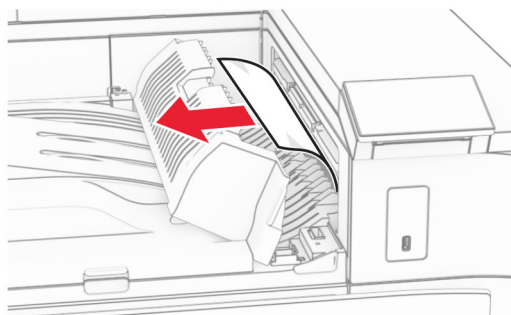
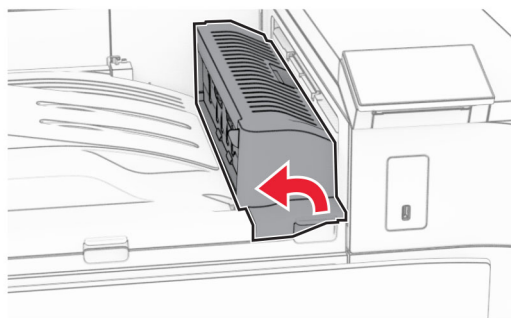
**3** Loại bỏ giấy bị kẹt trong ngăn giấy 2.

**Lưu ý:** Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.

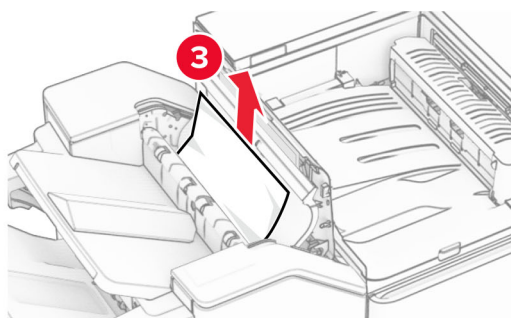
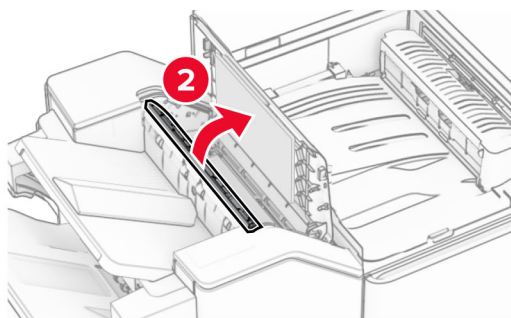
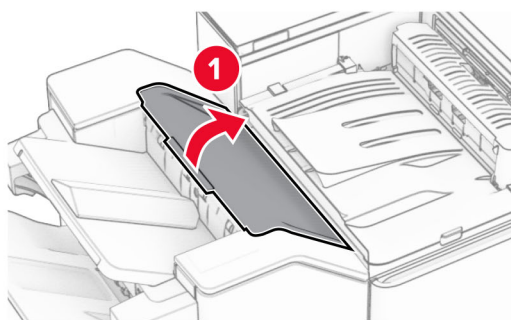


**4** Mở nắp G của bộ phận vận chuyển giấy, sau đó loại bỏ giấy bị kẹt.

**Lưu ý:** Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.

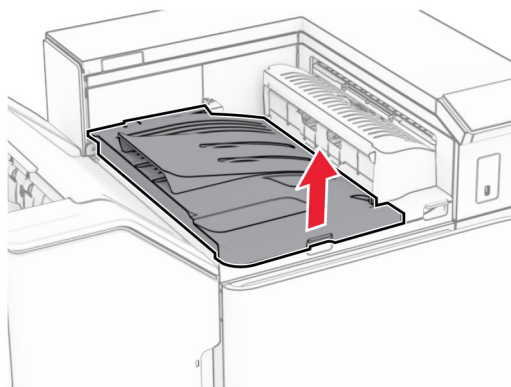


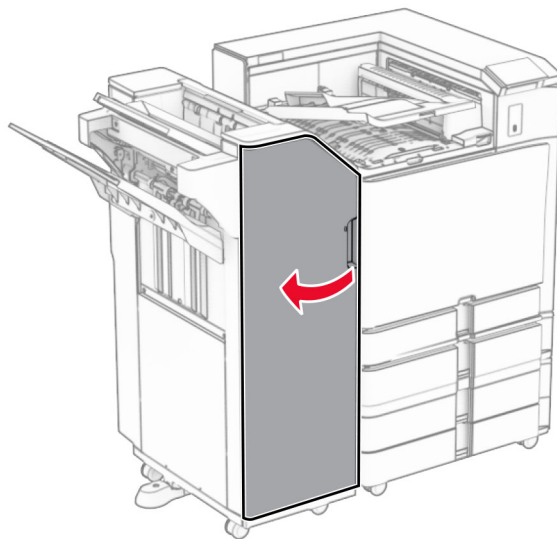
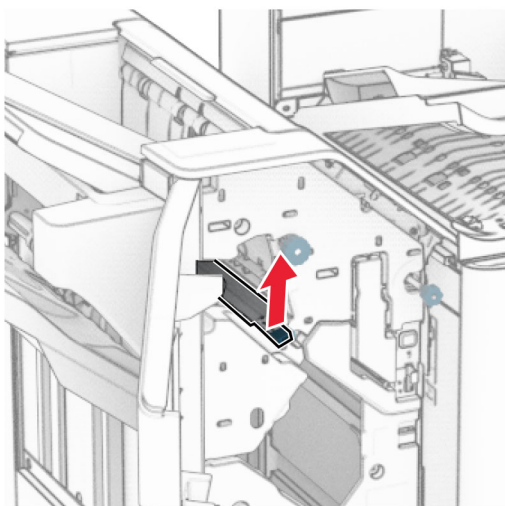
- 5 Đóng nắp G của bộ phận vận chuyển giấy.
  - 6 Mở cửa I, mở cửa R1, rồi loại bỏ giấy bị kẹt.
- Lưu ý:** Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.



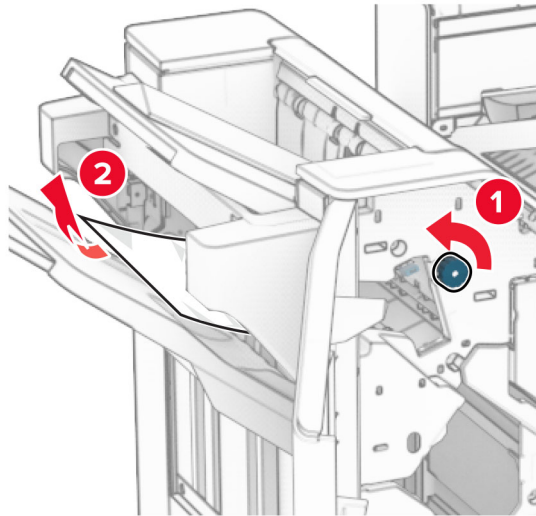
7 Đóng cửa R1, sau đó đóng cửa I.

8 Mở nắp F của bộ phận vận chuyển giấy.



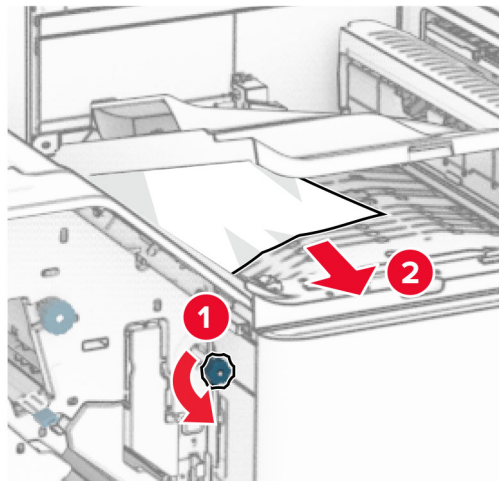
**9** Mở cửa H.**10** Nâng tay cầm R4 lên.**11** Xoay núm R3 ngược chiều kim đồng hồ, sau đó loại bỏ giấy bị kẹt trong ngăn giấy 1.

**Lưu ý:** Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.



**12** Xoay núm R2 ngược chiều kim đồng hồ, sau đó loại bỏ giấy bị kẹt trong nắp F của bộ phận vận chuyển giấy.

**Lưu ý:** Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.



**13** Đóng nắp F của bộ phận vận chuyển giấy.

**14** Đưa tay cầm R4 về vị trí ban đầu.

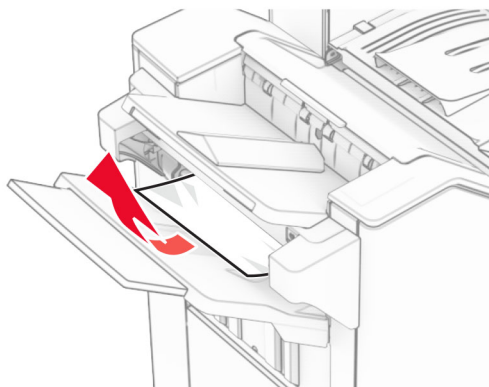
**15** Đóng cửa H.

**Nếu máy in của bạn được đặt cấu hình với tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy, hãy thực hiện như sau:**

**1** Loại bỏ giấy bị kẹt trong ngăn giấy 1.

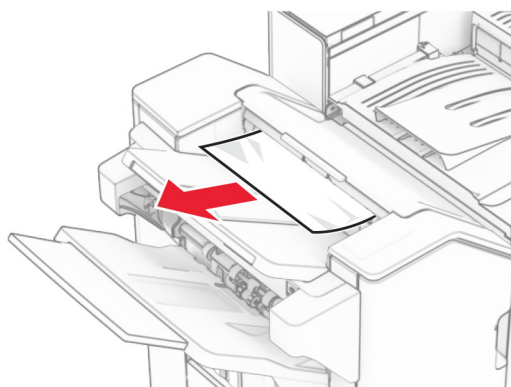
**Lưu ý:**

- Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.
- Không loại bỏ các trang in trong bộ soạn dập ghim để tránh bị thiếu trang.



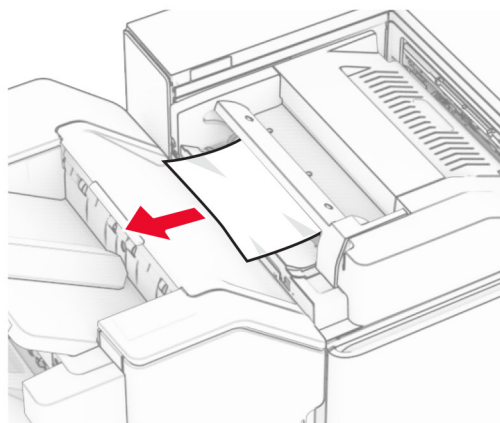
**2** Loại bỏ giấy bị kẹt trong ngăn giấy chuẩn của bộ hoàn thiện.

**Lưu ý:** Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.

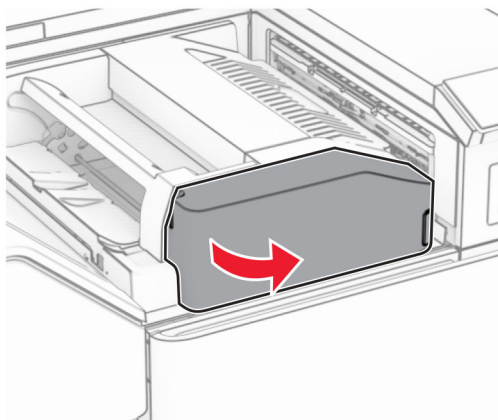


**3** Loại bỏ giấy bị kẹt trong ngăn giấy 2.

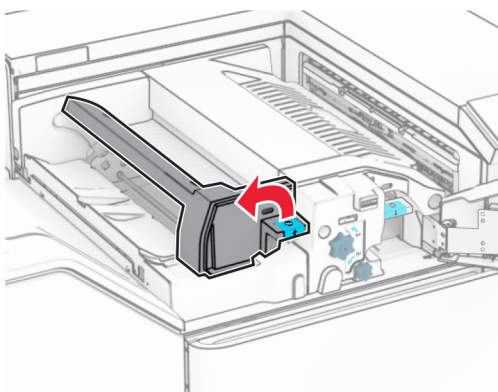
**Lưu ý:** Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.



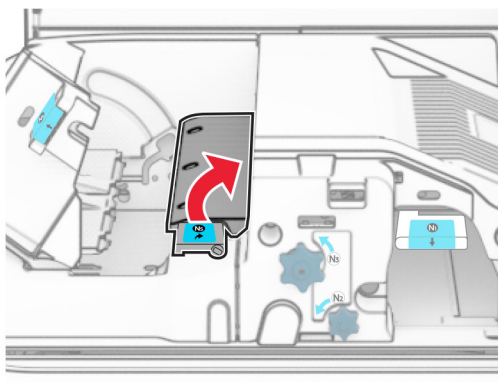
4 Mở cửa F.



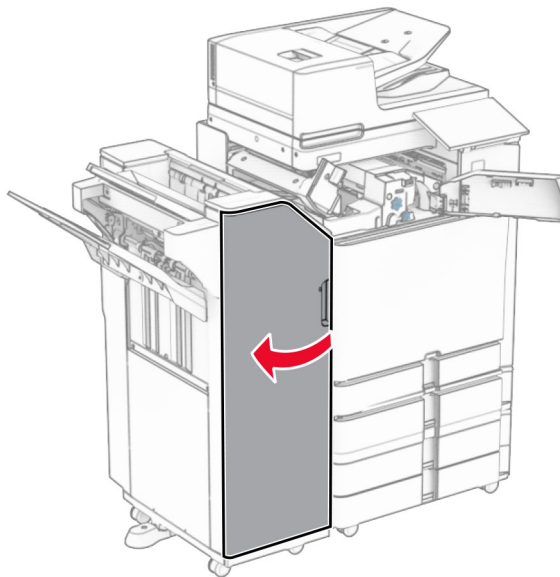
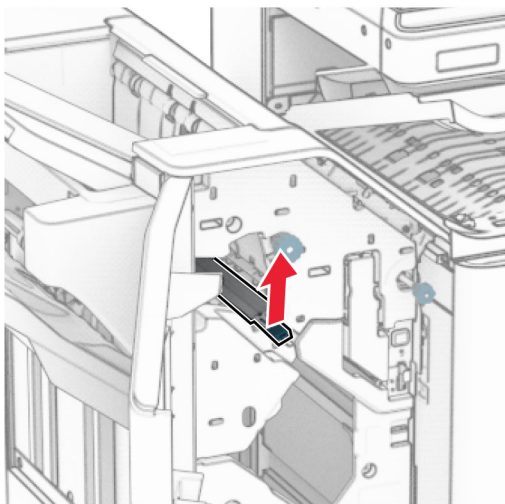
5 Mở cửa N4.



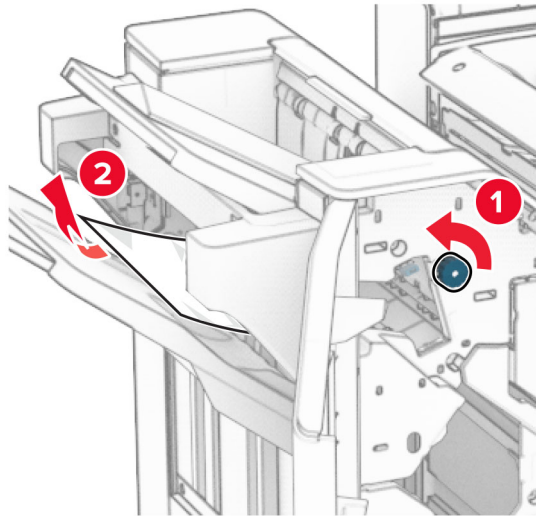
6 Mở cửa N5.



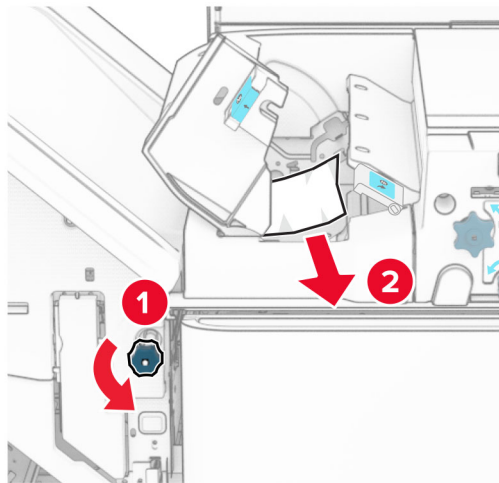


**7** Mở cửa H.**8** Nâng tay cầm R4 lên.**9** Xoay núm R3 ngược chiều kim đồng hồ, sau đó loại bỏ giấy bị kẹt trong ngăn giấy 1.


**Lưu ý:** Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.



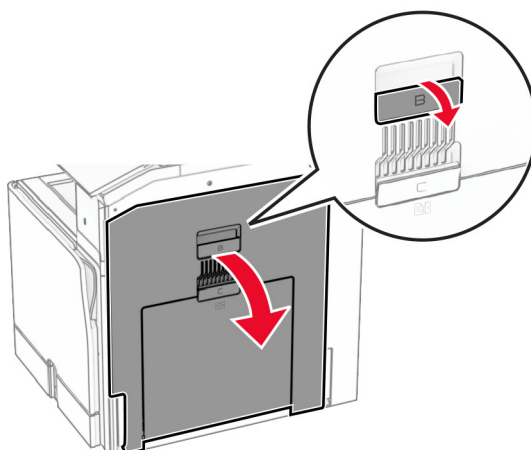
- 10 Xoay núm R2 ngược chiều kim đồng hồ, sau đó loại bỏ giấy bị kẹt giữa cửa N4 và N5.  
 Lưu ý: Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.



- 11 Mở cửa B.

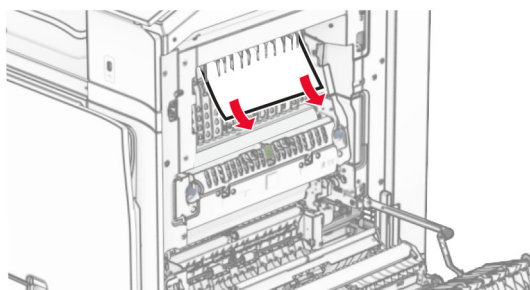
 **CHÚ Ý—BỀ MẶT NÓNG:** Bên trong máy in có thể nóng. Để giảm rủi ro chấn thương do bộ phận máy bị nóng, hãy để cho bề mặt nguội xuống trước khi chạm vào.

**Cảnh báo—Nguy cơ hỏng:** Để tránh hư hỏng do phóng tĩnh điện, hãy chạm vào mọi khung kim loại hở của máy in trước khi tiếp cận hoặc chạm vào các khu vực bên trong máy in.



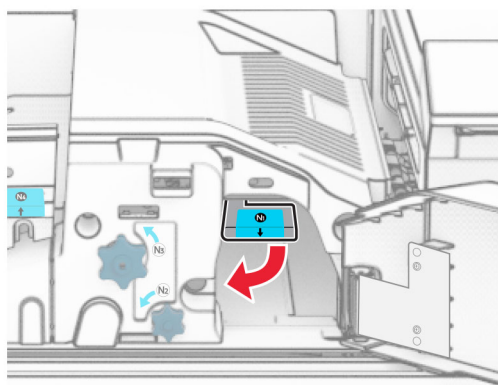
**12** Loại bỏ giấy bị kẹt dưới lô ra giấy của ngăn giấy chuẩn.

**Lưu ý:** Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.

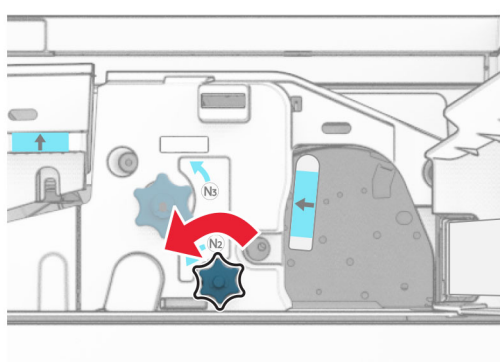


**13** Đóng cửa B.

**14** Đẩy tay cầm N1 xuống.



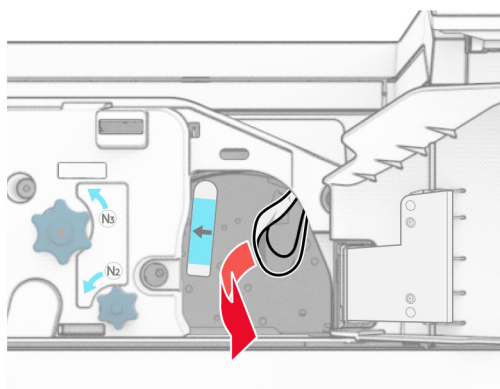
15 Xoay núm N2 ngược chiều kim đồng hồ.



16 Lấy hết giấy bị kẹt ra.

**Cảnh báo—Nguy cơ hỏng:** Để tránh làm hỏng máy in, hãy tháo mọi phụ kiện cầm tay trước khi loại bỏ giấy bị kẹt.

**Lưu ý:** Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.



17 Đặt lại tay cầm N1 vào đúng vị trí.

18 Đóng tay cầm N5, rồi đóng tay cầm N4.

19 Đóng cửa F.

20 Đưa tay cầm R4 về vị trí ban đầu.

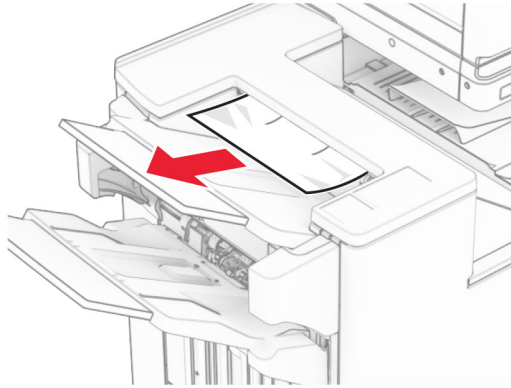
21 Đóng cửa H.

## Kẹt giấy trong bộ hoàn thiện tập sách

Nếu máy in của bạn được đặt cấu hình với bộ phận vận chuyển giấy, hãy thực hiện như sau:

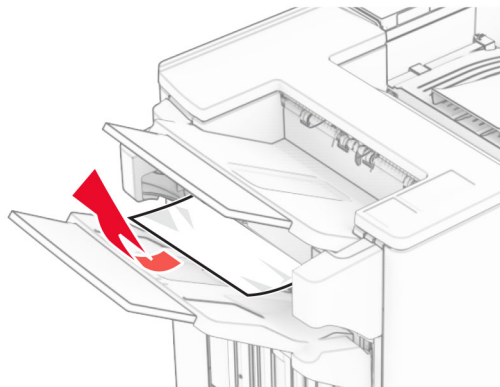
1 Loại bỏ giấy bị kẹt trong ngăn giấy chuẩn của bộ hoàn thiện.

**Lưu ý:** Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.



**2** Loại bỏ giấy bị kẹt trong ngăn giấy 1.

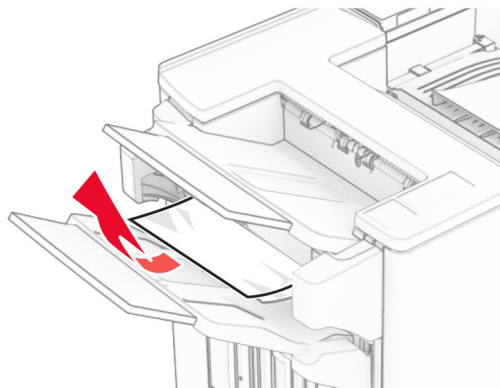
**Lưu ý:** Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.



**3** Loại bỏ giấy bị kẹt trong ngăn giấy 1.

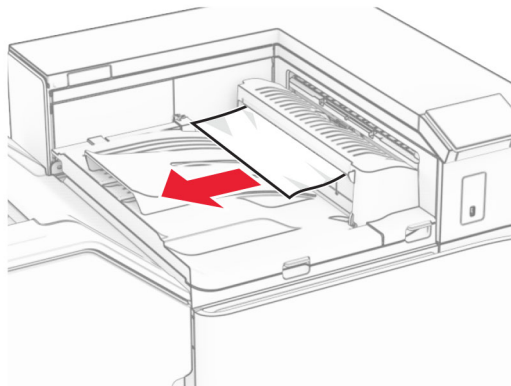
**Lưu ý:**

- Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.
- Không loại bỏ các trang in trong bộ soạn dập ghim để tránh bị thiếu trang.

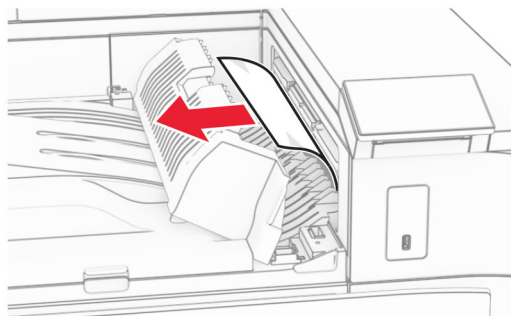
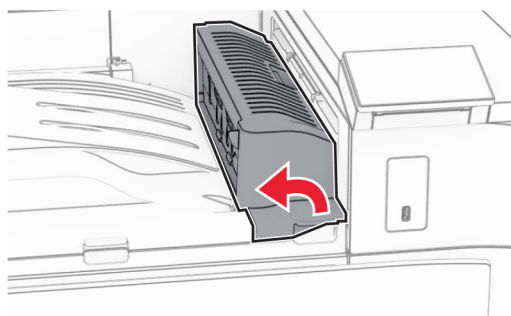


**4** Loại bỏ giấy bị kẹt trong ngăn giấy 3.

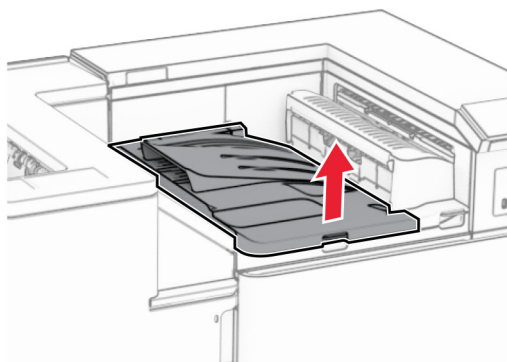
**Lưu ý:** Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.

**5** Mở nắp G của bộ phận vận chuyển giấy, sau đó loại bỏ giấy bị kẹt.

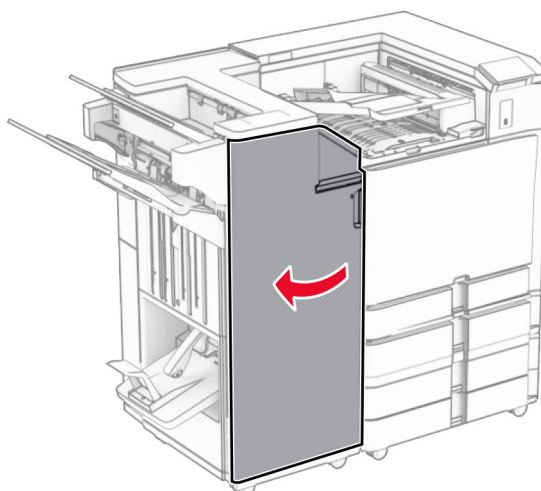
**Lưu ý:** Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.

**6** Đóng nắp G của bộ phận vận chuyển giấy.

7 Mở nắp F của bộ phận vận chuyển giấy.

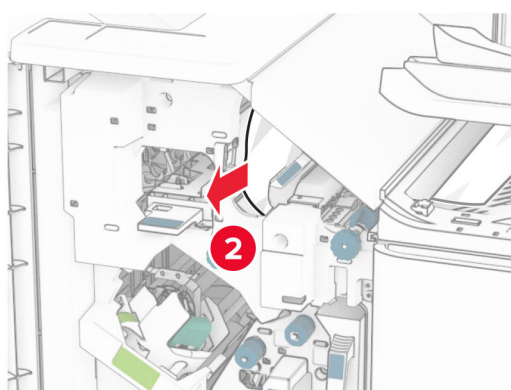


8 Mở cửa H.



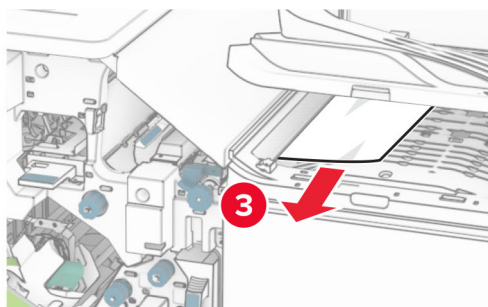
9 Di chuyển tay cầm R3 sang phải, sau đó loại bỏ giấy bị kẹt.

**Lưu ý:** Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.

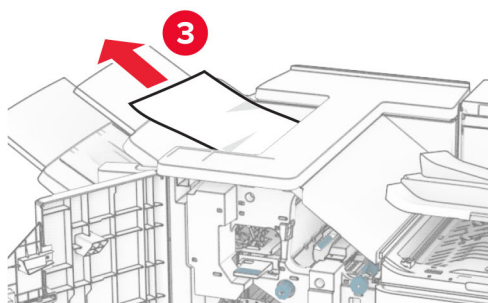


- 10** Di chuyển tay cầm R1 sang trái, xoay núm R2 ngược chiều kim đồng hồ, sau đó loại bỏ giấy bị kẹt.  
**Lưu ý:** Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.



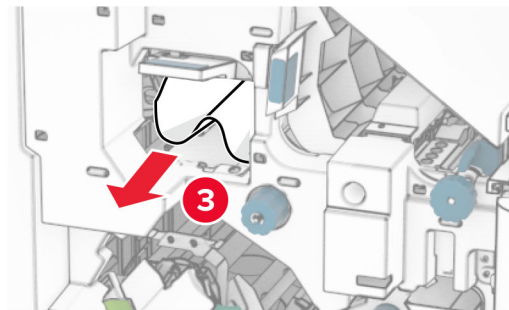
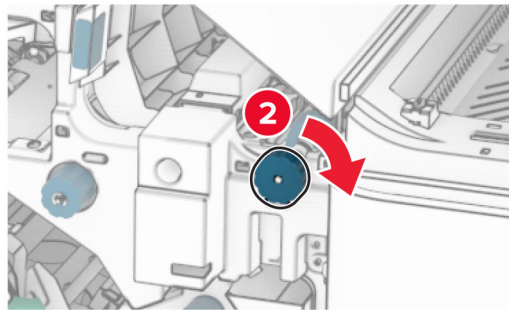
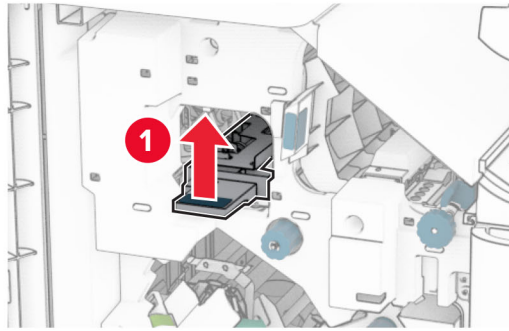


- 11 Xoay núm R5 ngược chiều kim đồng hồ, sau đó loại bỏ giấy bị kẹt khỏi ngăn giấy chuẩn của bộ hoàn thiện.  
**Lưu ý:** Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.



**12** Nhấc tay cầm R4 lên, xoay núm R2 theo chiều kim đồng hồ, sau đó loại bỏ giấy bị kẹt.

**Lưu ý:** Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.



**13** Đóng nắp F của bộ phận vận chuyển giấy.

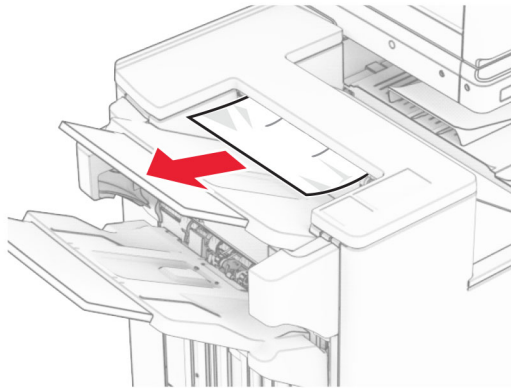
**14** Đưa tay cầm R1, R3 và R4 về vị trí ban đầu.

**15** Đóng cửa H.

**Nếu máy in của bạn được đặt cấu hình với tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy, hãy thực hiện như sau:**

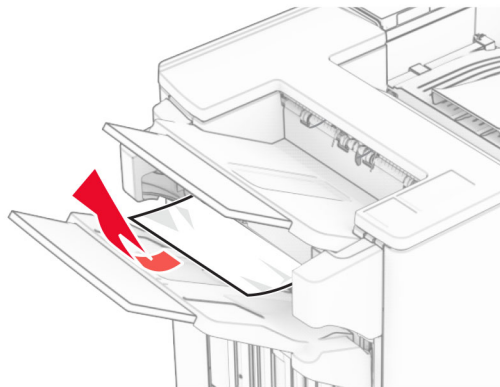
**1** Loại bỏ giấy bị kẹt trong ngăn giấy chuẩn của bộ hoàn thiện.

**Lưu ý:** Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.



2 Loại bỏ giấy bị kẹt trong ngăn giấy 1.

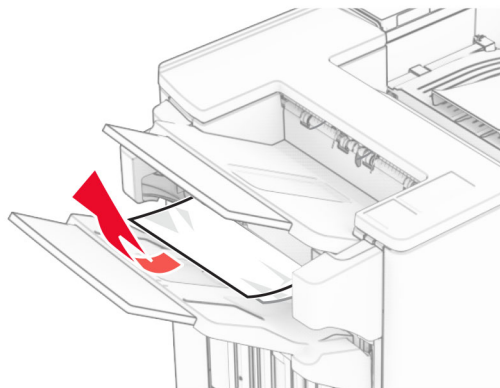
**Lưu ý:** Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.



3 Loại bỏ giấy bị kẹt trong ngăn giấy 1.

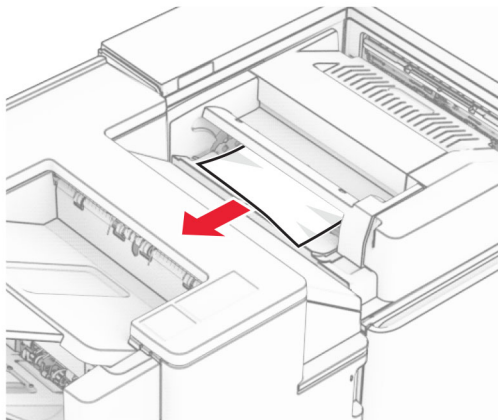
**Lưu ý:**

- Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.
- Không loại bỏ các trang in trong bộ soạn dập ghim để tránh bị thiếu trang.

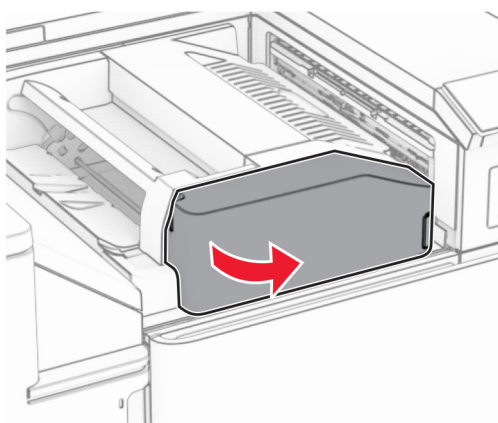


**4** Loại bỏ giấy bị kẹt trong ngăn giấy 3.

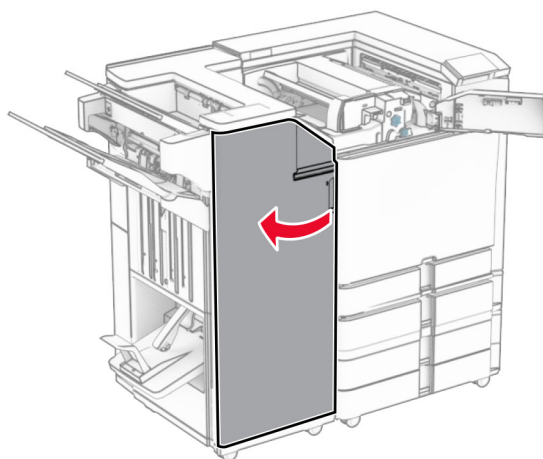
**Lưu ý:** Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.



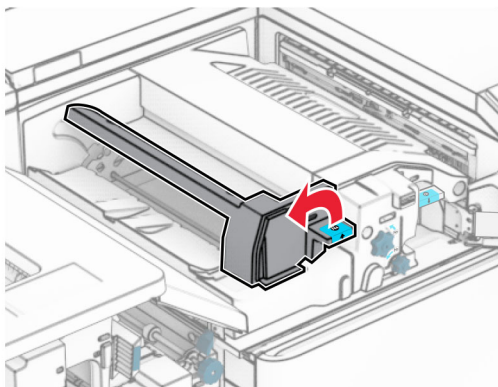
**5** Mở cửa F.



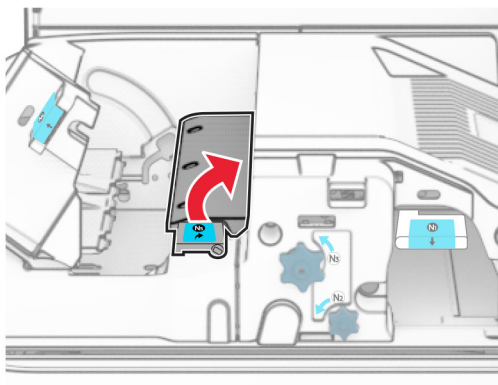
**6** Mở cửa H.



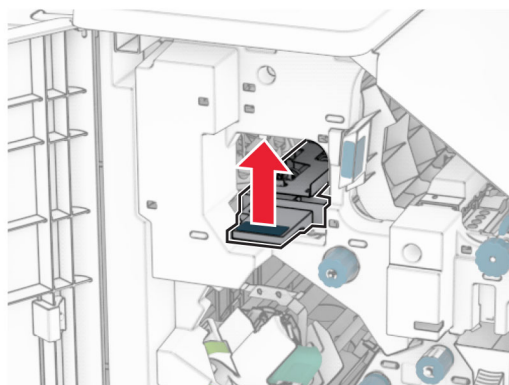
7 Mở cửa N4.



8 Mở cửa N5.

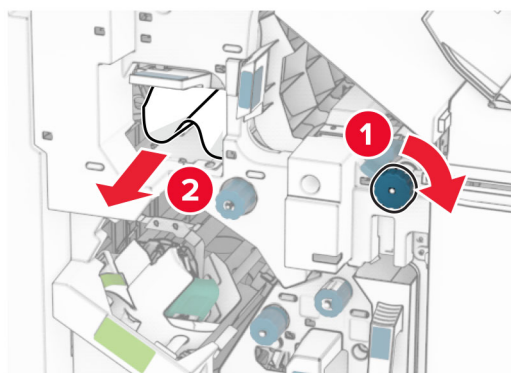


9 Nâng tay cầm R4 lên.



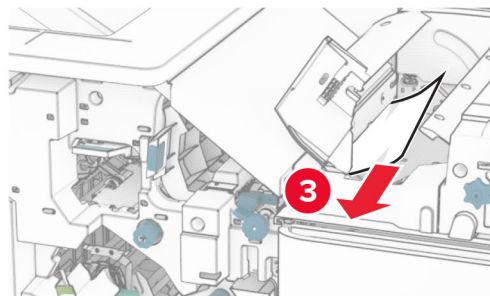
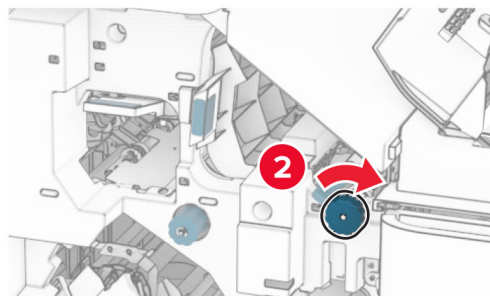
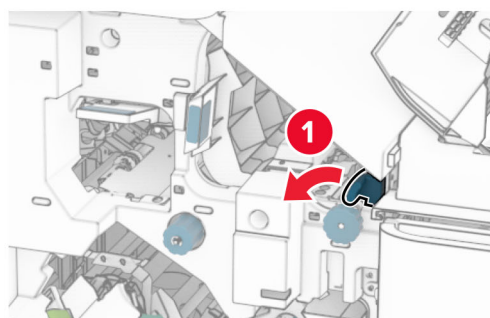
10 Xoay núm R2 theo chiều kim đồng hồ, sau đó loại bỏ giấy bị kẹt trong tay cầm R4.

**Lưu ý:** Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.



**11** Di chuyển tay cầm R1 sang trái, xoay núm R2 ngược chiều kim đồng hồ, sau đó loại bỏ giấy bị kẹt giữa cửa N4 và N5.

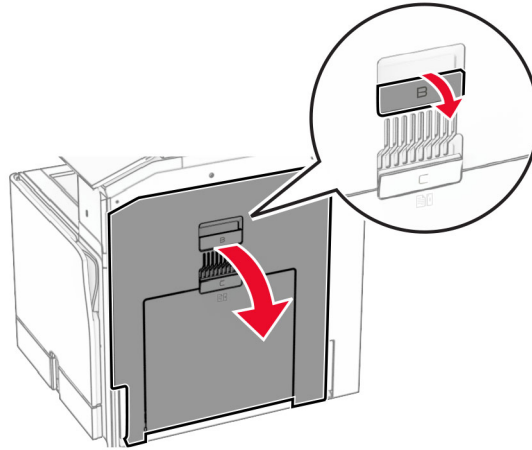
**Lưu ý:** Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.



12 Mở cửa B.

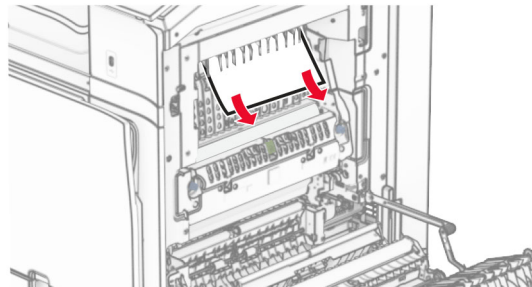
**⚠ CHÚ Ý—BỀ MẶT NÓNG:** Bên trong máy in có thể nóng. Để giảm rủi ro chấn thương do bộ phận máy bị nóng, hãy để cho bề mặt nguội xuống trước khi chạm vào.

**Cảnh báo—Nguy cơ hỏng:** Để tránh hư hỏng do phóng tĩnh điện, hãy chạm vào mọi khung kim loại hở của máy in trước khi tiếp cận hoặc chạm vào các khu vực bên trong máy in.



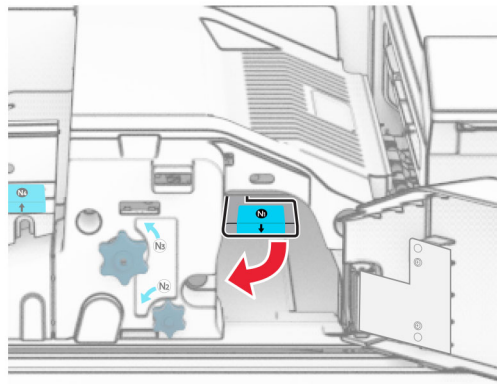
13 Loại bỏ giấy bị kẹt dưới lô ra giấy của ngăn giấy chuẩn.

**Lưu ý:** Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.



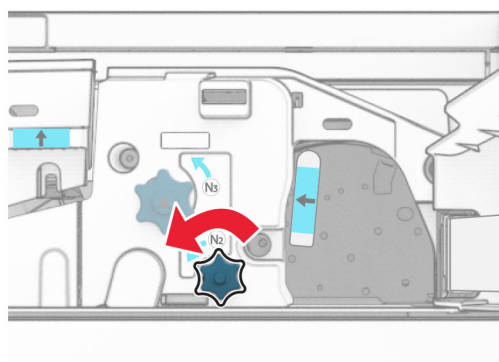
14 Đóng cửa B.

15 Đẩy tay cầm N1 xuống.





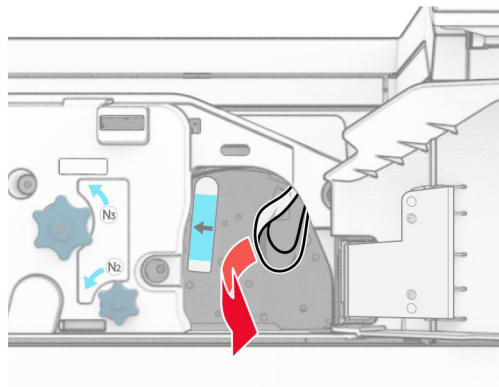
16 Xoay núm N2 ngược chiều kim đồng hồ.



17 Lấy hết giấy bị kẹt ra.

**Cảnh báo—Nguy cơ hỏng:** Để tránh làm hỏng máy in, hãy tháo mọi phụ kiện cầm tay trước khi loại bỏ giấy bị kẹt.

**Lưu ý:** Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.



18 Đặt lại tay cầm N1 vào đúng vị trí.

19 Đóng cửa N5, sau đó đóng cửa N4.

20 Đóng cửa F.

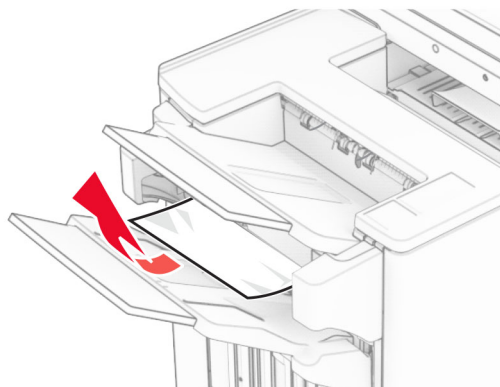
21 Đưa tay cầm R1 và R4 về vị trí ban đầu.

22 Đóng cửa H.

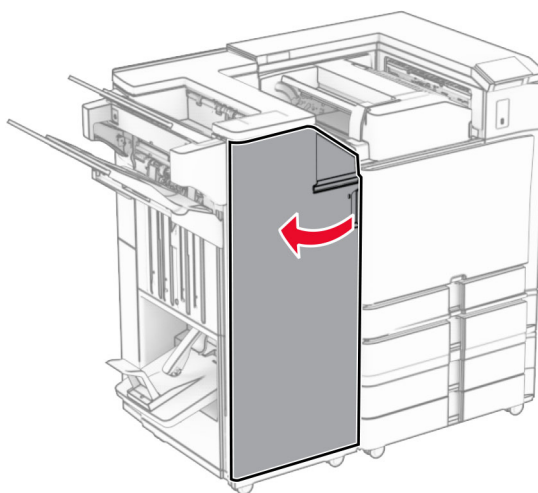
### Kẹt giấy trong máy đóng tập sách

1 Loại bỏ giấy bị kẹt trong ngăn giấy 2.

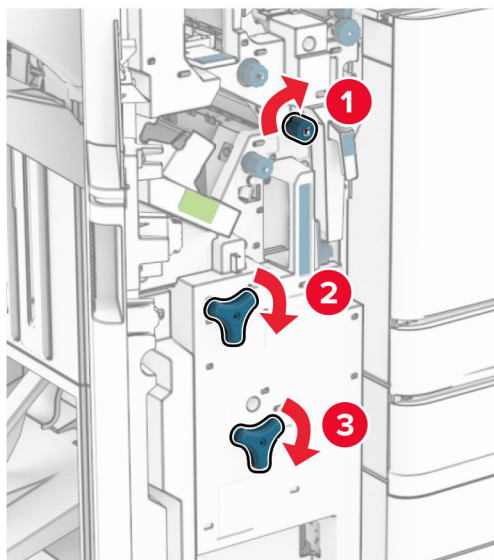
**Lưu ý:** Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.



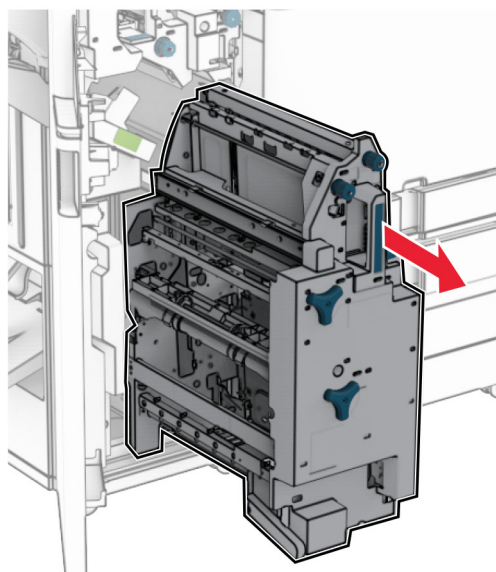
2 Mở cửa H.



3 Xoay núm R6, R11 và R10 theo chiều kim đồng hồ.

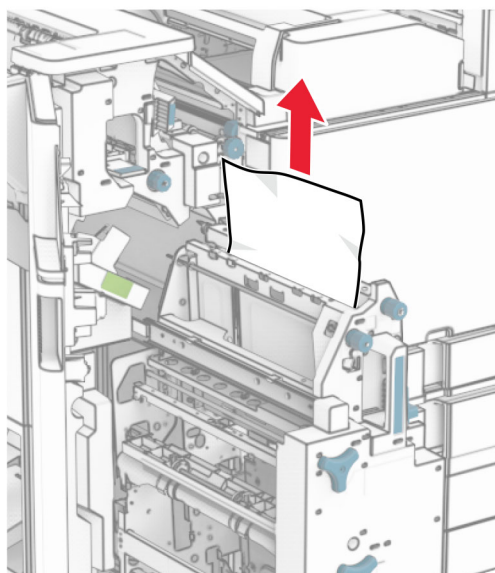


4 Kéo máy đóng tập sách ra.

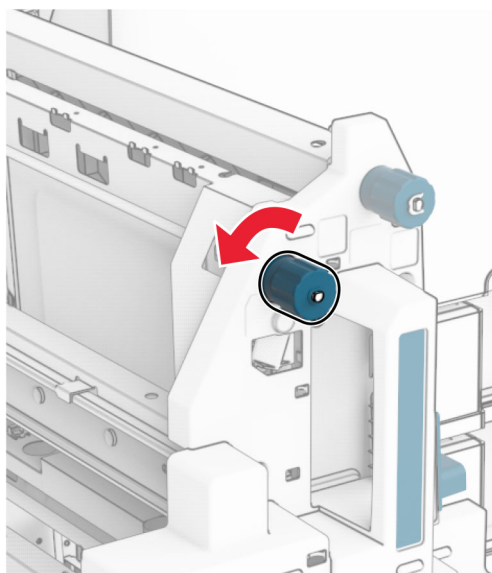


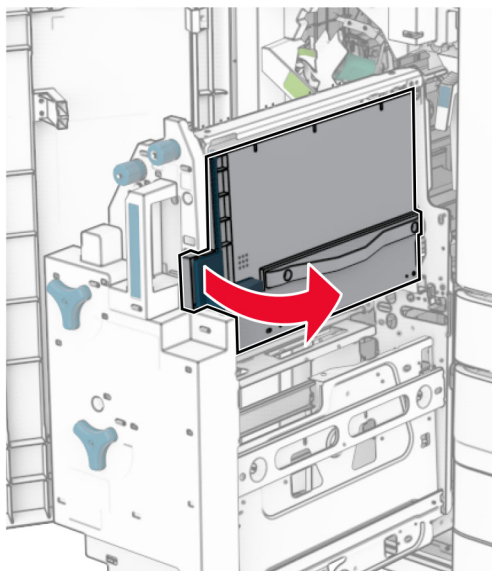
5 Lấy hết giấy bị kẹt ra.

**Lưu ý:** Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.

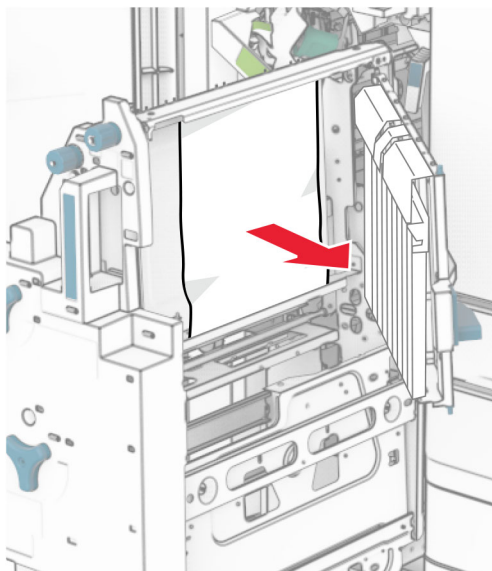


6 Xoay núm R9 ngược chiều kim đồng hồ cho đến khi dừng lại.



**7** Mở cửa R8.**8** Lấy hết giấy bị kẹt ra.

**Lưu ý:** Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.

**9** Đóng cửa R8.**10** Đưa máy đóng tập sách vào bộ hoàn thiện tập sách.**11** Đóng cửa H.

## Sự cố kết nối mạng

### Không thể mở Máy chủ web nhúng

Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:

- Đảm bảo máy in đang bật.
- Đảm bảo địa chỉ IP của máy in chính xác.

**Lưu ý:**

- Xem địa chỉ IP trên bảng điều khiển.
- Địa chỉ IP hiển thị dưới dạng bốn bộ số được phân tách bằng dấu chấm, chẳng hạn như 123.123.123.123.
- Đảm bảo bạn đã cài đặt trình duyệt được hỗ trợ.
  - Internet Explorer phiên bản 11 trở lên
  - Microsoft Edge
  - Safari phiên bản 6 trở lên
  - Google Chrome™ phiên bản 32 trở lên
  - Mozilla Firefox phiên bản 24 trở lên
- Kiểm tra xem kết nối mạng có hoạt động không.

**Lưu ý:** Nếu kết nối không hoạt động, hãy liên hệ với quản trị viên của bạn.

- Đảm bảo đã kết nối an toàn cáp với máy in và máy chủ in. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem tài liệu đính kèm với máy chủ in.
- Kiểm tra xem máy chủ ủy nhiệm web có bị tắt không.

**Lưu ý:** Nếu máy chủ bị tắt, hãy liên hệ với quản trị viên của bạn.

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

### Không thể kết nối máy in với mạng Wi-Fi

Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:

- Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Mạng/cổng > Tổng quan về mạng > Kích hoạt bộ điều hợp**, rồi chọn **Tự động**.
- Đảm bảo rằng máy tính đã được kết nối với đúng mạng Wi-Fi. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem [“Kết nối máy in với mạng Wi-Fi” trên trang 229](#).

**Lưu ý:** Một số bộ định tuyến có thể dùng chung tên Wi-Fi mặc định.

- Đảm bảo đã nhập đúng mật khẩu mạng.

**Lưu ý:** Lưu ý khoảng trắng, số và cách viết hoa trong mật khẩu.

- Đảm bảo rằng bạn đã chọn đúng chế độ bảo mật không dây. Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Mạng/Cổng > Không dây > Chế độ bảo mật không dây**.

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

# Sự cố tùy chọn phần cứng

## Không thể phát hiện tùy chọn nội bộ

Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:

- Tắt máy in, chờ khoảng 10 giây, rồi bật máy in.
- In **Trang cài đặt menu**, sau đó kiểm tra xem tùy chọn nội bộ có xuất hiện trong danh sách các Tính năng đã cài đặt hay không. Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Báo cáo > Trang cài đặt menu**.
- Kiểm tra xem tùy chọn nội bộ đã được cài đặt đúng vào bảng điều khiển chưa.
  - 1 Tắt máy in, sau đó rút dây nguồn khỏi ổ cắm điện.
  - 2 Đảm bảo rằng tùy chọn nội bộ được cài đặt vào đúng đầu nối trên bảng điều khiển.
  - 3 Cắm dây nguồn vào ổ cắm điện, sau đó bật máy in.



**CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG:** Để tránh rủi ro hỏa hoạn hoặc điện giật, hãy nối dây nguồn với ổ cắm điện có công suất định mức phù hợp, được nối đất đúng cách, gần với sản phẩm và dễ tiếp cận.

- Kiểm tra xem tùy chọn nội bộ có sẵn trong trình điều khiển in không.

**Lưu ý:** Nếu cần, hãy thêm tùy chọn nội bộ vào trình điều khiển in theo cách thủ công để sử dụng cho các lệnh in. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem [“Thêm các tùy chọn có sẵn vào trình điều khiển in” trên trang 83](#).

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

## Cổng giải pháp nội bộ không hoạt động đúng

Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:

- In **Trang cài đặt menu**, sau đó kiểm tra xem cổng giải pháp nội bộ (ISP) có xuất hiện trong danh sách các Tính năng đã cài đặt hay không. Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Báo cáo > Trang cài đặt menu**.
- Tháo rời lắp lại ISP. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem [“Lắp đặt cổng giải pháp nội bộ” trên trang 218](#).
- Kiểm tra cáp và kết nối ISP.
  - 1 Sử dụng đúng cáp, sau đó đảm bảo cáp được nối chắc chắn với ISP.
  - 2 Kiểm tra xem dây kết nối cổng giao tiếp của giải pháp ISP có được cắm chắc vào khe trên bảng điều khiển không.

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

## Thẻ giao diện nối tiếp hoặc song song không hoạt động đúng

Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:

- In **Trang cài đặt menu**, sau đó kiểm tra xem thẻ giao diện song song hoặc nối tiếp có xuất hiện trong danh sách các Tính năng đã cài đặt hay không. Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Báo cáo > Trang cài đặt menu**.
- Tháo, sau đó lắp lại thẻ giao diện nối tiếp hoặc song song. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem [“Lắp đặt cổng giải pháp nội bộ” trên trang 218](#).
- Kiểm tra kết nối giữa cáp và thẻ giao diện nối tiếp hoặc song song.

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

## Đã phát hiện bộ nhớ flash bị lỗi

Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:

- Thay bộ nhớ flash bị lỗi.
- Chọn **Tiếp tục** để bỏ qua tin nhắn và tiếp tục in.
- Hủy lệnh in hiện tại.

## Không đủ dung lượng trống trong bộ nhớ flash để chứa tài nguyên

Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:

- Chọn **Tiếp tục** để xóa tin nhắn và tiếp tục in.
- Xóa phông chữ, macro và các dữ liệu khác được lưu trữ trong bộ nhớ flash.
- Lắp ổ lưu trữ.

**Lưu ý:** Các phông chữ và macro đã tải về chưa được lưu trữ trong bộ nhớ flash trước đây sẽ bị xóa.

## Vấn đề về vật tư

### Thay hộp mực, khu vực máy in không khớp

Để khắc phục vấn đề này, hãy mua hộp mực có đúng khu vực khớp với khu vực của máy in hoặc mua hộp mực áp dụng trên toàn cầu.

- Số đầu tiên trong thông báo sau số 42 cho biết khu vực của máy in.
- Số thứ hai trong thông báo sau số 42 cho biết khu vực của hộp mực.

#### Các khu vực của máy in và hộp mực

Khu vực	Mã số
Khu vực không xác định hoặc trên toàn thế giới	0
Bắc Mỹ (Hoa Kỳ, Canada)	1
Khu vực kinh tế Châu Âu, Tây Âu, các nước Bắc Âu, Thụy Sĩ	2
Châu Á Thái bình Dương	3



Khu vực	Mã số
Mỹ Latinh	4
Các nước còn lại ở châu Âu, Trung Đông, châu Phi	5
Úc, New Zealand	6
Khu vực không hợp lệ	9

**Lưu ý:** Để tìm các cài đặt khu vực của máy in và hộp mực, hãy in **Trang kiểm tra chất lượng in**. Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Khắc phục sự cố > Trang kiểm tra chất lượng in**.

## Đã nạp lại hộp mực [màu] chuẩn

Máy in phát hiện một hộp mực chuẩn của Lexmark đã được nạp lại bằng mực không chính hãng từ một bên không phải Lexmark.

Chọn **OK** để tiếp tục.

Tất cả các chỉ báo tuổi thọ linh kiện máy in được thiết kế để tương thích với vật tư và bộ phận của Lexmark. Các chỉ báo này có thể cung cấp kết quả ngoài dự đoán khi bạn sử dụng vật tư hoặc bộ phận do các bên không phải Lexmark tái sản xuất trong máy in Lexmark.

Để biết thêm thông tin, hãy xem tuyên bố bảo hành giới hạn của máy in.

## Vật tư không phải của Lexmark

Máy in đã phát hiện vật tư hoặc bộ phận không phải của Lexmark được lắp đặt trong máy in.

Máy in Lexmark được thiết kế để hoạt động tốt nhất với các vật tư và bộ phận chính hãng của Lexmark. Sử dụng vật tư hoặc bộ phận của bên thứ ba có thể ảnh hưởng đến hiệu suất, độ tin cậy, hoặc tuổi thọ của máy in cũng như các bộ phận tạo ảnh của máy in.

Tất cả chỉ báo tuổi thọ được thiết kế để hoạt động với các vật tư và bộ phận của Lexmark và có thể dẫn đến kết quả không lường trước được nếu sử dụng vật tư hoặc bộ phận của bên thứ ba. Sử dụng bộ phận tạo ảnh quá thời hạn sử dụng dự kiến có thể làm hỏng máy in Lexmark hoặc các bộ phận có liên quan.

**Cảnh báo—Nguy cơ hỏng:** Sử dụng vật tư hoặc bộ phận của bên thứ ba có thể ảnh hưởng đến việc bảo hành. Hư hỏng do sử dụng vật tư hoặc bộ phận của bên thứ ba có thể không được bảo hành.

Để chấp nhận bất kỳ và tất cả các rủi ro này và tiếp tục sử dụng vật tư hoặc bộ phận không chính hãng trong máy in của bạn, hãy chạm và giữ thông báo lỗi trên màn hình bằng hai ngón tay trong 15 giây. Khi hộp thoại xác nhận xuất hiện, hãy chạm vào **Tiếp tục**.

Nếu không muốn chấp nhận những rủi ro này, hãy loại bỏ vật tư hoặc bộ phận của bên thứ ba khỏi máy in và lắp đặt vật tư hoặc bộ phận chính hãng của Lexmark. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem [“Sử dụng các bộ phận và vật tư chính hãng Lexmark” trên trang 293](#).

Nếu máy in không in sau khi xóa thông báo lỗi, hãy đặt lại bộ đếm mức sử dụng vật tư.

- 1 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Thiết bị > Bảo trì > Menu cấu hình > Mức sử dụng vật tư và bộ đếm**.
- 2 Chọn bộ phận hoặc vật tư bạn muốn đặt lại, sau đó chọn **Bắt đầu**.
- 3 Đọc thông báo cảnh báo, sau đó chọn **Tiếp tục**.
- 4 Sử dụng hai ngón tay, chạm vào màn hình trong 15 giây để xóa tin nhắn.

**Lưu ý:** Nếu không thể đặt lại bộ đếm mức sử dụng vật tư, hãy hoàn trả vật tư đó về nơi mua.

## Sự cố nạp giấy

### Giấy bị quấn



Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:

- Điều chỉnh các thanh dẫn trong khay đến đúng vị trí cho giấy đã nạp.
- Tùy thuộc vào hệ điều hành, xác định loại giấy từ hộp thoại Tùy chọn in hoặc In. Đảm bảo cài đặt khớp với giấy đã nạp.

**Lưu ý:** Bạn cũng có thể thay đổi cài đặt trên bảng điều khiển máy in. Điều hướng đến **Cài đặt > Giấy > Cấu hình khay > Khổ/loại giấy**.

- Lấy giấy ra, lật ngược giấy, rồi nạp lại giấy.
- Nạp giấy từ bao giấy mới.

**Lưu ý:** Giấy hấp thụ hơi ẩm do độ ẩm cao. Bảo quản giấy trong bao bì ban đầu cho đến khi sẵn sàng sử dụng.

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

### Phong bì dán kín khi in

Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:

- Sử dụng phong bì được bảo quản trong môi trường khô ráo.

**Lưu ý:** In trên phong bì có độ ẩm cao có thể khiến nắp phong bì bị dán kín lại.

- Đảm bảo loại giấy được đặt thành **Phong bì**. Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Giấy > Cấu hình khay > Khổ giấy/Loại giấy**.

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

### In theo bộ không hoạt động

Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:

- Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > In > Bố cục > In theo bộ**, rồi chọn **Bật [1,2,1,2,1,2]**.
- Từ tài liệu cần in, hãy mở hộp thoại Tùy chọn in hoặc In, rồi chọn **In theo bộ**.
- Giảm số trang để in.

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

## Liên kết khay không hoạt động

Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:

- Đảm bảo rằng các khay được liên kết có cùng khổ giấy, hướng giấy và loại giấy.
- Đảm bảo các thanh dẫn giấy được đặt đúng vị trí.
- Đặt khổ giấy và loại giấy sao cho phù hợp với giấy đã nạp vào các khay liên kết. Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Giấy > Cấu hình khay > Khổ giấy/Loại giấy**.
- Đảm bảo rằng đã đặt **Liên kết khay** là **Tự động**. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem [“Liên kết các khay” trên trang 80](#).

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

## Giấy thường xuyên bị kẹt

Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:

- Kiểm tra xem giấy có được nạp đúng cách không.

**Lưu ý:**

- Đảm bảo các thanh dẫn giấy được đặt đúng vị trí.
- Đảm bảo chiều cao chõng giấy thấp hơn chỉ báo nạp giấy tối đa.
- Đảm bảo in theo khổ giấy và loại giấy được khuyến nghị.
- Đặt đúng khổ giấy và loại giấy. Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Giấy > Cấu hình khay > Khổ giấy/Loại giấy**.
- Nạp giấy từ bao giấy mới.

**Lưu ý:** Giấy hấp thụ hơi ẩm do độ ẩm cao. Bảo quản giấy trong bao bì ban đầu cho đến khi sẵn sàng sử dụng.

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

## Trang bị kẹt giấy không được in lại

- 1 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Thiết bị > Thông báo > Khôi phục nội dung kẹt giấy**.
- 2 Trong menu **Khôi phục kẹt giấy**, chọn **Bật** hoặc **Tự động**.

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

## Sự cố chất lượng màu

### Sửa đổi màu trong bản in

- 1 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > In > Chất lượng > Quét ảnh nâng cao > Hiệu chỉnh màu**.
- 2 Trong menu **Hiệu chỉnh màu**, chọn **Thủ công**.
- 3 Trong menu **Nội dung hiệu chỉnh màu**, chọn cài đặt chuyển đổi màu phù hợp.

Loại đối tượng	Bảng chuyển đổi màu
<b>Ảnh RGB</b> <b>Chữ RGB</b> <b>Đồ họa RGB</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Sống động</b> - Tạo ra màu sáng hơn, bão hòa hơn và có thể áp dụng cho tất cả các định dạng màu vào.</li> <li>• <b>sRGB Display</b>—Tạo ra đầu ra đúng với màu sắc hiển thị trên màn hình máy tính. Tối ưu hóa sử dụng mực đen để in ảnh.</li> <li>• <b>Hiển thị-đúng màu đen</b>—Tạo ra đầu ra đúng với màu sắc hiển thị trên màn hình máy tính. Cài đặt này chỉ sử dụng mực đen để tạo ra tất cả cấp độ màu xám trung tính.</li> <li>• <b>sRGB Vivid</b>—Cung cấp độ bão hòa màu tăng lên để hiệu chỉnh màu của sRGB Display. Tối ưu hóa sử dụng mực đen để in đồ thị kinh doanh.</li> <li>• <b>Tắt</b></li> </ul>
<b>Ảnh CMYK</b> <b>Chữ CMYK</b> <b>Đồ họa CMYK</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>CMYK Hoa Kỳ</b>—Áp dụng hiệu chỉnh màu gần đúng với Thông số kỹ thuật cho đầu ra màu Web Offset Publishing (SWOP).</li> <li>• <b>CMYK Châu Âu</b>—Áp dụng hiệu chỉnh màu gần đúng với đầu ra màu theo thang Châu Âu.</li> <li>• <b>CMYK sống động</b>—Tăng độ bão hòa màu của cài đặt hiệu chỉnh màu CMYK Hoa Kỳ.</li> <li>• <b>Tắt</b></li> </ul>

## Câu hỏi thường gặp về in màu

### Màu RGB là gì?

Màu RGB là phương pháp mô tả màu sắc bằng cách cho biết lượng màu đỏ, xanh lá cây hoặc xanh dương được dùng để tạo ra màu nhất định. Có thể thêm ánh đỏ, xanh lá cây và xanh dương ở nhiều mức độ khác nhau để tạo ra nhiều màu sắc đa dạng có thể quan sát được trong tự nhiên. Màn hình máy tính, máy quét, và máy ảnh kỹ thuật số sử dụng phương pháp này để hiển thị màu sắc.

### Màu CMYK là gì?

Màu CMYK là phương pháp mô tả màu sắc bằng cách cho biết lượng màu lục lam, đỏ tím, vàng và đen được dùng để tái tạo một màu cụ thể. Bạn có thể in mực hoặc bột mực CMYK theo lượng khác nhau để tạo ra nhiều màu sắc đa dạng có trong tự nhiên. Máy in ép, máy in phun, và máy in laze màu tạo ra màu theo cách này.

### Màu được xác định trong tài liệu cần in như thế nào?

Chúng tôi sử dụng các chương trình phần mềm để xác định và sửa đổi màu tài liệu bằng tổ hợp màu RGB hoặc CMYK. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem các chủ đề Trợ giúp về chương trình phần mềm.

### Làm sao máy in biết cần in màu nào?

Khi in tài liệu, thông tin mô tả loại và màu sắc của từng đối tượng sẽ được gửi đến máy in. Sau đó, thông tin được chuyển qua các bảng chuyển đổi màu. Màu được chuyển thành lượng mực CMYK phù hợp dùng để tạo ra màu bạn muốn. Thông tin đối tượng xác định việc áp dụng bảng chuyển đổi màu. Ví dụ: bạn có thể áp dụng một loại bảng chuyển đổi màu cho văn bản và áp dụng bảng chuyển đổi màu khác cho ảnh.

### Hiệu chỉnh màu thủ công là gì?

Khi bật hiệu chỉnh màu thủ công, máy in sẽ sử dụng các bảng chuyển đổi màu do người dùng chọn để xử lý đối tượng. Cài đặt hiệu chỉnh màu thủ công dành riêng cho loại đối tượng đang được in (văn bản, đồ thị hoặc hình ảnh). Đồng thời cũng dành riêng cho cách xác định màu của đối tượng trong chương trình phần mềm (tổ hợp RGB hoặc CMYK). Để áp dụng thủ công một bảng chuyển đổi màu khác, vui lòng xem [“Sửa đổi màu trong bản in” trên trang 427](#).

Nếu chương trình phần mềm không xác định màu bằng tổ hợp RGB hoặc CMYK, hiệu chỉnh màu thủ công sẽ không hữu dụng. Đồng thời cũng không hiệu quả nếu chương trình phần mềm hoặc hệ điều hành của máy tính kiểm soát điều chỉnh màu sắc. Trong hầu hết các trường hợp, cài đặt Hiệu chỉnh màu thành Tự động sẽ tạo ra màu ưa thích cho tài liệu.

### Làm thế nào để tôi có thể đối sánh một màu cụ thể (chẳng hạn như logo công ty)?

Menu **Chất lượng** cung cấp sẵn chín kiểu bộ **Mẫu màu**. Ngoài ra, bạn có thể truy cập những bộ này từ trang **Mẫu màu** của Máy chủ web nhúng. Khi chọn bộ mẫu bất kỳ sẽ tạo ra các bản in nhiều trang bao gồm hàng trăm hộp màu. Mỗi hộp sẽ chứa tổ hợp CMYK hoặc RGB, tùy thuộc vào bảng được chọn. Bạn có thể lấy màu quan sát được của mỗi hộp bằng cách chuyển tổ hợp CMYK hoặc RGB được dán nhãn trên hộp.

Khi kiểm tra bộ **Mẫu màu**, bạn có thể xác định được hộp có màu gần với màu được đối chiếu nhất. Sau đó, bạn có thể sử dụng tổ hợp màu trên nhãn hộp để sửa đổi màu đối tượng trong chương trình phần mềm. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem các chủ đề Trợ giúp về chương trình phần mềm. Có thể cần phải hiệu chỉnh màu thủ công để sử dụng bảng chuyển đổi màu đã chọn cho đối tượng cụ thể.

Việc lựa chọn bộ **Mẫu màu** nào để sử dụng cho một trường hợp đối sánh màu cụ thể phụ thuộc vào:

- Cài đặt **Hiệu chỉnh màu** đang được sử dụng (**Tự động**, **Tắt**, hoặc **Thủ công**).
- Loại đối tượng đang được in (văn bản, đồ họa hoặc hình ảnh).
- Cách xác định màu của đối tượng trong chương trình phần mềm (tổ hợp RGB hoặc CMYK).

Nếu chương trình phần mềm không xác định màu bằng tổ hợp RGB hoặc CMYK, trang **Mẫu màu** sẽ không còn hữu ích. Một số chương trình phần mềm điều chỉnh tổ hợp RGB hoặc CMYK được xác định trong chương trình thông qua quản lý màu. Trong những trường hợp này, màu được in có thể không khớp chính xác với trang **Mẫu màu**.

## Bản in bị nhuộm màu

Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:

- Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > In > Chất lượng > Quét ảnh nâng cao**, rồi chọn **Điều chỉnh màu**.
- Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > In > Chất lượng > Quét ảnh nâng cao**, chọn **Cân bằng màu** và điều chỉnh cài đặt.

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

## Liên hệ bộ phận hỗ trợ khách hàng

Trước khi liên hệ bộ phận hỗ trợ khách hàng, hãy đảm bảo đã thu thập những thông tin sau:

- Sự cố máy in
- Thông báo lỗi
- Số sê-ri và loại model máy in

Truy cập <https://support.lexmark.com> để nhận email hoặc hỗ trợ trò chuyện hoặc duyệt qua thư viện hướng dẫn sử dụng, tài liệu hỗ trợ, trình điều khiển và các bản tải xuống khác.

Hỗ trợ kỹ thuật qua điện thoại cũng có sẵn. Tại Hoa Kỳ hoặc Canada, vui lòng gọi số 1-800-539-6275. Đối với các quốc gia hoặc khu vực khác, hãy chuyển đến [danh bạ liên hệ hỗ trợ quốc tế](#).

## Tái chế và thải bỏ

### Tái chế sản phẩm Lexmark

- 1 Truy cập [www.lexmark.com/recycle](http://www.lexmark.com/recycle).
- 2 Chọn quốc gia hoặc khu vực của bạn.
- 3 Chọn chương trình tái chế.

### Tái chế bao bì của Lexmark

Lexmark không ngừng nỗ lực giảm thiểu bao bì. Việc sử dụng ít bao bì hơn giúp đảm bảo máy in Lexmark được vận chuyển theo cách hiệu quả nhất và thân thiện nhất với môi trường, đồng thời ít phải thải bỏ bao bì hơn. Cách hiệu quả này giúp giảm khí thải nhà kính, tiết kiệm năng lượng và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên. Lexmark cũng cung cấp dịch vụ tái chế các thành phần bao bì ở một số quốc gia hoặc khu vực. Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập [www.lexmark.com/recycle](http://www.lexmark.com/recycle).

Thùng các-tông Lexmark có thể được tái chế 100% tại các cơ sở tái chế bao bì dạng uốn nếp. Các cơ sở này có thể không tồn tại trong khu vực của bạn.

Miếng xốp dùng trong bao bì của Lexmark có thể được tái chế tại các cơ sở tái chế xốp. Các cơ sở này có thể không tồn tại trong khu vực của bạn.

Khi gửi lại hộp mực đến Lexmark, bạn có thể tái sử dụng chiếc hộp chứa hộp mực. Lexmark tái chế chiếc hộp đó.

# Thông báo

## Thông tin sản phẩm

Tên sản phẩm:

Lexmark CS963e Printer

Loại máy:

5066

Model:

680

## Thông báo phiên bản

June 2024

**Đoạn sau đây không áp dụng cho bất kỳ quốc gia nào có các điều khoản không phù hợp với luật pháp địa phương:** LEXMARK INTERNATIONAL, INC., CUNG CẤP SẢN PHẨM NÀY "NGUYÊN TRẠNG" VÀ KHÔNG BẢO ĐẢM DƯỚI MỌI HÌNH THỨC, DÙ LÀ RÕ RÀNG HOẶC NGỤ Ý, BAO GỒM, NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN ĐỐI VỚI CÁC BẢO ĐẢM NGỤ Ý VỀ KHẢ NĂNG BÁN ĐƯỢC HOẶC TÍNH PHÙ HỢP CHO MỘT MỤC ĐÍCH CỤ THỂ. Một số bang không cho phép tuyên bố từ chối bảo đảm rõ ràng hoặc ngụ ý trong một số giao dịch nhất định; do đó, tuyên bố này có thể không áp dụng cho bạn.

Ấn phẩm này có thể có nhiều sai sót về kỹ thuật hoặc lỗi in. Các thay đổi được thực hiện định kỳ đối với thông tin trong tài liệu này sẽ được đưa vào các phiên bản sau. Mọi cải tiến hoặc thay đổi đối với sản phẩm hoặc chương trình được mô tả có thể được thực hiện vào bất kỳ lúc nào.

Mọi tham chiếu trong ấn phẩm này đến các sản phẩm, chương trình hoặc dịch vụ không ngụ ý rằng nhà sản xuất dự định cung cấp chúng ở tất cả quốc gia mà nhà sản xuất hoạt động. Mọi tham chiếu đến sản phẩm, chương trình hoặc dịch vụ không nhằm nêu rõ hoặc ngụ ý rằng chỉ có thể sử dụng sản phẩm, chương trình hoặc dịch vụ đó. Thay vào đó, mọi sản phẩm, chương trình hoặc dịch vụ tương đương về chức năng không vi phạm bất kỳ quyền sở hữu trí tuệ hiện hữu nào cũng có thể được sử dụng. Người dùng chịu trách nhiệm đánh giá và xác minh hoạt động cùng với các sản phẩm, chương trình hoặc dịch vụ khác, ngoại trừ những sản phẩm, chương trình hoặc dịch vụ được chỉ định rõ ràng bởi nhà sản xuất.

Để nhận hỗ trợ kỹ thuật của Lexmark, hãy truy cập trang <http://support.lexmark.com>.

Để biết thông tin về chính sách bảo mật của Lexmark chi phối việc sử dụng sản phẩm này, hãy truy cập trang [www.lexmark.com/privacy](http://www.lexmark.com/privacy).

Để biết thông tin về vật tư và các bản tải xuống, hãy truy cập trang [www.lexmark.com](http://www.lexmark.com).

© 2024 Lexmark International, Inc.

Tất cả các quyền được bảo lưu.

## Thương hiệu

Lexmark, logo Lexmark và MarkNet là các thương hiệu hoặc thương hiệu đã đăng ký của Lexmark International, Inc. tại Hoa Kỳ và/hoặc các quốc gia khác.

Android, Google Play và Google Chrome là các thương hiệu của Google LLC.

Macintosh, macOS, Safari và AirPrint là các thương hiệu của Apple Inc., đã đăng ký tại Hoa Kỳ và các quốc gia khác. Việc sử dụng huy hiệu Hoạt động với Apple có nghĩa là phụ kiện đã được thiết kế để hoạt động cụ thể với công nghệ được xác định trong huy hiệu và đã được nhà phát triển chứng nhận đáp ứng các tiêu chuẩn về hiệu suất của Apple.

Microsoft, Internet Explorer, Microsoft Edge và Windows là các thương hiệu của tập đoàn Microsoft.

Nhãn từ Mopria™ là thương hiệu đã đăng ký và/hoặc chưa đăng ký của Mopria Alliance, Inc. tại Hoa Kỳ và các quốc gia khác. Nghiêm cấm sử dụng trái phép.

PCL® là thương hiệu đã đăng ký của Hewlett-Packard Company. PCL là tên gọi của Hewlett-Packard Company về một bộ lệnh máy in (ngôn ngữ) và các chức năng có trong các sản phẩm máy in của công ty. Máy in này được sản xuất để tương thích với ngôn ngữ PCL. Điều này có nghĩa là máy in nhận các lệnh PCL sử dụng trong các chương trình ứng dụng khác nhau và máy in mô phỏng các chức năng tương ứng với các lệnh.

PostScript là thương hiệu đã đăng ký của Adobe Systems Incorporated tại Hoa Kỳ và/hoặc các quốc gia khác.

Wi-Fi® và Wi-Fi Direct® là các thương hiệu đã đăng ký của Wi-Fi Alliance®.

Tất cả thương hiệu khác là tài sản của chủ sở hữu tương ứng.

## Thông báo cấp phép

Có thể xem tất cả thông báo cấp phép liên quan đến sản phẩm này từ thư mục CD:\NOTICES của CD phần mềm cài đặt.

## Mức độ phát ra tiếng ồn

Các phép đo sau đây được thực hiện theo ISO 7779 và được báo cáo phù hợp với ISO 9296.

**Lưu ý:** Một số chế độ có thể không áp dụng cho sản phẩm của bạn.




Áp suất âm thanh trung bình 1 mét, dBA	
In	One-sided mono: 51 One-sided color: 52 Two-sided mono: 54 Two-sided color: 55
Sẵn sàng	14

Giá trị có thể thay đổi. Vui lòng xem [www.lexmark.com](http://www.lexmark.com) để biết giá trị hiện tại.

## Environmental labeling for packaging

Per Commission Regulation Decision 97/129/EC Legislative Decree 152/2006, the product packaging may contain one or more of the following symbols.



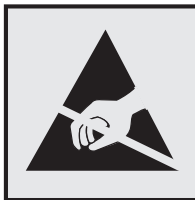
	This symbol indicates that the packaging may contain corrugated fiberboard.
	This symbol indicates that the packaging may contain non-corrugated fiberboard.
	This symbol indicates that the packaging may contain paper.

For more information, go to [www.lexmark.com/recycle](http://www.lexmark.com/recycle), and then choose your country or region. Information on available packaging recycling programs is included with the information on product recycling.

## Thải bỏ sản phẩm

Không vứt bỏ máy in hoặc vật tư giống như rác thải sinh hoạt thông thường. Tham vấn chính quyền địa phương để có phương án xử lý và tái chế.

## Thông báo độ nhạy tĩnh



Biểu tượng này xác định các bộ phận có độ nhạy tĩnh. Không chạm vào các khu vực gần những biểu tượng này khi chưa chạm vào bề mặt kim loại trước trong khu vực cách xa biểu tượng.

Để tránh hư hỏng do phóng tĩnh điện khi thực hiện nhiệm vụ bảo trì như gỡ giấy kẹt hoặc thay thế vật tư, hãy chạm vào mọi khung kim loại hở của máy in trước khi tiếp cận hoặc chạm vào các khu vực bên trong máy in ngay cả khi không có biểu tượng này.

## ENERGY STAR

Bất kỳ sản phẩm Lexmark nào có biểu tượng ENERGY STAR® trên sản phẩm hoặc trên màn hình khởi động đều được chứng nhận tuân thủ các yêu cầu về ENERGY STAR của Cơ quan Bảo vệ Môi trường (EPA) kể từ ngày sản xuất.



### Thông tin nhiệt độ

Nhiệt độ hoạt động và độ ẩm tương đối (RH) <sup>1</sup>	10 đến 32,2°C (50 đến 90°F) và 15 đến 80% RH 15,6 đến 32,2°C (60 đến 90°F) và 8 đến 80% RH Nhiệt độ bầu ướt tối đa <sup>2</sup> : 22,8°C (73°F) Môi trường không ngưng tụ
Bảo quản dài hạn máy in / hộp mực / hộp quang <sup>2</sup>	15,6 đến 32,2°C (60 đến 90°F) và 8 đến 80% RH Nhiệt độ bầu ướt tối đa <sup>2</sup> : 22,8°C (73°F)
Vận chuyển ngắn hạn máy in/hộp mực/hộp quang <sup>3</sup>	-40 đến 40°C (-40 đến 104°F)
<p><sup>1</sup> Trong một số trường hợp, bạn cần đo thông số kỹ thuật về hiệu suất (chẳng hạn như mức sử dụng hộp mực và tốc độ in trang đầu tiên) ở môi trường văn phòng tiêu chuẩn khoảng 22,2°C (72°F) và 45% RH.</p> <p><sup>2</sup> Thời hạn sử dụng vật tư là khoảng 2 năm. Thời hạn này dựa trên điều kiện bảo quản trong môi trường văn phòng tiêu chuẩn ở 22°C (72°F) và độ ẩm 45%.</p> <p><sup>3</sup> Nhiệt độ bầu ướt được xác định bởi nhiệt độ không khí và độ ẩm tương đối.</p>	

### Thông báo laser

Máy in được chứng nhận tại Hoa Kỳ tuân thủ các yêu cầu của DHHS 21 CFR, Chương I, Tiểu chương J cho các sản phẩm laser Loại I (1) và tại các nơi khác được chứng nhận là sản phẩm laser tiêu dùng Loại I tuân thủ các yêu cầu của IEC 60825-1:2014, EN 60825-1:2014+A11:2021 và EN 50689:2021.

Các sản phẩm laser Loại I không được xem là nguy hiểm. Hệ thống laser và máy in được thiết kế để con người không bao giờ tiếp cận với bức xạ laser trên mức Loại I trong khi vận hành thông thường, người dùng bảo trì, hoặc trong các điều kiện dịch vụ quy định. Máy in có bộ đầu in không khả dụng chứa laser có thông số kỹ thuật như sau:

Class: IIIb (3b) AlGaAs

Nominal output power (milliwatts): 25

Wavelength (nanometers): 770–800

## Mức tiêu thụ điện

### Mức tiêu thụ điện của sản phẩm

Bảng dưới đây ghi lại đặc tính tiêu thụ điện của sản phẩm.

**Lưu ý:** Một số chế độ có thể không áp dụng cho sản phẩm của bạn.

Chế độ	Mô tả	Mức tiêu thụ điện (Watt)
In	Sản phẩm tạo ra bản sao cứng từ nguồn đầu vào điện tử.	One-sided: 811 Two-sided: 776
Sao chép	Sản phẩm tạo ra bản sao cứng từ tài liệu gốc bản cứng.	N/A
Quét	Sản phẩm đang quét các tài liệu bản cứng.	N/A
Sẵn sàng	Sản phẩm đang chờ lệnh in.	45.5
Chế độ ngủ	Sản phẩm đang ở chế độ tiết kiệm năng lượng mức cao.	1.1
Ngủ đông	Sản phẩm đang ở chế độ tiết kiệm năng lượng mức thấp.	0.2
Tắt	Sản phẩm được cắm vào ổ cắm điện, nhưng công tắc nguồn đã tắt.	0.2

Các mức tiêu thụ điện được liệt kê trong bảng trước đó thể hiện phép đo trung bình theo thời gian. Mức rút điện tức thời có thể cao hơn đáng kể so với mức trung bình.

Giá trị có thể thay đổi. Vui lòng xem [www.lexmark.com](http://www.lexmark.com) để biết giá trị hiện tại.

### Chế độ ngủ

Sản phẩm này được thiết kế với chế độ tiết kiệm năng lượng gọi là *Chế độ ngủ*. Chế độ ngủ tiết kiệm năng lượng bằng cách giảm mức tiêu thụ điện trong thời gian dài không hoạt động. Chế độ ngủ được tự động kích hoạt sau khi sản phẩm không được sử dụng trong một khoảng thời gian nhất định, được gọi là *Thời gian chờ chế độ ngủ*.

Thời gian chờ chế độ ngủ mặc định gốc cho sản phẩm này (tính bằng phút):	15
--	----

Bằng cách sử dụng menu cấu hình, bạn có thể thay đổi Thời gian chờ của chế độ ngủ trong khoảng từ 1 phút đến 120 phút, hoặc từ 1 phút đến 114 phút, tùy vào kiểu máy in. Nếu tốc độ in từ 30 trang/phút trở xuống, bạn chỉ có thể đặt thời gian chờ tối đa là 60 phút hoặc 54 phút, tùy vào kiểu máy in. Cài đặt Thời gian chờ chế độ ngủ ở giá trị thấp sẽ giảm mức tiêu thụ năng lượng, nhưng có thể tăng thời gian phản hồi của sản phẩm. Cài đặt Thời gian chờ chế độ ngủ ở giá trị cao duy trì phản hồi nhanh, nhưng sử dụng nhiều năng lượng hơn.

Một số mẫu máy hỗ trợ *Chế độ ngủ sâu* giúp giảm hơn nữa mức tiêu thụ điện năng sau một khoảng thời gian dài máy in không hoạt động.

### Chế độ ngủ đông

Sản phẩm này được thiết kế với chế độ hoạt động tiêu thụ điện năng cực thấp được gọi là *Chế độ ngủ đông*. Khi hoạt động ở Chế độ ngủ đông, tất cả hệ thống và thiết bị khác đều được tắt nguồn an toàn.

Có thể bật Chế độ ngủ đông bằng bất kỳ phương pháp nào dưới đây:

- Sử dụng Thời gian chờ ngủ đông

- Sử dụng Lên lịch chế độ nguồn

Thời gian chờ ngủ đông mặc định gốc cho sản phẩm này ở tất cả quốc gia hoặc khu vực	3 days
---	--------

Khoảng thời gian máy in chờ sau khi đã in lệnh in trước khi máy in chuyển sang Chế độ ngủ đông có thể được sửa đổi trong khoảng từ một giờ cho đến một tháng.

### Lưu ý về các sản phẩm thiết bị quét ảnh đã đăng ký EPEAT:

- Mức công suất dự phòng xảy ra ở chế độ Ngủ đông hoặc Tắt.
- Sản phẩm sẽ tự động giảm nguồn đến mức công suất dự phòng là  $\leq 1$  W. Chức năng tự động dự phòng (Ngủ đông hoặc Tắt) sẽ được kích hoạt khi vận chuyển sản phẩm.

### Chế độ tắt

Nếu sản phẩm này có chế độ tắt mà vẫn tiêu thụ một lượng điện nhỏ, hãy ngắt kết nối dây nguồn khỏi ổ cắm điện để dừng hoàn toàn mức tiêu thụ điện của sản phẩm.

### Tổng mức sử dụng năng lượng

Việc ước tính tổng mức sử dụng năng lượng của sản phẩm đôi lúc sẽ rất hữu ích. Vì công bố mức tiêu thụ điện năng được đưa ra theo đơn vị công suất là Watts, nên mức tiêu thụ điện năng phải được nhân với thời gian sử dụng sản phẩm ở mỗi chế độ để tính toán mức sử dụng năng lượng. Tổng mức sử dụng năng lượng của sản phẩm là tổng mức sử dụng năng lượng của từng chế độ.

## Thông báo pháp lý về các sản phẩm không dây

Phần này chứa thông tin quy định chỉ áp dụng cho các kiểu máy không dây.

Nếu bạn không chắc rằng kiểu máy của bạn có phải là kiểu máy không dây hay không, hãy truy cập <http://support.lexmark.com>.

## Thông báo thành phần mô-đun

Các kiểu máy không dây có thành phần mô-đun sau đây:

Lexmark MarkNet N8450 / AzureWave AW-CM467-SUR; FCC ID:TLZ-CM467; IC:6100A-CM467

Để xác định thành phần mô-đun nào được lắp đặt trong một sản phẩm cụ thể, hãy tham khảo nhãn trên sản phẩm thực tế của bạn.

## Tiếp xúc với bức xạ tần số vô tuyến

Công suất đầu ra bức xạ phát ra của thiết bị này thấp hơn nhiều so với giới hạn tiếp xúc tần số vô tuyến của FCC và các cơ quan quản lý khác. Phải duy trì khoảng cách tối thiểu là 20 cm (8 inch) giữa ăng-ten và bất kỳ người nào cho thiết bị này để đáp ứng các yêu cầu tiếp xúc RF của FCC và các cơ quan quản lý khác.

## Thông báo nhiễu sóng vô tuyến

Cảnh báo

Đây là sản phẩm tuân thủ các yêu cầu phát thải thuộc giới hạn EN 55032 Loại A và các yêu cầu miễn nhiễm EN 55035. Sản phẩm này không được thiết kế để sử dụng trong môi trường dân cư/trong nhà.

Đây là sản phẩm Loại A. Trong môi trường trong nhà, sản phẩm này có thể gây nhiễu sóng vô tuyến, và trong trường hợp này, người dùng có thể cần phải thực hiện đầy đủ các biện pháp.

# Ký hiệu

## Â

âm lượng loa  
điều chỉnh 67  
âm lượng tai nghe, điều  
chỉnh 67

## B

bàn phím trên màn hình  
sử dụng 66  
báo cáo biến động 233  
báo cáo in 293  
biểu mẫu in sẵn  
chọn 16  
biểu tượng màn hình chính  
sử dụng 12  
bóng ảnh 362  
bản in bị cong 366  
bản in bị nhiều đốm và dấu  
chấm 365  
bản in bị nhuộm màu 429  
bản in nhật 363  
bản in tối màu 361  
bảng điều khiển  
sử dụng 12  
bảo mật dữ liệu máy in 233  
bảo quản giấy 16  
bảo quản vật tư 347  
bật chế độ Phóng to 66  
bật cổng USB 375  
bệ đỡ hộp ghim  
thay thế 340  
bộ bảo trì bộ sấy  
đặt mua 295  
bộ chèn khay  
thay thế 317  
bộ hoàn thiện dập ghim  
lắp 116  
sử dụng 288  
bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ  
lắp 145, 159  
sử dụng 288  
bộ hoàn thiện tập sách  
lắp 193  
sử dụng 290  
Bộ nhớ bất biến 233  
bộ nhớ bất biến  
xóa 233  
bộ nhớ flash bị lỗi 424

bộ nhớ khả biến 233  
xóa 233  
bộ nhớ máy in  
xóa 233  
bộ phận hỗ trợ khách hàng 429  
bộ phận vận chuyển giấy  
lắp 145  
bộ quang màu  
thay thế 305  
đặt mua 295  
bộ sấy  
thay thế 314  
bộ đếm mức sử dụng vật tư  
đặt lại 341, 425

## C

các bộ phận và vật tư chính  
hãng 293  
các bộ phận và vật tư chính  
hãng Lexmark 293  
các đường kẻ ngang đậm 369  
các đường tối dọc trên bản  
in 370  
cài đặt máy in  
khôi phục cài đặt mặc định  
gốc 233  
cài đặt mặc định gốc  
khôi phục 233  
cài đặt phần mềm máy in 81  
cài đặt trình điều khiển in 81  
chạy trình chiếu 59  
chế độ Ngủ  
thiết lập cấu hình 346  
chế độ Ngủ đồng  
thiết lập cấu hình 346  
chế độ Phóng to  
bật 66  
chế độ tiết kiệm điện  
thiết lập cấu hình 346  
chỉ số đồng hồ, xem 293  
chọn vị trí  
cho máy in 57  
cảnh báo email  
thiết lập 292  
cấu hình máy in 9  
cập nhật phần mềm cơ sở  
sử dụng bảng điều khiển 83

sử dụng Máy chủ web  
nhúng 84  
cổng Ethernet 58  
cổng giải pháp nội bộ  
lắp 218  
cổng giải pháp nội bộ không  
hoạt động đúng 423  
cổng máy in 58  
cổng USB 58  
bật 375  
cử chỉ trên màn hình 62  
cử chỉ trên màn hình cảm  
ứng 62

## D

danh sách mẫu phong chữ  
in 239  
danh sách thư mục  
in 239  
di chuyển máy in 57, 347  
dấu chấm trên trang đã in 365  
dấu trang  
tạo 60  
dập ghim  
các tờ in 288  
tài liệu sao chép 288  
dập ghim các tờ in 288  
Dịch vụ in Mopria 235

## G

giấy  
biểu mẫu in sẵn 16  
chọn 14  
giấy tiêu đề 16  
tái chế 15  
giấy bị quăn 426  
giấy không được hỗ trợ 15  
giấy tái chế  
sử dụng 15  
giấy thường xuyên bị kẹt 427  
giấy tiêu đề  
chọn 16  
gấp bản in 291  
gấp tài liệu sao chép 291

**H**

hình ảnh bị cắt bỏ trong bản in 367  
 hình ảnh đen 366  
 hiệu chỉnh màu 427, 428  
 hiệu chỉnh màu thủ công 427  
 Hướng dẫn bằng giọng nói  
   hủy kích hoạt 62  
   kích hoạt 61  
   điều chỉnh tốc độ nói 67  
 hướng dẫn về giấy 14  
 hộp ghim  
   thay thế 332, 335, 337  
   đặt mua 295  
 hộp mực  
   thay thế 296  
   đặt mua 294  
 hộp mực thải  
   thay thế 312  
   đặt mua 295  
 hộp mực, khu vực máy in không khớp 424  
 hộp quang đen  
   thay thế 298  
   đặt mua 295  
 hộp đục lỗ  
   làm rỗng 345  
   thay thế 324  
 hủy kích hoạt Hướng dẫn bằng giọng nói 62  
 hủy kích hoạt mạng Wi-Fi 231  
 hủy liên kết các khay 80  
 hủy liên kết khay 80  
 hủy lệnh in 239

**I**

in  
 danh sách mẫu phong chữ 239  
 danh sách thư mục 239  
 lệnh in bảo mật 238  
 lệnh đã tạm dừng 238  
 sử dụng Dịch vụ in Mopria 235  
 sử dụng Wi-Fi Direct 236  
 Trang cài đặt menu 287  
 từ máy tính 235  
 từ thiết bị di động 235, 236  
 từ ổ flash 236  
 in bị lệch 366  
 in chậm 374  
 in màu 428

in nối tiếp  
   thiết lập 232  
 in tài liệu  
   từ thiết bị di động 235  
 in theo bộ không hoạt động 426

**K**

Khay 1500 tờ  
   lắp 110  
    nạp 74  
 Khay 2 x 550 tờ  
   lắp 91  
 Khay 550 tờ  
   lắp 85  
    nạp 68  
 khay mở rộng ngăn giấy trên của bộ hoàn thiện tập sách  
   thay thế 322  
 khay song song 2000 tờ  
   lắp 97  
    nạp 71  
 khe bảo mật  
   xác định vị trí 13  
 không in được các tài liệu đã tạm dừng 373  
 không in được tài liệu mật 373  
 không phát hiện tùy chọn nội bộ 423  
 không thể kết nối máy in với Wi-Fi 422  
 không thể mở Máy chủ Web nhúng 422  
 không thể phát hiện tùy chọn nội bộ 423  
 không thể đọc ổ flash 375  
 Không đủ dung lượng trống trong bộ nhớ flash để chứa tài nguyên 424  
 khắc phục sự cố  
   bản in bị nhuộm màu 429  
   bộ nhớ flash bị lỗi 424  
   cổng giải pháp nội bộ 423  
   không thể kết nối máy in với Wi-Fi 422  
   không thể mở Máy chủ Web nhúng 422  
   thẻ giao diện nối tiếp 424  
   thẻ giao diện song song 424  
 khổ giấy  
   được hỗ  
   trợ 16, 19, 21, 29, 35, 44

khổ giấy được hỗ trợ 16, 19, 21, 29, 35, 44  
 kích hoạt Hướng dẫn bằng giọng nói 61  
 kiểm tra kết nối mạng 231  
 kiểm tra, trạng thái vật tư 292  
 kẹt giấy  
   khay 2 x 550 tờ 381  
   tránh 375  
   trong bộ hoàn thiện dập ghim 388  
   trong khay 1500 tờ 383  
   trong khay 2000 tờ 383  
   trong tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gập giấy 390  
   vị trí 376  
 kẹt giấy trong bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ 393  
 kẹt giấy trong bộ hoàn thiện tập sách 404  
 kẹt giấy trong bộ sấy 384  
 kẹt giấy trong bộ đảo mặt 384  
 kẹt giấy trong khay 550 tờ 379  
 kẹt giấy trong khay nạp giấy đa năng 380  
 kẹt giấy trong khay tiêu chuẩn 378  
 kẹt giấy trong ngăn giấy chuẩn 388  
 kẹt giấy ở cửa B 384  
 kẹt, giấy  
   tránh 375  
 kết nối máy in với mạng  
   kiểm tra 231  
 kết nối máy in với mạng không dây 229  
 kết nối máy in với Wi-Fi 229  
 kết nối máy tính với máy in 231  
 kết nối mạng không dây 229  
 kết nối thiết bị di động  
   với máy in 230  
 kết nối với máy in  
   sử dụng Wi-Fi Direct 230  
 kết nối với mạng không dây  
   sử dụng phương thức mã PIN 229  
   sử dụng phương thức Nút nhấn 229

**L**

làm rỗng hộp đục lỗ 345  
 làm tập sách 290

Lexmark Print  
 sử dụng 235  
 liên hệ bộ phận hỗ trợ khách hàng 429  
 liên kết các khay 80  
 liên kết khay 80  
 liên kết khay không hoạt động 427  
 loại bỏ kẹt giấy  
 khay 2 x 550 tờ 381  
 trong bộ hoàn thiện dập ghim 388  
 trong bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ 393  
 trong bộ hoàn thiện tập sách 404  
 trong bộ sấy 384  
 trong bộ đảo mặt 384  
 trong khay 1500 tờ 383  
 trong khay 550 tờ 379  
 trong khay nạp giấy đa năng 380  
 trong khay song song 2000 tờ 383  
 trong khay tiêu chuẩn 378  
 trong ngăn giấy chuẩn 388  
 trong tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy 390  
 loại giấy  
 được hỗ trợ 51  
 loại giấy được hỗ trợ 51  
 loại tập tin được hỗ trợ 55  
 lưu trữ lệnh in 237  
 lắp  
 bộ hoàn thiện tập sách 179  
 bộ phận vận chuyển giấy 179  
 lắp đặt bộ hoàn thiện dập ghim 116  
 lắp đặt bộ hoàn thiện tập sách 179  
 lắp đặt bộ phận vận chuyển giấy 179  
 lắp đặt các tùy chọn  
 cổng giải pháp nội bộ 218  
 lắp đặt khay 1500 tờ 110  
 lắp đặt khay 2 x 550 tờ 91  
 lắp đặt khay 550 tờ 85  
 lắp đặt khay song song 2000 tờ 97  
 lắp đặt ngăn xếp offset 126  
 lắp đặt tử 104  
 lề không chính xác 363

lệnh in  
 hủy 239  
 lệnh in bảo mật  
 in 238  
 thiết lập cấu hình 237  
 lệnh in chưa in 373  
 lệnh in không in 373  
 lệnh in trên giấy không phù hợp 373  
 lệnh in tạm dừng 237  
 lệnh in từ khay sai 373  
 lệnh đã tạm dừng  
 in 238  
 thiết lập cấu hình 237  
 lỗ dập  
 trong các tờ in 288  
 lỗi in lặp lại 372

**M**  
 mã lỗi 349  
 mã số nhận dạng cá nhân  
 bật 67  
 màn hình cảm ứng, vệ sinh 342  
 máy in  
 chọn vị trí cho 57  
 khoảng hở tối thiểu 57  
 máy in không phản hồi 374  
 máy in, vệ sinh 341  
 menu  
 802.1x 274  
 Bảng điều khiển từ xa 243  
 Bố cục 253  
 Cài đặt giải pháp LDAP 284  
 Cài đặt HTTP/FTP 276  
 Chia sẻ dữ liệu với  
 Lexmark 247  
 Chất lượng 257  
 Chế độ tiết kiệm 242  
 Cấu hình giấy 263  
 Cấu hình khay 262  
 Cấu hình LPD 275  
 Cấu hình ngăn giấy 264  
 Cập nhật phần mềm cơ sở 253  
 Ethernet 270  
 Giới hạn đăng nhập 282  
 Giới thiệu về máy in này 253  
 Hình ảnh 262  
 Hoàn thiện 255  
 Hạn chế quyền truy cập mạng bên ngoài 278  
 Hợp nhất biểu mẫu 286  
 In 286

In ổ flash 264  
 IPSec 274  
 Khác 284  
 Khôi phục cài đặt mặc định gốc 248  
 Không dây 267  
 Khắc phục sự cố 286  
 Kiểm tra lệnh 258  
 Lên lịch thiết bị USB 280  
 Mã hóa 283  
 Menu cấu hình 248  
 Mạng 286  
 Nhật ký kiểm tra bảo mật 280  
 PCL 260  
 PDF 259  
 Phương thức đăng nhập mặc định 280  
 PostScript 260  
 Quản lý dịch vụ di động 270  
 Quản lý nguồn điện 246  
 Quản lý quyền 279  
 SNMP 273  
 Tài khoản cục bộ 280  
 TCP/IP 271  
 ThinPrint 277  
 Thiết bị 285  
 Thiết lập 255  
 Thiết lập in bảo mật 283  
 Thông báo 243  
 Trang cài đặt menu 285  
 Trợ năng 247  
 Tùy chọn 241  
 Tổng quan về mạng 266  
 USB 277  
 Wi-Fi Direct 269  
 Xóa ngoài dịch vụ 252  
 Xóa tập tin dữ liệu tạm thời 284  
 Đăng ký Dịch vụ đám mây 285  
 menu máy in 240, 287  
 mạng không dây  
 Thiết lập Wi-Fi bảo mật 229  
 mạng Wi-Fi, hủy kích hoạt 231  
 mẫu màu 428  
 mật khẩu bằng giọng nói  
 bật 67  
 mật độ in không đều 368  
 mức độ phát ra tiếng ồn 432  
 mực dễ bị bong ra 368  
 mực không chính hãng 425



**N**

ngăn giấy chuẩn  
thay thế 325  
ngăn xếp offset  
lắp 126  
sử dụng 289  
nhiệt độ xung quanh máy in 434  
nhập tập tin cấu hình 82  
nhật ký in 293  
nạp giấy  
trong khay nạp giấy đa  
năng 78  
nạp giấy tiêu đề 78  
nạp giấy vào khay 74, 68, 71  
nạp giấy đã dập lỗ sẵn 78  
nạp khay 550 tờ 68  
nạp khay song song 2000 tờ 71  
nắp bên phải  
thay thế 329  
nắp khay  
thay thế 320  
nắp khay 550 tờ 320  
nắp quạt  
thay thế 327  
nắp đầu nối vận chuyển giấy  
thay thế 330  
nền màu trên bản in 362  
nền màu xám trên bản in 362

**P**

phong bì bị dán kín khi in 426  
phần mềm cơ sở, cập nhật  
sử dụng bảng điều khiển 83  
sử dụng Máy chủ web  
nhúng 84  
phần mềm máy in  
lắp 81

**Q**

quản lý trình bảo vệ màn  
hình 59

**S**

số sê-ri 9  
số sê-ri của máy in 9  
Số địa chỉ 61  
sử dụng AirPrint 236  
sử dụng bảng điều khiển 12  
sử dụng các bộ phận và vật tư  
chính hãng Lexmark 293

sử dụng màn hình chính 12  
sự cố chất lượng bản in  
bóng ảnh 362  
bản in bị cong 366  
bản in bị nhiều đốm và dấu  
chấm 365  
bản in nhạt 363  
bản in tối màu 361  
các đường kẻ ngang đậm 369  
các đường trắng dọc xuất hiện  
trên bản in 370  
giấy bị quăn 426  
hình ảnh chỉ có một màu hoặc  
toàn màu đen 366  
in bị lệch 366  
không in được tài liệu bảo mật  
và các tài liệu tạm dừng  
khác 373  
lề không chính xác 363  
lỗi in lặp lại 372  
mật độ in không đều 368  
mực dễ bị bong ra 368  
nền màu hoặc màu xám 362  
thiếu màu sắc 364  
trang trắng 360  
trang trống 360  
văn bản hoặc hình ảnh bị cắt  
bỏ 367  
đường kẻ dọc màu trắng 371  
đường kẻ ngang màu  
trắng 370  
sự cố chất lượng màu  
bản in bị nhuộm màu 429  
Câu hỏi thường gặp về in  
màu 428  
sự cố in  
in chậm 374  
không thể đọc ổ flash 375  
lệnh in không in 373  
lệnh in trên giấy không phù  
hợp 373  
lệnh in từ khay sai 373  
máy in không phản hồi 374  
trang bị kẹt giấy không được in  
lại 427  
sự cố nạp giấy  
giấy thường xuyên bị kẹt 427  
in theo bộ không hoạt  
động 426  
liên kết khay không hoạt  
động 427  
phong bì bị dán kín khi in 426

sự cố tùy chọn máy in  
cổng giải pháp nội bộ 423  
thẻ giao diện nối tiếp 424  
thẻ giao diện song song 424  
sự cố tùy chọn phần cứng  
không thể phát hiện tùy chọn  
nội bộ 423

**T**

tái chế sản phẩm 430  
tài liệu, in  
từ máy tính 235  
thanh dẫn hướng khổ giấy  
thay thế 318  
Thay hộp mực, khu vực máy in  
không khớp 424  
thay thế bộ phận  
bộ đỡ hộp ghim 340  
bộ chèn khay 317  
bộ sấy 314  
hộp đục lỗ 324  
khay mở rộng ngăn giấy trên  
của bộ hoàn thiện tập  
sách 322  
ngăn giấy chuẩn 325  
nắp bên phải 329  
nắp khay 320  
nắp quạt 327  
nắp đầu nối vận chuyển  
giấy 330  
thanh dẫn hướng khổ giấy 318  
thay vật tư  
bộ quang màu 305  
hộp ghim 332, 335, 337  
hộp mực 296  
hộp mực thải 312  
hộp quang đen 298  
thay đổi  
thay đổi 228  
thay đổi cài đặt cổng máy in sau  
khi cài đặt ISP 228  
thay đổi hình nền 59  
thêm máy in vào máy tính 81  
thêm nhóm 61  
thêm tùy chọn phần cứng  
trong trình điều khiển in 83  
thêm địa chỉ liên hệ 61  
thiết bị di động  
in từ 235, 236  
thiết lập cảnh báo email 292  
thiết lập cấu hình thông báo vật  
tư 292

thiết lập cấu hình Wi-Fi Direct 230  
 thiết lập cổng USB 375  
 thiết lập in nối tiếp 232  
 thiết lập khổ giấy 67  
 thiết lập loại giấy 67  
 Thiết lập Wi-Fi bảo mật mạng không dây 229  
 thiếu màu sắc 364  
 thông báo 432, 433, 435, 436  
 thông báo của máy in  
   Không đủ dung lượng trống trong bộ nhớ flash để chứa tài nguyên 424  
    nạp lại hộp mực chuẩn 425  
   Thay hộp mực, khu vực máy in không khớp 424  
   Vật tư không phải của Lexmark 425  
   đã phát hiện bộ nhớ flash bị lỗi 424  
 thông báo FCC 436  
 thông báo lỗi 349  
 thông báo phát thải 432, 436  
 thông báo vật tư  
   thiết lập cấu hình 292  
 thông tin an toàn 6, 7  
 thấu kính đầu in vệ sinh 342  
 thẻ phần mềm cơ sở 56  
 tìm thông tin về máy in 8  
 tình trạng máy in 13  
 trang bị kẹt giấy không được in lại 427  
 Trang cài đặt menu in 287  
 trang in, xem 293  
 Trang kiểm tra chất lượng bản in 286  
 trang phân cách đặt 239  
 trang trắng 360  
 trang trống 360  
 tránh kẹt giấy 375  
 trình điều khiển in  
   lắp 81  
   thêm tùy chọn phần cứng 83  
 trạng thái của các bộ phận máy in  
   kiểm tra 292  
 trạng thái máy in 13

trạng thái vật tư  
   kiểm tra 292  
 trọng lượng giấy  
   được hỗ trợ 51  
 trọng lượng giấy được hỗ trợ 51  
 Tùy chỉnh hiển thị sử dụng 59  
 tùy chỉnh khổ giấy 67  
 tùy chỉnh màn hình 59  
 tùy chọn nội bộ 56  
   đầu đọc thẻ 224  
   ổ lưu trữ thông minh 214  
 tùy chọn phần cứng  
   bộ hoàn thiện dập ghim 116  
   bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ 145, 159  
   bộ hoàn thiện tập sách 193  
   bộ phận vận chuyển giấy 145  
 khay 1500 tờ 110  
 khay 2 x 550 tờ 91  
 khay 550 tờ 85  
 khay song song 2000 tờ 97  
 lắp 126  
 tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy 131, 159, 193  
 xoay 104  
 tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy  
   lắp 131, 159, 193  
   sử dụng 291  
 tạo dấu trang 60  
 tạo tập sách 290  
 tập tin cấu hình  
   nhập 82  
   xuất 82

## V

văn bản bị cắt bỏ trong bản in 367  
 vật liệu bao bì 430  
 vật tư của bên thứ ba 425  
 Vật tư không phải của Lexmark 425  
 vật tư, bảo quản 347  
 vệ sinh kính đầu in 342  
 vệ sinh màn hình cảm ứng 342  
 vệ sinh máy in 341

## W

Wi-Fi Direct  
   in từ thiết bị di động 236  
   thiết lập cấu hình 230

## X

xác định vị trí kẹt giấy 376  
 xem báo cáo và nhật ký 293  
 xóa  
   bộ nhớ bất biến 233  
   bộ nhớ khả biến 233  
   bộ nhớ máy in 233  
   đĩa cứng 233  
   ổ lưu trữ 233  
   ổ lưu trữ thông minh 233  
 xóa bộ nhớ máy in 233  
 xoay  
   lắp 104  
 xuất tập tin cấu hình 82  
 xếp chồng offset 289  
 xử lý kẹt giấy  
   khay 2 x 550 tờ 381  
   ngăn giấy chuẩn 388  
   trong bộ hoàn thiện dập ghim 388  
   trong bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ 393  
   trong bộ hoàn thiện tập sách 404  
   trong bộ sấy 384  
   trong bộ đảo mặt 384  
   trong khay 1500 tờ 383  
   trong khay 550 tờ 379  
   trong khay nạp giấy đa năng 380  
   trong khay song song 2000 tờ 383  
   trong khay tiêu chuẩn 378  
   trong tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy 390

## Đ

đèn chỉ báo 13  
 điều chỉnh âm lượng loa 67  
 điều chỉnh âm lượng tai nghe 67  
 điều chỉnh tốc độ nói  
   Hướng dẫn bằng giọng nói 67  
 điều chỉnh đầu ra màu 427  
 điều chỉnh độ sáng 346  
 điều chỉnh độ tối của mực 239

điều hướng màn hình  
bảng cử chỉ 62  
đĩa cứng 56  
xóa 233  
đường kẻ dọc màu trắng 371  
đường kẻ ngang màu trắng 370  
đầu đọc thẻ  
lắp 224  
đặc điểm giấy 14  
đặt lại  
bộ đếm mức sử dụng vật  
tư 425  
đặt lại bộ đếm mức sử dụng vật  
tư 341  
đặt lại bộ đếm sử dụng vật  
tư 425  
đặt mua vật tư  
bộ bảo trì bộ sấy 295  
bộ quang màu 295  
hộp ghim 295  
hộp mực 294  
hộp mực thải 295  
hộp quang đen 295  
đặt trang phân cách 239  
định vị khe bảo mật 13  
định vị khu vực kẹt giấy 376  
đồng màu 366  
độ sáng màn hình  
điều chỉnh 346  
độ tối của mực  
điều chỉnh 239  
độ ẩm xung quanh máy in 434

## Ổ

ổ cắm dây nguồn 58  
ổ flash được hỗ trợ 55  
ổ flash, in từ 236  
ổ lưu trữ  
xóa 233  
ổ lưu trữ thông minh 56, 233  
lắp 214  
xóa 233  
ổ lưu trữ đĩa cứng 233

## Ứ

ứng dụng được hỗ trợ 55